



NHỮNG SỰ THẬT CHIẾN TRANH VIỆT NAM 1954–1975

**TRUNG TƯỚNG NGUYỄN VĂN TOÀN
ĐẠI TÁ LÊ BÁ KHIẾU
TIẾN SĨ NGUYỄN VĂN**

những sự thật
chiến tranh việt nam 1954-1975

những sự thật chiến tranh
việt nam 1954-1975
nguyễn văn toàn - lê bá khiếu -
nguyễn văn

bìa: *Midway Press*

trình bày: *Midway Press*, hình bìa **tư liệu**

nguồn: **internet**

ấn hành: *Anywhere*

Copyright © 2003 by lê bá khiếu

những sự thật
chiến tranh việt nam 1954-1975
trung tướng nguyên văn toàn
đại tá lê bá khiếu
tiến sĩ nguyên văn

Tiểu sử Trung Tướng Nguyễn Văn Toàn



Sinh ngày 10 tháng 6 năm 1932, tại Huế, Việt Nam

1974-1975 Trung Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn III/ QK III

Chỉ Huy Trưởng Thiết Giáp Binh VNCH

1972-1974 Thiếu Tướng - Trung Tướng, Tư Lệnh Quân Đoàn II/ QK II

Chỉ Huy Trưởng Thiết Giáp Binh VNCH

1968-1972 Chuẩn Tướng - Thiếu Tướng, Tư Lệnh Sư Đoàn 2 BB

1966-1968 Đại Tá, Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 1 BB - Tư Lệnh Sư Đoàn 2 BB

1963-1966 Trung Tá, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn Thiết Giáp

1961-1963 Thiếu Tá Chỉ Huy Trưởng Trường Thiết Giáp QLVNCH

1956-1961 Đại Úy, Chi Đoàn Trưởng, Thiết Đoàn Phó, Th. Đoàn Trưởng

1954-1956 Trung Úy, Chi Đoàn Phó Chi Đoàn Thiết Giáp

1952-1954 Thiếu Úy, Chi Đội Trưởng Chi Đội Thiết Giáp

1950-1952 Sinh Viên Sĩ Quan, Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt

Các khóa huấn luyện

1961-1962 Khóa Chống Nổi Loạn Và Tham Mưu Đặc Biệt Fort Bragg, Hoa Kỳ

1958 Khóa Thiết Giáp Cao Cấp Fort Knox, Hoa Kỳ

1956 Khóa Cao Cấp Thiết Giáp Saumur, Pháp

Huy chương:

* Đệ Nhị Đảng Bảo Quốc Huân Chương

* 30 Anh Dũng Bội Tinh các loại

* 2 Anh Dũng Bội Tinh Sao Bạc, Hoa Kỳ

Lê Bá Khiếu
Đại Tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa



Sinh ngày 26 tháng 10 năm 1934, tại Huế, Việt Nam
Xuất thân Khóa Cương Quyết, Thủ Đức
Thiếu Úy 1 tháng 10 năm 1954
Đại Tá 1 tháng 2 năm 1970

lời nói đầu

Lời đầu tiên thưa với độc giả là cuốn sách này không nhằm mục đích tâng bốc, tô son điểm phấn, và ngược lại cũng không chủ trương chà đạp, bôi bẩn một cá nhân, đoàn thể, đảng phái nào. Hay dở, tốt xấu, đúng sai, tùy theo cái nhìn của cá nhân, chúng tôi chỉ muốn ngược dòng lịch sử để tìm kiếm, rồi trình bày những sự kiện do những sách vở khác, hoặc chính chúng tôi là chứng nhân, theo lập luận *chủ quan*. Danh từ *khách quan* không hiện hữu trong nhận định của chúng tôi, vì kiến thức của mỗi cá nhân, tài liệu chọn lựa,... chính là cái kính lọc khiến cho *cái nhìn, dù muốn dù không, ít hay nhiều, cũng mang tính chất chủ quan*.

Thứ hai, những dữ kiện trình bày trong sách này không mang tính chất ngụy tạo, tưởng tượng. Ngụy tạo và tưởng tượng là những công cụ người ta thường dùng để thực hiện những thủ đoạn đen tối, bóp méo sự thật, tôn sùng,

thần thánh hóa cá nhân yêu thích, hoặc bôi bẩn kẻ thù nghịch. Chúng tôi khẳng định không làm việc này. Thái độ đi tìm *sự thật lịch sử* không cho phép chúng tôi tự phản lại với chính mục tiêu của mình, mặc dầu đó chỉ là *sự thật chủ quan* (không có sự thật khách quan).

Sở dĩ phải trình bày như vậy, là vì, phải hiểu rằng, mỗi cấp độ (level) thu thập những dữ kiện (data) khác nhau (đôi khi ngược lại với nhau), thời điểm hành sự dữ kiện khác nhau, và bên cạnh đó còn những dữ kiện chưa hoặc không được phổ biến, hoặc cố tình ngụy tạo.

Thứ ba, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung của quyển sách. Những tài liệu sử dụng sẽ ghi rõ xuất xứ, nhưng chúng tôi rất tiếc đã không thể liên lạc để xin phép tác giả trích dẫn. Chúng tôi có thể làm cho một số độc giả không hài lòng, điều này khó tránh khỏi, xin quý vị niệm tình bỏ qua. Mỗi người mỗi ý, làm sao thỏa mãn hết mọi tấm lòng

Sau cùng, chúng tôi hoàn thành quyển sách này không dựa trên nền tảng tình cảm thương yêu hay hận thù thường làm cho những nhận xét không còn sáng suốt, ít nhất là trong ý nghĩa giới hạn tương đối. Nguyên vọng duy nhất của chúng tôi khi thực hiện quyển sách này là mong trình bày những sự thật lịch sử, để chuyển đạt lại cho thế hệ tiếp nối trong và ngoài nước (dĩ nhiên, qua nhận định chủ quan của chúng tôi dựa trên những tài liệu tham khảo) hiểu rõ được những *nguyên nhân sâu xa và bản chất của cuộc chiến ý thức hệ 1954-1975*, bao gồm những lỗi lầm của thế hệ trước để rút tĩa kinh nghiệm, và quan trọng hơn hết, là nhận thức được vấn đề nào là trở ngại chính trong

hiện tại cho sự phát triển và tồn vong của dân tộc, để họ có thể tiếp nối thế hệ trước, hoàn thành sứ mạng giữ nước và dựng nước. Đối với quý vị thuộc thế hệ đã ít hay nhiều, trực tiếp hay gián tiếp, tham gia vào cuộc chiến, xin kiểm nghiệm lại những sự kiện lịch sử, để có những nhận định, phát biểu, hành động tạo phúc lợi cho dân tộc Việt Nam, bù đắp lại những lỗi lầm phạm phải trong quá khứ. Đồ tể buồng đao cũng thành Phật.

Sau khi CSVN cưỡng chiếm miền Nam VN vào tháng Tư năm 1975, chúng tôi là một trong những người buộc phải chấp nhận lìa bỏ quê cha đất tổ để sống cuộc sống lưu đầy. Kể từ khi đặt chân đến trại tỵ nạn trên đảo Guam năm 1975 cho đến nay (năm 2002), chúng tôi đã và vẫn xem cuộc chiến tranh ý thức hệ giữa Tự Do, Dân-chủ và Cộng Sản tại VN chưa chấm dứt. Cuộc tranh đấu cho Tự Do và Dân-chủ này chỉ thay hình, đổi dạng trên hiện tượng, nhưng bản chất không hề thay đổi. Trước năm 1975, cuộc chiến tranh này là cuộc chiến bảo vệ miền Nam, bởi nhân dân miền Nam, và kể từ sau năm 1975, nó trở thành cuộc tranh đấu nhằm giải phóng toàn thể đất nước bởi toàn thể nhân dân hai miền. Ngày nào Đảng CSVN vẫn còn tuyên bố trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin, và ngày nào mà dân tộc VN chưa hưởng được quyền làm người, sống trong một xã hội có Tự Do, Dân-chủ, vấn đề đấu tranh vẫn chưa dứt. Chúng tôi đã đi đến nhiều nơi, các tiểu bang Hoa Kỳ, qua Âu Châu ..., để tìm gặp bạn bè, thượng cấp, cũng như những anh em cùng làm việc trước kia (đa số là quân nhân), các cố vấn Hoa Kỳ..., để tham khảo hoặc tham gia vào những tổ chức của

người Việt, mong cùng nhau tìm phương thức *giải phóng quê hương* theo ý nghĩa đích thực của nó.

Chúng tôi đã không e ngại hay mặc cảm về sự chọn lựa dẫn thân vào làm chuyện gọi là đội đá vá trời này như hầu hết những người chung quanh đều nghĩ như vậy. Chúng tôi chỉ tự nhủ thầm, mình không thể nào quên trách nhiệm của một người dân đối với Tổ Quốc và Dân Tộc đã cứu mang mình. Chúng tôi đã có nợ với các chiến hữu, những anh em đã cùng với mình chiến đấu trong hai thập niên qua để mưu cầu một nền Dân-chủ, Tự do cho nước VN, những anh em hoặc đã nằm xuống, hoặc bị tù đầy trong trại tù CS, hoặc còn sống nhưng mang thân thể tật nguyền. Chúng tôi không thể nào an tâm kéo dài cuộc sống vô nghĩa nơi vùng đất tạm dung này khi mà dân Việt hầy còn nghèo đói và nhất là vẫn chưa được sống trong một xã hội Tự Do, Dân-chủ. Có thể một số độc giả cười mỉa mai những lời chúng tôi vừa nói, nhưng chúng tôi phải chân thành với lòng mình. Chúng tôi tâm niệm rằng *không tận nhân lực, sao biết được thiên mạng. Nhất là ngày nay, toàn dân Việt-Nam, không kể trong hay ngoài nước, chỉ có một kẻ thù chung: Đảng Cộng Sản Việt-nam.*

Người Do Thái, trước năm thành lập nước Do Thái (Israel) 1948, khi gặp nhau, họ thường nhắc nhở nhau đến một ngày về miền đất hứa để thành lập quốc gia bằng câu nói *hẹn gặp nhau tại Jerusalem* (thánh tích và ngày nay là thủ phủ). Chúng ta cũng phải truyền cho nhau, và cho thế hệ tiếp nối, câu *hẹn gặp nhau tại Sài Gòn hay Hà Nội*. Chúng ta chỉ có thể gặp nhau tại Sài Gòn hay Hà Nội khi nào không còn CS trên đất nước VN. Cho nên, câu

nói này nhằm nhắc nhở chúng ta không thể quên trách nhiệm phải tranh đấu cho một VN Tự Do, Dân-chủ. Cao trào tranh đấu cho Tự Do Dân-chủ đang dần dần dâng mạnh lên trong giới cán bộ Cộng Sản bị lừa gạt, thúc tỉnh, và nhất là giới trẻ VN sau nhiều thập niên bị bịt mắt, bịt tai, bịt miệng, và lịch sử cận đại bị che đậy, bóp méo, dàn dựng theo khuôn khổ của Đảng CS. Cao trào đấu tranh này là dấu hiệu của ánh sáng sau đường hầm hơn hai thập niên qua.

Một câu nói được nổi danh khác của người Do Thái là *Vinh dự thay những người hy sinh cho Tổ Quốc, Hạnh Phúc thay những người có Tổ Quốc để hy sinh*. Thật đau buồn, vì chúng tôi không biết có còn cơ hội để tiếp tục có được cái vinh dự hy sinh cho Tổ Quốc. Chúng tôi cảm thấy xót thương cho chính mình, khi chợt nhận rằng kể từ nay, chúng tôi cũng đã mất đi niềm hạnh phúc của một người có Tổ Quốc để hy sinh. Nước mất, nhà tan rồi còn đâu!

Cùng đã có những cuộc đối thoại về hai chữ *mất nước*. Có người cho rằng hai chữ Việt-nam vẫn còn được người Việt và các quốc gia thế giới gọi tên cho mảnh đất hình chữ S trải dài từ biển Hải Nam cho đến vịnh Thái Lan (nay không còn là từ ải Nam Quan cho đến Mũi Cà Mau) sao lại gọi là mất nước? Nhưng, đối với chúng tôi, và một số người Việt khác (hoặc bỏ nước ra đi hoặc còn ở lại nhưng bị xem là thù địch), đất nước Việt-nam đã bị một số *người Việt biến chất thành Cộng Sản* chiếm đoạt. Một số người chỉ nhìn hiện tượng bề ngoài nên không hiểu được nghĩa của hai chữ mất nước (quốc gia). Quốc gia là nơi qui tụ của những người cùng có một nền văn hóa như nhau.

Cho nên, nếu nhìn sâu vào bản chất, yếu tố văn hóa sẽ nói rõ ý nghĩa của hai chữ mất nước. Tại Việt-nam, văn hóa Mác-lê đã, đang và còn dự phóng tiếp tục hủy diệt hoàn toàn văn hóa Việt-nam. Những ngòi không chấp nhận chủ nghĩa Mác-lê, phải từ bỏ mảnh đất mà họ đã được sinh ra và lớn lên, để ra đi, phải chăng trong trái tim của họ, đó là một sự mất mát lớn lao hay chăng?! Có lẽ, ý nghĩa của chữ *mất nước* sẽ thâm thúy, đơn giản và rõ nghĩa hơn, khi lấy hình ảnh thu hẹp lại của một gia đình đã bị một đứa con bỏ nhà ra đi theo giặc cướp, rồi trở về chém giết thân tộc, chiếm đoạt và làm chủ ngôi nhà. Một số thân tộc phải cao bay xa chạy, một số còn ở lại ngôi nhà, nhưng chỉ đóng vai trò tôi tớ. Vàng, nhà vẫn còn đó, nhưng gia chủ đổi tên, và vì bề ngoài, thân xác của chủ mới vẫn là giòng giống Việt nên khiến cho người ngoại cuộc hoặc kẻ vô tâm, khó cảm nhận được hai chữ mất nhà, hay nói rộng hơn, *mất nước*.

Đối với chúng tôi, thật sự đất nước mà tổ tiên đã bao năm gây dựng nay không còn nữa. Sao còn có thể gọi là đất nước của mình khi mình không có toàn quyền Tự Do trở về, đi thăm khắp nẻo đường đất nước, tự do thăm Hà Nội 36 phố phường, Huế với lăng tẩm của những vị vua đã dựng nước, Nha Trang với những con sóng vỗ vào bãi biển dài cát trắng, Đà Lạt sương mù với thác, hồ, đồi thông thơ mộng, Sài Gòn hòn ngọc Viễn Đông, miền Tây với những đồng lúa xanh ngát ngút ngàn, và đầy đầy những dòng sông êm đềm uốn khúc quanh co? Ngày nay, vận mạng của người dân không còn do chính mình định đoạt, sao có thể gọi là không mất nước? Nếu muốn nói nước Việt-nam vẫn còn, vàng, nó vẫn

còn đối với những kẻ thống trị, Đảng Cộng Sản Việt-nam. Đảng thống trị độc tôn sẽ trả lời rằng đã có nhiều người ra đi trước kia, nay họ “được phép” thênh thang trở về, có sao đâu? Xin đừng so sánh. Đó là quyền của những người ấy, tùy thuộc quan niệm sống, suy tư, và tình cảm của mỗi cá nhân. Riêng chúng tôi, xin khẳng định rằng, nếu đất nước VN chưa có được một nền Tự Do, Dân-chủ, xin gởi tấm thân cát bụi này nơi vùng đất tạm dung, đau lòng chấp nhận mình đã mất nước VN thân yêu.

Kể từ sau tháng Tư, năm 1975, cho đến trước khi bức tường Bá linh sụp đổ, đa số người Việt chúng ta cho rằng nước nào đã bị Cộng sản chiếm thì sẽ không bao giờ lấy lại được, hoặc lý luận rằng chúng ta có thể làm gì được khi mà trước kia chúng ta có cả triệu quân, súng ống đầy đủ vẫn không giữ nổi miền Nam Việt-Nam,... Chúng tôi và một số anh em đã phải đi từ thành phố này sang thành phố nọ, từ Tiểu Bang này sang Tiểu Bang kia, từ Hoa Kỳ đến Âu Châu..., trình bày *Thế Tắt Thắng*, hầu cố thuyết phục người Việt chúng ta rằng, sau khi cưỡng chiếm được miền Nam, Đảng Cộng Sản Việt-Nam đã để lộ chân tướng cho nhân dân Việt-Nam (cả Nam lẫn Bắc), và thế giới, hiểu rõ bản chất tàn bạo của họ, khi trí óc họ đã hấp thụ, và nhuộm hồng bởi chủ nghĩa Mác-lênin. Nói theo Vũ Thư Hiên, *trong sự tha hóa của người Cộng Sản, chính chủ thuyết mà họ theo, đã là tác nhân nhào nặn con người của họ thành tàn bạo, [Đêm Giữa Ban Ngày, Vũ Thư Hiên, trang 11] như vậy. Dưới mắt người Cộng Sản Việt-nam, ngoại trừ tập thể đảng viên (một số đảng viên vẫn bị thanh trừng đẫm máu như trong cuộc Cải Cách Ruộng Đất và chính đốn tổ*

chúc năm 1956), tất cả những người dân Việt khác chỉ là công cụ để họ sử dụng, hoặc là kẻ thù họ cần phải tiêu diệt. Kẻ, ngày hôm nay bị gọi là có nợ máu với nhân dân, chạy theo đế quốc, ngày mai, được đổi danh xuống là khúc *ruột ngàn dặm, Việt kiều yêu nước...*

Giờ đây, đồng bào Nam, Bắc VN đã có sự so sánh thực tiễn hai chế độ mà họ đã sống qua, không còn bị che đậy, tuyên truyền. Họ đang chờ đợi sự yểm trợ của người Việt hải ngoại (yếu tố nội tại) để có thể tháo gỡ cái gông cùm CS. Về yếu tố ngoại lai, khối CS yểm trợ cho Bắc Việt nay chỉ còn, nếu có, quan thầy Trung Hoa của họ mà thôi. Các quốc gia khác trên thế giới không còn có cảm tình với họ nữa. Đó là những yếu tố căn bản, là nền móng vững chãi nhất để chúng ta có thể tin tưởng mà cùng nhau hợp lực lật đổ bạo quyền CSVN

Tuy nhiên, sự kết hợp tại hải ngoại thật khó khăn. Ngay cả giữa những anh em đã đồng quan điểm với nhau rằng, một ngày nào đó, CS phải tan rã (vì lịch sử đã cho biết, không có bạo quyền nào có thể tồn tại muôn đời). Nhưng, vì những biến chuyển của hoàn cảnh lịch sử trong quá khứ, từ thời thực dân cho đến năm 1975, nhất là trong khoảng thời gian từ năm 1954 đến năm 1975, vì những thay đổi lãnh đạo (đào chánh liên miên,) vì những quyền lực tôn giáo ảnh hưởng đến chính trị (Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Hòa Hảo, Cao Đài) và quan trọng hơn nữa, CSVN vẫn tiếp tục mở những chiến dịch tuyên vận nhằm lung đoạn, đánh phá Cộng Đồng người Việt hải ngoại, khiến đa số anh em trong cùng chiến tuyến VNCH trước kia, quân sự cũng như dân sự, trở thành, nếu không là kẻ thù, cũng không

thể nào sát cánh với nhau thành một tổ chức lớn mạnh để lo việc giải phóng đất nước được. Bức tường Bá Linh sụp đổ, nước Nga và Đông Âu lần lượt từ bỏ chủ nghĩa CS, tập thể người Việt hải ngoại vẫn chưa sẵn sàng để giúp nhân dân tại VN lật đổ bạo quyền CS. Một cơ may (Thiên Thời) đã đi qua!

Kể từ năm 1975, thời gian trên một phần tư thế kỷ đã qua đi, và thế giới bước vào thiên niên kỷ 2000, nhìn lại, nước Việt-nam vẫn được xem là một trại giam khổng lồ, không thể nào phát triển kinh tế nổi. Đảng Cộng Sản Việt-nam vẫn còn trong cơn ác mộng, lo sợ bị lật đổ, cho nên hệ thống kìm kẹp vẫn còn tồn tại với công an khóm, công an phường, công an khu vực, công an chìm, nổi... Có lẽ vài câu thơ sau đây của Nguyễn Chí Thiện (thi sĩ miền Bắc) mô tả một phần nào cuộc sống của người dân dưới thiên đảng CS

*... Ôi từ buổi đảng về làm chủ
 Khổ nhục chất chồng không thể đo cân!
 Cụ Mác ơi, mĩa mai và quá đủ!
 Con chuột mà có dịp tháo thân
 Cũng ba cẳng bốn chân
 Chạy khỏi cái thiên đảng của Cụ!
 (Từ buổi Đảng về, 1967)*

chương I. việt nam trong thời kỳ pháp đô hộ - 1884-1945

Mục đích của quyển sách này không phải nhằm soạn ra quyển sử Việt-nam cận đại. Sở dĩ, phải lướt qua bối cảnh chống Pháp, chúng tôi chỉ muốn nêu lên rằng dân tộc Việt-nam vẫn có thể tồn tại và phát triển bên cạnh một nước Trung Hoa to lớn lúc nào cũng nuôi ý đồ xâm lăng các dân tộc nhược tiểu, bởi vì, qua dòng lịch sử, *mọi tầng lớp nhân dân Việt-nam* (ngay cả những người bị bắt buộc phải đi lính cho thực dân pháp (*2 Thành phần quân sự nòng cốt của Quốc Dân Đảng trong cuộc tổng khởi nghĩa đa số là người Việt đi lính cho Pháp.) lúc nào cũng sẵn sàng hy sinh tính mạng cho đất nước. Vì vậy, bất cứ đoàn thể chính trị hay đảng phái nào, cũng không có thể vô ngục, xưng danh, độc quyền yêu nước. Cho đến năm 1945, các vua nhà Nguyễn cho đến thời kỳ Bảo Đại tùy theo tính chất của mỗi vị, đã tranh đấu chống Pháp

bằng những hình thức hoặc tích cực hay tiêu cực, các đảng phái chính trị như Quốc Dân Đảng, Đại Việt..., trong đó có Đảng Cộng Sản Việt-nam, các lực lượng Giáo phái, các nhà trí thức nổi danh như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu..., mỗi nhóm và mỗi người, đã chống Pháp theo phương thức riêng của họ. Bởi vậy, nếu trong quá khứ, những ai, hoặc đoàn thể đảng phái chính trị nào, đã lợi dụng lòng yêu nước của mọi tầng lớp nhân dân Việt-nam trong cuộc chiến chống Pháp để rồi dành lấy công trạng cho riêng mình, giết chóc, tù đầy kẻ khác, ngày nay, họ hãy trả nợ lại cho dân tộc Việt, bằng cách xây dựng một nước Việt-nam Tự Do, Dân-Chủ và phú cường.

Pháp xâm chiếm Việt-nam

Đầu năm 1847, vào thời Thiệu Trị, hải quân trung tá Rigault De Genouilly theo lệnh của Hải Quân Đại Tá Lapierre mang chiếc La Victorieuse vào Đà Nẵng dâng thu phản kháng việc giết hại giáo sĩ và giáo đồ, đồng thời yêu cầu nhà vua nên noi gương Trung Hoa cho họ được tự do truyền giáo. Phái đoàn Pháp đang đợi trả lời, lại thấy các đồn lũy VN tăng cường binh sĩ nên sinh nghi và nổ súng vào các chiến thuyền của VN. Chiến hạm Pháp nhỏ neo bỏ đi, sau khi tiêu diệt hết các chiến thuyền VN. Trận chiến nhỏ này mở đầu công cuộc dần dần tiến chiếm VN.

Phải chăng lý do chính mà nước pháp tiến chiếm VN là vì vấn đề truyền giáo, và để bảo vệ các giáo sĩ và giáo dân? Không phải vậy. Pháp tiến chiếm VN vì nước VN có một *vị trí chiến lược quan trọng* cho việc giao thông quân sự, kinh tế, và có *tài nguyên thiên nhiên phong phú*. Nhiều nhà viết

sử VN cho rằng Nhật Bản đã khôn khéo mở cửa cho Tây Phương vào truyền giáo tự do, cho nên Nhật Bản tiến bộ nhanh chóng. Luận cứ này không đúng. Trung Hoa mở cửa cho người ngoại quốc vào nhưng vẫn bị liệt cường xâm xé. Thật sự, nước Nhật chỉ là một hòn đảo không thuộc diện chiến lược và chẳng có tài nguyên thiên nhiên phong phú, nên đã không bị Tây Phương xâm chiếm. Không chiến tranh, nước Nhật tự do học hỏi và phát triển trong suốt khoảng nửa thế kỷ để bắt kịp người Tây Phương.

Ngày 4.11.1847, vua Thiệu Trị băng hà, vua Tự Đức lên thay. Ngày 26.9.1856, tàu Catinat của Pháp do Hải Quân Đại Tá Lelieur De Ville-sur-Arc bắn phá các đồn lũy VN tại Sơn Trà [Đà Nẵng]. Sau đó, một đại đội đổ bộ vào các hải đài, quăng các thùng thuốc súng xuống biển và khóa các khẩu súng lại.

Mặc dù, việc vua VN có lúc ra lệnh giết giáo sĩ và giáo dân, lấy có những người này làm gián điệp cho Pháp, và bên cạnh đó, cũng xảy ra các phong trào nhân dân nổi dậy giết những người theo Thiên Chúa Giáo, tuy nhiên, đó cũng chỉ là nguyên nhân gần, chứ không phải nguyên nhân sâu xa để Pháp chiếm VN. Tại Ba Lê, một Ủy Ban nghiên cứu vấn đề VN do Nam Tước Brenier làm chủ tịch trong một buổi họp từ ngày 28.4.1857 đến 18.5.1857 đã đưa ra quyết định đánh chiếm VN. Sự kiện này chứng tỏ Pháp tiến đánh VN không phải vì vấn đề tự do truyền giáo.

Ngày 1.9.1858, Phó Đề Đốc Rigault De Genouilly, với sự trợ giúp của Tây Ban Nha, đã kéo đoàn chiến thuyền, chở theo hai tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến đánh chiếm Đà Nẵng. Ngày 9.2.1859, Pháp và Tây Ban Nha bắt đầu tiến

vào Vũng Tàu, tiến đánh Gia Định. Ngày 24.2.1861, Pháp đánh thành Chí Hòa, ngày 14.4.1861 lấy Định Tường, ngày 16.12.1861 chiếm Biên Hòa, ngày 7.1.1862 chiếm vùng Bà Rịa, ngày 23.3.1862 chiếm Vĩnh Long. **Hòa ước Nhâm Tuất ngày 5.6.1862** giữa Pháp và triều đình Huế gồm 12 điểm với nội dung: VN cho phép Pháp và Tây Ban Nha vào giảng đạo, giao ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ gồm *Biên Hòa, Định Tường, Gia Định*, và *đảo Côn Lôn* cho Pháp quản hạt. Tiếp theo đó Pháp tiến đánh chiếm toàn bộ lãnh thổ Nam Kỳ, và đặt nền hành chánh cai trị. Cũng từ đó, những cuộc nổi dậy của dân chúng, những cuộc phát cờ kháng chiến chống Pháp khởi đầu khắp nơi. Tinh thần yêu nước của dân tộc VN đã ghi rõ qua hàng ngàn năm chống lại sự đô hộ của Trung Hoa.

Năm 1872, mượn cớ cần mở đường thủy qua sông Hồng để giao thương với Vân Nam, Jean Dupuis khai chiến với quan quân VN để đánh chiếm Bắc Kỳ. Cần mở đường giao thương là nguyên nhân gần, và chiếm Bắc Kỳ là nguyên nhân sâu xa. Đến tháng 12.1873, Francis Garnier đã chiếm được bốn tỉnh lớn của Bắc Kỳ là Hưng Yên, Hải Dương, Ninh Bình và Nam Định với cái giá chính sinh mạng của ông ta dưới tay quân Cờ Đen.

Triều đình Huế phải ký với Pháp ký **Hòa ước Giáp Tuất năm 1874** gồm 22 điều khoản, trong đó, chánh thức nhận sự bảo hộ của Pháp, và ngược lại, Pháp hứa giúp VN giữ gìn an ninh, phát triển xứ sở, cả quân sự lẫn hành chánh, và mở trường học khai thông dân trí. Cũng như tại Nam Kỳ, mặc dầu triều đình hòa hoãn với Pháp để ký Hòa ước Giáp Tuất, các văn thân sĩ phu VN tự động nổi lên giết giáo dân

và chống Pháp. Pháp đánh chiếm Hà Nội lần thứ hai và cử Tôn Thất Bá làm quyền Tổng Đốc Hà Nội ngày 29.4.1882. Pháp tiếp tục tiến chiếm Hòn Gay (12.3.1883), Nam Định (2.4.1883). Cuộc chiến tại Bắc Kỳ thật gay go. Sau này, Pháp phải ký *Hòa ước Thiên Tân* 1884 với Tàu, để tránh sự can thiệp của quốc gia này vào Bắc Kỳ để dễ bề thôn tính.

Pháp tập trung lực lượng tiến đánh Trung Kỳ. **Ngày 25.8.1883 ký Hòa ước Quý Mùi**, trong đó Pháp cắt đứt quyền ngoại giao trực tiếp giữa triều đình Huế với các quốc gia khác. Hòa ước Patenôtre hay còn gọi là ***Hòa ước Giáp Thân ký vào cuối tháng 5.1884 đánh dấu giai đoạn cuối cùng của sự xâm lăng của Pháp vào Việt Nam***, và đặt VN dưới sự bảo hộ của Pháp. Triều đình Huế chỉ còn hư vị mà thôi. VN bị chia làm ba xứ Nam Kỳ (thuộc địa), Trung Kỳ, và Bắc Kỳ (bảo hộ,) mỗi Kỳ có một chính sách cai trị riêng như ba nước vậy.

Phong trào chống Pháp và phong trào Cần Vương

Nhân dân VN không thể nào gánh chịu sự đô hộ của Pháp, và do đó, các phong trào chống Pháp nổi lên. Ngày 4.7.1885, vì không chịu được sự hống hách của tướng Pháp De Courcy, hai quan phụ chánh Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết tổ chức đánh Tòà Khâm Sứ của Pháp, làm hịch Cần Vương kêu gọi kháng chiến cứu nước. Vua Hàm Nghi lúc bấy giờ chỉ có 12 tuổi. Cuộc tập kích thất bại, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi đi trốn. Ngày 14.9.1885, Pháp lập Đồng Khánh lên ngôi vua.

Hịch Cần Vương được dân chúng và các sĩ phu hưởng ứng nhiệt liệt. Các cuộc khởi nghĩa vùng lên khắp nơi như cuộc vùng dậy ở Bãi Sậy (1885-1889) với Nguyễn Thiện

Thuật, ở Hương Khê (1895) với Phan Đình Phùng, ở Ba Đình (1886-1887) với Đinh Công Tráng, ở Hùng Lĩnh (1886-1892) với Tiến Sĩ Tống Duy Tân, ở Yên Thế (1887-1913) với Hoàng Hoa Thám... Sau nhiều năm tầm nã, mua chuộc những thành phần phản quốc, năm 1888, vua Hàm Nghi bị bắt (16 tuổi) đưa xuống tàu đi Sài Gòn, và vào trung tuần tháng 1. 1889, bị đày sang Bắc Phi.

Vào hạ bán thế kỷ XIX, trong lúc VN đang bị Pháp lấn chiếm dần dần, tại Á Châu, Trung Hoa cũng bị liệt cường xâu xé, cho nên Trung Hoa chẳng giúp được gì cho VN một cách hữu hiệu. Tháng 2, năm 1912, Phan Bội Châu và Kỳ Ngoại Hầu Cường Để có gặp nhà Cách Mạng Trung Hoa Tôn Trung Sơn. Ông ta hứa chỉ giúp đào tạo cán bộ mà thôi. Tuy nhiên, Trung Hoa được xem như là hậu cú của VN, vì VN và Trung Hoa có một biên giới chung rất dài, nên mỗi khi khởi nghĩa bị thất bại, các nhà cách mạng VN thường trốn chạy qua Trung Hoa xây dựng lại lực lượng để trở về nước tiếp tục chiến đấu.

Trong lúc đó, nhờ không bị xâm chiếm bởi Tây Phương, Nhật Bản nỗ lực học hỏi và đến thời Minh Trị Thiên Hoàng, đã được canh tân. Hai trận chiến giữa Nhật với Trung Hoa (1894-1895) và Nhật với Nga sô (1904-1905), đã làm cho thế giới nhận thấy rằng Nhật trở thành cường quốc ngang hàng với các nước Tây Phương. Một số nhà Cách Mạng VN như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh (*3: Chủ trương bất bạo động. Đề nghị sửa đổi chính sách, vạch tề nạn tham nhũng. Ông bị đày ra Côn Lôn, sau 3 năm được thả ra nhờ sự can thiệp của Hội Nhân Quyền quốc Tế và qua đời ngày 24.3.1926, hưởng thọ 55 tuổi) lúc bấy giờ cũng đã sang cầu

viện Nhật Bản, đồng thời, phát động phong trào Đông Du. Nhưng Nhật cũng chẳng giúp được gì vì Nhật đang ngầm chuẩn bị đi vào Thế Chiến. Tại đây, họ gặp Lương Khải Siêu. Lương Khải Siêu khuyến cáo là trước tiên, *nên lo khai hóa nhân dân, rèn luyện nhân tài, cơ hội cứu quốc không lo mà chỉ lo không có nhân tài để nắm lấy cơ hội, nhất là ngày Đức Pháp đánh nhau* (*4: Quân Sử, Đại Nam trang 331) Sau này, Pháp thỏa hiệp với Nhật, khiến phong trào Đông Du không còn phát triển được như lúc ban đầu. Các nhà cách mạng VN lại phải chạy sang Trung Hoa.

Lúc bấy giờ, quan niệm chống Pháp có ba khuynh hướng khác nhau được nhiều người biết đến: Quốc Gia (bạo động), Quốc Gia (cải lương) và Cộng Sản. Đại biểu của khuynh hướng *bạo động* là Phan Bội Châu khởi đầu với Quang Phục Hội, vận động sự trợ giúp của Trung Hoa và Nhật Bản thành lập tổ chức kháng chiến. Bên cạnh đó, là lực lượng của các đảng phái và Giáo Phái. Đại biểu của khuynh hướng *cải lương* là Phan Chu Trinh với chủ trương *Tân dân, đổ vua, ý Pháp cầu tiến bộ*, nghĩa là phải khai thông dân trí, bỏ chế độ quân chủ, dựa vào Pháp để tiến bộ. Bên cạnh đó, trong bóng tối, Hồ Chí Minh hoạt động cho CS Đệ Tam Quốc Tế, phát triển Đảng CS Đông Dương. (Năm 1922, Cụ Phan Chu Trinh có viết thư khuyên Hồ Chí Minh nên đi theo con đường đấu tranh bất bạo động như Gandhi và Nehru tại Ấn Độ. Dĩ nhiên, ông Hồ làm sao có thể đi con đường nào khác hơn khi ông đã tham gia vào Cộng Sản Đệ Tam Quốc Tế). Cũng nên nhấn mạnh ở đây, sự khác biệt giữa những người chủ trương cải lương như Phan Chu Trinh và những nhà trí thức như Ngô Đình Diệm, Nguyễn

An Ninh..., với những người hòa theo Pháp để hưởng bổng lộc cá nhân, và sách nhiễu dân chúng. Theo báo cáo của Jean Charles, lối tranh đấu của Phan Chu Trinh còn nguy hiểm hơn của Phan Bội Châu, vì Phan Châu Trinh tạo sự hỗn loạn trong nhóm quan lại triều đình Huế, có thể đưa đến tình trạng vô chính phủ.

Sự phân biệt này rất quan trọng, vì trong kế hoạch tuyên vận, CSVN đã gọi *tất cả* những cá nhân, tổ chức, đảng phái không chịu theo họ vào bụng tham gia Mặt Trận Việt Minh là Việt gian, là tay sai của Pháp, nhằm bôi bẩn, vô hiệu hóa sự yểm trợ của quần chúng VN, làm mất thiện cảm của nhân dân các quốc gia trên thế giới... Độc quyền yêu nước dành cho Việt minh, những người vào bụng (rùng) theo CS. Yếu tố này ảnh hưởng lớn đến thành quả ngoại giao quốc tế và sự ủng hộ của quần chúng VN qua các chính phủ Quốc gia từ Bảo Đại, Ngô Đình Diệm, cho đến Nguyễn Văn Thiệu.

Một trí thức có quan điểm đấu tranh gần giống với Phan Châu Trinh là Nguyễn An Ninh. Nguyễn An Ninh sinh năm 1900, chết tại trại tù Côn Lôn vào năm 1943. Ông Ninh rời bỏ trường Đại Học Luật ở Hà Nội ngay khi vừa mới lên năm thứ hai, để sang Pháp tiếp tục học. Tại Paris, năm 1918, ông vừa đi làm vừa đi học trong vòng ba tháng đã lấy bằng cử nhân (?) Ông trở về VN vào giữa năm 1922. Ông cho xuất bản tờ báo *La Cloche Fêlée* (Cái Chuông Rê) để kêu gọi tranh đấu cho Tự Do Dân-chủ tại VN. Ông chủ trương: ***Đối với nước Annam ngày nay, giành lại độc lập là quá sớm. Vì chúng ta chưa đủ sức gìn giữ độc lập đó và sẽ mất nó ngay hôm sau ngày chiến thắng...***

*Cho nên trước tiên, ta phải có một đội ngũ nhân tài hết lòng vì đất nước... Chúng ta phải có một **đội ngũ những người xây dựng tương lai, để tái thiết** ngôi nhà đổ nát của đại gia đình dân tộc. Chúng ta phải có những con người có khả năng cải tổ nền quốc gia giáo dục cho phù hợp với dấu ấn đặc biệt của tâm hồn dân tộc. Về phương thức đấu tranh chống Pháp, ông chủ trương: Trong điều kiện toàn bộ Châu Á đang bị đặt dưới ách đô hộ của bọn thực dân Châu Âu, chỉ có thể tiến hành một cuộc cách mạng duy nhất theo mẫu mực của Ấn Độ (*7 Tranh đấu bất bạo động, hai người nổi tiếng nhất là Gandhi và Nehru. *Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội*, Nguyễn Văn Trán, trang 456-457). Rất tiếc, ông Ninh đã chết quá sớm, khiến cho sách lược đấu tranh chống thực dân Pháp bằng phương pháp bất bạo động của ông không thể nào xiển dương được như Gandhi đã thành công tại Ấn Độ, dành độc lập từ Anh Quốc mà không tổn xương máu của nhân dân. Mặc dầu chủ trương như vậy và không theo CS, ông Ninh cũng như đa số các trí thức và dân chúng thời bấy giờ, vẫn chưa hiểu rõ bản chất của CS, nên chính ông đã giao các cơ sở do ông xây dựng cho Nguyễn Văn Tạo (Cộng Sản.)*

Mặc dầu các phong trào dân chúng nổi dậy khắp nơi với sự hy sinh vượt bậc của những nhà Cách Mạng trong phong trào Cần Vương dùng phương thức bạo động, nhưng không thâm lượm được kết quả khả quan. Không ngoại viện, vũ khí thô sơ, tổ chức quân chúng thường không được chặt chẽ, các phong trào này dần dần suy yếu hoặc bị đánh tan với sự tăng cường đàn áp, những cuộc tảo thanh bất bô, bình định của Pháp. Tranh đấu bằng phương thức cải lương cũng không làm cho Pháp nhượng bộ nhiều

trong đường lối cai trị, không thu hút được sự ủng hộ của đa số quần chúng, nhất là bị CS gán cho nhãn hiệu Việt gian, tay sai đế quốc như đã nói ở trên. Ngoài ra, dân trí không phải chỉ một sớm một chiều có thể nâng cao được, kế hoạch phải nằm trong chính sách lâu dài. Hơn nữa, đây chỉ là những nỗ lực có tính cách cá nhân, không tạo được những phong trào qui mô.

Tại Trung Kỳ, Pháp lúc nào cũng muốn có một chính phủ do một ông Vua chấp chánh. Ngày 1.11.1931, trong buổi họp với Viện Cơ Mật của triều đình Huế, Paul Raynaud (Tổng Trưởng Bộ Thuộc Địa) hứa thi hành Hòa ước 1884 và sẽ cải tổ chính phủ Nam Triều sau khi Hoàng Đế Bảo Đại về nước. Năm 1932, Bảo Đại về nước, và năm 1933, cải tổ chính phủ bằng cách thay đổi các thượng thư già bằng thượng thư trẻ, trong đó, có ông Ngô Đình Diệm được giao cho Bộ Lại và Chủ Tịch Hội Đồng Cải Cách. Pháp không cho ông Diệm cải cách gì cả theo Hòa ước 1884, nên ông Diệm từ chức sau mấy tháng nỗ lực vô ích. Đến năm 1938, Bảo Đại và Phạm Quỳnh lại cố gắng một lần nữa, sang Pháp để yêu cầu chính phủ Pháp hợp nhất Trung Kỳ, Bắc Kỳ cho đúng với Hòa ước 1884, nhưng cũng bất thành. Trên thực tế, chính phủ Nam Triều chẳng có quyền hạn gì cả.

Bước vào thế kỷ XX, các tổ chức chính trị VN đã dần dần trưởng thành. Các đảng phái ra đời với một đường lối chính trị, một hệ thống tổ chức, và một chương trình hoạt động hẳn hoi. Các tổ chức chính trị có tính cách Quốc gia Dân Tộc như Tân Việt Cách Mạng Đảng (1925,) Việt-nam Quốc Dân Đảng (1927,) Phục Quốc Quân (1940,) Đại việt

Dân Chính (1939-1940), Việt-nam Cách Mạng Đồng Minh Hội (1942,) Đại Việt Quốc Dân Đảng (1942,) Đại Việt Duy Dân (1942), ... Sau khi kết hợp, ly khai, thay danh xưng (nhất là đảng Cộng Sản Việt-nam để lừa gạt dân chúng)..., các lực lượng cách mạng có hoạt động chính trị qui mô và có lực lượng quân sự gồm: Việt Nam Quốc Dân Đảng (liên kết giữa Đại Việt và Quốc Dân Đảng), Đảng Cộng Sản Việt-nam, các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo ... Chúng tôi sẽ trình bày chi tiết về Đảng CSVN, và chỉ trình bày sơ lược các tổ chức, đảng phái khác, vì, như đã đề cập trong Lời Nói Đầu, *nguyên nhân sâu xa của cuộc chiến Quốc-Cộng tại VN là do Đảng CSVN tạo nên*. Trong cuộc chiến này, Đảng CSVN chủ động (chọn lựa đường lối CS để tiến hành chiến tranh), còn tất cả các cá nhân, tổ chức, đảng phái khác, tôn giáo,... và VNCH sau này, vì biến động tình cờ của diễn biến lịch sử quốc tế đã đi vào chiến tranh trong tu thế tự vệ, chống CS, không còn cách chọn lựa.

Việt-nam Cách Mạng Đồng Minh Hội

Phan Bội Châu là một nhà nho ở Nghệ An, đỗ cử nhân, học giỏi, văn hay, có khí phách, nhiệt tâm thương nước thương nòi. Năm 1902, Phan Bội Châu cùng với Nguyễn Thành, một kiện tướng của Cản Vương, đã được Cường Để, cháu đích tự của Vua Gia Long, nhận làm Hội Chủ. Chủ trương của ông là thiết lập một nền Quân Chủ Lập Hiến. Thấy Nhật mạnh với cuộc thắng Nga năm 1904, ông phát động phong trào Đông Du để đưa thanh niên sang Nhật học hỏi. Phan Bội Châu cũng có gặp Tôn Dật Tiên tại Nhật, và vì thế sau này ông đã được giúp đỡ khi chạy qua Trung Hoa. Trong nước, ông đã cho mở trường Đông Kinh Nghĩa Thục để rèn luyện nhân tài.

Năm 1910, Pháp ký thương ước với Nhật, yêu cầu Nhật giải tán học sinh, trục xuất hai ông Cường Để và Phan Bội Châu. Hai ông và một số học sinh chạy sang Trung Hoa. Đến năm 1912, ông thành lập Việt-Nam Quang Phục Hội, chủ trương Dân-chủ Cộng-Hòa. Năm 1913, Toàn Quyền Đông Dương là Sarraut qua Quảng Đông để trực tiếp yêu cầu bắt giam Phan Bội Châu. Ông bị giam bốn năm. Khoảng năm 1918, Pháp đã nhiều lần nhờ Phan Bá Ngọc điều đình với ông để về cộng tác, nhưng ông vẫn từ chối. Tháng 6.1925, Phan Bội Châu lại bị Pháp bắt tại Thượng Hải, đưa về nước, và bị xử án chung thân cấm cố. Toàn quyền Varenne thấy phong trào vận động ân xá nổi lên khắp nơi, nên đã tha ông về Huế. Ông qua đời năm 1940.

Theo lời ghi thuật của học giả Hoàng Văn Chí, cụ Phan bị bắt là vì ông Hồ đã bán cụ cho Pháp để lấy một số tiền là 100 ngàn đồng tiền Việt-nam. Tin tức này, trước tiên là do các đồ đệ của cụ Phan thu lượm được, sau đó thì lan truyền trong khắp các lực lượng cách mạng VN tại Trung Quốc. Sự việc này về sau được tay chân của ông Hồ giải thích rằng cụ Phan đã già rồi, không còn thích hợp với cách mạng nữa; mặt khác, việc cụ Phan bị bắt chắc chắn sẽ kích động mạnh mẽ tinh thần yêu nước của người Việt, mặt khác nữa, số tiền nhận được của Pháp có thể dùng để nuôi dưỡng các lực lượng mới. Sau này tìm hiểu thêm thì biết được rằng, ông Lâm Đức Thụ (tên thật là Nguyễn Công Viễn), người đại diện cho cụ Phan tại Hương Cảng đã hợp tác với ông Hồ trong việc bán cụ Phan cho Pháp. Sự việc xong, hai người chia đôi số tiền một trăm ngàn đồng đó. Ông Hồ đã dùng phần tiền của ông để tổ chức Việt-nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, còn Thụ thì dùng tiền

đó để tiêu phí trong các hộp đêm tại Hương Cảng. Và từ đó, Hồ, Thu hai người còn tiếp tục hợp tác trong nhiều năm nữa để bán các đồng chí của cụ Phan. Nguyên vì lúc bấy giờ, các thanh niên VN trốn sang Quảng Châu để xin vào học trường võ bị Hoàng Phố rất đông. Những ai chịu theo Hồ gia nhập Việt-nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, thì sau khi học xong, sẽ được bảo đảm bí mật trở về VN; còn những ai vẫn trung thành với tổ chức của cụ Phan, khi về đến biên giới Hoa-Việt tức thì bị mật thám Pháp bắt ngay. Những người này sợ dĩ bị bắt vì trước đó Hồ đã báo cho Thu ở Hương Cảng biết, Thu đem ảnh của họ nộp cho lãnh sự Pháp ở Hương Cảng. Hồ và Thu lại chia nhau tiền thưởng. Trong tình hình đó, Tổng chi bộ VN Quốc Dân Đảng tại Quảng Châu mất dần liên lạc với quốc nội... Việt-nam Quốc Dân Đảng ở quốc nội dần dần tan rã, và Đảng CS thì cứ mạnh lên (*8 Hồ Chí Minh tại Trung Quốc, Tưởng Vĩnh Kính (Thượng Huyền dịch) trang 84-85). Đây cũng là một sử liệu chứng tỏ rằng, vì muốn phục vụ cho Cộng Sản Đệ Tam Quốc Tế, Hồ Chí Minh đã giết biết bao tinh hoa của đất nước, làm suy yếu tiềm năng xây dựng của dân tộc.

Cho đến năm 1942, để dễ bề kiểm soát các hoạt động của các đoàn thể và các đảng phái chính trị VN tại Trung Hoa, Tưởng Trung Hoa Trương Phát Khuê đã ra lệnh cho Tiêu Văn hợp tất cả lại để hình thành một tổ chức duy nhất. Việt-nam Cách Mạng Đồng Minh Hội là một đoàn thể cách mạng được thành lập tại Liễu Châu vào tháng 10.1942, do sự hiệp trợ của các đảng phái VN vốn xu hướng theo chủ nghĩa dân tộc, đang trú tại Trung quốc. Cho đến năm 1942, các đoàn thể cách mạng lớn của người

Việt tại Trung quốc gồm có: Việt-nam Dân Tộc giải Phóng Đồng Minh Hội (Trương Bội Công, Hồ Học Lâm, Trần Báo, Trương Trung Phụng, Phạm Việt Tử, Từ Chí Kiên), Việt-nam Phục Quốc Đồng Minh Hội (Hoàng Lương, Nông Kinh Du, Nguyễn Đình Thu, Vi Văn Hòa, Nguyễn Văn Phúc, Đặng Quang Minh). Việt-nam Quốc Dân Đảng (Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ, Lê Ninh). Phạm Việt Tử, Từ Chí Kiên, Vũ Bằng Dục, Lý Quang Hoa, Lê Thạch Sơn đều là Việt Cộng nằm vùng. Nguyễn Hải Thần, một nhà cách mạng lão thành (lúc ấy không khai đảng tịch) được đề cử làm ủy viên chủ nhiệm để đứng ra thành lập Việt-nam Cách Mạng Đồng Minh Hội (1-10.1942.) Tồn chỉ: Thân Hoa Phản Pháp, Kháng Nhật (*9. *Hồ Chí Minh tại Trung Quốc*, Tường Vinh Kính (Thượng Huyền dịch) trang 235-236)

Lúc bấy giờ, Hồ Chí Minh bị Trung Hoa giam vì hoạt động cho CS. Hội đã đứng ra bảo lãnh để HCM được tha, và ông Hồ đã tuyên thệ xin hết lòng trung thành với Việt-nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội. Một chính phủ Cộng-hòa Lâm Thời được tổ chức. Tuy nhiên, tân chánh phủ chưa có thực lực và lực lượng võ trang ở trong nước, trong khi CS đã có cả một hệ thống cán bộ, cơ sở, và các đơn vị du kích từ năm 1940. Hồ Chí Minh chiếm được Cách Mạng Đồng Minh Hội là nhờ Tiêu Văn. Tiêu Văn là tướng của Trung Quốc, làm dưới quyền Trương Phát Khuê, Tư lệnh Quân Khu 4. Tiêu Văn là người khuynh tả. Ông Hồ tuy gia nhập Cách Mạng Đồng Minh Hội, nhưng chưa từng đem cái thế lực Việt Minh của ông gia nhập theo, ông chỉ mượn cái địa vị hợp pháp của cách Mạng Đồng Minh

Hội để làm một khí cụ lớn về sau này, dùng đánh lại các đảng phái VN khác, cũng như trở về VN hoạt động (*10: *Hồ Chí Minh tại Trung Quốc*, Tưởng Vinh Kính (Thượng Huyền dịch) trang 262)

Để được sự tin tưởng của Trương phát Khuê, và tỏ lòng phục tùng, ông Hồ đã viết bài *Hối Lỗi*, thể thoát ly CS. Ông bỏ thì giờ dịch Tam Dân-Chủ Nghĩa của Tôn Dật Tiên, hầu chứng tỏ rằng ông không còn theo chủ nghĩa CS nữa. Trương Phát Khuê là vị tướng Trung Quốc trực tiếp điều động hầu hết mọi sinh hoạt của các đảng phái VN hoạt động tại Trung quốc thời bấy giờ. Tướng Trương Phát Khuê phóng thích ông Hồ vào ngày 9.8.1944.

Khoảng cuối năm 1944, Việt-nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội cử ông Hồ Chí Minh về Bách Sắc để tru liệu kế hoạch nhập Việt. Hội cho ông Hồ Chí Minh cùng 22 đảng viên, phần nhiều là người trong đảng Phục Quốc, về nước để khởi sự hành động. Trong số 22 người ấy, có một nữ đảng viên tên Hồ Thị Lạc là người sau này có đứa con gái với Hồ Chí Minh. Về sau người ta nói, khi về đến địa hạt Bắc Giang, có ba đảng viên bị giết vì không chịu theo CS... Ông Hồ Chí Minh núp dưới chiêu bài Việt-nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội để hoạt động, rồi sau đó, đã bỏ danh hiệu Việt-nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội mà trở lại dùng danh hiệu cũ Việt-nam Độc Lập Đồng Minh, tức Việt Minh. (*11: *Một cơn Gió Bụi*, Trần Trọng Kim, trang 75)

Việt-Nam Quốc Dân Đảng

Việt-nam Quốc Dân Đảng ra đời tại Hà Nội vào ngày 25.12.1927, dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Thái Học,

Nguyễn Khắc Nhu. Cho đến năm 1945, Quốc Dân Đảng vẫn tự hào có thực lực mạnh hơn Đảng Cộng Sản Việt-nam. Quá trình hoạt động của Quốc Dân Đảng có thể chia làm ba thời kỳ:

1. Thời kỳ xây dựng đảng từ năm 1927 cho đến 1929, đảng phát triển mạnh cho đến khi xảy ra vụ ám sát tên trùm mộ phu trồng cao su ở Nam Kỳ, Pháp đàn áp mạnh, khiến cho nhiều cán bộ bị bắt và bị giết.

2. Trước sự khủng bố dã man của Pháp, đảng có cơ nguy tan rã, nên, vào ngày 11.2.1930, Việt-Nam quốc Dân Đảng đã cho phát động cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa trên toàn quốc, với chủ lực là binh lính Việt-nam trong hàng ngũ quân đội Pháp. Nhưng vì sự chuẩn bị có tính cách vội vã, chưa được hoàn toàn thống nhất ý chí, nên cuộc nổi dậy đã không diễn ra đồng loạt, đưa đến thất bại. Ngày 22.2.1930, lãnh tụ Nguyễn Thái Học bị thương và bị bắt, đến ngày 17.6.1930, ông cùng với 12 đồng chí lên đoạn đầu đài ở Yên Bái.

3. Sau khi cuộc khởi nghĩa bị thất bại, lãnh tụ bị giết, Quốc Dân Đảng bị phân hóa (vẫn duy trì sinh hoạt cho đến ngày nay), một số cán bộ tham gia các đảng khác, kể cả tham gia đảng CS (đặc biệt là Nguyễn Bình).

Một đảng viên của Quốc Dân Đảng đã đưa ra nhận xét như sau : Giữa thời cần phải tranh đấu bằng giải pháp quân sự mà Quốc Dân Đảng không có một nguồn lợi kinh tế, thiếu súng đạn, thiếu lương thực; quân chúng lại bị lũng đoạn ở trong gọng kìm của quân đội, và công an cảnh sát Pháp, của Việt Minh Cộng Sản, hỏi làm sao mà tránh sự thất bại không chóng thì chầy được? Mặc dù tinh thần của

các chiến sĩ trong hàng ngũ Quốc Dân Đảng rất cao. (*12. *Việt-nam Quốc Dân Đảng*, Hoàng Văn Đào, trang 287-288)

Tháng 6.1944, Nguyễn Tường Tam (nhà văn Nhất Linh) và Vũ Hồng Khanh hợp tác, đem Đại Việt và Việt-nam Quốc Dân Đảng hợp nhất lại, và khai sinh ra một ủy Ban Trung Ương gồm 29 ủy viên. Họ đều là những phần tử trí thức ưu tú của Việt-Nam.

Đảng Cộng Sản Đệ Tam Việt-Nam

Trước khi tìm hiểu về Đảng CSVN, xin nêu lên vài nét về Hồ Chí Minh, người đã xây dựng, lèo lái Đảng CSVN kể từ năm 1930, và cũng là người đã thành lập Mặt Trận Việt Minh chống Pháp, phát động cuộc chiến tranh ý thức hệ sau năm 1954 giữa Nam và Bắc VN cho đến ngày ông qua đời năm 1969 tại Hà Nội. Mặc dù HCM đã qua đời từ năm 1969, ảnh hưởng của ông đối với Đảng CSVN vẫn còn mạnh. Cho đến ngày nay, Đảng CSVN vẫn còn dùng tên ông để động viên tinh thần cán bộ và giảm thiểu sự chia rẽ nội bộ qua câu nói : *trung thành với chủ nghĩa Mác-lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh* . Hồ Chí Minh là ai? Sở dĩ, họ phải tiếp tục đánh bóng HCM, phải chăng là để che đậy sự yếu hèn của họ, khi họ đã biết rõ bản chất của HCM mà vẫn tiếp tục theo lệnh ông ta, để gieo rắc chết chóc và khổ đau cho dân tộc.

Tên thật của Hồ Chí Minh là Nguyễn Tất Thành. Trong thời gian hoạt động cách mạng, ông có nhiều bí danh. Bí danh được nhắc nhiều nhất là Nguyễn Ái Quốc và sau này là Hồ Chí Minh. Đảng CSVN đã tạo nhiều huyền thoại về ông nhằm dối gạt quần chúng VN trong thời kỳ chống Pháp, thời kỳ mà tin tức thường chỉ được truyền miệng, và

sau năm 1954, ở ngoài Bắc, thời kỳ mà dân chúng chỉ biết những gì do đảng đưa ra qua các cái loa ngoài đường, qua các buổi học tập chính trị, qua những tờ báo của chính phủ in ra. Gần đây, những hồ sơ mật đã hết hạn kỳ giữ kín tại Nga Sô, Trung Hoa, Hoa Kỳ và hồi ký của những cán bộ cao cấp CS cho biết, ông Hồ có nhiều vợ và con không chính thức (không công khai hóa vì muốn thần thánh hóa ông là một người không nghĩ đến gia đình, chỉ lo cho đất nước và dân tộc). Ông có nhiều vợ không phải là vấn đề cần đặt ra, nhưng *dối gạt quần chúng* ông không có vợ là vấn đề khác. Cho đến nay, vẫn có nhiều người ca ngợi những lừa dối quần chúng của Đảng CSVN, và cho đó chỉ là một *thủ đoạn chính trị cần có*. Những người này đã, hoặc không phân biệt được ý nghĩa khác nhau của hai chữ *vận động* và *dối gạt* quần chúng, hoặc cố tình ngụy biện cho tội ác.

Ông Hồ học tại trường Quốc Học Huế khoảng 6 năm. Năm 1910, ông rời trường mà không có văn bằng tốt nghiệp nào. Sở dĩ ông phải bỏ ngang sự học hành vì thân phụ của ông, ông Nguyễn Sinh Sắc, bị cách chức. Tháng 1.1911, ông Hồ vào Phan Thiết để dạy học tại trường Dục Thanh. *Dục Thanh là một trường tư nhỏ hẹp, tọa lạc tại bờ phía Nam sông Phan Thiết, cách cửa biển vài cây số. Trường chỉ có vài căn phòng nhỏ, chung quanh không có vách, chỉ có mấy tấm phên gỗ được dựng lên để che mưa gió.* (*13 *Hồ Chí Minh tại Trung Quốc*, Tường Vinh Kính(Thượng Huyền dịch) trang 29). Ông Hồ đến Paris, và đổi tên thành Nguyễn Ái Quốc. Có thể nói, Hồ Chí Minh bắt đầu chính thức hoạt động chính trị kể từ khi tham gia đảng Xã Hội

Pháp năm 1918, sau khi ông không được thâu nhận vào học Trường Thuộc Địa, một trường đào tạo nhân viên hành chánh cho chính quyền Pháp (*14 ông Hồ cũng muốn tìm chút miếng đỉnh chung trong vai trò Việt gian cho Pháp). Ông cho biết lý do ông vào Đảng Xã Hội Pháp như sau: Nguyên nhân tôi gia nhập Đảng Xã hội Pháp, là do các vị tai mắt nam nữ của họ đã xưng là đồng chí của tôi. Họ đã biểu đồng tình với tôi trong cuộc phấn đấu cho người dân bị áp bức. Nhưng tôi đã không biết thế nào là Đảng, là Hội; cũng không biết thế nào là chủ nghĩa Xã Hội hay chủ nghĩa Cộng Sản (*15. *Hồ Chí Minh on Revolution, The Path Which Led Me to Leninism*, trang 23). Ông Hồ gia nhập Đảng CS Pháp và tham dự Đại Hội thế giới kỳ 2 của Đệ Tam Quốc Tế vào tháng 12.1921 tổ chức tại Marseilles.

Theo tài liệu của Bắc Việt, HCM đã rời Paris để đi Moscow vào tháng 6 năm 1923 và gia nhập Đảng CS Nga. Ông Hồ đã theo học trường Đại Học Lao Động Đông Phương. Thành phần xã hội của học viện trí thức, nông dân, công nhân thuộc nhiều dân tộc khác nhau. Trường đòi thợ mọi chi phí kể cả tiền tiêu vật và xem chiếu bóng miễn phí hai lần một tuần. Nhân sinh nhật thứ 90 của Lénin, ông Hồ có viết lời tự thuật: *Chỉ có chủ nghĩa XH và chủ nghĩa CS mới có thể giải phóng được tầng lớp công nhân và nhân dân bị áp bức trên toàn thế giới.*

Bài học về người lao động đã được ông Hồ đem ra huấn luyện đảng viên theo tuyên ngôn của CS: *Những người lao động không có tổ quốc*: Cái danh từ tổ quốc là do các chính trị gia tạo ra để lừa đảo nhân dân dưới pháp luật và buộc những người vô sản phải cầm vũ khí bảo vệ tài sản của địa

chủ và quyền lợi của giai cấp tư sản. Thực ra, chẳng có tổ quốc, cũng chẳng có biên giới. Tất cả những người cách mạng đem hết sức mạnh ra để cải thiện số phận của toàn nhân loại đều là anh em, và tổ quốc duy nhất của họ chính là trái đất này. Việc chứng minh cho thái độ đó chính là việc các đồng chí người Pháp cũng đứng về phía chúng ta chống lại đồng bào của họ kẻ theo chủ nghĩa đế quốc đã cướp nước ta (*16. *Việt Nam 1920-1945*, Ngô Văn, trang 111). Cho đến ngày hôm nay, nhiều người vẫn ngây thơ cho rằng CSVN yêu tổ quốc theo cách thức của họ. Thật là một sự lầm lẫn tai hại.

Tại Moscow, ông Hồ chỉ trích CS Pháp. Ông Tưởng Vĩnh Kính cho biết: Tại sao ông Hồ lại cả gan dám vong ân bội nghĩa, nhắm Pháp Cộng mà khai pháo như vậy? Xét kỹ nguyên nhân thì đó chẳng qua là một thứ hành vi đầu cơ, nhằm bày tỏ lòng trung thành đối với phe Stalin. Nguyên vì CS Nga, sau khi Lênin chết tháng 1, năm 1924, sự tranh giành quyền lực giữa hai phe từ nội bộ đảng CS Nga đã lan ra đến các Cộng đảng các nước Tây-Âu. Phe Stalin kết hợp với Zinoviev và Kamenev, nhờ gương cao ngạo cò chủ nghĩa Lênin, đã thắng phe Trotsky đối lập (*17 *Hồ Chí Minh tại Trung Quốc*, Tưởng Vĩnh Kính (Thượng Huyền dịch, trang 88). Đảng CS Pháp đã thừa nhận sự phê bình của đại hội CS Quốc tế. Để sửa chữa sự bị động của mình, đảng CS Pháp đã đề cử Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) cùng làm ứng cử viên của Pháp Cộng ra tranh Nghị Viên hội đồng thành phố. Dĩ nhiên, đó chỉ là một hình thức để cao ông Hồ như là một chính trị gia nổi tiếng mà thôi, vì ông không phải là công dân Pháp, đâu có thể tham gia vào việc ứng cử được. Đảng CS nào cũng mưu mô quỷ quyệt!

Theo tài liệu của Đảng CSVN, ông Hồ tham gia Đảng CS vì lúc bấy giờ, *chỉ có đảng này nói đến giải phóng dân tộc*. Đại hội thế giới kỳ 2 của Đệ Tam Quốc Tế đã được tổ chức tại Petcograd, và vài ngày sau, dời đến Moscow. Trong Đại hội này, Lênin đã đưa ra bản cương lĩnh về vấn đề *Dân Tộc và Thuộc Địa*. Theo ông Hồ, chính cương lĩnh này đã khiến ông quyết định đi theo con đường của Lênin và Đệ Tam Quốc Tế. Ông viết: *Trong bản cương lĩnh có một vài thuật ngữ chính trị rất khó hiểu. Tôi phải đọc đi đọc lại để suy ngẫm, và cuối cùng tôi đã tìm ra những điểm chủ yếu của nó... Rực rỡ! Và tín ngưỡng nữa, đã xâm nhập vào tôi. Tôi phấn khởi đến chảy nước mắt. Tuy đang ở trong phòng có một mình, tôi cũng đã la lớn lên, nói to lên, như đang diễn thuyết trước quần chúng... Từ đó về sau, tôi hoàn toàn tin tưởng vào Lênin và Đệ Tam Quốc Tế* (*18 Hồ Chí Minh tại Trung Quốc, Tường Vinh Kính (Thượng Huyền dịch), trang 44). Trong tác phẩm *Đường Cách Mạng* (viết năm 1926) dùng làm tài liệu học tập cho cán bộ, ông Hồ đã công khai tỏ rõ lập trường đi theo con đường Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản:

(1) Cách mạng chủ yếu phải chịu sự chỉ huy của chủ nghĩa Mác-lê.

(2) Cuộc vận động cách mạng ở trong mỗi quốc gia phải được kết hợp chặt chẽ với giai cấp vô sản quốc tế; công nhân và quần chúng nông dân phải phân biệt rõ giữa Cộng Sản Đệ Tam và Đệ Tứ Quốc Tế

Đó là căn nguyên nhân đầu tiên đưa đẩy ông Hồ đến với chủ nghĩa Mác Lênin. Nhưng tại sao ông Hồ không hề tự đặt cho mình câu hỏi giải phóng bằng cách nào, làm như vậy có hại cho dân tộc hay không?... Bài học *công rắn* (Trung Hoa) *cắn gà nhà* (Việt-nam) trong lịch sử VN ai

cũng biết, chẳng lẽ ông Hồ không nhớ sao?? Trong lời tự thuật ông Hồ cho biết: *Sau này, ông mới tìm hiểu và thực sự tin vào chủ nghĩa Mác-lênin*. Hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin, ông Hồ chắc chắn phải hiểu rằng đây là con đường Quốc Tế vô sản, và về thực tế áp dụng của bốn chữ *chuyên chính vô sản* đã đem lại những sự giết chóc, tù đầy dã man tại Nga Xô (cũng như tại Trung Quốc sau này) Không thể chạy tội được, ông Hồ biết, nhưng ông đã: Đặt đảng trên Nhà Nước, Đảng là tối cao, Đảng chiếm đoạt mọi quyền lực của Nhà Nước, Đảng trùm lên đến độ bóp nghẹt Nhà Nước, đến mức Đảng là pháp luật, Đảng là nhà nước (Parti-état) cũng là điều Đảng CS học được từ Liên Xô và Lenin (*19 *Mặt Thật*, Bùi Tín, trang 20). Theo tài liệu của Trung Quốc, những năm ở Trung Quốc, ông Hồ đã hoạt động chặt chẽ với các đảng CS Nga, Trung Quốc và Pháp (quốc tế). Sự liệu này đúng, vì nó cắt nghĩa vì sao ông Hồ không là Bí Thư đầu tiên của CSVN

Người xưa đã nói, cái lầm của thầy thuốc chỉ giết một người, cái lầm của nhà chính trị giết một thế hệ, còn cái lầm của nhà làm văn hóa giết muôn đời. Hồ Chí Minh vừa lầm về chính trị (theo Cộng Sản Đệ Tam Quốc Tế) để đưa VN vào cuộc chiến tranh bành trướng chủ nghĩa CS, và vừa lầm khi tin vào chủ nghĩa Mác Lenin, du nhập văn hóa này vào VN làm thay đổi hẳn nếp sống văn hóa VN. Tai họa ấy, cho đến ngày hôm nay, vẫn chưa chấm dứt trên đất nước. Tham gia đảng CS Nga, cuối năm 1924, ông Hồ rời Mạc Tư Khoa đi Mãn Châu (Trung Hoa) tham gia các công tác liên quan đến Trung Cộng. Ngoài mặt, ông Hồ đóng vai trò thông dịch viên cho Mikhail Bodorin, cố vấn

Nga bên cạnh Trung quốc. Nhưng nhiệm vụ chủ yếu của ông tại Trung quốc là thực hành *sách lược về Đông Phương* của Nga, dùng chiêu bài *chủ nghĩa dân tộc* để lập nên một tổ chức gọi là *Việt-nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội* (năm 1925,) tiến hành các hoạt động tổ chức và tuyên truyền hướng về VN với sự trợ giúp của Trung Cộng (*20 Thành lập phong trào này là đối tượng chính, nhiệm vụ quan trọng, dầu vậy, ông Hồ không bao giờ quên ông đang hoạt động trong một kế hoạch quốc tế (Hồ Chí Minh, *Hồi ký chính trị*, Jean Lacouture, Peter Wiles dịch, The Book Press, 1968, trang 47). Tổ chức này là tiền thân của đảng CSVN. Thời gian này, Trung Quốc thực hiện chính sách *giao hảo với Nga Sô và dung hợp với CS*. Việt-nam Thanh Niên Cách Mạng ở Quảng Châu, đặt dưới quyền lãnh đạo của Cán bộ CS Nga Borodin lúc bấy giờ là Cố Vấn của chính phủ Trung Hoa, Tôn Dật Tiên. Tháng 7, năm 1927, ông Hồ trở lại Nga Sô. Địa bàn hoạt động của ông Hồ không phải chỉ thu gọn tại Trung Hoa và VN, mà cả vùng Đông Nam Á Châu (*21 *Giọt nước Trong Biển Cả*, hồi ký của Hoàng Văn Hoan). Ông Hồ đến hoạt động tại Thái Lan hai lần: lần thứ nhất từ tháng 8.1928 đến tháng 9.1929, và lần thứ hai từ tháng 3 đến tháng 4.1930.

Tập tành chính trị qua đảng Xã Hội và đảng CS Pháp, sau đó, ông Hồ đã được huấn luyện theo tiêu chuẩn của một người đảng viên CS lãnh đạo Quốc Tế tại hai lò *Thép Đã Tôi thế đấy* (Nga Sô và Trung Cộng) với những bài học về chính trị, những thủ thuật vận động (lừa dối đúng hơn) và tranh thủ quần chúng, những chánh sách tàn bạo, dã man để tiêu diệt đối thủ... nhằm đạt mục tiêu mà không

cần để ý đến phương thức thực hiện (cứu cánh biện minh cho phương tiện). Các mô thức tổ chức xã hội tại Nga Sô và Trung Cộng được áp dụng triệt để tại những vùng tạm chiếm (trước năm 1954) và tại miền Bắc VN kể từ sau năm 1954, bất luận phải giết hại chính đồng bào mình, và ngay cả những người đã từng ủng hộ kháng chiến; là đồng chí. Nhiệm vụ cá biệt của các thành viên CS Quốc Tế là phải xâm nhập vào bất luận tổ chức, phe phái nào, để lợi dụng tiến hành công tác riêng của họ. Điển hình là ông Hồ và các phần tử Việt cộng đã lợi dụng mối quan hệ với các nhà cách mạng lão thành VN để tiến hành các hoạt động chống đối với VN. Trước tiên, họ được Hồ Học Lãm truyền cho nghề tình báo. Hồ Học Lãm là người Thanh Hóa, tốt nghiệp khóa 2 trường sĩ quan Bảo Định (tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc). Ông là cán bộ trọng yếu của Việt-Nam Quang Phục Hội, và cũng là một trong những người lãnh đạo đầu tiên của Việt-Nam Độc Lập Đồng Minh Hội. Hồ Học Lãm giúp mọi tổ chức ngay cả CS miễn là chống Pháp. Tiếp đến họ lập liên hệ với Trương Bội Công. Trương Bội Công là người Hà Đông, bạn cùng khóa với Hồ Học Lãm tại trường sĩ quan Bảo Định. Trương Bội Công cũng thu nạp một số người Việt tại Quảng Tây để hoạt động cho Việt Nam. Họ lợi dụng giới quân sự Trung Quốc tại Quảng Tây, với Nguyễn Hải Thần, để biến Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội thành Mặt Trận Việt Minh. Vào mùa Xuân năm 1927, Tưởng Giới Thạch đã tấn công nhóm CS của Châu Ân Lai, khiến cho liên hệ giữa Nga Sô và Trung Quốc đổ vỡ, và trường huấn luyện cách mạng của ông Hồ cũng tiêu tan. Ông Hồ và các đồng chí cao cấp đã phân tán.

Ông Hồ rời Trung Quốc đi Nga Sô vào cuối năm 1927. Vào khoảng đầu tháng 9.1929, Bác rời khỏi Xiêm (Thái Lan) đi gặp Đông Phương Cục Quốc Tế Cộng Sản để xin ý kiến, được Đông Phương Cục giao nhiệm vụ thống nhất các nhóm Cộng Sản Việt-nam(*22 Hồ chí Minh, Hồi ký chính trị, Jean Lacouture, Peter Wiles dịch, The Book Press, 1968, trang 51). Ngày 6.1.1930, Hồ Chí Minh lấy tư cách là ủy viên Đông Phương Bộ, phụ trách Đông Nam Á Vù, đã triệu tập một hội nghị tại Hương Cảng để thống nhất các đảng CS ở Đông Dương, và cử một ban Chấp Hành Lâm Thời dưới danh hiệu Đảng Cộng Sản Việt-nam. Theo tài liệu của Nga Sô, ngày thành lập không phải là ngày 6, tháng Giêng mà là ngày 3.2.1930. Trần Phú là Tổng Bí Thư đầu tiên. Đến Đại Hội 7 Cộng Sản Quốc Tế, Chi Bộ này mới được chính thức chấp nhận.

Thật ra, trước năm 1930, trong nước VN đã có Đảng Cộng Sản hoạt động (*23: Hoàng Văn Hoan cho biết, ông đã tham gia lớp huấn luyện tại Quảng Châu (Trung Quốc) năm 1926, và sau đó được huấn luyện tại Nga Sô nhưng, ngay cả đến thập niên 40, 50 cũng ít người được biết). Năm 1930 đến 1931, đã có phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, nông dân nổi dậy và bị Pháp đàn áp. Ngoài ra, Nguyễn Văn Trăn (đảng viên Cộng Sản) trong hồi ký, đã cho biết Đảng Cộng Sản Đông Dương đã nhận lệnh từ Nga Sô năm 1935: *Đảng Cộng Sản Đông Dương, phân bộ của Đệ Tam Quốc Tế, chấp hành nghị quyết Đại Hội VII của Quốc Tế Cộng Sản: các đảng Cộng Sản phải vận động dân chúng nước mình thành lập Mặt Trận Thống Nhất chống Phát Xít (7. 1935) (*24 Viết cho Mẹ Và Quốc Hội, Nguyễn văn Trăn, trang 57 trang 46 đến trang 55).*

Từ năm 1933 cho đến năm 1938, người ta không thấy ông Hồ xuất hiện vì ông ta đã bị cưỡng bách học tập tại Mạc Tư Khoa, Nga Sô. Ông Hồ, được đặt tên Nga là Livov, phải học tập trong học viện Lênin theo một khóa ngắn hạn 6 tháng, sau đó, ông bị giữ lại để tham gia vào công tác nghiên cứu các vấn đề thuộc địa và dân tộc và lãnh đạo các tiểu tổ học viên. Học viện này là trường huấn luyện cho các cán bộ cao cấp của các đảng Cộng Sản các nước trên thế giới. Theo lời thuật của Nguyễn Khánh Toàn (một đảng viên Cộng Sản cùng thời với ông Hồ, sau làm Bộ Trưởng Giáo Dục tại Bắc Việt), vào lúc ấy, mọi sự tiếp xúc giữa ông Hồ với ngay cả các đảng viên Việt Cộng đều phải có sự chấp thuận của Moscow. Nếu chưa được cho phép, dù họ có ngẫu nhiên gặp mặt, cũng không được tự tiện nói chuyện.

Cuối năm 1938, ông Hồ trở lại Trung Quốc và gia nhập đảng Cộng Sản Trung Quốc. Ông theo học trường đảng của Trung Quốc, và sau đó gia nhập Lộ Quân 18. Tháng 8, năm 1940, ông Hồ ký mật ước với Trung Cộng và bắt đầu sử dụng bí danh Hồ Chí Minh. Những điểm chính trong này gồm có:

Thành lập chiến tuyến thống nhất kháng Nhật của nhân dân hai nước Trung-Việt

Khuyết sung các tổ chức vũ trang của CSVN

CSVN sẽ liên hiệp các đảng phái để thành lập mặt trận dân tộc thống nhất độc lập

CSVN lấy khẩu hiệu chống Pháp và chống phong kiến làm chủ điểm đấu tranh

Đại diện của CS Trung Quốc tại cục tình báo Á Châu của Đệ Tam Quốc Tế sẽ lãnh đạo mọi công tác của CSVN

CSVN sẽ yểm trợ các nhân viên CS Trung Quốc trong khi hoạt động tại VN

CSVN sẽ phái cán bộ đến Kháng Đại của Trung Cộng ở Diên An để thụ huấn

Mỗi tháng CS Trung Quốc sẽ trợ cấp cho CSVN 50.000 đồng quan Pháp để dùng vào các chi phí trong khi công tác tại Trung Quốc (*25. *HCM tại Trung Quốc*, Tưởng Vĩnh Kính (Thượng Huyền dịch) trang 168)

Từ năm 1935 đến tháng 9 năm 1939, trước khi cuộc chiến tranh Âu Châu bùng nổ, vì muốn hoà hoãn với Pháp để giải tỏa áp lực của Đức từ Tây Âu, Nga Sô chỉ thị cho CS Pháp thành lập Mặt Trận Bình Dân, cốt duy trì mối quan hệ thân hữu giữa Pháp và Nga Sô. Do đó, CSVN cũng phải tuân hành quyết định của Moscow, *hủy bỏ cuộc vận động chống Pháp, nương tựa vào CS Pháp, ủng hộ nhà đương cuộc thực dân Pháp, thực hành cái gọi là Mặt Trận Dân-chủ*. Trong lúc đó, tại Bắc Việt, tháng 1 năm 1937, Pháp Cộng đã phái một Đặc Sứ để giúp Việt Cộng trong việc tổ chức và phát triển các đoàn thể ngoại vi như Mặt Trận Dân-chủ, Đoàn Thanh Niên Dân-chủ, Hội ái Hữu. Nhưng đến tháng 4, 1938, Edouard Daladier lên làm Thủ Tướng có xu hướng khuynh hữu. Chiến lược của CS cũng thay đổi, và ông Hồ trở lại Trung Hoa như đã nói ở trên. Tháng 2, năm 1941, Hồ Chí Minh về hang Pắc Bó, Bắc Việt. ông Hồ thành lập Việt-Nam Độc Lập Đồng Minh, gọi tắt là Việt Minh, một mặt trận phủ ngoài bằng chiếc áo Dân Tộc, che đậy bản chất CS. Con nuôi của Cường Để là Nguyễn Phúc An được sự chi viện của Nhật, đã dùng cán bộ của Phục Quốc Đồng Minh Hội là Trần Trung Lập và của đảng Độc Lập là Hoàng Lương để tổ chức Phục Quốc quân tập kích

quân Pháp tại Lạng Sơn. Pháp thất bại chạy qua ngã Bắc Giang, Việt Cộng thừa dịp này, đoạt vũ khí và thành lập đội du kích đầu tiên. Ông Hồ đã đặt tên cho đội du kích này là *Trung Đội Cứu Quốc Quân VN*, và đó là nhóm vũ lực đầu tiên của Mặt Trận Việt Minh.

Tháng 7.1942, ông Hồ trở lại Trung Quốc với tên mới là Hồ Chí Minh (*26 *Hồ chí Minh, Hồi ký chính trị*, Jean Lacouture, Peter Wiles dịch, The Book Press, 1968, trang 78). Ông và các đồng chí của ông bị bắt tại biên giới bởi Quốc Dân Đảng Trung Quốc. Trong sách nói về tiểu sử của Hồ Chí Minh, Jean Lacouture viết rằng vào mùa Xuân năm 1943, ông Hồ thỉnh linh (suddenly) được thả ra. Thực sự, như tài liệu đã nói rõ, ông Hồ được thả vì, để tỏ tình đoàn kết, VN Cách Mệnh Đồng Minh Hội đã đứng ra bảo lãnh để Hồ Chí Minh được tha, và ông Hồ đã tuyên thệ xin hết lòng trung thành với Việt-nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội. Một chính phủ Cộng-hòa Lâm Thời được tổ chức lúc bấy giờ. Năm 1944, ông Hồ trở lại VN với tư cách là thành viên của Việt-nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội. Một cơ may cho ông Hồ để tạo thế quốc tế. Mùa đông năm 1944, một chiếc phi cơ của không quân Mỹ bị trục trặc ngay trên không phận tỉnh Cao Bằng, viên Trung úy phi công Shan phải nhảy dù xuống một vùng núi gần đó. Trong khi đang bị cả quân Nhật và Pháp lùng bắt, Shan đã được một người Việt địa phương giúp đỡ và dẫn đường thoát ra khỏi vùng nguy hiểm, đến ẩn núp ở một sơn động. Rồi do sắp xếp của một cán bộ Việt Minh, Trung úy Shan đã được đưa tới gặp Phạm Văn Đồng. Ông Đồng đã cho người đưa Trung úy Shan đi gặp ông HỒ. Lúc này, ông Hồ đang ở tại

khu biên giới Trung -Việt. Sau đó, ông Hồ và Shan cùng đi Côn Minh, nơi đóng quân của Bộ Tư lệnh Không Quân Mỹ. Ông Hồ có diện kiến tướng Claire Chennault, Tư lệnh Không Đoàn 14 Hoa Kỳ tại Trung Quốc. Ông chụp ảnh và dùng nó để nói với mọi người rằng ông được Hoa Kỳ yểm trợ. *Theo lời tự thuật của Tướng Helliwell, mỗi lần ông Hồ đến yêu cầu đều bị cự tuyệt nguyên nhân là vì, quyết sách nhất quán của Cục tình báo quân đội Mỹ tại Trung Quốc là không bao giờ viện trợ cho một người như ông Hồ. Ông ta quá biết ông Hồ là đảng viên CS, và sẽ là mối họa của thời hậu chiến.*

Tuy nhiên, chính sách của Hoa Kỳ có tính cách giai đoạn, nên, hai bên vẫn có mối liên hệ tốt đẹp. Ông Hồ thiết lập căn cứ liên lạc tại Tân Trào, này nằm giữa Tuyên Quang và Thái Nguyên. Khu vực này cách đường giao thông rất xa, và là một vùng rừng núi rất hiểm trở. Để có thể lợi dụng lực lượng Việt Minh hoạt động chống Nhật, toán SOS của Hoa kỳ đã nhảy dù xuống vùng này để nghiên cứu địa thế, và nhân tiện huấn luyện quân sự cho Việt minh (*28. Dean Rush không cần biết ông Hồ là Quốc Gia hay Cộng Sản, chỉ cần ông Hồ chống Nhật).

Thời kỳ này, ông Hồ thực hiện hành động bài Hoa (Trung Quốc). Trong bản báo cáo Việt Minh, Động Thái viết ngày 9 tháng 7 năm 1945 nêu ra: Lãnh tụ Việt Minh Nguyễn Ái Quốc, bí danh Hồ Chí Minh, hoạt động tại Quảng Tây mấy năm gần đây, đã từng nhận được sự chi viện của phía hữu quan (chỉ cho Chiến Khu 4). Chỉ có Đảng CSVN là giữ lập trường chính trị cố định. Một tháng trước đây (tháng 6 sang tháng 7) Việt Minh đã lộ rõ cái chân tướng hung ác của họ. Các nhân viên ngoại vụ, khiếu vụ của Chiến Khu 4 và các thành viên của

*Việt-nam Cách Mạng Đồng Minh Hội sang VN công tác đều bị họ bao vây bắt bớ trong những trường hợp khác nhau (*29. HCM tại Trung Quốc, Tường Vĩnh Kính (Thuợng Huyền dịch) trang 262)*

Nhiều nhà viết sử, không biết có phải vì thiên kiến hay không, đã cho rằng các lãnh tụ Cách Mạng Đồng Minh Hội chỉ ở ngoại quốc (Trung Hoa,) không chịu về quốc nội để tổ chức lực lượng kháng chiến. Thật sự Hồ Chí Minh đã lãnh nhiệm vụ này tại VN. Nhưng họ Hồ đã phản lại Việt-nam Cách Mạng Đồng Minh Hội thu nhận các đồng chí do Hội gọi về, và giết những cán bộ không chịu gia nhập Đảng CS. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh tiến hành việc đánh phá nhằm tiêu diệt các tổ chức không Cộng Sản.

Hồ Chí Minh được đánh giá là một đảng viên trung thành với chủ nghĩa CS Quốc Tế. Tôn thất Thiện viết: *Reinhold-Holditz* đăng trong cuốn *Chân Dung Hồ Chí Minh* một tấm ảnh sao lại trang đầu của tạp chí *Ogonyok* và kèm theo lời bình như sau: *Kominternchik* là tên gọi danh dự dành cho một ủy viên của *Komintern*, một người đã cống hiến hoàn toàn cuộc đời mình để phục vụ cho Quốc Tế Cộng Sản, Nguyễn Ái Quốc là người như thế đó (*30 Hồ Chí Minh, STTT&SN trang 72-73). Dưới con mắt của Oliver Todd, nhà văn và nhà báo: *Phương trình cá nhân cách mạng của Hồ* rất đơn giản: *Nhu trí (Software)* sản xuất từ Moscow. Mỗi lần gặp khó khăn trầm trọng, bỏ về tới mấy ông Bolchevik để học hỏi, lãnh chỉ thị. *Cương trí (Hardware)* từ Tàu, Hồ dùng đó làm đất thí nghiệm, và là bàn đạp để chiếm VN... Hồ có khả năng che đậy tài tình, có tài làm đầu đảng, tính quyết định và tàn ác dị thường (*31. Hồ Chí Minh, STTT&SN trang 295)

Ông Hồ không còn chút lương tâm khi cai trị nhân dân bằng bàn tay đẫm máu, và đẩy cả dân tộc VN vào lò lửa chiến tranh ý thức hệ giết hại biết bao triệu người. Đó là con đường Hồ Chí Minh và Đảng CSVN chọn lựa. HCM đã dịch quyển *Tóm Tắt Lịch Sử Đảng Cộng Sản Liên Xô* do Stalin viết. Quyển sách này là quyển sách gối đầu giường của các cán bộ CS cấp cao ở VN. Kinh nghiệm tại Nga Sô, máu đã chảy biết bao nhiêu, tù đầy biết bao nhiêu, ông Hồ phải hiểu rõ hơn ai hết hậu quả khủng khiếp của cuộc đấu tranh giai cấp mà Stalin đã phát động: *Quan điểm bạo lực đơn thuần, nguyên lý cực đoan về chuyên chính vô sản, luận điểm càng đi lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh giai cấp càng thêm gay gắt ...* (*32 *Mặt Thật*, Bùi Tín, trang 31). Khrushchev lật hồ sơ giết người của Stalin ra, nhưng tại VN, Lê Duẩn và những đảng viên cao cấp của Hà Nội kể vị Hồ Chí Minh, không ai đưa ra ánh sáng chính sách giết người của họ Hồ (*33 Điển hình là vụ Cải Cách Ruộng Đất, vụ Nhân Văn Giai Phẩm). Không những thế, họ còn tiếp tục theo gương giết người của Hồ Chí Minh cho đến ngày hôm nay.

Để kết luận cho phần nói về *bản chất* Hồ Chí Minh và Đảng CSVN, xin mượn lời của một thi sĩ miền Bắc và hai cán bộ cao cấp Đảng CS, hơn là chính mình bình luận, để khỏi mang tiếng là thiên kiến, bôi bẩn, thù hằn:

Nguyễn Chí Thiện, thi sĩ miền Bắc, đã nói về Hồ Chí Minh như sau trong tập thơ (*34: *Bản Chúc Thư Của Một Người Việt-nam*, Nguyễn Chí Thiện, 1968). Ông đã trao cho một nhà ngoại giao Tây Phương để phổ biến khắp nơi trên thế giới trước khi ông bị Công An bắt giữ:

*Không có gì quý hơn độc lập, tự do
Tôi biết nó, thẳng nói câu nói đó.
Tôi biết nó, đồng bào miền Bắc này biết nó
Việc nó làm, tội nó phạm ra sao.
Nó đầu tiên đem râu nó bện vào
Hình xác lão Mao lông lá
Bàn tay Nga đầy băng tuyết giá
Cũng nhào qua lục địa Trung Hoa
Không phải xoa đầu, mà túm tóc nó từ xa.
Nó đứng không yên, tất bật, điên đầu
Lúc rụi vào Tàu, lúc rúc vào Nga
Nó gọi Tàu Nga là cha anh nó
Và tình nguyện làm con chó nhỏ
Xông xáo giữ nhà, gác ngỏ cho cha anh
Nó tận thu từ quả trứng, quả chanh
Học lối hung tàn của cha anh nó
Cuộc chiến tranh chết vội hết thanh niên
đương diễn ra triển miên ghê gớm đó...*

Cấp lãnh đạo CS dưới nhận xét của Bùi Minh Quốc(*35:
Năm 1978 là Chủ tịch ủy Ban Văn Nghệ tỉnh Lâm Đồng)

*Không có gì quý hơn Độc Lập Tự Do
Chân lý ngỡ thấm rồi ngờ đâu chưa hiểu hết
Sau bao phen đổi đầu cùng cái chết
Vẫn chưa tan cái sợ trước uy quyền
Bọn đều cáng mặt mày đạo mạo
Chúng nó ác *36 hơn sói hùm và tinh ranh hơn cáo
Lò sát sinh tỏa hương vị thiên đường
(Không có gì quý hơn độc lập tự do)*

(*36: Tại sao đảng viên CS lại trở thành tàn ác? Sự ngu

muội và thấp hèn tự nó không thể gây ra tội ác. Nhưng nếu nó được trao cho quyền lực rồi cấy vào ở đó chất men ghen tị và căm thù, thì nó trở thành quỷ nhập tràng (Tù Tù Xử Lý Nội Bộ, Trần Thu, trang 286.)

Trong tác phẩm *Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội*, Nguyễn Văn Trấn, đảng viên CS cao cấp, người miền Nam tập kết ra Bắc, năm 1995 đã nhận xét về chế độ CS như sau : *Tội ác của chế độ này, từ 40 năm nay (*37 Kể từ năm 1954 chia đôi đất nước đến 40 năm sau), thật nói không hết (*38. Viết Cho Mẹ và Quốc Hội, Nguyễn Văn Trấn, trang 345)*

Sau khi được Tàu và Nga thừa nhận, và yểm trợ, HCM lại càng đẩy mạnh chiến tranh tại VN. Trong ba mươi năm ròng rã, trong cuộc đấu tranh chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, nhân dân VN đã được Trung Quốc viện trợ cho may chục tỉ đô la. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Trung quốc đã cử hàng trăm cán bộ sang VN góp ý kiến về phương châm chính sách, kể vai sát cánh chiến đấu cùng nhân dân VN. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, Trung Quốc đã cử mấy chục vạn người sang giúp VN xây dựng hậu phương và có hàng nghìn người đã hy sinh dưới bom đạn Mỹ (*39 *Giọt nước Trong Biển Cả*, Hoàng Văn Hoan, trang 450).

Trên bình diện quốc tế, trận Điện Biên Phủ với Hiệp Định Genève do Pháp và Việt Minh ký kết dưới sự bảo lãnh của Liên Hiệp Quốc đã đánh dấu sự chấm dứt cuộc chiến tranh thuộc địa. Từ vĩ tuyến 17 trở ra Bắc, do chính phủ Cộng Sản cai trị, và từ vĩ tuyến 17 trở vào Nam dưới quyền chính phủ Bảo Đại. Hoa Kỳ và phái đoàn quan sát của chính phủ Bảo Đại không ký tên vào Hiệp Định này.

Đảng Cộng Sản Đệ Tứ Việt Nam

Tạ Thu Thâu là một thanh niên có tài, một chiến sĩ lỗi lạc được đồng bào cảm mến. Năm 1930, Tạ Thu Thâu là sinh viên tại Pháp, bị trục xuất về VN vì hoạt động chính trị. Qua những cuộc diễn thuyết tại Sài Gòn, Tạ Thu Thâu được dân chúng hoan nghênh nhiệt liệt. Phe Đệ Tứ (*40 CS Quốc Gia theo kiểu Cộng Sản Nam Tư) do Tạ Thu Thâu và Trần Văn Thạch lãnh đạo. Phe CS Đệ Tam tại Sài Gòn gồm Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo..., được chỉ thị của CS Pháp phải tạm thời liên hiệp với phe Đệ Tứ, thành lập Mặt Trận Vô Sản Thống Nhất, xuất bản tờ *La Lutte* (Tranh Đấu) bằng Pháp ngữ công khai tranh đấu. Lý do liên hiệp là do phe Đệ Tam chưa có người đủ tài để viết báo bằng Pháp ngữ. Tờ *La Lutte* gây được ảnh hưởng rất lớn trong giới trí thức và công nhân Sài Gòn, Chợ Lớn. Tuy nhiên, cuộc liên hiệp gượng ép này chỉ sống được vài năm thì ngày 19.5.1937, Cộng Sản Pháp lại ra lệnh phải chấm dứt sự hợp tác này.

Tháng 6, năm 1936, chính phủ của Mặt Trận bình dân ở Pháp (*41 Mặt Trận Bình Dân Pháp có đảng CS Pháp) được thành lập; và lên nắm chính quyền. Lê Hồng Phong (*42 Lê Hồng Phong, nguyên là đảng viên của Việt-nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội cùng ăn chung mâm với ông Hồ, được phái sang thụ huấn tại trường Không Quân Liên Xô, và năm 1929, được đưa vào học trường Đại học) và Hà Huy Tập đã tuân theo nghị quyết của Đại Hội CS Quốc Tế kỳ 7, hủy bỏ khẩu hiệu *Đả đảo chủ nghĩa đế quốc Pháp*, thủ tiêu khẩu hiệu *Giải phóng dân tộc* và thay vào đó là khẩu hiệu *Pháp-Việt hợp tác*. Tại VN, các chính trị phạm

Việt Cộng bị Pháp bắt bỏ tù từ lâu, nay được phóng thích, cho phép họ cùng những đảng phái ngoại vi được hoạt động công khai. Các chính trị phạm không thuộc Đảng CS vẫn bị ở tù và còn bị đối xử tàn tệ hơn (kế hoạch loại bỏ các đảng phái khác không phải CS).

Hệ phái Trotsky Lao Động Đông Phương. Trong kỳ Đại Hội Cộng Sản Quốc Tế tháng 8 năm 1935, Lê Hồng Phong được chọn làm ủy viên dự khuyết Ban Chấp Hành Cộng Sản Quốc Tế, và sau đó không lâu, lại được phái về lãnh đạo Trung Ương Đảng CSVN. Dưới mắt Stalin, ông Hồ không thể so sánh được với Lê Hồng Phong. Lê Hồng Phong bị pháp bắt và xử tử năm 1940.

Phe Đệ Tứ (lãnh tụ là Tạ Thu Thâu) cự tuyệt không tham gia Mặt Trận Bình Dân, chỉ trích hệ phái Stalin (Lê Hồng Phong, Đệ Tam) đã vì lợi ích của Liên Xô và Pháp Cộng mà bán rẻ VN. Pháp đã bỏ tù ông Thâu 2 năm. *Sau đó, năm 1939, trong cuộc tuyển cử tại Nam Việt, Đệ Tứ Quốc Tế của ông Thâu đã đạt thắng lợi lớn với 80% số phiếu (*43 Hồ Chí Minh tại Trung Quốc, Tường Vinh Kính (Thượng Huyền dịch), trang 140).* Kể từ khi ông Thâu lên án hệ phái Đệ Tam, hệ phái Đệ Tam ra mặt thanh trừng hệ phái Đệ Tứ. Trong báo cáo gởi cho CS Quốc Tế, ông Hồ cũng hô hào: *Đối với phe Trotsky, không thể liên minh, cũng không khoan nhượng. Hãy tận dụng mọi biện pháp vạch trần bộ mặt tội mọi của các tên phát-xít, hãy diệt sạch chúng trên địa bàn chính trị (*44 Hồ Chí Minh tại Trung Quốc, Tường Vinh Kính (Thượng Huyền dịch), trang 144).* Bản chất của Hồ Chí Minh và CS nói chung là tiêu diệt sạch những ai không đi theo con đường của ông ta.

Sau đó, Đệ Tam Quốc Tế (Hồ Chí Minh) ra lệnh giết Tạ Thu Thâu và những phần tử Đệ Tứ để tranh dành ảnh hưởng, song song với việc giết phe Đệ Tứ bên Nga Xô. Tạ Thu Thâu bị hành quyết ở Quảng Ngãi trên đường từ Huế trở về Sài Gòn trong công tác cứu đói ngoài Bắc. Xin ghi vào đây một tài liệu nữa để xác nhận chính sách thanh toán đối lập của Hồ Chí Minh: Philippe Devillers trong quyển *Histoire du Vietnam de 1940-1952* (Le Seuil, Paris, 1952) đã viết: *Nhiều nhân vật có liên hệ đến giới quan lại hoặc thuộc về các đảng phái quốc gia đối lập với Đảng Cộng Sản Đông Dương đều bị thủ tiêu như vậy. Người ta có thể kể Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi trong số rất nhiều người bị CS thủ tiêu. Cả hai nhân vật này bị bắt và bị giết theo lệnh của ủy Ban Giải Phóng ngày 23.8 gần cố đô Huế. Lãnh tụ Đệ Tứ Quốc Tế Tạ Thu Thâu bị hành quyết ở Quảng Ngãi trên đường từ Huế trở về Sài Gòn; Bùi Quang Chiêu thuộc Đảng Lập Hiến, lãnh tụ Đảng Độc Lập Hồ Văn Ngà. Những người khác bị tình nghi về thái độ thân Pháp hoặc ngay cả phản động đều bị cấm cố như trường hợp Nguyễn Tiến Lãng, v.v. (*45 Hồ chí Minh STTT&SN, trang.177)*

Giáo Phái Cao Đài

Giáo phái này xuất hiện từ năm 1919, trải qua nhiều biến thiên, và đến năm 1939 được lãnh đạo bởi Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Cao Đài tham gia vào cuộc vận động cho chủ nghĩa dân tộc, và đã phát triển một cách mau lẹ tại miền Nam VN. Giáo phái Cao Đài chống Pháp, chống Việt Minh. Về đường lối chính trị, Giáo phái Cao Đài có khuynh hướng theo Nhật Bản, kỳ vọng nơi cụ Cường Để để dành độc lập cho VN.

*Kể từ tháng 6.1946, các thủ lãnh quân sự chánh của Cao Đài, tức bị vì CS kiểm soát gắt gao việc di chuyển các toán quân của họ, đã thương lượng với một sĩ quan của Phòng Nhì Pháp để qui phục (*46. Bảy Viễn, Liêm Anh, trang 386)*

Ông Ngô Đình Diệm có lên Tây Ninh để gặp Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc. Nhưng, có lẽ hai bên không thỏa hiệp được. Cao Đài gia nhập Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia do Bình Xuyên và các Giáo Phái thành lập để chống lại chính phủ. Bốn nhân viên của Cao Đài tham gia nội các của ông Diệm đã từ chức gồm Trung Tướng Nguyễn Thành Phương, Quốc vụ Khanh kiêm ủy Viên Quốc Phòng, ông Phạm Xuân Thái, Tổng Trưởng Thông Tin, ông Nguyễn Mạnh Bảo, Tổng Trưởng Xã Hội, và ông Nguyễn Văn Cót, Thứ Trưởng Nội Vụ. Tuy nhiên, Tướng Trịnh Minh Thế, một thủ lãnh Cao Đài ly khai, ngày 13.2.1955 mới chính thức hợp tác với chính phủ Ngô Đình Diệm với 2.000 quân du kích, và là người có công trong việc dẹp loạn Bình Xuyên. Sau khi Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia tan rã, Phạm Công Tắc chạy sang Miền ty nạn. Nhiều bộ phận của Cao Đài đã tham gia vào lực lượng Cộng Sản.

Giáo Phái Hòa Hảo

Giáo Chủ của Hòa Hảo là Đức Huỳnh Phú Sổ, sinh năm 1906, khai đạo, chữa bệnh độ đời vào năm 1939. Ông có tinh thần chống Pháp. Lúc đầu, liên kết với Việt Minh, nhưng sau khi HCM và Sainteny ký ý thỏa ước để cho Pháp trở lại VN, ông chống lại. Huỳnh Phú Sổ nhận định: *CS đã đứng ra dành quyền lãnh đạo cuộc đấu tranh cho độc lập xứ sở. Thực ra, chúng chỉ muốn trưng thu cách mạng để*

*lợi dụng. Để đạt mục đích, chúng không ngần ngại liên minh với quỷ dữ (Pháp), tin rằng chúng quỷ quyết hơn thực dân để có thể lường gạt bọn da trắng. Hãy nhìn xem chúng đối với chúng ta như thế nào. Giàu không có trong tay gì cả. Không quân đội. Không người trung thành. Không khí giới. Song le, hắn đã thành công trong việc thuyết phục ta giao quyền hành cho hắn. Hắn tấn công người Pháp trên báo chí, nhưng hắn không ngừng tiếp xúc bí mật với chúng. Hắn bảo người Nhật là Phát xít, phản bội, nhưng tên đi với hắn, bác sĩ Thạch, không ngần ngại cộng tác với Nhật, cả với Kempeitai (Đại Tá Nhật) để lãnh đạo thanh niên tiền phong và dự đồ thanh niên học sinh quốc gia đi theo chúng (*48. Bảy Viễn, Liêm Anh, trang 278-279)*

Ngày 10.4.1946, Huỳnh Phú Sổ mở cuộc họp với Cao Đài và Bình Xuyên để thành lập Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất chống Pháp và chống Cộng. Ông cho biết lý do: *Bọn CS tiếp tục ám sát các cán bộ quốc gia tin vào chính sách hợp tác với chúng. Chúng lại chấp nhận tiếp đón thân hữu quân đội Pháp ra Bắc Kỳ và sửa soạn hai Hội Nghị, một ở Đà Lạt, một ở Paris để thương lượng với chính quyền thực dân. Âm mưu ấy nhằm trình diện Việt Minh như đại diện hợp pháp duy nhất của kháng chiến và của dân tộc VN. Chúng ta từ khước để CS biến chúng ta thành một bầy trư đồ ngoan ngoãn mà thằng Chột (Nguyễn Bình) là kẻ chăn chiên. Thời bấy giờ, tại Nam Bộ, Đức Huỳnh Phú Sổ là người có uy tín nhất trong quần chúng, và ông đã thành lập được Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất. Do đó, CS phải tiêu diệt ông ta. Ngày 11.4.1946, Nguyễn Bình đã bắt và hành quyết Huỳnh Phú Sổ, cách Long Xuyên khoảng 20 cây số.*

Sau khi Huỳnh Phú Sổ bị giết, Hòa Hảo quay súng chống Việt Minh và ngả về phía Pháp. Lực lượng võ trang Hòa Hảo gồm 4 nhóm: Trần Văn Soái tức Năm Lửa, Lâm Thành Nguyên tức Hai Ngoán, Lê Quang Vinh tức Ba Cụt, và Nguyễn Giác Ngộ. Năm 1947, nhóm Trần Văn Soái, và năm 1949 nhóm Lâm Thành Nguyên về hợp tác với Pháp. Lê Quang Vinh đã ba lần quy thuận và ba lần ly khai, Pháp vẫn chấp nhận tình trạng này vì chỉ cần Ba Cụt chống Cộng là được, riêng chỉ có Nguyễn Giác Ngộ không chịu về hợp tác với Pháp. Năm 1950, bị ba nhóm kia tiến đánh, Nguyễn Giác Ngộ phải về quy thuận với Bảo Đại thời chính phủ Nguyễn Phan Long.

Khi Thủ Tướng Ngô Đình Diệm ký sắc lệnh thống nhất quân đội các lãnh tụ Hòa Hảo không chịu đem quân về cộng tác với chính phủ. Vào tháng 5.1955, Quân Đội Quốc Gia mở những cuộc hành quân đánh vào khu vực Hòa Hảo. Lâm Thành Nguyên là người đầu tiên xin quy thuận. Đến tháng 2.1956, quân của Trần Văn Soái mới về hợp tác. Riêng Ba Cụt không thỏa hiệp được, vẫn tiếp tục chiến đấu cho đến khi bị bắt và bị xử chém tại Cần Thơ vào ngày 13.7.1956.

Lực Lượng Binh Xuyên

Bảy Viễn tên thật là Lê Văn Viễn, sanh năm 1904 tại Chợ Lớn. Lúc 17 tuổi can án ăn trộm, 23 tuổi can tội đánh nhau, năm 32 tuổi bị kết án 12 năm tù về tội tụ tập bè đảng bắt lương, và tàng trữ vũ khí chiến tranh. Bảy Viễn bị đày ra Côn Đảo. Tại đây, Bảy Viễn được giới thiệu về Dương Văn Dưỡng tụ Ba Dưỡng, lãnh tụ Binh Xuyên. Bốn năm sau, vượt ngục thành công, Bảy viễn về Rừng Sát, gia nhập

Bình Xuyên. Bảy Viễn bị bắt tại Chợ Lớn, sau đó được Bình Xuyên cứu. Ông thề không bao giờ bỏ Bình Xuyên.

Trần Văn Ân, Đồng Lý Văn Phòng của Trần Trọng Kim, đã mời Bảy Viễn hợp tác với điều kiện: *Trẻ nhất trong hạn 48 tiếng đồng hồ, tôi sẽ điều chỉnh tình trạng của ông bằng cách đề nghị Thủ Tướng ký nghị định ân xá tất cả nhóm Bình Xuyên, với điều kiện là Bình Xuyên hứa đem hết thầy lực lượng phục vụ tổ quốc. Tôi bảo đảm Bình Xuyên không còn bị truy tố về những việc đã làm dưới chế độ thực dân áp bức* (*49. Bảy Viễn, Liêm Anh, trang 267)

Nhật đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện. Tại Nam Kỳ, trước mặt phái bộ ngoại giao của Nhật, một Mặt Trận Quốc gia Đoàn Kết thành hình. Trần Văn Giàu (*50 Đảng viên Cộng Sản, Cử Nhân Luật, sinh viên trường Stalin Mạc Tu Khoa, hùng biện, chiến thuật gia khéo léo, chỉ vài lời nói đã gạt được nhóm Quốc Gia, dành chính nghĩa kháng chiến về cho Việt Minh) đã thuyết phục đại hội đổi tên thành Mặt Trận Việt Minh để dễ thương thuyết với Đồng Minh (lừa gạt?). Bên cạnh đó, Trần Văn Giàu và Dương Bạch Mai (*51 Đảng viên Cộng Sản, theo học ngành tình báo, phản gián tại Nga Xô) đã khuyến dụ Bảy Viễn ủng hộ ủy Ban Hành Chánh Lâm Thời, hầu trở thành những anh hùng cứu quốc lưu danh muôn thuở.

Bảy Viễn được ủy Ban Hành Chánh Lâm Thời cử làm Tư Lệnh Tối Cao các lực lượng kháng chiến vùng Sài Gòn Chợ Lớn. Bảy Viễn đã cứu Trần Văn Giàu thoát chết khỏi tay của tướng Trình Minh Thế vào năm 1945 khi tướng Thế cáo buộc Giàu đã đi ngả sau điều đình với Pháp.

Lợi dụng tình trạng tranh tối tranh sáng, các phần tử

Việt Minh nằm trong Công An Sài Gòn, do lệnh trực tiếp của Dương Bạch Mai, làm một mẻ lớn khủng khiếp. Trong đêm (25.9.1945), chúng bao vây bắt gần hết tất cả các lãnh tụ các đảng phái quốc gia như Dương Văn Giáo, Hồ Văn Ngà, Huỳnh Văn Phương, Hồ Vĩnh Ký, Phan Văn Chánh ... và tất cả bộ tham mưu của Hòa Hảo đang họp ở đường Miche. Đồng thời Hoàng Quốc Việt còn điện cho công an các tỉnh miền Tây bắt tất cả các thủ lãnh Hòa Hảo không có mặt ở Sài Gòn như Chung Bá Khánh, Lâm Thành Nguyên, Nguyễn Giác Ngộ... Chỉ có Giáo Chủ Hòa và Tham Mưu Trưởng Đệ Tứ Sư Đoàn là Huỳnh Văn Thái trốn thoát mẻ lưới phản bội của Việt Minh. Chung Bá Khánh và khoảng 30 cán bộ cao cấp Hòa Hảo bị thủ tiêu tại vùng sông Ba Động vào khoảng giữa tháng 10.1945 trong khi các lãnh tụ quốc gia và Trốt Kít bị bắt tại Sài Gòn bị Việt Minh giết tập thể tại Bến Phận (*52. *Bảy Viễn*, Liêm Anh, trang 330-331)

Ngày 21.10.1945, Bảy Viễn ra lệnh rời Phú Lâm rút về Rừng Sát làm kháng chiến chống Pháp, không theo ý thức hệ chính trị và tôn giáo nào cả. Sau cái chết của Ba Dương (thủ lãnh Bình Xuyên), ngày 4.3.1946, Bảy Viễn được bầu làm Tổng Tư Lệnh Tối Cao các lực lượng Bình Xuyên, và ông trở thành Tư Lệnh Phó Khu 7 (sau Nguyễn Bình, Cộng Sản).

Ngày 6.3.1946 Hồ Chí Minh ký Hiệp ước Sơ Bộ với Sainteny, đại diện phái bộ Pháp để cho quân đội Pháp vào Bắc Kỳ. Hành động này của ông Hồ làm cho dân Nam Kỳ có cảm tưởng bị phản bội. Một tuần sau, ngày 13.3.1946, Pháp xúi BS Nguyễn Văn Thinh thành lập Cộng Hòa Nam Kỳ. Cuối năm 1946, Bác Sĩ Thinh biết mình bị Pháp lừa,

ông đã tự vận. Ngày 20.12.1946, Hồ Chí Minh thay đổi lập trường, và tuyên bố toàn quốc kháng chiến chống Pháp. Để tránh sự rạn nứt giữa Nguyễn Bình và Bảy Viễn, Hồ Chí Minh đã thăng chức Bảy Viễn thành Chỉ Huy Trưởng Quân Khu 7. Nhân dịp này, Nguyễn Bình đã lập bẫy để giết Bảy Viễn, nhưng Bảy Viễn đã thoát nạn. Tuy vậy, Rừng Sắt đã bị Nguyễn Bình xâm chiếm. Ngày 5.6.1948, Pháp và Bảo Đại ký thỏa ước, trong đó, Pháp long trọng cam kết công nhận VN độc lập và Việt-Nam là một. Giải pháp Bảo Đại đã mở đường cho Bảy Viễn trở về với phe Quốc Gia chống lại Nguyễn Bình, Cộng Sản. Để có tiền nuôi quân và tiến hành một cuộc chiến đấu quyết liệt với CS, Bảy Viễn đã tìm cách kiểm soát sông bài Đại Thế Giới (1-1-1951), Kim Chung, và nhà chùa Vườn Lài.

Ngày 22.4.1952, Bảo Đại ký sắc phong Bảy Viễn làm Thiếu Tướng Quân Đội Quốc Gia Việt-Nam. Tháng 12.1953, Bảy Viễn được tặng Bảo Quốc Huân Chương, ngành quân sự sau khi đã làm chủ lại khu Rừng Sắt. Lai Hữu Sang, cánh tay mặt của Bảy Viễn, giữ chức vụ Tổng Giám Đốc Công An Cảnh Sát.

Tháng 9.1954, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm mời Bảy Viễn đến để dàn xếp việc giải tán lực lượng quân sự Bình Xuyên và sát nhập vào Quân Đội Quốc Gia. Bảy Viễn từ chối. Bảy Viễn đã liên kết với Nguyễn Văn Hinh, Pháp, và kêu gọi sự ủng hộ của Bảo Đại. Ngô Đình Diệm đã ra lệnh tiêu diệt Bình Xuyên. Bảy Viễn thoát hiểm, và được Pháp giúp đưa sang Pháp.

chương II. việt nam 1945- 1954

Muốn hiểu rõ và rút ra những nhận định về cuộc chiến 1954-1975, chúng ta phải trở về quá khứ để phân tích khúc quanh lịch sử năm 1945. Trước năm 1945, các cá nhân, tổ chức, đảng phái, giáo phái, đều công khai tuyên bố chủ trương chống Pháp, dành Độc Lập cho xứ sở (Sơ lược về các lực lượng đã được trình bày trong chương trước.) Năm 1936, Đức và Nhật ký hiệp ước antikomintern chống Quốc Tế Cộng Sản, và năm sau 1937, Ý tham gia vào, lập thành Trục Phát Xít Đức- Ý -Nhật khởi đầu cho trận Đệ Nhị Thế Chiến. Đệ Nhị Thế chiến xảy ra, nước Pháp đầu hàng Đức. Tháng 8.1940, người Nhật đã tràn vào Đông Dương. Tháng 7.1941 hai bên Pháp Nhật ký Hiệp ước với nhau, và từ đó, mặc dầu Pháp vẫn đóng vai trò cai trị, nhưng Nhật mới là kẻ nắm quyền tối cao. Kinh tế của VN từ nay dùng để phục vụ chiến tranh của Nhật. Nạn đói của miền Bắc năm 1945 là hậu quả. Nhật đặt các phòng thông

tin và tuyên truyền chủ trương Đại Đông Á và thuyết Á Châu của người Á Châu. Nhật giúp đỡ cho hai Giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo phát triển ở Miền Nam. Ở Hà Nội, *đảng Đại Việt Dân Chính được thành lập, được Nhật che chở, thu hút được nhiều đảng viên trong giới trí thức và sinh viên. Sau đó, Pháp nhượng bộ, Nhật bỏ rơi đảng này để Pháp đàn áp, một số đảng viên bị bắt, ông Nguyễn Tường Tam trốn sang Tàu* (*53 *Việt-Nam Pháp Thuộc Sử*, Phan Khoan, trang 481). Năm 1941, **Đảng Đại Việt Quốc Dân** do Trương Tử Anh thành lập, sau một thời gian hoạt động, bị Pháp đàn áp suy yếu dần.

Chính Phủ Trần Trọng Kim

Đêm 9.3.1945, Nhật đảo chánh Pháp, Việt Minh trở tay không kịp trong việc lợi dụng cơ hội để khởi nghĩa, bèn vội vã triệu tập hội nghị thường vụ để sửa đổi kế hoạch, thay khẩu hiệu là *đánh đuổi Phát Xít Nhật* đồng thời đẩy mạnh chiến tranh du kích. Ngày 10.3.1945, sau khi lật đổ Pháp, Nhật tuyên bố trao trả độc lập cho VN để cùng nhau lập khối thịnh vượng chung Đông Nam Á. Nhật không muốn làm đảo lộn guồng máy cai trị đương thời trong khi đang ở vào thời kỳ chiến tranh quyết liệt với Đồng Minh, nên quyết định giữ lại vai trò của Hoàng Đế Bảo Đại thay vì đưa Kỳ Ngoại Hầu Cường Đế về nước. Ngày 17.4.1945, Bảo Đại không liên lạc được với ông Ngô Đình Diệm, trao quyền lập tân Nội Các cho học giả Trần Trọng Kim. Để chọn người vào Nội Các, ông Trần Trọng Kim dựa trên tiêu chuẩn: *phải có đủ học thức và tu tưởng về mặt chính trị, và phải có đức hạnh chắc chắn để dân chúng kính phục* (*54: *Một Con Gió Bụi*, Trần Trọng Kim, trang 51). Ông Trần Trọng

Kim xác nhận là trong lúc thành lập chính phủ, Nhật Bản không ép buộc phải chọn lựa người này, người kia. Mục tiêu của Nội Các là gây dựng nền Dân-chủ và phát triển nước nhà, nên nhân sự toàn là người chuyên môn. Chính phủ Trần Trọng Kim đã đặt danh hiệu cho quốc gia là *Việt-Nam*, dùng cờ vàng ba sọc đỏ làm *Quốc Kỳ*, và lấy bài *Tiếng Gọi Thanh Niên* làm *Quốc Ca*. Về phương diện hành chánh, chính phủ tiếp xúc với Nhật Bản để thu hoàn lãnh thổ, bắt đầu là Bắc Kỳ. Để tránh xáo trộn, chính phủ thay thế dần dần những tham quan, bất tài phục vụ quyền lợi cho Pháp và cho cá nhân.

Đây là một khúc quanh lịch sử rất quan trọng. Ngoại trừ đảng CSVN, tất cả những ai lưu tâm đến nền độc lập của VN đều nhận thấy rằng giai đoạn lịch sử này thật quý báu, vì VN có thể thoát khỏi sự đô hộ của Pháp mà không phải tổn xương máu. Nếu không vì tin theo con đường CS Đệ Tam Quốc Tế, Hồ Chí Minh có thể cùng kết hợp với chính phủ Trần Trọng Kim, củng cố nền Độc Lập của VN. Sau đó, khi Nhật bại trận, Pháp muốn trở lại VN không phải dễ dàng. Trái lại, HCM sợ mất cơ hội nắm quyền, phát động những chiến dịch ám sát các quan chức hành chánh để ngăn cản tiến triển thu hồi nền Độc Lập cho VN, giết hại những người thuộc các tổ chức và đảng phái khác. Cuộc chiến Quốc Cộng bắt đầu mạnh mẽ trong bóng tối kể từ năm 1945. Vì vậy, có thể nói, hậu quả trọng đại của việc HCM tham gia Đệ Tam Quốc Tế CS gồm:

1: *Phá hoại sự đoàn kết dân tộc* : Để bành trướng chủ nghĩa Mác Lênin, HCM luôn luôn tìm cách tiêu diệt tất cả những cá nhân, tổ chức, đảng phái, tôn giáo nào không

theo con đường của CS Đệ Tam Quốc Tế. Việc này còn đưa đến những hậu quả khác là phá hoại tiềm năng kháng chiến và phát triển của tổ quốc, giết hại các thành phần ưu tú của quốc gia (kéo dài cho đến 1975.)

2: *Đưa Việt-Nam vào cuộc chiến chống Pháp từ 1945 cho đến 1954* (*55 chính HCM ký hiệp ước 6.3.1946 cho Pháp trở lại VN) Nếu không có Việt Minh phá hoại, chính phủ Trần Trọng Kim sẽ củng cố được nền Độc Lập. Khi Nhật bại trận, VN đã có một chính phủ hợp pháp, và Bảo Đại đã hủy bỏ tất cả các hiệp ước với Pháp từ trước. Pháp khó có thể trở lại, vì Mỹ không ủng hộ chính sách thuộc địa của Pháp tại Đông Dương. Mỹ có thể công nhận chính quyền VN như Mỹ đã làm năm 1950.

3: *Đưa Việt-Nam vào cuộc chiến ý thức hệ giữa hai khối Cộng Sản và Tự Do kể từ 1954 đến 1975*: Nếu không có phong trào CS tại VN, không có lý do gì mà quốc tế chia đôi nước VN. Đó là nguyên nhân sâu xa, là nguồn gốc đưa đến cuộc chiến tranh ý thức hệ. Hơn thế nữa, vì HCM tham gia Đệ Tam CS Quốc Tế, nên đã từ chối đề nghị của Hoa Kỳ là VN có thể trở thành một quốc gia *Cộng Sản Quốc Gia* như Nam Tư (vì mục đích của Hoa Kỳ chỉ là ngăn chặn sự bành trướng của Cộng Sản Quốc Tế), cho nên quốc tế mới chọn lựa giải pháp chia một nửa nước VN cho CS, như đã xảy ra tại Triều Tiên, Đức Quốc. Để bành trướng chủ nghĩa CS, Hồ Chí Minh dụng chiêu bài giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, để tiếp tục đưa chiến tranh vào miền Nam. Nhìn Đức và Triều Tiên, chúng ta không khỏi ngậm ngùi cho đất nước VN. Làm sao HCM và đảng CSVN có thể trả được món nợ của hàng triệu người dân Việt ở cả hai

miền Nam Bắc đã bị chết, bị tù đầy trong thời gian qua, và ngày nay, cả dân tộc sống trong sự kìm kẹp, đói khổ, chỉ vì những người CSVN đã nhận và bị chủ nghĩa Mác Lênin biến chất?

Vì không thể chấp nhận bất cứ tổ chức, đảng phái, ngay cả vua Bảo Đại, nắm chính quyền, nên HCM đã mở chiến dịch đả kích mạnh mẽ Nhật Bản, và tuyên truyền *tin ở Nhật là tự sát, theo bọn Việt gian thân Nhật là ăn phải nọc độc của bọn thú dữ Phù Tang*, đồng thời lên án một số đảng viên chủ trương hợp tác, cải tổ chính phủ Trần Trọng Kim hy vọng giành độc lập trong hòa bình, dưới hình thức một chế độ Quân Chủ Lập Hiến. Mục đích bôi bẩn chính phủ Trần Trọng Kim là để *dành chính nghĩa giải phóng dân tộc* về cho Việt Minh (che dấu lý lịch Cộng Sản).

Trong lúc đó, để xáo động quần chúng, đặc biệt là giới nông dân, theo về với Việt Minh, đồng thời phá vỡ sự hợp tác của chính phủ Trần Trọng Kim với Nhật Bản, Hồ Chí Minh đã mở chiến dịch khủng bố giết hại những nhân viên hành chánh địa phương (không còn được Pháp che chở), gọi chung là *cường hào*, và những địa chủ gọi chung là *ác bá* (*bá hộ* là những người giàu có trong làng). Cho đến năm 1945, lực lượng Việt Minh còn rất yếu, không thể cướp chính quyền trước khi quân Đồng Minh vào VN. Nếu Việt Minh không đủ lực lượng để khống chế VN, ông Hồ thà *nhượng cho Pháp tiếp tục thống trị VN thêm một thời gian, chứ không muốn cho các đảng phái VN khác đứng ra lãnh đạo một nước Việt-Nam độc lập*. Do đó, ông đã dùng điện đài của Mỹ tại căn cứ của ông để tiếp xúc thẳng với đại diện của chính phủ De Gaulle tại Côn Minh, ngoài việc yêu cầu Pháp

*bảo chứng trong vòng từ 5 đến 10 năm phải trả độc lập cho VN (*56. HCM tại Trung quốc, Trương Vĩnh Kính (Thượng Huyền dịch), trang 358)*

Ngay từ thời kỳ đầu của cuộc khởi nghĩa, Việt Cộng đã dùng chính sách khủng bố. Trung Cộng cũng như Việt Cộng đều lợi dụng các vùng chiếm đóng rộng lớn của quân Nhật để xây dựng nên các *khu giải phóng*. Sau khi lập xong chính quyền địa phương, Việt Minh liền dùng chính sách khủng bố để thống trị. Các phần tử của các đảng phái khác hoặc không thuộc đồng đảng, hoạt động trong phạm vi thế lực của mình, đều bị Việt Minh giết hại dã man. Những người bị thẩm sát đều bị Việt Minh gán cho tội Việt gian, làm gián điệp cho địch, hoặc thân Nhật...(*57 Bản chất tàn bạo của đảng CSVN do HCM lãnh đạo đã đẩy một số người có cảm tình với kháng chiến, các giáo phái..., phải dựa vào Pháp để chống lại Việt Minh. Theo họ, *Cộng Sản nguy hại hơn Thực Dân*. Mãi đến năm 1972, một sự so sánh tương tự mới được nói lên bởi Nguyễn Chí Thiện, một thi sĩ miền Bắc:

*Ôi thằng Tây mà trước kia người dân
không tiếc máu xương đánh đuổi
Nay họ xót xa luyến tiếc vô chừng
Nhờ vuốt nanh của lũ thú rừng
Mà bàn tay tên cai trị thực dân hóa ra êm ả?*

.....

*Đảng bắt cầm, bắt nói, bắt khóc, bắt cười
Bắt đói bắt làm, hé răng oán thán
Là tù ngục mục xương độc đoán
(Đồng Lầy, 1972)*

Thời bấy giờ, chỉ có một số ít người làm chính trị đã va chạm với đảng CSVN mới thấy được bản chất tàn bạo của chủ nghĩa này, chứ quần chúng, đa số các nhà trí thức, và ngay cả các lực lượng Bình Xuyên, Hòa Hảo, Cao Đài,.. cũng bị lừa trong một giai đoạn. Khổ thay, khi biết được sự thật, thì đã quá muộn màng. Cho nên, chúng tôi đã viết trong Lời Nói Đầu, đây là một cuộc chiến mà đa số không hiểu bản chất của CS để phân định bạn và thù.

Đảng CSVN có tổ chức rất chu mật và theo đúng phương pháp khoa học. Trong khi HCM trở lại Trung Hoa chờ đợi thời cơ, ở trong nước đâu đâu cũng có cán bộ ngấm ngấm hoạt động và tuyên truyền rất khôn khéo. Họ lợi dụng lòng ái quốc của dân chúng mà tuyên truyền Việt Minh không phải là đảng CS... Đảng có kỷ luật và chịu khó làm việc... Trong lúc đó, người Pháp ngấm ngấm tung hố để họ quấy nhiễu người Nhật... Họ (Việt Minh) cho người đi diễn thuyết và tuyên truyền rằng đảng Việt Minh đã có các nước Đồng Minh là Tàu, Mỹ và Nga ủng hộ... (*58 *Một Con Gió Bui*, Trần Trọng Kim, trang 73-79)

Điều khôi hài, nếu không muốn nói là một trò gian dối, để che dấu lý lịch Cộng Sản, Chính Phủ Lâm Thời do HCM làm Chủ tịch, lại ra lệnh giải tán Đảng Cộng Sản Đông Dương (do chính ông ta lãnh đạo) và đặt cho nó cái tên mới là *Hội Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Mác*.

Trong thời kỳ này, Việt Minh đã giết hại, thanh trừng những ai không theo hoặc chống lại chính phủ, bất chấp họ thuộc thành phần nào, tổ chức nào, đảng phái nào, tôn giáo nào. Ở sở Công An, Việt Minh bắt những người Việt-Nam Quốc Dân Đảng hay những người bị tình nghi vào

tra tấn cực hình, có khi họ dùng những cách tàn nhẫn ghê gớm hơn thời Pháp và Nhật cai trị. Ai trông thấy những cảnh tượng ấy cũng bùi ngùi tủi giận vì gà một nhà lại đá nhau lại dữ bằng mấy gà lạ. Người một nước với nhau mà đối xử vô nhân đạo như thế, thật là thê thảm (*59. *Một Con Gió Bui*, Trần Trọng Kim, trang 109-110.)

Không phải chờ đến nhiều năm, chỉ vài tháng sau khi mời CS hợp tác và bị từ chối, ông Trần Trọng Kim đã thấy ngay bản chất của CS. Ông viết: *Cái thủ đoạn của Việt Minh là dùng mọi cách bạo ngược, tàn nhẫn, giả dối, lừa đảo để cho được việc trong một lúc. Ngay như họ đối với Việt-Nam Quốc Dân Đảng, nay nói là đoàn kết, mai nói là đoàn kết, nhưng họ vẫn đánh úp, vẫn bao vây cho tuyệt lương thực. Khi họ đánh được thì giết phá, đánh không được thì lại đoàn kết, rồi cách ngày lại đánh phá* (*60 *Một Con Gió Bui*, Trần Trọng Kim, trang 119-120. Trần Trọng Kim là một học giả, không gia nhập đảng phái nào cả)

Ngày 6.8.1945, hai quả bom nguyên tử thả xuống Hiroshima và Nagasaki đã khiến Nhật Bản phải đầu hàng Đồng Minh. Tại VN, quân của Trung Hoa được chỉ định giữ nhiệm vụ đến giải giới quân Nhật từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, và quân của Anh, Ấn từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam.

Trước ngày Nhật bản đầu hàng, John (Mỹ) đã dùng điện đài của ông đánh đi bức điện tín sau đây giúp cho ông Hồ: *Đảng Đại Việt (một tập đoàn dân tộc chống Việt Minh) đang trù tính gây một cuộc khủng bố chống Pháp đại quy mô và mưu toan giá họa cho Việt Minh (?). Việt Minh đã ra cho 2 triệu hội viên (?) và số dân chúng ủng hộ, hãy đem hết khả năng để phòng cản mật cùng ngăn chặn kế hoạch phạm*

*pháp nầy của đảng Đại Việt. Việt Minh xin tuyên bố mục đích rõ ràng của mình là mưu cầu nền độc lập cho quốc gia bằng đấu tranh chính trị; nếu cần thiết phải dùng đến hành động quân sự thì quyết không dựa vào các thủ đoạn hèn hạ và phạm pháp. Ủy Ban Giải Phóng Dân Tộc kể ý tên. Lúc bấy giờ Hồ Chí Minh đang biểu diễn một màn thân Pháp; cũng giống như ông đã từng biểu diễn cho Trương Phát Khuê và Tiêu Văn xem cái màn thân Hoa, thân Pháp, kháng Nhật trước đó không lâu; nó hay đến nỗi, khi Việt Minh đã trở mặt bài Hoa mà Tiêu Văn vẫn tin rằng ông Hồ tất đi theo con đường Trung Quốc và thân Pháp, lại còn cho rằng ông Hồ cùng với Trung Cộng không có quan hệ gì hết (*61 HCM tại Trung quốc, Tường Vinh Kính (Thượng Huyền dịch), trang 358-359). Tiêu Văn khuynh tả nên đã giả vờ như không biết mà thôi. Sự dối trá của HCM để vu cáo cho các đảng phái khác, chỉ điểm cho Pháp bắt các nhà chí sĩ Quốc Gia yêu nước, giết những lãnh tụ Quốc Gia hay tôn giáo được dân chúng yêu chuộng, cho đến ngày nay, vẫn còn có kẻ khen tặng là một nhà chính trị giỏi, biết quyền biến.*

Tại miền Bắc, ngày 17.8.1945, bằng xảo thuật, Việt Minh đã biến cuộc biểu tình ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim thành cuộc biểu tình ủng hộ Việt Minh.

Hồ Chí Minh đóng vai Chủ tịch của Chính Phủ Lâm Thời. Ngày 23.8.1945, Bảo Đại bị cưỡng ép thoái vị, và nhận giữ chức Cố Vấn Tối Cao cho chính phủ Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa do HCM thành lập vào ngày 2.9.1945. Sau đó, để loại bỏ ảnh hưởng của Bảo Đại, Hồ Chí Minh đã tổ chức cho Bảo Đại đi Hương Cảng, và không cho ông ta về nước nữa. Ngày 19.11.1945, Tiêu Văn lấy danh nghĩa

là đại biểu của Trương Phát Khuê đứng ra tổ chức một cuộc hội nghị hòa giải có Quốc Dân Đảng, Việt-Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội và Việt Minh tham gia. Sau khi bàn bạc, cả ba phái đều thỏa thuận thành lập một Chính Phủ Liên Hiệp, và dự trù ngày 23.12.1945 sẽ tiến hành việc bầu cử Quốc Hội.

Sau đây là lời ông Trần Trọng Kim mô tả lại tiến trình và cách thức tổ chức Quốc Hội Lập Hiến do HCM chỉ đạo: Khi việc dàn xếp của các Tướng Tàu (*62 Lư Hán) cầm đầu xong rồi, đến ngày 2 tháng 3, thì mở cuộc họp Quốc Hội. Quốc Hội này có cái đặc sắc hơn cả Quốc Hội của các nước trên thế giới là chỉ họp có một ngày, xét qua bản lập hiến của Việt Minh đã định, và thừa nhận một chính phủ Liên Hiệp do ông HCM làm Chủ Tịch. Quốc Hội lại giao toàn quyền cho một ủy ban thường trực có 15 người do chính phủ đề cử, và để ông Nguyễn Văn Tố làm trưởng ban. Đoạn, Quốc Hội giải tán (*63 *Một Con Gió Bụi*, Trần Trọng Kim, trang 106). Cũng nên nói thêm rằng, trước đó, khi bầu cử Quốc Hội, Quốc Dân Đảng Trung Quốc muốn bênh vực cho Quốc Dân Đảng Việt-Nam. Tuy nhiên, HCM khôn khéo hơn, ông đã mua chuộc các Tướng Tàu để đảng CS tự do hướng dẫn dân chúng (hoặc ép buộc nếu cần) bầu cho những người của họ bất chấp sự phản kháng của phía Quốc Dân Đảng. *Biết rõ tính tình người Trung Hoa còn ai hơn ông Hồ Chí Minh. Để đầm mồm trước, họ Hồ cho trích quỹ Tuần Lễ Vàng đánh một khay đèn cùng đầy đủ dụng cụ hút nha phiến toàn bằng vàng, cùng hàng tấn nha phiến hảo hạng đem tặng cho Lư Hán và các đồ vật quý khác cũng bằng vàng đem tặng cho Tiêu Văn và các vị*

*Tướng Lãnh cao cấp khác (*64. Việt-Nam Quốc Dân Đảng, Hoàng Văn Đào, trang 277)*

Trên căn bản, không ai có thể chối cãi được rằng, đảng CSVN, ngay từ những năm còn hoạt động trong bóng tối, thật sự đã là tay sai của Nga Sô và Trung Cộng. Từ việc nhỏ đến việc lớn, Hồ Chí Minh đem thỉnh thị ý kiến hay nhận lệnh từ Mạc Tu Khoa. Ngay cả như việc thay đổi tên Đảng Cộng Sản thành Đảng Lao Động Việt-Nam để đánh lừa dư luận, *Bác Hồ có đi gặp Stalin để xin ý kiến. Stalin dạy làm như người Mông Cổ... Nghe tới Stalin nói thì còn ai hó hê*. CSVN đối với Mao và Stalin:

*Thương cha, thương mẹ, thương chồng,
Thương mình thương một, thương ông thương mười”*65*

(Tố Hữu)

*Giết giết nữa bàn tay không phút nghỉ,
Cho ruộng đồng lúa tốt thuế mau xong,
Cho Đảng bền lâu rập bước chung lòng,
Thờ Mao Chủ Tịch, thờ Xít Ta Lin bắt diệt*

(Tố Hữu)

chương III. việt nam 1954- 1963

Mặc dầu Phạm Văn Đồng tuyên bố sẽ không có tuyển cử nhưng thực sự HCM và đảng CSVN đã chuẩn bị trước khi ký vào Hiệp Định Genève. Bằng chứng hiển nhiên, miền Bắc đã gài lại Miền Nam những cán bộ chuẩn bị cho cuộc Tổng Tuyển Cử năm 1956. Chúng ta hãy xem HCM chuẩn bị thế nào cho cuộc Tổng Tuyển Cử này.

Hồ Chí Minh và Việt-Nam Dân-chủ Cộng-hòa

Việt Nam Dân chủ Cộng-hòa được thành lập vào ngày 29.8.1945, Hồ Chí Minh là Chủ Tịch. Sau khi ký Hiệp Định Genève vào ngày 20.7.1954, HCM cai trị nửa nước Việt-nam về phía Bắc của vĩ tuyến 17. Mục tiêu ngắn hạn của ông Hồ lúc này là chuẩn bị một miền Bắc vững mạnh để dự định chiến thắng trong cuộc Tổng Tuyển Cử giữa hai miền, dự trù tổ chức vào năm 1956 dưới sự thoả hiệp của hai miền. Chúng tôi đã đề cập về HCM và đảng CS ở phần trước, cho nên, phần này chỉ trình bày phương thức cai trị dân của họ mà thôi.

Nguyên tắc căn bản của CS về vấn đề cai trị là: **Đảng lãnh đạo, Nhà Nước quản lý, Nhân Dân làm chủ**. Đảng viên cao cấp là ai và đã lãnh đạo miền Bắc như thế nào? Giai cấp bản cổ nông đã đóng góp xương máu nhiều trong thời kỳ chiến tranh. Họ là tầng lớp không quản khó nhọc trong việc nằm gai nếm mật, chịu đựng tù đầy. Nhưng họ không phải là những người có thể lãnh đạo đất nước trong thời bình, thời kỳ xây dựng phát triển xứ sở. Theo Nguyễn Văn Trấn, đa số cấp lãnh đạo cao cấp chưa học quá cấp II bậc Trung Học, và mĩa mai hơn nữa, ông Trấn đã gọi mời ông cố vấn. *Cùng phần chấn với ông **Trường Chinh để đón chào Đảng CS Trung Quốc vĩ đại là các ông Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, Nguyễn Chí Thanh, Tố Hữu...**, những cán bộ đảng chuyên nghiệp kỳ cựu, trưởng thành từ các nhà tù đế quốc, không được học tập văn hóa có hệ thống, không có một nghề chuyên môn nào ngoài cái nghề làm cách mạng. Cùng loại với số người trên là ông Lê Thanh Nghị ở Liên Khu Ba, **ông Hoàng Văn Hoan ở Liên Khu Bốn, ông Nguyễn Duy Trinh ở Liên Khu Năm, ông Lê Đức Thọ ở Nam Bộ, ông Trần Quốc Hoàn ở vùng quanh Thủ Đô Hà Nội, ông Đỗ Mười ở vùng đường số 5, ông Phạm Hùng ở Nam Bộ.** Họ là những đại diện cho Trung ương ở các địa phương, làm công tác đảng chuyên nghiệp, không có nghề chuyên môn, cũng chỉ có nghề duy nhất là làm chính trị. Họ nhìn những người trí thức thật bằng những con mắt định kiến cố hữu của những người cách mạng vô sản chuyên nghiệp, nghĩa là theo con mắt của Mao (người trí thức không có giá trị bằng cục phèn) (*66 Mặt Thật, Bùi Tín, trang 72)*

Nhà Nước quản lý thiên nhiên, quản lý xã hội, quản lý

con người. Để quản lý con người, đồng thời củng cố quyền lực cho đảng CS, HCM mở một cuộc thanh lọc dân chúng đẫm máu để nâng cao khí thế của lớp bản cổ nông bằng chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất. Trường Chinh được chỉ định phát động phong trào Cải Cách Ruộng Đất với những màn đấu tố kinh hoàng. Chúng ta hãy đọc những gì chính những người CS mắt thấy, tai nghe về phong trào CCRĐ. *Những cuộc đấu tố đã bắt đầu xảy ra ở khu 4 kháng chiến từ năm 1953. Người dân cày dung dị hôm trước, được Đảng phóng tay phát động, vụt trở thành hung tợn, mặt bừng bừng khoái trá trong niềm vui hành hạ đồng loại. Tôi kinh hoàng nhìn cảnh tượng không hiểu nổi: nườm nượp lướt qua mắt tôi từng bầy đàn người bị kích thích bởi mùi máu, hăm hở đi dưới lá cờ đỏ sao vàng, không phải để chiến đấu với quân xâm lược mà với chính đồng bào mình (*67 Đêm Giữa Ban Ngày, Vũ Thu Hiền trang 31).* Như đã nói, kẻ bị gán tội có thể ngay là trẻ con, phụ nữ, người già.

Trước bà là hội trưởng hay hội phó Hội liên hiệp Phụ Nữ Thái Bình. Mất đất, bà mang con cái chạy vào Thanh Hóa, làm nghề hàng xáo, buôn thúng bán mẹt. Chúng tôi nghe tiếng kêu khóc chạy tới thì thấy mấy anh du kích quen đang xềnh xệch kéo bà đi. Hai tay bị trói giơ lên trời bà xiêu vẹo bước theo họ, kêu gào thảm thiết: ới Cụ Hồ ơi. Cụ trông xuống mà xem, người ta đối xử với con dân của Cụ thế này đây. Người dân đã được bộ máy tuyên truyền của Đảng nhồi vào óc, hình ảnh Hồ Chí Minh như là cha già của dân tộc (Bác Hồ) yêu nước, thương dân. Họ không nhận thấy rằng những tên đao phủ chỉ là làm theo mệnh lệnh của cha già dân tộc họ Hồ. Đến

giờ phút cuối của cuộc đời, họ vẫn còn chưa nhận biết được ai là thủ phạm chính. Hoàn cảnh tương tự như vậy đã xảy ra cho những chiến hữu từng vào ra sinh tử với họ Hồ.

Một đảng viên cao cấp đã nói: Cha bạn tôi, hoạt động cách mạng từ trước năm 1945, bị tổng giam vì bị vu là đảng viên Quốc Dân Đảng, thất cổ tự tử, để lại bức thư tuyệt mệnh: Oan cho tôi lắm, cụ Hồ ơi ? Tôi trung thành với Cụ, với Đảng. Tôi không phản bội. Hồ Chí Minh muôn Năm. Cho đến chết, ông này vẫn không biết ông là tội nhân của đảng (không thuộc giới vô sản,) ông bị lừa gạt vào đảng trong giai đoạn đấu chống Pháp, cũng như đa số dân VN đã bị lừa để yểm trợ cho Việt Minh

Theo các hồi chánh viên Bắc Việt, cuộc Cải Cách Ruộng Đất đã bắt đầu khai diễn vào năm 1952-1953 tại các vùng kiểm soát của Bắc Việt. Tuy nhiên, trong quyển hồi ký của Hoàng Văn Hoan, tác giả tiết lộ rằng kỳ họp của Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng, năm 1955, ủy ban cải cách ruộng đất có làm một báo cáo về đợt thí nghiệm tại Thái Nguyên (tháng 11.1953) do Hoàng Quốc Việt (Ủy Viên Bộ Chính Trị) lãnh đạo. Trong đợt, có 500 địa chủ lọt lưới và 400 địa chủ bị quy sai... bị mất hết tài sản, cả danh dự, gây thành một sự thù oán trong nhân dân... cho phép các đội Cải Cách Ruộng Đất được bắn địa chủ gian ác để nâng cao khí thế nông dân. Việc bắn địa chủ mở đầu từ Thái Nguyên, sau lan tràn đi nhiều nơi khác... Sau hiệp Định Genève, năm 1955-1956, HCM quyết định tái phát động phong trào cải cách ruộng đất (*68 *Hồ chí Minh STTT&SN*, trang 182- 183.). Để cho thần tượng Hồ Chí Minh không bị đổ

võ mọi tội lỗi (CS dùng danh từ: *sai lầm*) trong cuộc cải cách ruộng đất đều qui cho Trường Chinh. Tuy nhiên, câu chuyện sau đây đã nói lên sự thật, ai là người chủ mưu.

Chủ đồn điền Thái Nguyên là bà Nguyễn Thị Năm. Bà từng ủng hộ các chiến sĩ CS từ thời bí mật, từ những năm 1937, 1938... Chính các ông Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt đã được bà che chở, nuôi dưỡng. Hai con trai bà hoạt động Việt Minh từ thời bí mật, đi bộ đội giải phóng và đến năm 1954, một anh tên Nguyễn Công là Chính ủy Trung Đoàn, một anh tên Nguyễn Hanh là Đại Đội Phó Bộ Đội Thông Tin. Cố Vấn Trung Quốc nhận bữa rằng đây là mục địa chủ ác bá, có nghĩa là cần lấy đầu... ông Hoàng Quốc Việt kể lại rằng hồi ấy, ông chạy về Hà Nội báo cáo công việc hệ trọng này với ông HCM. Ông Hồ chăm chú nghe rồi phát biểu: Không ổn! Không thể mở đầu chiến dịch bằng cách nổ súng vào đầu một phụ nữ, và lại là người từng nuôi cán bộ CS và là mẹ của một chính ủy Trung Đoàn Quân Đội Nhân Dân đang tại chức. Ông hẹn sẽ can thiệp, sẽ nói ông Trường Chinh về chuyện hệ trọng và cấp bách này! Thế nhưng không có gì động đậy theo hướng đó cả! (*69 *Mặt Thật*, Bùi Tín, trang 37-38). Không ai dám làm trái lệnh của Cố Vấn Tàu, ngay cả HCM. Kinh nghiệm giết người tại Trung Quốc lại được áp dụng tại VN.

Ác hết sức là cố vấn Trung Quốc hiến cho cái kế Phóng Tay. Phóng tay! Nói nôm na (theo Nam Bộ) là cú việc làm mạnh thả của... *Trời ơi! Đảng của tôi đã nghe lời người ngoài, kéo khúc cây cong quá tròn. Nó bật trở lại giết chết bao nhiêu vạn sanh linh... Có lần anh chị em Nam Bộ biểu tôi đến gặp ông già Tôn mà hỏi, tại sao ông để cho Cải Cách*

*Ruộng Đất giết người như vậy? Bác Tôn đang ngồi, nghe tôi hỏi, liền đứng dậy bước ra khỏi ghế, vừa đi vừa nói: Đụ mẹ, tao cũng sợ nó, mày biểu tao còn dám nói cái gì?... Tội ác của CCRĐ thì nói sao cho xiết. Anh đi hỏi bất cứ người dân nào họ cũng kể ít nhất một chuyện, nghe khó tưởng tượng là có thật cho anh nghe (*70 Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội, Nguyễn Văn Trấn, Văn Nghệ, 1995)... Cán bộ cao cấp như Tôn Đức Thắng mà còn phát biểu như vậy thử hỏi chế độ ấy độc tài đến như thế nào? Những ai bôi bẩn chế độ VNCH, thật ra, là những người hoặc có ác ý, hoặc đã đòi hỏi ở chế độ này những giá trị tuyệt đối mà không chịu tìm hiểu chế độ CS miền Bắc để so sánh. Họ không hiểu thế nào là CNCS, và không thấy được sự khác biệt giữa chế độ và lãnh tụ. Không còn HCM, chế độ CS vẫn tàn ác như thường. Vì mơ hồ về CS, đa số các „lãnh tụ tập làm chính trị“ đã không đặt ưu tiên chống CS lên hàng đầu (giặc ngoài), chỉ lo gây xáo trộn trong nhà.*

Qua cuộc CCRĐ, người ta hiểu thêm được cái ý nghĩa đích thực của khẩu hiệu **đoàn kết dân tộc** mà HCM đưa ra để kêu gọi toàn dân chống thực dân Pháp. Để hưởng ứng phong trào này, những người yêu nước, không kể thuộc thành phần giai cấp nào, đang cộng tác hay không cộng tác với Pháp, đều nhiệt liệt tham gia. Chính những thành phần cường hào ác bá, những trung, phú nông mới có phương tiện nhiều để bao che, đóng góp, nuôi dưỡng cách mạng. Thế nhưng, trong cuộc CCRĐ bản án tử hình và tù đầy đã dành cho những người này trước tiên, cũng có người đã là đảng viên CS. Lý do chính yếu, vì *họ không phải thuộc giai cấp vô sản, bản cố nông*. Do đó, chiêu bài đoàn

kết dân tộc chỉ có ý nghĩa giai đoạn, nhằm mục đích *lợi dụng* bất cứ ai có thể lợi dụng được, và sau đó thanh toán họ. Chính sách này được dùng đi, dùng lại qua nhiều giai đoạn, và qua nhiều lãnh vực, suốt quá trình sinh hoạt của đảng CSVN. Khổ thay, đa số người miền Nam vẫn bị mắc lừa, đã bao che, nuôi dưỡng đội quân thứ năm mà CS đã gài lại trong miền Nam.

Trong thời gian kháng Pháp, chính trong giới nông dân, Việt Minh đã tìm nơi ẩn náu an toàn, tìm kiếm và tuyển chọn nguồn nhân lực và tài lực vô tận. Nhờ vậy HCM đã thành công kháng chiến chống lại đoàn quân viễn chinh Pháp đến thắng lợi. Nhưng từ khi giành lại độc lập (chia đôi đất nước) chế độ của HCM đã thay đổi hẳn thái độ đối với giới địa chủ, bạn đồng hành trong cuộc chiến giải phóng đất nước (*71 *Hồ Chí Minh STTT&SN*, trang 195-196.) Khẩu hiệu thà chết 10 người oan còn hơn để sót một địch được tung ra trong thời kỳ Cải Cách Ruộng Đất.

Một tòa án nhân dân được thành lập tại nơi nào diễn ra cuộc CCRĐ. Tòa án này do một quan tòa chủ tọa được chọn trong số các đội viên của đội CCRĐ. Một nông dân, đại diện nông dân xã ấp, nắm vai trò biện lý. Ông biện lý biết rõ lý lịch địa chủ vì trước kia, quan biện lý này đã từng là gia nhân, làm thuê mướn hoặc là tá điền của địa chủ bị tố giác... Trước khi bị can được đưa ra tòa án, đội CCRĐ tổ chức một phiên tập duyệt tòa án xét xử tại nhà của một nông dân. Số nạn nhân bị giết trong cuộc CCRĐ lên đến 200.000 người, trong số này, có cả từ 40.000 đến 60.000 cán bộ đảng viên (*72 *Hồ Chí Minh STTT&SN*, trang 188). HCM đã du nhập chương trình CCRĐ từ Trung Quốc. Tất

cả chương trình, tài liệu đều đóng dấu của Trung Cộng. Ông ta biết rất rõ rằng chính sách này đã giết chết hàng triệu nông dân Trung Hoa, nhưng ông ta vẫn xử dụng nó. **Ông ta muốn dùng bạo lực, và đã hoạch định một cách kỷ lưỡng cho chương trình này** (*73 *No More Vietnams*, Richard Nixon, trang 37). Trong cuộc CCRĐ, luân thường đạo lý đảo lộn, cơ cấu gia đình, xã hội xáo trộn bởi cảnh vợ tố chồng, con tố cha mẹ, anh em tố nhau, hàng xóm tố nhau... Nhân dân sống hoàn cảnh sợ hãi và nghi kỵ lẫn nhau. (Một khía cạnh khác liên quan đến kế hoạch gởi người ra Bắc hoạt động. Vì không hiểu được cơ cấu tổ chức xã hội tại miền Bắc, cho nên, Hoa Kỳ đã cùng Phòng 7 Tổng Tham Mưu của VN dưới thời ông Diệm đã thất bại trong việc đưa người ra Bắc hoạt động).

Sau màn thanh lọc, đến việc cải tạo tư tưởng bằng phương thức học tập, chế độ hộ khẩu và hệ thống công an chằng chịt (công an khóm, phường khu vực, quận, thị xã) để kiểm soát hoạt động, chế độ phân phối lương thực để nắm lấy bao tử của người dân. Cách thức học tập đơn giản nhất, ít tốn kém nhất là đặt những cái loa tại mỗi góc đường phố, khu xóm làng, và báo chí cứ nhắc đi nhắc lại ngày này qua ngày khác, những gì Đảng và Nhà Nước muốn nhân dân cần biết, sau đó, tất cả sẽ nói giống nhau như **đức, và những điều này trở thành sự thật**. Sau đây, xin đan cử một thí dụ điển hình, lãnh tụ Hoàng Văn Hoan. Hãy đọc những gì Hoan viết sau đây: *Sau Hiệp Định Paris, ... ở Sài Gòn, chúng* *74 *(để VNCH) còn dùng xe ủi đất để san bằng nhà ở, vườn tược của nhân dân, lập thêm ấp Chiến Lược ...* (*75 *Giọt nước trong biển cả*, Hoàng Văn Hoan, trang

407). Không ai có thể tưởng tượng được ấp Chiến Lược lại được thành lập tại Sài Gòn. Hơn thế nữa, sau khi ông Diệm bị lật đổ năm 1963, các lãnh tụ Hà Nội đã ăn mừng vì chương trình ấp chiến lược đã bị bãi bỏ, vậy mà ông Hoan vẫn nói sau Hiệp Định Paris Sài Gòn ủi nhà cửa, vườn tược của dân để lập ấp Chiến Lược?! Chưa hết, ông Hoan còn viết: *Phối hợp với các cánh quân của ta tiến vào Sài Gòn, các Đảng Bộ địa phương, các cơ sở cách mạng đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy đấu tranh vũ trang, vận động lính nguy bỏ súng đầu hàng và cướp chính quyền từ trong tay nguy...* Những bài học thuộc lòng này được các **đảng viên CS lập đi, lập lại, ngay cả lãnh tụ** Hoàng Văn Hoan đã tị nạn tại Trung Quốc lâu năm vẫn không quên được. Hình như họ chỉ biết lập lại như con vẹt những gì Đảng và Nhà Nước muốn họ nói mà không cần suy luận xem đúng hay sai. Làm gì có cảnh “*các cơ sở cách mạng đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy đấu tranh vũ trang*”. Câu nói trên không áp dụng **được cho trường hợp quân Bắc Việt tiến vào Sài Gòn.**

Học tập cải tạo có nhiều hình thức, tại địa phương hay vào khu tập trung (tù) mang nhiều tên mỹ miều khác nhau. **Để có thể hình dung được trại cải tạo như thế nào chúng ta lấy trại Đầm Đùn** làm điển hình: Trại tọa lạc trên một khu đất trống rộng chừng năm, sáu mẫu tây, gần rừng thuộc làng Đầm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Chung quanh trại có hai lớp rào nửa bao bọc. Nửa rừng nguyên cây, cứng như tre, cắm sâu xuống đất khít với nhau chéo đi chéo lại, buộc bằng dây kẽm, con gà chui không lọt. Trại được mang một cái tên mang tính chất kinh tế Trại Sản Xuất và Tiết Kiệm. Không có tài liệu nào

nói đến năm thành lập trại. Nhưng một nhân chứng đã bị giam nơi này trong khoảng thời gian năm 1948-1949. Đây là một trại tù điển hình của CS. Theo Trần Văn Thái sở dĩ trại tù dưới chế độ CS thật khủng khiếp vì: *Phải công nhận người CS có một kỹ thuật tàn ác phi thường về phương thức trừng phạt những kẻ bị chúng kết tội là phản động. Kỹ thuật đó đã được nghiên cứu bởi những người có kinh nghiệm ngục tù, lại được áp dụng bởi những kẻ không tình cảm, còn mang thêm căm thù không nguôi trong lòng vì đấu tranh giai cấp* (*76 Trại Đầm Đùn, Trần Văn Thái, trang 13). Kiểu mẫu trại tù này, HCM và đảng CSVN đã học được từ Liên Xô, những trại tù Tây Bá Lợi Á, khó tin nhưng có thực.

Dưới chế độ CS, tai họa bất ngờ không biết đâu mà lường trước được. Miệng cán bộ, miệng đảng viên có gang, có thép, họ bắt bẻ, buộc tội như thế nào, tù nhân cũng đành chịu, cán bộ bảo sống là sống, bảo chết là chết, tù nhân không thể nào tránh né được. Sự Sống trong trại Đầm Đùn thật gay go, phải giành sự sống từng chút một, khiến người tù bước dần tới mức độ loài vật mà không hề bận tâm (*77 Trại Đầm Đùn, Trần Văn Thái, trang 9 và 12)

Các việc làm nặng nhọc kiệt sức trong và ngoài trại, tình trạng đói khổ liên miên làm hao mòn sức sống của tù nhân, hình dáng những người tù gầy ốm như que củi, quần áo rách tả tơi,... những vết thương lở loét kinh tởm, những chiếc khoen sắt đeo ở cổ chân với những sợi lòi tói sắt quết lê trên mặt đất, những cây roi song rừng tàn nhẫn, tác dụng như roi cá đuối, những giọt nước mắt, những khuôn mặt méo mó lệch lạc những tiếng quát tháo, những khẩu súng đen sì có cảm lưỡi lê thỉnh thoảng lại xiên thẳng vào tim,

vào bụng những người bị chế độ ghét bỏ và thù hận. Tất cả những thứ ghê sợ đó tạo nên một làn không khí khủng khiếp luôn luôn bao trùm trại giam (*79... *Trại Đầm Đùn*, Trần Văn Thái, trang 28-29)

Trại Đầm Đùn mô tả cảnh Đầu Trâu (quản giáo) đánh đòn trừng phạt tù nhân bằng roi song mật, khiến tù nhân bật túy xương sống chịu không thấu phải nhai nát lưỡi tự tử tại trận trước mắt sáu, bảy trăm người; đoạn tả ba người tù đói nhai một lúc bảy, tám củ xu hào sống dưới ruộng đến no **phình bụng rồi chết vì bội thực; những đoạn tả con đói triển miên thê thảm của người tù bị phong vương** phải nuốt sống thạch sùng cho qua con đói; đoạn tả đòn vượt nứa bắt độc giả phải rợn người, ớn xương sống, toát mồ hôi lạnh; đoạn tả người tù đói liếm xương cá mỗi bữa ăn sau khi hít hít, ngửi ngửi lấy mùi tanh của cá còn sót lại; đoạn tả cảnh thợ rèn đóng xiềng vào chân tù và cho tù ném đòn trượt búa để đòi tiền hối lộ... Trại tù của Cộng Sản gồm đủ hạng người, và đủ lứa tuổi. Có Nhiều em bé đi tù khi áo tù dài chấm tới chân. Thi sĩ miền Bắc Nguyễn Chí thiệp mô tả:

*Những thiếu nhi điển hình chế độ
Thuở mới đi tù trông thật ngộ
Lon xon không phải mặc quần
Chiếc áo tù dài phủ kín chân
Giờ thấm thoát mười xuân đã lớn
Mặt mũi vêu vao, tỉnh tỉnh hung tợn
Mở miệng là chửi bới chẳng từ ai
Có thể giết người vì củ sắn củ khoai?
(1966)*

Để chấm dứt phần nói về Bắc Việt dưới sự cai trị của HCM và đảng CSVN, chúng tôi nhường lời cho Vũ Thư Hiên:

*Cái tất yếu trong chế độ này là thế nào tôi đã biết. Tôi, hay bất cứ ai, chúng tôi đều là chim trong lồng, là gà trong chuồng, người ta muốn lôi ra cắt tiết lúc nào được lúc ấy. Con người chẳng có quyền gì hết trước Đảng toàn năng (*80 **Đêm Giữa Ban Ngày**, Vũ Thư Hiên, Văn Nghệ, 1997, trang 40). Vậy mà Tổng Bí Thư Lê Duẩn vào Nam, lúc Sài Gòn sụp đổ, đã tuyên bố ngay: Xã Hội Chủ Nghĩa Hà Nội là một chế độ Dân-chủ, và Dân-Chủ một triệu lần hơn các chế độ Tây Phương (*81 *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng*, Hồ Sĩ Khuê, trang 89). Nếu trước năm 1945, các quốc gia trên thế giới biết được mặt thật tàn bạo, dối trá của CS, đại họa cho VN may ra có thể tránh được.*

Tổng Tuyển Cử được dự trù tổ chức để cho nhân dân hai miền Tự Do chọn lựa. Hà Nội đã gài người ở lại Miền Nam, tạo một thế giới kinh hoàng để nắm chắc lấy dân Miền Bắc theo kiểu Cải Cách Ruộng Đất, thủ tiêu và tù đầy những ai không theo họ, thử hỏi họ có đáp ứng được **điều kiện Tổng Tuyển Cử hay không ? Ngô Đình Diệm lấy cớ này không chịu tổ chức Tổng Tuyển Cử. Sau khi bị miền Nam từ chối nói chuyện về Tổng Tuyển Cử, Hà Nội họp Đảng, tuyên bố giải phóng Miền Nam, và bắt đầu cho cán bộ tập kết xâm nhập vào Miền Nam.**

Ngô Đình Diệm và Việt-Nam Cộng-Hòa

Ngô Đình Diệm là người khai sinh ra nền Đệ Nhất Cộng-Hòa tại Miền Nam VN. Do đó, chúng ta tìm hiểu sơ qua về thân thế của ông ta. Ông Diệm sinh năm 1901 tại

Huế, học Trung Học tại trường Pellerin Huế. Sau khi đậu bằng Thành Chung, ông thi vào trường Hậu Bổ, hậu thân của trường Quốc Tử Giám, dưới thời vua Khải Định. Ra trường ông Diệm được bổ đi làm Tri Huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên, lúc ông mới 23 tuổi. Năm 1933, năm 32 tuổi ông được thăng Thượng Thư Bộ Lại dưới triều Bảo Đại. Nhận thấy không thể thực hiện được những cải cách theo ý muốn, ông từ quan. Ngay trong phần *Lời Nói Đầu*, chúng tôi nhấn mạnh, đây là quyển sách cố gắng trình bày những nguyên nhân sâu xa, những tính chất căn bản của những dữ kiện đã đưa **đến chiến tranh VN vào hậu bán thế kỷ 20, và biến cố trọng đại ngày 30.4.1975. Đây không phải là quyển sách sử với đề tài để tranh cãi “Sự nói Sự giỏi, Vãi nói Vãi hay”**. Sau đây là những nhận xét về ông Diệm của nhiều nhân vật đã có liên hệ với ông Diệm trong quãng đời chính trị của ông.

(1) Hồ Sĩ Khuê cho biết ông là một người đã hoạt động cạnh bên ông Diệm từ năm 1947, đến Giáng Sinh năm 1954 thì gián đoạn. Hồ Sĩ Khuê là người sau này đã gởi thư cho Tổng Thống Hoa Kỳ phản đối ông Diệm trong dịp ông Diệm viếng thăm Hoa Kỳ. Ông Khuê nhận xét về bản chất ông Diệm như sau: *Tôi rất kính trọng ông Diệm về nhân cách. Ông có khí tiết có đức độ. Gần hai năm thân cận với ông, tôi nhận ra giá trị đạo đức bình thường của Ông. Cố nhiên không phải là hoàn toàn, nhưng đủ cho người trọng. Nếu Ông làm một nhà tu, hay một ẩn sĩ, thì tuyệt* (*82 Hồ Chí Minh Ngô Định Diệm và Mặt Trận Giải Phóng, Hồ Sĩ Khuê, trang 191)

(2) ông Nguyễn Văn Châu theo hoạt động với ông Diệm từ năm 1948, từng giữ chức Giám Đốc Nha Chiến Tranh

Tâm Lý. Sau khi ông Diệm bị lật đổ, ông từ nhiệm chức Tùy Viên Quân Sự tại Hoa Kỳ, và định cư tại Pháp. Trong quyển sách *Ngô Đình Diệm và Nỗ Lực Hòa Bình Dạng Dỏ*, Nguyễn Văn Châu đã nói nhiều về ông Diệm. Sau đây chỉ xin ghi vài nét vắn tắt. Ông Diệm là người rất đơn giản và khiêm tốn. Khi đã là Tổng Thống, ông vẫn còn giữ một sở y phục và vật dụng cá nhân mà ông vẫn dùng từ trước... Mẫn tiệp và sành tâm lý, Ông đọc dễ dàng quan điểm của người đối thoại. Được giáo huấn trong khuôn khổ Nho Giáo truyền thống và trong một môi trường văn hóa Công Giáo những năm 1920, ông vẫn tỏ ra biết hòa nhịp với thời hiện đại trong ngôn từ cũng như hành động... Một con người trong sạch tuyệt đối, rất tận tụy tới độ không thể làm hơn, chỉ tiêu xài cho những tối thiểu cần thiết. Ông sống một đời rất khổ hạnh, bận y phục complet kiểu Âu Tây khi họp Hội Đồng Bộ Trưởng, tiếp tân ngoại giao đoàn hoặc đi kinh lý.

Ngoài ra, để làm việc ở văn phòng Tổng Thống, Ông mặc áo dài cổ truyền. Ông ngủ giường **chiếu hoặc phản gỗ, không có nệm, gối gỗ hoặc bằng da và một chiếc mền bình thường. Không kiểu cách, chính ông giặt giữ lấy đồ lót... Ông biết nỗi khốn khổ bản cùng của người dân, nên cai trị như một người cha lo lắng cho con... Con người rất nguyên tắc mà quyền uy là thứ nhất, Ông luôn tìm cách áp đảo người đối thoại, nhưng đồng thời lại có lòng nhân từ... ông không thể tha thứ những ai cãi lại lệnh của ông, vì thế ông bị gán danh hiệu là độc tài. Khuyết điểm lớn nhất là hay tức giận** (*83 *Ngô Đình Diệm và Nỗ Lực Hòa Bình Dạng Dỏ*, Nguyễn Văn Châu, trang 78-86). Ông

Diệm là con người trước sau chỉ có một mặt phải, *Quốc Gia*, quản trị giỏi, thanh liêm, và thành thật. Ông không thể nào đối đầu với một Hồ Chí Minh ngàn khuôn mặt, cách mạng nhiều mảnh khoe, xảo quyệt, mị dân. Kết án ông Diệm có óc gia đình trị, kỳ thị tôn giáo hoặc thiên vị Công Giáo là xuyên tạc (*84 *Ngô Đình Diệm và Nỗ Lực Hòa Bình Dạng Dở*, Nguyễn Văn Châu, trang 86). Khi nắm quyền, chính hai cá tánh *không thể tha thứ ai cãi lại và hay tức giận đã làm ông trở thành cô độc, không hiểu nhiều tính cách bên ngoài, và chỉ nghe theo những lời* của những người **nịnh bợ ông**.

(3) Vĩnh Phúc nói về ông Diệm như sau: Khoảng năm 1942, Linh Mục Lê Suong Huệ nhờ Hoàng Bá Vinh gặp ông Diệm để hỏi ý kiến xem cần phải làm gì trong hoàn cảnh lúc đó, và xem ông Diệm có đồng ý để cho người của ông trong vùng Nghệ Tĩnh dùng bạo động chống lại người Pháp hay không. **Ông Diệm tỏ ý không muốn dùng bạo động** vì sợ người Pháp dùng sức mạnh đàn áp tiêu diệt. Ông nhắc gương tranh đấu của **ông Nehru ở Ấn độ và muốn mọi người hãy theo phương pháp ôn hòa này***85... ông Diệm có tính cố chấp, tự tôn, nhưng không độc ác, lại không biết quyền biến và dứt khoát trong trường hợp nguy khốn bất ngờ... **Điều đáng tiếc cho ông Diệm là ông không biết nghe lời** nói thẳng mà chỉ thích lời xiểm nịnh, nên những người có thể giúp ích cho ông rất nhiều như Hoàng Bá Vinh dần dần xa lánh. Ông Diệm sống như người **tu hành**, không có tham vọng vật chất. Lòng yêu nước của ông cũng rõ ràng, tuy ông quan niệm công việc lo cho dân cho nước theo kiểu của ông quan thời phong kiến. Nghĩa là ông là cha mẹ dân, ông tự tin vào lương

tâm trong sáng của mình, thì ông có quyền bắt dân phải nghe theo mệnh lệnh của mình (*87 Những Huyền Thoại và Sự Thật..., Vĩnh Phúc). Ngay cả những lúc dầu sôi lửa bỏng nhất, Tổng Thống mắng ông Cao Xuân Vỹ hồi 4:30 chiều ngày 1.11.1963 trong hầm dinh Gia Long khi ông Cao Xuân Vỹ xin ông Diệm ra lệnh cho quân ở thành Cộng-Hòa tấn công phe đảo chánh. *Anh ưng làm loạn không à! Có cái chi mà phải đánh! Anh biết tôi là ai không? Tôi là Tổng Tư Lệnh Quân Đội, tôi lại ra lệnh Quân Đội đánh Quân **Đội** à? **Tôi còn mặt mũi thấy Quân Đội nữa không?** Có chi thì ngồi giải quyết, chứ Quân Đội là để chống Cộng, sao lại đem đánh nhau* (*88 Những Huyền Thoại và Sự Thật..., Vĩnh Phúc, trang 481).

(4) Ông Ngô Đình Nhu, bào đệ và cũng là Cố Vấn cho ông Diệm cho rằng TT Diệm quá chú trọng đến vấn đề canh tân xứ sở (xây cầu đường, đẩy mạnh chương trình khẩn hoang lập ấp), và phát triển kinh tế trong khi đó thiếu nội dung chính trị và cách mạng VN phải tìm một con đường đi cho chính mình, độc lập đối với các quốc gia khác, ngay cả với Hoa Kỳ.

(5) Hồ Chí Minh vẫn kính trọng Ngô Đình Diệm. Năm 1945, khi Việt Minh cướp chính quyền, giết chết cha con Ngô Đình Khôi (anh ông Diệm,) và bắt Ngô Đình Diệm đưa lên giam ở Thái Nguyên. Ông Diệm đã được đưa gặp Hồ Chí Minh. **Ông Hồ nói: tôi muốn mời Cụ cộng tác với tôi trong chính phủ do tôi thành lập. Nhưng ông Diệm trả lời:**

- Tôi với Cụ cùng có một mục đích giành lại Độc Lập cho Việt-nam, nhưng *tư tưởng của Cụ và của tôi khác nhau*

về vấn đề độc lập và dân tộc, nên tôi không thể hợp tác với Cụ được.

- Nếu Cụ không cộng tác với tôi thì xin Cụ cứ về bình yên. Tôi bảo đảm không ai dám đụng đến Cụ (*89. *Những Huyền Thoại và Sự Thật...*, Vinh Phúc, trang 23-24)

Ông Hồ chí Minh, trong một phòng vấn dành cho nhà báo thiên Cộng người Úc Wilfred Burchett vào tháng 7 năm 1963, đã tuyên bố: *Sự can thiệp của ngoại bang phải chấm dứt viễn tượng đó, cuộc ngưng bắn sẽ là đối tượng của một thỏa hiệp. Dù sao đi nữa, ông Diệm vẫn là một người yêu nước theo cách của ông ta.*

(6) Ông Trần Hùng Văn, bút hiệu Trọng Kính, một nhà báo Hà Nội, sang Anh khoảng đầu thập niên 1990 và xin ở lại ty nạn chính trị đã cho ông Vinh Phúc biết về việc phe CS thu xếp để Phạm Hùng gặp Ngô Đình Nhu. Miền Bắc nhận định về gia đình ông Diệm như sau: *Thật ra, người ta yêu nước mỗi người một kiểu. Ông Ngô Đình Diệm cũng khá đấy! Mỹ muốn dùng (?) ông ấy để chống với Cụ Hồ. Gia đình nhà ông ấy liêm khiết. Ông đã dám chống Tây, Ngô Đình Nhu học rất giỏi. Nhưng anh em nhà ấy khinh người, quan lại phong kiến... Ngô Đình Nhu không thích Mỹ, cũng không thích Tây, quá tự cao tự đại, muốn tự mở ra một cái gì cho Việt-Nam, do đó, dễ bị lợi dụng... Một số người miền Bắc cho rằng gia đình hai ông Diệm-Nhu có truyền thống yêu nước. Anh em ông đã gây dựng được miền Nam vững mạnh, và thoát được sự thống trị kinh tế của người Hoa. Vì anh em ông Diệm có tinh thần quốc gia, không chịu khuất phục trước áp lực của người Mỹ, nên dễ đi với Cộng Sản trong ý định xây dựng hai miền của Việt-Nam thành một Liên Bang (*90. *Những Huyền Thoại và Sự Thật...*, Vinh Phúc, trang 340-341)*

(7) William Colby viết: Vài ngày sau đảo chánh ông Diệm, một đại diện của CSBV tại Paris đã bình luận với một người Mỹ rằng, họ rất ngạc nhiên và giật mình (shock) khi biết hành **động của Hoa kỳ chống lại một địch thủ mạnh nhất và hữu hiệu nhất mà họ phải đương đầu. Nguyễn Hữu Thọ, lãnh tụ Mặt Trận Giải Phóng Quốc Gia đã xem đó là món quà Trời đã cho họ** (*91 *Lost Victory*, William Colby, trang 158)

(8) Đối với người Hoa Kỳ, luôn luôn họ đặt quyền lợi làm căn bản, và dưới mắt họ không ai đáng nể trọng cả. Điển hình là Averell Harriman. Vai trò đầu tiên của Averell Harriman là Đại Sứ của Hoa Kỳ tại Lào. Ông là người đã thúc đẩy Hoa Kỳ ký các Hiệp ước Trung Lập tại Đông Dương gây tai họa cho VN. Harriman khinh khi Tưởng của Đài Loan, Park của Đại Hàn, Sarit của Thái Lan, Phoumi của Lào và nói rộng ra thêm, Diệm của Saigon (*92 *Lost Victory*, William Colby, trang 124). Ngược lại Harkins nhìn khác. Khi Hoa Kỳ quyết định lật đổ Ông Diệm, Cabot Lodge, vua đảo chánh, đã được gọi sang VN. Harkins đánh điện tín cho Hoa Thịnh Đốn, trong đó, ông cho biết, ông biết rõ các tướng, trong lúc Lodge không biết... Trong sự tiếp xúc của tôi ở đây, **Harkins nói, tôi không thấy có người nào có tánh cương nghị như Diệm**, ít ra là về mặt chống CS. Hiển nhiên là không có tướng nào đủ tư cách để nắm quyền theo ý tôi (*93. *Công Và tội*, Nguyễn Trân, trang 442)

(9) William Colby nhận định: ông Diệm, Nhu khinh thường những nhóm chống đối không CS. Anh em nhà họ Ngô xem những nhóm này chỉ thuần là những tàn tích của

chế độ thuộc địa, hoặc là những nhà trí thức không có chủ trương nhất định với những ý kiến không thực tế, và rời rạc đối với một quốc gia đang tiến hành sự canh tân hóa nhanh chóng, và phải đối đầu với kẻ thù sinh tử ở miền Bắc (*94 *Lost Victory*, William Colby, trang 65)

(10) Nguyễn Văn Châu viết: Phần lớn các cán bộ nòng cốt của đảng Đại Việt đã được tình báo Mỹ tuyển dụng, và là trở ngại lớn cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Các lãnh tụ chính trị không đảng phái, và một số lớn trí thức tại Sài Gòn, là một trở ngại khác. Những người này chỉ phê bình, chỉ trích chế độ mà không đưa ra được một đề nghị, kế hoạch xây dựng nào. Báo chí và truyền hình Mỹ lấy tin tức từ những người này để đòi hỏi chính phủ Diệm phải thực thi tự do, Dân-chủ theo kiểu Tây Phương. Diễn hình là Nhóm Caravelle. Nhóm này gồm mười tám chính trị gia, và trí thức, họp nhau tại nhà hàng Caravelle ở Sài Gòn vào ngày 26.4.1960, ra tuyên ngôn đòi chính phủ phải thực thi tự do, Dân-chủ

Khoảng ba, bốn tháng sau, ông Nhu đã mời nhóm Caravelle vào để trao đổi quan điểm. Ông Nhu cho biết: Nói thực, việc của tôi là thế này, mục đích chính của tôi cũng như của tổng thống là chống Cộng. Việc chống cộng quan hệ ở chỗ là phải biết rằng trong vấn đề chống Cộng, có CS len lỏi phá hoại nhiều trong dân chúng, trong quân đội trong giới có bằng cấp cao. Trong khi ta chống Cộng, cũng phải coi chừng để phòng sự len lỏi phá hoại của CS trong mọi cấp, mọi lãnh vực xã hội. Mục đích chống Cộng của chúng tôi như vậy. Nếu có khuyết điểm gì, các cụ, các ông cứ cho tôi biết. Cần sửa đổi, cải tổ. Chúng tôi sẽ cải

tổ. Nhưng chúng tôi cần phải biết lý do (*96 *Những Huyền Thoại và Sự Thật...*, Vinh Phúc, trang 219). Không vị nào nói gì hết, ông Nhu mời mấy vị ấy ra về. Không biết chúng ta có nên đặt một nghi vấn như thế này cho các vị ấy hay không: Phải chăng, sau năm 1954, thời cuộc VN đã biến những nhân tài quân sự, và những nhà cách mạng không CS tại miền Nam, trở thành những nhà chính trị (sa-lông theo lối nói của ông Nhu và của số đông quần chúng). Họ đã thực sự giúp ích được gì cho Miền Nam trong công việc chống Cộng (nếu định nghĩa chống Cộng là chống chính quyền để gọi là giành Tự do, Dân-chủ) ngoại trừ tạo khủng hoảng chính trị tại hậu phương, khiến Hoa Kỳ có thể lợi dụng họ lật đổ ông Diệm?

(11) Colby nhận xét về kiến thức của những cơ quan Hoa Kỳ về chính phủ Diệm như sau:

... Như những người mù sờ voi, những nhân viên ngoại giao Hoa Kỳ, Cơ Quan Phát Triển Quốc Tế, Cơ Quan Thông Tin, Bộ Binh, Hải Quân, Không Quân, Thủy Quân Lục Chiến, Cơ Quan tình Báo Trung Ương CIA ..., đã định nghĩa con voi Việt-Nam khác nhau...

Họ thường liên lạc với những nhà quân sự và chính trị gia tại Sài Gòn để nghe những tin đồn, những nhận định vô căn cứ. Họ nghe những lời chỉ trích từ mọi phía, về ông Diệm đã lệ thuộc nhiều nơi người em (ông Nhu) mà quên rằng chính TT Kennedy cũng đã bổ nhiệm người em Robert Kennedy làm Bộ Trưởng Tư Pháp, và cũng là Cố Vấn rất thân cận... Họ không bao giờ so sánh những thành tựu (performance) mà chính phủ Diệm đã thực hiện trong bối cảnh thực tại ở miền Nam lúc bấy giờ với kẻ thù CS

miền Bắc... Kết quả đã đưa đến việc Đại Sứ Durbrow đề nghị phải thay đổi lãnh đạo (ông Diệm) (*97: Lost Victory, William Colby, trang 105- 107)

Chúng ta có thể tóm tắt phần nhận xét về ông Diệm như sau: Về chế độ của ông Diệm, tùy theo cái nhìn của mỗi cá nhân, dựa trên tình cảm, hiểu biết, quyền lợi chính trị ..., cũng có kẻ khen, người chê. Tuy nhiên, phải nhận rằng bản chất của ông là một người không hiểm độc, thanh liêm, tự cho mình là người lo cho dân cho nước, nhưng tư cách quan liêu phong kiến, độc đoán và hay giận dữ, là những yếu tố làm cho ông tự bị cô lập, chắc chắn đưa đến những quyết định không sáng suốt (cò trí bất minh.)

Về quốc sự ông Diệm đã tiên đoán rằng Hoa Kỳ sẽ can thiệp vào tình hình Đông Dương, vì vậy ông đã xuất ngoại vào năm 1950. Ba quốc gia ông qua lại nhiều nhất là Pháp, Hoa Kỳ và Ý (Tòa Thánh La Mã). Tại Hoa Kỳ ông Diệm được Hồng Y Spellman giúp đỡ. Thỉnh thoảng ông được mời đi thuyết trình tại các Đại Học miền Đông, miền Trung-tây Hoa Kỳ, và ngay cả tại Hoa Thịnh Đốn. Năm 1953, ông Diệm qua Pháp và sau đó sang Bỉ. Năm 1954, ông Diệm trở lại Paris để rồi sau đó nhận chức Thủ Tướng do Bảo Đại bổ nhiệm. Ông về nước vào ngày 26.6.1954.

Ngày 8.3.1954, một phái đoàn do Thủ Tướng Bửu Lộc cầm đầu bắt đầu thương thuyết với Pháp về Độc Lập và chủ quyền của VN. Bửu Lộc đã thúc giục chính phủ Pháp ký hiệp ước, nhưng không được trả lời mãi cho đến ngày 4.6.1954, hai Thủ Tướng Bửu Lộc và Laniel mới ký Hiệp ước, và ngày 16.6.1954, Pháp mới thực sự trao trả độc lập cho VN. Ngày 28.6.1954, Ngô Đình Diệm được Bảo Đại ủy

nhiệm toàn quyền dân sự và quân sự. Ngày 7.7.1954, Ngô Đình Diệm thành lập chính phủ. Song hành với việc HCM củng cố miền Bắc để chờ ngày nói chuyện tổng tuyển cử với Miền Nam (dự trù vào năm 1956,) Ngô Đình Diệm đã làm những gì trong những năm này? Năm 1954, ông Diệm về nước với sự đón tiếp của thân hữu, đồng chí, và đảng viên Đảng Cần Lao do ông Ngô Đình Nhu thành lập tại Huế năm 1954. Ông Diệm về nước trong một tình trạng gần như tuyệt vọng: không được quân đội ủng hộ, không được quần chúng ủng hộ, không tài chánh và phương tiện cần thiết, ngân quỹ quốc gia đã cạn. Cao ủy Pháp nắm ngân quỹ và quý kim. Ngày 7.7.1954, ông Diệm thành lập chính phủ đầu tiên tại Sài Gòn.

Trong những năm đầu chấp chánh, ông Diệm đã thực hiện song song những việc sau: Chương trình định cư những người Bắc di cư vào Nam, thành lập nước VNCH, xây dựng quân **đội, phát triển kinh tế, xây dựng một đường lối chính trị. Bên cạnh đó là những biến cố trọng đại đã làm sụp đổ chế độ ông Diệm.**

Chương trình định cư đồng bào tị nạn Miền Bắc

Hội nghị Genève chia đôi đất nước. Lính viễn chinh Pháp và các lực lượng quốc gia phải rút khỏi miền Bắc. Bằng mọi cách, dân chúng bỏ chạy khỏi những vùng Việt Minh chiếm đóng, xuống tàu xuôi Nam, đôi khi phải dùng những chiếc thuyền bè mong manh. Làn sóng di cư vĩ đại (hơn 900 ngàn người) này trở thành một gánh nặng kinh tế cho chính phủ Ngô Đình Diệm, một chính phủ mới đang trong thời gian xây dựng. Ngược lại ngoại trừ những cán bộ cần phải tập kết, không ai thấy dân chúng đi ra Bắc

một khi đã chia rõ giới tuyến Bắc (CS) Nam (không CS). Đây là một thắng lợi về mặt chính trị cho Miền Nam trước con mắt của thế giới.

Một Phủ Tổng ủy phụ trách định cư đồng bào tị nạn được thành lập ở Sài Gòn. Chính phủ đã hoạch định rõ những khu vực trú ngụ để định cư đồng bào, với hy vọng trong khoảng một thời gian ngắn, họ có thể tự túc sinh sống, hội nhập vào cuộc sống mới mà không phải nhờ vào sự giúp đỡ của chính quyền nữa. Cũng có người chỉ trích rằng ông Diệm đã cho đồng bào di cư nhiều đặc ân, họ quên rằng những đồng bào ruột thịt này đã bỏ nơi chôn nhau cắt rốn để lánh nạn CS chạy vào Miền Nam. Giúp tị nạn là một bổn phận, chưa nói đến tình nghĩa đồng bào. Hơn nữa, những đồng bào này phải tự khai khẩn những vùng đất hoang vu để canh tác, từ Cao Nguyên Miền Trung cho đến vùng đồng bằng sông Cửu Long ở miền Nam.

Một điểm son của chính phủ Ngô Đình Diệm lúc bấy giờ là ông Diệm đã phối hợp được việc chọn lựa địa điểm định cư trên căn bản kinh tế và chiến lược, mặc dầu ông không phải là một nhà quân sự. *Kế hoạch này nằm trong kế hoạch xây dựng Trường Sơn như một bức tường thành về quân sự, kinh tế, chính trị, xã hội bảo vệ cho miền Nam VN trong mặt trận chống lại Chủ Nghĩa CS. Trường Sơn là một con rồng của miền Nam VN, CS có thể đánh vào đầu não ở Kontum-Pleiku, đánh vào tim mạch và sinh lộ ở Ban Mê Thuột, và đánh vào khúc đuôi ở vùng ba biên giới. Cả ba nơi đều là cửa sinh cũng như cửa tử của VNCH. Tôn Thất Đính kể rằng ông Diệm còn dự trù sẽ dời thủ đô về Tây Nguyên Trung Phần. Dĩ nhiên, ước mơ của ông Diệm đã không thực hiện được.*

Thành lập Việt-Nam Cộng-Hòa

Trong lúc việc định cư đồng bào tị nạn đang diễn tiến tốt đẹp, ngày 8.9.1954, chính quyền khám phá ra một âm mưu nhằm lật đổ Thủ Tướng Diệm. Người cầm đầu cuộc mưu toan lật đổ này là thiếu tướng Nguyễn Văn Hinh, Tham Mưu Trưởng của Quân Đội Quốc Gia mới thành lập. Trong giai đoạn chưa củng cố được địa vị, từ khoảng cuối năm 1954 tới giữa năm 1955, ông Diệm phải chống trả rất nhiều áp lực từ mọi phía muốn hất ông ra khỏi cái ghế Thủ Tướng. Sự phá hoại đến từ khắp các thế lực, cả trong lẫn ngoài nước. Trong khi đó người Mỹ chưa tin tưởng lắm ở khả năng lãnh đạo và xoay chuyển tình thế của ông. Họ không tin là ông có thể đứng vững qua cơn sóng gió chính trị (ngay cả Hà Nội cũng nghĩ như vậy). Cho nên Mỹ có thái độ chờ xem chứ chưa dứt khoát ủng hộ ông một cách triệt để. Người đã bắt buộc phải chấp nhận cho ông làm Thủ Tướng với rất nhiều quyền hạn là ông Bảo Đại, hiển nhiên cũng không hài lòng gì.

Lúc bấy giờ Tướng Hinh, con trai của Thủ Tướng Nguyễn văn Tâm (thân Pháp), đang làm áp lực với Quốc Trưởng Bảo Đại, triệu Thủ Tướng Diệm qua Pháp để cất chức. Từ ngày ông Diệm về làm Thủ Tướng, Tướng Hinh đã bày tỏ thái độ bất mãn của ông bằng cách cho đài phát thanh quân đội liên tục đả kích ông Diệm, mặt khác thành lập tổ chức bí mật, Đảng Ó Đen, để làm hậu thuẫn chính trị cho ông ta, đồng thời bố trí bốn Tiểu Đoàn tại những địa điểm huyết mạch của Đô Thành (*98 Việt-Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi, Đỗ Mậu, trang 122) Tướng Hinh phối hợp với nhóm Bình Xuyên, tìm cách khiêu khích và âm mưu phá

hoại tân chính phủ. Nhiều sĩ quan cấp Tá chưa muốn hợp tác với ông Diệm như Đại Tá Trần Văn Đôn, Trần Văn Minh, Lê Văn Kim, các Trung Tá Nguyễn Khánh, Đỗ Cao Trí, Nguyễn Ngọc Lễ, Trần Từ Oai...

Ngay khi chưa lấy lại được quyền lực từ tay phe thân Pháp như Nguyễn Văn Hinh (quân đội), Lê Văn Viễn (Bình Xuyên, tức Công an Cảnh sát) và giữa cảnh các sứ quân giáo phái chia nhau lãnh thổ cai trị từng địa phương, mà ông Diệm đã quyết định làm mạnh, dứt khoát không dung túng cảnh hỗn loạn, bất chấp những bức điện văn của Quốc Trưởng Bảo Đại liên tiếp đánh từ Cannes về khuyên ông nên hòa hoãn với các phe phái khác. Miền Nam chỉ thể có một chính phủ duy nhất, một Quân Đội duy nhất để đối đầu với CS Miền Bắc. Đó là nền tảng mà ông Diệm hay bất cứ lãnh tụ nào cũng cần phải xây dựng cho được.

Sau khi có bức điện văn của ông Bảo Đại ngày 28 tháng 4 năm 1955, triệu vời Thủ Tướng sang Pháp báo cáo tình hình với Quốc Trưởng, thì ai cũng thấy rõ, đây chỉ là cách ông Bảo Đại loại ông Diệm (*99 *Những Huyền Thoại, và Sự Thật...*, Vĩnh Phúc, trang 31). Nhân chứng cho biết, ông Diệm đã chán nản tình trạng tranh quyền đã muốn từ bỏ ghế Thủ Tướng. Tuy nhiên, khi những cộng tác viên bên cạnh ông Diệm đưa vấn đề trách nhiệm “*không thể bỏ 900.000 người di cư*” (khoảng 85% là người Thiên Chúa Giáo, chứ không phải 100% như một số tác giả đã viết), ông Diệm mới quyết định ở lại.

Trong lúc Tướng Nguyễn Văn Võ với Ngự Lâm Quân và nhóm sĩ quan thân Pháp vào dinh Độc Lập để ép buộc ông Diệm phải ra đi, tại tòa Đô Chánh Sài Gòn, Hội Đồng

Nhân Dân Cách Mạng với Chủ tịch là Nguyễn Bảo Toàn (Phật Giáo Hòa Hảo,) Hồ Hán Sơn (Cao Đài), Nhị Lang (Việt-nam Quốc Dân Đảng), Trình minh Thế (Cao Đài và nhiều thành phần đại diện cho nhiều tầng lớp nhân dân, biểu tình và ra tuyên ngôn truất phế Bảo Đại, ủy cho chí sĩ Ngô Đình Diệm tạm thời lãnh đạo quốc gia trong khi chờ đợi Hiến Pháp và Quốc Hội định đoạt qui chế tương lai cho đất nước. Pháp, Bảo Đại, Bình Xuyên, và nhóm sĩ quan quân đội theo Pháp đứng đầu là Nguyễn Văn Hinh, và Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng đã đẩy ông Diệm vào cái thế phải mở cuộc trưng cầu dân ý để truất phế Bảo Đại hầu có thể lèo lái con thuyền Quốc Gia chống CS. Ngày 23.10.1955, một cuộc trưng cầu dân ý để truất phế Bảo Đại. Ngày 26.10.1955, *nước Việt-Nam Cộng-Hòa ra đời, và vị Tổng Thống đầu tiên là Ngô Đình Diệm.* Ngày 8.11.1954, Tướng Lawton Collins tới Sài Gòn nhậm chức Đại Sứ Hoa Kỳ. Ông này đã làm áp lực với Cao ủy Pháp, Tướng Paul Ely, để buộc Tướng Hinh phải rời VN. Tướng Hinh và một số người thân Pháp rời Sài Gòn vào ngày 29.11.1954. Ngày 28.4.1956, người lính Pháp cuối cùng rời khỏi VN, và miền Nam mới thực sự là một quốc gia Độc Lập.

Chính phủ đầu tiên của ông Diệm thành lập vào ngày 7.7.1954 gồm:

- Ngô Đình Diệm: Thủ Tướng kiêm Nội Vụ và Quốc Phòng

- Trần Văn Chương: Quốc Vụ Khanh

- Trần Văn Đỗ: Ngoại Trưởng

- Trần Văn Cù: Tổng Trưởng Tài Chánh & Kinh Tế

- Phan Khắc Sửu: Tổng Trưởng Canh Nông

- Nguyễn Tăng Nguyên: Tổng Trưởng Lao Động & Thanh Niên

- Trần Văn Bạch: Tổng Trưởng Giao Thông Công Chánh

- Nguyễn Dương Đôn: Tổng Trưởng Quốc Gia Giáo Dục

- Phạm Hữu Chương: Tổng Trưởng Y Tế Xã Hội

- Trần Chánh Thành: Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng

- Lê Quang Luật: Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng đặc nhiệm Thông Tin

- Phạm Duy Khiêm: Bộ Trưởng đặc nhiệm Phủ Thủ Tướng

- Nguyễn Ngọc Thơ: Bộ Trưởng Nội Vụ

- Lê Ngọc Chấn: Bộ Trưởng Quốc Phòng

- Bùi Văn Thịnh: Bộ Trưởng Tư Pháp

- Nguyễn Văn Thoại: Bộ Trưởng Kinh Tế

- Trần Hữu Phương: Bộ Trưởng Tài Chánh

Để không bị ràng buộc trên phương diện Quốc Tế Công Pháp vào Hiệp Định Genève năm 1954, miền Nam VN đặt ưu tiên hàng đầu vào công cuộc xây dựng một quốc gia Tự Do, dân-chủ tại miền Nam. Một quốc gia Tự Do, Dân-chủ được định nghĩa như là một quốc gia được cai trị theo một Hiến Pháp do Quốc Hội đề ra, tuyên qua những cuộc bầu cử tự do. Ngô Đình Diệm đã xây dựng được nước *Việt-Nam Cộng-hòa* tại Miền Nam, và nước này không có chữ ký trong Hiệp Định Genève, nên đã từ chối nói chuyện Tổng tuyển Cử với Miền Bắc, *Việt-nam Dân-Chủ Cộng-hòa*. Hơn thế nữa, trong “No More Vietnam”, Nixon viết: *Không thành viên nào nghĩ rằng sẽ có Tổng Tuyển Cử. Hiệp Định Genève nhằm thiết lập hòa bình vĩnh*

*viễn qua một cuộc đầu phiếu chứ không giống như sự chia cắt tại Triều Tiên. Sự phân chia được coi là tạm thời, nhưng tất cả những thành viên chính đều mong rằng nó là vĩnh viễn. Dẫu những chữ trong Hiệp Định nói về Tuyến Cử thế nào chẳng nữa, hành động của họ nói lên ý định của họ là: Họ thiết lập hai chính quyền, cho phép có hai quân đội riêng rẽ, và sắp xếp cho việc di chuyển dân tị nạn trong hai miền... Bắc Việt hiểu điều này. Sau cuộc họp, đại biểu của họ, Phạm Văn Đồng, nói với phóng viên rằng, ông cũng như **tôi đều hiểu sẽ không có bầu cử.***

Thành lập Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa

Tướng De Lattre de Tassigny cho thành lập Quân Đội Việt-Nam vào mùa Xuân năm 1951, khi ông hiểu rằng, trong một cuộc chiến tranh cách mạng kiểu Cộng Sản, một đội quân ngoại quốc, dù có nỗ lực cách mấy, cũng không thể thành công được, nếu không có sự trợ chiến của một quân lực người địa phương. Bởi vì chính người dân địa phương mới ý thức được nhiệm vụ giữ gìn đất nước của họ. Họ phải chiến đấu để tránh hiểm họa CS cho chính họ và cho tổ quốc của họ (*100 *La Mort Du Vietnam*, Vanuxem, trang 81). Thực ra, lúc bấy giờ Quân Đội VN được thành lập chỉ là để phụ lực với quân đội viễn chinh Pháp chống Việt Minh (Cộng Sản,) được người Pháp huấn luyện, trang bị trả lương và điều khiển, không có một ý thức đấu tranh rõ rệt. Về lãnh đạo chỉ huy, phần lớn các sĩ quan cao cấp của Quân Đội VN lúc bấy giờ đều xuất thân từ các lò đào tạo của Pháp, và thân Pháp. Cho nên, ông Diệm đã chọn Tướng Trình Minh Thế, thủ lãnh của một lực lượng võ trang Cao Đài để tổ chức Quân Đội

với chức vụ Tổng Tham Mưu Trưởng. Chẳng may Tướng Trình Minh Thế bị tử thương trong khi tảo thanh quân Binh Xuyên tại khu cầu Chữ Y, Khánh Hội. Tướng Lê Văn Ty được chọn thay thế vì ông được xem là một Tướng ôn hòa, không có tham vọng cá nhân, cơ hội bị ngoại nhân lợi dụng ít hơn. (Sẽ đề cập chi tiết về sự hình thành Quân Lực VNCH ở đoạn sau.)

Để thống nhất quân đội và lãnh đạo, hầu có thể chống cộng hữu hiệu, Ông Diệm đã dẹp tan các lực lượng quân sự không chịu về cộng tác với chính phủ, trong đó có Binh Xuyên, giáo phái và các đảng phái chính trị. Trong thời điểm này, bất cứ lãnh tụ nào lên cầm quyền cũng phải xây dựng miền Nam thành một quốc gia duy nhất, có quân đội duy nhất để đối đầu với Miền Bắc. Tuy nhiên, hậu quả không thể tránh khỏi là các lực lượng **đó luôn luôn tìm cơ hội để lật đổ chính phủ** suốt trong thời gian ông Diệm cầm quyền, nhất là sự liên kết của họ với ngoại quốc. Phải chăng, đây là *một trong những yếu tố quan trọng để giải thích vì sao chính phủ Ngô Đình Diệm sau này đã bắt giữ những thành phần chống đối* ? Như chúng tôi đã trình bày trong phần Lời Nói Đầu, hầu hết những lãnh tụ chính trị, quân sự, và lực lượng Giáo phái của chúng ta thời bấy giờ, vẫn chưa có được một cái nhìn rõ rệt, bao quát về *khúc quanh lịch sử của năm 1954*, thời cuộc quốc tế đã xoay chiều tại chiến trường Đông Dương nói chung, và tại VN nói riêng, với sự xuất hiện công khai của CSVN trên bàn cờ thế giới (Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa), mà tham vọng là bành trướng chủ nghĩa CS trên toàn cầu chứ không chỉ thu gọn vào miền Nam VN mà thôi. Những lãnh tụ của Miền

Nam không sợ con thuyền Quốc Gia sẽ đắm vì CS (mối đe dọa trầm trọng nhất từ bên ngoài) để đoàn kết với nhau, mà chỉ lo dành nhau độc quyền lèo lái con thuyền VN, cho nên, các giải pháp giữa chính phủ và đối lập khi thì gán ghép quyền lực, khi thì chia xẻ quyền lực cho có hình thức, và nếu không đi đến thỏa hiệp được thì phá hoại, đảo chánh..., từ đó đưa đến đàn áp từ phía chánh quyền, không thể nào hàn gắn được. Đó là chưa kể đến Bắc Việt, các nước ngoài, lúc nào cũng tìm cách lợi dụng những mâu thuẫn, biến động, tại miền Nam để thủ lợi. Bảy Viễn với anh hùng tính cá nhân, được hậu thuẫn của Bảo Đại và Pháp hùng cứ Sài Gòn, Chợ Lớn, Khu Rừng Sát; Hòa Hảo, Cao Đài hoạt động ở các tỉnh Miền Tây; Đại Việt và Quốc Dân Đảng lập chiến khu ở Miền Trung.

Tệ hại hơn nữa, đã có những lãnh tụ, đoàn thể, lực lượng, thiếu hiểu biết hiểm họa to lớn của CS, công khai hoặc âm thầm, tham gia vào các lực lượng trá hình hoặc chính thức của CS. Ý nghĩ đơn giản của họ lúc bấy giờ là, ông Diệm chẳng có hy sinh xương máu gì trong công việc chống Pháp, nay *tự nhiên*, được Mỹ ủng hộ đưa về nắm chính quyền.

Để xây dựng quân đội ông Diệm phải nhờ vào viện trợ Mỹ. Nhưng, Hoa Kỳ và chính phủ Miền Nam đã có chiến lược khác nhau ngay từ năm 1954. Tướng Trần Văn Đôn cho biết: Vào tháng 11.1954, một cuộc họp hỗn hợp về kế hoạch giữa chúng tôi và toán Cố Vấn yểm Trợ Quân Sự Hoa Kỳ (American Military Assistance Advisory Group MAAG)... *Rất tiếc, những lời thảo luận của chúng tôi như rơi vào những lỗ tai điếc Hoa Kỳ đương nhiên đặt chúng*

tôi giống như Triều Tiên(*101 *Our Endless War*, Trần Văn Đôn, trang 149). Rạn nứt xảy ra ngay từ đầu.

Phát triển kinh tế, xã hội

Vào thời điểm năm 1954, miền Nam VN hoàn toàn sống về nông nghiệp, không có kỹ nghệ, chỉ có vài ba hãng xưởng phục vụ nhu cầu thiết yếu như **hãng tàu Ba Son ở bến tàu Sài Gòn, vài nhà nấu rượu làm bia, thuốc lá**. Các đồn điền cao su, trà, cà phê ..., đa số nằm trong tay của người Pháp. Việc thương mại trong nước hầu hết nằm trong tay của người Hoa kiều (Tàu). Bên cạnh nền tảng xã hội phong kiến với đầy đủ những bất công, hối mại quyền thế, hối lộ, tham nhũng, chế độ đô hộ Pháp, đã để cho những tệ nạn xã hội phát triển như cò bạc, điếm, hút xách...

Làm lạnh mạnh hóa xã hội, và phát triển kinh tế, chính phủ đã đụng chạm đến quyền lực của những nhóm người thủ đắc, như **Bình Xuyên (đã được Pháp ủng hộ), đến giới người Trung Hoa nhất là vùng Chợ Lớn**. Ngoài ra, sau Hiệp định Genève, chính quyền miền Nam VN **khám phá ra sự hiện diện của đạo quân thú năm** mà CS Bắc Việt đã bố trí để lại Miền Nam. Tại Liên Khu 5 (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, thường được gọi tắt là «Nam-Ngãi-Bình-Phú» CS đã thiết lập được tỉ lệ liên hệ tập kết lên đến 55-60% (*102 *Cuộc Chiến Dạng Dỏ*, Trần Văn Nhựt, trang 211). Cho nên, những vùng chiến tranh xảy ra ác liệt nhất sau này, chính là những vùng đã che dấu, nuôi dưỡng đạo quân thú năm này. Với mệnh lệnh ăn với dân, sống với dân, làm việc với dân: tam cùng), các cán bộ nằm vùng này có mặt khắp nơi từ những làng

mạc xa xôi (duy trì căn cứ kháng chiến cũ, với vũ khí chôn giấu), xâm nhập vào các cơ quan chính quyền, quân đội, tôn giáo, sinh viên học sinh và các đảng phái chống Cộng hoặc thiên Cộng. Chiến lược của đám người này là làm rối loạn, ung thối xã hội miền Nam, khai thác triệt để những mâu thuẫn giữa chính quyền địa phương với người dân bằng chiến dịch rĩ tai, sách động, hầu tách rời người dân ra xa chính quyền. Xin nói thêm vài chi tiết về đội quân này, vì chính Hoa Kỳ đã không hiểu được tầm quan trọng của nó cho nên, đã không có được một chiến lược hữu hiệu và tạo mâu thuẫn với chính phủ Ngô Đình Diệm, khiến *Miền Nam không thắng được ngay từ giai đoạn đầu của cuộc chiến tranh*. (Chúng tôi xin nhấn mạnh lại: **Miền Nam đã không thắng được giai đoạn đầu của cuộc chiến tranh**). Đây là một nguyên nhân sâu xa nữa đã đưa **đến sự thất bại của Miền Nam, do chiến lược sai lầm của Hoa Kỳ, khiến cuộc chiến tranh kéo dài, tốn kém đến sinh mạng của người dân Hoa Kỳ, từ đó nảy sinh** nhóm phản chiến, truyền thông chống đối ... Sau đây là tóm tắt những sự kiện:

Khi rút quân về Bắc, Bộ Chính trị đảng CS đã họp để quyết định những cán bộ nào đi tập kết, cán bộ nào phải ở lại trong Nam, với nhiệm vụ rõ ràng, vì HCM đã chuẩn bị trước cho những hoạt động của CS ở trong Nam khi cuộc Tổng tuyển Cử xảy ra. Phải nhớ kỹ, lúc bấy giờ, phong trào Việt Minh, với chiêu bài đánh Pháp dành Độc Lập, đã được nhân dân toàn quốc ủng hộ. Rất ít người biết đến CS là gì, ngoại trừ những lãnh tụ chính trị đảng phái đã từng hoạt động và bị CS thanh toán, và những đồng bào sống ở *vùng tạm chiếm* (vùng Pháp không kiểm soát được.) Bởi vậy, tuy

số lượng cán bộ để lại nằm vùng không bao nhiêu, nhưng sự ủng hộ của dân chúng với Việt Minh rất lớn. Hình ảnh của những anh chàng GI Hoa Kỳ đi hành quân tại vùng quê để lùng bắt, giết, những người Việt Minh sống *tam cùng* này, đối với người nông dân, có khác gì những “*thằng*” lính Pháp, Maroc trước kia... Một người Việt bị giết, cả gia đình liên hệ trở thành kẻ đối kháng, kẻ thù... ***Đội quân thứ năm không quân phục này tăng dần qua thời gian mà chẳng ai hay biết.***

Đối với những cán bộ đi tập kết, tại nhiều vùng, HCM đã ra lệnh cho những người độc thân làm *đám cưới tập thể* với đồng bào Miền Nam. Sợi dây tình cảm gia đình này, cùng với tình cảm bà con họ hàng ruột thịt đã làm cho phong trào tố cộng không hiệu quả bao nhiêu. Bản chất người trong miền Nam (dưới vĩ tuyến 17, chưa bị kích động bởi căm thù giai cấp như ngoài Bắc), hiền lành, tin vào chữ ***Đức*** của Nho Giáo hay ***Nhân Quả*** của Phật giáo, trong thâm tâm, họ không muốn hại ai, nói chi là hại người bà con thân thuộc của mình. Nếu chúng ta để ý một chút sẽ nhận thấy, những vùng mà dân chúng chống Cộng triệt để như vùng của Phật Giáo Hòa Hảo, CS không thể hoạt động được. Dĩ nhiên, tùy người, tâm tính này có thể thay đổi (biến chất), nếu họ bị kích động, nhồi sọ, dựa trên một tình cảm thiêng liêng hơn, như ***tình yêu dân tộc, bảo vệ tôn giáo...*** Chính CS cũng đã thất bại trong những cuộc đấu tố đầu tiên trong một số vùng khi họ mới vào chiếm miền Nam, vì người dân Miền Nam không chịu tố ai cả, *nhân dân tuyên bố khoan hồng* (lấy gậy ông, đập lưng ông). Khi đạo quân thứ năm không

quân phục này hoạt động, cả nông thôn và thành thị (dĩ nhiên, nông thôn đông dân hơn, vì trên căn bản, dân số vùng nông thôn VN đông hơn thành thị, và hơn nữa, sau năm 1954, những ai trước kia vì chiến tranh phải chạy ra thành thị, giờ này họ cũng trở về với làng mạc của họ), thái độ chung của người dân, nếu không dấu diếm vì tình thân, cũng ít khi điểm chỉ. Những cán bộ *tam cùng* này (cùng ăn, cùng ở, cùng làm) không tỏ ra có gì hại ai, mà lại hy sinh nhiều (dĩ nhiên, là lợi dụng, nhưng mấy ai hiểu được điều này thời bấy giờ) cho những người họ cùng sống chung với. Người dân tự hỏi: Tại sao người Quốc Gia lại đi tìm bắt và bắn giết những người này? Do đó, để có thể bứng hết những cái rễ này, cộng thêm sự gia tăng xâm nhập của Miền Bắc, chính phủ miền Nam cần có thời gian để ổn định chính trị, phát triển kinh tế, giáo dục quần chúng để họ hiểu rõ miền Bắc là ai, CS là gì... Thí dụ điển hình, năm 1945, một *Trung úy chỉ huy phó Bảo An Binh* đến phủ *Khâm Sai* gặp *Bác Sĩ Nguyễn Xuân Chữ* (*Chủ tịch ủy Ban Giám Đốc Chính Trị Miền Bắc*), cho biết là *Việt Minh* mời *Bảo An Binh* dự cuộc biểu tình... *Bác Sĩ Chữ* không đồng ý với lý do quân đội *Triều Đình* lại a tòng với một thế lực chống lại *Triều Đình*, muốn lật đổ *Triều Đình*. *Trung úy Bảo An Binh* trả lời: *Người ta cũng là người quốc gia mà!* (*103 *Việt-nam Quốc Dân Đảng*, Hoàng Văn Đào, trang 243)

Và một thí dụ tệ hại hơn nữa, ngay đến một số cán bộ lãnh đạo của Quốc Dân Đảng, một đảng phái thù địch của *Việt Minh*, cũng đã không hiểu rõ CS. Chiều ngày 18.8.1945, tại Nhà Hát Lớn Hà Nội, cuộc mít tinh của công chức biến thành cuộc mít tinh biểu tình của Mặt

Trận Việt Minh, Liên Minh Quốc Dân Đảng có cuộc họp khẩn cấp tối hôm ấy. Vấn đề đoạt chính quyền được đưa ra thảo luận. Các đồng chí Đại Việt Quốc Dân Đảng cho rằng cuộc cách mạng nào cũng chỉ đi tới mục đích là giành lại độc lập *cho tổ quốc*. Dầu Mặt Trận Việt Minh hay đoàn thể nào cũng vậy. Việt Minh nắm chính quyền, chúng ta sẽ tham gia hướng dẫn họ trên công cuộc phục vụ nhân dân; nếu họ trở mặt, lúc đó chúng ta sẽ lấy nhân dân làm hậu thuẫn mà hạ họ xuống. Và lại, lực lượng của họ có gì đáng cho chúng ta lo ngại? Nếu nay chúng ta dùng võ lực để đối phó trong lúc này, ắt có cuộc lưu huyết! CS chưa thấy đâu, mà thấy ngay dân chúng bị tàn sát. Sau đây, lịch sử sẽ qui tội cho chúng ta là tham cầu địa vị, gây nên cảnh nổi da xáo thịt, tội đó há riêng cá nhân gánh chịu. Dĩ nhiên, cũng có cán bộ khác hiểu rõ CS hơn. Lê Khang cực lực phản kháng: Thì ra đến giờ phút này mà các anh vẫn chưa hiểu rõ Việt Minh CS là thế nào cả hướng hồ là dân chúng? Tôi xin nói thẳng mong các anh đừng mất lòng. Những phần tử CS họ rất sẵn sàng đi đôi với tất cả các thế lực, mặc dầu là thực dân Pháp hay quân phiệt Tàu, nghĩa là tiêu diệt những người cách mạng dân tộc chúng ta. Nếu nay để cho CS nắm được chính quyền, họ sẽ đặt tình thế trước sự đã rồi? Chúng ta sẽ đi tới tự sát. CS sẽ áp dụng mọi thủ đoạn để tiêu diệt chúng ta ngay. CS sẽ tuyên truyền công bố ngay với dân chúng, chúng ta là những tên phản động, phản quốc, Việt gian (*104 *Việt-nam Quốc Dân Đảng*, Hoàng Văn Đào, trang 249-250.)

Không thể thắng một đạo binh không quân phục chỉ bằng một đạo binh với quân phục mà thôi. Hoa Kỳ không có chiến

lược lâu dài (thay đổi theo nhiệm kỳ của tổng thống, tùy theo quyền lợi quốc gia trong thế chiến lược toàn cầu), nên đã tạo dựng cho Miền Nam một Quân Lực với quân phục, đặt nặng việc chống lại sự xâm lăng của Quân Đội với quân phục từ miền Bắc tràn sang như ở **triều Tiên**. **Chiến dịch** Phụng Hoàng (thanh lọc cán bộ nằm vùng) nếu được **áp dụng ngay từ ban đầu, chắc chắn là VN đỡ** tổn xương máu hơn, và Hoa Kỳ không phải gọi quân qua VN làm bằng hoại đời sống xã hội VN, trong đó có ngay cả đời sống của các lãnh tụ dân sự, quân sự, tôn giáo và sự sụp đổ của miền Nam.

Năm 1949, ông Diệm đã tuyên bố rằng cuộc đấu tranh hiện nay không phải chỉ là một cuộc đấu tranh cho độc lập quốc gia, mà còn là một cuộc cách mạng xã hội, đem độc lập kinh tế đến cho người nông dân và thợ thuyền VN. Khi nắm chính quyền năm 1954, Thủ Tướng Diệm tái xác nhận chủ trương đó và đã đưa ra một kế hoạch kinh tế nhằm hai đối tượng chính:

1. Hoàn thành độc lập kinh tế,
2. Cải tiến kinh tế nhằm phát triển và nâng cao mức sống của dân chúng.

Với kế hoạch tăng năng suất sản xuất lúa gạo, một chương trình điển hình là việc xây cất đập Đồng Cam ở Phú Yên (1955.) Để hỗ trợ cho việc sản xuất lúa gạo, chính phủ đã đẩy mạnh phong trào Hợp Tác Xã. Ngân Hàng Phát triển Nông Nghiệp, nhập cảng những nông cụ, phân bón... **Đất đai đã được khai thác rộng rãi hơn tại miền Nam, và Cao Nguyên Trung Phần. Chương trình Cải Cách Điền Địa đã phân phát cho dân chúng khoảng 950.000 mẫu tây đất.**

Để phát triển kỹ nghệ, điện lực là yếu tố căn bản. Đập Thủy Điện Đa Nhim được xây dựng giữa Phan Rang và Đà Lạt với ngân khoản bồi thường chiến tranh và chuyên viên Nhật Bản. Đối tượng của cuộc phát triển kỹ nghệ thật đơn giản, chỉ nhằm giúp người dân trong một thời gian ngắn hạn không phải sống trong những mái tranh nghèo lụp xụp, không phải thiếu ăn, và sống một cuộc sống với những tiện nghi tối thiểu điện nước, y phục tươm tất... Sau Đệ nhị Thế chiến, chiến dịch dùng thuốc sát trùng DDT đã giúp cho nước Ý quét sạch bệnh sốt rét và dịch tả (những nghiên cứu gần đây cho thấy thuốc DDT gây phản ứng phụ). Hoa Kỳ đã giúp cho Miền Nam phát động chiến dịch diệt trừ sốt rét này. Chiến dịch tuy được dân chúng hoan nghênh, nhưng chương trình sau đó bị sụp đổ, vì CS đã ám sát những nhân viên diệt trừ sốt rét. CS không để cho chính quyền chăm lo ngay cả cho sức khỏe của dân chúng. Như chúng tôi đã viết, truyền thông thế giới đã *hoan hô kẻ phá hoại giết người, và buộc tội kẻ phục vụ bảo vệ dân chúng*, tin tức thâu lượm từ via hè đường Lê Lợi, Catinat, từ những lãnh tụ mới đi vào nghề chính trị, cần lộ diện nhiều, cần phát biểu nhiều, đó là chưa kể đạo quân thú nhấm tại thành thị trong chiến dịch rì tai...

Để phát triển xí nghiệp, Quỹ Đầu Tư được thành lập, và Ngân Hàng Quốc Gia mở văn phòng đặc biệt để cố vấn các thương gia. Các công ty vải (Vinatexco, Vimitex), nhà máy thủy tinh, nhà máy giấy (Cogido,) nhà máy đường, nhà máy xi măng Hà Tiên ..., thi nhau ra đời. Một Hội Đồng Kinh Tế đã được thành lập kêu gọi

sự đầu tư của ngoại quốc và cam đoan sẽ không quốc hữu hóa. Để VN có thể tiến xa hơn nữa, Pháp và Hoa Kỳ đã giúp VN thành lập một viện Nguyên Tử Lực Cuộc tại Đà Lạt.

Thật ra, ông Diệm muốn cải thiện đời sống người dân một cách nhanh chóng, nhưng hai trở ngại lớn trong nước là

1. Tàn tích của chế độ phong kiến qua tác phong của viên chức nhà nước;

2. CS tìm mọi kế hoạch để phá hoại. Đối với các quốc gia trên thế giới, ông Diệm cũng đã kêu gọi sự giúp đỡ của họ cho *Việt-nam đang có nhiều tiến bộ trên đường đi đến chủ nghĩa Quốc Gia, Tự Do, và Dân-chủ. Ông Diệm đã nói rõ, quốc gia VN có nhiều trở ngại và đang trên đường tiến đến Tự Do, Dân-chủ như Âu Mỹ*, nhưng cần phải có thời gian. Tuy nhiên, Hoa Kỳ, sau này, vẫn sử dụng yếu tố này để hậu thuẫn cho việc lật đổ chế độ ông Diệm, hầu có thể đem quân vào Miền Nam theo chiến lược của họ.

Từ cảnh hỗn loạn về chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội..., chính phủ Ngô Đình Diệm đã vượt qua được mọi khó khăn, không bị sụp đổ như HCM và các quốc gia khác, ngay cả Hoa Kỳ dự đoán (vẫn còn thái độ “*wait and see*”). Đời sống của dân Miền Nam thăng hoa thấy rõ. Miền Bắc không còn hy vọng vào sự sụp đổ của Miền Nam, và hơn nữa, Miền Nam từ chối nói chuyện Tổng Tuyển Cử, và năm 1956 qua **đi**. Bắt đầu từ năm này, Hà Nội hội họp đảng, quyết định xâm lăng miền Nam, và Miền Nam quyết định xây dựng một quốc gia vững mạnh để chống lại miền Bắc.

Xây dựng ý thức Chính trị

Vào thế kỷ thứ 19, các phát minh khoa học đã biến cải bộ mặt kinh tế tại các quốc gia tân tiến. Máy móc sản xuất đã đưa lợi nhuận nhiều cho sở hữu chủ khiến cho giới công nhân cảm thấy bị bóc lột. Marx đã phân tích nền kinh tế này qua bộ sách *Tư Bản Luận*, sau đó, Lénin (Nga Sô) khai triển và gây phong trào CS. Phương tiện giao thông cải tiến (đường hàng hải, hàng không) đã khiến cho trái đất nhỏ lại, phong trào chiếm thuộc địa bành trướng. Các quốc gia chậm tiến muốn vươn lên, phải tìm một con đường để cải tạo xã hội. Từ đó nảy sinh đảng phái với lý thuyết chính trị làm căn bản nói lên chủ trương của đảng. Vào thập niên 1910, Trung Hoa có hai khuynh hướng chính trị: *Cộng Sản* với lãnh tụ là Mao Trạch Đông, và *Tam Dân-chủ Nghĩa* với lãnh tụ là Tôn Dật Tiên, tiếp nối là Tưởng Giới Thạch. VN có nhiều đảng phái chủ trương khác nhau, nhưng cho đến năm 1954, chỉ còn **đảng Cộng Sản**, lãnh tụ là **Hồ Chí Minh** cai trị miền Bắc, và tại miền Nam tình trạng các đảng phái chính trị của người Việt chỉ là những lực lượng lẻ loi, vẫn hoạt động bí mật. Biệt lập thiếu tổ chức qui cũ, phân hóa, các đảng phái và lãnh tụ chính trị chỉ có quá khứ lẫy lừng làm hành trang. Riêng Đại Việt Quan Lại có tổ chức qui mô, nắm được nhiều chức vụ hành chánh tại Bắc Bộ trước kia. Ngoài ra, một số nhân sĩ, không có hậu thuẫn chính đảng, sống sót sau những đàn áp của thực dân và sự tàn sát của đảng CSVN.

Ông Nhu cho rằng Tổng Thống Diệm quá chú trọng đến vấn đề canh tân xứ sở (xây cầu đường, đẩy mạnh

chương trình khẩn hoang lập ấp, và phát triển kinh tế) trong khi đó thiếu nội dung chính trị và cách mạng. VN phải tìm một con đường đi cho chính mình, độc lập đối với các quốc gia khác, ngay cả với Hoa kỳ.

Ông Nhu đưa ra thuyết Nhân Vị như là một thức hệ mới, lấy sự phúc lợi của cá nhân và gia đình làm căn bản, con người phải phát triển phần tâm linh, nhằm đối đầu với ý thức hệ CS được mô tả là chủ trương «vô gia đình, vô tôn giáo và vô tổ quốc.» Đó là lý thuyết nòng cốt cho Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng được thành lập năm 1953 tại Huế, và sau đó tại Sài Gòn, để đối đầu với Đảng Cộng Sản. Ông Nhu là lý thuyết gia của nền Đệ Nhất Cộng-Hòa, cố vấn chính trị của Tổng Thống. Theo ông Nguyễn Văn Châu, ông Nhu là một trong những khuôn mặt chính trị sáng giá của Đông Nam Á. Tổng Thống Nam Dương Soekarno, Thủ Tướng Ấn Độ Nehru, Tổng thống Miến Điện U-NU, Tưởng Kinh Quốc (con trai của Tưởng Giới Thạch, về sau nối nghiệp cha làm Tổng Thống Đài Loan), tất cả đều quý phục ông Nhu *105. Ông Nhu không phải là người có thuật hùng biện trước công chúng. Những dịp đọc diễn văn, ông không thành công trong việc thu hút cử tọa, nhưng tư tưởng ôn hòa và phân tích tinh tế của ông khiến những ai, dù là bạn hay thù, đều phải thán phục. Ngạo nghễ khi danh dự tổ quốc bị coi thường, ông là người hơn ai hết, biết bảo vệ giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc oai hùng. Tinh thần khẳng khái cách mạng không thua gì Tổng Thống Diệm (*106 Ngô Đình Diệm và Nỗ Lực Hòa Bình Dang Dở, Nguyễn Văn Châu, trang 109 và 105)

Tâm hồn Á Đông nhưng hấp thụ văn hóa Tây Phương, ông Nhu vẫn cho rằng sự hiểu biết hỗ tương Đông Tây

không phải là vấn đề dễ giải quyết. Đối với ông một nền văn minh trọng vật chất chỉ nhắm lợi lộc, không thể nào hòa đồng được với một xã hội mà nền tảng được đặt trên những giá trị đạo đức, và gia đình... ông Nhu đề ra lý thuyết xây dựng lại xã hội VN ngay từ căn bản, chủ trương rằng mỗi nhà nông có đủ ăn, trở thành chủ miếng đất họ phải cày bừa để sống, họ sẽ không còn lệ thuộc vào người chủ ruộng. Mỗi công nhân nhà máy có được đồng lương xứng đáng, và họ phải được tham dự vào việc quản trị xí nghiệp. Ông đã cùng ông Trần Quốc Bửu thành lập Tổng Liên Đoàn Lao Công VN tại Sài Gòn.

Lý thuyết này đặt căn bản trên sự độc lập cá nhân hay tự lập, cũng là lý thuyết nòng cốt của đảng Cần Lao và của chính quyền Ngô Đình Diệm. Từ năm 1956, lý thuyết này được áp dụng vào thực tế qua việc chính phủ thành lập những khu trù mật, dinh điền, kế hoạch cải cách điền địa và cuối cùng là quốc sách Ấp Chiến Lược vào hai năm cuối cùng của chế độ *107. Đảng Cần Lao được thành lập với hai mục đích chính:

(1) Phải có lý thuyết chính trị “Nhân Vị” để đối đầu với chủ nghĩa Cộng Sản. Đối với các quốc gia Âu Mỹ, lý thuyết chính trị không cần thiết. Mọi sinh hoạt quốc gia đều đã được qui định trong Hiến Pháp.

(2) Thành lập một guồng máy riêng biệt đủ sức mạnh để loại bỏ ảnh hưởng của những phần tử liên hệ với Pháp, và ảnh hưởng của CS đối với quần chúng VN tại thành thị.

Con người là một sinh vật siêu việt. Để được hạnh phúc, con người không chỉ phát triển theo chiều ngang

trên bình diện xã hội và vật chất, cá nhân còn phải nảy nở theo chiều cao nghĩa là hướng lên đấng Tạo Hóa, bằng tình yêu và sự hiểu biết tha nhân, đồng loại chứ không phải bằng điều ác, thu gọn trong công thức *cứu cánh biện minh cho phương tiện* như lý thuyết CS chủ trương... Chủ nghĩa Nhân Vị nhìn nhận rằng phẩm giá của con người nằm ở việc kết hợp cá nhân với gia đình. Xã hội của Nhân Vị chủ nghĩa được thiết lập trên căn bản gia đình và tổ hợp các gia đình thành một ấp. Phải làm đủ mọi cách để tiểu tổ gia đình được thanh sạch, hạnh phúc, thịnh vượng; vì sức sống, hạnh phúc, và sự thịnh vượng của cả quốc gia, tùy thuộc vào tiểu tổ gia đình, là căn bản của một xã hội Nhân Vị (*108. *Ngô Đình Diệm và Nỗ Lực Hòa Bình Đang Dở*, Nguyễn Văn Châu, trang 126-127)

Kiến thức của nhân loại là một chuỗi kinh nghiệm của những ngời đi trước qua thời gian. Việc ông Ngô Đình Nhu nếu có dựa trên lý thuyết Nhân Vị Thiên Chúa Giáo để lập thuyết cho mình chẳng có gì sai trái cả. Để đối lại với chủ trương đặt quyền lợi *tập thể* lên trên (Cộng Sản), ông Nhu muốn có một lý thuyết đề cao phúc lợi của *cá nhân*. Lý thuyết chính trị sẽ là đối tượng để mọi người đánh giá và tin theo, thời gian sẽ định giá trị của nó, thí dụ điển hình là chủ nghĩa Tam Dân, chủ nghĩa Cộng Sản. Nếu lý thuyết này chỉ có thể thu hút được một thiểu số người Thiên Chúa Giáo, nó sẽ bị đào thải theo thời gian, chúng ta không cần phải bận tâm để bình luận. Để thực hiện lý tưởng này, cần một tổ chức để thực hiện gọi là đảng, Đảng Cần Lao Nhân Vị. Đảng viên gia nhập, không phân biệt nguồn gốc tôn giáo của cá nhân. Phải phân biệt rõ ràng

giữa chủ trương của Đảng và sự lạm dụng quyền thế của đảng viên trong Đảng đang cầm quyền. Ông Nhu có nói rõ, chính quyền làm công cuộc *cách mạng* chứ không chỉ chống Cộng sông.

Một khía cạnh thứ hai cũng cần phân minh, đó là sự *tranh giành vị thế lãnh đạo Miền Nam*, (không thấy tranh giành chống Cộng) giữa các lãnh tụ có hoặc không có đảng phái chính trị, và những lãnh tụ nương tựa ảnh hưởng của ngoại bang, với chính phủ Ngô Đình Diệm. Trong trận đấu này, kẻ thì cố tình lật đổ, tiêu diệt (điển hình là việc giết hai ông Diệm-Nhu), và kẻ thì đàn áp, loại trừ. *Nếu nói về khía cạnh độc tài, và tàn ác đối với đối lập, Hồ Chí Minh là số một.* Nhưng, sở dĩ, trong thời kỳ chống Pháp, nhiều đoàn thể đã có thể hợp tác với HCM vì họ chủ trương **Độc Lập trước, Cộng Sản sau, và hơn nữa, thời bây giờ, đang ở trong bụng, không có chính quyền để tranh giành.** Ngày nay, Ngô Đình Diệm có chính quyền, và chủ trương *Cộng Sản trước, và tiến dần đến Tự Do, Dân-chủ*. Chủ trương này phải chăng đi ngược lại với sự mong muốn của các lãnh tụ khác, nên họ đã không thể đoàn kết, và xa hơn nữa, chống và tìm cách lật đổ ông Diệm? Vì thế, *ngoại bang đã lợi dụng sự tranh chấp quyền hạn, đã mượn tay các lãnh tụ bản xứ để tạo nên những rối loạn chính trị, tôn giáo, và chọn lựa lãnh tụ họ muốn, thay vì, để qua Hiến Pháp người dân chọn lựa lãnh tụ cho nước mình. Tạo rối loạn chính trị, không giữ được nước, không còn gì để xây dựng, để đòi hỏi canh tân. Đó chỉ là công cụ tạo nên sự suy sụp của Miền Nam .* **Đừng đổ lỗi cho Quân Lực VNCH không có khả năng, không có tinh thần chiến đấu.** Họ từng giờ, từng phút, từng ngày, tháng, năm,

chỉ nhìn thẳng trước mặt, đối diện với CS, và đã bỏ lại sau lưng những tranh giành chính trị.

Những biến cố ảnh hưởng đến chính trị 1960-1963

Để có thể hiểu rõ giai đoạn lịch sử đưa đến sự sụp đổ của nền Đệ Nhất Cộng-Hòa, chúng ta phải khảo sát những dữ kiện quan trọng đã xảy ra tuần tự theo thời gian, sau khi miền Nam từ chối nói chuyện Tổng Tuyển Cử với Miền Bắc. Vào tháng 11.1957, trong cuộc hành quân ở Ô Môn (Cần Thơ), Quân Lực VNCH đã bắt được 12 tên Việt Cộng, và tịch thu được nhiều vũ khí khá hiện đại. Đây là dấu hiệu rõ rệt nhất cho thấy Bắc Việt đã quyết tâm xâm lăng Miền Nam, và cũng là chứng cứ Bắc Việt đã đưa các cán bộ tập kết trở lại Miền Nam. Mặc dầu VN đã trung nhiều bằng có ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến và thế giới vẫn làm ngơ. Trong lúc đó, Quân Lực VNCH chỉ được trang bị những loạt súng cũ kỹ từ hồi Đệ Nhị Thế chiến. Viện trợ khi có, khi gián đoạn, tùy theo sự căng thẳng giữa hai chính phủ Hoa Kỳ và miền Nam VN (Sự kiện này, chúng ta không bao giờ thấy xảy ra trong tiến trình viện trợ của khối Cộng). Ngay cả các viên chức cao cấp Hoa Kỳ vẫn còn chưa đồng thuận với nhau về chiến lược chống Cộng, tạo khó khăn cho Miền Nam. Chiến dịch bắt cóc, ám sát, thủ tiêu viên chức xã ấp, thường dân, cũng được phát động mạnh kể từ năm 1957. Cộng Sản thiết lập danh sách nạn nhân, và giao cho các toán du kích, đặc công thực hiện. Từ năm 1957 cho đến 1973, họ đã ám sát 36.725 người, và bắt cóc 58.499 người. Con số thực sự còn cao hơn nữa, nhưng thống kê chính xác chính thức đã bị tiêu hủy vào dịp Tết Mậu Thân (*109. No More Vietnam, Richard

Nixon, trang 53)

Năm 1958, sau cuộc viếng thăm bí mật tại miền Nam VN, Lê Duẩn báo cáo với Trung ương đảng CS rằng chế độ Ngô Đình Diệm tại miền Nam VN, không những không sụp đổ, mà càng ngày càng vững mạnh. Do đó, năm 1959, Hà Nội quyết định phát động chính sách *chiến tranh nhân dân* tại miền Nam **dưới chiêu bài chống Mỹ-Diệm**. Cũng trong năm 1969, đơn vị trinh sát của Sư Đoàn 1 khám phá hệ thống đường hầm của Cộng Sản thiết lập về phía Nam của vĩ tuyến 17, Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát đình chiến bỏ lơ, không cứu xét lời cáo buộc của VNCH về sự vi phạm này. Phái đoàn Gia Nã Đại chán nản, không hoạt động nữa. Được thể, Hà Nội tăng cường áp dụng tất cả những kinh nghiệm tuyên truyền, khủng bố, ám sát, phá hoại,... của thời chống Pháp vào cuộc chiến ở Miền Nam. Trong thời điểm này, Hà Nội tránh dùng danh từ Giải Phóng Miền Nam, mà chỉ xem mình như một hậu cứ hỗ trợ cho nhân dân miền Nam chống Mỹ-Diệm. Chính chiến lược này đưa đến sự thành lập Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam vào năm 1960. **Xin mở một dấu ngoặc nhỏ ở đây. Trong lúc địch thủ Hà Nội nhận định Miền Nam càng ngày càng vững mạnh, thì phía bạn, gồm một số chính giới Hoa Kỳ (có thể họ có dụng ý, nhằm mục đích đưa quân vào miền Nam), giới truyền thông quốc tế nhất là Hoa Kỳ, và các lãnh tụ đối lập tại Sài Gòn, cho rằng chế độ Ngô Đình Diệm thất nhân tâm, khiến CS bành trướng mạnh, 80% lãnh thổ đã do Cộng Sản kiểm soát... Thực ra, vì Miền Nam lớn mạnh, Hà Nội đã phải gọi gấp quân vào Miền Nam, và cho ra đời Mặt Trận**

Giải Phóng, bắt chấp đã để lộ ra sự tham gia của miền Bắc vào chiến trường Miền Nam mà trước đây họ còn giấu kín, sợ bị khép vào tội vi phạm Hiệp Định Genève.

Vào năm 1959, trong khi Hà Nội bắt đầu phát động mạnh cuộc chiến tranh nhân dân tại Miền Nam, Hoa Kỳ thành lập tổ chức mang danh “*Thẩm Định Tình Báo Quốc Gia*” (*National Intelligence Estimate*). Tổ chức này, thay vì theo dõi những sự hỗ trợ đều đặn của Bắc Việt cho du kích quân xâm nhập nhằm lật đổ miền Nam, đã tập trung nỗ lực vào việc đánh giá xem ông Diệm có nắm vững được quyền lực của mình qua lực lượng quân đội và cảnh sát an ninh. Họ đưa ra những nhận định cho rằng chính phủ Diệm đã không thoả mãn những đòi hỏi của những nhà lãnh tụ có học thức *110 (educated elite) và của quân đội với chiêu bài thiếu Tự Do, Dân-chủ, Đối Lập. *Họ kết luận rằng, chính sách của chính phủ ông Diệm ngăn cản phát triển sự ủng hộ chế độ của đa số quần chúng* (*111. *Lost Victory*, William Colby, trang 56)

Năm 1960 là năm nhiều biến cố lớn xảy ra. Biến cố thứ nhất là vào tháng Giêng năm 1960, CS tấn công vào Bộ Chỉ Huy của một Trung Đoàn Bộ Binh tại Tây Ninh, giết chết 23 binh sĩ và tịch thu một số vũ khí. Biến cố này khiến cho mọi người lo âu (nhất là chính khách Mỹ, báo chí và người dân Mỹ, chẳng hiểu tí gì về chiến tranh tại VN) về khả năng chống Cộng của Miền Nam. Họ cho rằng Quân Lực VNCH không có khả năng. Thực ra, trên con mắt của nhà chiến lược, với địa hình của miền Nam VN (chẳng sách nào đặt nặng vấn đề này), Quân Lực VNCH phải sẵn sàng gánh chịu những cuộc tấn công do CS chọn lựa vào

những đồn bót, bằng chiến thuật biến người cố hữu, với những tổn thất sơ khởi, để rồi phản công, đánh chiếm lại. *Miền Nam, tại các tiền đồn, bị đặt vào thế phòng thủ, phải gánh chịu tổn thất ban đầu, không thể làm thế nào hơn.* Vì vậy, chỉ có những con mắt thiên vị, đồ kỵ, cố tình bôi bẩn, mới không thấy được cái *giá trị của Quân Lực VNCH, họ đã gánh thêm nhiệm vụ của hơn nửa triệu quân Hoa Kỳ để giữ vững Miền Nam đến năm 1972 (quân đội Hoa Kỳ bắt đầu rút quân từ năm 1969 cho đến đầu năm 1973), Miền Bắc không chiếm nổi một mảnh đất cắm dùi cho Mặt Trận giải Phóng miền Nam ra mắt Chính Phủ Lâm Thời của họ, khi nhu cầu của Bắc Việt cần có thành phần thứ tư tham dự trong cuộc hòa đàm Paris.*

Biến cố thứ hai thuộc lãnh vực chính trị. Nhóm Caravelle, gồm 18 nhân vật có tên tuổi (trong giới chính trị với nhau) ở miền Nam, ra bản tuyên ngôn ngày 26.4.1960, đòi chính phủ phải thực hiện Tự Do, Dân-chủ, chấm dứt chế độ gia đình trị. Như đã đề cập ở phần trên, ông Nhu đã đại diện chính phủ, tiếp xúc với họ để sửa đổi nhưng chẳng ai có ý kiến gì. Tuyên cáo này, dĩ nhiên, có lợi cho sự tuyên truyền của CS, và nhất là *khiến cho dư luận Hoa Kỳ không có thiện cảm với chính quyền hiện tại vì đã đi ngược lại với lý do căn bản (?) của sự can thiệp của Hoa Kỳ vào VN.* Thử hỏi, chúng ta có thể đặt một nghi vấn tại đây là: Để tạo cho miền Nam một không khí sinh hoạt chính trị Tự Do, Dân-chủ, kiểu Tây Phương, tại sao các lãnh tụ này không thành lập một đảng phái đối lập, có chủ trương đứng đắn, rõ rệt, để thu hút quần chúng (lập thuyết, theo khuynh hướng thời bấy giờ), có tổ chức để có thể có đủ

nhân sự nắm chính quyền, có phương trình hành động rõ ràng, tạo nền móng cho một xã hội sinh hoạt trong tinh thần dân-chủ? *Chính phủ không thể được quan niệm là một Công Ty Thương Mãi, đòi chia nhau chức vụ để có quyền hạn và được chia lợi nhuận.* Chính những sự xáo trộn chính trị này đã làm cho chính phủ Hoa Kỳ ngưng viện trợ, khiến cho *nhiều chương trình không thể thực hiện đúng thời điểm, nhất là chương trình xây dựng Chiến Lũy Trường Sơn bị thất bại, và sau này đã là cửa ngõ cho Bắc Quân tiến chiếm Miền Nam.* Trường Sơn là một con rồng của miền Nam VN, CS có thể đánh vào đầu não ở Kontum-Pleiku, đánh vào tim mạch và sinh lộ ở Ban Mê Thuột, và đánh vào khúc đuôi ở vùng ba biên giới. Cả ba nơi đều là cửa sinh cũng như cửa tử của Việt- Nam Cộng-hòa (*nhận định này rất đúng trong chiến cuộc xảy ra sau này vào mùa Hè Đỏ Lửa, năm 1972, và năm 1975*). Năm 1960, miền Nam khởi sự tổ chức và xây dựng Chiến Lũy tiến ra tận A Sau, A Lưới thuộc Thừa thiên. Rất tiếc, việc xây dựng công trường này lại xảy ra vào lúc Hoa Kỳ và chính phủ Ngô Đình Diệm đang vào thời kỳ đụng chạm.

Hoa Kỳ đã dùng nhóm Caravelle để làm áp lực chính trị, và chính phủ đã không ra lệnh tấn công vào các Tiểu Đoàn Cộng Quân được thám báo phát hiện tại Lào. Không có cơ giới Công Binh hiện đại của Hoa Kỳ, phương tiện thô sơ của Công Chánh, và Công Binh VN, không thể hoàn thành được. CS cũng biết được tầm quan trọng của công trường này, nên, ngày 21.10.1960, CS đã tấn công ba đồn Địa Phương Quân Đakpek, Daksout, Dakse, nơi tồn trữ cơ giới chuẩn bị cho việc xây dựng Chiến Lũy. Vì có chuẩn

bị trước, Quân Lực VNCH đã đánh lui và truy nã Cộng Quân sâu vào Lào 20 cây số, phá hủy tiếp liệu, đồng thời thu lượm được tài liệu ghi kế hoạch tấn công Miền Nam. (Không có sự phá bình của Hoa Kỳ, chẳng ai lên tiếng phản đối việc truy lùng Cộng Quân trên đất Lào). Rất tiếc vì tình hình chiến sự, chiến lũy này không thực hiện được, và bị bỏ quên sau khi chính phủ Ngô Đình Diệm sụp đổ. Đây là một chiến tích nữa để chứng tỏ rằng, trong hoàn cảnh bị bắt buộc, chỉ đánh trả khi nào địch quân tấn công (bị động), Quân Lực VNCH vẫn đủ khả năng để đánh bại CS. Hào quang của các tướng Lãnh Bắc Việt, một thời đã được đề cao trong công cuộc chống Pháp trước kia, đã tắt, nhưng giới truyền thông thế giới vẫn lơ đi và tiếp tục ca ngợi họ. Phải chăng vì *Quân Lực VNCH lúc nào cũng hoạt động dưới cái dù che Hoa Kỳ, cho nên không thể nhận được cái nhìn tốt đẹp của thế giới hay vì Miền Nam là Đồng Minh của Hoa Kỳ*. Ngay đến bây giờ (năm 2002), khi nhìn vào sinh hoạt Dân-chủ của Hoa Kỳ trên báo chí của giới truyền thông, trên mặt trận ngoại giao với các nước khác trên thế giới, Hoa Kỳ vẫn làm cho dân chúng các nước nhận viện trợ chống đối mặc dầu nước họ đang nhận sự giúp đỡ của Hoa Kỳ, hướng chỉ là vào thời điểm của những thập niên 50, 60, tại VN, một nước vừa mới thoát ra khỏi nền đô hộ Pháp. Trước thái độ trịch thượng, chủ nhân ông (người chi tiền) của giới chức Hoa Kỳ, người dân ghét lây chính phủ của mình.

Thiếu Tướng Đính và Trung Tướng Mcgarr đã cùng dự thảo thành lập phòng tuyến an toàn cho vùng Cao Nguyên dọc theo biên giới Lào. Nhưng Tướng Đính cho

biết: *Chúng tôi hoàn thành một kế hoạch hết sức chi tiết và Trung Tướng Lionel McGarr, Trưởng Phái Bộ Quân Sự Hoa Kỳ đã tán thành việc thực hiện này, nhưng đã gặp phải sự cản trở vô cùng phức tạp của Đại Sứ Mỹ tại Sài Gòn, E. Durbrow, luôn luôn muốn dùng sự an ninh của VNCH để làm áp lực vào chính phủ Ngô Đình Diệm..* (*112 Năm 1960, khi ông Diệm yêu cầu giúp trang bị cho 20.000 quân, Đại Sứ Durbrow tuyên bố: thà chịu đứng nhìn Việt-nam Cộng Hòa sụp đổ, còn hơn là nhượng bộ ông Diệm. (20 Năm Binh Nghiệp, Tôn Thất Đính, trang 193) (Không có viện trợ, lấy gì chống Cộng?) Sau này, Hoa Kỳ thiết lập Phòng Tuyển McNamara dọc theo vĩ tuyến 17 chẳng có giá trị gì, nếu không muốn nói đó là một sự sai lầm lớn trên chiến thuật. Phòng Tuyển McNamara sau đó cũng bỏ dở.

Biến cố thứ ba là vụ đảo chánh hụt xảy ra vào ngày 11.11 1960. Pháp và Hoa Kỳ đã hậu thuẫn cho những lãnh tụ đối lập để lật đổ ông Diệm. Nguyên nhân của cuộc lật đổ này dưới cái nhìn của Ngô Đình Nhu, Cố Vấn cho ông Diệm, *chúng ta có một người bạn quý rất hiểu chúng ta nhưng quen thói thọc gậy bánh xe (Pháp) và một người bạn quý khác giúp đỡ tiền bạc nhiều nhưng lại không biết gì hết về Việt-nam (Hoa kỳ.)*

Như đã trình bày rải rác trong các mục trên, Pháp vẫn còn ảnh hưởng mạnh trên những nhân sự trí thức dân sự và quân đội cao cấp đã được huấn luyện dưới thời đô hộ Pháp. Một số lớn các sĩ quan cao cấp trong những năm đầu khi Ông Diệm về chấp chánh, chỉ đứng chờ xem hoàn cảnh đất nước đi về đâu. Chính vì vậy chính phủ Ngô Đình Diệm không thể nào đặt niềm tin hoàn toàn vào những

giới chức này, mặc dầu vẫn xù dụng họ. Cái định kiến *thân Tây* về những người này, đã làm cho chính phủ Ngô Đình Diệm nổi giận khi những người này tổ lập trường chống đối với chính phủ. Cuộc đảo chính hụt ngày 11.11.1960 do các thành phần nòng cốt thân Pháp (Vương Văn Đông) và thân Hoa Kỳ (Nguyễn Chánh Thi và các đảng phái chính trị thực hiện (tại Quảng Nam, một cán bộ cao cấp của Việt Quốc, ông Duy Nghĩa, cũng đã làm sẵn bài hịch để đọc lên để kêu gọi toàn dân đứng lên cứu nước, Phạm Văn Liễu là đảng viên của Đại Việt, Phan Trọng Chinh là con của nhà cách mạng thuộc Quốc Dân Đảng. Phan Lạc Tuyên trốn lên vùng Cao Đài, theo Việt Cộng khi cuộc đảo chánh thất bại). Vụ đảo chánh này đã đào sâu hố chia rẽ giữa chính phủ Ông Diệm với các cấp lãnh đạo đảng phái cũng như với một số sĩ quan cao cấp trong quân đội không thể nào hàn gắn được, họ chỉ chờ cơ hội thanh toán nhau. *Phải chăng đây là một trong những nguyên do chính yếu khiến cho Ông Diệm càng ngày càng trở nên độc tài?* Ông Diệm tuyên bố trên đài phát thanh, để tránh đổ máu, và chia rẽ trong quân đội, ông sẽ giải tán chính phủ, bằng lòng để cho quân nhân lập chính phủ và kêu gọi Quân Đội VNCH thành lập một chính phủ lâm thời để có thể chiến đấu, tiếp tục chống Cộng và bảo vệ xứ sở. (Nếu nghiên cứu kỹ, chúng ta sẽ nhận ra, trong bất cứ tình huống nào, ông Diệm vẫn đặt ưu tiên việc chống Cộng). Ông Diệm đã ra lệnh cho Tướng Nguyễn Khánh thông báo cho các Tướng Lãnh họp ở Bộ Ngoại giao, nhưng không ai đến. Cuộc đảo chánh hụt này khiến cho sự bang giao giữa chính phủ Diệm và Hoa Kỳ càng thêm căng thẳng vì theo tin tức tình báo của ông

Diệm, có nhân viên CIA tham gia, ông Carver, họp tại nhà ông Hoàng cơ Thụy.

Về phía Hoa Kỳ, như đã đề cập trước đây, ngay từ những giây phút đầu khi ông Diệm về nước, trong hàng ngũ những viên chức cao cấp của Hoa Kỳ đã không thuận nhất ý kiến với nhau về sách lược chống Cộng của ông Diệm. Thời kỳ TT Eisenhower, Tướng Collins, đặc phái viên của TT Eisenhower, bất đồng ý kiến với ông Diệm, trong khi đó, Đại Tá Lansdale thì lại hết lòng ủng hộ. Thời kỳ TT Kennedy, cánh của Mcnamara và Dean Rusk mạnh hơn cánh Taylor và Rostow. **Khía cạnh này đã khiến cho viện trợ của Hoa Kỳ khi có khi không, họ chờ đợi xem ông Diệm có đứng vững được hay không. Như chúng tôi đã nhấn mạnh trước đây, Miền Nam đã không có được cơ hội để thắng được đội quân thứ năm không quân phục của CS trong thời gian đầu.**

Ông Diệm chỉ muốn Hoa Kỳ viện trợ huấn luyện, tiếp vận quân sự, và tài chánh dồi dào để tăng cường sức hoạt động cho ngành Chiến Tranh Tâm Lý và thành lập Lực Lượng Đặc Biệt người Việt là hai hoạt động thiết yếu để có thể chiến thắng lại CSBV đang điều khiển một cuộc chiến tranh nhân dân và du kích. Trái lại, Hoa Kỳ muốn thiết lập hệ thống phòng thủ tại VN như tại Triều Tiên. Để tăng áp lực chính phủ ông Diệm, Hoa Kỳ yêu cầu ông Diệm phải thực thi Tự Do, Dân-chủ. Năm 1960, khi ông Diệm yêu cầu Hoa Kỳ giúp trang bị cho 20.000 quân VN, một số tiền quá bé nhỏ so với khả năng tài chánh của Hoa Kỳ, nhưng Đại Sứ Durbrow tuyên bố: *thà chịu đứng nhìn VNCH sụp đổ, còn hơn là nhượng bộ ông Diệm* . Ông Diệm

đã ghi vào tâm khảm thái độ của “Toàn Quyền Hoa Kỳ” này, xem nó chẳng khác chi lời nói của các Thái Thú Tàu, và Toàn Quyền Pháp. Độc Lập và chủ quyền Quốc Gia được ông Diệm đặt lên hàng đầu. Lòng tự ái dân tộc đã đưa chính phủ Ngô Đình Diệm phiêu lưu đi tìm một lối thoát, tiếc thay, lại chọn vào ngõ cụt CSBV. Việc phiêu lưu này đã tạo thêm lý do để Hoa Kỳ có thể dùng bàn tay của những thành phần đối lập VN lật đổ ông Diệm, bắt đầu một khúc quanh lịch sử bi thảm cho Miền Nam VN.

Biến cố thứ tư là sự ra đời của Mặt Trận Giải Phóng miền Nam **vào ngày 20.12.1960, do Hà Nội chủ xướng. Mặt Trận đặt dưới sự điều động của Đảng Bộ Miền Nam.** Đảng Bộ Miền Nam thoát thai hoàn toàn từ cơ chế lãnh đạo Trung ương Đảng Miền Bắc, tức từ Bộ Chính Trị Hà Nội, gồm toàn cán bộ đảng viên có uy thế từ Bắc vào, và là trung tâm quyền lực đầu não tại miền Nam. Các nhân vật trọng yếu như Lê Đức Thọ, Lê Duẩn, tướng Nguyễn Chí Thanh, đều đã kinh qua Đảng Bộ Miền Nam. Sự có mặt của các nhân vật tột đỉnh này cần thiết cho tư thế Đảng Bộ **độc tôn lãnh đạo Mặt Trận** (*113 *Hồ chí Minh Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng*, Hồ Sĩ Khuê, trang 236). Hà Nội đã làm cho Hoa Kỳ và các quốc gia trên thế giới tưởng rằng Mặt Trận là do nhân dân Miền Nam dựng lên để chống lại chính quyền Ngô Đình Diệm, và Mặt Trận độc lập với Hà Nội. Hà Nội đã che đậy Mặt Trận bằng những khuôn mặt như Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Thị Bình, Trương Như Tảng... (diễn tuồng độc lập ngoài mặt, nhưng điều hành bên trong do CSBV). Những người không CS, hoặc gia nhập Mặt Trận, hoặc làm chính khách

sa lon (thời ấy, dân chúng thường gọi như vậy) tại thành để chống lại chính quyền Sài Gòn là những người thân cận, vì quyền lợi riêng tư nhiều hơn, họ *hành động theo cảm tính, không thấy cái họa lớn (Cộng Sản) mà chỉ phản ứng vì cái bất bình nhỏ (nhỏ so với đại họa.)* (Đại họa đến năm 1975, một số bị kẹt lại VN, một số đã phải bỏ nước ra đi mang theo những bất bình nhỏ để qui tội bôi bẩn nhau tại hải ngoại.) Cũng có thể nói cách khác, họ đặt cái họa CS làm thứ yếu. Lịch sử đã chứng minh, tất cả trở thành công cụ cho CS mà không hay biết. Những đảng viên CS chỉ cần khích động, thổi phồng những xung đột những khác biệt, khiến những người có đầu óc thiện cận sa vào bẫy một cách dễ dàng. *Đảng Bộ ve vãn, nuông nhẹ, nâng đỡ, rồi gài họ vào cái thế đối nghịch, không còn dung nhau được với chính quyền. Đợi đến lúc thuận tiện, Đảng Bộ khép họ vào Mặt Trận một cách gắt như tự nhiên* (chẳng hạn như Nguyễn Hữu Thọ). Vận động quần chúng là chiêu thức mà các đảng viên CS đã học được từ các trường huấn luyện của Nga Sô, Trung Quốc, và thực hành thật nhuần nhuyễn qua tiến trình kháng chiến Việt Minh trước đó. Muốn đi vào con đường chính trị hay Cách Mạng chân chính, ít nhất những người tham gia Mặt Trận cũng phải tìm hiểu rõ ràng về tổ chức mình muốn tham gia trước. Ngoài ra, nếu lỡ đã tham gia, sau khi biết được mặt thật, phải can đảm cương quyết ly khai, chống lại. Để cho CS Hà Nội lợi dụng, họ phải gánh chịu hậu quả đau đớn và nhục nhã sau ngày 30.4.1975. Cái giá nhục nhã mà họ phải trả, quá nhỏ so với những gì mà nhân dân VN gánh chịu. Ngày ra mắt ủy Ban Quân Quản tại Sài Gòn năm 1975, cờ mặt Trận vắng bóng, một nhân

vật chẳng ai nghe nói đến từ trước đến nay, Phạm Hùng, Bí Thư Đảng Bộ miền Nam xuất hiện.

Tháng 10.1961 (?), Tướng Maxwell Taylor, cố vấn đặc biệt về quân sự của Tổng Thống Kennedy, sang thăm VN cùng với Walt Rostow, một thành viên của Hội Đồng An Ninh Quốc gia để thẩm định tình hình VN. Người Mỹ luôn luôn tìm cách lãnh đạo trực tiếp cuộc chiến này. Đáng lẽ, Hoa Kỳ chỉ cố vấn về phương diện vũ khí, huấn luyện, họ lại đi vào trực tiếp trong lãnh vực chỉ huy, và *chỉ cung cấp phương tiện khi các kế hoạch hành quân được họ chấp thuận*. Để đánh đòn cân não với Mỹ, và chuẩn bị đón tiếp Tướng Taylor sang thăm VN, ông Nhu đã ra lệnh cho Thiếu Tướng Đinh tấn dụng mọi khả năng quân sự của VN, đánh vào đầu não của việt Cộng tại chiến khu D và chiến khu Dương Minh Châu. Ông Nhu nói: *Mình phải chứng tỏ cho giới quân sự cao cấp Mỹ là mình phải tự thắng và thắng trận giặc này. Chúng nó chỉ chờ mình thua để nhảy vào cả tụi báo chí ngoại quốc cũng chỉ đi săn tin thua, chứ không bao giờ nói về thắng trận của VNCH cả. Cần làm mà không cần nói, để ông Cự (Diệm) có thể đối phó được với chúng nó ...* (*114 20 Năm Binh Nghiệp, Tôn Thất Định, trang 240)

Thiếu Tướng Đinh cho biết: Sự thành công của Quân Lực VNCH trong cuộc hành quân này được xem như vượt qua các dự liệu: CS hoàn toàn bị bất ngờ và tuyệt đối không kịp đối kháng; các mục tiêu hoàn toàn bị đánh trúng, nhất là cơ sở truyền tin, đài phát thanh của Mặt Trận giải Phóng Miền Nam và các kho dự trữ vũ khí đạn dược, lương thực... (không dùng không quân và pháo binh.) Sự im tiếng của đài phát thanh CS đã làm cho tất cả giới chức Mỹ ở Sài Gòn

khả sung sốt, cũng như các phóng viên báo chí ngoại quốc ...(*115. *20 Năm Binh Nghiệp*, Tôn Thất Đính, trang 251) . Cuộc họp báo của Bộ Tổng Tham Mưu sau đó nhấn mạnh, với khả năng chiến đấu đó, Quân Lực VNCH đủ khả năng nắm ưu thế trên chiến trường chống Cộng, nếu người Mỹ đừng trực tiếp can thiệp vào, và chỉ viện trợ cho VNCH vũ khí cùng các phương tiện chiến đấu cần thiết mà thôi. Chính trận đánh này và cuộc họp báo đã làm cho Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ căm thù chính phủ Ngô Đình Diệm, mặc dầu khi về nước, tướng Taylor đề nghị tăng viện. Các tướng Lãnh Hoa Kỳ lúc nào cũng khen tặng quân đội Quân lực VNCH, trong lúc đó, các *giới quan lại* (danh từ của Westmoreland gọi các nhà ngoại giao, và chính trị Hoa Kỳ), giới truyền thông, phản chiến, lúc nào cũng tìm cách chê bai, bôi bẩn. Hậu quả tất nhiên, Hoa Kỳ nhất quyết lật đổ Ông Diệm. Cũng nên nhắc thêm rằng, đây là bằng chứng khác nữa chứng minh rằng, mặc dầu được trang bị vũ khí thô sơ hơn CS, Quân Lực VNCH vẫn chứng tỏ khả năng chiến đấu hữu hiệu của mình. Thật vậy, năm 1961, trong khi đề cập đến Chiến tranh nhân dân, Võ nguyên Giáp, không hy vọng ở chiến thắng quân sự, đã viết: *Hoạt động chính trị quan trọng hơn hoạt động chiến tranh, và chiến đấu không quan trọng bằng tuyên truyền* . Chiêu bài chống Mỹ-Diệm đã được tung ra suốt trong thời gian của Đệ Nhất Cộng Hòa. Nếu người Hoa Kỳ hiểu được cuộc chiến tranh tuyên truyền của miền Bắc và giúp đỡ VNCH phát triển ngành chiến tranh chính trị và Lực Lượng Đặc Biệt, thực hiện sớm kế hoạch Phụng-hoàng, miền Nam có thể dần dần tiêu trừ đội quân thứ năm không quân phục của CS, và

Hoa Kỳ chỉ tham chiến khi đội quân mặc sắc phục của Bắc Việt tràn sang Bến Hải, vùng giới tuyến Phi Quân Sự.

Kennedy đã nhúc nhủ về những ý kiến khác nhau trong chiến tranh tại VN. Ông không muốn can thiệp quân sự vào VN. Kennedy đã tỏ thái độ không tin tưởng vào quân đội và cơ quan tình báo CIA, những bộ phận đối diện với thực tế, giáp mặt với kẻ thù, và hiểu rõ Cộng Quân. Ông đã báo cho một phụ tá của ông rằng, ông không tin một chữ nào từ những nhà lãnh đạo quân sự Mỹ tại VN như Tướng Paul D. Harkins, mà phải đọc báo (sai lầm lớn của Kennedy khi tin vào báo chí) để biết được thực sự những gì xảy ra tại VN. Tháng 4.1962, Tổng Thống Kennedy đã cho rút 1.000 nhân viên ra khỏi VN để làm áp lực chính phủ Ngô Đình Diệm. Hệ quả song song là viện trợ bị ngưng trệ, đối lập tiến hành vận động cuộc lật đổ chính phủ.

TT Kennedy và chính phủ của ông đã có những quyết định khác nhau về vai trò của Hoa Kỳ tại VN, nhất là sau trận Ấp Bắc xảy ra vào tháng 1.1963. Theo tài liệu của Hoa Kỳ, kể từ tháng 11-1962, các đơn vị của VNCH thuộc Quân Đoàn IV được lệnh không truy lùng Việt Cộng, và nếu gặp phải, họ mở đường cho Việt Cộng chạy. Trận Ấp Bắc xảy ra khi quân VNCH, có Cố Vấn Mỹ tham dự, đã bị đánh bại một cách phi lý. Lời suy đoán duy nhất là Ông Ngô Đình Nhu đã ngầm thông báo cuộc hành quân này cho Việt Cộng, vì trong thời gian này ông Nhu đang thương thuyết với Bắc Việt qua trung gian của nhân viên ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến và Pháp. Biến cố này đã làm cho Tòa Đại Sứ Mỹ tại Sài Gòn nhất quyết phải lật đổ chính phủ Ông Diệm. Ông Diệm và ông Nhu không muốn VN là

một thuộc địa của Mỹ, chống Mỹ công khai, mặc dầu ông Ngô Đình Cẩn có khuyên can. Họ muốn tìm một lối thoát nhưng đã thất bại.

Cuộc phỏng vấn ông Ngô Đình Nhu của tờ *Washington Post* ngày 10.5.1963 đã làm rung chuyển Quốc Hội, Tòa Bạch Ốc và Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ với quan niệm lãnh đạo chiến tranh của VNCH qua lời tuyên bố của ông Nhu, Tướng Đính viết: (1) ông Nhu chống lại sự hiện diện của quân nhân Mỹ trên chiến trường cho rằng, đó là một sự tham gia quá lộ liễu vào các cuộc hành quân mà đáng lẽ ra chỉ có Quân Lực VNCH thực hiện mà thôi. Điều này, nếu cần nói thì chỉ đề cập trong nội bộ, không nên tung ra trên báo chí Hoa Kỳ, sau khi thảm bại Ấp Bắc đã xảy ra mà Mỹ đã xác định là do bàn tay của ông Nhu muốn làm nhục Mỹ. Theo báo chí Mỹ, ông Nhu khét tiếng bài Mỹ, dù được Mỹ giúp đỡ cho để xây dựng chính quyền! Từ đó, họ xem ông là kẻ phản bội. (2) Ông Nhu xác định: 50 phần trăm cố vấn Mỹ không cần thiết ở VN, và nên rút bớt về Mỹ khi công luận Mỹ rất bồn chồn nồn nóng, mà cuộc chiến VN lại cần phải kiên trì. Sự kiện này làm cho tình báo Mỹ nghi ngờ rằng ông Nhu đã đạt được một thỏa hiệp với Hà Nội để đuổi Mỹ về, trong khi chính sách của Mỹ là tăng viện, tăng quân, đến tận hạ tầng cơ sở theo thỏa hiệp Mỹ-Việt cuối tháng 12.1962. Điều này, khi được đăng trên tờ *Washington Post*, đã làm Hoa Thịnh Đốn nổi giận, và cho ông Nhu là kẻ phản trắc, khi chưa thắng trận đã đuổi Đồng Minh. (3) VNCH không thỏa thuận với Hoa Kỳ để mở các cuộc hành quân qui mô tiêu diệt hạ tầng cơ sở của CS, cho rằng như vậy là sai với chủ trương chiến thuật của

VNCH chỉ dùng lực lượng bán quân sự ở địa phương để truy lùng CS mà thôi. Điều này làm cho tình báo Mỹ xác định ông Nhu đã thỏa hiệp với Cộng Sản, để không còn mở các mặt trận quân sự qui mô có Mỹ tham dự, vì nếu không có hành quân cấp đại đơn vị, làm sao có sự tham dự của MACV được nữa, sẽ không có không lực, pháo binh, thiết kỵ, và nhất là hành quân trực thăng vận của Mỹ tham gia. Ngoài ra, các đại đơn vị từ cấp Trung Đoàn, Sư Đoàn ở các đô thị là chỉ cốt để bảo vệ cho sự an toàn của chế độ hơn là để chống Cộng như các kế hoạch phân bố lực lượng hành quân của Hoa Kỳ (*116. *20 Năm Binh Nghiệp*, Tôn thất Đình, trang 291-295).

Quan niệm chiến tranh trường kỳ, ít hao tổn của ông Diệm-Nhu đúng, nhưng lại trái ngược với chiến lược ngắn hạn của Hoa Kỳ là đánh nhanh, đánh mạnh vì nhiệm kỳ của Tổng Thống chỉ có bốn năm.. Kết quả phải được đo bằng con số, bằng đồ thị. Do đó, thành quả chỉ dựa trên số xác chết. Đối với Việt Cộng, số xác chết không thể kiểm chứng được vì hai lý do: (1) Đạo quân thứ năm không có quân phục, sử dụng không phân biệt tuổi tác, và giới tính, không giới hạn nhiệm vụ (2) Số xác tại hiện trường, thường chỉ là một phần của sự tổn thất thật sự. Tuy nhiên, lối kế toán của Hoa Kỳ đòi hỏi phải có “con số” (numbers = data) nên không thể nào làm khác hơn, và có thể chính xác cho được. Độc giả không thể nào tưởng tượng được, chuyện thật đã xảy ra, một cô gái tuổi chỉ vừa quá hai mươi, tại xứ dừa Tam Quan, chưa hề lập gia đình, lại đã chôn hai xác ông chồng, và trong nhà, trên bàn thờ treo hình một ông chồng. Khám phá này do một Trung úy Quân Lực VNCH.

Kể từ năm 1961, chính phủ ông Diệm đẩy mạnh chương trình xây dựng Quốc Sách Ấp Chiến Lược. Lúc đầu, Hoa Kỳ không yểm trợ cho kế hoạch này. Đến năm 1962, thấy quốc sách tiến triển tốt đẹp, Hoa Kỳ bắt đầu viện trợ mười triệu Mỹ kim cho tài khóa 1962, và mười lăm triệu cho tài khóa 1963. Từ kinh nghiệm của quận Bình Minh thuộc tỉnh Cần Thơ mà dân chúng tự động tổ chức thôn xã của họ gần giống như một ấp chiến đấu, khiến cho hoạt động phá rối của CS tại địa phương giảm thật nhanh, chính phủ đã cử phái đoàn xuống tận nơi để nghiên cứu. Lâu nay, chính phủ cũng như Hoa Kỳ, đều quan niệm rằng cứ làm cho dân giàu, dân no ấm, ắt họ bỏ CS mà theo Quốc Gia: Bác Sĩ Trần Kim Tuyến, cha đẻ của lý thuyết Ấp Chiến Lược (dựa trên tư tưởng của ông Nhu), đã rút ra nhận định: *Người dân nông thôn phải theo CS vì sợ bị giết, chứ không phải họ ham ăn sung, mặc sướng, vì chắc chắn ở với CS không thể sướng được bằng ở với Quốc Gia (tương đối)* (*117 *Những Huyền Thoại và Sự Thật...*, Vĩnh Phúc, trang 386-387). Bác Sĩ Tuyến đã đưa đến kết luận, là phải tổ chức quần chúng thành đội ngũ cũng giống như ý niệm mà ông Ngô Đình Nhu đề cập đến trong một số bài viết trên tuần báo *Xã Hội* của ông trước năm 1955, và cũng tương tự với Thôn Trang Chiến Đấu của CS. *Mục tiêu tối hậu là tách rời Cộng Sản ra khỏi nhân dân*. Nội dung Ấp Chiến Lược khác với nội dung ấp Chiến Đấu mà Sir Thompson đã thực hiện tại Mã Lai để chống CS.

Cái quan trọng hơn nữa của mục đích thành lập ấp Chiến Lược, là làm cho người dân thấy được bộ mặt thật của CS, vì nếu tấn công Ấp Chiến Lược, CS đã tấn công và

giết hại nhân dân (rất hay?), nhưng mục đích này, không những đã không thành công vì báo chí không chịu nêu lên (nhất là báo chí và truyền thông Hoa Kỳ), mà còn bị các lãnh tụ đối lập tại miền Nam phản đối, cho rằng thất nhân tâm. Khổ thay, *chẳng ai buộc tội kẻ tấn công và giết dân, mà lại lên án những người bảo vệ dân*. CS sau này đã thừa nhận họ đã bị khốn đốn vì chương trình áp Chiến Lược. Quốc Sách áp Chiến Lược đồng thời là một cuộc cách mạng trên cả ba lãnh vực quân sự, chính trị và kinh tế xã hội. Quốc sách Ấp Chiến Lược sau hai năm, đã thành công trong việc ngăn chặn CS không còn sống bám vào nhân dân. Vấn đề an ninh được vững vàng hơn. Số cộng quân hồi chánh gia tăng nhanh. Tiếc rằng, sau khi chính phủ Diệm bị lật đổ, những chính phủ kế tiếp đã không nghiên cứu đúng mức thành quả của Quốc Sách Ấp Chiến Lược, cho rằng Quốc Sách này không hợp lòng dân nên hủy bỏ. Sau đây là lời phê bình của bà Suzanne Labin, trong quyển sách *Révélation d' un Témoin*, trang 88-94, *Ấp Chiến Lược là tâm điểm của một cuộc cách mạng chính trị và xã hội*. Ngoài ra, CS Hà Nội cũng đã nhận định về Quốc Sách Ấp Chiến Lược như sau: *Tội miền Nam chúng nó ngu quá! Nó giết cái thằng Nhu đi, thành ra tội mình mới được lợi. Còn thằng Nhu thì giờ này chắc tội mình chết hết. Nó làm cái ấp chiến lược, nó giam cán bộ của mình ba tháng dưới hầm không thấy ánh mặt trời. Thêm ba tháng nữa, là mình chết vì hết lương thực* (*118. *Những Huyền Thoại và Sự Thật...*, Vĩnh Phúc, trang 395-396).

Lời nhận định này của Bắc Việt, đưa đến cho chúng ta một kết luận khác nữa, *Hà Nội tự nhận là thủ phạm của cuộc*

chiến ở Miền Nam. Trong lúc đó, như đã đề cập trong phần Lời Nói Đầu, thế giới vẫn ngây thơ cho rằng Mặt Trận Giải Phóng miền Nam là do dân chúng Miền Nam bất mãn chế độ Ngô Đình Diệm tạo nên. Phải chăng, trong cuộc chiến tranh này, tất cả mọi thế lực tham chiến đã không hiểu biết gì về nhau (bạn, thù, chính nghĩa, vô nhân), khiến cho người dân Việt-nam phải gánh lấy hậu quả khốc hại

Bên cạnh sự thành công của Ấp Chiến Lược, và tiếp theo sau vụ gặp gỡ khá căng thẳng với Khrushchev tại thủ đô Vienna năm 1961, Kennedy đã tuyên bố với James Reston của tờ *New York Times* rằng: *Bây giờ chúng ta có thể làm cho thế giới tin vào sức mạnh của chúng ta được rồi, và VN dường như là nơi để chứng minh điều đó* (*119 Westmoreland, trang 597). TT Kennedy chấp thuận một Chương Trình Hành Động cho VN (Program of Action for Vietnam), đồng thời bổ nhiệm ông Frederick E. Nolting, Jr. thay thế Đại Sứ Elbridge Durbrow (chống ông Diệm). *Những năm sau cùng của chế độ, cũng là những năm thành công tột bậc của TT Ngô Đình Diệm, Miền Nam gần được bình định hoàn toàn, và kinh tế quốc gia được phát triển như chưa từng thấy* (*120 Ngô Đình Diệm và Nỗ Lực Hòa Bình Dạng Dỏ, Nguyễn Văn Châu, trang 157)

Năm 1962, một biến cố bề ngoài có vẻ có tính cách cá nhân, nhưng thực chất không phải như vậy. Vụ ném bom Dinh Độc Lập của Trung úy Phạm Phú Quốc và Trung úy Nguyễn Văn Cử xảy ra vào ngày 27.2.1962. Máy bay của Phạm Phú Quốc bị bắn rơi và bị bắt, còn Nguyễn Văn Cử bay sang Miền ty nạn. Nguyễn Văn Cử là con của Nguyễn Văn Lực, một lãnh tụ của Quốc dân Đảng. Đây là một hành

động có chủ mưu, có tổ chức, và do Nguyễn Văn Lục tổ chức, lãnh đạo, chứ không phải là cá nhân trong quân đội đã bày tỏ thái độ chống chế độ như một số người đã viết. Nếu biết được rằng *mục tiêu của sự thành lập đảng phái là nắm lấy chính quyền*, chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi Quốc Dân Đảng và Đại Việt đã nhiều lần cố lật đổ chính quyền ông Diệm. Linh Mục Nguyễn Văn Dũng, Phan Xứng đã tham gia vào tổ chức của ông Lục (Việt Nam Quốc Dân Đảng), Nguyễn Văn Đạt lúc làm Tỉnh Trưởng Phú Yên, đã liên kết với tổ chức Đại Việt Trương Tử Anh chống ông Diệm. Đây là một ví dụ điển hình khác để thấy những khó khăn của chính phủ ông Diệm. Lề lối sinh hoạt đảng trong bí mật kể từ thời đồ hộ Pháp, khiến không chính phủ Miền Nam nào có thể tránh được việc dùng những người chống chính phủ, và dùng ngay cả tình báo CS như chúng ta đã thấy. Tỉnh Trưởng là người thực thi kế sách của chính quyền lại là người chống chính phủ. Nhiều người nói rằng ông Diệm là một người có đầu óc địa phương hẹp hòi vì tất cả những chức vụ quan trọng đều được giao phó cho người Trung hoặc người tỉnh Quảng Bình của ông. Trong thực tế, trong số các tổng Bộ Trưởng, chỉ có hai người là người Trung: Trương Công Cửu đặc nhiệm Văn Hóa Xã Hội sau là Ngoại Trưởng) và Nguyễn Quang Trình (Quốc Gia Giáo Dục), ba người Bắc: Nguyễn Đình Thuần (phụ tá Quốc Phòng và phụ tá Phủ Tổng Thống), Nguyễn Lương (Tài Chánh), Trần Lê Quang (Cải Tiến Nông Thôn), phần còn lại là người Nam. Trong số 19 tướng Lãnh, chỉ có một người Bắc (Phạm Xuân Chiểu), năm người Trung: Nguyễn Ngọc Lễ, Thái Quang Hoàng, Lê Văn Nghiêm, Tôn Thất

Đình và Huỳnh Văn Cao, và 13 người còn lại là người Nam (*121. *Ngô Đình Diệm và Nỗ Lực Hòa Bình Đang Dở*, Nguyễn Văn Châu, trang 96)

Tuy nhiên, vấn đề chính cần đặt ra ở đây là: chủ động hay tham gia vào những vụ lật đổ chính phủ ông Diệm bằng vũ lực và làm khủng hoảng chính trị, xã hội, an ninh quốc gia, trong lúc chính phủ phải đối đầu với việc gia tăng chiến tranh của CS, và đang bị áp lực của Hoa Kỳ để thi hành một sách lược sai lầm, phải chăng là những hành động không hợp thời, không hợp lý? Có lẽ, các đảng phái chính trị không đo lường được những hậu quả trầm trọng của những cuộc rối loạn hậu phương này chăng? Bên cạnh đó, Hoa Kỳ và Pháp luôn luôn thừa cơ để “hùn gió bẻ măng”. Để thọc gậy bánh xe Hoa Kỳ, Pháp luôn luôn phản đối giải pháp quân sự và ra sức cổ vũ cho thuyết Trung Lập miền Đông Nam Á (*122 *Vấn đề chỉ đạo Chiến Lược trong chiến tranh VN*, Đỗ Ngọc Nhận, trang 55). Pháp đã ngầm thỏa thuận với Hồ là Pháp sẽ dùng uy tín và quyền lực của mình để khống chế và chặn đứng mọi mưu toan mà miền Nam VN có thể chống lại Hà Nội, đổi lại Hồ cho Pháp được quyền mở lại buôn bán tại miền Bắc (*123 *Victory Lost. Cuộc chiến thắng bị bỏ lỡ*, Nguyễn Vạn Hùng dịch, Thời Luận, 2001, trang 31). Trong chiều hướng này, De Gaulle lên tiếng mời hai bên Bắc và Nam VN tham dự một nỗ lực quốc gia cho độc lập, hòa bình và thống nhất. Ông nhấn mạnh đây không phải là ông muốn can thiệp vào vấn đề VN... De Gaulle hứa sẽ hợp tác nếu hai bên VN muốn... Đại sứ Pháp Lalouette cố gắng thuyết phục Cabot Lodge để cho Diệm cầm quyền, và nói Phạm văn Đồng sẵn sàng

giao thương như đã nói với Goburdhijm, đại diện Ấn Độ trong ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến (*124. Công và Tội, Nguyễn Trân, trang 471-473)

Sự phản đối giải pháp quân sự này của Pháp nói lên rằng Hà Nội không hy vọng vào một cuộc chiến thắng quân sự. Bên cạnh đó, ngày 6.10.1962, Hệp Định Trung Lập Lào ra đời, mở ngõ cho quân đội Bắc Việt tự do kéo vào Miền Nam. Sau ngày ký Hiệp Định một tháng, tình báo CIA của Hoa Kỳ đã phát hiện, Hà Nội chỉ rút có 40 chuyên viên, và để lại cả chục ngàn người ở lại (*125 *Spies and Commandos*, Kenneth Conboy & Da le Andrade, trang 57), và dĩ nhiên, lực lượng này tham gia vào chiến tranh VN.

Phải chăng, chính vào năm 1962 này, chính phủ Ngô Đình Diệm đã đầu hàng hoàn cảnh, để «phiêu lưu» đi tìm một giải pháp chính trị, như nhiều người đã gọi như vậy, vì không thể giết, bỏ tù hết những lãnh tụ đảng phái và đối lập, như Hồ Chí Minh đã làm. Tướng Trần Văn Đôn, một nhân vật đối lập trong nhóm Caravelle, đã nói: *Một trong những lỗi lầm nhất của ông Diệm là giao cho những vị tướng lãnh có khả năng và nổi tiếng nhất (ám chỉ các Tướng Đôn, Minh, Kim) những nhiệm vụ không có ý nghĩa gì cả (meaningless jobs). Họ đã không đau khổ, lại dùng những thì giờ nhàn rỗi đó để suy nghĩ, lập kế hoạch, và những chiến lược hoàn hảo. Kết quả không tránh khỏi là sự lật đổ ông Diệm* (*126 *Our Endless War Inside Vietnam*, Tran van Don, trang 87). Thật buồn cười cho lời phán đoán này của Tướng Đôn. Tướng Đôn đòi hỏi sinh hoạt tự do, ông Diệm để cho ông ta tự do, và ông ta cho rằng ông Diệm cho ông ta tự do là sai lầm, vì ông có cơ hội để lật đổ? Câu nói của tướng Đôn nói trên

là một bằng chứng hùng hồn khác, chứng tỏ chế độ Miền Nam đã không tiêu diệt đối lập một cách tàn bạo như một số người đã phóng đại dựa trên sự bắt bớ những phần tử có hại cho chế độ (chứ không chủ trương tiêu diệt đảng phái) so với sự tàn bạo có chủ trương tiêu diệt đảng phái của miền Bắc, ngay cả lúc Hồ Chí Minh chưa nắm chính quyền. Không ai chịu so sánh sự cai trị của hai miền, để từ đó sắp thứ tự ưu tiên: *phải chiến thắng Cộng Sản trước đã*. Hầu hết chỉ nhắm tranh giành quyền lực, khiến dễ bị ngoại bang lợi dụng.

Cũng trong năm 1962, một ký giả Pháp, François Sully, phóng viên tờ *Newsweek* ở Sài Gòn, trong bài báo ngày 20.8.1962, kể lại rằng chính quyền VNCH đã thua lớn trong trận đánh ở Hàm Tân, vì binh sĩ đã không hết lòng đánh giặc cho TT Diệm. Ông kết luận: *Miền Nam Việt-nam đang thua trận chiến tranh...* Theo V L. Borin (cựu đảng viên CS Tiệp Khắc tị nạn tại Úc) trên tờ *National Review* số ra ngày 2.6.1964, nhà báo F. Sully đã giải thích sự loan tin sai lầm, thiếu trung thực, có mục đích là làm xấu mặt TT Diệm, và cả người Mỹ mà Sully cũng không thích, vì ông ta là người Pháp, và cũng như giới thuộc địa Pháp ở Sài Gòn, không bằng lòng việc người Mỹ hất cẳng Pháp ra khỏi Đông Dương, ủng hộ một Ngô Đình Diệm quốc gia chống thực dân Pháp (*127. *Ngô Đình Diệm và Nỗ Lực Hòa Bình Dạng Dở*, Nguyễn văn Châu, trang 228-229)

Chính phủ đã trục xuất ký giả này. Hậu quả là báo chí và chính quyền Hoa Kỳ buộc tội chính quyền Ngô Đình Diệm là toan tính *thị uy với các ký giả khác*. Từ đó, báo chí Hoa Kỳ có ác cảm với chính quyền miền Nam VN, một chính

quyền mà họ đã viện trợ tiền bạc, gởi quân đội sang chiến đấu. Đây là một bằng cứ rõ rệt nữa, để cho thấy rằng, giới truyền thông và các tác giả viết về giai đoạn chiến tranh này của VN, vô tình hay hữu ý, hoặc đã bị nhóm người Hoa Kỳ chống chính phủ Diệm thúc đẩy, đã không có cái nhìn tổng quát về sự kiện, đã không tìm về nguyên nhân sâu xa của sự kiện, lại đưa ra những nhận định dựa trên hệ quả của sự kiện, và dĩ nhiên, khiến nhận định trở nên sai lệch, không trung thực. Người ta *không hề buộc tội ký giả Sully đã tung tin thất thiệt, mà lại kết án chính quyền ông Diệm đã trục xuất Sully để thị uy.*

Phải chăng những biến cố dồn dập bất thuận lợi của năm 1962, đã làm cho chính phủ Ngô Đình Diệm cảm thấy không còn có thể tìm giải pháp ổn định được Miền Nam, tự ái dân tộc không cho phép đầu hàng người Mỹ, khinh thường những thế lực đối lập, nên không đi tìm giải pháp cho sự đoàn kết, để rồi chỉ nhìn thấy chung quanh mình toàn là kẻ thù: Cộng Sản, đối lập, Đồng Minh, truyền thông... Bàn tay của Pháp, tuy lúc nào cũng thọc gậy bánh xe (mục tiêu chính là phá Hoa Kỳ,) nhưng lúc nào cũng hành xử như là mở rộng ra để kéo miền Nam và Miền Bắc vào con đường Trung Lập, ra khỏi ảnh hưởng của Hoa Kỳ. Pháp sẵn sàng giúp miền Nam bắt tay với Hà Nội. Sự can thiệp này của Pháp, dù hậu ý thế nào chăng nữa, cũng đưa đến hậu quả là làm cho Cabot Lodge càng quyết tâm lật đổ ông Diệm. Hậu thuẫn quốc tế duy nhất có thể giúp VNCH để ngăn chặn làn sóng CS là Hoa Kỳ, giờ đây, chính phủ Diệm nghĩ rằng không còn trông cậy vào người bạn quý Hoa Kỳ được nữa. Hoa Kỳ càng lúc càng tỏ ra đã có kế

hoạch lật đổ chính quyền ông Diệm. TT Diệm chỉ còn con đường duy nhất là nối lại sự thân thiện với Pháp để nói chuyện với Hà Nội như Phạm Văn Đồng đã bắt tin từ năm 1958.

Vào cuối năm 1962, TT Pháp De Gaulle mời TT Diệm sang Pháp. Ông Diệm không đi và nhờ ông Nhu đi thay. Ông Nhu ghé sang Pháp để được TT De Gaulle cho biết ý định của ông Hồ muốn hai bên thương thảo, và người Pháp đứng làm trung gian là Antoine Pinay. Sở dĩ miền Bắc muốn thương thuyết là vì họ rất sợ Mỹ đem quân vào miền Nam thì miền Nam có đủ khả năng giải phóng miền Bắc bằng quân sự, hoặc ít nhất cũng có thể làm cho tiêu tan mộng bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản về phía Nam... Ngoài ra, về cuộc gặp gỡ giữa ông Nhu và Phạm Hùng tại rừng Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận, có ông Võ tháp tùng, nhưng không được hợp chung (*128 Những Huyền Thoại và Sự Thật..., Vĩnh Phúc, trang 335).

Theo ông Tôn Thất Thiện, ông Nhu cho biết ông đã gặp Trần Độ. Trần Độ đã hỏi ông:

- Nếu chúng tôi thôi đánh thì các ông xây dựng nước Việt-nam sau này thế nào ?

- Vietnam sera que nous ferons ensemble (Việt-nam sẽ do chúng ta cùng xây dựng). Ông Nhu trả lời Trần Độ bằng tiếng Pháp như vậy.

Theo ông Thiện cả hai phe đều sợ Mỹ vào. Nếu tìm được giải pháp gì thì chắc rằng hai bên cũng chấp nhận.

Kể từ tháng 6.1963, qua trung gian của Đại Sứ Ấn Độ Ram C. Goburdhijn và Đại Sứ Ba Lan Mieczylaw thuộc Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến, hai miền Nam Bắc

bắt đầu thảo luận. Theo nhà báo Úc thân Cộng, trong hai năm cuối cùng của chế độ Diệm, Đại sứ Pháp ở Sài Gòn Roger Lalouette đã yết kiến thường xuyên Cố Vấn Ngô Đình Nhu, và hình như đã thông báo cho ông Nhu âm mưu của Hoa Kỳ nhằm thanh toán anh em TT Diệm. Ngày 29.9.1963, De Gaulle tuyên bố đề nghị một giải pháp cho vấn đề VN, sau đó, Đại sứ Pháp Lalouette thường xuyên yết kiến Ngô Đình Nhu, và nhắc nhở ông Nhu hãy nắm lấy cơ hội đề nghị của Tổng Thống Pháp. Trong khi đó, Đại sứ Ba-lan Mieczylaw Maneli thuộc Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến, nhìn nhận ông Nhu là một lý thuyết gia đứng đắn duy nhất ngoài thế giới CS, về du kích chiến, đã đến gặp ông Cố Vấn để đưa tin riêng của Thủ Tướng Bắc Việt Phạm Văn Đồng (*130 *Ngô Đình Diệm và Nỗ Lực Hòa Bình Dang Dở*, Nguyễn văn Châu, trang 161). Tháng 9.1963, ngay trong một cuộc săn bắn tại khu vực gần Đà Lạt, ông Nhu đã đến gặp đại diện của Miền Bắc. Tại Sài Gòn, Tòa Đại Sứ Ấn Độ là nơi mà đại diện Hà Nội và Sài Gòn gặp nhau. Qua Đại sứ Pháp, ông Diệm đã gửi một sứ điệp cho De Gaulle liên hệ tới viện trợ Pháp có thể thay thế viện trợ Mỹ (*bị cắt đứt từ tháng 8 năm 1963*), trong thời hạn sáu tháng. Sau thời hạn này, De Gaulle cho biết, đã chính thức yêu cầu Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế viện trợ cho sáu tháng kế tiếp. Khrushchev đã nghĩ tới việc nhìn nhận một chính phủ thực tại (de facto) của Miền Nam Việt-Nam (*131 *Ngô Đình Diệm và Nỗ Lực Hòa Bình Dang Dở*, Nguyễn Văn Châu, trang 164)

Để làm vừa lòng chính phủ Diệm, Hồ Chí Minh, trong một cuộc phỏng vấn dành cho nhà báo thiên Cộng người

Úc Wilfred Burchett vào tháng 7 năm 1963, đã đổi giọng tuyên bố: Sự can thiệp của ngoại bang phải chấm dứt. Trong viễn tượng đó, cuộc ngưng bắn sẽ là đối tượng của một thỏa hiệp. Dù sao đi nữa, *ông Diệm vẫn là một người yêu nước theo cách của ông ta.*

Biến cố Phật Giáo

Năm 1957, 1958, chính phủ Ngô Đình Diệm ra Nghị Định về thể thức treo cờ các tôn giáo, trong đó, *cờ tôn giáo chỉ được treo trong khuôn viên của các cơ sở tôn giáo mà thôi.* Thể thức treo cờ này được xác định lại bởi Nghị Định ký ngày 6.5.1963 khi TT Diệm đi kinh lý và thấy cờ Vatican được treo khắp nơi. Ngày lễ Phật Đản 8.5.1963, dân chúng tại Huế đã treo cờ Phật giáo ngay trước nhà họ và đã bị giới chức địa phương ra lệnh tháo gỡ, trong lúc đó, trong lễ Ngân Khánh kỷ niệm 25 năm làm Giám Mục của Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục tổ chức vài tuần trước đó, cờ Vatican treo khắp nơi đã không bị triệt hạ. Đó là lý do khởi đầu cho biến cố Phật giáo. Tại địa phương, ông Ngô Đình Cẩn đã kịp thời can thiệp, tưởng đã tạm yên. Tuy nhiên, trong buổi lễ tại chùa Từ Đàm, Thượng Tọa Thích Trí Quang đã lên tiếng *kêu gọi Phật Tử chống chính quyền.* Tối hôm 8.5.1963, Phật Tử tụ tập tại Đài Phát Thanh Huế yêu cầu phát thanh lại buổi lễ tại chùa. Trong lúc đang có đảng co đối đáp của hai bên, một tiếng nổ làm một số người chết và bị thương, không biết thủ phạm là ai. Chính phủ ra thông cáo là do Việt Cộng, Phật giáo qui tội cho chính quyền. Ngày 15.5.1963, TT Quang và năm Đại Đức khác đã đưa 5 nguyện vọng yêu cầu chính phủ thỏa mãn.

Chúng ta dừng lại đây để phân tích biến cố Phật Giáo

này. Trước tiên, tại sao Đài Phát Thanh Huế từ chối cho phát thanh buổi lễ tại chùa Từ Đàm? Thật dễ hiểu, *chính quyền không thể cho phát thanh lời kêu gọi chống chính quyền*. Đó không phải là bài thuyết pháp, một bài tường trình lễ Phật Đản như mọi năm. Thứ hai ai là người đã tạo nên tiếng nổ giết người đó. Theo lý luận thông thường, hai bên chống đối nhau, không người này thì người kia đã tạo nên sự giết chóc này. Bằng phương pháp loại suy, chúng ta không thể nào tin được là Phật Tử đã gài chất nổ để giết Phật Tử được, vậy, chắc hẳn, là do chính quyền. Về phía chính quyền sau khi điều tra, không có ai ra lệnh để làm chuyện đó cả, nên chính quyền đã kết luận là do CS đã tạo sự chia rẽ giữa hai bên. Tuy nhiên, tất cả đều đã lầm lẫn, vì không ai nghĩ đến một thế lực khác đang muốn lật đổ chính quyền, đã nhúng tay vào: *Hoa Kỳ*.

Trong sách “*Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống*”, Cao Thế Dung nói chất nổ giết người là plastic của CIA mà người ném là James Scott và được James Scott xác nhận với Đại úy Bưu năm 1965. *Tin này đúng với tin chính tôi, tác giả (Nguyễn Trân), đã đọc trong một tập san Mỹ vào tháng 6 hay 7 năm 1975, tại nhà con gái tôi ở Arcadia sau khi gia đình tôi di tản đến ở đó. Người ký tên dưới cột báo ấy là James Scott, tự nhận đã ném plastic làm chết người trước đài Phát Thanh Huế trong đêm 8.5.1963 (*132 Công Và Tội, Nguyễn Trân, trang 415).* Về sự kiện xảy ra, chúng ta thấy rõ rằng Hoa Kỳ đã có sắp đặt trước. Nhưng sắp đặt trước với ai trong giới Phật giáo? Phật Tử từ trước đến nay, luôn luôn là những người được quý Thầy Phật Giáo dạy làm tăng trưởng lòng “*Từ, Bi, Hỷ, Xả*”, và hơn thế nữa, tâm

niệm rằng “*lấy oán báo oán, oán chập chồng, lấy ân báo oán, oán tiêu tan*”. Từ đó, chúng ta thấy rõ người đã đẩy mạnh biến cố đấu tranh Phật giáo lên cao điểm là *Thượng Tọa Thích Trí Quang*. Vậy, Thích Trí Quang là ai?

Thích Trí Quang sinh năm 1922, tại làng Diêm Điền, phủ Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Năm 13 tuổi, sau khi đỗ bằng tiểu học, Trí Quang xin quy y và tu học tại một ngôi chùa ở Đồng Hới, sau đó vào chùa Bảo Quốc Huế. Năm 1946, *Thích Trí Quang (24 tuổi) gia nhập Hội Phật Giáo Cứu Quốc của Việt Minh do Thượng Tọa Thích Mật Thể (Dân Biểu của Quốc Hội Cộng Sản) cầm đầu*. Tháng 11.1954, Trí Quang bị bắt mấy ngày vì đã tham gia Phong Trào Hòa Bình. Năm 1951, ông Nguyễn Văn An đã mời Thích Trí Quang yểm trợ kế hoạch Việt-nam hóa tỉnh Quảng Bình. Ông An, Thích Trí Quang, và cư sĩ Phật giáo Lê Đình Thám đã có hoạt động chung cho Hội Chấn Hưng Phật Giáo (*133 *Việt-nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*, Đỗ Mậu, trang 91). «Ông Hoàng Hữu Khác, Chánh án Tòa án Huế và Thừa Thiên, có gởi nhờ cụ (Ung Trạo) nuôi một đứa con riêng. Cụ đặt tên cho nó là Vĩnh Thao. Vì chỗ thân tình đó, ông Khác một hôm có cho cụ Ung Trạo biết, ông giữ chức Thư Ký trong Ban Trị Sự Hội Phật Học Trung Việt mà Thích Trí Quang là Bí Thư hay tổng Bí Thư gì đó. Một hôm, ông Khác đọc được một bức thư của Thích Trí Độ từ Hà Nội gởi cho Trí Quang, bảo phải tổ chức phong trào Phật giáo chống chế độ Ngô Đình Diệm. Vì thế ông Khác đã từ chức và ra khỏi Ban Trị Sự (*134: *Công Và Tội*, Nguyễn Trần, trang 403)

Margarite Higgins có được Trí Quang mời đến chùa Xá Lợi để nói chuyện và được Trí Quang cho biết một cách

công khai: *Chúng tôi không thể thương thảo với Miền Bắc cho tới khi hạ được Diệm Nhu* (*135(*Our Vietnam Nightmare*, trang 28) Công vô Tội, Nguyễn Trân, trang 417)

Chính Trung Tướng Trần Thiện Khiêm, Tổng Trưởng Quốc Phòng trong nội các Nguyễn Khánh tuyên bố về sau rằng, Đặng Sĩ đã bị kết án để thỏa mãn lời yêu cầu của Trí Quang (*136. *Ngô Đình Diệm*, trang 222)

Trong *Việt-nam Máu Lửa Quê Hương* tôi, trang 899, Đỗ Mậu viết:... «từ sau khi chế độ Diệm bị lật đổ và nhất là từ khi cuộc chinh lý của Nguyễn Khánh mở màn cho sự phục hồi của Công giáo Cần Lao thì ta thấy Phật Giáo và *Thượng Tọa Trí Quang* thực sự dẫn thân vào đấu tranh chính trị.»

Đến khi có cuộc khủng hoảng giữa tín đồ Phật Giáo và Thiên Chúa giáo thời Trần Văn Hương làm Thủ Tướng, với những cuộc xuống đường đâm chém nhau, Hà Thúc Ký tới gặp *Thượng Tọa Trí Quang*, và nói:

- *Thầy này, chuyện xuống đường là ai lời? Việt cộng lời chứ ai lời! Công Giáo, Phật Giáo giết nhau, Việt Cộng sướng quá! Thượng Tọa Trí Quang* quắc mắt bảo:

- *Anh nên nhớ rằng bên cạnh Phật Giáo còn có khối Cộng Sản Quốc Tế yểm trợ!*

Ông Hà Thúc Ký cũng không chịu nhận, đứng dậy chỉ mặt:

- *Xưa nay tôi giao thiệp với Thầy, chưa bao giờ thấy Thầy mình định lập trường cả. Hôm nay, Thầy mới nói rõ lập trường chính trị của Thầy, thì tôi đây, tôi cũng mình định lập trường của tôi đối với Thầy: Mai kia xuống đường, tôi đứng bên phía Quốc Gia, Thầy đứng bên phía CS, tôi rút súng tôi bắn bẻ hai cái đầu của thầy cơ!* (*137 *Huyền Thoại và Sự Thật...*, Vĩnh Phúc, trang 302)

Chúng tôi xin đọc giả ghi nhận điều này để tránh hiểu lầm: *Không thể đồng hóa Tu sĩ với Tôn Giáo*. Tôn giáo đặt trên căn bản tín ngưỡng, nên không bao giờ đem ra luận bàn, hơn nữa, người Việt chúng ta thường nói: Đạo nào cũng dạy tín đồ điều tốt. Tuy nhiên, cá nhân tín đồ hay tu sĩ lại khác; có những Phật Tử không tuân theo giới luật của Phật, và có những Ki-Tô Hữu không theo lời răn của Đức Chúa Jê-sus. Việc làm của những tín đồ này không liên can gì đến Giáo hội mà họ đang tin theo. Nếu hành động của cá nhân nào đã đi vào lịch sử, họ phải nhận chịu sự phê phán của lịch sử, và từ đó, chúng ta không có thể suy diễn ra rằng, những phê phán này có dụng ý phê bình Giáo hội mà họ tin theo.

Với những lời nhận định từ một số người khác nhau ghi trên, và căn cứ vào quá trình sinh hoạt, chúng ta nhận thấy *Thượng Tọa Thích Trí Quang chống chính quyền không phải vì vấn đề kỳ thị tôn giáo*. Lý do: ngày 4.10.1963, ông Diệm đã gởi thư mời Liên Hiệp Quốc đến VN để điều tra về vấn đề “đàn áp Phật Giáo”: Kết quả là Liên Hiệp Quốc xác nhận, “những va chạm này hoàn toàn có tính cách chính trị.” Hơn nữa, ông Diệm không kỳ thị tôn giáo, theo lời của Tướng Đính, một Phật Tử. Trong các cuộc đi kinh lý, ông Diệm đã tỏ ra giận dữ khi thấy cờ Vatican (Trắng-Vàng) treo khắp nơi công cộng (*138- 20 Năm Bình Nghiệp, Tôn Thất Đính, trang 310) Ông Nhu quan niệm dứt khoát rằng, không nên đem tôn giáo vào chính trị, dù là Phật Giáo hay Thiên Chúa Giáo. Hai ông Diệm và Cần thì coi Phật Giáo cũng như Thiên Chúa Giáo và bảo: Đạo của người ta thì người ta thờ... ông Diệm đã từng nói, mấy thầy tu theo Phật

*Giáo thật hiền từ. Theo ông Cao Xuân Vỹ, chính TT Diệm thúc đẩy việc thành lập Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, và chính ông Diệm giúp tiền xây chùa Xá Lợi (*139 Những Huyền Thoại và Sự Thật..., Vĩnh Phúc, trang 275-276.). Bà Higgins nghĩ rằng các nhà lãnh đạo Phật giáo phải ghi chép trong lịch sử giáo hội là dưới chế độ Diệm, Phật giáo đã phục hưng mạnh mẽ. Năm 1963, miền Nam có đến 4.766 ngôi chùa (tăng thêm 1.275 ngôi chùa). Sau chế độ Ngô Đình Diệm, Phật giáo vẫn tiếp tục đấu tranh, và thêm những khuôn mặt khác nữa như Ni Sư Huỳnh Liên tại VN, Đại Đức Thích Thiện Châu tại Pháp... (sau 1975, được biết họ là người của CS, nhưng thời bấy giờ chẳng ai tin, cho là chính quyền chụp mũ).*

Tóm lại, nguyên nhân sâu xa của biến cố Phật Giáo là do Thích Trí Quang đã dựa vào Cabot Lodge (rất an toàn), và lợi dụng Phật Tử, để phát động phong trào Phật Giáo chống chính quyền, và ngược lại, Cabot Lodge đã xử dụng Thích Trí Quang để gắn nhãn hiệu “đàn áp tôn giáo” lên chính quyền ông Diệm hầu có thể dùng bàn tay của các tướng lãnh VN giết ông Diệm. (Sau này, khi các chùa bị bố ráp, chỉ có Thích Trí Quang ty nạn chính trị tại Tòa Đại Sứ Mỹ. Báo Times thổi phồng vai trò của Thích Trí Quang như là một lãnh tụ chính trị lỗi lạc). Vào 1963, Phật Tử chúng ta đã hăng say chống ông Diệm, đâu có ngờ, tất cả đều đã bị vua đảo chánh Cabot Lodge lợi dụng. Tự thiêu, biểu tình đưa bàn thờ xuống đường,... bố ráp chùa chiền, bắt bó Sư và Phật Tử, CS giả làm Phật Tử để vận động sinh viên biểu tình, tất cả chỉ là những diễn biến của hệ luận, không là nguyên nhân. Biến cố Phật giáo đã được Hoa Kỳ tạo ra, và xử dụng

như là nguyên nhân chính đáng để lật đổ chính quyền ông Diệm, thỏa mãn nhóm phản chiến Hoa Kỳ. Hoa Kỳ và những ai muốn chế độ ông Diệm sụp đổ đã thành công. Tuy nhiên, hậu quả thật thảm hại cho đất nước. Thời đó, để thúc giục Phật Tử chống chính quyền, CS đã dùng *chiêu bài “yêu nước” để thúc đẩy tôn giáo đi vào chính trị*, giúp cho chúng thành công. Nhưng, sau năm 1975, khi chúng cai trị, *tôn giáo bị cấm không được xen vào chính trị*. Theo định nghĩa của CS, đòi tự do tôn giáo là làm chính trị, sẽ bị đàn áp, tiêu diệt, giam lỏng... Mời nhìn về VN hiện nay để thấy rõ.

Nền Đệ Nhất Cộng-Hòa sụp đổ

Qua sử liệu, và qua những hồi ký của những nhân vật đã từng làm việc với Ngô Đình Diệm, nhất là Hoa Kỳ, chúng ta nhận thấy hầu hết đã nói rằng chế độ ông Diệm là một chế độ độc tài. Thực sự vấn đề đã xảy ra như thế nào, trong khi ông Diệm là một lãnh tụ tranh đấu cho một thể chế chính trị Tự Do và Dân-Chủ? Để tránh ngộ nhận, chúng tôi xin nói trước *“không đánh giá đúng hay sai qua bề ngoài của những hành động độc tài của chính phủ Ngô Đình Diệm, mà chỉ phân tích trên khía cạnh tâm lý để tìm nguyên nhân đưa đến sự kiện độc tài này”*. Ngô Đình Diệm như đã được đúc kết ở phần trên, là một *nhà độc tài*, cai trị dân trong tinh thần người cha lo cho con cái và theo phong cách của một ông Quan thời phong kiến.

(1) Trước hết về bản chất, ông Diệm tự cho mình là một lãnh tụ tốt, chỉ biết lo cho dân. *“ông quan niệm công việc lo cho dân, cho nước theo kiểu của ông quan thời phong kiến. Nghĩa là, ông là cha mẹ dân, ông tự tin vào lương tâm*

*trong sáng của mình, thì ông có quyền bắt dân phải nghe theo mệnh lệnh của mình”(*140 Những Huyền Thoại và Sự Thật..., Vĩnh Phúc, trang 371-372) (?!). Với tính chất ấy, ông Diệm đã tuyển chọn người vào những chức vụ quan trọng theo kiểu cách chưa từng thấy trong lịch sử. Ông nghiên cứu kỹ lưỡng thành tích của ứng viên, của cha mẹ và ngay cả ông bà nội ngoại. Sau đó, ông phải phỏng vấn riêng từng ứng viên để tìm hiểu cung cách trình diện, phản ứng của người này, khả năng văn hóa và lý luận. Sau đó, ông mới ký nghị định bổ nhiệm. Với tính tỉ mỉ về hành chánh, ông muốn biết hết và kiểm soát hết mọi việc. Một số Tỉnh Trưởng, viên chức cao cấp, Bộ Trưởng cũng như tướng lãnh vì sợ Tổng Thống nổi giận (?) đã cung cấp nhiều bản tường trình thổi phồng thành tích để làm đẹp lòng Tổng Thống. Cách làm việc như vậy rất tai hại cho những năm sau cùng của chế độ. Vì lý do đó, nếu ông có bị kết án là độc tài, trong thực tế, ông chỉ là một kiểm soát viên kỹ lưỡng và có tài trong sự điều khiển việc công (*411 Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Châu, trang 97-98). Nhưng, hình thức tuyển chọn nhân sự kiểu này không thể hiện tính cách tuyển chọn theo lẽ lối dân-chủ Tây Phương. Về phương diện tương quan cá nhân, kẻ bị đàn áp chính là người đã tạo cho người kia cái quyền đàn áp. Chính sự nịnh bợ (tàn tích của nền quân chủ, và thuộc địa) đã nâng cao thái độ độc tài.*

(2) Thứ hai là tính cao ngạo của ông Diệm-Nhu. Hai ông Diệm-Nhu tự cho mình là những nhà cách mạng, sáng tạo lý thuyết chính trị chỉ đạo (Thuyết Nhân Vị), có sáng kiến áp dụng Thuyết Nhân Vị vào thực tế (Khu Trù Mật, Ấp Chiến Lược...). Ông Diệm, Nhu khinh thường những

nhóm chống đối không CS. Anh em nhà họ Ngô xem những nhóm này chỉ thuần là những tàn tích của chế độ thuộc địa, hoặc là những nhà trí thức không có chủ trương nhất định, với những ý kiến không thực tế, và rời rạc đối với một quốc gia đang tiến hành sự canh tân hóa nhanh chóng và phải đối đầu với kẻ thù sinh tử ở miền Bắc (*142 *Lost Victory*, William Colby, trang 65). Sở dĩ có sự khinh khi này là vì cái mô thức làm chính trị và thành lập đảng thời bấy giờ, lãnh tụ phải đưa ra được một “lý thuyết chính trị” (lập thuyết) để chống lại lý thuyết CS, phải tổ chức được một đảng mạnh để chống lại đảng CS (*Đảng Cần Lao Nhân vị được tổ chức trước khi ông Diệm về nước*). Nhìn chung quanh, ông Diệm-Nhu không thấy ai hơn mình cả. Nhưng ngược lại về mặt tâm lý, với các lãnh tụ khác, với bản chất người VN có chút khí tiết, khi bị coi thường, họ *thà chết chứ không chịu nhục*, họ chống đối tới cùng, không còn nghĩ đến hậu quả của sự xung đột sẽ di hại cho đại cuộc quốc gia như thế nào. Từ đó, đưa đến sự chống đối, và đàn áp. Sự cai trị độc đoán theo tính cách gia trưởng của anh em Ngô Đình Diệm đã quá rõ rệt không thể chối cãi được. Trong thực tế, có những vụ thủ tiêu đối lập. Nhưng ngược lại cũng thấy những trường hợp anh em ông Diệm tỏ ra khoan dung, ngay cả với những người phạm tội nặng rõ ràng như định ám sát TT Diệm là ông Hà Thúc Ký, phi công Phạm Phú Quốc và cán bộ Cộng sản (có người viết là cán bộ của Cao Đài) Hà Minh Trí (kẻ đã bắn Tổng Thống Diệm tại hội chợ Ban-mê-thuật (*143 *Những Huyền Thoại*, trang 203).

Lời nói tiếp sau đây chỉ là để so sánh, chứ không phải để bênh vực cho sự thanh toán đối lập của chế độ ông Diệm,

hoặc chế độ ông Thiệu sau này. Những đảng viên của Đại Việt và Việt-Nam Quốc Dân Đảng, đã nhiều lần dùng lực lượng quân sự nhằm lật đổ chế độ, vẫn không bị đặt vào tình trạng “ngoài vòng pháp luật”, ở Miền Nam. Hiện tượng này không bao giờ được chấp nhận ở miền Bắc.

(3) Thứ ba là hậu quả của công cuộc thống nhất lãnh đạo thống nhất quân đội, lãnh mạnh hóa xã hội. Để biến miền Nam thành một quốc gia riêng rẽ, đủ sức mạnh chống lại Miền Bắc, những chiến dịch bình định các tổ chức, đảng phái, giáo phái đã gây hận thù, và hậu quả tất nhiên, là một bên chủ trương tìm cách *lật đổ*, và bên kia, bằng mọi cách *đàn áp*.

(4) Thứ tư là sự cứng nhắc trong ý niệm Độc Lập, không chịu để ngoại bang dành quyền lãnh đạo. Chính phủ ông Diệm không thể nào hiểu nổi lẽ lối sinh hoạt của Hoa Kỳ “*người chi tiền là người điều khiển*”. Ngoài ra, như đã trình bày ở đoạn trên, Hoa Kỳ và chính phủ ông Diệm có chiến lược chống Cộng khác nhau. Hoa Kỳ muốn đưa quân vào VN, *đã lợi dụng sự tranh chấp quyền hạn, và đã mượn bàn tay các lãnh tụ bản xứ, để tạo nên những rối loạn chính trị, tôn giáo, tạo nên sự chia rẽ, dẫn đến hậu quả suy sụp Miền Nam*.

Lần lại những trang sử cũ, theo suy luận hạn hẹp của chúng tôi, ông Diệm đã có được cơ may là ông đã đoán đúng được sự can thiệp của Hoa Kỳ vào VN, nên đã gõ đúng cửa đúng lúc, để vận động sự yểm trợ. Lúc bấy giờ, Hoa Kỳ chưa biết gì về CS, về lịch sử và tình hình chính trị tại VN, cũng như ngay cả về sau này, khi đã ủng hộ chính phủ Miền Nam VN chống CS. Vì vậy, sau khi hiệp Định Genève được ký kết chẳng bao lâu, giữa chính phủ Miền

Nam và Mỹ đã không đồng ý nhau trên sách lược chống CS Bắc Việt.

Ông Diệm luôn luôn bị Hoa Kỳ áp lực phải làm theo con đường của họ, nếu không, sẽ không có viện trợ. Chiến thuật *cây gậy và củ cà rốt* đã biến Hoa Kỳ thành hình ảnh của một Thái Thú Tàu, hay một Toàn Quyền Pháp dưới mắt TT Diệm, chứ không còn là một đồng minh chống Cộng nữa. Cho nên, bất cứ nhân vật chính trị nào, đoàn thể nào, tôn giáo nào, dựa vào hậu thuẫn của nước ngoài (ngay cả của Hoa Kỳ) để nhằm chống đối hoặc lật đổ chính quyền, ông Diệm nhất định tìm mọi cách để đàn áp. Đây là cái vòng lẩn quẩn giữa ông Diệm và các thế lực chính trị tại Miền Nam, không bao giờ có thể đoàn kết với nhau được. Giặc ngoài, thù trong, xây dựng chính quyền, phát triển kinh tế, thay đổi xã hội... *chính phủ Ngô Đình Diệm đã phải làm quá nhiều việc trong cùng một lúc, so với tuổi đời của chính phủ*. Westmoreland nhận định: *Một nước chưa có truyền thống dân-chủ mà vừa tiến hành chiến dịch chính trị và bầu cử tự do, vừa phải đương đầu với cuộc chiến một mặt một còn với kẻ thù, đối với tôi, quả là một thành tựu rất đáng thán phục* (*144 Westmoreland, trang 273)

Hai quốc gia muốn lật đổ chính phủ ông Diệm là Pháp và Hoa Kỳ. Pháp thù hận Hoa Kỳ đã không giúp Pháp trong trận Điện Biên Phủ (vết nhoe trong lịch sử Pháp), nên, ngay từ lúc ông Diệm về chấp chánh, và mãi về sau này cho đến năm 1975, đã hậu thuẫn cho bất cứ cá nhân, thế lực nào muốn chống lại chính phủ miền Nam. Pháp giúp đỡ cho Bắc Việt và Mặt Trận giải Phóng miền Nam trên nhiều lãnh vực, che chở, viện trợ, trong đó có cả tình báo.

Đĩ nhiên, chính phủ ông Diệm biết rõ điều này hơn ai hết. Tuy nhiên, oan nghiệt đã đưa chính phủ Ngô Đình Diệm vào giờ chót, vẫn phải nhờ vào tay người Pháp, không phải để sống còn, mà là sụp đổ.

Pháp vẫn còn ý định lấy lại chủ quyền tại VN qua những nhân sự còn trung thành với Pháp. Chính phủ ông Diệm thù ghét Pháp, cho nên, ông đã tỏ ý khinh miệt những nhân sự này. Thái độ này làm họ bất mãn thêm, và mỗi lần có biến động, chính phủ ông Diệm thẳng tay đàn áp, vì nhìn họ dưới nhãn quan “tay sai của ngoại bang.” Như đã nói trên, ông Diệm-Nhu khinh thường những nhóm chống đối không CS. *Anh em nhà họ Ngô xem những nhóm này chỉ thuần là những tàn tích của chế độ thuộc địa, hoặc là những nhà trí thức không có chủ trương nhất định, với những ý kiến không thực tế, và rời rạc đối với một quốc gia đang tiến hành sự canh tân hóa nhanh chóng và phải đối đầu với kẻ thù sinh tử ở miền Bắc* (*145 *Lost Victory*, W. Colby, trang 65).

Phản Hoa Kỳ, sự thiếu hiểu biết về Đông Phương, về CS, đã tạo nên sự rạn nứt trầm trọng giữa Hoa Kỳ và chính phủ ông Diệm. *Sự khác biệt về chiến lược lớn nhất giữa Hoa Kỳ và chính phủ ông Diệm là đem lực lượng quân sự của Hoa Kỳ vào VN. Đó là nguyên nhân chính, khiến Hoa Kỳ quyết tâm lật đổ chính quyền ông Diệm.* Chúng ta có chứng cứ rõ rệt qua lời nói sau đây của Nixon. Ngày 17.9.1971, Nixon nói với Kissinger rằng: *Chúng ta vào VN bằng cách lật đổ ông Diệm, và chúng ta ra khỏi VN không thể bằng cách rút bỏ ông Thiệu..., giết ông Thiệu* (*116 *No Peace, No Honor*, Larry Berman, trang 97). Hoa Kỳ và chính phủ ông Diệm không đồng quan điểm trên sách lược chống Cộng. Hoa Kỳ, qua

những nhân sự, và những tổ chức muốn lật đổ chính phủ ông Diệm, đã tỏ ra là một nguy cơ ngoại lai khác cho chế độ của ông Diệm. Chính phủ ông Diệm cũng xem những nhân sự và tổ chức bị Hoa Kỳ giật dây là tay sai của một loại “Toàn Quyền Hoa Kỳ”. Cho nên, ông đã đối xử với họ như là những tay sai của ngoại bang.

Ông Diệm chỉ muốn Hoa kỳ viện trợ huấn luyện, tiếp vận quân sự, và tài chánh dồi dào để tăng cường sức hoạt động cho ngành Chiến Tranh Tâm Lý và thành lập Lực Lượng Đặc Biệt người Việt, là hai hoạt động thiết yếu để có thể chiến thắng lại CSBV đang điều khiển một cuộc *chiến tranh nhân dân và du kích* . Ngay từ ngày 17.9.1955, Thủ Tướng Diệm hiệu triệu quốc dân, đưa ra chương trình phục hưng quốc gia: việc quan trọng trước hết là *tái lập quyền uy quốc gia trên khắp nước Việt-Nam Tự Do. Dẹp tan bọn phản loạn phong kiến để đảm bảo việc thi hành lệnh của chính phủ trung ương trên khắp lãnh thổ, hủy bỏ những ngăn cách giữa chính quyền và nhân dân*. Đó là điều kiện thiết yếu để hoạch định những kế hoạch kinh tế nhằm hai đối tượng chính: một mặt hoàn thành độc lập về kinh tế, mặt khác, cải tiến kinh tế quốc gia nhằm phát triển và nâng cao mức sống dân chúng. Colby cũng xác nhận rằng *ông Diệm không muốn quân đội Hoa Kỳ tham gia chiến đấu mà chỉ làm công việc huấn luyện và yểm trợ cho Quân Lực VNCH* (*147 *Lost Victory*, William Colby, trang 96)

Trước khi chia đôi đất nước, Phong trào Việt Minh được đa số quần chúng ủng hộ vì Việt minh chỉ phát cao ngọn cờ giải phóng dành Độc Lập cho đất nước, và khéo léo che đậy bản chất CS. Chỉ có những nhóm nhỏ trí thức,

những đảng phái, và nhân dân sống trong những vùng bị Việt Minh chiếm đóng, mới thấy được bộ mặt thật của CS với những cuộc tàn sát dã man dành cho những ai không theo chúng (*148 xem sách *Trại Đầm Đùn*, Trần Văn Thái, Sống Mới, 1969). Thí dụ điển hình, vào giai đoạn Việt Minh cướp chính quyền, tại Tỉnh Quảng Trị, không kể những người bị xử bắn tại chỗ, hơn 200 người quan lại thuộc chế độ cũ bị bắt giam không cần hồ sơ ghi tội trạng (chủ tịch Tỉnh là Lê Thế Hiếu, Cộng Sản). Ngoài ra, về lãnh tụ, Hồ Chí Minh đã được thế giới biết nhiều qua trận Điện biên Phủ. Phần ông Diệm, thế giới không ai biết về quá trình đấu tranh của ông. Ông chỉ được biết là một lãnh tụ chính trị do Hoa Kỳ đã áp lực Pháp để Bảo Đại chỉ định làm Thủ Tướng vào năm 1954. Trên phương diện quốc tế, ông Diệm còn gặp nhiều trở ngại trong việc ủng hộ ông trong công cuộc chống Cộng. Trong những thập niên 30 đến 60, khuynh hướng chống đế quốc, và khuynh tả, được coi như là một phong trào mà các nhóm trí thức hâm mộ.

Khi ông Diệm về nước, về khía cạnh chính trị, các đảng phái chính trị của người Việt chỉ là những lực lượng lẻ loi, hoặc những nhân sĩ không có hậu thuẫn chính đảng, sống sót sau những đàn áp của thực dân, và sự tàn sát của Đảng CS Hồ Chí Minh. Biệt lập thiếu tổ chức qui cũ, sinh hoạt bí mật, các đảng phái và lãnh tụ chính trị chỉ có quá khứ lấy lòng làm hành trang. Riêng Đại Việt Quan Lại có tổ chức qui mô, nắm được nhiều chức vụ hành chánh tại Bắc Bộ, dưới sự bảo trợ của quân đội Pháp. Nhân viên của chánh phủ Ngô Đình Diệm lúc này là những người trước kia đã làm việc cho Pháp, dù chống đối hay hòa theo Pháp,

cũng khó mà lấy được cảm tình của quần chúng, nhất là tại nông thôn, địa bàn hoạt động mạnh mẽ nhất của Việt Cộng. Để lấp khoảng trống cán bộ hành chánh này, sau này, Trường Quốc Gia Hành Chánh được xây dựng dành để đào tạo cán bộ hành chánh nhằm dần dần thay thế cho những viên chức cũ.

TT Ngô Đình Diệm và ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu phải đối đầu với hai mặt trận nông thôn và thành thị. Tại nông thôn, cán bộ nằm vùng và cán bộ tập kết (đội quân thứ năm) nay quay trở về đã phát động cuộc chiến tranh nhân dân (khủng bố) do bộ Chính Trị miền Bắc đưa ra, ám sát, bắt cóc, thủ tiêu các viên chức xã ấp, kêu gọi chống Mỹ-Diệm Tại thành thị, hai ông phải luôn luôn đề cao cảnh giác đối với những đoàn thể, đảng phái, lực lượng tôn Giáo, các tướng lãnh được xem là thân Pháp, và các tướng lãnh dựa vào Hoa Kỳ để dành quyền, luôn luôn chờ cơ hội để lật đổ.

Khi một nước mới thu hồi quyền Độc Lập từ một chuỗi dài lịch sử bị đô hộ, cán bộ và dân chúng đã nhiễm lâu đời tính chất thực dân, phong kiến, và những tập tục biếu xén, quà cáp..., không thể một sớm một chiều có thể thay đổi được ngay tức khắc tinh thần của người dân và ngay cả cán bộ sang nếp sống Tự do, Dân-chủ kiểu Tây Phương, mặc dầu chính quyền ông Diệm cũng đã cố gắng đưa ra phong trào “*Bài Phong, Đả Thực*”. Bài ai và đả ai, khi chính cá nhân ông Diệm vẫn không gạt nổi tính chất phong kiến ngay nơi cách suy nghĩ của chính ông. Người dân vẫn nghĩ “quan là có quyền” (quan quyền), có việc phải vào cửa quan, họ ngại ngùng sợ sệt. “Ngàn năm đô hộ giặc Tàu, trăm năm

đồ hộ giặc Tây”, nhân dân chỉ nghe quan Tây (Tây thiệt hay Tây tay sai), và quan Ta (triều Đình) “*cải trị dân*” chứ có bao giờ nghe nói đến ba chữ “*phục vụ dân*” đâu? Vì vậy, người bạn quý không hiểu gì về VN luôn luôn đòi hỏi chính phủ Diệm thực thi một thể chế Dân-chủ hoàn toàn theo kiểu Tây Phương, đó chỉ là một điều kiện đòi hỏi để kẻ bi đòi hỏi phải vào thế bí mà thôi. Chính phủ Ngô Đình Diệm đã nhận thấy thực trạng bi đát đó. Ông Diệm đã cố gắng trong sạch guồng máy hành chánh (tuyển chọn cán bộ hết sức cẩn thận), và ông đã xác định rõ, chính phủ *tiến dân* đến thực thi Tự Do, Dân-chủ hoàn toàn, vì trong tiến trình ổn định tình thế, thống nhất quyền lực quốc gia, hệ luận đương nhiên là chính phủ đã tạo ra những thế lực nội thù. Không thể nào, ông Diệm để kẻ nội thù toàn quyền tự do lật đổ chính phủ, trong lúc đang đối phó với một địch thủ Quốc Tế nguy hiểm CS. Thực ra, việc Hoa Kỳ đặt vấn đề Tự Do, Dân-chủ với chính phủ ông Diệm, chỉ là “mượn cớ” để thúc đẩy các nhân vật chống đối lật đổ ông Diệm mà thôi (Chính Nixon đã thảo luận với ông Diệm về vấn đề Tự Do, Dân-chủ này, và đã được giải thích). Chính vì quan điểm trái ngược này giữa chế độ Diệm Nhu và người Mỹ, mà bao dự án chính trị và xã hội của chế độ không được người Mỹ giúp đỡ tài chánh để có thể thành công (Khu Trù Mật, Dinh Diên, và ấp Chiến Lược...) và đưa đến cuộc đảo chánh 1.11.1963. Trong quyển hồi ký, McNamara cho biết thực trạng của chính quyền miền Nam sau khi lật đổ ông Diệm như sau: *Rõ ràng cuộc đảo chánh Ông Diệm đã để lại một khoảng trống chính trị vốn đã quá lớn, lại càng ngày càng gia tăng, tạo cho các sĩ quan của Quân Đội Miền*

*Nam VN có lòng tham quyền, hám danh, càng muốn lao mình vào chính trường hơn là chú tâm vào các hoạt động quân sự ngoài chiến trường (*149 Hồi Ký McNamara, trang 134).* Đây cũng là một nguyên nhân khiến thiếu thốn nhân tài quân sự ngoài chiến trường, vì người cầm quyền lo sợ bị đảo chánh, nên đã không dám trao cho các tướng lãnh những chức vụ có quân đội dưới quyền. Một số tướng lãnh đã hội nhập vào con đường “*nói chính trị*”, và đòi hỏi chức vụ chú không phải “*làm chính trị*” theo đúng định nghĩa của ba chữ “*làm chính trị*.”

Những việc trọng đại ông Diệm đã làm sau hai năm khi về nước: (1) Định cư và ổn định kinh tế cho khoảng 900 ngàn dân di cư. (2) Ngày 15.2.1955, ra lệnh đóng cửa sông bạc Kim Chung Đại Thế Giới của Bảy Viễn. (3) Ngày 1.12.1955, ra lệnh đóng cửa nhà chứa Bình Khang do Bảy Viễn để lại. (4) Kết hợp hoặc bình định các lực lượng quân sự của các đảng phái, giáo phái để thành lập Quân Lực VNCH. (5) Ngày 20.7.1956, bác bỏ việc Tổng tuyển Cử hai miền theo Hiệp Định Genève. (5) Phát triển kinh tế. (6) Thành lập nước VNCH với một Quốc Hội dân cử, để dứt khoát không bị ràng buộc bởi hiệp Định Genève.

Nixon đã nhận định về tình hình Miền Nam lúc ông Diệm về chấp chánh: *Nói cho đúng, không có quốc gia Miền Nam VN, đó chỉ là một phần đất vô chính phủ. Những phần tử thân Pháp chống Diệm nắm quân đội và hành chánh. Thảo khấu Bình Xuyên kiểm soát Cảnh Sát Sài Gòn thách thức ông Diệm. Hai giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo, dân tộc thiểu số chống lại. Trước khi đi về Bắc, Việt Minh đã để lại một hệ thống rất mạnh nhằm sau này sẽ lật đổ chính quyền. Một triệu người*

*di cư từ Miền Bắc gần như chỉ qua đêm, đã làm tăng dân số Miền Nam lên 10 %, chờ định cư. Nhiều quan sát viên không nghĩ rằng Diệm có thể sống còn để nắm quyền trong một năm. Nhưng, trong vòng hai năm, ông ta đã loại bỏ những lực lượng chống chính quyền, nắm cảnh sát, giải quyết giáo phái, thắng Bảo Đại trong cuộc trưng cầu dân ý, chuẩn bị tiến tới việc bầu cử Quốc Hội Lập Hiến (*150 Bầu Quốc Hội Lập Hiến ngày 9.3.56, và Hiến Pháp được ban hành ngày 7-7-1956). Khi tôi thăm viếng Sài Gòn trong dịp lễ của nền Đệ Nhất Cộng-hòa, tôi đã ngạc nhiên, và hứng thú về những tiến bộ mà ông ta đã làm để đem lại trật tự, và đạt được sự ủng hộ của đa số quần chúng VN. Đối với tiêu chuẩn của chúng ta, Diệm đã hành động quá đáng. Ông ta đã dùng sức mạnh để đàn áp báo chí chỉ trích ông ta, xử tội những đối thủ chính trị không phân biệt là kẻ thù của Quốc Gia (Cộng Sản) hay là đối lập chống đối chính quyền. Khi tôi nói với ông ta những điều này, ông ta bảo vệ cho hành động của ông ta bằng cách đưa ra lý luận rằng, để chống lại bạo động của CS, và sự xâm nhập quân đội của họ, nếu áp dụng những luật lệ của thời bình, chỉ làm cho CS sẽ thắng. Chúng tôi đang ở trong tình trạng chiến tranh, cần phải áp dụng luật lệ của chiến tranh (*151. No More Vietnam, Richard Nixon, trang 38-39)*

Thực vậy, kể từ khi Hiệp ước Genève ra đời chia đôi đất nước, rồi ông Diệm về chấp chánh, ít ai nghĩ rằng ông Diệm có thể vượt thắng được những khó khăn, ít ai nghĩ rằng chế độ có thể tồn tại để tiếp tục điều hành quốc gia. Nhưng Miền Nam đã đứng vững, đã hồi sinh. Và ông Diệm đã duy trì được chế độ để bước lên đài vinh quang. Báo chí trong và ngoài nước đã ca tụng ông Diệm là người hùng

của Đông Nam Á và Tổng Thống Eisenhower đã gọi ông Diệm là người của phép lạ.

Tuy nhiên, ngoài trở ngại căn bản là sự *cứng đầu* không chịu để cho Hoa Kỳ tăng quân số tại Miền Nam, chính phủ ông Diệm còn gặp những trở ngại về sự bôi lọ của giới truyền thông nhất là của Hoa Kỳ, khiến cho phe phản đối chiến tranh tại Hoa Kỳ mạnh hơn. Tướng Vanuxem của Pháp viết: *Phía địch (Cộng Sản) chẳng những có đầy đủ nguồn tài trợ về mọi mặt, mà còn được hà hơi bằng sức mạnh bèn nhọn của các cơ quan truyền thông CS Quốc Tế, một điều mà chính phủ VNCH, vì đang sa lầy trong cuộc chiến, không sao chống chế hữu hiệu được. Các quốc gia thuộc Thế Giới Tự Do, thay vì thông cảm cho VNCH là một trong những con cờ Domino đang gánh mọi nguy hiểm thay cho họ, thì lại không bao giờ quan tâm đến những khó khăn của quốc gia này, nếu không muốn nói là ngoảnh mặt làm ngơ (*153. La Mort Du Vietnam, Vanuxem, trang 69-70).*

Từ tháng 8.1963, Hoa Kỳ đã sắp đặt kế hoạch lật đổ ông Diệm. Ngay khi tới VN, và trước khi trình Ủy Nhiệm Thư, Cabot Lodge đã đến trụ sở USOM để gặp các nhà sư, sau đó thăm chùa Xá Lợi (bản doanh của Phật Giáo tranh đấu). Lý lịch của tướng Dương Văn Minh đã được trình về Hoa Thịnh Đốn. Tuy nhiên, người đứng ra tổ chức, liên lạc trực tiếp phía Hoa Kỳ với Đại Sứ Lodge và phía VN với các tướng lãnh khác, là tướng Trần Văn Đôn. Ngày 24.8.1963, khi báo cáo về tình trạng xáo trộn tại Miền Nam được gửi về Tòa Bạch Ốc, TT Kennedy, Ngoại Trưởng Dean Rusk, McGeorge Bundy, John McCone và McNamara đều không có mặt tại Hoa Thịnh Đốn. Những viên chức ứng

trực, lâu nay chống ông Diệm, gồm Roger Hilsman, Jr., Averell Harriman, Michael Forrestal, George Ball đã thảo điện văn tới Cabot Lodge cho phép Lodge tự do hành sự để lật Ông Diệm. Colby viết: *Đại sứ Cabot Lodge nhận được điện tín từ Washington nội dung như sau: Chính phủ Hoa Kỳ không thể tha thứ được tình trạng quyền lực nằm trong tay của ông Nhu. Cho ông Diệm có cơ hội loại bỏ ông Nhu và bè đảng... Nếu mọi cố gắng không thành, ông Diệm vẫn ngoan cố và từ chối, chúng ta có thể không giữ Diệm nữa...* (*154 *Lost Victory*, William Colby, trang 136)

Trong hồi ký, Mcnamara cho biết, sau khi công điện lịch sử này được gửi đi, TT Kennedy lấy làm hối tiếc. Năm sau, trong một phỏng vấn lịch sử (an oral history interview), Bobby Kennedy nhớ lại rằng, anh ông đã coi quyết định đó là một lỗi lầm to lớn (a major mistake) (*155 *In Retrospect*, Mcnamara, trang 54.) Ngoài ra, cũng có những nhân vật quan trọng trong chính phủ Kennedy không đồng ý về kế hoạch lật đổ ông Diệm.

Max Taylor nói rằng ông chống đối cuộc đảo chánh bằng quân sự. Ông vạch ra rằng, quân nhân VN không thống nhất với nhau về ông Diệm. Trong bất cứ trạng huống nào, chúng ta không nên giao nhiệm vụ chọn lựa một lãnh tụ của quốc gia cho quân đội (*156 *In Retrospect*, Robert S. Mcnamara, trang 57)

Còn một nhân vật đặc biệt ít ai nhắc đến nữa, P.J. Honey, một diễn giả chuyên về vấn đề VN tại Đại Học “University of London’s School of Oriental and African Studies “. Ông Honey nói rành tiếng Việt, và tiếp xúc chặt chẽ với lãnh tụ của hai miền Nam, Bắc. McNamara

cho biết: *Trong cuộc thảo luận của chúng tôi, Honey tuyên bố rằng khi ông đến Sài Gòn vài tuần trước đó, ông tin rằng Hoa Kỳ phải bằng mọi cách cộng tác với ông Diệm (live with Diem), và sẽ nguy hiểm nếu thay đổi.*

Tướng Đôn lúc bấy giờ được sự tin cậy của ông Diệm, và đang giữ chức vụ Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng thay thế cho Đại Tướng Lê Văn Tỵ đang ở Hoa Kỳ để trị bệnh. Ba nhân vật có thể gây trở ngại cho cuộc đảo chánh là tướng Tôn Thất Đính (Tu Lệnh Quân Đoàn Ill), Đại Tá Đỗ Mậu (Giám Đốc Nha An ninh Quân Đội), Đại Tá Lê Quang Tung (Lục Lượng Đặc biệt). Nhiều sử liệu đã nói đến việc Tướng Đôn đã lôi kéo được Tướng Đính và Đại Tá Mậu, còn Đại Tá Tung bị giữ trong thời gian đảo chánh và sau này bị giết. Như đã nói ở phần *Lời Nói Đầu*, chúng tôi chỉ muốn đi tìm nguyên nhân của sự sụp đổ của Miền Nam, nên không muốn đi sâu vào chi tiết của những nguyên nhân đã đưa những người “*con cưng của chế độ*” tham gia vào biến cố đảo chánh ngày 1.11.1963. Giới chức Hoa Kỳ chống ông Diệm đã mượn bàn tay của người Việt, giết ba anh em ông Ngô Đình Diệm (ông Ngô Đình Cẩn bị Hoa Kỳ giao cho Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng và bị xử bắn dưới trào Nguyễn Khánh). Tướng Đính cho biết, các Tướng Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Mai Hữu Xuân, Lê Văn Kim, cam kết trong một buổi họp tại Câu Lạc Bộ Chợ Lớn (1) dành cho Tổng Thống Diệm, ông Ngô Đình Nhu, và tất cả gia đình họ ở VN một lối thoát an toàn, (2) thành lập một chính phủ dân sự hỗ trợ cho Quân Lực VNCH tiếp tục cuộc chiến chống Cộng đến thành công (*157 20 Năm Binh Nghiệp, Tôn Thất Đính, trang 442). Như chúng ta đã

biết, Dương Văn Minh đã không giữ lời hứa (Có du luận cho rằng do áp lực của Hoa Kỳ?)

Nguyễn Văn Châu, trong sách *Ngô Đình Diệm, Nỗ Lực Hòa Bình Đang Dở*, đã đưa ra tóm tắt sau đây về cuộc lật đổ ông Diệm: *Tôi có thể nói tác giả cuộc đảo chánh 1.11.1963 là Cabot Lodge về mặt tổ chức, Hilsman và Harriman về mặt quyết định, Thượng Tọa Trí Quang và báo chí Hoa Kỳ được dùng như là phương tiện, và các tướng Lãnh Việt-nam phụ trách phần thi hành* (*158 *Ngô đình Diệm*, Nguyễn Văn Châu, trang 208). Thật vậy, *The Pentagon Papers* trong phần kết luận về vụ đảo chánh ông Diệm ngày 1-11-1963 đã nhìn nhận: *Hoa Kỳ phải nhận lãnh mọi trách nhiệm trong cuộc đảo chánh bằng vũ lực chống lại Ngô Đình Diệm. Từ tháng 8.1963, chúng ta, ở nhiều cấp bậc (levels) khác nhau, đã cổ vũ, chấp thuận, và cho phép thi hành kế hoạch của các tướng và đã hứa sẽ yểm trợ cho một chính phủ thay thế. Tháng 10, chúng ta cắt giảm viện trợ kinh tế. Như vậy, chúng ta đã bật đèn xanh cho các tướng đảo chánh. Chúng ta đã liên lạc bí mật với các tướng trong suốt thời gian chuẩn bị, và thực hiện cuộc đảo chánh bằng quân sự. Tờ National Review số tháng 6.1964 đã ghi: chính quyền Đảng Dân-chủ đã ra lệnh giết TT Diệm, vì Diệm đã dám chỉ trích chính sách ngoại giao của Tổng Thống Kennedy trong việc Trung Lập hóa Lào vào năm 1962.*

Ngoài ra, chúng ta cũng có thể thêm vào vài yếu tố khác nữa đã ảnh hưởng đến sự rối loạn của Miền Nam, đó là phong trào hòa bình, phản chiến, và nhóm Kháng Chiến Nam Kỳ.

Trước tiên, đã sống lâu ngày dưới sự đô hộ của Pháp, dưới sự đàn áp bóc lột của những tay sai thực dân, người

miền Nam VN, nhất là những người sống ở thôn quê, chẳng ai thích chiến tranh. Họ mong muốn có hòa bình. Tuy nhiên, Miền Bắc đã đưa chiến tranh vào miền Nam trước khi thi hành chiến thuật mới: *thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam*. Tại sao những người vận động hòa bình, chống chiến tranh, không bao giờ lên tiếng đòi kẻ xâm lược Hà Nội phải ngưng đưa quân vào miền Nam mà chỉ đòi chính quyền Miền Nam bỏ giáo qui hàng... Như vậy, họ, hoặc là quá ngây thơ trước sự xảo quyệt siêu đẳng của Hà Nội, hoặc là bị Hà Nội lợi dụng mà vẫn tưởng mình có từ tâm, giống như trường hợp tu sĩ Phật Giáo Thích Nhất Hạnh, sống tại Miền Nam, đi xuất ngoại để học đạo. Khi ra nước ngoài, ông ta kêu gọi hòa bình, viết sách (Vietnam, Lotus in a Sea of Fire) (*160 *Vietnam Lotus in a Sea of Fire*, Thích nhất Hạnh, Hilland Wang, New York, 1967) với các tiểu đề: Hồ Chí Minh a National Hero: anh hùng dân tộc, và ông Diệm a Catholic Dictator: người Công Giáo độc tài. Bên cạnh đó, phía Thiên Chúa giáo cũng có những Linh Mục chống ông Diệm, điển hình là LM Chân Tín trong nhóm linh Mục phản chiến. Sau này, khi sống dưới chế độ CS, LM Chân Tín vẫn ngoảnh mặt làm ngơ trước sự đau khổ của đồng bào. Nguyễn Văn Trấn viết về LM Chân Tín *liên quan đến vấn đề Tự Do tôn giáo như sau: Một vị yêu nước khác lại tuyên bố nào là Nước Thiên Chúa đã đến với chế độ CSVN, nào là Đảng CSVN tạo điều kiện cho ta giữ đạo. Đó là những lời nịnh bợ vô liêm sỉ khi giáo hội đang bị bóp chết bằng cách giới hạn đào tạo linh mục, đóng cửa các nhà đào tạo tu sĩ, cấm in sách vở báo chí Công Giáo, việc dạy giáo lý bị giới hạn ..* (*161 Viết cho Mẹ Và Quốc Hội, Nguyễn Văn Trấn, trang

350). Những sự “lầm lẫn”, thiếu hiểu biết về CS của một số tu sĩ, là nguyên nhân đưa họ dần thân vào sự chống đối các chính phủ Miền Nam, gây xáo trộn chính trị, xã hội, tạo sự nản lòng giúp đỡ của Hoa Kỳ, tạo sự phản đối của quần chúng Hoa Kỳ, nên vô tình, hay hữu ý, giúp cho sự chiến thắng của Miền Bắc.

Phải chăng, những người phát động phong trào hòa bình tại Miền Nam đã tự chọn lựa cho họ một thể đứng, *khuy nh tả*? Nếu vậy, tại sao họ không can đảm tìm đường định cư tại miền Bắc? Phải chăng, những người này mơ tưởng về hình ảnh thiên đường của xã hội chủ nghĩa đẹp đẽ theo lời hứa hẹn của CS? Họ đã được mãn nguyện cho tâm lý đứng núi này trông núi nọ, khi năm 1975, xe tăng Nga Sô cán sập cổng Dinh Độc Lập, đem đến cho họ Thiên Đường CS. Chỉ tội nghiệp cho những người dân vô tội kể từ năm này, không được sống trong Tự Do, và tội cho những người đã bỏ xương máu, bỏ tuổi thanh xuân, để ngăn cản, nhưng bất lực, trước làn sóng đỏ Đệ Tam Quốc Tế vì cô thế. Sau năm 1975, biết bao nhiêu người đã bỏ mình trên biển cả hay trong rừng sâu vì trốn khỏi thiên đường CS, và biết đâu, trong số những người chết oan này, cũng có những thành viên của phong trào hòa bình, phản chiến VN.

Đối với những người Cựu *Kháng Chiến Nam Kỳ*, họ đã nhận ra sự lầm lạc *phí cả cuộc đời để gây khổ lụy cho dân tộc* (*162: Hồ sĩ Khuê, Sau 1975, đã có dịp tiếp chuyện với những người Kháng Chiến Nam Kỳ. *Hồ Chí Minh Ngô Đình Diệm và Mặt Trận giải Phóng*, Hồ Sĩ Khuê, trang 431-432). Họ chiến đấu đưa đất nước lên Xã Hội Chủ Nghĩa,

mà thực sự họ chẳng hiểu bốn chữ đó nghĩa là gì như Trần Văn Giàu đã tự thú trong buổi tiệc mừng ông thọ 80 tuổi. Cho nên, dù động lực đưa họ theo con đường Cách Mạng là lòng yêu thương dân tộc, cũng không thể nào lấp được hệ luận là cái sai lầm của họ đã *gây khổ lụy cho dân tộc*. Cái giá phải trả của cá nhân họ là đã *phí cả cuộc đời*, nhưng làm sao họ có thể thanh toán được món nợ *gây khổ lụy cho dân tộc*? Trường hợp Hồ Chí Minh cũng vậy. Có người vẫn lý luận rằng Hồ Chí Minh và Đảng CSVN đã hy sinh gian khổ để chống Pháp nên đáng tuyên dương, mà quên đi cái tội họ Hồ đã gia nhập Đảng Cộng Sản Đệ Tam Quốc Tế, du nhập chủ nghĩa Mác Lê, gây nên chiến tranh Quốc/Cộng, *gây khổ lụy cho dân tộc*

Sự sụp đổ của chính phủ Ngô Đình Diệm vào ngày 1-11-1963 đã báo cho chúng ta biết trước miền Nam sẽ sụp đổ sau này vì những hậu quả tai hại như sau:

1. Hoa Kỳ sẽ nắm quyền chủ động trong sách lược chống Cộng. Sách lược đưa quân vào VN là sai lầm, vừa tốn kém và không được dân chúng Hoa Kỳ ủng hộ, và CSVN dễ tuyên truyền, trước sau gì cũng thất bại. Tổ chức QL VNCH hoàn toàn theo kiểu Triều Tiên, không phù hợp cho cuộc chiến tranh chống du kích.

2. Khủng hoảng lãnh đạo tại Miền Nam. Sau khi ông Diệm bị lật đổ, một sự tranh giành quyền lực diễn ra, kéo dài suốt thời gian chống Cộng và khôi hài nhất là ngay cả giữa hai vị đứng đầu của quốc gia.

3. Chiến dịch loại bỏ, sát hại những người bị gọi là “du đảng của Cần Lao”. Hậu quả là làm suy yếu tiềm năng chống Cộng.

4. Tạo chia rẽ giữa *tín đồ* Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo mà từ lâu nay vốn chẳng bao giờ xảy ra (nhấn mạnh hai chữ *tín đồ*, chứ không phải lãnh tụ).

chương IV. việt nam 1963- 1973

Sau khi chính phủ của TT Diệm bị lật đổ, Thượng nghị Sĩ Mỹ Ike Mansfield tuyên bố: *Cuộc đảo chánh đó làm cho người Mỹ phải trả giá đắt bằng chính xương máu của mình cho sai lầm đó.* Tướng Westmoreland nhận định: *Người Mỹ tại Hoa Thịnh Đốn lẫn tại Saigon thấy rõ việc họ muốn loại bỏ ông Diệm, khiến cho những rối ren càng ngày càng bộc phát, bắt đầu đã thấy rằng mình đã sai lầm nghiêm trọng... Chính phủ kế tiếp, sau khi lật đổ ông Diệm xong là một chính phủ do đám tướng đảo chánh, chớp bu cầm đầu bởi Tướng Dương Văn Minh. Chính phủ mới hoàn toàn không có kế hoạch, không chính sách. Họ hô hào sẽ nhanh chóng thành lập nền Dân-chủ thật sự nhưng kỳ thực chẳng làm được gì cả. Có lẽ thành công lớn nhất của chính phủ này là dùng cảnh sát lục lợi tìm kiếm khắp hang cùng ngõ hẻm những người từng theo ông Diệm để bắt giam, làm xáo trộn chính quyền, trật tự xã hội* (*163 Westmoreland trang 89)

Còn người Việt chúng ta thì sao? Nhân dân miền Nam đã phải trả cái giá rất nặng nề về việc làm sai lầm của Hoa Kỳ với sự cộng tác của các tướng Lãnh Việt-nam phiêu lưu vào con đường chính trị.

Sơ lược địa hình nước Việt-Nam

Miền Nam VN là địa bàn chính của cuộc chiến tranh bành trướng và ngăn chặn CS. *Yếu tố địa hình của Miền Nam rất quan trọng trong mặt trận quân sự*, nhưng ít tác giả viết về chiến tranh VN đề cập đến hình thể địa lý của nước VN. Mặt trận quân sự này lại ảnh hưởng đến một mặt trận rất quan trọng khác trong chiến tranh với Cộng Sản, nhất là với CSVN, đó là *mặt trận tuyên truyền*. Ngay cả từ năm 1963, CS đã tuyên truyền rằng họ đã kiểm soát được 80% lãnh thổ.

Vị trí lãnh thổ VN tại vùng Đông Nam Á, và địa hình nước VN, nhất là địa hình Miền Nam VN (phía trong vĩ tuyến 17), đối với chúng tôi, *đây là một yếu tố rất quan trọng để có thể từ đó thẩm định nhiều khía cạnh của cuộc chiến VN, nhất là một cuộc chiến tranh du kích, và mặt trận tuyên truyền*. Hình ảnh lãnh thổ của VN sẽ giúp chúng ta hiểu rõ được chiến lược và chiến thuật của những lực lượng tham chiến và CS đã lợi dụng yếu tố này trong chiến dịch tuyên truyền như thế nào.

Lãnh thổ VN nằm vào một vị trí chiến lược rất quan trọng tại Đông Nam Á Châu, trong khu vực Biển Thái Bình Dương. Con đường hàng hải từ Ấn Độ Dương đến eo biển Mã Lai Á, sẽ đi ngang Việt-Nam để đến Trung Hoa, Nhật Bản, lên đến tận hải cảng Vladivostok của Nga Sô. Trên đoạn đường dài ấy hải cảng Cam Ranh của Việt-

nam là địa điểm thuận tiện nhất để tàu bè trú ngụ. Giá trị về quân sự của hải cảng này lại càng cao hơn nữa.

Về hình thế địa lý, dãy núi Trường Sơn được cấu tạo vào thời kỳ Đệ Tam Kỳ Tăng, nên có nhiều rừng rậm, gỗ quý và khoáng sản. Đồng bằng Nam Bộ sản xuất được nhiều lúa gạo. Thêm lục địa VN có nhiều mỏ dầu hỏa... Cho nên, vào thế kỷ thứ 18, VN đã lôi cuốn các cường quốc Âu Châu, và dưới chiêu bài khai phóng, Pháp đã đến chiếm VN làm thuộc địa, đặt nặng trên mục tiêu kinh tế. Đến thế kỷ 20, sau khi Trung Cộng chiếm được Trung Hoa và đuổi Tưởng giới Thạch ra đảo Đài Loan vào năm 1949, VN trở thành mục tiêu chính trị của khối Cộng để bành trướng về Đông Nam Á, dưới chiêu bài giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước của CSVN.

Toàn thể diện tích nước VN khoảng 330.900 Km², nằm trong phạm vi của vĩ tuyến 33.2 (bắc), 8.30 (nam) và nằm giữa kinh tuyến 102.10 (tây), 109.24 (đông). Bề ngang hẹp nhất là đường nối liền Đồng Hới (tỉnh Quảng Bình) tới biên giới Lào, khoảng đường chưa tới 50 cây số. *Đôi núi chiếm 2/3 lãnh thổ.* Việt-nam có 1.400 cây số đường biên giới với Trung Quốc, khoảng 2.067 cây số với Lào, trên 1.080 cây số với Miên và 3.200 cây số đường bờ biển. Dãy Trường Sơn kéo dài từ Bắc Lào có cao độ trên 1.000 m cho đến miền Đông Nam Bộ (tỉnh Tây Ninh) khoảng 300m đến 500 m. Nhiều nơi, triền núi trải dài ra đến tận biển

Hiệp định Genève năm 1954 đã lấy vĩ tuyến 17, nơi có con sông Bến Hải thuộc tỉnh Quảng Trị, chạy theo hướng Tây Đông, từ dãy Trường Sơn ra Cửa Tùng, biển Thái Bình Dương, làm vùng phi quân sự, chia đôi đất nước VN. Miền

bắc dưới chế độ Việt- Nam Dân-chủ Cộng-hòa, và miền Nam, hai năm sau, trở thành Việt-Nam Cộng-Hòa. Hai bên vĩ tuyến 17, một vùng đất trái đẽm gọi là Vùng Phi Quân Sự, hai bên Nam Bắc không có quân đồn trú.

Lãnh thổ miền Nam Việt-nam gồm nhiều rừng núi (70%) và đầm lầy. Kể từ vĩ tuyến 17 trở vào Nam cho đến Bình Tuy (thuộc tỉnh Bình Thuận) nhiều nơi, núi trải dài ra gần sát bờ biển như đèo Hải Vân ngăn chia Huế và Đà Nẵng, với Quốc Lộ 1 là con đường duy nhất nối liền giữa hai thành phố này, đèo Cù Mông nằm giữa Bình Định và Phú Yên, đèo Cả chia cách Phú Yên và Khánh Hòa... Nhiều vùng, quốc lộ phải chạy sát dọc theo bờ biển cách xa không quá 100m. Đi xa về miền Nam, lãnh thổ lại gồm đồng ruộng, đầm lầy và sông ngòi (5.000 cây số đường thủy). Làng mạc thì rải rác, nhà cửa thường dựng lên trên hai bờ kinh đào, sông ngòi có khi dài khoảng hai mươi cây số.

Về giao thông nói chung gồm đường hỏa xa duy nhất chạy từ Đông Hà vào đến Saigon. Đường bộ, có Quốc lộ 1 chạy từ Quảng trị đến Saigon, và các tỉnh lộ. Đường biển ít dùng trong dân sự. Từ khu Mỏ Vẹt (Khu an toàn của Việt Cộng trên đất Miên) đến Thủ đô Sài Gòn chỉ cách nhau khoảng 50 cây số (không quá 30 dặm Anh) Lộ Ninh (kho tiếp liệu của CSVN) cách Sài gòn dưới 100 cây số.

Về phương diện quân sự, lãnh thổ Miền Nam VN được chia làm bốn Vùng Chiến Thuật, có bốn Quân Đoàn trách nhiệm: Vùng I gồm năm tỉnh phía Bắc Việt-nam giáp vĩ tuyến 17 (Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi); Vùng II gồm mười hai tỉnh thuộc vùng Tây

Nguyên và miền Trung duyên Hải (Bình Định, Phú Yên, Phú Bổn, Đắc Lắc, Kontum, Pleiku, Quảng Đức, Tuyên Đức, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận); Vùng III gồm mười hai tỉnh thuộc miền Đông Nam Phần (Bình Tuy, Phước Tuy, Long Khánh, Biên Hòa, Long An, Hậu Nghĩa, Bình Long, Phước Long, Long An, Tây Ninh, Gia Định, Bình Dương); Vùng IV gồm mười sáu tỉnh thuộc miền Tây Nam Phần (Gò Công, Định Tường, Kiến Tường, Kiến Hòa, Vĩnh Bình, Vĩnh Long, Sa Đéc, An Giang, Châu Đốc, Kiến Phong, Phong Dinh, Ba Xuyên, Chương Thiện, Kiên Giang, Bạc Liêu, An Xuyên.)

Địa hình nước VN, nhất là địa hình rừng núi, đầm lầy và sông ngòi tại Miền Nam VN, đã được CSVN khai thác triệt để trong cuộc chiến VN dưới hình thức chiến tranh du kích, phá hoại và khủng bố.

Ảnh hưởng của yếu tố rừng núi và đầm lầy

Nhiều lý do để những người dân sống trong những vùng xa xôi, hẻo lánh, những vùng gần kề rừng núi hoặc đầm lầy, không rời bỏ túp lều tranh của họ. Trước tiên, người dân VN có cuộc sống gắn liền với làng xã, nơi chôn nhau cắt rún, nơi có mồ mã của tổ tiên, cho dù nơi đó có là vùng *đất cày lên sỏi đá*, là vùng *nước mặn đồng chua*, là vùng súc vật phải ngủ trong mùng, hay ngay cả là vùng mà họ phải hằng ngày gánh lấy sự tàn phá của chiến tranh... Họ không thể ra đi để cho mồ mã tổ tiên trở thành những nắm mồ hoang lạnh không ai nhang khói. Họ không muốn trở thành những đứa con bất hiếu, tham sanh hủ tử, do ảnh hưởng của tư tưởng Khổng Giáo đã từ lâu ăn sâu vào tâm khảm của họ, để tìm chốn an toàn.

Ngoài ra, trình độ hiểu biết của người dân nông thôn thời bấy giờ về nếp sống tại thành thị rất hạn hẹp. Không thể chỉ một sớm một chiều, họ hội nhập được một cách dễ dàng với nếp sống mới nếu họ ở trong tình trạng bắt buộc phải di chuyển. Thử hỏi họ làm gì để nuôi sống cho mình và cho gia đình tại thành thị? Câu chuyện sau đây sẽ nói lên việc di chuyển gia đình lên thành thị không phải dễ dàng. Sĩ quan Nguyễn Văn X. kể câu chuyện khi anh còn đang thụ huấn tại Trường Bộ Binh Thủ Đức. Vào ngày Chủ Nhật, anh X làm sinh viên trực tại khu tiếp tân. Một phụ nữ vào trạc tuổi ngũ tuần đến xin gặp con là SV Sĩ Quan Phạm Tấn Y. Anh X. là bạn cùng xóm với anh Y. Anh biết rõ gia đình anh Y, và bà này không phải là mẹ của anh Y. sao bà ta lại nhận là mẹ. Anh nghi ngờ có điều gì không ổn, nên mời bà ta ngồi đợi để cho người gọi anh Y ra. Thật sự, anh X. đã gọi báo cho an ninh trường để đưa bà ta vào xét hỏi. An ninh đã khám phá ra, theo lời khai của anh Y., Việt Cộng đã uy hiếp mẹ anh, bắt anh phải vẽ họa đồ của Trường Thủ Đức cho họ, nếu không họ giết cả gia đình anh dưới quê. Lần trước mẹ anh đã đưa bà ta lên để gặp anh cho biết mặt, và thủ tục thăm viếng, rồi hẹn ngày lấy bản đồ. Không may nội vụ đổ bể... Đây chỉ là một câu chuyện điển hình nói lên sự khó khăn của người dân quê khi bị CS khống chế. Câu chuyện này còn cất nghĩa thêm vì sao đã có nhiều nội tuyến trong guồng máy chính phủ cũng như trong Quân Đội. Người Hoa Kỳ làm sao hiểu được mặt trái của cuộc chiến tranh chống Cộng này.

Địa thế này rất thuận lợi cho cuộc chiến tranh du kích qua những cuộc khủng bố, ám sát viên chức chính quyền

làng, xã, ấp; đặt mìn, gài bom phá hoại các trụ sở, cầu cống, đường sá... làm gián đoạn giao thông. Vấn đề giữ an ninh lãnh thổ quả thật không đơn giản. Chỉ vài tên du kích ẩn nấp trong rừng rậm, ban đêm về uy hiếp dân chúng, là làng xã đó đã mất an ninh. Nhìn vào những chấm đỏ đầy dẫy khắp nơi, trừ một số thành phố và thị xã, Hoa Kỳ cho rằng không thể nào thắng được trận giặc này cả. Thêm vào đó, Bắc Việt nói rằng Mặt Trận Giải Phóng miền Nam đã kiểm soát 2/3 đất đai Miền Nam. Đó là chưa kể đến những làng xã có cán bộ CS không đi tập kết ra Bắc, cán bộ nằm vùng, (vi phạm Hiệp Định Genève ngay từ giây phút đầu), đang ngấm ngấm tổ chức cơ sở tuyển mộ cán bộ, chuẩn bị cho ngày tổng tuyển cử dự trừ tổ chức vào năm 1956. Trên mặt nổi khoảng 90.000 cán bộ CS tập kết ra Bắc và khoảng mười ngàn để lại nằm vùng trong Nam. Nếu đem con số này so với việc ông Hồ đánh điện cho Pháp khoe mình có hai triệu đảng viên, như đã ghi ở phần trên, chúng ta nghĩ sao về số đảng viên ông Hồ có và về sự dối trá của ông Hồ?

Từ năm 1957, số cán bộ tập kết bắt đầu xâm nhập trở lại miền Nam qua ngã Lào, Miên, và vùng duyên hải. Không hiểu rõ địa thế, với những chấm đỏ của vùng mất an ninh trên bản đồ, người Mỹ nghĩ rằng lực lượng của Việt Cộng rộng lớn quá, phải đổ quân nhiều vào mới có thể ngăn chặn được, hoặc bỏ cuộc vì không kham nổi chiến tranh. Vì vậy, ngay từ những năm đầu tiên sau Hiệp Định Genève, đã có sự bất đồng giữa chính phủ Ngô Đình Diệm và Hoa Kỳ về chiến lược chiến tranh tại miền Nam. *Hoa Kỳ đã tỏ ra không hiểu biết về chiến tranh du kích của CS.* Để bảo vệ miền Nam, Hoa Kỳ muốn tổ chức Quân Đội VN theo

mô thức của Triều Tiên, một Quân Đội cho trận địa chiến chuẩn bị chống quân Bắc Việt khi tiến chiếm miền Nam như Bắc Hàn đã làm trước đây. Ngô Đình Diệm chỉ muốn được viện trợ vũ khí và huấn luyện mà thôi.

Ảnh hưởng của yếu tố giao thông

Đường giao thông chính tại miền Nam gồm có đường Hoà Xa, Quốc Lộ I, và các tỉnh Lộ. Như đã đề cập về hình thể địa lý của nước VN, đường Hòa Xa và Quốc Lộ 1 nhiều nơi chạy cạnh núi Trường Sơn, xuyên hầm để qua các đèo. Đặt mìn đường Hòa Xa, đặt mìn, đắp mìn Quốc Lộ I, các Tỉnh Lộ và phá hoại cầu cống không mấy khó khăn. Đường Hoà Xa thiết lập chẳng bao lâu đã bị đứt đoạn. Để phá hoại nền kinh tế của Miền Nam (làm ai khổ đây), Việt Cộng đã không gớm tay giết hại dân lành, vì Quân Đội ít khi sử dụng đường Hòa Xa và xe đò để di chuyển. Nhiều người đã buộc tội chính quyền miền Nam đã không cải thiện được đời sống của nhân dân miền Nam, trong đó có nhân viên hành chánh, và quân nhân. Tại sao họ không nhìn xa hơn để qui tội Bắc Việt, người đã phá hoại nền kinh tế Miền Nam, giết hại dân lành. Người ta *không buộc tội nguyên nhân (kẻ phá hoại)*, mà chỉ *trách cứ hậu quả (kẻ phục vụ)*. Việt Cộng đã pháo kích bừa bãi vào những vùng đông dân cư, đôi khi đã trúng vào trường học, để tuyên truyền rằng họ hiện diện khắp mọi nơi trên lãnh thổ Miền Nam không thềm đếm xia đến sự chết chóc của thường dân vô tội. Báo chí và truyền thông thế giới đã không nêu lên những tội ác đó của Việt Cộng. Có lẽ, câu nói sau đây của Jean Lacouture (Pháp, thân Cộng) có thể giải thích mặc dầu không thỏa đáng, là tại sao nhiều quốc gia trên thế giới đã không ủng

họ Mỹ: *Tất cả thế giới nhận thấy sự thiếu cân bằng về vũ khí bên đã có (*164 Tiểu sử Hồ Chí Minh, Jean Lacouture, trang 289).* Mạnh (Hoa Kỳ) hiệp yếu (Bắc Việt). Xin nhắc là, Lacouture chỉ so sánh Mỹ với Bắc Việt, chứ không phải Bắc Việt với VNCH. Cách giải thích thứ hai, có thể nói là căn bản, và rộng rãi hơn: *Vào thời kỳ của thập niên 1950, trào lưu giới trí thức trên thế giới thường có cái nhìn xấu xa đối với các quốc gia Tư Bản, nên sẵn sàng trao thiện cảm cho ông Hồ hơn là với Pháp, và sau này là Hoa Kỳ, nên ảnh hưởng đến Miền Nam VN (Đảng CS Pháp cũng đã giúp ông Hồ khi họ có thể lực trong chính trường Pháp).* Lực lượng Việt Minh chống Pháp giành Độc Lập là hợp lý, họ không cần xét đến khía cạnh Việt Minh là một tổ chức theo CS Quốc Tế, *họ không giành độc lập cho VN mà chỉ giành VN cho phong trào CS Quốc Tế.* Và ngay cả, dù VN có trở thành quốc gia theo CS chẳng nữa đối với các quốc gia trên thế giới, cũng không ảnh hưởng trực tiếp vào quyền lợi của họ. Sau năm 1954, chúng ta cũng có thể dùng cùng luận cứ này để giải thích những nghịch lý của các dữ kiện như miền Bắc có thể sử dụng lãnh thổ các nước Trung Lập Lào, Miên, để xâm nhập vào Miền Nam, và Miền Bắc có thể đem quân xâm chiến Miền Nam..., nhưng ngược lại, Miền Nam bị tố cáo là xâm lăng, vi phạm lãnh thổ, mở rộng chiến tranh..., nếu cũng làm như Miền Bắc. Tại sao vậy? Hãy cho chúng tôi một câu trả lời thỏa đáng phát xuất từ lương tâm của độc giả.

Cũng vì đường giao thông khó khăn, nhiều đồn bót đóng sâu trong rừng núi (để quan sát sự di chuyển của Cộng Quân) đã làm mối cho những trận biển người, với

chiến thuật *công đồn đả viện*, nổi danh thời Pháp. Mặc dầu đánh xong rồi rút đi với một tỉ lệ thương vong thật cao (đôi khi lên đến 80/1), đã cho các phóng viên ngoại quốc, chuyên đi tìm cái thất bại của VNCH (phải nói là tìm xác chết, chứ có thất bại đâu), một món quà tuyên truyền để đưa lên báo chí và màn ảnh. Xin ghi lại đây một chút kinh nghiệm về chiến thuật *công đồn đả viện*. Trong thời gian chúng tôi phục vụ tại Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh, với hỏa lực mạnh yểm trợ của phi pháo, và chiến thuật không đánh *Chốt Điểm* (điểm ngăn chặn đường tiếp viện) mà chuyển quân vòng quanh phía sau Chốt điểm (bypasses), đánh thẳng vào Bộ Chỉ Huy địch trú đóng phía sau làm chúng bất ngờ, chạy tán loạn, khiến chiến thuật này của Bắc Việt trở thành vô hiệu. Chúng tôi cũng đã áp dụng chiến thuật này tại mặt trận Chu Pao để đưa quân giải tỏa Kontum vào năm 1972. Chu Pao là nơi, CS đã dùng phương thức *xích chân binh sĩ vào súng* để không thể bỏ chạy, có hình ảnh nào thuộc loại này đã được giới truyền thông Hoa Kỳ ghi lại, và đưa lên màn ảnh truyền hình thế giới chẳng?

Báo chí khối Tự Do không được chiếu khán vào Miền Bắc, ngược lại tự do vào Miền Nam. Họ không thấy được sự khác biệt to lớn này mà cứ đi tìm những khe hở của Miền Nam. Thảm hại hơn, báo chí đã tường trình sai sự thật. *Bài báo của Jonathan Schell nói về các thiệt hại vật chất cùng những sinh mạng thường dân tại tỉnh Quảng Ngãi mà ông thu thập được. Ông cáo buộc khoảng 70% - 80% nhà cửa trong vài khu vực bị tiêu hủy chưa kể đến nhiều sinh mạng thường dân bị sát hại bởi các phi cơ tuần thám (*116 Hồi Ký*

westmoreland, trang 419). Tướng Westmoreland đã yêu cầu Đại sứ Bunker cho người điều tra chứ không dùng nhân viên của ông (để cuộc điều tra có tính cách vô tu). Kết quả cuộc điều tra cho biết, lời cáo buộc là *không đúng sự thật*. Thế mà Kennedy đã có lần tuyên bố, ông phải tìm sự thật chiến tranh qua báo chí, ôi! một lần nữa thật nguy hại khiến ông nửa tiến, nửa thoái trong chiến tranh VN, và do đó, chẳng có được quyết định gì sáng suốt chỉ nghe theo lời cổ vũ của những nhà trí thức bàn giấy phe cánh của Mcnamara?

Ảnh hưởng yếu tố biên giới

Về biên giới, miền Nam VN có đường biên giới với Lào và Miên dài đến khoảng hai ngàn cây số, và một bờ biển dài hơn hai ngàn cây số. Trong Thế chiến I, gần 6 triệu quân Đồng Minh, với vũ khí, quân dụng đầy đủ và tối tân, trấn giữ phòng tuyến chỉ hơn phân nửa (tức 455 dặm) của mặt trận miền Tây. Trong Thế Chiến II, phòng tuyến mặt trận Miền Tây dài 570 dặm mà phải huy động 4,5 triệu quân Đồng Minh trấn giữ. Trong chiến tranh Triều Tiên, xấp xỉ một triệu quân để trải dọc theo phòng tuyến chỉ dài 123 dặm tại lần ranh cắt ngang bán đảo Triều Tiên.

Những binh sĩ dự trừ xâm nhập này là quân chính qui, nhận biết rõ ràng, chứ không phải quân du kích Việt Cộng. Như vậy, muốn bảo vệ vùng biên giới VN một cách hữu hiệu thì phải cần đến nhiều triệu quân để ngăn chặn, và hàng triệu quân số khác dành để chuyên truy lùng và diệt địch nằm trong lãnh thổ. Trong lúc đó, vào đầu năm 1969 là thời gian quân đội VNCH có quân đông nhất, gồm cả bán quân sự, chỉ trên dưới một triệu, trong đó lực lượng

chiến đấu khoảng 150.000, lực lượng Hoa-kỳ 543 ngàn và quân Đồng Minh 62.400; tổng cộng chỉ có 755.000 quân chiến đấu. Sự so sánh này nói lên tính cách khó khăn của sự phòng thủ và bình định tại miền Nam theo chiến lược của Hoa Kỳ. Phải là một nhân vật có nhiệm vụ ở cấp cao, và có một nhận xét sâu xa, mới thấy rõ được tình trạng của chiến tranh tại VN. Thế giới đã làm ngo trước sự vi phạm Hiệp Định Trung Lập của hai nước láng giềng của VN là Lào và Cam Bốt khi Việt Cộng đã dùng lãnh thổ của những nước này làm hành lang xâm nhập, tấn công, và làm hậu cứ an toàn. Quân Việt Cộng đem quân sang đánh, bị phản công, và khi bị truy lùng, địch chỉ cần chạy qua biên giới là an toàn. Ngay cả về vĩ tuyến 17 chẳng hạn, Miền Nam và Quân Đội Hoa Kỳ tôn trọng khu vực Phi Quân Sự này. Trái lại Hà Nội xem đó chỉ là lằn ranh giữa hai tỉnh của một nước như Miền Bắc đã tuyên bố.

Cha đẻ của Hiệp Ước Trung Lập Lào năm 1962 là Averell Harriman, Đại Sứ Hoa kỳ tại Lào. Hà Nội kéo dài đường mòn Hồ Chí Minh xuyên qua vùng đồi núi miền Cực Đông của Lào. Hiệp ước này đã nghiêm nhiên thành một Hiệp ước giúp cho Hà nội mở rộng cuộc xâm lăng của họ tại miền Nam VN. Đến năm 1973, một Hiệp Định khác về sự độc lập và trung lập của Lào ra đời. Các nước lại đòi hỏi quân đội ngoại quốc rút khỏi Lào, nhưng Việt Cộng vẫn tái diễn cái trò lừa dối, chỉ rút đi một Sư Đoàn. Dĩ nhiên, Lào sau đó đã trở thành một nước CS dưới sự khống chế của Bắc Việt.

TT Eisenhower đã nhận ra sự quan trọng của Lào trong chiến tranh Đông Dương. Trong lễ bàn giao Tổng

Thống năm 1961, ông ta đã nói với tổng thống Kennedy rằng, nếu Lào rơi vào tay CS kiểm soát, ông không tin rằng phần Đông nam Á còn lại có thể tự bảo vệ được. Với cái nhìn của một tướng Lãnh, Eisenhower đã thấy trước được điều này.

Để chấm dứt phần này, xin mượn lời của Tướng Pháp Vanuxem nói đến ảnh hưởng của địa hình Miền Nam: *Nếu không có được viện trợ mà phía đồng minh Hoa Kỳ đã hứa thì sự phòng thủ diện địa trên một tuyến quá dài của một lãnh thổ quá hẹp bề ngang sẽ gặp phải mọi khó khăn và nguy hiểm* (*166 *La Mort du Vietnam*, Vanuxem, trang 18)

Nhiều người đã bị thảm hóa cuộc chiến tại miền Nam vào những năm đầu của thập niên 1960. Mặc dầu, kể từ năm 1957, Hà Nội liên tục gọi quân vào miền Nam, phát động chiến dịch ám sát, bắt cóc, phá hoại, và thỉnh thoảng tấn công vào các đồn bót, nhưng, khi Quốc Sách áp Chiến Lược ra đời cho đến năm 1963, Miền Nam vẫn ở trong tình trạng an ninh tốt. Bằng có là vào ngày 29.3.1963, tôi (Mcnamara) đã hỏi Sir Robert Thompson rằng theo sự cố vấn của ông, ông nghĩ chúng ta có thể giảm bớt một số cố vấn hay không. Ông ta trả lời, nếu theo đà tiến bộ này, Việt Cộng có thể bị quét sạch trong một vùng nào đó tại Miền Nam vào mùa Hè này, chúng ta có thể giảm lực lượng của chúng ta 1.000 người (*167 *In Retrospect*, Robert S. McNamara, trang 49)

Tài liệu cho biết, sau đó, Kennedy đã cho lệnh rút 1.000 cố vấn. Điều này, một lần nữa, chứng minh rõ ràng Quốc Sách Áp Chiến Lược thành công.

Việt-Nam Dân-chủ Cộng-hòa 1963-1967

Nhìn về Miền Bắc, từ 1963 cho đến năm 1967 thì sao?

Kinh tế miền Bắc suy sụp thê thảm. Hà Nội dùng viện trợ Nga-Hoa chỉ nhằm vào phục vụ nhu cầu chiến tranh nhiều hơn là kinh tế. Chính vì vậy mà Pháp đã mở lối giúp Hà Nội nói chuyện với miền Nam trong thời Ngô Đình Diệm để hiệp thương kinh tế trước, nói chuyện chính trị sau. Pháp đã ve vãn hai ông Diệm-Nhu dùng để mất cơ hội. Sản xuất tê liệt vì thanh niên đã đưa vào Nam. Như đã nói ở phần trên, một câu thơ của thi sĩ Nguyễn Chí Thiện viết vào năm 1968, cho chúng ta thấy Bác và Đảng đã đưa thanh niên vào chết trong Miền Nam rất nhiều (... *Cuộc Chiến tranh chết vội hết thanh niên* ...), nhưng miền Bắc vẫn chối dài là không có gởi quân vào Nam. Tất cả thế giới đều tin, chỉ trừ VNCH và Hoa Kỳ. Ngoài kế hoạch Cải Cách Ruộng Đất, mở trại tù Cải Tạo, đưa quân vào Nam, HCM đã phát động một vụ thanh lọc mới theo gót của Nga và Tàu trong vụ Nhân Văn giai phẩm.

Ngày 20.2.1956, bên Nga Xô, Khrushchev đọc bài diễn văn hạ bệ Stalin, đưa ra phong trào *chống sùng bái cá nhân*. Hà Nội cố bưng bít việc này. Nhưng chẳng bao lâu, Mikoyan sang thăm VN để giải thích với ông Hồ về sự cần thiết phải thay đổi chính sách. Ngày 26.5.1956, bên Trung quốc, Mao Trạch Đông liền có *Bách gia tranh minh, bách hoa tế phóng*, và tại VN, Hồ Chí Minh hưởng ứng bằng phong trào *Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng* dịch từ Trung Hoa. Dân chúng Miền Bắc bắt đầu học tập về *chính sách đổi mới* của Khrushchev. Khẩu hiệu *nói thẳng, nói thật, nói hết, để xây dựng Đảng* đã là cái bẫy sập, giết chết và tù đầy những nghệ sĩ miền Bắc ngây thơ tin vào Đảng.

Trái bom văn nghệ đầu tiên nổ ra tại Hà Nội do Phan Khôi tung ra với bài “Phê bình lãnh đạo văn nghệ “. Phong trào đả kích Đảng lan rộng, thậm chí tờ báo *Cứu Quốc* của Mặt Trận Tổ Quốc cũng nêu ra nhiều “tệ hại” của chế độ, tờ *Nhân Dân*, cơ quan chính thức của Đảng cũng tiết lộ những “sai lầm”(?!). Để dẹp tan phong trào chống Đảng, Đảng có biện pháp từ nhẹ đến nặng: Ra lệnh cho Mậu dịch không bán giấy, khùng bố những người phát hành, khùng bố người đọc, vận động thợ không in, vu cáo chính trị, đóng cửa nhà báo, đả tố văn nghệ sĩ (304 văn nghệ sĩ đi chinh huấn), bắt giam vào Hỏa Lò. Vụ án Nhân Văn Giai Phẩm đã được Miền Nam biết đến vào cuối năm 1956.

Kể từ năm 1964, cuộc đối đầu Trung Hoa và Nga Xô trở thành căng thẳng. Xét lại (theo Nga) hay không xét lại (theo Tàu)? Vụ bắt bớ những người có quan điểm bất đồng với Đảng cầm quyền trong cái gọi là *cuộc đấu tranh giữa hai đường lối* bắt đầu từ tháng 7.1967. Nạn nhân đầu tiên của nó là Viện Trưởng Viện Triết Học Hoàng Minh Chính. Vũ Thu Hiền viết: *Chúng bắt đầu thối nhau rồi! Đã bảo CS là thế mà, chúng không sống yên được một ngày không có máu. Chỉ tội nghiệp cho mấy người hiền lành không cùng phe cánh với chúng, tuy họ cũng là CS* (*168. Đêm Giữa Ban Ngày, Vũ Thu Hiền, Văn Nghệ, 1997, trang.21)

Hữu Loan, thi sĩ nổi danh với bài thơ *Màu Tím Hoa Sim*, nhận xét về tập đoàn lãnh đạo Hà Nội như sau(*169: Trích tập san *Thông Luận*, xuất bản tại Pháp) *Còn những người cầm vận mệnh của cả nước đã làm cho đồng bạc mất giá hàng vạn lần, làm cho hầu hết công nông trường, xí nghiệp phá sản, cho 90% con cái gia đình thành lưu manh, cho 50% trẻ em mất dinh dưỡng, còn giết oan bao nhiêu người có tài đức, còn*

*phá phách bao nhiêu công trình văn hóa lịch sử. Họ vẫn núp dưới cờ Đảng để đi tù sai lầm tày trời này đến sai lầm tày trời khác (...*170. Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội, Nguyễn Văn Trấn, trang 281)*

Tập đoàn lãnh đạo Hà Nội chẳng bao giờ ai dám xét xử. Không hiểu những nhân vật (dân sự hay quân sự) đã đi vào con đường chính trị tại miền Nam, có hiểu biết gì về những gì đã xảy ra tại miền Bắc hay không, hay như chúng tôi đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần là, tất cả những thành phần tham chiến (hai Khối Cộng và Tự Do) đã không thấu hiểu được những vấn đề căn bản của cuộc chiến (*địch, bạn, Cộng Sản*).

Tại miền Nam, thay vì phải nương nhau, *chấp nhận giá trị tương đối* (Tự do, Dân-chủ, Lãnh Đạo...) để chống kẻ thù chung, họ lại đánh phá nhau. Gió táp, mưa sa, con thuyền VN chông chênh vì giành nhau lèo lái VNCH 1963-1967.

Ngày 3.11.1963, Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng ra quyết nghị tạm ngừng Hiến Pháp 26.10.1956, giải tán Quốc Hội. Thành phần Hội Đồng gồm có:

- Chủ Tịch: Trung Tướng Dương Văn minh
- Đệ 1 Phó Chủ Tịch: Trung Tướng Trần Văn Đôn.
- Đệ nhị phó chủ tịch: Trung tướng Tôn Thất Đính
- Tổng Tư Ký kiêm ủy Viên Ngoại Giao: Trung Tướng Lê Văn Kim.
- Ủy Viên Chính Trị Thiếu Tướng Đỗ Mậu
- Ủy Viên Quân Sự: Trung Tướng Trần Thiện Khiêm
- Ủy viên Kinh Tế: Trung Tướng Trần Văn Minh
- Ủy viên An Ninh: Trung Tướng Phạm Xuân Chiểu

Các ủy Viên khác: Trung Tướng Lê Văn Nghiêm, Trung Tướng Mai Hữu Xuân, Thiếu Tướng Nguyễn Văn Thiệu, Thiếu Tướng Nguyễn Hữu Có.

Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng chỉ định ông Nguyễn Ngọc Thơ làm Thủ Tướng để thành lập chính phủ lâm thời và thành lập Hội Đồng Nhân Sĩ đảm nhiệm quyền hạn của một cơ quan lập pháp tạm thời. Các Tướng, Tá, xuất ngoại tỵ nạn trở về lại Việt-nam (Nguyễn Văn Vỹ, Dương Văn Đức, Nguyễn Chánh Thi, Vương Văn Đông, Phạm Văn Liễu...) Ngày 5.1.1964, thành phần chính phủ thay đổi. Trung Tướng Tôn Thất Đính giữ chức Tổng Trưởng Nội Vụ, Thiếu Tướng Đỗ Mậu: Tổng Trưởng Thông Tin, Trung Tướng Trần Văn Đôn: Tổng Trưởng Quốc Phòng kiêm Tư Lệnh Quân Đội, Trung Tướng Lê Văn Kim: Tổng Tham Muu Trưởng, Trung Tướng Trần thiện Khiêm: Tư Lệnh Quân Đoàn III, Thiếu Tướng Nguyễn Văn Quang: giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội. Chúng tôi xin mở dấu ngoặc tại đây, viết vài lời về Tướng Đôn. Trong cuộc chống Cộng Sản, song song với khía cạnh chính trị, khía cạnh quân sự rất là quan trọng. Tướng Đôn đã được tín nhiệm của các Tướng Lãnh khác giao cho nhiệm vụ Tổng Trưởng Quốc Phòng kiêm Tư Lệnh Quân Đội. Vậy mà cho mãi về sau này, năm 1978, khi xuất bản quyển hồi ký OUR ENDLESS WAR, ông vẫn không nhận biết được Mặt Trận Giải Phóng là công cụ của Hà Nội. Tướng Đôn viết: *Năm 1973, tôi mời ông Phó Đại Sứ Whitehouse họp mặt trong buổi ăn trưa với hai chính trị gia Trung lập (nonaligned-không theo phe nào) tại Sài Gòn. Mục đích cuộc họp mặt là để nhóm chúng tôi yêu cầu Hoa Kỳ loại bỏ Tổng Thống Thiệu và thừa*

nhận một chính phủ hòa hợp với Mặt Trận Giải Phóng (trang 161). Sự kiện này nói lên quan niệm „*không đặt vấn đề chống Cộng lên hàng đầu*» của các chính khách và trí thức Sài Gòn trong thời kỳ chính phủ Diệm, đã khiến cho họ không thể nào cộng tác với ông Diệm, đó là chưa đề cập đến khía cạnh tranh dành quyền lợi cá nhân. ông Tổng Trưởng Quốc Phòng kiêm Tư Lệnh Quân Đội hiểu Cộng Sản như vậy thì kế hoạch chống Cộng của ông sẽ ra sao?

Tuy nhiên, chỉ ba tháng sau ngày quân đội lật đổ chính phủ, ngày 30.1.1964, Tướng Nguyễn Khánh làm một cuộc *chỉnh lý*. Thiếu Tướng Đỗ Mậu đã ghi: *Chính thái độ „thiếu cách mạng“ của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đã là nguyên nhân chính yếu cho nhóm Nguyễn Khánh, Cao Văn Viên, Trần Thiện Khiêm, những Tướng Tá Cần Lao cũ và nhóm Đại Việt của ông Nguyễn Tôn Hoàn lấy lý do để làm cuộc chỉnh lý mà Khánh tuyên bố là vì Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng tạo ra tình hình suy sụp và chủ trương «thân Pháp và Trung Lập (*171: Việt-nam Máu Lửa Quê Hương Tôi, Đỗ Mậu, trang 833)* (Tướng Đỗ Mậu có tham gia chính phủ Nguyễn Khánh, nhưng không thấy nêu tên). Thực ra, các tướng lật đổ chính phủ ông Diệm đâu phải là những nhà chính trị, những nhà cách mạng, để có thể đòi hỏi họ làm một cuộc cách mạng. Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng chỉ là một danh xưng. Sau cuộc chỉnh lý, Tướng Nguyễn Khánh thành lập một *chính phủ đoàn kết* gồm đủ mọi thành phần dân sự, quân sự, đảng phái tôn giáo. Đây là giai đoạn Hoa Kỳ thích thú nhất. Nhìn vào thành phần nhân sự có đủ mọi thành phần, Hoa Kỳ không còn lo ngại Pháp thọc gậy bánh xe, không sợ tình trạng chia rẽ... *Người bạn quý*

Hoa Kỳ này, thực sự, lại không hiểu gì về VN, khi chỉ nhìn vào sự „chia chác“ quyền lực chính trị này. Hoa Kỳ lên tiếng ủng hộ chính phủ Nguyễn Khánh và tăng viện để giúp VNCH tăng quân số (50.000 người), và 7.500 cán bộ Xây Dựng Nông Thôn.

Nhưng chẳng bao lâu sau, tình hình chính trị tại Miền Nam lại xáo trộn. Nhóm báo *Lập Trường* do bác sĩ Lê Khắc Quyến tại Huế chủ xướng chống chính phủ, Hà Thúc Ký (Đại Việt, Bộ Trưởng Nội Vụ) muốn lật đổ chính phủ, các thế lực sinh viên, quân đội, Phật Giáo, Công giáo bắt đầu tạo áp lực chính trị cho quyền lợi riêng tư. Colby đã nhận xét: *Nguyễn Khánh cố gắng làm vừa lòng mọi phía, nhưng kết quả là không ai vừa lòng cả*. Ngày 16.8.1964, Tướng Khánh triệu tập một buổi họp các tướng lãnh tại Vũng Tàu để ban hành một Hiến Chương (Hiến Chương Vũng Tàu) bầu Tướng Khánh làm Chủ Tịch nước VNCH, Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đổi thành Hội Đồng Quân Đội Cách Mạng, sẽ có một Quốc Hội Lâm Thời gồm 100 đại biểu dân sự, và 50 đại biểu quân sự. Sinh viên, học sinh, đồng bào biểu tình, nhiều nơi tín đồ Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo đánh nhau... Ngoài Huế, Phật Tử được sự ủng hộ của Tướng Nguyễn Chánh Thi và sự thúc đẩy của Trí Quang, biểu tình đòi thanh toán Cần Lao. Tướng Westmoreland nhận định về Tướng Thi: *Tướng Thi là người bốc đồng, bí mật, thuộc binh chủng nhảy dù, từng làm đảo chánh chống lại ông Diệm vào năm 1960, nhưng bất thành. Tướng Thi làm Tư Lệnh Quân Đoàn I trong chính phủ của Khánh. Thi tham gia chinh lý với Khánh, nên sau đó, ra nắm Sư Đoàn I Bộ Binh và tỏ ra hăng hái giúp Thích Trí Quang và nhóm Phật Tử*

quá khích (*172: Westmoreland trang 129). Tháng 3, 1966, biến cố Phật giáo tại miền Trung (cách chức Tướng Thi, Tướng Đính, quân đội chia rẽ...) Westmoreland viết: *Nhìn vào biến cố tại Huế, và Đà Nẵng, dân chúng Hoa Kỳ cảm thấy sự chiến đấu của con mình là vô ích, và như vậy, sự xáo trộn chính trị tại Hoa kỳ không thể nào tránh khỏi* *173. Những nhà chính trị và quân sự tranh dành quyền lãnh đạo, có lượng giá được cái tai hại của sự xáo trộn chính trị ảnh hưởng đến sự ủng hộ của nhân dân Hoa Kỳ, và cũng có nghĩa là ảnh hưởng đến sự viện trợ hay chẳng, một nguồn viện trợ chống Cộng duy nhất mà VNCH có được?

Hội Đồng Quân Đội Cách Mạng ra tuyên cáo thu hồi Hiến Chương Vũng Tàu, và ngày 27.8.1964, bầu Tam Đầu Chế gồm ba Tướng Dương Văn Minh, Nguyễn Khánh và Trần Thiện khiêm thành lập Hội Đồng Lãnh Đạo Quốc Gia. Ngày 13.9.1964, một binh biến khác, Trung Tướng Dương Văn Đức, và Thiếu Tướng Lâm Văn Phát kéo quân về Sài Gòn Gia Định, đả kích tướng Khánh. Ngày hôm sau, các tướng lãnh họp tại Bộ Tư Lệnh Không Quân ra lệnh cho tướng Đức phải rút quân. Hệ quả là ngày 13.9.1964, các nhân sự liên quan đến chính biến này bị cách chức trong đó có Trung Tướng Dương Văn Đức, Thiếu Tướng Lâm Văn Phát, Thiếu Tướng Dương Ngọc Lắm, Đại Tá Huỳnh Văn Tồn, Đại Tá Dương Hiếu Nghĩa, và một số nhân vật dân sự. Như đã đề cập ở phần trên, sau năm 1954, các đảng phái và những nhân sĩ chỉ còn dư âm của thời xưa, không có thực lực để điều khiển con thuyền quốc gia, nhưng lại không chịu để cho ai nắm quyền. Các thế lực chống đối dành quyền không được (không có chính sách, không có

nhân sự), hòa hợp không xong, tướng lãnh chỉ lo chuyện “chính trị”, Cộng Sản yên tâm đưa quân vào Nam không bị một cản trở nào. *Bất ổn chính trị là vấn đề nan giải và làm suy yếu tiềm lực chống Cộng*. Westmoreland nhận định : *Trong thâm tâm những nhân vật chớp bu tại Miền Nam thời bấy giờ chỉ quanh quẩn với hai chữ đảo chánh..., cầm chân các Lữ Đoàn quân trừ bị Dù và Thủy Quân Lục Chiến tại Sài Gòn để đề phòng binh biến* (*174: Westmoreland trang 121) Sờ di chúng tôi nêu ra những nhận định của Tướng Westmoreland, vì ông ta là người có liên lạc thường xuyên với các tướng lãnh cao cấp của miền Nam thời bấy giờ.

Ông Phan Khắc Sửu làm Quốc Trưởng, ngày 30.10.1964, Trần Văn Hương được bổ nhiệm làm Thủ Tướng. Nội Các Trần Văn Hương ra mắt hoàn toàn dân sự. Nguyễn Khánh làm Tổng Tư Lệnh Quân Đội. Rối loạn vẫn tiếp tục. Chính phủ Trần Văn Hương nhất định dùng mọi cách để tái lập trật tự. Khi Tướng Khánh ra lệnh giải tán Hội Đồng Quân Lục, Đại sứ Taylor đề nghị với ông Hương là nên chống lại lệnh giải tán ấy. Tướng Khánh đã cáo buộc Đại Sứ Taylor là đã can thiệp vào nội bộ VN trong một cuộc phỏng vấn với tờ New York Herald Tribune. Sự kiện này khiến Đại sứ Taylor nổi giận và theo lời của Tướng Westmoreland, Taylor đã cời bỏ lớp áo ngoại giao ra và trở về con người quân sự cố hữu. Khi Khánh cử phái đoàn bốn người gồm có các Tướng Thiệu, Thi, Kỳ, và... Chung Tấn Cang bên Hải Quân, đến để gặp Đại Sứ Taylor và Alexis Johnson. Hai người này tiếp họ với thái độ rất lạnh nhạt. Các anh có biết tiếng Anh không? Taylor hỏi gần. Ông tiếp, thái độ của các Tướng các anh thật vô trách nhiệm, một thái độ tự giết mình khiến Hoa Kỳ không thể chấp nhận được (*175 Westmoreland trang 134).

Phải sống trên đất Hoa Kỳ trên 20 năm mới hiểu được cách xử sự (behavior) của họ. Hoa Kỳ đã dùng giải pháp ngắn hạn để lật ông Diệm, tin vào các Tướng Lãnh, không thấy được khoảng trống lãnh đạo chính trị, không hiểu được sự phá hoại ngầm của Cộng Sản... (sau 1975, những bộ mặt lãnh đạo, kích động biểu tình trong các tổ chức tranh đấu hầu hết là thành viên của Cộng Sản, mà thời bấy giờ chính quyền bị buộc tội là chụp mũ. Sau khi lật đổ ông Diệm, Hoa Kỳ đã “xóc bài” (shuffled the card deck) để tìm một con bài vừa ý. Thật thảm thương? Một dấu hỏi tại đây là: trong năm 1964, tình hình chính trị tại Miền Nam rất bất ổn, Hà Nội muốn gì khi nhờ Pháp làm trung gian để họ có thể nói chuyện trực tiếp với Hoa Kỳ như Mérillon đã nhắc đến nhưng không nêu ra mục đích, phải chăng là tiếp nối câu chuyện Trung Lập đang dở với chính phủ ông Diệm?

Đĩ nhiên, hoạt động của CS gia tăng và Hoa Kỳ đạt được mục tiêu là đưa quân vào Việt-nam để thực thi chiến lược sai lầm của họ (ngày 8.3.1965, 1.500 Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ đầu tiên tới Đà Nẵng. Ngày 25.2.1965, tướng Khánh rời VN để đi làm Đại Sứ Lưu Động. Các tướng lãnh già còn lại được cho về hưu hoặc giữ những chức vụ theo sự điều động của các tướng trẻ (Young Turks). Kết cuộc, Quốc Trưởng, Thủ Tướng và Hội Đồng Quốc Gia Lập Pháp ra tuyên cáo xác định rằng, những cơ cấu và thể chế quốc gia hiện tại không còn phù hợp với tình thế nữa, nên giao trả cho quân đội trách nhiệm. Ngày 14.6.1965, Hội Đồng Quân Lục thành lập Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia do Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu giữ chức Chủ Tịch

(Quốc Trưởng) Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ giữ chức Chủ tịch ủy Ban Hành Pháp Trung Ương (Thủ Tướng) và Trung Tướng Phạm Xuân Chiểu giữ chức Tổng Thư Ký. Nên mở một dấu ngoặc nơi đây để mọi người thấy rõ hơn nữa về sự gán ghép, chia chức vụ, trong các cuộc đổ bác như chúng tôi đã ghi trước đây. ông Kỳ nói với Tướng Đôn: *Tôi nhận việc này (Thủ Tướng) vì không ai muốn nhận nó (?). Tôi không biết gì về việc điều hành một quốc gia. Tôi chưa hề có kinh nghiệm gì về chính quyền dân sự. Tôi ở trong hàng ngũ quân đội suốt cuộc đời tôi* (*176 Our Endless War Inside Vietnam, Trần Văn Đôn, trang 172). Có được quyền lực đã là khó, nhưng dám từ chối hoặc từ bỏ quyền lực lại càng khó hơn.

Sau đây là nhận xét của Tướng Wetmoreland về Tướng Kỳ: *Tướng Không Quân Nguyễn Cao Kỳ ăn nói nhỏ nhẹ, ít nổi giận, để râu mép, lịch sự. Nổi tiếng là người hào hoa, nên người vợ sau cùng của ông là một tiếp viên hàng không người Việt... Có lần theo tôi thăm Hàng Không Mẫu Hạm Hoa Kỳ, Kỳ mặc nguyên bộ đồ bay màu tím..., ông ta nói tiếng Anh rất lưu loát. Kỳ là người ngay thẳng, không mang tiếng tham nhũng như nhiều tướng khác... Quả thật Kỳ là người thẳng thắn, đó là lúc ông ta nói với tôi rằng người Mỹ không nên tin những gì người VN nói* (*177 Westmoreland trang 129-133). Còn Westmoreland nhận định về Tướng Thiệu ra sao: *Nguyễn văn Thiệu là một người có khả năng quân sự trội hơn các Tướng khác, ông Thiệu đã đạt được nhiều thành công trong chiến dịch tiêu trừ Cộng Sản khi ông ta còn làm Tư lệnh Sư Đoàn 5. Cẩn thận và kỷ lưỡng, trầm tĩnh, ông Thiệu thường giữ thế yên lặng trước nhiều biến cố. Đẹp trai, chải*

*chuốt, thông minh và hơn hết phải nói là lịch lãm, biết lo cho gia đình (*178 Westmoreland trang 130)*

Ngày 3.9.1967, hai Tướng Thiệu-Kỳ nhậm chức Tổng Thống và Phó Tổng Thống. Tình hình chính trị tại miền Nam tạm ổn định.

Lãnh Đạo chiến tranh tại Miền Nam

Sau khi chính phủ ông Diệm bị lật đổ, có thể nói quyền lãnh đạo chiến tranh tại Việt-nam nằm trong tay Hoa Kỳ. Trên nguyên tắc, một quốc gia theo Tổng Thống Chế như Hoa Kỳ, và Việt-nam, Tổng Thống là Tổng Tư Lệnh của Quân Đội nắm quyền điều khiển, lãnh đạo chiến tranh. Tuy nhiên, kể từ thời Kennedy, Hoa Kỳ đi vào chiến tranh VN mà vẫn thừa biết mình tham gia vào chiến tranh như George Herring, Giáo sư môn Sử học tại Đại học Kennedy, Kentucky, trong phần mở đầu cuốn sách L. B. Johnson and Vietnam đã viết: *Ngày 28.7.1965, có thể gọi là ngày mà Hoa kỳ tham gia vào chiến tranh mà không biết (*179 L. B. Johnson and Vietnam, trang 2)*. Sở dĩ hiện tượng này xảy ra, là vì Hoa Kỳ không có chuẩn bị sẵn một kế hoạch rõ ràng, chu đáo khi nhảy vào nhận lãnh vai trò giúp đỡ miền Nam chống lại sự bành trướng của CS trong ván bài Domino do Hoa Kỳ đặt tên. Daniel Ellsberg, tác giả sách *Tài liệu Ngũ Giác Đài* (Pentagon Papers) về sau viết rằng: *Người Mỹ tại chức rất ít đọc sách và không đọc Pháp văn ... và như thế, không một viên chức nào từ cấp Thứ Trưởng trở lên (kể cả tôi) có thể đậu một khóa thi giữa Tam Cá Nguyệt của năm thứ nhất về môn sử ký Việt-Nam hiện đại, nếu có kỳ thi trong nước. Nói cách khác là các viên chức Mỹ đều dốt về lịch sử Việt-nam nên không thể can thiệp vào nội tình của Việt-nam được*

(*180 *Công và Tội*, Nguyễn Trân, trang 575). Rải rác trong các sách viết về chiến tranh VN, chúng ta thấy rõ ràng Hoa Kỳ, cũng như tất cả các thế lực tham chiến khác, đều không hiểu rõ bản chất thực sự của cuộc chiến này như chúng tôi đã ghi nơi phần *Lời Nói Đầu*. Đã không hiểu biết về VN, Hoa Kỳ lúc nào lại cũng dành quyền lãnh đạo chiến tranh, thay vì giúp VN như có lúc Kennedy đã nói nhưng không thực hành: Kennedy nói trong một cuộc phỏng vấn của đài truyền hình CBS vào ngày 2.9.1963: *Phân tách cuối cùng, đây là cuộc chiến tranh của họ (Việt Nam) Họ chính là những người phải thắng hoặc bại cuộc chiến này. Chúng ta có thể giúp họ, chúng ta có thể cung cấp cho họ dụng cụ, chúng ta có thể gọi cố vấn, nhưng họ phải thắng cuộc chiến, những người Việt-Nam chống lại Cộng Sản...*

Miền đất xa lạ này mới trở thành *điểm nóng* khi Mao Trạch Đông thắng Tưởng giới Thạch năm 1949, tiếp theo đó là chiến tranh Triều Tiên năm 1953, và Pháp thua tại Điện Biên Phủ năm 1954. Vai trò của Quân Đội trong thời gian này rất quan trọng trong một chính phủ dân sự. Vì vậy, vào năm 1950, báo *Washington Post* đã báo động rằng, *quốc gia đang bị quân đội cố lấn quyền*. Vì sợ quân đội lấn quyền, nên các *quan lại* dân sự Hoa Kỳ đã lãnh đạo sai cuộc chiến tại VN, ghi một vết nhơ trong lịch sử Hoa Kỳ.

Vào thập niên 1960, sự chống đối này càng lên cao hơn, vì dân chúng sợ quân đội có thể đưa Hoa Kỳ vào một cuộc chiến tranh nguyên tử. Trong lúc đó, các tướng lãnh cho rằng, những lãnh tụ dân sự không có kinh nghiệm về quân sự, nhất là những người thiên tả và nhóm trí thức thuộc Liên Đoàn Ivy. Tướng Thomas Powers than phiền

rằng, sự ngây thơ và sự mềm mỏng của họ về phương diện chính trị đối với CS, sẽ dẫn đến chiến tranh. Nhất là sau biến cố Vịnh Con Heo (Bay of Pigs) và Hiệp ước cấm thí nghiệm nguyên tử, sự đối chọi giữa phe quân sự và dân sự càng mạnh hơn. Bộ trưởng Quốc Phòng McNamara cho rằng không thể tin tưởng vào quân đội (the military could not be trusted), trong lúc đó, các lãnh tụ quân đội báo động rằng rất nguy hiểm nếu dùng *khoa học xã hội* (social science) để thay thế cho *chuyên môn quân sự*. Thời kỳ TT Kennedy, cánh của McNamara và Dean Rusk mạnh hơn cánh Taylor và Rostow. Hai tướng lĩnh công khai đối nghịch với Bộ trưởng Quốc phòng McNamara là Tướng LeMay và Đô Đốc George Anderson. Sau đó, Đô đốc Anderson đã bị đá văng vào ngành ngoại giao (đi Bồ Đào Nha năm 1965) và LeMay về hưu. McNamara đã chọn bộ tham mưu mới gồm: Tướng Earle Wheeler làm Tham Mưu Trưởng Bộ Binh, Tướng John P. McConnell làm Tham Mưu Trưởng Không Quân, Đô Đốc David McDonald làm Tham Mưu Trưởng Hải Quân. Báo *Time* cho rằng những người này là *planners, thinkers, but not heroes* (kế hoạch gia, tư tưởng gia, nhưng không phải anh hùng), và báo *New York Times* cho rằng những vị này chỉ ngồi tại nhà, sau bàn giấy, hơn là tại chiến trường. Vì Kennedy đứng về phía McNamara nên, một số người Hoa Kỳ cho rằng cuộc chiến tại VN là cuộc chiến McNamara. Như vậy có thể nói dưới thời Kennedy, Hoa Kỳ đang đứng giữa ngã hai đường, nhưng nghiêng về phía dân sự, muốn ra khỏi chiến tranh, xử dụng tướng ngồi bàn giấy.

Như chúng ta đã biết, sau khi ông Diệm bị lật đổ,

Kennedy bị Lee Oswald ám sát chết tại Dallas, Texas vào ngày 22.11.1963. Johnson lên kế vị vào ngày 24.11.1963.

Tướng Westmoreland đến VN vào cuối tháng Giêng năm 1964, và ông đã phục vụ tại VN 4 năm. Cũng có nhiều người Mỹ gọi cuộc chiến tranh VN là cuộc chiến tranh Westmoreland. Sở dĩ họ gọi như vậy là vì ông là vị tướng lãnh cao cấp nhất, và tham dự chiến tranh VN lâu dài nhất. Trong hồi ký, ông cho biết rất nhiều đề nghị của ông không được Tòa Bạch Ốc chấp thuận. Trước tiên, ông thấy rằng đây là một cuộc chiến phải cần có thời gian và kiên nhẫn, không thể một sớm một chiều có thể kết liễu được. Ông viết: *Vì tầm quan trọng của thời gian và lòng kiên nhẫn, nên tôi đã đề nghị ông Bộ Trưởng nên thực hiện chương trình đối thoại dân-với-dân để cho người dân Mỹ chia sẻ cảm nghĩ của người VN, để tạo trong lòng mỗi người một sự nhẫn nại đáng khuyến khích, vượt lên trên mọi sách lược của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á. Vậy mà McNamara không chịu nghe và gạt ra một bên, tại vì Hoa Thịnh Đốn đã có ý định trước, sau này, tôi mới biết rằng Hoa Kỳ chỉ muốn duy trì cuộc chiến ở chừng mức vừa phải. Năm 1964 là năm bầu cử, và ứng cử viên đối thủ với Tổng Thống là người quyết sống mái với Bắc Việt. Thật vậy, vì sợ phe diều hâu đòi đưa lực lượng mạnh sang để đối phó, nên chính quyền Johnson đã dấu nhiều chi tiết về các đơn vị Bắc Việt xâm nhập vào miền Nam. Và sau khi bầu cử xong, chính sách cũng vẫn cực kỳ thận trọng, không dám làm kinh động, không dám làm mạnh và rồi cứ nhè nhàng không dứt khoát (*181 L. B. Johnson and Vietnam, trang 150). Bên cạnh đó, vào mùa Hè 1964, chính quyền Johnson đã mở đầu nhiều cuộc gặp gỡ bí mật với Bắc Việt qua J. Blair Seaborn,*

*đại diện của Canada trong ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến... Seaborn nói với Hà Nội rằng nếu họ đồng ý ngưng yểm trợ cho Việt Cộng (Hoa Kỳ đã sai lầm khi phân biệt Bắc Việt với Việt Cộng) và chấm dứt xung đột, Hoa Kỳ sẽ cung cấp viện trợ kinh tế và ủng hộ ngoại giao. Nếu không, họ có thể bị Hoa Kỳ tấn công bằng Không Quân và Hải Quân. Ngoại Trưởng (?) Bắc Việt Phạm Văn Đồng trả lời rằng Hoa Kỳ phải rút ra khỏi Miền Nam, và chấp nhận Việt cộng (Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam) tham gia vào chính phủ trung lập (*182 L. B. Johnson and Vietnam, trang 121).*

*Để trả lời với Hoa Thịnh Đốn về việc xin tăng quân số tướng Westmoreland viết: Đến cuối năm 1965 thì việc khai triển hơn mười bốn tiểu đoàn mới hoàn tất và mới cân bằng được tương quan lực lượng. Qua năm 1966, tôi hy vọng dùng các đơn vị này để chiếm thế thượng phong, lúc ấy tôi lại sẽ không biết phải cần thêm bao nhiêu quân nữa. Việc này còn tùy thuộc nhiều yếu tố, mà quan trọng nhất là mức gia tăng của quân Bắc Việt [*183 Westmoreland, trang 202]*

*Đến thời Johnson, khi tình hình Nam VN trở nên bất ổn hơn, Johnson đã phải lắng nghe tiếng nói của phía quân đội. Vào đầu tháng 11, năm 1964, Johnson đã tuyên bố rõ ràng là những quyết định về VN phải có chữ ký của Bộ Tổng Tham Muu để họ có tiếng nói [*184 L. B. Johnson and Vietnam, trang 31]. Dù tuyên bố như vậy, hành động của ông cũng chỉ nằm trong chiến lược của một cuộc chiến tranh giới hạn. Vào tháng 7, 1965, ông chỉ chấp nhận đề nghị đưa 44 tiểu đoàn (khoảng 150.000) vào VN, nhưng không chấp nhận nói rộng đội bom miền Bắc và động viên quân trừ bị. Hơn thế nữa, đã có sự chia rẽ trầm trọng trong*

*nội bộ chính phủ về chiến lược của chiến tranh tại VN [*185: L. B. Johnson and Vietnam, trang 32].*

Ngày 28.7.1965, TT Johnson mở cuộc họp báo tại tòa Bạch ốc. Ông giải thích vì sao Hoa Kỳ đã tham chiến và chết tại VN. Ông tuyên bố gọi thêm 50.000 quân, nâng tổng số lên 125.000, và ông cả quyết rằng sẽ gọi thêm nếu được yêu cầu. Để đối đầu với sự xâm lăng của CS, ông đoán chắc rằng Hoa Kỳ sẽ không đầu hàng và không rút quân... Nhưng đồng thời ông cũng kêu gọi Liên Hiệp Quốc hãy sử dụng mọi nguồn năng lực và uy thế để tìm một nền hòa bình cho VN [186: L. B. Johnson and Vietnam, tr 1]. Đối với CS, hòa đàm chỉ là giai đoạn chuẩn bị cho chiến tranh. Các nước Âu Mỹ, nhận hòa đàm là nhận nhượng bộ. Cho nên, khi Johnson kêu gọi Liên Hiệp Quốc can thiệp, CS đã diễn dịch là Hoa Kỳ muốn bỏ cuộc, họ chỉ cần mua thời gian, theo dõi và thúc đẩy phong trào phản chiến, kéo dài cuộc chiến để đi đến thắng lợi. CS đã dùng *chiến tranh tiêu hao (artrition war)*. Vì vậy, George Herring, Giáo sư môn Sử học tại Đại học Kennedy, Kentucky, trong phần mở đầu cuốn sách *L.B. Johnson and Vietnam*, đã viết rằng: Mặc dầu TT Johnson không muốn được mọi người biết ông qua nhân hiệu là một vị tổng thống của chiến tranh, nhưng, cho dù đó là ước muốn của ông, Johnson vẫn được nhớ đến như là một Tổng thống của chiến tranh và là một vị Tổng Tư Lệnh Quân Đội ít hiệu quả nhất [*187: L. B. Johnson and Vietnam, tr 11] Ông Herring còn nói thêm rằng: Tổng Thống Johnson và Bộ Trưởng Quốc Phòng Robert S. McNamara đã không đưa ra một sự chỉ đạo chiến lược rõ rệt cho những cố vấn quân cũng như dân sự đang điều động tại chiến trường. Họ không biết trong giới

hạn nào để hành sự, được sử dụng những nguồn lực nào, và ngân khoản nào để tiêu dùng. Không có chỉ đạo từ trên, mỗi cơ quan làm theo ý riêng của họ. Chiến lược nơi chiến trường đặt trên căn bản tùy tiện, không tính toán trước mục tiêu cần đạt đến, và phương tiện cần thiết để thực hiện mục tiêu [*188: *LBJ and Vietnam*, trang 179]. Những nhận định này không phải là quá đáng. Chúng ta có thể dùng câu nói sau đây để tóm tắt về vấn đề lãnh đạo chiến tranh của Hoa Kỳ tại VN. William Bundy, Phụ Tá Bộ Trưởng Ngoại Giao thời Johnson, nói: *Tôi không nghĩ rằng chính là tại Washington có một cơ cấu điều khiển hữu hiệu cho cuộc chiến tranh, bất cứ trong thời gian nào của cuộc chiến. Không những như vậy, Bill Moyers cố vấn cho Johnson, nói rằng: trong năm 1966, chính phủ đã tham gia cuộc chiến trên căn bản bán thời gian (part time basis.)*

Chiến lược chiến tranh tại Miền Nam

Cuộc chiến tranh tại VN, nhiều người gọi đó là cuộc chiến tranh McNamara. Sở dĩ có tên gọi này vì ông là Bộ Trưởng Quốc Phòng thời Kennedy và sau đó là thời Johnson. McNamara viết: Johnson đã để lại một toán cố vấn An Ninh Quốc Gia, mặc dầu họ không ảnh hưởng nhiều, nhưng *quan điểm phân chia* sâu xa về vấn đề VN. Những thành viên kỳ cựu đã thất bại khi đối diện với những câu hỏi căn bản kể từ thời Eisenhower, rồi đến Kennedy. Mất Nam VN có đặt thành một mối đe dọa cho nền an ninh Hoa Kỳ trầm trọng đến độ chúng ta chắc chắn phải hành động mạnh bạo để ngăn ngừa? (Cho đến giai đoạn này của chiến tranh, câu hỏi trên vẫn còn đặt ra, đó là lẽ lối làm việc của Hoa Kỳ) Nếu vậy, chúng ta phải

hành động như thế nào? Chúng ta có phải đưa lực lượng Không Quân và Bộ Binh tham gia? Phát động tấn công Bắc Việt? Chấp nhận nguy cơ với Trung Hoa? Cái giá phải trả ảnh hưởng đến kinh tế, quân sự, chính trị, và nhân mạng? Liệu có thành công không? Nếu cơ hội thành công thấp, giá phải trả cao, có cách nào khác hơn như Trung Lập hay rút lui tất cả phải được nghiên cứu, và bàn thảo kỹ lưỡng. Những câu hỏi này vẫn không có câu trả lời cho đến nhiều năm sau đó [189: *In Retrospect*, Robert S. McNamara, trang 101]. McNamara cho biết: *Người Mỹ không có câu trả lời bởi vì Hoa Kỳ không hiểu biết tí gì về Cộng Sản Bắc Việt (American has no answer because it has no knowledge about North Vietnam (communists)).* Câu kết luận thật đơn giản, nhưng đau đớn thay cho Miền Nam là phải chấp nhận cộng tác, không còn chọn lựa nào khác, với người bạn quý giúp đỡ tiền bạc nhiều, nhưng lại không biết gì hết chuyện VN (Hoa kỳ.) Câu nói trên của McNamara chính là đáp số của bài toán chiến tranh VN mà chúng tôi đã nói trong phần *Lời Nói Đầu*, và thỉnh thoảng trong các chương sách: *các phe lâm chiến, cả Khối Cộng và Tự Do đã không hiểu nhau và không hiểu gì về cuộc chiến VN, cũng như về Cộng Sản Việt-nam.* Nhận lãnh hậu quả đau thương nhất là dân tộc VN, ngoại trừ thành phần Đảng Cộng Sản VN đang cầm quyền.

Về phía Tự Do, nguyên nhân sâu xa của cuộc chiến bại tại Việt-nam, bắt nguồn từ khi kẻ không có kiến thức sâu xa về Cộng Sản Việt-nam, lại là kẻ nắm quyền chủ động về mọi khía cạnh, nhất là chính trị, quân sự, ngoại giao, liên quan đến Miền Nam. Tất cả những xáo trộn từ đầu cho đến ngày Bắc Việt cưỡng chiếm miền Nam chỉ là những hệ luận phải xảy

ra, không thể tránh khỏi.

Qua các trào Tổng Thống Hoa Kỳ, việc lãnh đạo chiến tranh không thống nhất khiến cho chiến thuật khác nhau, nhưng tựu trung, *chiến lược chiến tranh căn bản của Hoa Kỳ tại VN vẫn được gọi là một cuộc chiến tranh giới hạn (limited war.)* Để tránh phải lao vào một cuộc chiến tranh nguyên tử, những nhà nghiên cứu chiến lược Hoa kỳ đã đưa ra lý thuyết *chiến tranh giới hạn*. Trong *chiến tranh giới hạn*, *sức mạnh sẽ được sử dụng đến mức độ để có thể đạt được mục tiêu chính trị mà thôi. Mục tiêu của cuộc chiến không phải để tiêu diệt đối phương, thắng đối phương, mà làm cho đối phương hiểu được rằng họ phải từ bỏ sự đối nghịch để đạt mục tiêu của họ.* Trong cuộc chiến tranh giới hạn, các nhà lãnh đạo phải đối thoại với kẻ địch, mở những đường dây ngoại giao để có thể chấm dứt chiến tranh qua đường lối thương thuyết. *Chiến tranh giới hạn phải được điều khiển bởi sự lãnh đạo của dân sự.* Những nhu cầu đặc biệt về quân sự phải được kiểm soát bởi đường lối của quốc gia. Hậu quả của hành động quân sự không quan trọng bằng tín hiệu mà hành động đó đã gởi đi. Chiến tranh trở thành một tiến trình thương thảo mà sức mạnh chỉ để khiến cho đối phương hiểu rằng, họ phải trả giá đắt nếu tiếp tục [*190: cái sai lầm của chiến lược này là Hoa Kỳ không đo lường được sự hy sinh nhân mạng một cách khủng khiếp của Hà Nội (Hoa Kỳ quý nhân mạng trên mọi thứ khác)]. Điều này đã cắt nghĩa tại sao TT Johnson và những cố vấn của ông đã gởi 50.000 quân sang VN năm 1965 để nói với Bắc Việt rằng, họ phải chấm dứt đưa quân thâm nhập vào miền Nam VN. Sau đó, cũng nhằm đạt được mục tiêu này, chính quyền Johnson cứ từ

từ gia tăng Không lực và Bộ Binh mà không đáp ứng đầy đủ quân số và chiến cụ cần thiết để thắng Bắc Việt mà Tướng Westmoreland yêu cầu. *Cứ mỗi lần leo thang chiến tranh mà không đạt được kết quả mong muốn, chính phủ lại leo lên thêm một bậc nữa* [*191: L. B. Johnson and Vietnam, trang 20]. Chính sách leo thang chiến tranh của McNamara là nhằm thuyết phục kẻ thù từ bỏ ý định xâm chiếm Miền Nam, chứ không phải để chiến thắng. Colby cũng đã nhận thấy điều này và cho rằng McNamara đã phạm *lỗi lầm cổ điển (classic error) trong sự đối đầu quân sự là bằng cách leo thang từ từ (increment) chứ không dùng ưu thế sức mạnh. Điều này thể hiện trong việc tăng quân số và dội bom miền Bắc* [*192 Lost Victory, William Colby, trang 123]

Stephen Peter Rosen cho rằng, *tính chất của chiến tranh giới hạn là cuộc chiến tranh kỳ lạ (strange war.)* Họ (Hoa Kỳ) đã phối hợp lãnh vực chính trị, quân sự, và ngoại giao vào một phương thức phức tạp nhất (*the most complicated way*). Một số nhà quân sự than phiền rằng *cuộc chiến tranh này chẳng phải là một cuộc chiến tranh (a war that is not a war)*. Đối với Westmoreland, người phải hoạch định chiến thuật để thi hành chiến lược, cho rằng *chiến tranh giới hạn chỉ để giới hạn mục tiêu, chiến đấu với phương tiện giới hạn, và soạn thảo kế hoạch sử dụng tài nguyên một cách giới hạn* [*193: L. B. Johnson and Vietnam, trang 184]. Một loại chiến tranh khác. Fowler nhận xét: *Trong chiến tranh giới hạn khó dự đoán hơn trong chiến tranh toàn bộ, bởi vì mọi việc đều tùy thuộc vào phản ứng của kẻ thù.*

Trong chiến tranh, yếu tố chủ động sẽ đưa đến chiến thắng. Vậy mà, trong chiến lược *chiến tranh giới hạn*, Hoa

Kỳ đã tự buộc mình (dĩ nhiên, và buộc luôn Đồng Minh miền Nam) vào thế bị động thì làm sao có thể thắng được. Để cắt nghĩa lý do khiến Hoa Kỳ chủ trương một cuộc chiến tranh giới hạn là: *Nỗi lo sợ nôm nớp làm ảnh hưởng đến mọi quyết định liên quan đến biện pháp mạnh tại chiến cuộc VN là viễn ảnh một cuộc đối đầu nguyên tử với Liên Xô và sự thể CS Tàu có thể đưa binh đội sang tham chiến tại VN* [*194: Westmoreland, trang 599]. McNamara, trong hồi ký của ông, đã bào chữa cho chiến lược sai lầm của ông như sau: *Tôi đã quyết định giảm thiểu nguy cơ mà quân đội Hoa Kỳ đang hoạt động tại Đông Nam Á, khiến có thể lôi kéo lực lượng bộ binh hay không quân của Trung Cộng hoặc Nga Xô vào sự đối đầu với Hoa Kỳ hoặc bằng chiến tranh qui ước, hoặc chiến tranh nguyên tử tại Á Châu hay tại bất cứ nơi nào. Tổng Thống cũng có cùng nhận định như vậy. Chính vì lo như vậy, cùng với những lý do khác nữa, mà chúng tôi đã chống lại những đề nghị lập lại nhiều lần trong bốn năm tiếp theo, không tăng nhanh cường độ không tập, và không mở rộng nhanh chóng chiến tranh dưới đất. Phải chăng đây là một trong những nguyên nhân sâu xa đã làm cho khối CS thắng Hoa Kỳ trên mảnh đất miền Nam VN (chứ không phải Hà Nội thắng Sài Gòn như bao người lầm tưởng), và thêm vào đó, nhờ vào phản chiến, và Quốc Hội tại Hoa Thịnh Đốn.*

Về mặt chiến lược, Lào là lãnh thổ quan trọng đối với sự an nguy của Miền Nam VN. TT Eisenhower đã nhận ra sự quan trọng của Lào trong chiến tranh Đông Dương, nên trong lễ bàn giao Tổng Thống năm 1961, ông ta đã nói với TT Kennedy rằng, *nếu Lào rơi vào tay CS kiểm soát ông không tin rằng phần Đông Nam Á còn lại có thể tự bảo vệ*

được. Với cái nhìn của một tướng lĩnh, Eisenhower đã thấy trước được điều này. Tuy nhiên, ngay thời TT Kennedy, chính phủ của ông đã bác bỏ đề nghị của phía quân đội can thiệp vào Lào. Harriman là người đã đóng vai trò làm sụp đổ miền Nam VN mà rất ít người nhận biết được vì chính ông ta đã ảnh hưởng mạnh vào chính quyền Hoa Kỳ trong việc ký Hiệp Định Trung Lập Lào năm 1962 (để CS tự do dùng Lào vào việc thiết lập đường mòn Hồ Chí Minh, làm nơi chứa tiếp liệu, dưỡng quân...) và ông ta đã *mười hai lần* yêu cầu Johnson ngưng ném bom Bắc Việt. *Trong cuộc bàn giao chúc vụ Tổng Thống, Johnson đã nói với Nixon: Đại Sứ Averell Harriman đã nói với tôi, ít nhất là mười hai lần rằng, nếu tôi quyết định ngưng dội bom, Bắc Việt và Việt Cộng sẽ ngưng pháo kích vào các thị trấn ở miền Nam VN. Nhưng, sau đó, chẳng có gì xảy ra cả. Mỗi cuộc ngưng ném bom là một lần lẩn* [*195: *No Peace, No Honor*, Larry Berman, trang 11]. Cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh ngay tại Lào bằng Bộ Binh của Hoa Kỳ bị ngăn cấm vì Hiệp ước đó. Bunker không hiểu nổi rằng tại sao một hiệp ước mà Hà Nội đã vi phạm từng ngày, thế mà Hoa Thịnh Đốn cứ tin rằng Hiệp ước đó có hy vọng giúp Hoa Kỳ đạt đến sự thành công.

Tướng Westmoreland lúc nào cũng muốn có lực lượng quốc tế trấn đóng tại vùng vĩ tuyến 17 (phía Nam vùng Phi Quân Sự) và dọc biên giới Lào-Việt. Ông đã lập kế hoạch KANSUS (Korea, Australia, New Zealand và United Staes). *Tại Sài Gòn, Đại Sứ các nước đều đồng thanh ưng thuận, nhưng một lần nữa Hoa Thịnh Đốn ra tay cấm cản* [*196: *Westmoreland*, trang 287.]. Westmoreland nói: *Tôi đề nghị bao nhiêu lần để xin cho đủ quân số một cách hợp*

pháp để hoàn thành nhiệm vụ của quân đội Hoa Kỳ tại VN, nhưng rồi bị bác bỏ. Tôi chỉ xin lực lượng tối thiểu để chiến thắng, xin đánh sang đất Lào và Miên cũng chẳng được [*197: Westmoreland, trang 381]. Westmoreland bị trói tay chỉ vì chiến lược “*chiến tranh giới hạn*,” và Quân Lực VNCH bị Bắc Việt tập kích, rồi chạy về Lào, Miên một cách an toàn.

Từ năm 1965, tại Vùng I, quân số của Việt cộng đã tăng lên 15 Tiểu Đoàn. Tháng 8, 1965, FULRO nổi loạn. Tháng 2, 1966, chính phủ ông Thiệu bổ nhiệm một nhân vật người Thượng vào Nội Các để làm Đặc ủy Phát Triển Sắc Tộc, tình hình dân thiểu số mới bớt căng thẳng. Đến giữa năm 1966, đường mòn Hồ Chí Minh đã xuống đến đất Miên. Sihanouk đã để cho Việt Cộng đưa vũ khí và tiếp liệu vào đất Miên qua hải cảng Sihanoukville. Đất Miên là nơi Việt Cộng rút về đó để dưỡng quân, huấn luyện, tái vũ trang và củng cố lực lượng để chuẩn bị cho những cuộc tấn công khác. Sư đoàn 9 Việt Cộng đã bị liên quân Việt-Mỹ đánh tan nhiều lần, mỗi lần đã để lại hàng ngàn xác chết, nhưng không hề bị xóa tên vì nhờ vào đất Miên. Hoa Thịnh Đốn không cho phép hành quân vượt biên giới. Hoa kỳ muốn ve vãn Sihanouk. Cho rằng chính trị và ngoại giao muốn ve vãn, nhưng một khi quân sự đã thất bại, những sự ve vãn kia đều vô ích. Lịch sử của Miên đã chứng minh điều này. Ông Hoàng Sihanouk cắt đứt ngoại giao với VNCH vào tháng 8.1963, và khuớc từ viện trợ của Hoa Kỳ vào đầu tháng 11.1963. Sihanouk ngã hẳn về phía CS (mặt khu của CS trên đất Miên) tuy rằng lúc nào cũng tuyên bố là giữ chính sách Trung Lập.

Để tóm tắt những nhận định của mình về các nhân sự

đang điều khiển chiến tranh tại Đông Dương, có thể chúng ta không đủ dữ kiện, nhưng Tướng Westmoreland phải biết, và ông viết: *Đám quan lại tại Hoa Thịnh Đốn dường như không đủ khả năng hiểu được chính phủ Việt-nam Cộng-hòa mới ra đời, và quân đội của họ chỉ có thể gánh vác một số kế hoạch trong một lúc mà thôi* *266. (*266 Westmoreland, trang 189)

Mặc dù thái độ chính của Hoa Kỳ là không còn giúp đỡ Miền Nam, tuy nhiên, để giúp cho việc triệt thoát an toàn của binh sĩ Hoa Kỳ, và để có thời gian thực hiện chương trình Việt-nam hóa chiến tranh, Hoa Kỳ đã hỗ trợ cho Quân Lực VNCH tiến đánh qua Miền, nhằm mục đích phá hủy kho tiếp liệu, và làm tiêu hao lực lượng Cộng Sản, nơi đó có khoảng 40.000 binh lính CS đồn trú. *Cuộc hành quân sang ven biên Cam Bốt được bắt đầu từ ngày 29 tháng 4, 1969. Quân đội Miền Nam Việt-nam đã nhanh chóng kiểm soát dọc sông Mékong từ biên giới Miên-Việt cho đến thủ đô Nam Vang. Với kế hoạch thần tốc để bảm sát sự rút lui của các đơn vị Cộng Quân, và với khả năng tác chiến rất cao của các Sĩ Quan Quân Lực VNCH, họ đã gây thiệt hại cho Cộng quân một cách đáng kể. Sau chiến dịch hành quân kết thúc, các đơn vị Miền Nam đã tịch thu được nhiều chiến lợi phẩm trong đó có 2.092 tấn gạo, 552 tấn đạn dược, 5.202 vũ khí cá nhân, và 4.926 cộng quân bị hạ tại chiến trường* *267. (*267: *Victory Lost*, Colby, trang 366) Đây là thử thách đầu tiên về khả năng quân sự của Quân Lực VNCH trong giai đoạn đầu của chương trình Việt-nam hóa chiến tranh. Thắng lợi to lớn này đã làm cho mọi người tin tưởng vào vai trò tự bảo vệ của miền Nam. Tuy nhiên, nhóm phản chiến Hoa Kỳ đã

biểu tình lên án Nixon mở rộng chiến tranh. Vì vậy, vào tháng 12.1970, Tu chính án Cooper-Church ngăn cản Hoa Kỳ không được tham gia quân đội vào những cuộc hành quân ngoài lãnh thổ của Việt-nam. Một bằng chứng rõ ràng nữa cho thấy *phản chiến Hoa Kỳ đã thắng chính phủ Hoa Kỳ*.

Cũng trong chiều hướng hỗ trợ cho việc triệt thoái an toàn của Hoa Kỳ, và để có thời gian thực hiện chương trình Việt-nam hóa chiến tranh, Hoa Kỳ yêu cầu Miền Nam mở cuộc hành quân Lam Sơn 719 được tổ chức vào tháng 2, 1970 nhằm tiến đến thị trấn Tchépone nằm trên đất Lào, cách xa biên giới Việt-Nam khoảng 22 dặm theo Quốc Lộ 9 để phá hủy kho tiếp liệu quan trọng tại đây. Hoa Kỳ sẽ hỗ trợ về không yểm. Về địa thế, Lào là vùng đồi núi hiểm trở, khó di chuyển Bộ binh, mây mù thường kéo dài trong ngày gây trở ngại rất nhiều cho việc không yểm (Sĩ Quan Không Quân Hoa Kỳ cho biết rằng, họ có thêm trở ngại về ngôn ngữ khi được yêu cầu không yểm vì không có Cố Vấn Hoa Kỳ đi theo (?). Theo lời của Tướng Lăm cho chúng tôi biết, khi trực thăng Hoa Kỳ bị bắn rơi, họ chỉ chú trọng vào việc giải cứu đồng bạn hơn là yểm trợ cho toàn bộ cuộc hành quân.

Thời gian hành quân dự trù là 30 ngày với quân số 17.000 *268 [*268: *History Atlas of Vietnam War*, Harris G Summers, Jr-houghton Mifflin, trang 172] Theo ước tính của Hoa Kỳ, phải cần ít nhất khoảng 60.000 quân để có thể thành công trong cuộc hành quân này. Lực lượng hành quân đã chạm trán lúc đầu với 22.000 quân Cộng Sản, sau đó, quân số của địch tăng cường lên đến 40.000 vì họ quyết bảo vệ kho tiếp liệu quan trọng này. Quân

Miền Nam bị tổn hao nặng vì không yểm không hữu hiệu, và địch quân quá đông lại có chiến xa T-54, PT-76, tham chiến.

TT Thiệu ra lệnh tiến thẳng Tchépone, phá hủy kho tiếp liệu, và rút về ngay nếu tổn thất lên quá cao (theo tài liệu của Nixon, nếu tổn thất lên đến 3.000 người). Đến giữa tháng Ba, Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa đã đến Tchépone, sau đó đã rút lui bằng Quốc Lộ 914. Giới truyền thông Hoa Kỳ đã tường trình sai lệch, và bóp méo trận đánh này, chỉ nêu ra sự tổn thất. Ngược lại cuộc hành quân này đã giết hơn 9.000 quân Cộng Sản, phá hủy 1.123 vũ khí cộng đồng, 3.754 vũ khí cá nhân, 110 chiến xa, 270 xe vận tải, 13.630 tấn đạn dược, 15 tấn đạn cho trọng pháo 122mm...*269. [*269: *No More Vietnams*, Richard Nixon, trang 137] Chưa bao giờ có một cuộc tấn công nào, nhất là tấn công vào vùng rừng núi hiểm trở, mà quân số phía phòng thủ lại nhiều hơn quân số tấn công gần gấp 4 lần. Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa đã thi hành nhiệm vụ với tất cả khả năng, sự hy sinh, trong những giới hạn về phương tiện chiến đấu mà họ được trang bị. Tuy có tổn thất ngoài dự liệu, nhưng kho tiếp liệu tại Tchépone bị phá hủy, mục tiêu hành quân đã đạt được, nên kết quả của cuộc hành quân được tuyên bố là thắng lợi.

Hành quân Lam Sơn 719 cho Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa một bài học: *Đánh với địch thủ mà số lượng binh sĩ của địch quá đông, vũ khí và chiến xa tối tân hơn, nếu không có không yểm hữu hiệu, chúng ta khó có thể thắng được.* Chính trong hồi ký, Colby, với chức vụ sau cùng là Giám Đốc Cơ Quan CIA Hoa Kỳ, đã viết: *Tôi tin rằng rồi đây miền Nam*

*phải chiến đấu để tiếp tục sống còn, và viện trợ của Hoa Kỳ là yếu tố tối cần thiết để họ có thể sống còn. Rõ ràng là vào năm 1972, miền Nam đã chứng tỏ họ có thể tự tồn tại nếu Hoa Kỳ giúp đỡ về tiếp vận và không yếm**270. [*270: *Lost Victory*, William Colby, trang 34]

Trong lúc VNCH mở các cuộc hành quân sang Miền và Lào nhằm tiêu diệt, và làm giảm áp lực địch, chuẩn bị đối đầu với Cộng Sản khi quân Hoa Kỳ rút đi, Bắc Việt cũng mở một trận dành để thăm dò khả năng của Quân Lực VNCH khi không còn sự hiện diện của lực lượng Bộ Binh Hoa Kỳ. Để trải nghiệm cuộc Việt-nam hóa chiến tranh này, Cộng Quân đã cho tấn công vào Ben hét, một tiền đồn nằm trên Cao Nguyên mở đầu vào ngày 4.9.1970. Quân CS bao vây một đơn vị VNCH, với hi vọng sẽ nuốt chửng sự tự vệ của quân đội Miền Nam Việt-nam. *Hà Nội lớn giọng cho rằng đó là trận mở màn cho một Điện Biên Phủ thứ hai, để họ tìm lấy sự chiến thắng chung cuộc. Nhưng Ben Het đã không bị thất thủ và sau hai tháng bao vây, họ (Cộng quân) phải rút lui**271 [*271: *Lost Victory*, Cuộc chiến thắng bị bỏ lỡ, Nguyễn Vạn Hùng dịch, trang 343]. Chính Hà Nội tuyên bố là họ mở trận Điện Biên Phủ thứ hai để đánh vào Quân Lực VNCH. Võ Nguyên Giáp và các tướng lãnh đàn em đã thất bại trong trận này, tại sao thế giới bỏ lơ điều này (và nhiều chiến tích nữa), còn chúng ta, tại sao không nêu lên để làm rạng danh cho Quân Lực VNCH (đại cuộc), mà chỉ nghe nhắc đến những lời than phiền trách cứ lẫn nhau (tiểu tiết). Người Pháp không viết nhiều về trận Waterloo, cũng như Việt Cộng không viết về Quảng Trị, Kontum, An Lộc, Ben Het, nhưng chúng ta phải nhắc đến.

Hai trận đánh trên đất Lào và Miền của Miền Nam là nhằm làm tiêu hao lực lượng quân sự và nhất là tiếp liệu của Cộng Sản. Chẳng bao lâu, vào đầu năm 1972, để hỗ trợ cho tiếng nói tại hòa đàm Paris, Võ Nguyên Giáp của Bắc Việt đã mở một lượt ba trận đánh: Về phía Bắc, đánh thẳng từ Bắc xuống Nam vào tỉnh Quảng Trị, miền Trung, một mũi tấn công từ biên giới Cam Bốt đánh qua phía Kontum Pleiku, và tại phía Nam một mũi tấn công vào tỉnh Bình Long. Phải chăng để dò dẫm về thái độ của Hoa Kỳ, và thành quả thực sự của cuộc Việt-nam hóa chiến tranh, Bắc Việt đã tung ra một cuộc trong tấn công được coi là có tính toán rất kỹ lưỡng về mặt chiến lược. Một yếu tố quan trọng nữa, đây là lần đầu tiên, họ dùng chiến xa của Liên Xô. Như đã nói ở phần trên, Hoa Kỳ chẳng lên tiếng về vụ vi phạm trầm trọng này. Do đó, Bắc Việt càng đẩy mạnh cuộc tấn công, không sợ sự tham gia của Bộ Binh Hoa Kỳ.

Mặt trận giới tuyến Quảng Trị

Theo tài liệu của Harry G. Summers, Jr. trong *Historical Atlas of the Vietnam War*, Võ Nguyên Giáp đã tung ra một lực lượng tương đương với 20 Sư Đoàn (khoảng 125.000 binh sĩ, có sách nói 200.000) với sự yểm trợ của chiến xa. Bất chấp Hiệp Định Genève, và không cần biết đến vùng Phi Quân Sự giữa hai miền Nam và Bắc VN (chắc hẳn là có sự đồng thuận của Kissinger), ngày 30.3.1972, Bắc Việt đã tung 3 Sư Đoàn và 5 Trung Đoàn với sự tham dự của chiến xa Liên Xô PT-76, T-54, vượt giới tuyến, tấn công thẳng từ phía Bắc xuống Nam, vào tỉnh Quảng Trị. Về phần Miền Nam, lúc này Hoa Kỳ đã rút gần hết binh sĩ bộ binh của họ ra khỏi VN, không còn tham chiến trên bộ nữa. Để phòng

thủ vùng giới tuyến, Quân Lực VNCH lúc bấy giờ có Sư Đoàn 3 Bộ Binh tân lập, được tăng phái 1 Liên Đoàn Biệt Động Quân, 2 Lữ Đoàn Thủy Quân Lục Chiến, và 1 Lữ Đoàn Thiết Giáp, cùng với các đơn vị Địa Phương Quân và Nghĩa Quân.

Trong tuần lễ đầu tiên, quân Bắc Việt đã tiến nhanh vì Miền Nam không thể ngờ được Bắc Việt dám ngang nhiên vượt vùng Phi Quân Sự, với quân số đông đảo, và nhất là có chiến xa yểm trợ. Tuy nhiên, cuộc tấn công này đã gặp một sức kháng cự quyết liệt. Sau đó, cuộc chiến thắng của Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa tại hai trận Đông Hà và Phụng Hoàng đã làm khựng lại bước tiến quân của Bắc Việt trong ba tuần lễ. Theo lời kể lại của Tướng Lâm với chúng tôi, Cố Vấn Hoa Kỳ đã yêu cầu Tướng Giáp rút quân. Phải chăng, Hoa Kỳ đã cố tình để cho Hà Nội dùng quân sự cùng với Hoa Kỳ áp lực Miền Nam phải ký Hiệp Định Paris (?). Vào ngày 23.4.1972, Bắc Việt tăng cường thêm quân số để tiến chiến thị xã Quảng Trị: Huế bị đe dọa. Một chi tiết cần ghi lại nơi đây là dưới trận mưa đạn của quân Bắc Việt, dân chúng đã chạy về hướng Nam theo Quốc Lộ 1. Pháo binh Bắc Việt đã nả súng vào đoàn người tị nạn này, khiến hàng chục ngàn thường dân vô tội gục ngã, thấy người chồng chết ngổn ngang, trẻ thơ khóc than bên xác mẹ..., *cảnh tượng thật dã man, rùng rợn khiến sau này, đoạn đường này mang tên Đại Lộ Kinh Hoàng, một chiến tích giết thường dân của Cộng Sản Bắc Việt, không được giới truyền thông Hoa Kỳ trình chiếu.*

Ngày 2.5.1972, TT Thiệu đã điều động Trung Tướng Ngô Quang Trưởng ra Huế thay Trung Tướng Hoàng

Xuân Lâm. Trung Tướng Trưởng, Tư lệnh Quân Đoàn IV và Vùng IV chiến Thuật (Miền Tây) ra Huế với nhiệm vụ là tái lập trật tự tại đây.

Hai Sư Đoàn tổng trừ bị, Sư Đoàn Dù và Thủy Quân dưới quyền sử dụng của Tướng Trưởng. Một Sư Đoàn Bộ Binh khác từ Vùng IV đồng bằng sông Cửu Long (Sư Đoàn 21 Bộ Binh) đang được đặt trong tình trạng báo động, dự trừ sẽ được bốc luôn ra Huế, thì bất thành linh địch quân tấn công vào An Lộc, bao vây thị trấn này, đe dọa Sài Gòn vốn chỉ cách đó trên dưới một trăm cây số. Tình hình lúc bấy giờ hết sức căng thẳng, và nếu trễ nửa giờ nữa thì không còn kịp cho ngưng chuyển đi ra Huế của sư Đoàn 21 Bộ Binh nói trên, để chuyển hướng cho Sư Đoàn này thẳng lên An Lộc nhằm bảo vệ cho thủ đô Sài Gòn.

Ngày 28.6.1972, Tướng Trưởng đã bắt đầu phản công, chiếm lại Quảng Trị vào ngày 16.9.1972. Trận đánh cổ thành Quảng Trị đã chứng minh cho mọi người thấy khả năng của Quân Lực Việt-nam Cộng-Hòa. Đa số các căn cứ hỏa lực thuộc vùng Phi Quân Sự được tái chiếm. Đến cuối tháng 10, Vùng 1 đã được ổn định. *Qua trận thu hùng này, Quân Lực Việt-Nam Cộng-hòa đã xóa bỏ huyền thoại của các Tướng Bắc Việt như Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng, Chu Trọng Tấn ...* Theo tài liệu của Harry G. Summers, Jr. trong *Historical Atlas of the Vietnam War*, Võ Nguyên Giáp đã mất việc (cost General Vo nguyên Giáp his job) và Hà Nội phải lùi lại cuộc xâm chiếm Miền Nam ba năm sau (set back North Vietnam's conquest of South Vietnam for another three years) *Nhưng, nào ai nhắc tới!?* Giới truyền thông Hoa Kỳ chỉ sản tin những trận Miền Nam thua, chứ không ghi hình ảnh thắng trận.

Mặt trận Kontum

Ngày 12.4.1972, với 2 Sư đoàn, Bắc Việt mở một mũi tấn công từ biên giới Cam Bốt đánh qua phía Kontum Pleiku, nhằm vào cứ điểm chính Đakto-Tân Cảnh, và một sư đoàn đánh vùng duyên hải, thuộc Bắc Bình Định. Lực lượng trú phòng của Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa tại vùng này là Sư Đoàn 22 Bộ Binh, và 2 Trung Đoàn. Ngày 25.4.1972, Tân Cảnh thất thủ. Xin nhắc lại một lần nữa là, quân phòng thủ Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa lúc nào cũng phải chịu cảnh bị tấn công trước, chiến trường do Bắc Việt chọn lựa với mưa pháo và biển người. Phải can trường lắm họ mới có thể chịu đựng áp lực này trong 20 năm chinh chiến, ít người nhận ra được khía cạnh tâm lý này. Từng đợt liên tiếp, các cuộc tấn công này càng ngày càng mạnh. Đồng thời, Sư Đoàn 3 Bắc Việt tại duyên hải cắt đứt Quốc Lộ 1, đường tiếp tế duy nhất từ Bắc xuống Nam. Gọng kìm siết dần chung quanh thị trấn Kontum. TT Thiệu chỉ định Thiếu Tướng Nguyễn Văn Toàn thay thế Trung Tướng Ngô Du. Áp lực đè nặng lên vùng này đến độ phải đưa Sư Đoàn 23 Bộ Binh do Đại Tá Lý Tòng Bá chỉ huy từ Ban Mê Thuột đến trấn giữ. Chiến tranh diễn ra ác liệt, và ngày 28.5.1972, sau một trận đánh qua từng nhà trong thị xã, Kontum được giải tỏa. Đại Tá Bá đã được TT Thiệu vinh thăng cấp Tướng tại chiến trường. Sau đó, Sư Đoàn 22 được chỉnh trang, và hành quân lấy lại Bắc Bình Định (sẽ nói chi tiết hơn ở phần Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa), loại bỏ ý đồ của Tướng Giáp muốn cắt đôi Miền Nam Việt-nam. Trong “Trial by Fire”, Dale Andrade đã ghi: *Không cắt đôi được Nam Việt-nam, quân*

bắc Việt không chiếm được một thị xã duy nhất nào, và đã thất bại trong quyết tâm đánh bại bất cứ một đơn vị chiến đấu chính nào của Miền Nam (Far from cutting South Vietnam in two, the NVA did not capture a single province capital, and failed to decisively defeat any major South Vietnamese combat unit).

Mặt trận Bình Long

Ngày 2.4.1972, Bắc Việt đã sử dụng 3 Sư Đoàn có chiến xa T-54, PT-76 trợ chiến cho cuộc hành quân này, bắt đầu tấn công và tràn ngập quận Lộc Ninh, sau đó, tiến về thị xã An Lộc. Ý đồ của Bắc Việt là sẽ đánh chiếm tỉnh Bình Long, lấy thị xã An Lộc làm thủ đô cho Chính Phủ Lâm Thời Cộng-hòa Miền Nam Việt-nam của họ mới thành lập cho Mặt Trận Giải Phóng miền Nam, để tham dự Hòa Đàm Paris: An Lộc chỉ cách Sài Gòn khoảng 130 cây số về phía Bắc. Lực lượng phòng thủ của Quân Lực Việt-nam Cộng-Hòa trong khu vực gồm Sư Đoàn 5 Bộ Binh, tăng cường với 2 Chiến Đoàn của Sư Đoàn 18, Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân, Thiết Đoàn 1 Kỵ Binh, 8 Đại Đội Địa Phương Quân và Nghĩa Quân. Ngày 7.4.1972, Cộng Quân chiếm phi trường Quản Lợi, cắt các phi vụ tái tiếp tế cho An Lộc. Như đã nói ở trên, Sư Đoàn 21 Bộ Binh, dự trù sẽ được bốc ra Huế, thì bất thành linh địch quân tấn công vào An lộc, bao vây thị trấn này, đe dọa Sài Gòn. Tình hình lúc bấy giờ hết sức căng thẳng, và nếu trễ nửa giờ nữa, thì không còn kịp cho ngưng chuyển đi ra Huế của Sư Đoàn 21, để chuyển hướng cho sư đoàn này thẳng lên An Lộc nhằm bảo vệ cho thủ đô Sài Gòn. Lữ Đoàn 1 Dù, sau đó, cũng được tăng viện cho mặt trận An Lộc.

Ngày 19.4.1972, Cộng Quân tấn công và chiếm phía bắc An Lộc. Với 7.000 quả đạn pháo kích yểm trợ, Cộng Quân tấn công đợt 2 vào ngày 11.5.1972, nhưng vẫn thất bại. Ngày 12 và 14.5.1972, Cộng Quân lại cố gắng tấn công đợt 3, nhưng đã bị phản công đẩy lui, và An Lộc được giải tỏa vào ngày 11.7.1972, sau 95 ngày bị vây hãm và bị pháo kích như mưa. Tướng Lê Văn Hưng của Sư Đoàn 5 cùng với Đại Tá Trần Văn Nhứt, Tỉnh trưởng tỉnh Bình Long đã điều động quân để tử thủ. Trong thời gian còn đang giao tranh, TT Thiệu đã đến để khen thưởng binh sĩ, và các Tướng ngoại quốc như Hoa Kỳ, Pháp đều có đến nơi để quan sát. Đây là một trận đánh kinh hồn và khiếp đảm nhất, với những trận pháo kích như mưa, trận chiến, tiếp tế bằng dù..., mà Tướng Pháp Vanuxem so sánh trận này còn hơn Điện Biên Phủ năm 1954, vì hoả lực, quân số của Cộng Quân nhiều hơn, Quân Lực VNCH, ngoài nhiệm vụ phòng thủ chiến đấu với địch, còn phải lo cho dân chúng. Tướng Vanuxem viết: *Sự việc xảy ra sau đó là một điều phi thường. Và đây là một điểm son danh dự dành cho Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa và cấp chỉ huy trong quân đội trẻ trung này** 272. [*272: *La Mort Du Vietnam*, Vanuxem, trang 87-89] Sở dĩ tên tuổi của Võ Nguyên Giáp nổi như cồn qua trận Điện Biên Phủ vì trận này kết thúc chiến tranh, và phần thắng lợi đem lại cho Hà Nội. Còn An Lộc, Tướng Giáp thua và bị hạ tầng công tác, nhưng chẳng ai nhắc đến những anh hùng của Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa đã hạ Giáp cùng các tướng tùy tùng, phải chăng vì miền Nam đã bị cưỡng chiếm sau đó vào năm 1975. Sau cuộc chiến, thị xã An Lộc chỉ còn là một khoảng đất trống gạch đá đổ

nát, và vắng vắng trong gió bay câu thơ của một cô con gái khóc thương người yêu đã hy sinh đền nợ nước:

An Lộc địa sử ghi chiến tích

Biệt Kích Dù vị quốc vong thân.

Trong hồi ký, Tướng Trần Văn Nhứt cho biết, chính Tướng Vanuxem đã đề nghị với TT Thiệu để ông đi nhận nhiệm vụ Sư Đoàn Trưởng Sư Đoàn 2 BB.

Tổng kết ba trận đánh năm 1972, thường được gọi là Mùa Hè Đỏ Lửa, Harry G. Summers, Jr. viết rằng, *Tướng Võ Nguyên Giáp đã tung ra 200.000 quân để xâm chiếm Miền Nam, và đã mất hết 100.000 quân, với 50% chiến xa, và vũ khí nặng... Võ Nguyên Giáp đã mất việc (cost General Vo nguyên Giáp his job) và Hà Nội phải lùi lại cuộc xâm chiếm Miền Nam ba năm sau (set back North Vietnam's conquest of south Vietnam for another three years)*

Thất bại quân sự, Hà Nội phải trở lại ngôi vào bàn Hội Nghị, nhưng lại nhờ Nga mặc cả với Hoa Kỳ.

*Bunker thông báo cho Tổng Thống Thiệu rằng Nixon nhận được thư riêng của lãnh tụ Nga Sô Brezhnev thúc hối Nixon tuyên bố trước khi có cuộc hội họp thượng đỉnh (dự trù vào ngày 22. 5.1972) rằng Hoa Kỳ sẽ trở lại bàn Hội Nghị vào đầu tháng 6/1972. Nếu Nixon thực hiện việc này, Nga Sô sẽ áp lực Bắc Việt vào bàn Hội Nghị không cần có điều kiện tiên quyết *273 [*273: No Peace, No Honor, Larry Berman, trang 134]. Giọng lưỡi Cộng Sản giống đúc nhau, vì cùng xuất thân từ Trường Đại Học (gian dối) Cộng Sản mà ra, lúc thì bảo “không có quyền hạn với Hà Nội, khi thì bảo sẽ áp lực Bắc Việt”.*

Tuy nhiên, Miền Nam bị mất đi một phần lãnh thổ, vì Hiệp Định Paris sau đó, đã cho phép các lực lượng Bắc Việt

đóng quân tại chỗ và Quân lực Việt-nam Cộng-hòa không được tiến đánh.

Hiệp Định Paris, 27.1.1973

Ngày 3.5.1968 Hoa Kỳ và Việt Nam đồng ý họp tại Paris, và cuộc họp đầu tiên được dự định vào ngày 9.5.1968. Xuân Thủy, trưởng phái đoàn thương thuyết của Hà nội ghé Bắc Kinh để gặp Chu Ân Lai hai ngày trước khi lên đường đến Paris.

Nếu ngoài Bắc, Hà Nội chỉ *tuân lệnh* của Nga Sô và Trung Cộng, không phải dằn co gì trong việc Hòa Đàm, trong Nam, ông Thiệu đã bị áp lực nặng nề của Hoa Kỳ. Ông Thiệu đã chỉ vào bản đồ và nói với Kissinger rằng, Hoa Kỳ chẳng hề gì khi một nước nhỏ như Việt-nam bị mất. Chúng tôi chỉ là một chấm nhỏ trên bản đồ thế giới. Nếu ông từ bỏ cuộc chiến đấu, chúng tôi sẽ chiến đấu một mình cho đến khi hết tài lực, và chúng tôi chết. Chính sách quốc tế của Hoa Kỳ là *tự quyền khiêu vũ (dance)* với Moscow và Bắc Kinh, để hoàn thành chiến lược mới. Nhưng với chúng tôi, đây là sự chọn lựa giữa sống và chết. Đối với chúng tôi, ký Hiệp định này là đã đầu hàng, nhận bản án tử hình, bởi vì *sống không có tự do là đã chết*.

Kissinger đã nói thẳng thừng với Hoàng Đức Nhã: *Nếu Tổng Thống (Thiệu) chọn lựa hành động như một thánh Tử Đạo, ông sẽ không được những gì ông muốn. Nếu cần, Hoa Kỳ có thể ký một Hiệp ước riêng rẽ với Hà Nội. Phần tôi, tôi sẽ không bước đến Sài Gòn nữa* *274 [*274: No Peace, No Honor, Larry Berman, trang 169]. Luôn luôn chính phủ Hoa Kỳ dùng lá bài viện trợ như là sức mạnh vô song để ép chính phủ Thiệu phải ký vào Hiệp Định Paris. *Không ký chết ngay, ký sẽ chết từ từ*. Chính Colby cũng đã viết : *Dĩ*

*nhiên, ai cũng biết rằng TT Thiệu không chịu Hiệp định vì mọi điều khoản trong Hiệp Định tạo điều kiện thuận lợi cho Bắc Việt thôn tính miền Nam khi Hoa kỳ đã rút quân hoàn toàn ra khỏi Việt-nam. Tổng thống Nixon đã ép buộc Tổng Thống Thiệu: Tổng Thống phải quyết định ngay bây giờ hoặc Tổng Thống muốn tiếp tục là đồng minh của chúng tôi hay muốn tôi xếp đặt với kẻ thù để chỉ phục vụ cho quyền lợi của Hoa kỳ mà thôi... tôi cam kết sẽ tiếp tục giúp đỡ sau này, và Hoa Kỳ sẽ trả đũa bằng toàn sức mạnh (full force) nếu Bắc Việt vi phạm Hiệp Định... Nếu cần thiết tôi sẽ ký (Hiệp định) một mình. Trong trường hợp này, tôi sẽ giải thích công khai rằng chính phủ của Tổng thống đã ngăn cản hòa bình. Kết quả hiển nhiên là sự chấm dứt tức khắc sự viện trợ kinh tế và quân sự *275. [*275: Lost Victory, William Colby. trang 341-342]*

Sau 12 ngày dội bom ngoài Bắc với chiến dịch Linebacker II, Hà Nội tức khắc chịu ngồi vào bàn Hội Nghị và tiến đến việc ký Hiệp Định Paris vào ngày 27.1.1973. Nếu có trình độ quân sự cao cấp, và với một nhận định thông thường, chúng ta có thể biết được (dĩ nhiên, Bắc Việt và khối Cộng cũng biết được) cách thức dội bom từ từ tiến dần từ Hải Phòng hướng về Hà Nội là để buộc Hà Nội ký hiệp định, chứ không phải là một cuộc dội bom dứt điểm khiến địch quân phải đầu hàng. Hà Nội đã dùng đúng lúc để không phải đầu hàng, và ký Hiệp Định Paris với Hoa Kỳ dưới áp lực của Hoa Kỳ chẳng khác gì trước kia Pháp phải ký Hiệp Định Genève với Việt Minh sau khi Điện Biên Phủ thất thủ.

Như đã đề cập ở phần trước, Hoa Kỳ, qua bàn tay của Kissinger, đã điều hành mọi tiến triển của hòa đàm Paris qua mặt cả Nixon và Thiệu. Phía Việt-Nam Cộng-

hòa không hề biết rằng, trong những cuộc mật đàm giữa Kissinger và Lê Đức Thọ ngày 16-8-1971, Hoa Kỳ hứa sẽ rút hết quân đội Mỹ trong vòng chín tháng sau khi có Hiệp Định. Trong lúc đó, đến tháng 1.1972, Nixon mới tuyên bố rằng đã có mật đàm với Lê Đức Thọ. Trước khi đi Trung Cộng và Nga Sô, ngày 2.1.1972, Nixon đã gởi cho ông Thiệu một lá thư cam kết, những chuyến đi này sẽ không làm phương hại gì đến Đồng Minh của Hoa Kỳ, và hứa hẹn vẫn giúp đỡ Miền Nam. Ông Thiệu đã nghĩ thấy mùi nguy hại rồi, nhưng vẫn tin vào lời hứa của Nixon, vì tin vào món nợ giúp Nixon thắng cuộc bầu cử năm 1968. Ông Thiệu giúp Nixon để chống lại kế hoạch hòa bình của Johnson (sau là Humphrey, vì Johnson không tái ứng cử) với hy vọng, *nếu Nixon trúng cử, Miền Nam ít nhất còn có thêm được bốn năm không bị Cộng Sản cưỡng chiếm*. Trong lúc đó, tình báo Nga Sô, Trung Cộng hoạt động tại Hoa Kỳ đã cố giúp ứng cử viên Humphrey, và thúc đẩy phong trào phản chiến...

Với tình hình của hòa đàm, ông Thiệu không còn trông mong ở sự giúp đỡ của Hoa Kỳ (Nixon) để chiến thắng quân sự nữa. Bây giờ, hai chữ *liên hiệp* là mối lo to lớn nhất của ông Thiệu dựa trên quá trình thủ tiêu đối lập của Cộng Sản Việt-nam. Trong tiến trình hòa đàm, giữa Hoa Kỳ và miền Nam luôn luôn căng thẳng. Xin đọc quyển *Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập (The Palace File)* của Nguyễn Tiến Hưng và Jerrold L. Schecter để biết rõ hơn về áp lực của Hoa Kỳ đối với ông Thiệu trong việc ký kết Hiệp Định Paris (cắt viện trợ, dọa đơn phương ký kết, dự trù kế hoạch đảo chánh, ám sát).

Hiệp định Paris có hiệu lực ngày 23.1.1973. Đối với Hoa Kỳ, Hiệp Định này chỉ nhằm mục đích chấm dứt sự dính líu của Hoa Kỳ tại Việt-nam và đưa tù binh Mỹ về nước. Nhưng đối với Miền Nam, đó thực sự là một bản án tử hình. Hoa Kỳ rút quân, không có viện trợ, Miền Nam không thể kham nổi tổn phí quá to lớn của *cuộc chiến tranh qui uốc* mà Hà Nội đã tung toàn lực quân sự xâm lăng miền Nam, lực lượng hùng mạnh hơn xa thời chiến tranh với Pháp.

Chúng ta hãy đọc đoạn văn sau đây của Westmoreland để biết được rằng Hoa Kỳ không những đã dự định bỏ rơi Việt-nam Cộng-hòa mà còn không muốn giúp Miền Nam lớn mạnh để đủ sức chống với Cộng Sản sau khi Hoa Kỳ rời Việt-nam: *Tôi cũng nhấn mạnh rằng chúng ta phải tránh không nên thúc bách Tổng Thống Thiệu phải chấp nhận sự nhượng bộ nào hết vì như vậy, chẳng khác nào chấp nhận luận điệu của Cộng Sản, cho rằng chính phủ ông ta là chính phủ bù nhìn của Hoa Kỳ, khiến cho ông ta mất mặt và làm tổn thương uy tín của chính phủ ông. Không khéo, sẽ có xáo trộn chính trị như những năm trước, càng dễ làm môi cho Cộng Sản thôn tính. Tôi vạch rõ rằng, sự hiện diện của quân Bắc Việt tại Miền Nam là một trong hai con bài tẩy của Bắc Việt, con bài thứ hai là số tù binh Mỹ đang bị họ cầm giữ. Vì vậy, chúng ta phải tìm con bài tẩy của mình để đối lại: tiếp tục ném bom ô ạt, tiếp tục yểm trợ quân sự và kinh tế cho Miền Nam, đồng thời gây dựng cho Không Quân Việt-nam một sức mạnh thực sự để đủ sức yểm trợ cho mọi cuộc hành quân của quân đội Việt-nam Cộng-hòa trên toàn lãnh thổ... Mặc dầu, Tổng Thống đã nói với tôi rằng, ông đồng ý quan điểm của tôi, nhưng... sau đó tôi được tường thuật lại nội dung: Đó là, chúng tôi sẽ rút chân ra khỏi*

Việt-nam và mặc kệ cho hai miền Nam và Bắc xử với nhau thế nào thì tùy ý *276. [*276: Westmoreland, tranh 571]

Xin đọc kỹ lại đoạn trên một lần nữa, để thấy rõ thân phận nước nhược tiểu của chúng ta (Miền Nam), mà, vì tình cờ của lịch sử, đã phải gánh trách nhiệm ngăn chặn sự bành trướng của Cộng Sản Quốc Tế với một người bạn đã bỏ cuộc nửa đường. Tiềm năng của lực lượng tấn công Bắc Việt có viện trợ quân sự gần 1 tỉ Đô La trong một năm, số lượng binh sĩ không giới hạn, binh sĩ của họ không lãnh lương, không trợ cấp gia đình, không lãnh tiền tử. Ngược lại, về phía Miền Nam, nếu không có viện trợ, lấy gì Miền Nam có thể phòng thủ, không sớm thì muộn, chúng ta cũng phải thua, khi hết tiếp liệu, không súng đạn, không xăng nhớt và cơ phận thay thế cho xe vận tải, máy bay, tàu thủy, không tiền bạc cho binh sĩ cán bộ, sửa chữa cơ sở phòng thủ, lo cho nạn nhân chiến cuộc... Viễn tượng thật đen tối, nhưng không có lối thoát.

Bang giao giữa Việt-nam Cộng-hòa và Hoa Kỳ

Như đã nói từ đầu, chúng tôi chỉ muốn đi tìm nguyên nhân sâu xa của sự sụp đổ nhanh chóng tại Miền Nam mà thôi. Muốn vậy, phải trở về nguồn gốc của sự kiện, chúng ta mới tìm ra được những sự thực không thể chối cãi, và không thể thay đổi được. Đó là Miền Nam Việt-nam đã đi vào công cuộc chống Cộng (không có Cộng, lấy gì để chống), và phải dựa vào ngoại viện, vì không có viện trợ của thế giới Tự Do, căn bản là của Hoa Kỳ, Miền Nam đơn phương, không thể ngăn cản nổi làn sóng đỏ Cộng Sản Quốc Tế với nguồn viện trợ dồi dào, không đặt điều kiện. Từ đó, đưa đến hệ lụy là theo dòng lịch sử, mỗi vị nguyên thủ quốc gia tại Miền

Nam, tùy theo quan niệm của họ đối với thái độ viện trợ của Hoa Kỳ, phải tự mình quyết định phương thức để cứu Miền Nam, đúng hay sai xin độc giả tự chọn cho mình một quyết đoán.

Chính phủ Ngô Đình Diệm đặt mục tiêu *chống Cộng lên hàng đầu*, nhưng khi bị Hoa Kỳ chèn ép vì sách lược chiến tranh khác nhau (đụng chạm đến tinh thần Độc Lập quốc gia của ông Diệm), đã chống lại Hoa Kỳ, và sau cùng, biết sẽ không chống nổi, nên đã chấp nhận đề nghị của Pháp, liên lạc với Miền Bắc để tìm một thỏa hiệp. Dĩ nhiên, thỏa hiệp này đi ngược lại với quyền lợi của Hoa Kỳ, vì trong thời điểm bấy giờ, Hoa Kỳ chưa có quyết định bỏ cuộc trên con đường chống lại sự bành trướng của Cộng Sản, khiến tạo nên lý do của giọt nước cuối cùng để cho Hoa Kỳ, các Tướng Lãnh, và các lãnh tụ chính trị, tôn giáo Miền Nam cùng nhau lật đổ chính phủ ông. Các chính phủ kế tiếp, không tồn tại được lâu dài vì khủng hoảng chính trị. Sau cùng là chính phủ Nguyễn Văn Thiệu, đã uỷ chuyển nhân nhượng chủ quyền lãnh đạo chiến tranh với Hoa Kỳ, để nhận viện trợ mà chống Cộng. Tuy nhiên, khi *nhu cầu chống sự bành trướng của Cộng Sản tại Việt-nam* (nhấn mạnh là *tại Việt Nam*) *không còn ưu tiên cao*, so với sự xáo trộn, chia rẽ nội bộ của quốc gia, kinh tế suy thoái, Hoa Kỳ đã rút quân, cắt viện trợ.

Bên cạnh sự đối đầu quân sự với Cộng Sản, ông Thiệu còn phải luôn luôn phòng ngừa đảo chánh do Hoa Kỳ, Pháp chủ trương, qua sự cộng tác của các thành phần nhân sự Việt-nam hoặc đầu cơ chính trị, hoặc ấu trĩ trước sự lừa gạt của Bắc Việt trong sự đòi hỏi thay thế Tổng

Thống Thiệu bằng tướng Dương Văn Minh. Ngày 2.4.1975, Thomas Polgar, trưởng CIA tại Sài Gòn đề nghị lật đổ ông Thiệu, tránh đường cho Big Minh (Tướng Dương Văn Minh) lãnh đạo hầu có thể dàn xếp, ngăn chặn sự xâm lăng của Bắc Việt. Kissinger yêu cầu Martin hãy đợi để ông ta nói chuyện với ngoại trưởng Nga Dobrynin. Nội dung cuộc nói chuyện không được tiết lộ. Ngày 19.4.1975, Đại Sứ Martin đến gặp ông Thiệu và nói rằng nếu ông ta từ chức, Hoa Kỳ sẽ bảo đảm sự an toàn cho ông ta. Lúc này, Hoàng Đức Nhã đang ở Singapore. Ông Nhã được tin xác nhận về kế hoạch đảo chánh. Ông Nhã gọi báo tin cho ông Thiệu rằng, Hoa Kỳ lại làm một chuyện ấu trĩ nữa để cứu cái gọi là Hiệp Định Hòa bình. Đảo chính dự trù vào ngày 23.4.1975. Nhưng vào ngày 21.4, trước hai ngày, TT Thiệu loan báo từ chức; Toà Đại Sứ Hoa Kỳ chỉ biết quyết định này của ông Thiệu vài giờ trước khi ông tuyên bố. Đại Sứ Martin đã đưa ông Thiệu sang Đài Loan vào ngày 25.4. Ông Thiệu bỏ nước ra đi vì không muốn bị lật đổ, và bị giết như ông Diệm.

Bang giao giữa Việt Nam Cộng-hòa và Pháp

Trong lúc đó, Đại Sứ Pháp Mérillon liên lạc với Đại Sứ Nga, ông viết: *Tại Hà Nội, công cuộc vận động Đại Sứ Nga được xem là mấu chốt của vấn đề. Nhưng Đại Sứ Nga Malichev từ chối, nói rằng: “Chủ quyền xây dựng chính thể Việt-nam do Đảng Cộng Sản Bắc Việt quyết định. Ngoài tình hữu nghị cũng như các liên hệ giúp đỡ Việt-nam, Nga chẳng có quyền hạn gì cả”. Lời tuyên bố đó giống như một kẻ ăn trộm nho bị bắt quả tang rành rành mà vẫn cứ chối bai bãi là mình chỉ đi dạo mát trong vườn nho thôi! Chẳng gì chúng tôi cò đầy đủ tin*

tức tình báo nói rõ, có tới 5 vị Tướng Nga có mặt trong Bộ Chỉ Huy Chiến Dịch Hồ Chí Minh tại chiến trường Long Khánh. Không lẽ 5 vị Tướng đó chỉ ngồi uống nước trà, nói chuyện chơi với Văn Tiến Dũng hay sao *277 [*277: Trống Đồng, trang 74. Hãy so sánh thái độ của Nga đối với Bắc Việt và Mỹ đối với Nam Việt để có thể thấy được cái khó khăn của Miền Nam.] Như chúng ta đã biết, trong giai đoạn này, ảnh hưởng của Nga đối với Hà Nội mạnh hơn của Bắc Kinh. Đại Sứ Pháp liên lạc với Trung Cộng, Mặt Trận giải Phóng Miền Nam và đã được đồng ý tiến đến giải pháp Hòa Hợp Hòa Giải Dân Tộc (Nga Sô và Trung Cộng tranh giành ảnh hưởng). Đại Sứ Pháp Jean Marie Mérillon, mời Hoàng Đức Nhã, Cố Vấn của TT Thiệu, tham gia vào lực lượng Thứ Ba để tham gia vào chính phủ ba thành phần. Đại Sứ Mérillon cho biết Hà Nội đã đồng ý như vậy, và ông cũng đã báo cho Đại Sứ Hoa Kỳ Martin. Ông Nhã đã từ chối, và nói rằng Mérillon đã ngây thơ tin vào Hà Nội*278 [*278: *No Peace, No Honor*, Larry Berman, trang 267]. Mérillon cũng tiếp xúc với Trần Văn Hương để yêu cầu ông Hương trao quyền lại cho ông Minh khi ông Thiệu từ chức. *Trần Văn Hương sừng sốt và tỏ lời khiển trách: Nước Pháp luôn bẻ nho trái mùa! Tuồng chọn ai, chó chọn Dương Văn Minh! Nó là học trò tôi, tôi biết nó quá mà! Nó không phải là hạng người dùng trong lúc dầu sôi lửa bỏng...**279 [*279: Trống Đồng, trang 77] Trong lúc đó, Tướng Kỳ liên lạc với Tham Mưu Trường Liên Quân Cao Văn Viên nhằm lật đổ ông Thiệu. Mérillon đã sắp đặt kế hoạch với Dương Văn Minh (1) thành lập chính phủ Hòa Giải gồm có cả Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, (2) bỏ ngỏ Sài Gòn, kéo quân về Vùng

IV, kể cả Không Quân và Hải Quân, Bắc Việt không có lý do phá hủy Sài Gòn, (3) liên lạc thường xuyên với Tướng Nguyễn Khoa Nam, chỉnh đốn quân đội với sự trợ giúp của 5 tướng Pháp hiện đã có mặt tại Sài Gòn, viện trợ 300 triệu sơ khởi và 290 triệu từ Âu Châu... thay thế viện trợ của Hoa Kỳ. Ông Minh đã nhận lời làm theo kế hoạch.

Ngày 22.4.1975, Mérillon đã mời phái đoàn của Dương Văn Minh vào Tòa Đại Sứ Pháp. Mérillon cho biết: *Phái đoàn này có nhiều nhân vật còn đang tập sự làm chính trị, những kẻ chuyên sống nhờ vào xác chết của đồng bào họ: Huỳnh Tấn Mẫn, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Ngô Bá Thành, Ni Sư Huỳnh Liên, Lý Quý Chung, Vũ Văn Mẫu, Hồ Ngọc Cự, v.v. Tôi thấy ông Dương Văn Minh đã liên kết quá vội với một thành phần vô ích. Những khuôn mặt này Bắc Việt chưa biết họ, còn công lao giúp Bắc Việt thì cũng chỉ có việc chửi tằm bầy chế độ Việt-nam Cộng-hòa**280 [280: Trống Đồng, trang 75]. Ngày 27.4.1975, Trần Văn Hương gửi văn thư cho chủ tịch Quốc Hội Trần Văn Lắm yêu cầu triệu tập Quốc Hội để biểu quyết việc trao chức vụ tổng thống cho Dương Văn Minh. Nhưng, tối ngày 27.4.1975, ông Minh điện thoại cho Đại Sứ Mérillon cho biết ông không thể hợp tác với Pháp, không cho Tướng Nguyễn Khoa Nam, tư lệnh Vùng IV giải tỏa Quốc Lộ 4 và phản công. *Mérillon lạnh lùng trả lời: Thưa Đại Tướng, chúng tôi rất lấy làm tiếc, giờ cuối chiến tranh, VN phải cần có một nhà lãnh đạo cương quyết dám dấn thân, nhưng chúng tôi lại chọn lầm một bại tướng**281 [*281: Trống Đồng, trang 83]. DV Minh nhậm chức tổng thống ngày 28.4.1975.

Mérillon bị Lê Đức Thọ đuổi ra khỏi Sài Gòn ngay. Mérillon cho biết mười năm sau, ông mới thấy kế hoạch

của Cụ Trần Văn Hương là đúng. Theo *Cụ thì giải pháp hữu hiệu là bỏ ngõ Sài Gòn, tổng động viên những vùng đất còn lại để tiếp tục đánh Cộng Sản. Chọn giải pháp này sẽ đổ máu nhiều, nhưng chiến tranh nào mà không tốn máu? It nhất Việt-nam Cộng-hòa cũng không thua một cách mất mặt.* Mérillon viết: *Sống ở Việt-nam lâu năm, tôi cảm thấy thương xứ sở này. Tội nghiệp cho họ; họ có thừa khả năng dựng nước, nhưng cái quyền làm chủ quê hương đã bị các cường quốc khác chuyển tay nhau định đoạt. Dù Mérillon có cho biết đã cố gắng giúp Việt-nam vào giờ thứ 25 với giải pháp Hòa hợp Hòa Giải Dân Tộc, Pháp cũng đã thọc gậy bánh xe, đã hái nho trái mùa, đã chọn lầm bại Tướng, và đã bị Cộng Sản lừa gạt suốt cuộc chiến, nên không thể làm gì được cho cuộc chiến Việt-nam.*

Việt Nam Cộng-hòa giờ thứ 25

Ngày 27.4.1975, Trần Văn Hương gửi văn thư cho chủ tịch Quốc Hội Trần Văn Lắm yêu cầu triệu tập quốc Hội để biểu quyết việc trao chức vụ Tổng Thống cho Dương Văn Minh. Minh nhậm chức Tổng Thống vào ngày 28.4.1975. Theo Mérillon, Trung Tá Dậu, chánh văn phòng của ông Minh, cho biết ông Minh đã đi Xuân Lộc thương thuyết với người phía bên kia. Sau khi nhậm chức Tổng Thống, Dương Văn Minh gọi cho Đại Sứ Martin bức thơ yêu cầu Hoa Kỳ rút khỏi Việt-nam trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Ngày 30.4, lúc 7:51 giờ Sài Gòn, chuyến trực thăng cuối cùng đã rời nóc nhà của Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ. Ông Minh điện đàm với Thượng Tọa Thích Trí Quang và than vãn không hiểu ý muốn của Hà Nội ra sao thì được trả lời: *Tôi là người tu hành, Đại Tướng cứ làm theo lương tri và theo ý nghĩ của Đại Tướng, và trước khi gác máy còn dặn Minh “cẩn tránh*

đổ máu” *282 [*282: *Nam Việt-nam 1954-1975*, Hoàng Lộc Hà Mai Việt, trang 335]. Ngày 30.4.1975, Dương Văn Minh đã ra lệnh binh sĩ bỏ súng đầu hàng. Chiếc xe tăng T-54 của Cộng Sản ủi sập hàng rào Dinh Độc Lập (Hà Nội dàn cảnh để thu hình), và Dương Văn Minh “*chẳng còn gì để bàn giao*”.

Tướng Pháp Vanuxem viết: *Người ta đã xé nát những hiệp ước Genève và Paris quá đắt tiền, quá vô ích, và quá lỗi thời theo đó những quốc gia có trách nhiệm bảo đảm cho sự thi hành đã không hề nhúc nhích theo đúng bốn phần của họ. Thế đấy vũ khí và võ lực đã giải quyết thay cho những nhà ngoại giao...* *283 [*283: *La Mort Du Vietnam*. Vanuxem, trang 11].

chương V. quân lực việt nam cộng hòa

Quân lực Việt-nam Cộng-hòa là chủ điểm thứ hai trong quyển sách này. Chúng tôi sẽ nói qua tiến trình thành lập, những cuộc hành quân hỗn hợp trước năm 1972, và những trận đánh từ năm 1973, song song với những biến cố xảy ra sau Hiệp Định Paris vì lúc bấy giờ, Hoa Kỳ đã rút quân hoàn toàn ra khỏi Việt-nam, và Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa đã gánh lấy mọi trách nhiệm trong các cuộc hành quân của mình.

Bước đầu chuyển tiếp thành lập

Từ năm 1950, để đối phó với sự lớn mạnh của Việt Minh, Pháp đã có ý định Việt-nam hóa chiến tranh, vì việc gọi quân từ Pháp sang sút giảm, và Pháp không dám công khai động viên sợ sự chống đối của dân chúng. Sau khi Trung Cộng thắng Tưởng Giới Thạch năm 1949, và cuộc chiến Triều Tiên xảy ra năm 1950, nước Pháp lo ngại đến sự bành trướng của CS Trung Quốc. Để nhận được

viện trợ Hoa Kỳ nhằm chống làn sóng Cộng Sản, Pháp đã nhượng bộ Hoa Kỳ bằng cách trao thẩm quyền các cơ quan cho Bảo Đại và thành lập *Quân Đội Quốc Gia Việt-Nam*, nhưng Pháp không thực lòng muốn thực hiện lời hứa trả hoàn toàn Độc Lập cho VN. Tuy nhiên giải pháp Bảo Đại *284 [*284: Bảo Đại cho rằng Việt Minh là một chế độ Cộng Sản quốc tế, không phù hợp với truyền thống cổ truyền của dân tộc VN, ông muốn Quân Đội Quốc Gia dựa vào Pháp chống Cộng và cho rằng Pháp ít nguy hiểm hơn] đã lôi cuốn được những cá nhân, tổ chức, đảng phái quốc gia đã bị Việt Minh tìm cách tiêu diệt, các lực lượng tôn giáo như Thiên Chúa Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, những gia đình trước kia đã giúp kháng chiến nhưng sau này bị Việt Minh sát hại vì họ không chịu theo CS, và không thuộc thành phần vô sản. Vì nhận thấy Pháp không thực lòng, nên: *đầu năm 1950, khi người Pháp yêu cầu Bảo Đại tuyên chiến với Việt Minh, Quốc Trưởng Bảo Đại đã chẳng những không nghe, mà còn không tích cực hợp tác với Pháp vì chưa tạo được chính nghĩa quốc gia* *285 [*285: *Quân Sử 4. Đại Nam. trang 40*]

Đây là một khúc quanh lịch sử rất quan trọng. Vì tham vọng và tự cao, Pháp đã không hiểu diễn tiến lịch sử *286 [*286: Trong phần *Lời Nói đầu*, chúng tôi đã nhấn mạnh rằng cuộc chiến tranh 1954-1975 tại Việt-nam là do sự thiếu hiểu biết của mọi người, mọi quốc gia về hoàn cảnh thế giới, bạn, thù, và Cộng Sản], để trao trả hoàn toàn độc lập cho Việt-nam, trong lúc đó, Anh trao trả Độc Lập cho Ấn Độ và Miến Điện vào năm 1947, Hòa Lan cho Nam Dương vào năm 1949. Pháp không chịu nhận thấy rằng

Hoa Kỳ chỉ viện trợ cho Pháp để chống Cộng, chứ không phải để giúp Pháp giữ vững nền đô hộ tại Việt-nam.

Cho nên, khi Pháp yêu cầu Hoa Kỳ oanh tạc vòng vây Điện Biên Phủ để giải nguy, Hoa Kỳ, viện cớ Anh Quốc không đồng ý, đã từ chối dội bom. Pháp thua trận Điện Biên Phủ, phải ký Hiệp Định Genève năm 1954, và phải rút khỏi Việt-nam. Vết nhoe lịch sử này của Pháp đã ảnh hưởng sâu đậm đến chính sách ngoại giao của Pháp đối với Hoa Kỳ và Việt-nam Cộng Hoà sau này, khi Hoa Kỳ giúp Việt-nam Cộng-Hòa chống Cộng. Pháp muốn Hoa Kỳ thất trận tại Việt-nam, phản ánh lời tuyên bố tại Paris trong một buổi tiếp tân của Tướng Pháp De Castries (Tướng đầu hàng tại Điện Biên Phủ).

Chính Tướng De Lattre De Tassigny cũng đã quan niệm, chỉ có một quân đội của người Việt mới có thể thắng cuộc chiến này. Tướng Tassigny sau khi ổn định chiến trường Việt Bắc vào giữa năm 1951, đã bay về Paris đưa kế hoạch Việt-nam hóa chiến tranh... Đó là kế sách chống Cộng của một quốc gia độc lập đương đầu với sự xâm lăng của chủ nghĩa Cộng Sản mà Việt Minh là tổ chức cầm đầu. Cho nên, phải tổ chức cấp bách một Quân Lực Quốc Gia Việt-Nam có đủ khả năng chiến đấu tự lực. Chính De Lattre đã sang Hoa Kỳ để vận động viện trợ cho Việt-Nam. Đó là khúc quanh lịch sử chiến tranh của Việt-Nam. Tuy nhiên, đó chỉ là *điều kiện cần, nhưng chưa đủ*. Phải trao trả Độc Lập cho Việt-nam, để Việt-Nam có chính nghĩa. *Tướng De Lattre De Tassigny cho thành lập Quân Lực Việt-nam vào mùa Xuân năm 1951, khi ông hiểu rằng, trong một cuộc chiến tranh cách mạng kiểu Cộng Sản,*

*một đội quân ngoại quốc dù có nỗ lực cách mấy cũng không thể thành công được, nếu không có sự trợ chiến của một quân lực người địa phương. Bởi vì chính người dân địa phương mới ý thức được nhiệm vụ giữ gìn đất nước của họ *287 [.*287: La Mort Du Vietnam, Vanuxem. trang 81.]*

Vào mùa hè năm 1951, chính phủ Quốc Gia bắt đầu thi hành lệnh tổng động viên. Tiểu Đoàn Bộ Binh đầu tiên đã được huấn luyện tại Đế đô Huế gồm 828 binh sĩ. Trung úy Tôn Thất Đình là Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 12 này. Ông viết: *Lần đầu tiên, đồng bào Huế được nhìn thấy Tiểu Đoàn hoàn toàn Việt-nam, của Việt Binh Đoàn, trong tư thế đội ngũ phân minh, với khí phách rõ ràng của người trai thời loạn, trên các nét mặt rắn rỏi, hăng say chống Cộng, quyết tâm ra đi thay thế các đoàn quân thuộc địa của Pháp. Ai cũng tưởng, từ nay, vận mệnh đất nước đang dần dần chuyển qua bàn tay cầm súng của mình, và mình sẽ làm chủ đất nước của mình, không để cho các đoàn quân viễn chinh Pháp hoành hành trên Tổ Quốc của mình nữa *288 [*288: 20 Năm Binh Nghiệp, Tôn Thất Đình, trang 37].* Xin tặng cho những ai đã dấn phá, bôn bản Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa hoặc vì thù nghịch, vì tị hiềm, hoặc vì quyền lợi cá nhân, vết son đầu tiên của Quân Đội Miền Nam, chỉ trong vòng hai tháng, Tiểu Đoàn 12 đã bình định xong toàn vùng Phân Khu Nam Đồng Hới, đẩy lui Trung Đoàn 95, 18, và 101 của Cộng Sản, bảo vệ mùa gặt, dân chúng vui mừng gặt hái, mà trước đó Quân Đội Pháp không thể nào hoàn thành được.

Vào thời buổi này, chính nghĩa quốc Gia và công cuộc chống Cộng chưa được đa số nhân dân nhận biết được, nhất là tại các vùng nông thôn. Bảo Đại đã không chính

thức tuyên chiến với Việt Minh Cộng Sản. Dù vậy, cuối năm 1952, tại các tỉnh miền Nam Việt-Nam như Gò Công, Bến Tre, Mỹ Tho, ..., Pháp bắt đầu giao chủ quyền lãnh thổ quân sự cho Quân Đội Việt-Nam. Tại những miền chuyển giao này, nhiệm vụ của Quân Đội Quốc Gia là bình định và chỉ là một lực lượng phụ thuộc vào đoàn viễn chinh Pháp, do đó, sự phát triển rất chậm. Kế hoạch bành trướng các đơn vị Việt Nam dự trù sẽ bắt đầu tháng 3.1953, và hoàn thành vào khoảng hai năm rưỡi, có nghĩa là vào khoảng cuối năm 1955.

Đây là một khúc quanh lịch sử rất quan trọng, một ngã rẽ chuyện từ *chiến tranh thuộc địa*, trước đây do Pháp thống lãnh, sang cuộc *chiến tranh chống Cộng* mà Quân Đội Quốc Gia *289 [*289: Danh xưng Quân Đội Quốc Gia (khác với quân đội cộng sản.) bắt đầu và phải gánh lấy sau này, kể từ năm 1954. Cuộc chiến Quốc Cộng xảy ra chỉ vì Hồ Chí Minh theo chủ nghĩa Cộng Sản. Đối với những cá nhân, đoàn thể, tôn giáo..., không chấp nhận chủ nghĩa Cộng Sản, để sống còn, con đường tự vệ duy nhất, là chống Cộng Sản.

Điều kiện viện trợ của Hoa Kỳ gây khó khăn cho Pháp. Hoa Kỳ muốn Pháp phải sớm cho Quân Đội Quốc Gia đứng biệt lập để tạo không khí tâm lý và chính trị thuận lợi cho công cuộc chống Cộng. Với nhịp độ phát triển này, mặc dù chậm, Pháp cũng không thể nào giúp đào tạo đủ các cấp chỉ huy từ cấp Tiểu Đoàn Trưởng trở lên *290. [*290: Trong lúc đó, vào năm 1951, Việt Cộng đã có 81 tiểu đoàn bộ binh. 12 tiểu đoàn Pháo Binh. Họ có thể mở các trận đánh trận địa chiến cấp sư đoàn, vũ khí

được trang bị đầy đủ do sự yểm trợ của khối Cộng, nhất là Trung Cộng]

Các Liên Đoàn lưu động đa số vẫn do Pháp chỉ huy. Các vùng do giáo phái kiểm soát, họ không chịu đặt mình dưới quyền của giới chức Việt-nam.

Kể từ đầu tháng 7.1952, sau khi thành lập các Quân Khu, Sư Đoàn Bộ binh Việt-nam đầu tiên được thành lập. Đến cuối năm 1954, các Sư Đoàn Việt-nam đã được tổ chức dựa theo tầm quan trọng chiến lược của Quân Khu: Đệ I Quân Khu gồm Sư Đoàn 1 và 6, Đệ II Quân Khu gồm Sư Đoàn 2, Đệ III Quân Khu gồm Sư Đoàn 3, 5, và 7, Đệ IV Quân Khu gồm Sư Đoàn 4. Trong lúc tiến hành thành lập Quân Đội Việt-nam, ngoài Bắc, một trận đánh nổi tiếng trong lịch sử chiến tranh của Pháp tại Đông Dương, Trận Điện Biên Phủ, đã làm thay đổi hoàn toàn tình hình chính trị và quân sự tại Đông Dương.

Ngày 20.11.1953, Pháp mở cuộc hành quân nhảy dù tái chiếm Điện Biên Phủ đã mất vào tay Việt Minh vào cuối tháng 11.1952. Pháp muốn dùng Điện Biên Phủ để (1) bắt buộc Việt Minh phải chấp nhận một trận thu hàng, nơi đây, Pháp có lợi thế về yểm trợ Không Quân (2) cầm chân Việt Minh tại miền Bắc không cho tiếp viện miền Trung (3) thiết lập một phòng tuyến ngăn Việt minh di chuyển qua ngã Thượng Lào (4) dùng Điện biên Phủ làm bàn đạp tấn công hậu tuyến của Việt Minh.

Đại Tá De Castries (sau thăng cấp Tướng) chỉ huy phòng thủ Điện Biên Phủ. Chiến cuộc bùng nổ mạnh kể từ ngày 13.3.1954. Hai yếu tố quân sự mà Pháp tin tưởng có thể bảo vệ Điện biên Phủ đã bị gãy đổ ngay từ đầu: (1) lực

lượng Pháo Binh của Đại Tá Piroth chỉ huy đã bị pháo binh Việt Minh làm tê liệt không có thể yểm trợ được chiến trường. Thất vọng Đại Tá Piroth đã tự tử. (2) Phi Đội 6 chiếc Bearcat, và khoảng 10 chiếc quan sát cơ không thể hoạt động hữu hiệu vì phi trường (dài khoảng 1.000M) đã bị pháo kích nặng nề khiến máy bay khó có thể lên xuống được Pháp yêu cầu Hoa Kỳ yểm trợ Không Quân, nhưng Hoa Kỳ từ chối với lý do là Anh Quốc không đồng ý *291 [*291: việc này khiến Pháp thù hận Hoa Kỳ. Ảnh hưởng đến việc Hoa Kỳ giúp đỡ Việt Nam Cộng Hòa sau Hiệp Định Genève 1954. Theo tướng Tôn Thất Đính, chỉ cần một hay hai Pháo Đài Bay B40 cũng có thể giải tỏa được sự nguy ngập này. (Hồi ký, trang số)]

Sau 56 ngày tác chiến, Việt Minh đã chiếm được Điện Biên Phủ, De Castries đã đầu hàng vô điều kiện vào ngày 7.5.1954.

Điện biên Phủ thất thủ, Hiệp Định đình chiến Genève *292 [*292: chi tiết Hiệp Định Genève nơi phụ lục] được ký vào ngày 20.7.1954 giữa Pháp và Việt Minh, chia đôi nước Việt-nam, lấy vĩ tuyến 17, nơi sông Bến Hải làm ranh giới. Các đơn vị Pháp rút khỏi Việt-nam tới cuối năm 1955 thì hết hẳn. Bộ Tư Lệnh của Pháp tại Đông Dương sau đó giải tán ngày 28.4.1956.

Nội Các Ngô Đình Diệm được thành lập ngày 7.7.1954. Vào cuối tháng 12.1954, Quân Đội Quốc Gia (không kể phụ lục quân và Giáo phái) là 156.000 người gồm 124.000 tại miền Nam vĩ tuyến 17, và 32.000 từ miền Bắc vào.

Trong khi việc tản cư dân tị nạn đang diễn tiến tốt đẹp thì ngày 8.9.1954, chính quyền khám phá ra âm mưu

nhằm lật đổ Thủ Tướng Ngô Đình Diệm của một nhóm sĩ quan thân Pháp hợp lực với một số đồng lõa người Pháp hoặc thân Pháp, Trung Tá Trần Đình Lan, trưởng Phòng 6 tình báo và Đại úy Nguyễn Văn Giai trưởng Phòng 5 Chiến Tranh Tâm Lý thuộc Bộ Tổng Tham Mưu bị bắt cùng ngày hôm ấy, và chính quyền cũng khám phá ra thiếu tướng Nguyễn Văn Hinh, Tham Mưu Trưởng của Quân Đội Quốc Gia mới thành lập trong hai năm cuối cùng của cuộc chiến Pháp-Việt, là người chủ chốt trong âm mưu đó *293. [*293: *Ngô Đình Diệm và NLHBDD*, Nguyễn Văn Châu, trang 73]

Để loại dần ảnh hưởng của Pháp, ngày 9.10.1954, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm ký nghị định, buộc Trung Tướng Nguyễn Văn Hinh, Tổng Tham Mưu trưởng, đi công cán bên Pháp. Tướng Hinh chống lại, nhưng sau cũng được dàn xếp với Bảo Đại (lúc này đang ở Pháp) để phải ra đi.

Tại Hoa Thịnh Đốn, từ ngày 27.9 đến 29.9.1954, Ngoại Trưởng Hoa Kỳ và Bộ Trưởng Pháp Quốc Hải Ngoại họp bàn và thỏa thuận: viện trợ của Mỹ cho Đông Dương sẽ được trao thẳng cho các quốc gia Đông Dương, và Mỹ đảm trách luôn việc huấn luyện, kể từ ngày 1.1.1955. Hoa Kỳ chỉ muốn duy trì khoảng 100.000 quân cho thời bình, và do đó, đầu năm 1955, chính phủ phải cho giải ngũ một số quân nhân, gây nên một số binh sĩ bất mãn.

Sát nhập lực lượng của các giáo phái

Thủ Tướng Ngô Đình Diệm muốn hình thành một Quân Đội duy nhất cho Miền Nam Việt-nam. Ba tổ chức có binh đội là Bình Xuyên *294, [*294: vào năm 1954, thủ lĩnh của Bình Xuyên là Bảy Viễn (Lê Văn Viễn), một tay

anh chị. Ban đầu, Bình Xuyên chống Pháp và cộng tác với Việt Minh. Sau biết mưu đồ của Việt Minh ngấm giết hại mình, Bảy Viễn đã về với pháp chống lại Việt Minh. Bình Xuyên được Pháp và Bảo Đại hỗ trợ nắm ngành Cảnh Sát tại Sài Gòn, mở sòng bạc Đại Thế giới, và các địa điểm ăn chơi. Được giới Hoa Kiều Chợ Lớn ủng hộ. Bình Xuyên bị đánh tan tại đô thành (5.1955) và tại Rừng Sát (10.1955)], Hòa Hảo *295 [*295: Giáo Chủ của Phật Giáo Hòa Hảo là Ông Huỳnh Phú Sổ. Vợ ông đã bị Việt Minh thủ tiêu và ông có mối bất hòa với Việt Minh, nên ông từ chối không hợp tác với Việt Minh nữa] và Cao Đài.

Ông Diệm đã ban những đặc quyền cho binh đội Hòa Hảo và Cao Đài để họ chịu sát nhập vào Quân Đội Quốc Gia. Hòa Hảo của Trung Tướng Trần Văn Soái, Hòa Hảo của thiếu tướng Nguyễn Giác Ngộ, và Cao Đài của Trung Tướng Nguyễn Thành Phương, mỗi nhóm có 3.000 người. Đầu năm 1955, ông Diệm thuyết phục được Thiếu Tướng Trình Minh Thế, thuộc nhóm Cao Đài ly khai, gồm 2.600 người, về hợp tác với chính phủ. Thêm vào đó, vào mùa Thu năm 1955, chính phủ tiếp nhận thêm 2.000 người thuộc nhóm Hòa Hảo của Thiếu Tướng Lâm Thành Nguyên. Tuy nhiên, lực lượng Bình Xuyên và nhóm Hòa Hảo của Đại Tá Lê Quang Vinh *296 [*296: Đại Tá, sau này là Trung tướng Lê Quang Vinh (Ba Cụt) bị bắt và bị xử chém tại Cần Thơ vào ngày 13.7.1956] không chịu sát nhập. Chi tiết chiến dịch đánh Bình Xuyên và bình định các giáo phái sẽ đề cập đến ở phần sau.

Ngày 26.10.1955, sau cuộc trưng cầu dân ý truất phế Bảo Đại *297 [*297: Bảo Đại không cho phép ông Diệm

tiêu diệt Bình Xuyên nên muốn lật đổ ông Diệm bằng cách gọi ông Diệm qua Pháp để tường trình. Ông Diệm đã nghe lời các Cố Vấn không đi Pháp, và sau đó tổ chức trưng cầu dân ý để truất phế Bảo Đại], Thủ Tướng Ngô Đình Diệm trở thành Tổng Thống đầu tiên của Việt-nam Cộng-hòa, và Quân Đội Quốc Gia trở thành *Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa*. Tổng Thống là Tổng Tư Lệnh Tối Cao của Quân Lực. Phái bộ cố vấn Hoa Kỳ đầu tiên tại Việt-nam là TRIM, viết tắt của chữ Training Relations Instruction Mission thường được gọi là phái bộ Liên Lạc và Huấn Luyện Mỹ, sau này trở thành MAAG (Military Assistance Advisory Group, Toán Cố Vấn yểm Trợ Quân Sự) khi Pháp hoàn toàn rút khỏi Việt-Nam vào tháng 4.1956.

Thành lập các Quân Binh chủng

Với sự giúp đỡ của Hoa Kỳ, Việt-nam Cộng-hòa đã thành lập các Quân Binh Chủng *298. [*298: Phần này viết theo tài liệu của Quân Sử.]

Tháng 4.1952, Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân được thành lập tại Nha Trang để đào tạo phi công và cơ khí viên. Đến tháng 7.1955, ngành không Quân mới được giao cho sĩ quan Việt-nam điều khiển. Về sau, khi VNCH nhận viện trợ những máy bay tối tân hơn, hầu hết các phi công đều được huấn luyện tại Hoa Kỳ.

Tháng 7.1952, Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân ra đời dùng để đào tạo Sĩ Quan, Hạ Sĩ Quan Hải Quân và Thủy Thủ chuyên nghiệp. Sau năm 1956, các Sĩ Quan Hải Quân Việt-nam Cộng-hòa cũng được đào tạo tại Hoa Kỳ. Ngoài ra, Hải Quân còn có tổ chức Giang Thuyền hoạt động nơi sông, rạch.

Ngành Thiết Giáp Việt-nam bắt đầu có từ cuối năm 1950 tại trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt, sau đó, có Trung Tâm Huấn Luyện Thiết Giáp và Kỵ Binh tại Vũng Tàu. Sĩ Quan Thiết Giáp đầu tiên được huấn luyện tại trường Kỵ Binh Saumur Pháp.

Pháo Binh VN xuất hiện từ tháng 7.1952, nhưng còn sơ khai. Kể từ tháng 9.1953, các tiểu Đoàn Pháo Binh được hệ thống hóa vào các Liên Đoàn Bộ Binh. Đầu Năm 1954, Pháp chuyển giao Trung Tâm Huấn Luyện Pháo Binh Phú Lợi cho VN. Mãi đến tháng 3.1955, ngành Pháo Binh mới có vị Chỉ Huy Trưởng đầu tiên.

Cho đến năm 1952, các Đại Đội Công Binh Chiến Đấu của Việt-nam vẫn còn hoạt động trong phạm vi của các Tiểu Đoàn Công Binh Pháp. Đến năm 1953, Công Binh phát triển lên cấp Tiểu Đoàn. Mỗi Tiểu Đoàn Công Binh Chiến Đấu lúc bấy giờ gồm có trên 500 người. Tới khi đình chiến, Việt-nam có 5 Tiểu Đoàn.

Cho đến tháng 3.1953, ngành Quân vận có được 7 Đại Đội Vận Tải. Sau đó, các Đại Đội này được hệ thống hóa thành Tiểu Đoàn. Cho đến năm 1954, Việt-Nam có 7 Tiểu Đoàn Vận Tải. Trong Nam, vì có nhiều sông ngòi, nên đã thiết lập Giang Đoàn Vận Tải.

Tới cuối năm 1952, Việt-nam có 6 Đại Đội Truyền Tin. Ngành Truyền Tin, đến tháng 4.1955, Pháp mới chuyển giao hoàn toàn cho Việt-nam. Các Đại Đội Truyền Tin dùng để yểm trợ cho các Quân Khu, các Sư Đoàn Bộ Binh.

Sau năm 1954, hai Quân Trường chính dùng để đào tạo Sĩ Quan Bộ Binh: Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt khánh thành năm 5.11.1950, đào tạo Sĩ Quan hiện dịch; Trường

Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức khai giảng khóa học đầu tiên vào ngày 1.10.1951, đào tạo Sĩ Quan Trừ Bị. Để nâng cao ý thức chính trị cho Quân Nhân, Việt-nam Cộng-hòa đã xây cất tại Đà Lạt Trường Sĩ Quan Chiến Tranh Chính Trị. Ngoài ra, còn một số Trung Tâm Huấn Luyện khác được thành lập theo nhịp điệu của nhu cầu như Trung Tâm Huấn Luyện Đồng Ba Thìn (Cam Ranh), Đồng Đế (Nha Trang), Đục Mỹ (Khánh Hòa)...

Các chiến dịch tiếp thu và bình định

Song song với việc Pháp rút quân, nhiệm vụ đầu tiên của Quân Đội Quốc Gia (chưa gọi tên Quân Lực Việt-Nam Cộng-hòa) là thực hiện những chiến dịch tiếp thu và bình định *299 [*299: Một số tài liệu trong đoạn này tham khảo từ Bộ Quân Sử].

Hầu hết những vùng không chịu sự khuấy động của cán bộ Cộng Sản nằm vùng (không đi tập kết), việc tiếp thu và bình định xảy ra yên ổn, không có va chạm giữa quân đội và nhân dân. Ngay cả Liên khu 5, khu vực Việt Minh tạm chiếm từ năm 1945 đến 1954, sự tiếp đón của dân chúng khiến cho Quân Đội Quốc gia không thể ngờ được. Đại Tá Tôn Thất Đính ghi lại trong hồi ký: *Họ phân biệt rõ ràng giữa Dân-Chủ Tự Do và Vô Sản độc tài... Có thể nói rằng toàn dân như cảm thấy được trút một gánh nặng ngàn cân khi Cộng Sản phải ra đi và Quân Lực Quốc Gia đến với họ: họ biểu lộ một sự chờ đợi đã ấp ủ từ lâu và nay được bộc phát ra một cách tự do và tự nhiên trên các nơi mà đoàn quân tiếp thu của chúng tôi đặt chân đến**300. [*300: 20 Năm Bình Nghiệp, Tôn Thất Đính, trang 57].

Tuy nhiên, trong giai đoạn tiếp thu và bình định này có

hai biến cố cần nhắc đến:

(1) Thứ nhất: Những vụ xách động của Việt Minh*301 [*301: cán bộ Cộng Sản không đi tập kết, xách động quần chúng chống Quân Đội Quốc Gia, vi phạm Hiệp Định Genève ký chưa ráo mực. Năm 1956, ông Diệm từ chối tổng tuyển cử, lỗi do Hồ chí Minh]. Ngày 4.9.1954, một biến cố đẫm máu đã xảy ra khi Tiểu Đoàn 611 tới chợ Được, cách Hội An 15 cây số, một đám đông dân chúng, bị Cộng Sản xúi giục, vây lại phản đối. Sau đó, đám dân chúng bạo động, bắt một sĩ quan và bốn binh sĩ. Rốt cuộc, các binh sĩ của Tiểu Đoàn này phải nổ súng tự vệ và giải vây đồng đội. Một biến cố khác xảy ra tại Tân An Đông, phía Nam Quảng Nam, ngày 28.9.1954, một cuộc xách động dân chúng ngăn cản Tiểu Đoàn 23 vào vùng hành quân. Dân chúng địa phương bạo động, gây cho một binh sĩ tử thương. Những vụ xách động này nằm trong sách lược của Cộng Sản nhằm gây cảm thù giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với đoàn thể, đoàn thể với đoàn thể, giữa tôn giáo với tôn giáo, giữa nhân dân với chính quyền.

(2) Thứ hai: Hành quân tảo thanh Ba Lòng. Mục đích của cuộc hành quân này là để tiêu trừ các phần tử Nghĩa Dũng Đoàn ly khai, và lùng bắt các binh sĩ đào ngũ thuộc Tiểu Đoàn 610. Các phần tử này đã nghe theo Quốc Dân Đảng và Đại Việt Miền Trung, ly khai với chính quyền, vào lập chiến khu Ba Lòng thuộc tỉnh Quảng Trị. Cuối năm 1955, hầu hết về qui thuận với chính phủ. Dù vậy, biến cố này đã làm rạn nứt cho sự kết hợp giữa Quốc Dân Đảng, Đại Việt và Chính Phủ sau này.

Như chúng ta đã biết, khi Ngô Đình Diệm chấp chánh,

an ninh vùng Sài Gòn Chợ Lớn do Bình Xuyên kiểm soát. Lực Lượng Công An, Cảnh Sát do Lai Văn Sang, cánh tay mặt của Bảy Viễn, nắm giữ. Tất cả nguồn lợi của các cơ sở thu lợi và đặc quyền thương mại sẽ mất hết nếu Bình Xuyên giải tán lực lượng quân sự của họ. Bảy Viễn được Bảo Đại che chở, nên đã không chịu đóng cửa các sòng bạc Đại Thế Giới, Kim Chung, nhà chứa Vườn Lài, mặc dù Ông Diệm bằng lòng bồi thường một số tiền lớn để khuếch trương công việc làm ăn đúng đắn khác. Ngoài ra, Bảy Viễn cũng không chịu sát nhập lực lượng quân sự của mình vào Quân Đội Quốc Gia theo đề nghị của ông Diệm, và vẫn đề nguyên cấp bậc cho Bảy Viễn. Bảy Viễn đã liên kết với các lực lượng chống đối chính phủ, gồm cả các lực lượng Giáo Phái, để thành lập Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia, đưa tối hậu thư cho ông Diệm, yêu cầu, trong thời hạn năm ngày, phải cải tổ toàn diện Nội Các. Tình hình trở nên căng thẳng khi chính phủ cất chức Tổng Giám Đốc Công An Cảnh Sát của Lai Văn Sang (cánh tay mặt của Bảy Viễn), và sau đó, hai công điện của Bảo Đại yêu cầu ông Diệm và Tổng Tham Mưu Trưởng Lê Văn Ty sang Pháp báo cáo tình hình, đồng thời bổ nhiệm Tướng Nguyễn Văn Võ làm Tổng Tư Lệnh. Lệnh này nhằm mục đích loại ông Diệm.

Chính lệnh này đưa đến hậu quả là ông Diệm, nếu muốn tiếp tục nắm quyền, phải truất phế Bảo Đại và đánh dẹp Bình Xuyên. Thiếu Tướng Trình Minh Thế (Cao Đài qui thuận) là người tham gia chính trong việc đánh được Bình Xuyên ra khỏi vùng Sài Gòn Chợ Lớn. Sau đó, Đại Tá Dương Văn Minh chỉ huy chiến dịch Hoàng Diệu, đánh mất

khu Rừng Sát. Chiến dịch hoàn tất vào ngày 24.10.1955, và Bảy Viễn đã được Pháp giúp đưa đi Pháp.

Sau vụ Bình Xuyên, Quân Đội Quốc Gia mở chiến dịch Dinh Tiên Hoàng và Hoàng Diệu để đánh lực lượng Hòa Hảo của Trần Văn Soái (Pháp tiếp tế vũ khí, đạn dược), Ba Cụt, và tiêu trừ các cơ cấu của Việt Cộng. Ngày 17.2.1956, ông Trần Văn Soái đã thỏa thuận đưa quân đội ra qui hàng, quyết tâm ủng hộ chính phủ chống Thực dân và Cộng Sản. Sau đó, ngày 11.3.1956, cuộc hành quân Thăng Long khai diễn nhằm tiêu diệt những phần tử Cao Đài ly khai. Cuộc hành quân chấm dứt vào ngày 24.3.1956. Đối với lực lượng của ông Ba Cụt, trong lúc tảo thanh, chính phủ đã đưa ông Nguyễn Ngọc Thơ đi thương thuyết. Tuy nhiên, điều kiện qui hàng của ông Ba Cụt quá đáng, nên sau khi cuộc thương thuyết bất thành, quân chính phủ mở cuộc hành quân. Hơn một tuần lễ sau, Ba Cụt bị bắt và bị lên máy chém tại Cần Thơ vào ngày 13.7.1956 sau ba lần ra trước tòa đại hình và tòa án quân sự

Qua các biến cố trên, chúng ta thấy rằng những nhân vật thân Pháp, Bình Xuyên, các Giáo Phái và ngay cả các đảng phái chính trị, đã không ý thức được rằng, Việt-nam đã đi vào một khúc quanh lịch sử mới, trong đó *vai trò đô hộ của Pháp tại Việt-nam đã chấm dứt, và Miền Nam đang phải gấp rút tổ chức thành một quốc gia vững mạnh nhằm ngăn chặn sự bành trướng của Cộng Sản Quốc Tế*. Vì không hiểu Cộng Sản, trước kia, nhiều tổ chức mặc dù không ưa Cộng Sản, vẫn có thể liên kết với Cộng Sản chống Pháp. Ngày nay, họ lại không chịu liên kết với chính phủ Quốc Gia để chống Cộng. Một nửa nước VN đã rơi vào tay Cộng

Sản với sự thừa nhận của Cộng Sản Quốc Tế cũng không đủ làm cho đa số các lãnh tụ quân sự, dân sự, tôn giáo, và nhân dân Miền Nam hiểu rõ được hiểm họa xâm lăng của Cộng Sản sẽ tai hại đến nhường nào. Đó là sự kiện để chúng ta hiểu hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ, chứ không là lời phán xét. Trong lúc tình báo cho biết quân Bắc Việt có khoảng nửa triệu người, với nhiều kinh nghiệm chiến đấu, Miền Nam mới bắt đầu xây dựng quân đội với một tập thể quân nhân gồm nhiều nhóm có trình độ tác chiến khác nhau. Nhìn ở khía cạnh này, ai ai cũng phải công nhận rằng *Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa đã trưởng thành quá nhanh chóng và đã hoàn tất nhiệm vụ một cách tốt đẹp một nhiệm vụ nhìn vào ai cũng cho rằng bất khả thi*. Họ đã giữ cho nhân dân miền Nam được hưởng Tự Do trong 20 năm, với sự hy sinh của nhiều đồng đội.

Chiến tranh chống Cộng Sản

Như đã đề cập nơi phần trên, chính phủ Miền Nam và Hoa Kỳ đã không đồng quan điểm với nhau về chiến lược chống Cộng Sản. Hoa Kỳ xem Việt-Nam tương tự như Triều Tiên, muốn tổ chức một quân đội dành cho một cuộc Chiến Tranh Qui Ước. Trong lúc đó, ngay từ thời chính phủ Ngô Đình Diệm, Việt-nam chỉ muốn Hoa Kỳ giúp phương tiện phát triển ngành Tâm Lý Chiến, và tổ chức Lực Lượng Đặc Biệt. Chính Tướng Westmoreland của Hoa kỳ trong hồi ký của ông ta, đã công nhận rằng Hoa kỳ đã sai lầm khi hình dung cuộc chiến tại Việt-nam theo mô thức của cuộc chiến tranh tại Triều Tiên để rồi giúp Việt-nam Cộng-hòa tổ chức quân đội sẵn sàng để tham gia vào một cuộc chiến tranh qui ước. Vì vậy, Hoa Kỳ

muốn chính họ lãnh đạo cuộc chiến, đưa quân Hoa Kỳ vào để phòng thủ Việt-nam.

Trong thời kỳ của Kennedy, Hoa Kỳ mới khởi sự tiếp xúc nhiều với Việt-nam, một quốc gia Á Châu. Hoa Kỳ không coi Việt-nam như là một quốc gia Đồng Minh theo đúng nghĩa như họ đã đối đã với Anh Quốc chẳng hạn. Quan niệm *kẻ nắm quyền* không thể nào áp dụng được cho Đồng Minh Việt-nam, một Đồng Minh đã có nhiều ấn tượng xấu với ngoại quốc, nhất là thời kỳ đầu tiên của chính phủ ông Diệm. Ngay cả Tướng tại chiến trường là Westmoreland cũng đã phải công nhận: *Kinh nghiệm Đông Phương đầu tiên của tôi thu lượm tại Triều Tiên và Nhật Bản, rồi cho rằng mình đã hiểu nhiều. Thế nhưng khi đến Việt-nam, tôi và các đồng nghiệp đều phải nhìn nhận là chúng tôi phải mất một thời gian dài để luận ra. Thật vậy, không sách vở nào cho chúng tôi biết phải làm sao để hoàn thành nhiệm vụ* *302. [*302: Westmoreland, trang 349]

Westmoreland phục vụ tại VN 4 năm với kiến thức về Việt-nam như vậy, làm thế nào ông có thể thuyết phục được chính quyền Hoa Kỳ hiểu biết về VN hơn. Một ông Đại Sứ lại tuyên bố *thà để cho Việt-nam sụp đổ còn hơn nhượng bộ*, thử hỏi làm sao Việt-nam và Hoa Kỳ có thể có được một sách lược chung tốt đẹp.

Đại Tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu trưởng Quân Lực VNCH cũng đã đưa ra một chiến lược gọi là Chiến Lược Chia Cắt. *Đại Tướng Viên đã lập luận là phải chia cắt giữa dân chúng với cán bộ Cộng Sản, không cho Cộng Sản thực hiện khẩu hiệu quân dân cá nước, phải cắt ngang khoảng đất từ Đồng Hới qua Savanakhét không cho Cộng Sản*

*xâm nhập hoặc tiếp tế từ Bắc vào Nam. Nghĩa là phải khóa cái vòi nước Bắc Việt lại, không cho chảy vào bể Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam nữa thì tự nhiên, chúng ta thừa sức thanh toán Việt Cộng ở miền Nam *303 [*303: Vấn đề chỉ Đạo Chiến Lược trong chiến tranh Việt-nam, Đỗ Ngọc Nhuận, trang 257]. Tuy nhiên, như Tướng Đôn đã viết trong hồi ký của ông, những lời bàn luận của các giới chức Việt-nam như rơi vào lỗ tai diếc Hoa Kỳ.*

Đến thời kỳ Johnson, người Hoa Kỳ đã biết chút ít về chiến tranh Việt-nam, Westmoreland đã đưa ra nhiều đề nghị nhưng đều bị bác bỏ. Tổng Thống Johnson đã yêu cầu Tướng Westmoreland về Hoa Kỳ để trình bày về cuộc chiến Việt-nam tại hội nghị các chủ bút tại khách sạn Waldorf, Nữu Ước. Để kết thúc cuộc nói chuyện, Tướng Westmoreland nói: *Phải nghiền nát kẻ thù. Phải như vậy, vì chúng ta đang chiến đấu trong cuộc chiến tiêu hao, thì phải dùng đến chiến tranh hủy diệt để đối phó *304 [*304: Westmoreland, trang 327].*

Tướng Westmoreland còn đưa ra hai kế hoạch và yêu cầu được tăng quân số. Một kế hoạch với một lực lượng gọi là *cần thiết tối thiểu* và một lực lượng *lạc quan*. Cả hai lực lượng yêu cầu, không những bị khước từ, trái lại còn bị cắt giảm. Westmoreland viết: *Vào ngày 8.5.1965, tôi gửi về Hoa Thịnh Đốn bản tường trình nêu lên phương thức hoạt động. Giai đoạn I, các đơn vị này sẽ siết chặt an ninh quanh vòng đai các căn cứ, và có thể có vài cuộc hành quân ngắn và gọn nhẹ có pháo binh hạng nhẹ đi theo. Giai đoạn II, các đơn vị này sẽ tung ra các cuộc hành quân và tuần tiểu xa hơn nữa, với sự phối hợp của quân đội Quân Lực VNCH. Giai đoạn*

*III, các đơn vị sẽ trở thành thành phần trừ bị khi nào quân đội Quân Lực VNCH cần tiếp tay cùng tung ra các cuộc hành quân tấn công vào sào huyệt địch *305. [*305: Westmoreland, trang 193]*

Tóm lại, Quân lực VNCH bị bắt buộc phải tệ hại hơn nữa, đó là phải thay đổi chiến thuật hoặc kế hoạch hành quân mới để yểm trợ. Chiến lược của nhà giàu Hoa Kỳ, nhà nghèo Miền Nam không thể kham nổi khi không nhận được viện trợ.

Chiến Thuật

Phải giữ một nhiệm vụ cao cấp trong chính phủ hoặc trong Quân Lực VNCH, mới thấy được những khó khăn căn bản của cuộc chiến VN. Những khó khăn tại chiến trường tùy thuộc rất nhiều vào những quyết định ở cấp độ cao hơn. Chúng ta phải nhìn vào cái tổng thể (toàn bộ) của Quân Lực VNCH và đặt vào trong toàn thể bối cảnh chiến tranh chống Cộng Sản Miền Bắc để thẩm định giá trị của Quân Lực VNCH, chứ không thể nhìn vào những *con sâu trong nồi canh*, những trận công đồn biến người của địch đánh rồi trốn mất, hay căn cứ vào đoạn kết của cuộc biến vào năm 1975 mà quyết đoán.

Lê Duẩn đã ra Hà Nội hai lần (năm 1955, 1959) để báo cáo tình hình trong Nam. Hà Nội kết luận: *phải xâm chiếm Miền Nam bằng quân sự*, Ngô Đình Diệm đã tỏ ra vững mạnh về mọi mặt, và *đội quân thứ năm* của Võ Nguyên Giáp không thể làm ung thối, phá hoại nổi xã hội Miền Nam. Kể từ đó, đoàn quân “*sinh Bắc tử Nam*” vượt Trường Sơn. Trong những năm 1950-1960, khi mức độ xâm nhập của Cộng Quân vào Nam chưa lên đến cao đỉnh, Quân

Lực VNCH, dù còn được trang bị thô sơ với những khẩu garant M1, M2 bán tự động..., vẫn đủ khả năng để tiêu diệt địch bất cứ cuộc hành quân nào, nội địa cũng như ngoài nước: Miên, Lào. Như trong một đoạn trên, chúng tôi đã kể, để đánh đòn cân não với Mỹ, và chuẩn bị đón tiếp Tướng Taylor sang thăm Việt-nam, ông Nhu đã ra lệnh cho Thiếu Tướng Đính tận dụng mọi khả năng quân sự của Việt-nam, đánh vào đầu não của Việt Cộng tại chiến khu D và chiến khu Dương Minh Châu... Thiếu Tướng Đính cho biết: *Sự thành công của Quân Lực VNCH trong cuộc hành quân này được xem như vượt qua các dự liệu: Cộng Sản hoàn toàn bị bất ngờ và tuyệt đối không kịp đối kháng, các mục tiêu hoàn toàn bị đánh trúng, nhất là cơ sở truyền tin, đài phát thanh của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và các kho dự trữ vũ khí đạn dược, lương thực... (không dùng không quân và pháo binh. Sự im tiếng của đài phát thanh Cộng Sản đã làm cho tất cả giới chức Mỹ ở Sài Gòn khá sửng sốt, cũng như các phóng viên báo chí ngoại quốc...**306. [*306: 20 Năm Binh Nghiệp, Tôn Thất Đính, trang 251]

Cuộc chiến thắng này đã làm mất mặt Hoa Kỳ, và sự thù hận giữa hai chính phủ thêm sâu đậm. Nếu không bị cột chân tay vào chiến lược *chiến tranh giới hạn* của Hoa Kỳ, Quân Lực VNCH có thể phá vỡ các cơ sở hậu cần của Hà Nội tại Miên, Lào, thì làm gì Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp dám dặt mòng xâm lăng. Vì vậy, chúng tôi nhận định rằng, *miền Nam đã mất cơ hội chiến thắng Cộng Sản ngay từ trong những năm đầu tiên của cuộc chiến vì sự sai lầm chiến lược của Hoa Kỳ*. Colby về sau cũng viết: *Vì thiếu kiến thức về bản chất chiến lược của Cộng Sản, nhiều việc chúng ta thiếu*

sót. Viện trợ quân sự trọng hình thức vũ khí, dụng cụ, huấn luyện đều đổ vào Bộ Binh, Hải Quân, Không Quân, không có gì trao cho lực lượng tự vệ tại các địa phương (để chống với đội quân thứ năm như chúng tôi đã đề cập). Những Trung Đội tổ chức ở các cấp làng xã để bảo vệ dân chúng, thường là những mục tiêu dễ dàng cho du kích Cộng Sản tấn công *307 (*307: *Lost Victory*, William Colby, trang 60)

Không những thế, sự khác biệt quan niệm chiến lược này đã làm cho tình hình chính trị Miền Nam khủng hoảng (Hoa Kỳ muốn lật ông Diệm), ảnh hưởng đến viện trợ quân sự, và Quân Lực VNCH gánh lấy hậu quả là phải chiến đấu với phương tiện giới hạn và trong những điều kiện khó khăn hơn. Thật vậy, người bạn đồng minh của miền Nam, Đại Sứ Hoa Kỳ Durbrow tuyên bố: *thà chịu đứng nhìn VNCH sụp đổ, còn hơn là nhượng bộ ông Diệm. Khổ thay, chế độ Miền Nam chỉ sụp đổ khi Cộng Quân bước qua xác chết của người lính Quân Lực VNCH, đầu chế độ chinh trị Miền Nam được lãnh đạo bởi lãnh tụ nào chẳng nữa.* Mấy ai thông cảm cho Quân lực VNCH qua sự kiện đau lòng này?

Diễn tiến lịch sử đã đưa phần bất lợi về phía Quân Lực VNCH. Viện trợ của Khối Cộng cho Hà Nội không điều kiện, càng lúc càng gia tăng, vũ khí tối tân... Trong lúc đó, viện trợ của Hoa Kỳ cho Miền Nam khi có, khi không (để làm áp lực chính trị). Vào năm 1959, Cộng Sản mở đầu chiến dịch Đông Khởi với lực lượng vào khoảng 40.000 du kích, 10.000 quân địa phương, và 3.500 quân chính qui *308 (*308: *Nam Việt-nam 1954-1975*, Hoàng Lộc Hà Mai Việt, trang 45) Trong giai đoạn này, Cộng Sản chủ trương một

cuộc *chiến tranh tiêu hao* bằng những vụ ám sát, bắt cóc, phá hoại, đột kích những đồn bót lẻ tẻ để đánh đòn tâm lý mà thôi. Nhìn vào những con số trên, chúng ta thấy rõ rằng, Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa thừa sức tiêu diệt Cộng Quân mà không phải dùng đến không yểm của Hoa Kỳ như Tướng Đính đã thực hiện

Để đối đầu với cuộc *chiến tranh tiêu hao*, Quân Lực VNCH đã dùng chiến thuật *lùng và tiêu diệt địch*. Nhưng khi Westmoreland thuyết trình tại Hoa Kỳ về *kế hoạch lùng và diệt địch*, các *quan lại* (danh từ Westmoreland dùng) tại Hoa Thịnh Đốn cho là dã man. Chúng ta hãy nghe Westmoreland nói: *Chiến lược truy lùng và diệt địch đã gây cho dân chúng Hoa Kỳ một ấn tượng là cuộc chiến mang tính chất hủy diệt. Nhiều tờ báo, nhiều bài tường thuật còn cho đăng hay chiếu lên cảnh các binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến châm lửa đốt nhà cũng đủ làm cho mọi người cảm thấy rùng mình. Sự thật thì công cuộc truy tầm và tiêu diệt địch chỉ nhắm đến các căn cứ, hầm trú ẩn, các hầm tồn trữ lương thực và vũ khí, trại huấn luyện và những địa điểm trọng yếu địch sử dụng làm nơi tung các cuộc khủng bố dân chúng. Đây là những mục tiêu quân sự mà bất cứ cuộc chiến tranh nào cũng đều nhắm vào. Có gì sai phạm đâu *309 (*309: Westmoreland, trang 219). Cộng Sản dựa vào núi rừng che chở, dựa vào đất của nước láng giềng Miên Lào dung thân, dựa vào dân để lẩn tránh, làm sao Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa có thể hoàn thành việc tiêu trừ nếu không mở những cuộc hành quân lùng và diệt địch? Đã bị giới hạn vào chiến lược, Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa còn bị giới hạn về chiến thuật. Có nhiều trường hợp, chiến thuật cũng phải thay*

đổi theo ý kiến của các Cố Vấn, nếu muốn được yểm trợ không yểm đầy đủ.

Một số người đem so sánh hoàn cảnh của Triều Tiên với Việt-nam, cho rằng Miền Nam đã không thành công trong việc chống Cộng như Triều Tiên vì lãnh đạo yếu kém. Thực ra, không phải vậy. Hoàn cảnh chính trị của hai quốc gia hoàn toàn khác nhau. Thứ nhất, khi chia đôi Triều Tiên bằng vĩ tuyến 38, Bắc Triều Tiên không có được một *đội quân thứ năm* to lớn gài lại phía Nam Triều Tiên như Cộng Sản Việt-Nam đã làm ở Miền Nam Việt-nam. Thứ hai, hãy nhìn vào hình thể địa lý của nước Triều Tiên, chúng ta thấy ngay con đường duy nhất có thể xâm nhập vào Nam Triều Tiên là bờ biển vì quân đội Hoa Kỳ đã án ngữ dọc theo vòng Phi Quân Sự của vĩ tuyến 38. Do đó số lượng biệt kích xâm nhập vào Nam Triều Tiên không có bao nhiêu, và cũng chẳng gây được phong trào đấu tranh vũ lực nào cả. Thứ ba, đối với khối Cộng, nhu cầu thanh toán Nam Triều Tiên không quan trọng bằng sự bành trướng về phía Nam Việt-Nam, của ngõ vào các nước yếu kém Á Châu. Thứ tư, quan trọng hơn cả, *không có mâu thuẫn chiến lược giữa Hoa Kỳ và Nam Triều Tiên*.

Chính Hoa Kỳ cũng không thấy được sự khác biệt giữa hai cuộc chiến này, nên đã đưa ra chiến lược sai lầm từ lúc đầu tại Việt-nam. Phong trào tố Cộng (bắt và giết *đạo quân thứ năm không có quân phục*) đã không được Hoa Kỳ đồng ý vì cho đó là đàn áp thường dân, trong đó có cả người già, trẻ, nam, nữ. Hoa Kỳ đâu biết rằng, Cộng Sản đã sử dụng (bằng cách đề cao, và nếu cần, cưỡng ép) mọi tầng lớp người Việt sống trong khu vực mất an ninh phải

phục vụ chiến tranh cho chúng. Những bài hát ca ngợi “*em bé giao liên*”, *cha, mẹ, anh, chị nuôi chiến sĩ*, và ngay cả loài vật như ong, trâu... cũng đánh Mỹ cứu nước, đã nói lên thực trạng chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích này. Chiếc nón lá phe phẩy quạt mát bên bờ ruộng cũng là dấu hiệu báo động có địch đi hành quân để cho cán binh CS lẫn núp... Dân vùng mất an ninh tại miền Trung đã bị lừa đi làm dân công trên Trường Sơn cho CS, mặc dầu họ chẳng ủng hộ Hồ Chí Minh... Nam Triều Tiên làm gì có những cảnh trở trêu này như tại VN. Nếu chịu khó tham khảo tài liệu, chúng ta (và sau khi chiến tranh Việt-nam chấm dứt, người Mỹ) đã thấy những con số thống kê rõ ràng rằng, trong đợt tố Cộng của Miền Nam, số lượng người bị bắt và bị giết quá nhỏ so với cuộc tiêu diệt Cộng Sản tại Nam Dương cũng vào khoảng thời gian này. Nixon viết: *Theo tiêu chuẩn Đông Á (East Asian) sự đàn áp chính trị tại Nam Việt-nam là tối thiểu. Dưới thời ông Diệm, vào năm 1960, có cao nhất là 300 tù binh chính trị, trong lúc đó tại Miến Điện (Burma) và Nam Dương (Indonesia) con số lên hàng chục ngàn *310. (*310: No More Vietnams, Richard Nixon, trang 38-39)*

Phải chăng vì không thành công trong cuộc quét sạch *đội quân thứ năm không quân phục* này ngay từ đầu, mà Miền Nam đã phải kéo dài cuộc chiến đến 20 năm, tốn không biết bao nhiêu xương máu, để rồi người bạn quý Hoa Kỳ không kham nổi (quá tốn kém, kinh tế suy thoái, chia rẽ nội bộ, dân chúng phản đối) đã bỏ mặc cho đồng minh Miền Nam sụp đổ, không còn giữ những hứa hẹn mà một đại cường quốc đã cam kết.

Mặc dầu lớn tiếng phát động chiến dịch Đồng Khởi, đồng thời đưa quân xâm nhập vào Nam với nhịp độ nhanh hơn, và sau đó, năm 1960, thành lập Mặt trận Giải Phóng Miền Nam để che đậy sự xâm lăng từ Miền Bắc, Hà Nội vẫn không đủ khả năng để mở những trận đánh lớn. Mục tiêu chính vẫn là *phá hoại* (đào đường, đắp mô...), *khủng bố* các viên chức hành chánh xã ấp, gài nội tuyến để đánh phá các đồn bót nơi hẻo lánh, pháo kích bờ bãi vào những vùng đông dân cư... Tuy nhiên, dưới con mắt *thiếu hiểu biết về địa hình Việt-nam* (chúng tôi đã nhấn mạnh về điểm này), các *quan lại* và giới truyền thông Hoa Kỳ tại Hoa Thịnh Đốn đã nghe theo *lời* tuyên truyền của Hà Nội, cho rằng Cộng Sản đã kiểm soát hơn phân nửa lãnh thổ của Miền Nam. Cho nên, Hoa Kỳ phải lật đổ ông Diệm ngay, để có thể đưa quân vào cứu Miền Nam.

Một yếu tố chính trị rất quan trọng mà thường ít ai để ý đến, đó là sự liên hệ của hai quốc gia Lào và Miền đối với Việt-nam. Đảng Cộng Sản Đông Dương ra đời trước khi có Đảng Cộng Sản Pathet Lào do ông Hoàng Souphanouvong lãnh đạo. Cho nên, trong những năm 1950-1960, Hà Nội đã giúp Pathet Lào lên nắm chính quyền để rồi khống chế Lào. Tổng Thống Eisenhower đã cảnh cáo, nếu mất Lào, sẽ mất Đông Nam Á. Kennedy đã bị Harriman khuyến dụ để ký Hiệp Ước Trung Lập Lào năm 1962, thay vì gọi quân giúp Lào thắng Cộng. Hiệp Ước này giúp Hà Nội có thể sử dụng đất Lào làm căn cứ hậu cần an toàn, mở rộng đường chuyển vận tiếp liệu và đưa quân đội vào Nam Việt-nam. Con đường đất rộng hơn 10m chạy dọc theo sườn phía Tây của dãy Trường Sơn được Cộng Sản đặt tên là *đường mòn Hồ Chí Minh*.

Năm 1960, một trận *đột kích* nhỏ của Cộng Quân vào hậu cứ Trảng Súp, Tây Ninh, bắt các sĩ quan Bộ Chỉ Huy đang dự tiệc, tịch thu vũ khí và rút đi. Tây Ninh là một tỉnh nằm giáp giới với Miên. Cộng Sản đã dùng lãnh thổ của Miên để làm căn cứ an toàn khi bị truy lùng, làm kho tiếp liệu từ Bắc chuyển vào Nam qua đường mòn Hồ Chí Minh hay qua hải cảng Sihanoukville. Tuy nhiên, sự việc đã được vẽ lên như hình ảnh của một Quân Lực Việt-nam chỉ biết hưởng thụ, không có khả năng chiến đấu, không biết phòng thủ, thiếu trách nhiệm... Cuộc đột kích này chẳng qua chỉ là một biến cố đơn lẻ. Dĩ nhiên, nói như vậy không có nghĩa là không nghiêm trị sự thiếu cẩn mật tối thiểu cần phải có năng lực của các cấp chỉ huy quân sự.

Một biến cố nữa, năm 1961, Trần Văn Trà đã sử dụng một Trung Đoàn tăng cường để đột kích vào thị xã Phước Thành, chặt đầu ông Tỉnh Trưởng và rút lui. Đây cũng chỉ là một hình thức *khủng bố với qui mô lớn hơn*, chứ không phải là một trận chiến, vì sau khi hành sự, địch trốn mất. Hoa Kỳ không cho tìm và diệt địch, chỉ ngồi để chờ địch khủng bố, hoặc công đồn bằng biển người, rồi rút lui về hậu cứ an toàn trên đất Miên, Lào, bổ sung quân số, tái tổ chức lực lượng. Thử hỏi, làm thế nào để tiêu diệt địch được đây?

Đây đó, trên khắp bốn Vùng Chiến Thuật, trong suốt 20 năm chống Cộng, Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa luôn luôn phải gánh chịu những cuộc *đột kích* (chịu thiệt hại lúc ban đầu), và chỉ mặt giáp mặt giao tranh trên trận địa với địch khi phản công. Để đánh tan loạn điệu xấu xa của giới truyền thông và một số quan lại chủ bại Hoa Kỳ, trong

năm 1961 này, vào tháng 10, để tiếp đón phái đoàn của Taylor sang thăm định tình hình Việt-nam, ông Nhu đã ra lệnh cho Tướng Đính xử dụng mọi khả năng quân sự của Việt-nam, đánh vào đầu não của Việt cộng tại chiến khu D và chiến khu Dương Minh Châu. Nhu đã đề cập trước đây, Thiếu Tướng Đính cho biết: Sự thành công của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa trong cuộc hành quân này được xem như vượt qua các dự liệu: Cộng Sản hoàn toàn bị bất ngờ và tuyệt đối không kịp đối kháng; các mục tiêu hoàn toàn bị đánh trúng, nhất là cơ sở truyền tin, đài phát thanh của Mặt Trận giải Phóng Miền Nam và các kho dự trữ vũ khí đạn dược, lương thực ... *(không dùng không quân và pháo binh)*. Sự im tiếng của đài phát thanh Cộng Sản đã làm cho tất cả giới chức Mỹ ở Sài Gòn khá sững sốt, cũng như các phóng viên báo chí ngoại quốc... *311(*31l: 20 Năm Binh Nghiệp. Tôn Thất Đính, trang 251). Cuộc họp báo của Bộ Tổng Tham Mưu sau đó nhấn mạnh, với khả năng chiến đấu đó, *Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa đủ khả năng nắm ưu thế trên chiến trường chống Cộng, nếu người Mỹ đừng trực tiếp can thiệp vào, và chỉ viện trợ cho Việt-nam Cộng-hòa vũ khí cùng các phương tiện chiến đấu cần thiết mà thôi.*

Đầu năm 1963, trận Ấp Bắc (Mỹ Tho) xảy ra khi Quân Việt-nam Cộng-hòa, có Cố Vấn Mỹ tham dự, đã bị đánh bại một cách phi lý. Tin tức tình báo cho biết chỉ có 100 Việt Cộng, nhưng thực ra đến 350 và có thêm lực lượng của Tiểu Đoàn Chủ Lực 261. Lực lượng của Cộng Sản đã bị vây chặc. Nhưng, ngay trong 5 phút đầu tiên, 3 chiếc trực thăng H-21, và 1 chiếc UH-L đã bị bắn hạ. Hòa lực của Cộng Sản khiến mọi người nghĩ rằng Cộng Sản đã có

chuẩn bị sẵn cho cuộc chiến. Thêm vào đó, Bộ Binh Việt-nam không chịu tấn công địch như kế hoạch đã dự trù. Tướng Huỳnh Văn Cao, thay vì đổ quân vào vị trí để chân địch, lại đổ quân vào chỗ khác với lý do Tổng Thống Diệm không muốn binh sĩ bị thương vong.

Sáng hôm sau, các đơn vị Việt Cộng tẩu thoát đem theo binh lính chết và bị thương. Lời suy đoán duy nhất của Hoa Kỳ là ông Nhu đã ngầm thông báo cuộc hành quân này cho Việt Cộng, vì trong thời gian này ông Nhu đang thương thuyết với Bắc Việt qua trung gian nhân viên ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến và Pháp. Nguyên nhân thật sự ra sao không ai biết được, chỉ biết rằng vì vụ này, Hoa Kỳ hận ông Nhu, và càng quyết tâm lật đổ chế độ Diệm. *Giới truyền thông Hoa Kỳ đã đưa tin tức này lên đài truyền hình vào buổi chiều 'Evening Shows' với kết luận rằng quân đội Miền Nam là hèn nhất (cowardice).*

Sau khi chính phủ Ngô Đình Diệm bị lật đổ, tình trạng chính trị tại Miền Nam bất ổn, các Tướng Lãnh cao cấp trong quân đội chỉ chú tâm vào vấn đề chính trị không tăng cường chiến dịch lùng diệt địch, khiến cho Cộng Sản có thời gian ba năm để đưa quân từ miền Bắc xâm nhập vào miền Nam, củng cố và tổ chức lực lượng, chuẩn bị cho cuộc Tổng Công kích Tết Mậu Thân. Quân Bắc Việt gia tăng nhanh lực lượng của họ. Vào giữa tháng 11.1965, tình báo Hoa Kỳ ghi nhận đã có thêm chín Trung Đoàn quân Bắc Việt xâm nhập bên trong lãnh thổ Việt-nam Cộng-Hòa, và kể từ tháng 7.1966, số đơn vị cấp Trung Đoàn tăng lên hơn gấp đôi. Tổng cộng địch có 48 Tiểu Đoàn và chiều hướng vẫn tiếp tục tăng.

Tướng Bắc Việt Nguyễn Chí Thanh được đưa vào Nam. Tại miền Đông, CS đã thành lập được 3 Sư Đoàn (CS gọi là *Công Trường*), quân số đặc công khoảng 10.000 người. Tại Cao Nguyên Trung Phần, CS đã có đến 4 Sư Đoàn, chuẩn bị đánh cắt đôi Miền Nam. Chương trình ấp Chiến Lược bị hủy bỏ nên đã giúp cho Cộng Sản hoạt động lại dễ dàng. Trong khoảng thời gian này, chỉ có trận *phục kích* của CS tại Bình Giả (1964) là có tính cách qui mô, kéo dài 3 ngày. Cuộc phục kích này kéo dài và gây thiệt hại cho phía Quân Lực VNCH là vì sự ước tính sai lầm của Tư Lệnh Vùng về quân số của địch tham gia, không ngờ đến cấp Sư Đoàn. Để càn quét địch, phía Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa chỉ tung nhỏ giọt lực lượng cấp Tiểu Đoàn, khiến cuộc hành quân mất thời gian, và tổn thất. Tuy nhiên, trận phục kích cấp Sư Đoàn này của Cộng Quân đã nói lên sự lớn mạnh nhanh chóng của chúng tại Miền Nam, và Hoa Kỳ quyết định đưa quân vào Việt Nam. Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa không bành trướng lớn mạnh kịp với tình thế, và phải phân tán mỏng cho một vùng lãnh thổ vừa dài, vừa hẹp bề ngang, với núi rừng nhiều nơi ra đến tận bờ biển.

Những cuộc hành quân của Hoa Kỳ

Ngày 8.3.1965, 1.500 Thủy Quân Lực chiến Hoa Kỳ đầu tiên tới Đà Nẵng. Trận đụng độ đầu tiên giữa TQLC Hoa Kỳ và Cộng Quân là cuộc hành quân Starlite vào tháng 8.1965 tại vùng gần căn cứ Chu Lai, đồi 43. Được tin tức từ binh cho biết, Cộng Quân dự trù tấn công Chu Lai với lực lượng 1.500 quân của Trung Đoàn 1, với 2 Tiểu Đoàn 60, 80 và Đại Đội 52. Ngày 18.8.1965, Hoa Kỳ cho đổ quân tấn công, với không yểm, pháo binh bắn từ hạm đội ngoài

biển. Tối ngày 19.8.1965, quân của Hoa Kỳ đã quét sạch Cộng quân. Cuộc hành quân Starlite chính thức kết thúc vào ngày 24.8.1965. Kết quả Trung Đoàn 1 của Cộng Quân đã để lại 614 xác chết. Hoa Kỳ có 45 chết. Tỷ lệ thương vong giữa Hoa Kỳ và Cộng Sản là: 45/614 (7,3%) (*313: *Historical Atlas of The Vietnam War*, H. G Summers. Jr., trang 102). Kinh nghiệm chiến trường cho biết, số thương vong về phía Cộng Quân còn cao hơn nữa. Tuy nhiên, đối với Hoa Kỳ, mặc dầu được xem là chiến thắng, con số thương vong trong trận đầu tiên mặc dầu rất nhỏ, đã gây hậu quả không tốt đẹp trong chính giới và quần chúng Hoa Kỳ. Như Vanuxem nhận định, và ngày nay, khi sống lâu năm trên đất nước Hoa Kỳ, chúng ta mới kiểm nhận được một sự thật “*trên thế giới này tất cả đều có thể bị mất hết, chỉ riêng có người công dân Mỹ, được coi như thần thánh, là không thể mất được*”.

Cho đến năm 1965, Westmoreland mới được Hoa-Thịnh-Đốn cho phép sử dụng phi cơ vào công cuộc tấn công. Vì vấn đề quân sự cần kíp, tôi tha thiết mong được cho phép điều động phản lực cơ Hoa Kỳ cho mục đích tấn công... Tôi dùng quyền mới được cho phép này, lần đầu tiên, vào tháng 2 năm 1965. Hai phi cơ B-57 đánh phá một Trung Đoàn Việt Cộng trong rừng thuộc tỉnh Phước Long (*314: *Westmoreland*, trang 158). Phải 11 năm, sau khi Hoa Kỳ đặt chân đến chiến trường VN, hai chiếc B- 57 mới xuất quân lần đầu tiên.

Có thể Hà Nội đã đánh giá sai khả năng chiến đấu hỏa lực hùng hậu của quân đội Hoa Kỳ, và hơn thế nữa, tình báo Nga Sô, Trung Cộng tại Hoa Kỳ đã nhận ra yếu điểm

“sinh mạng của binh sĩ hoa Kỳ là tối thượng“, nên trong những năm 1965-1967, Cộng Quân tấn công vào các cứ điểm quân sự của Hoa Kỳ nhiều hơn. Thời bấy giờ, các chính phủ và lãnh tụ Miền Nam không thấy được điều này, nên vẫn luôn luôn tin tưởng vào chiến lược ngăn chặn làn sóng Cộng Sản tại Đông Nam Á với bất cứ giá nào của Hoa Kỳ. Vì vậy, chúng tôi chỉ ghi vào đây kết quả một số trận đánh của Hoa Kỳ (thời gian đầu, chưa có hành quân hỗn hợp Việt-Mỹ) vì chính qua những trận đánh này, các phóng viên Hoa Kỳ cảm thấy binh sĩ của họ chiến đấu và chết cho Việt-nam là phi lý, từ đó, họ có ấn tượng xấu đối với Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa, và tạo dư luận bất lợi trong quần chúng Mỹ. Chính Westmoreland đã nói rằng, những phóng viên này không thấy được cuộc chiến đấu của Quân Lực VNCH với số thương vong lúc nào cũng cao hơn Hoa Kỳ.

Trận chiến Ia Drang xảy ra tại vùng Đức Cơ, Cao Nguyên Trung Phần, bắt đầu ngày 14.11.1965 và chấm dứt vào ngày 16.11.1965. Cộng Quân chết 2.000, bỏ chạy vào rừng và lãnh thổ của Miền. Hoa Kỳ chết 79. Tỷ lệ thương vong giữa Hoa Kỳ và Cộng Sản là: 79/2.000 (4%).

Hành quân hỗn hợp Masher/white Wing tại vùng Bồng Sơn, Bình Định, bắt đầu ngày 28.1.1966 và chấm dứt vào ngày 6.3.1966. Sau 42 ngày giao tranh, Cộng Quân chết 1.342, xóa tên Sư Đoàn 3 Sao Vàng. Hoa Kỳ chết 228. Tỷ lệ thương vong giữa Hoa Kỳ và Cộng Sản là: 228/1342 (17%).

Hành quân Attleboro tại Dầu Tiếng, Tây Ninh, bắt đầu 14.9.1966 và chấm dứt vào 24.11.1966. Cộng Quân chết 1.106, phá tan căn cứ tồn trữ vũ khí và tiếp liệu. Hoa Kỳ

chết 155. Tỉ lệ thương vong giữa Hoa Kỳ và Cộng Sản là: 155/1106 (14%).

Hành quân Cedar Falls (có Quân lực VNCH tham dự) tại vùng Tam Giác Sắt, Bến Súc gần Sài Gòn, bắt đầu ngày 8.1.1967 và chấm dứt vào ngày 26.1.1967. Cộng Quân chết 750, phá tan các địa đạo căn cứ tồn trữ vũ khí và tiếp liệu. Hoa Kỳ chết 72. Tỉ lệ thương vong giữa Hoa Kỳ và Cộng Sản là: 72/750 (10%).

Hành quân Junction City (có Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa tham dự) tại vùng Tây Ninh, bắt đầu ngày 22.2.1967 và chấm dứt vào ngày 14.5.1967. Cộng Quân chết 2.728, phá tan căn cứ tồn trữ vũ khí và tiếp liệu. Hoa Kỳ chết 282. Tỉ lệ thương vong giữa Hoa Kỳ và Cộng Sản là: 282/2728 (10%).

Đầu năm 1967 này, vào ngày 2 tháng giêng, Hoa Kỳ mở cuộc hành quân Bolo không chiến với MIG-21 của Bắc Việt mới được Nga Sô viện trợ. Hoa Kỳ với 28 chiếc Phantoms F-4 đã hạ 7 trong 16 chiếc MIG-21, và trở về căn cứ an toàn.

Cuộc bao vây và tấn công Cồn Thiên của Bắc Việt bắt đầu vào tháng 7.1967. Cồn Thiên là một ngọn đồi cao 520 bộ, nằm 2 dặm về phía Nam Khu Phi Quân Sự, cách bờ biển khoảng 14 dặm. Ngọn đồi này được sử dụng như là một tiền đồn quan sát sự vận chuyển tiếp liệu của Cộng Quân vào Miền Nam. Vào tháng 9, Sư Đoàn 324B Cộng Quân lại cố tấn công nhằm mục đích tràn ngập đồi Cồn Thiên, nhưng họ thất bại. Cộng Quân bèn sử dụng mưa pháo 42.190 quả vào Cồn Thiên. Với sự trợ giúp của B-52, ngày 31.10.1967, Cồn Thiên được giải tỏa. Westmoreland

nói: *Nếu so sánh Côn Thiên với Điện Biên Phủ, điều này đã xảy ra ngược lại. Bắc Việt đã mất 2.000 quân, và Côn Thiên vẫn tiếp tục tồn tại làm rào ngăn sự di chuyển của kẻ địch* (*315: *Historical Atlas of The Vietnam War*, H G. Summ, trang 126). Võ Nguyên Giáp, hiển nhiên, không nhận biết được điều này, nên bốn tháng sau đó, ông ta lại mở một trận vây khác tại Khe Sanh. Có lẽ, hào quang Điện Biên Phủ làm ông ta khó chấp nhận những thất bại chưa cay tại Miền Nam.

Cộng Quân mở trận tấn công vào Đak To khởi đầu vào 3.11.1967. Đak To nằm gần khu vực ba biên giới Việt-Lào-miền. Trận đánh này có sự tham dự của 6 Tiểu Đoàn Quân Lực VNCH. Cuộc chiến chấm dứt vào ngày 1.12.1967. Theo nhận định của giới quân sự, trận đánh này được xem là trận đánh mở màn cho cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân. Địch để lại 1.644 xác chết, Hoa Kỳ thiệt hại 289, và Quân Lực VNCH 73.

Nhận xét tổng quát về những trận đánh của Hoa Kỳ với Cộng Quân, mặc dầu hỏa lực của đoàn quân trên bộ của Hoa Kỳ rất mạnh, nhưng yếu tố quyết định đưa đến thành công vẫn phải dựa trên không yểm mà pháo đài bay chiến lược B-52 đóng vai trò quan trọng. Chính Westmoreland cũng công nhận như vậy. Tại sao, cho đến ngày nay, để lấy cớ chê bai Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa, nhiều người vẫn khẳng khái nói rằng Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa chỉ nhờ vào không yểm, trong khi tài liệu lịch sử đã trưng bày rõ ràng chính quân lực Hoa Kỳ cũng vậy, vì đó là chiến thuật Hoa Kỳ đã sử dụng và huấn luyện cho Miền Nam để chống chiến thuật biển người của Bắc Việt.

Biển người vẫn là chiến thuật căn bản của Bắc Việt, cho nên lúc nào tỉ lệ thương vong của Cộng Quân đối với Hoa Kỳ và ngay cả đối với Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa, cũng rất cao. *Tài năng duy nhất của các Tướng Miền Bắc là không tiếc máu xương của nhân dân (binh sĩ)*. Sự phối hợp giữa Bộ Binh và không yểm của Hoa Kỳ với nhau, bao giờ cũng được đáp ứng đầy đủ, hiệu quả cũng cao hơn là nếu Bộ Binhh Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa xin không yểm của Hoa Kỳ (hành quân Lam Sơn chẳng hạn). Một yếu tố khác đã gây khó khăn cho các Tướng Lãnh Quân sự Hoa Kỳ tại Việt-nam là báo cáo thành quả chiến tranh. Thật là khó để có thể đo được mức độ tiến bộ chiến thắng tại Việt-nam, khởi đầu là một cuộc chiến tranh nhân dân. Trong Đệ II thế chiến, Hoa kỳ có thể thấy rõ sự chiến thắng qua mức tiến quân của Tướng Patton vào nước Pháp, và trong trận chiến Triều Tiên, qua sự đẩy lui của quân Bắc Hàn về phía Bắc. Muốn có một con số để báo cáo về Hoa Thịnh Đốn, chỉ còn một cách là đếm xác chết của địch và vũ khí tịch thu, mặc dù xác của địch và của thường dân cũng khó phân biệt được. Nhưng, Hoa Thịnh Đốn chỉ nhìn vào bản đồ Việt-nam và thấy toàn là *những chấm đỏ* ghi sự hiện diện của Cộng Quân khắp nơi (ngay cả Sài Gòn cũng có quân khủng bố) với cảm tưởng là chính phủ Miền Nam chỉ còn kiểm soát được các thành phố mà thôi (không có kiến thức về hình thể địa lý Việt-Nam, và hình thái chiến tranh du kích). *Yếu tố này đã là yếu tố căn bản khiến các quan lại tại Hoa Thịnh Đốn đánh giá sai lầm kết quả cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân (29.1.1968)*. Ánh sáng không thấy chút nào ở cuối đường hầm của cuộc chiến tranh, Hoa Kỳ phải

rút lui. Cánh cửa hòa đàm Paris đã mở cửa cho kẻ thắng nhưng tưởng mình thua (Hoa Kỳ), và kẻ thua nhưng được mọi người cho rằng mình thắng (Hà Nội). *Thế giới đã không chú ý đến một thực tế huy hoàng, chỉ trong một tháng sau Tết Mậu Thân, Quân Lực VNCH đã quét sạch CS nằm vùng và đẩy tàn quân cộng sản vào rừng sâu, qua biên giới Miên, Lào.* Võ Nguyên Giáp và các Tướng đàn em của Giáp đã bị đánh bại, tài liệu lịch sử ngày nay đã phơi bày. Các Tướng Lãnh và cơ quan tình Báo CIA lúc nào cũng vinh danh Quân lực VNCH. Westmoreland nói: *Tuy thiếu thốn cấp chỉ huy cũng như binh sĩ phải gánh vác nhiều trọng trách trong chiến đấu, Quân Lực VNCH đã giữ vững được đất nước về phương diện chính trị giữa lúc kẻ địch một ngày một lớn mạnh. Ít có quân đội nào trên thế giới đạt được thành công nhanh chóng như vậy. Vậy mà nhiều người Mỹ xem thường Đồng Minh của mình* (*316: Westmoreland, trang 364).

Trong lúc đó, các quan lại tại Hoa thịnh Đốn, giới truyền thông và nhóm phản chiến Hoa Kỳ phải bồi lõ, để áp lực chính phủ Hoa Kỳ không giúp Miên Nam, phải rút về trong danh dự. Colby đã viết: *Lý thuyết Nixon đã được áp dụng (Việt-nam hóa chiến tranh).* Quân đội Nam VN phải gánh lấy trách nhiệm chiến đấu trên bộ, Hoa Kỳ chỉ yểm trợ tiếp vận và không yểm. Quân đội Miên Nam Việt-nam đã vượt được thử thách này (met the test.)... Việt-nam Tự Do đã chứng minh họ có ý chí và khả năng tự phòng thủ với sự trợ giúp của Hoa Kỳ chống lại kẻ thù phương Bắc được sự trợ giúp của Nga và Trung cộng. Chẳng ai hề đặt câu hỏi: tại sao một quân Lực được giới truyền thông Hoa Kỳ mô tả là tốt tệ như vậy, lại có thể nhận thêm nhiệm vụ thay thế cho hơn 500.000 quân

của một cường quốc số một trên thế giới bỏ ra đi, mà vẫn giữ vững được lãnh thổ Miền Nam kể từ năm 1969 cho đến đầu năm 1975? Đó chẳng qua là một sự thật chẳng ai thích nói ra: Quân Lực VNCH dư khả năng đánh bại quân Bắc Việt nếu được trang bị đầy đủ vũ khí và quân dụng. Trong thời gian từ 1965 đến 1968, Hoa Kỳ đã làm cho Bắc Việt thấy sức mạnh quân sự của họ (khác xa với Pháp trước năm 1954) với những trận đánh gây thiệt hại nặng nề cho Cộng Quân, và làm cho khối Cộng không tin vào chiến thắng quân sự nữa, khối Cộng đã cố vấn cho họ Hồ phải đi vào hòa đàm để mở cửa cho Hoa Kỳ ra khỏi VN trong danh dự. Đó là con đường duy nhất mà khối Cộng đã vạch ra cho Hà Nội phải làm để chiến thắng Miền Nam. Hà Nội đã thú nhận, cho đến năm 1968, họ đã mất trên nửa triệu quân

Khi Hoa Kỳ đã có kết hoạch rút quân, viện trợ cho VN trở nên chậm và giảm dần, để rồi chấm dứt vào năm 1975. Tướng Pháp Vanuxem cho biết: *Viện trợ quân sự của Liên Xô cho Bắc Việt trong năm 1974, ngoài một số vũ khí nhẹ và các dụng cụ trang bị khác, có những chiến cụ sau đây:*

- 1,500 chiến xa loại T.54, T.55, và T.59
- trên 600 khẩu đại bác hạng nặng
- trên 1,700 hỏa tiễn SAM đủ tầm cỡ
- và một số khinh tốc đỉnh phóng ngư lôi...

*Phải nói thêm một lợi thế nữa của Bắc Việt. Đó là việc họ được một khoản viện trợ kinh tế là 1 tỷ 200 triệu Đô-La cho tài khóa 1973, và 1 tỷ 700 triệu Đô-la cho tài khóa 1974. Cũng nên biết thêm là 85% ngân khoản viện trợ kinh tế là do Liên Xô cung cấp...*318. Về nhân lực phía Trung Cộng đã đóng góp: Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, Trung Quốc đã cử mấy*

*chục vạn người sang giúp Việt-nam xây dựng hậu phương, và có hàng nghìn người đã hy sinh dưới bom đạn Mỹ**319. Hai nước Nga và Trung Cộng tranh giành ảnh hưởng với nhau nên thi đua viện trợ cho Bắc Việt. Trung Cộng đã viện trợ cho Bắc Việt khoảng 14 tỉ Đô La và 350. 000 binh sĩ kể từ năm 1954 đến 1974 *320.

*318: *La Mort Du Vietnam*, Vanuxem, trans 51-53

*319: *Giọt nước trong biển cả*, Hoàng Văn Hoan, trang 450.

*320: *The VC and the NVA*, Michael Lee Lanning and Dan Cragg, trang 244.

Song song với việc chuyển súng đạn, tiếp liệu vào Miền Nam, Westmoreland cho biết: *VC đã tập trung tại khởi điểm ở Cao Nguyên Miền Trung, trong hai tỉnh Kontum và Pleiku. Tại hai tỉnh này có khoảng 18 Sư đoàn Bắc Việt với quân số 400 ngàn đang tập trung tại đó. Con số này gấp bốn lần nhiều hơn so với thời gian bắt đầu cuộc ngưng bắn. Ngoài ra, còn thêm hai Sư Đoàn nữa đang trên đường kéo đến.*

Những cuộc hành quân liên kết giữa Sư Đoàn 2 với Hoa Kỳ

Sau khi đề cập phần hành quân của Hoa Kỳ, để nói lên giá trị đích thực của Quân Lực VNCH, chúng tôi, với tư cách là chứng nhân, xin ghi vắn tắt những cuộc hành quân tiêu biểu diễn ra tại Quảng Ngãi, Quảng Tín, vùng trách nhiệm của Sư Đoàn 2 Bộ Binh, vùng mà có thể nói, Hà Nội có *đội quân thứ năm mạnh nhất tại Miền Nam*. Đối với trận chiến VN, Hà Nội tuyên bố họ đã *thắng tại Hoa Thịnh Đốn, chứ không phải tại chiến trường miền Nam*, và những nhân vật lãnh đạo Hoa Kỳ bảo rằng *chỉ có người Hoa*

Kỳ (phản chiến) mới làm nhục, và đánh bại Hoa Kỳ. Điều này chứng tỏ, nếu Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng, Trần Văn Trà... có huênh hoang khoác lác về những chiến tích của họ tại Miền Nam, đó chỉ qua do bản chất “nói láo không gương miêng” của những người đảng viên CS như đã trình bày qua hình ảnh con vẹt Hoàng Văn Hoan. Hà Nội đã ngụy tạo qua phim ảnh những chiến thắng của họ trong các trận đánh thất bại tại Miền Nam. Trong buổi chiếu phim cho các Sĩ Quan Quân Lực VNCH đi tù tại Miền Bắc sau năm 1975, Đại Tá Ngô Đình Chung, Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 3 Bộ Binh, nguyên Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 2, Sư Đoàn 1 Bộ Binh, người đã đặt chân lên Tchépone trong cuộc hành quân Lam Sơn 719 ở Hạ Lào, đã vạch ra những điểm phim ghi sai lạc của trận đánh này. Đồng thời, Trung Tá Võ Vàng, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 5, Sư Đoàn 2 Bộ Binh, người đã tham dự các trận đánh ở Quế Sơn, Tiên Phước, Sa Huỳnh, cũng đã lên tiếng phản đối những sự kiện bóp méo sự thật. Sau đó, cả hai đều bị thủ tiêu. Để vinh danh những anh hùng trong Quân Lực VNCH, hoặc đã nằm xuống trong lòng đất mẹ, hoặc đang sống tù nhục trong trại tù vĩ đại VN, hoặc đang sống lưu vong trên xứ người, và cũng để đánh tan huyền thoại quân CS Bắc Việt, chúng tôi xin ghi tóm lược lại đây những chiến tích của Quân Lực VNCH suốt từ năm 1967 đến 1975, mà chính chúng tôi là chứng nhân, mặc dù họ đã thất bại trong trận chiến cô đơn cuối cùng (không nhận được viện trợ) của tháng Tư đen, năm 1975.

Hành quân liên kết 36, năm 1967

Kể từ năm 1964 đến 1965, quân du kích Cộng Sản, đội quân thú năm không quân phục, bị loại dần và hoạt động

không còn hữu hiệu. Hà Nội tăng cường nhịp độ xâm nhập người và vũ khí vào miền Nam gấp bốn, năm lần so với các năm trước, qua ngã đường mòn Hồ Chí Minh và đường biển. Các đơn vị Tiểu Đoàn Chủ Lực Tỉnh, Trung Đoàn, Sư Đoàn chính qui đã thành hình, nhằm mục đích lấn chiếm, mở rộng vùng kiểm soát với những trận địa chiến. Năm 1966 là năm Cộng Sản phát động chiến dịch đánh phá, lấn chiếm qui mô khắp nơi, đặc biệt là khu vực trách nhiệm của Sư Đoàn 2 Bộ Binh, gồm hai tỉnh Quảng Tín, Quảng Ngãi nơi trên 40% dân số có liên hệ gia đình tập kết.

Tại thị xã Quảng Ngãi, nơi Bộ Tư lệnh Sư Đoàn 2 đồn trú, không có một đơn vị tác chiến cũng như trừ bị nào bảo vệ, vì 3 Trung Đoàn đã được trải mỏng đóng đồn bót, giữ an ninh diện địa, cho nên, đêm đêm vẫn bị pháo kích bằng súng cối. Quốc Lộ 1 bị quấy phá thường xuyên, đường bộ đến các quận miền Thượng của hai tỉnh hầu hết bị cắt đứt, phải tiếp tế bằng trực thăng. Dân chúng tập trung quanh quận lỵ, Địa Phương Quân / Nghĩa Quân hoạt động hạn chế vì còn lo bảo vệ dân cư. Giữa lúc tình hình bi đát đó, Sư Đoàn 2 có vị Tư Lệnh mới, nhận nhiệm vụ vào giữa năm 1966.

Vừa nhậm chức, ông đưa ngay kế hoạch mới tái phối trí lực lượng. Để Chủ Lực Quân có được lưu động tính, tập trung toàn sức mạnh, Địa Phương Quân và Nghĩa Quân được hướng dẫn lãnh nhiệm vụ diện địa. Đây là kế hoạch rất khó khăn, gặp nhiều trở ngại, ít người tin tưởng có thể thành công. Sau 6 tháng, các đơn vị Sư Đoàn rút khỏi đồn bót, nơi đã cắm chân họ trong những năm trước, về tập trung huấn luyện, bổ sung quân số, nghỉ ngơi và sẵn sàng tham chiến bất cứ nơi đâu và bất cứ lúc nào Cộng Sản đánh

hơi (tình báo nhân dân của họ), ngưng hoạt động quấy phá để tìm kế hoạch mới, không còn dùng ngón nghề “công đồn đả viện”, “tứ khoái nhất măn” như lâu nay nữa. Kể từ lúc này, với 3 Trung Đoàn lúc nào cũng sẵn sàng chiến đấu không còn bận lo cho diện địa, Sư Đoàn liên tiếp tổ chức các cuộc hành quân qui mô, liên kết với các đơn vị Đồng Minh, mở rộng khu vực an ninh, giúp Tiểu Khu bình định các vùng đã bị mất từ trước.

Tháng 5.1967, Sư Đoàn mở cuộc hành quân liên kết với Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ trong vùng Tây Quảng Tín.

Vùng này giáp ranh giữa ba Quận Tiên phước, Tam Kỳ và Thăng Bình. Dân địa phương thường gọi Rừng Thơm và Hồ Nước. Nơi này là an toàn khu của Cộng Sản. Rừng cây thơm dày đặc gây khó khăn cho sự di chuyển của Bộ Binh. Hồ Nước lớn hình vuông mỗi cạnh khoảng 1.000 mét. Một cạnh dựa vào núi ba cạnh kia bao vây bởi ruộng lúa, mọi cuộc chuyển quân của chúng ta đều bị địch phát giác. Dãy núi Lư Sơn này có nhiều hang động, rừng già, dễ ém quân, dễ phòng thủ, dễ lẫn trốn. Các Ấp Chiến Lược bị hủy bỏ sau khi chính phủ ông Diệm sụp đổ, nay trở thành làng chiến đấu cho Cộng Sản, với địa đạo chằng chịt, chông, mìn bẫy tràn ngập.

Lực lượng hành quân được tổ chức như sau: Trung Đoàn 5 Bộ Binh (+) với Đại Đội Công Binh (phá hoại) và Trung Đội Quân Khuyển làm chủ lực. Phần trừ bị gồm Trung Đoàn 6 Bộ Binh, Chi Đoàn 3/4 Thiết Quân vận. Phần yểm trợ trực tiếp do Tiểu Đoàn 22 Pháo Binh 105, yểm trợ tổng quát do Pháo Đội 155, và không yểm khi cần

thiết. Hoa Kỳ đưa một Trung Đoàn TQLC, phần trừ bị còn lại ở Chu Lai

Sau đây là diễn tiến hành quân. Sư Đoàn 2 Bộ Binh sử dụng Trung Đoàn 5 (+) tiến phía Đông, song song với Trung Đoàn Thủy Quân Lục Chiến của Hoa Kỳ phía Tây (xem phóng đồ) nhằm chiếm các mục tiêu 51-52. Trung Đoàn 6 và Chi Đoàn 3/4 Thiết Quân vận trừ bị đóng tại phía Tây Quận Ly Tam Kỳ. Ngày N, các đơn vị vượt tuyến xuất phát, chạm địch lẻ tẻ, cấp Tiểu Đội, Trung Đội. Ngày N+1, một số đơn vị địch trong vùng rút về phía Tây, chạm súng với Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ và bị thiệt hại nặng. Ngày N+2, Trung Đoàn 5 tiếp tục tiến quân, lục soát, phá hủy địa đạo, làng chiến đấu, giúp các đơn vị Địa phương Quân / Nghĩa Quân lập đồn bót, bình định khu tái chiếm. Về phía Tây, Thủy Quân Lục chiến Hoa Kỳ vẫn tiến quân. Khoảng 5:30 giờ chiều, khi đi qua cánh đồng thấy dân chúng đang làm ruộng, họ không để ý kiểm soát, nên vừa đến bờ áp, những người làm ruộng bỏ việc, lấy súng giấu dưới ruộng tấn công. Bị bất ngờ, trời lại bắt đầu tối, phi pháo không yểm trợ được, máy bay bị hỏa lực của địch không tàn thương được. Chưa quen với chiến trường Việt-nam, nhất là đối với đạo quân không quân phục, đây là lần đầu tiên họ lâm vào trạng huống này nên không biết phải xoay sở như thế nào, do đó, họ đã yêu cầu Sư Đoàn 2 tiếp ứng, giải tỏa áp lực địch để tàn thương.

Nhận được lời yêu cầu của Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ vào lúc 7:30 giờ tối, Tư Lệnh Sư Đoàn 2 và Bộ Tham Muo bàn kế hoạch, và quyết định đưa Trung Đoàn 6 Bộ Binh di chuyển đêm vào mục tiêu MT 61, giao tiếp với đơn

vị Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ. Trung Đoàn 4 Bộ Binh tại Quảng Ngãi sẵn sàng di chuyển đến Quảng Tín làm trừ bị. Cấp thời, điều động Đại Đội Trinh Sát đang bảo vệ Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn tăng phái cho Chi Đoàn 3/4 Thiết Quân Vận thay Trung Đoàn 6 Bộ Binh, làm trừ bị.

Khoảng 9 giờ đêm hôm đó, Tư Lệnh Sư Đoàn dùng xe đi đến vị trí Trung Đoàn 6 Bộ Binh, xem xét việc hành quân và Trung Đoàn xuất phát vào 10 giờ đêm, một quyết định địch không bao giờ ngờ. Trên đường tiến quân không chạm địch, không bị mìn bẫy (thường ban đêm, vùng Cộng Sản kiểm soát, các chướng ngại được vô hiệu hóa) và hơn nữa, Trung Đoàn 5, 6 đã hành quân nhiều lần trong vùng này nên rất quen thuộc. Khoảng 3 giờ khuya, Trung Đoàn 6 vào vùng MT 61, địch bị bất ngờ, chống cự yếu ớt rồi bỏ chạy. Đến 4:30 giờ sáng, Trung Đoàn 6 bắt tay được với Thủy Quân Lục chiến Hoa Kỳ. Sáng hôm sau, tàn thương xong, Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ tiếp tục tiến về phía Bắc, Trung Đoàn 5 chiếm mục tiêu MT 52. Trung Đoàn 6 ở tại chỗ làm trừ bị, và yểm trợ công tác bình định. Khu Rừng thom đã được xây dựng lại từ đây cho mãi đến năm 1975. Quân lực Việt-nam Cộng-hòa giải vây đơn vị Hoa Kỳ là chuyện ít có, nhưng là sự thật do Sư Đoàn 2 đã làm. Yếu tố đưa đến sự thành công tốt đẹp của cuộc hành quân này là do yếu tố bất ngờ, Cộng Sản không có được yếu tố linh động trong trận địa chiến khi bị tấn công, vì thường chính họ chọn chiến trường, học tập nhiều ngày, tháng, trước khi tấn công. Chiến thuật của họ Mao vẫn còn trong đầu óc của cấp chỉ huy Cộng Sản: *Địch tiến ta lùi, Địch lùi ta tiến, Địch mệt ta đánh, địch nghỉ ta quấy*. Ngoài sự

cám ơn của Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, sau khi cuộc hành quân chấm dứt, Đại Tá Trung Đoàn Trưởng Thủy quân Lục Chiến Hoa Kỳ đến Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 2 ở Quảng Tín để bày tỏ sự cảm phục và cảm ơn sự giúp đỡ của Trung Đoàn 6 Bộ Binh.

Ý nghĩa lớn lao trong việc kể lại cuộc hành quân bình định này là *biến một lực lượng quân sự Bộ Binh bị động, trước đây chuyên làm công tác phòng thủ tại các đồn bót, trở thành một lực lượng tấn công mạnh mẽ, linh động không thua gì các binh chủng Tổng Trừ Bị của Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa như Biệt Động Quân, Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến.*

Hành quân liên kết 81, năm 1967

SKhông còn bận về diện địa nữa, Sư Đoàn 2 Bộ Binh đề ra kế hoạch huấn luyện, dưỡng quân, trao đổi kinh nghiệm chiến đấu, đồng thời hoạch định những cuộc hành quân ưu tiên nhằm giải tỏa áp lực địch vùng quanh thị xã Quảng Ngãi cũng như các nơi đông dân cư. Nhờ vậy, dân chúng đêm đêm yên giấc, không bị địch pháo kích.

Trong thời gian này, chiến dịch bình định thành công tốt đẹp khiến các đơn vị địch Chủ Lực Tỉnh, địa phương huyện, du kích xã mất dần địa bàn hoạt động. Quân chính qui địch bắt buộc phải lộ diện, nhưng mỗi lần chúng tập trung quân lại bị Sư Đoàn 2 Bộ Binh càn quét nhờ vào lưu động tính và tập trung sức mạnh của Sư Đoàn. Để đối đầu với sức mạnh và lưu động tính của Sư Đoàn 2 Bộ Binh, địch đưa ra chiến thuật “*Chốt Điểm hay Chốt Kiên*”. Chốt Điểm được tổ chức gồm một toán trung bình khoảng 5 hoặc 6 tên địch, chiếm giữ một địa thế khá an toàn để cản đường tiến quân của chúng ta. Đại bộ phận của địch gồm

cả Bộ chỉ Huy đóng quân cách xa ở phía sau. Sau khi điều nghiên, Sư Đoàn 2 Bộ Binh mỗi lần gặp Chốt Điểm, không tấn công phá Chốt Điểm để bị hao quân, ban đêm tiến quân vào phía sau của Chốt Điểm (bypass), cắt đường tiếp tế cho Chốt Điểm, và tấn công vào đại đơn vị của địch. Chốt Điểm bị cô lập, không được tiếp tế, tự tan rã, không thể hoàn thành nhiệm vụ báo động và cản đường tiến quân. Chiến thuật nổi tiếng của Cộng Sản về “*công đồn, đả viện*” trước kia, nay đã bị Sư Đoàn 2 Bộ Binh vô hiệu hóa. Hơn thế nữa, Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa bắt đầu hành quân với Hoa Kỳ qua chiến thuật *Diều Hâu* trực thăng vận, đổ quân ngay trên đầu địch, nên việc “*đả viện*” trở thành vô nghĩa.

Vào tháng 7.1967, Sư Đoàn 2 Bộ Binh mở một cuộc hành quân cấp Trung Đoàn liên kết với Lữ Đoàn Thanh Long Đại Hàn, nhắm vào vùng Đông Bắc thị xã Quảng Ngãi, bao gồm xã Bình Hoàng, Bình Thiện, Bình Kỳ, Bình Đức (Cap Batangan hay Mũi Ba Làng An) và Sơn Mỹ (Mỹ Lai). Cuộc hành quân dự trù trong 10 ngày. Tuy nhiên, sau hai ngày hành quân, kế hoạch thay đổi vì Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh nhận được tin tức từ phía Hải Quân cho biết họ phát hiện một chiếc tàu nghi ngờ chở vũ khí vượt vĩ tuyến 17, xuôi Nam, ban ngày giả vờ đánh cá trong hải phận quốc tế ban đêm di chuyển. Hải Quân đã được lệnh không đến gần, không xét hỏi vì biết rằng các tàu này đều có đặt chất nổ sẵn, khi bị chặn xét, sẽ cho nổ đánh đắm tàu để phi tang bất kể sinh mạng của thủy thủ đoàn. Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh đặt kế hoạch theo dõi trên bộ.

Sau 5 ngày đi chậm chạp, khi đến gần đảo Lý Sơn, tàu này quanh quẩn hai ngày, một số ghe đánh cá đến liên lạc.

Duyên Đoàn 16 nhận nhiệm vụ theo dõi. Trong khi đó, tin kỹ thuật và tình báo của chúng ta ghi nhận Quân Khu 5 Cộng Sản ở Đồ Xá điều động 2 Trung Đoàn chính qui về vùng Tây Bắc Quảng Ngãi phối hợp yểm trợ tiểu đoàn 406 Đặc Công, Tiểu Đoàn 48 Chủ Lực Tỉnh, bảo vệ hành lang nhận, chuyển vũ khí từ Bình Đức, núi Thành Thành, núi Võ, băng qua Quốc Lộ 1 về núi Ngang, Vĩnh Tuy. Cuộc hành quân chuyển hướng, Đại Hàn rút về Bình Liên, Trung Đoàn 4 về phi trường Quảng Ngãi trong tư thế sẵn sàng trở lại khu bờ biển, khi tàu vũ khí cập bến.

Sau mấy ngày quan sát, địch nghĩ rằng cuộc hành quân đã chấm dứt, tàu vũ khí đổi hướng đi vào Bình Đức, khu vực trách nhiệm của Đại Hàn. Tàu vừa cập bến, các đơn vị tiến nhanh trở lại vùng hành quân, chiếm mục tiêu ấn định. Dù tàu đã ủi bãi, nhưng khi lực lượng Đại Hàn tiến đến, địch cho phá hủy tàu, một số nhỏ vũ khí hư hại rơi xuống biển, trên 1.000 súng đủ loại còn nguyên vẹn bị tịch thu, mang chiến thắng cho quân bạn. Lúc đó, một tàu chở đầy gạo khác của địch cũng bị ta phát hiện đang tiến về Quảng Ngãi. Khi đến vùng biển ngoài Đà Nẵng, nhận được tin tàu vũ khí bị bắt, địch biết đã bị theo dõi không thể trở về Bắc được, nên đánh đắm tàu, gạo trôi tấp vào bờ biển Hội An, Tam Kỳ, Chu Lai, Quảng Ngãi, nông dân vớt được hàng tấn gạo sản xuất từ Trung Cộng, mỗi bao 100 kg, bọc nylon cẩn thận.

Mùa mưa sắp tới, kế hoạch hoạt động Đông Xuân đã vạch ra, nhưng lương thực và vũ khí tiếp tế từ Bắc vào ngã đường biển không đến tay được, Quân Khu 5 Cộng Sản quyết định bằng mọi giá phải đưa quân về đồng bằng để thu mua cho được mùa lúa tháng 8 năm này. Được tin tình

báo, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh mở cuộc bành quân **Liên Kết 81**. Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ không muốn hành quân trong vùng đông dân cư, nên Sư Đoàn 2 Bộ Binh sẽ nhận nhiệm vụ ưu tiên bảo vệ mùa gặt khỏi lọt vào tay địch. Đồng lúa Quảng Tín chạy dài từ Hương An phía Đông Quốc Lộ 1, đến Lý Tín. Đồng lúa Quảng Ngãi, cánh đồng Đông Tây, Mộ Đức, Đức Phổ, Sơn Tịnh, Bình Sơn, cò bay thẳng cánh, khi được mùa có thể nuôi hai hay ba Sư Đoàn trong một năm.

Hai Trung Đoàn 5, 6 trách nhiệm vùng Quảng Tín, Trung Đoàn 4 vùng Quảng Ngãi. Sư Đoàn không còn lực lượng trừ bị, nên phải xin Bộ Tổng Tham Mưu tăng cường Lữ Đoàn Nhảy Dù đặt dưới quyền điều động của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh. Khu vực hành quân thuộc Tây Bắc Quảng Ngãi, giữa hai con sông Trà Bồng, Trà Khúc, giáp ranh bốn Quận; Trà Bồng, Sơn Hà, Bình Sơn, Sơn Tịnh. Khu này có hành lang di chuyển quan trọng của địch từ Đông sang Tây thẳng vào Mật Khu Đô Xá, nơi đóng quân của Bộ Tư Lệnh Quân Khu 5 Cộng Sản. Năm 1962, Sư Đoàn 25 Bộ Binh đưa Trung Đoàn 51 vào hoạt động, đồn trú tại Ba Gia, gây trở ngại sinh hoạt của địch. Địch đã mở nhiều trận công đồn, nhưng đều thất bại. Năm 1964, Sư Đoàn 25 Bộ Binh di chuyển vào Nam, chỉ còn một đơn vị nhỏ để lại Ba Gia, nên sau đó đã bị địch tràn ngập và từ đó bỏ ngõ. Dân chúng về các trại định cư quận liên hệ, ngày ngày vẫn vào canh tác ruộng vườn.

Địa thế vùng này rất hiểm trở, nên rất thuận lợi cho việc ém quân, che dấu rất tốt. Ngày N-3, Đại Đội Trinh Sát Sư Đoàn được đưa vào vùng Tây Sơn Trung, với nhiệm

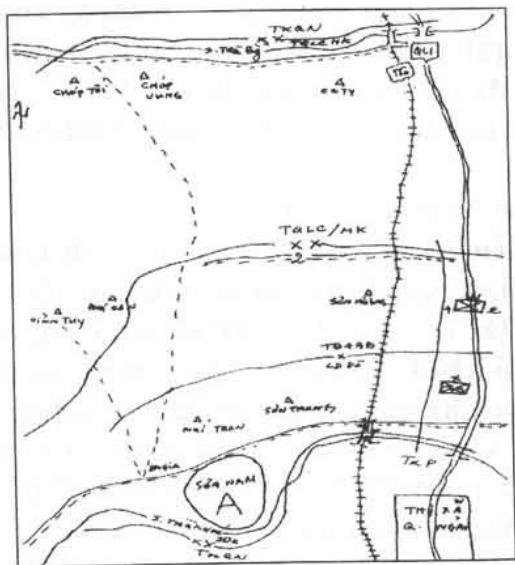
vụ thăm dò, đặt hai toán viễn thám tại khu núi Tròn. Lợi dụng trời mưa, đêm tối, đơn vị này hoàn thành công tác sau 48 giờ, và lui về trại định cư núi Sứa. Sáng sớm ngày N, Bộ Tư Lệnh Hành Quân Sư Đoàn, Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ di chuyển lên vùng núi Thiên Ấn, phía Bắc sông Trà Khúc, Trung Đoàn 4 vượt tuyến xuất phát ở Sơn Hương tiến về phía Tây chiếm các mục tiêu 45, 46, 47. Lữ Đoàn Dù đến Sơn Trung làm trừ bị. Ngày N+1, Trung Đoàn 4 bắt đầu chạm địch cấp Đại Đội; Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ chiếm các cao điểm núi Ca Ty, Phú Sơn cũng chạm địch cấp Trung Đội, Đại Đội.

Một số đơn vị địch cố gắng di chuyển vào vùng hành quân để tăng cường, nhưng bị chặn đánh đẩy lui, và địch bị thiệt hại trung bình. Ngày N+3, địch phản kích, tấn công Trung Đoàn 4 tại vùng mục tiêu 46. Địch bị thiệt hại nặng, nên chiều hôm ấy, các toán viễn thám của chúng ta quan sát ghi nhận địch đang rút về hướng Xã Sơn Nam gần lực lượng Nhảy Dù, địch tránh giao chiến, đánh lạc hướng chú ý của chúng ta. Tuy nhiên, địch đã bị theo dõi. Mấy ngày trước đó, Trung Tá H., Chỉ Huy Trưởng Lữ Đoàn Dù ngạc nhiên khi thấy đơn vị tăng phái của ông ta không được sử dụng vào cuộc hành quân mà chỉ giữ nhiệm vụ trừ bị. Khả năng của Lực lượng Dù là dứt điểm, tiêu diệt địch. Cho nên, khi mục tiêu được xác định, ngày N+4, Lữ Đoàn Nhảy Dù được điều động ra quân. Lữ Đoàn Nhảy Dù tiến sát mục tiêu, xáp chiến dữ dội lấn chiếm từng giao thông hào, bờ tre, ấp chiến đấu, không có yểm trợ của Pháo Binh, và của Không Quân. Địch đã bị đánh tan, Lữ Đoàn Nhảy Dù chiếm mục tiêu. Trong lúc đó, Trung Đoàn 4, sau khi

chiếm các mục tiêu, giữ an ninh cho dân chúng tập nập vào gặt lúa đưa về nơi an toàn trong mấy ngày liên tiếp.

Đặc điểm của trận này là, ngoài việc xóa tên Trung Đoàn tăng cường của Sư Đoàn 3 Cộng Sản, giết tên Trung Đoàn Trưởng người Huế, tập kết mới trở vào Nam, ***Sư Đoàn 2 Bộ Binh đã phá tan kế hoạch của Công Sản nhằm chiếm lúa của dân, và đã giúp dân chúng gặt mùa lúa an toàn***. Nhưng buồn thay, trong suốt cuộc chiến tại Miền Nam, ***giới truyền thông Hoa Kỳ lúc nào cũng tô son, điểm phấn cho kẻ cướp (Bắc Việt) và bôi lọ kẻ bảo vệ dân chúng (Nam Việt)***.

Sau trận này, tài liệu bắt được cho biết Cộng Sản cầm giận Sư Đoàn 2 Bộ Binh, cho nên, mặc dù chủ trương chung của Cộng Sản lúc bấy giờ, ưu tiên một là tấn công các đơn vị Hoa Kỳ để gây tiếng vang, nhưng tại Quân Khu 5, Cộng Sản vẫn ưu tiên tìm cách đụng độ để trả thù Sư Đoàn 2 Bộ Binh. Định treo giải thưởng lớn cho đơn vị nào sát hại được vị Tư lệnh của Sư Đoàn này. Tiếp theo chiến thắng to lớn này, Tiểu khu Quảng Ngãi yêu cầu Sư Đoàn 2 Bộ Binh hành quân khai thông trục lộ Bình Sơn vào Quận Trà Bồng. Cuộc hành quân này do Thiếu Tá P. V. N. chỉ huy, đã gây ảnh hưởng tâm lý rất tốt trong dân chúng, vì từ nay, Trà Bồng có thể được tiếp tế nhu yếu phẩm, họ có thể đưa các lâm sản như gỗ quý, quế về tỉnh để tiêu thụ, xuất cảng. Khoảng 10 ngày sau cuộc hành quân chấm dứt, Toà Hành Chánh tỉnh và thương gia đã đến ủy lạo các đơn vị hành quân với số tiền thưởng khoảng 10-12 ngàn đồng Việt-nam.



Hành quân LK 81 (giai đoạn 2)

hành quân, họ rút đi nơi khác, khiến địch quân khó có thể ước tính. Khu vực Đông Bắc Quảng Ngãi là khu vực trực thuộc trách nhiệm của Sư Đoàn 2 Bộ Binh và Lực lượng Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, gồm các Quận Sơn Tịnh, Bình Sơn. Để thực hiện kế hoạch “tát nước”, Sư Đoàn 2 Bộ Binh và Lực lượng Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ đã đổ quân tràn ngập, và bao vây vùng hành quân, đem theo đơn vị xe ủi đất để khai quang, phá hủy mìn bẫy, địa đạo, hầm hố, dùng trực thăng không vận tất cả dân chúng, gia súc của họ về khu tập trung tại Xã Sơn Long, chân núi phía Nam Thiên Ấn, phối hợp với chính quyền Xã để thanh lọc “bắt cá”. Kết quả một số du kích, cán bộ xã ấp bị bắt giữ. Những đơn vị Cộng Quân chạy thoát, bị chúng ta hoặc lực lượng bạn truy kích và tiêu diệt. Cuộc hành quân diễn tiến

trong bốn tuần lễ, khai quang các nơi hiểm trở, gây thiệt hại nhân mạng và vật chất nặng nề cho địch. Địch đã bị đẩy ra khỏi dân, phải kéo về phía Tây để chỉnh trang, bổ sung quân số, giải quyết vấn đề lương thực ... “*Cá “ đã bị bắt hoặc bị đẩy ra khỏi “nước “.*

Sau cuộc hành quân này, lực lượng Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ được thay thế bằng Sư Đoàn 23 Bộ Binh Hoa Kỳ. Mới đến, Sư Đoàn này không tin tưởng vào khả năng tác chiến của Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa (có lẽ bi nhối sợ bởi giới truyền thông Hoa Kỳ) nên họ yêu cầu phân chia khu vực hành quân.

Sư Đoàn 2 Bắc Việt đưa quân hoạt động lên phía Bắc, đánh chiếm một số ấp về phía Tây và Tây Bắc thuộc hai Quận Tiên Phước (Quảng Tín) và Quế Sơn (Quảng Nam). Vào khoảng tháng 10.1967, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh liền tổ chức hành quân với quân số cơ hữu và hai Tiểu Đoàn Biệt Động Quân tăng phái từ Đặc Khu Quảng Đà. Hai Tiểu Đoàn Biệt Động Quân từ Hòa Cẩm được đưa thẳng đến vùng đồi 159, Trung Đoàn 6 đến Quận lỵ Thăng Bình, sẵn sàng xuất phát.

Ngày N, giờ G, theo kế hoạch hai cánh quân đồng loạt vượt tuyến xuất phát. Biệt Động Quân từ đồi 159 tiến dọc theo cao địa phía Đông núi Phổ Khang từ Nam lên Bắc. Trung Đoàn 6 Bộ Binh đi theo thung lũng Việt An, núi Bàn Thạch đến đèo Le phía Tây Quế Sơn. Trung Đoàn 5 Bộ Binh và Chiến Đoàn 3/4 Thiết Quân Vận giữ nhiệm vụ trừ bị tại Tuấn Dương. Bộ Tư Lệnh Hành Quân Sư Đoàn đóng tại Tiểu Khu Quảng Tín. Biệt Động Quân với tài leo núi, trong hai ngày đầu đã đến chiếm được mục tiêu

không mấy khó khăn. Tuy nhiên, trưa ngày N+2, khi đến núi Đá, Đông Bắc Tiên Phước, Biệt Động Quân chạm địch mạnh, bị pháo dồn dập không tiến quân được nữa. Đến khoảng 4:00 giờ chiều cùng ngày, tình hình trở nên nghiêm trọng vì đơn vị hỏa lực mang theo gần cạn. Máy bay Chinook được lệnh vào vùng để tiếp tế gấp, nhưng gặp hỏa lực phòng không địch rất mạnh, đạn lửa bắn lên bay như đàn lưới không thể đáp xuống được. Để nâng cao tinh thần binh sĩ Tu Lệnh Sư Đoàn 2 quyết định dùng trực thăng vào ngay tại chiến trường để quan sát, mặc dầu phi hành đoàn cho rằng như vậy là nguy hiểm quá. Biệt Động Quân thả khói đánh dấu bãi đáp, trực thăng chờ Tu Lệnh Sư Đoàn 2 bay thật thấp vào bãi đáp cách mặt đất khoảng 2 mét và bay đi ngay, sau khi vị Tu Lệnh nhảy xuống đất, đạn được được đẩy xuống. Địch tiếp tục pháo kích thật dữ dội. Được tiếp tế đạn được, và trước sự hiện diện trong mưa pháo của Tu Lệnh Sư Đoàn, Biệt Động Quân đã đẩy lui các đợt xung phong của địch và tiến chiếm mục tiêu. Một giờ sau, trực thăng trở lại đón vị Tu Lệnh Sư Đoàn, khi cất cánh bay về, địch pháo kích trúng cánh quạt, xạ thủ đại liên bị thương, trực thăng không thể bay lên cao mà phải bay sà theo sườn đồi, ngọn cây, về Sơn Chà, Đà Nẵng, nơi đây có toán chữa lửa và cấp cứu chờ sẵn tại phi trường. Phi cơ không thể đáp được mà phải cho chạy dài theo phi đạo, dùng lực cản của còng đáp phi cơ trên mặt phi trường để có thể dừng lại. Mọi người nhảy ra an toàn.

Sau khi thăm viếng chiến trường, để yểm trợ hữu hiệu cho Biệt Động Quân, Tu Lệnh Sư Đoàn đã ra lệnh tất cả các máy bay phải ra ngay khỏi vùng trong vòng 10 phút,

sau đó, ra lệnh cho Pháo Binh bắn trả vào các vị trí của địch quân. Biệt Động Quân đã hoàn thành nhiệm vụ tốt đẹp. Ngày N+4, cánh quân Trung Đoàn 6 chạm các chốt của địch dọc theo núi Đất. Đã có kinh nghiệm về Chốt Điểm của địch, Trung Đoàn tạm dừng quân, chờ tối đến, lách qua phía sau của chốt, đánh thẳng về phía sau, địch rối loạn rút lui chỉ dùng pháo binh bắn cản đường tiến quân của chúng ta. Trung Đoàn 6 vẫn tiến quân chiếm đèo Le và các ấp bị mất trước đây, hoàn tất nhiệm vụ tốt đẹp. Hai cánh quân đã yểm trợ cho lực lượng diện địa tái lập an ninh, và cuộc hành quân chấm dứt vào ngày N+15. Sự thành công của cuộc hành quân này nói lên vai trò hệ trọng của vị chỉ huy cao cấp trong các cuộc hành quân. *Lòng can đảm của họ làm nức lòng binh sĩ, quyết định tại chiến trường bao giờ cũng chính xác, và cấp chỉ huy phải nhận lãnh trách nhiệm của sự thành bại là những yếu tố thắng địch một cách vẻ vang.*

Mậu Thân (29.1.1968) tại Quảng Ngãi, Quảng Tín

Tại Quảng Ngãi, Quảng Tín, tin tức về cuộc tổng Công Kích Tết Mậu Thân đã được thâu lượm chính xác nhưng vẫn bán tín bán nghi, vì Cộng Sản đã đồng ý hưu chiến trong ba ngày Tết, ngày được coi là thiêng liêng đối với phong tục Việt-nam. Tuy vậy, công tác chuẩn bị ứng phó đã được thực thi, kiểm soát chu đáo. Kế hoạch “đón Xuân Quang Trung” được phát động rầm rộ, các toán Chiến Tranh Chính Trị, Tư Lệnh, Tư Lệnh Phó, Ban Tham Mưu Sư Đoàn, chia phần đến sinh hoạt, nói chuyện, giải thích, chung vui với binh sĩ để họ yên lòng ở lại vị trí đóng quân, sẵn sàng ứng chiến, thay vì về ăn Tết với gia đình. Tất cả lực

lượng diện địa, bán quân sự, chủ lực quân, tùy theo binh hình, luân phiên đón Xuân, mừng Tết trước ngày 20, tháng 12 âm lịch. Phòng sở, Bộ Tham Muu, được tổ chức thành Đại Đội, Trung Đội, Tiểu Đội trang bị đầy đủ như đơn vị chiến đấu. Ban ngày vẫn làm việc như thường lệ, ban đêm, ngoại trừ Trung Tâm hành quân, và nhân viên trực, tất cả đều phải ra vị trí phòng thủ. Tỉnh, Quận lý, vào ban đêm, xử dụng Cảnh Sát dã Chiến, Thám Sát Tỉnh, điều động họ chiếm cứ các cao ốc, các địa thế trọng yếu. Về phần Chủ Lực quân, Trung Đoàn 5 Bộ Binh cùng với Chiến Đoàn 3/4 trách nhiệm khu Tuần Dưỡng, Thăng Bình (Bắc Quảng Tín), Trung Đoàn 6 Bộ Binh, trách nhiệm Tây Tam Kỳ, Lý Tín (Nam Quảng Tín), và Trung Đoàn 4 Bộ Binh và Chiến Đoàn 2/4 trách nhiệm phi trường Quảng Ngãi, khu Nghĩa Hành, Tư Nghĩa. Tại Quảng tín, địch nhắm tấn công vào các cơ sở chỉ huy, các đơn vị chủ lực, cầu chiến lược Quốc Lộ 1, nên đã tổ chức ba cánh quân: Cánh thứ nhất, nhắm vào Tòa Hành Chánh, Bộ Chỉ Huy tiểu Khu; cánh thứ hai, nhắm vào Quận, Chi Khu Tam Kỳ, hậu cứ Trung Đoàn 6 Bộ Binh; cánh thứ ba nhắm vào cầu Tam Kỳ. Giữa lúc mọi gia đình đang cúng Giao Thừa, chuẩn bị đón Xuân, Cộng Sản bắt đầu pháo kích bừa bãi vào thị xã, sau đó bộ binh tiến đến các mục tiêu dự tính. Nhưng, tất cả ba mũi tấn công của địch đều bị chặn đánh ngay tại tuyến an ninh vòng đai ngoài thành phố, gây thiệt hại nặng, địch phải rút lui.

Tại Quảng Ngãi, Cộng Sản sử dụng lực lượng gấp ba lần quân trú phòng, quyết chí trả thù Sư Đoàn 2 mà địch thường gọi “*Sư đầu nã, ác ôn*”. Bằng bốn cánh quân, địch (1) nhắm vào phi trường, (2) Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu, Bộ Chỉ

Huy Cảnh Sát, Lao Xá (3) Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh trong nội thành, và (4) Trung Tâm Huấn Luyện Nghĩa Quân trên núi Long Đầu về phía Bắc sông Trà Khúc, cao địa quan sát toàn thị xã.

Mở đầu cuộc tấn công, vào lúc giao thừa, cánh quân thứ nhất của địch đồng loạt pháo kích khắp nơi, ác liệt nhất là khu phi trường và vị trí phòng thủ của Trung Đoàn 4 Bộ Binh. Sau đó, địch mở nhiều đợt xung phong hò hét vang rền, nhưng vẫn bị đẩy lui. Trời vừa sáng, Tiểu Đoàn 2/4 bắt đầu phản công vào phía hông quân địch, chúng tháo chạy tán loạn, để lại nhiều thương vong, một số bị bắt sống, và một số đầu hàng.

Cánh quân thứ hai của địch được chia thành từng toán cấp trung đội, theo bờ sông Xóm Xiếc, xâm nhập thành phố qua ngã Tư Quang, Tư Chánh (địa danh xã thuộc quận Tư Nghĩa, Quảng Ngãi). Khi đến đường xe lửa, địch bị lực lượng Địa phương Quân, Nghĩa Quân chặn đánh nên chúng không thể vượt qua được vòng đai an ninh của thị xã, đành phải tháo lui. Một toán gồm 6 tên quân chính qui Bắc Việt bị lạc vào thị xã, cố thủ tại trường Trung Học Kim Thông, nhưng đến trưa cũng bị giải giới.

Cánh quân thứ ba của địch được sự hướng dẫn của Chủ Lực Tỉnh, men theo kinh đào La Hà, đến khu ruộng mía phía Nam nội thành để giấu quân, đợi giờ tấn công. Hai toán đầu tiên khi vừa tới phía đông kho đạn núi Bút, thấy đèn sáng, tưởng gặp Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 2, nên đổi hướng về phía ruộng mía, chạm súng với các tổ bảo động của chúng ta, đập phải mìn Claymore tự động. Các toán địch khác trên đường di chuyển, nghe súng nổ, biết đã bị

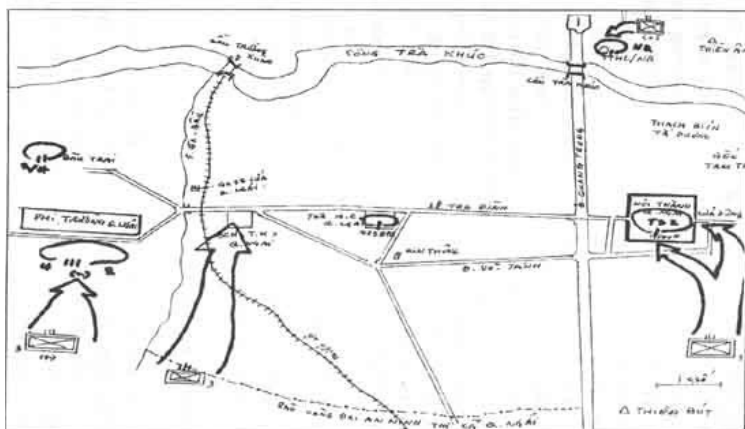
bại lộ, tháo chạy. Hai Trung Đội chạy lạc về hướng Bắc, lúc trời gần sáng, đã lọt vào ổ phục kích của đơn vị Trinh Sát Sư Đoàn 2 và bị tiêu diệt.

Cánh quân thứ tư với sự yểm trợ của vũ khí nặng, áp dụng chiến thuật “*nhất điểm lưỡng diện*”, tấn công núi Long Đầu do hai Trung Đội Nghĩa Quân phòng ngự. Sau một giờ cầm cự, Nghĩa Quân phải rút khỏi vị trí, vì nơi này gần khu đông dân cư, không thể yểm trợ bằng pháo binh được. Địch đặt súng cối từ đó bắn quấy rối vào Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn cũng như vào thị xã. Tư Lệnh Sư Đoàn quyết định cùng Bộ Tham Mưu nhẹ dùng ba thiết Quân Vận đi thăm đơn vị đang lâm chiến. Xe Tư Lệnh Sư Đoàn dẫn đầu bị trúng B41, nhưng chỉ bị hư hại nhẹ. Tư Lệnh Sư Đoàn thảo luận với vị chỉ huy Địa Phương Quân, và giao Thiết Quân Vận cho Địa phương Quân mở đợt tấn công vào nơi có vũ khí nặng của địch. Đây là đánh cận chiến, đánh bằng lựu đạn qua các giao thông hào, Thiết Quân vận cày lên hầm ẩn núp của địch. Sau 20 phút giao tranh, địch bỏ chạy về hướng Bắc để lại toàn bộ vũ khí nặng và thương vong. Nói tóm lại bốn mũi dùi tấn công của Cộng Sản đều bị đánh tan trong mấy ngày đầu. Không một thị trấn nào trong vùng bị cộng Sản chiếm đóng. Chiến thắng vẻ vang này là do sự chuẩn bị chu đáo để nghênh địch, và lòng quyết tâm chiến đấu của mọi cấp, quân sự cũng như bán quân sự. Tuy nhiên, như đã trình bày ở phần tình hình tiêu diệt địch trong dịp Tết Mậu Thân của toàn quốc, Quân Lực Việt-nam Cộng Hoà đã toàn thắng, nhưng dưới cái nhìn của thành phần phản chiến Hoa Kỳ, của giới quan lại tại Hoa Thịnh Đốn, và nói chung, của người bạn quý giúp đỡ tiền bạc nhiều nhưng không

biết gì về Việt-nam cả, Hoa Kỳ đã kết luận họ không thể nào tìm được chiến thắng quân sự tại Miền Nam, từ đó, đưa đến quyết định Hoa Kỳ phải rút khỏi Việt-nam trong danh dự và để đổi lấy số tù binh Mỹ bị Hà Nội giam giữ !?

Sơ Đồ Thị Xã Quảng Ngãi

(Trận Tết Mậu Thân 1968)



Hành quân trực thăng vận

Như đã nói ở phần trước, Sư Đoàn 23 Bộ Binh Hoa Kỳ lúc đầu không muốn hành quân chung với Sư Đoàn 2 Bộ Binh, nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, nhìn thấy tận mắt những thành quả to lớn của Sư Đoàn 2 Bộ Binh, họ thay đổi thái độ, vui vẻ thảo luận những cuộc hành quân liên kết. Hành quân đơn phương, Sư Đoàn 23 Bộ Binh Hoa Kỳ, mặc dầu có hỏa lực mạnh, vẫn không thành công theo ý muốn, chịu nhiều tổn thất vì chưa có kinh nghiệm chống lại đội quân không quân phục, không phân biệt được ai là địch, ai là dân, bị bắn tẻ, không biết phát hiện chông, mìn bẫy... Chính Sư Đoàn 23 Bộ Binh Hoa Kỳ yêu cầu mở cuộc

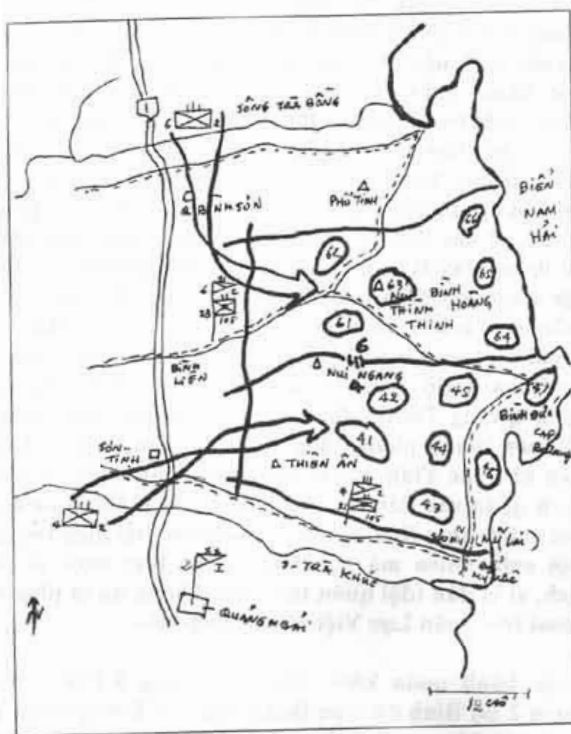
hành quân liên kết này. Đây là một cuộc hành quân có tính cách đặc thù, không theo chiến thuật bình thường, do Sư Đoàn 2 Bộ Binh hoạch định. Mục tiêu của cuộc hành quân liên kết này là để tiêu diệt các Tỉnh Đội Chủ lực Quảng Ngãi gồm 10 Đại Đội địa phương Huyện, 3 Tiểu Đoàn chủ lực 406, 48, 38, và các đơn vị du kích xã. Sở dĩ khó tiêu trừ lực lượng này là vì hầu hết là dân địa phương, ngoài việc được gia đình bao che, họ rành rẽ địa thế, nên phân tán, tránh né các cuộc hành quân rất nhanh. Ngoài ra, trong cuộc tổng Công Kích Tết Mậu Thân, Sư Đoàn 2 Bộ Binh và hai Tiểu Khu Tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Tín đã đẩy lui địch ngay từ ngoài vòng đai, nên thành phần Cộng Sản nằm vùng chưa bị lộ diện như các tỉnh, thị xã khác trên toàn quốc. Cuộc hành quân sau đây là một thí dụ điển hình về sự sai lầm chiến lược Hoa Kỳ trong cách tìm diệt địch trong một cuộc chiến mà họ không phân biệt được ai là địch, ai là dân (đội quân thứ năm, không quân phục), ngoại trừ Quân Lực VNCH.

Cuộc hành quân khai diễn vào tháng 8.1968. Sư Đoàn 2 Bộ Binh đã trực thăng vận hai Trung Đoàn 4 và 6 vào khu vực hành quân, chia ra nhiều bãi đáp khác nhau, tràn ngập khu vực. Hai Trung Đoàn đã ở lại hai ngày, sau đó, di chuyển ra khỏi vùng, không chạm địch. Như đã trình bày, địch lẫn trốn rất nhanh. Để lừa địch, một số toán viên thám được gài lại ả núp trên các cao địa, tránh giao tranh, chỉ quan sát địa điểm xuất hiện của địch về đêm. Tưởng rằng cuộc hành quân đã chấm dứt, địch bắt đầu xuất hiện để hoạt động. Sau 48 tiếng đồng hồ quan sát, những toán thám sát đã biết rõ địa điểm trốn tránh, giờ giấc sinh hoạt

của các đơn vị địch. Chiều ngày N+4, các toán viên thám báo cáo sự xuất hiện của Cộng Sản, Sư Đoàn 2 Bộ Binh đã điều động 2 Đại Đội trực thăng Hoa Kỳ đã chuẩn bị trước, đổ hai Trung Đoàn 4 và 6 ngay tại địa điểm địch xuất hiện để tấn công. Địch bị đánh bất ngờ không lẩn tránh được, các ngã rút lui cũng bị chặn đánh, nên chống cự mãnh liệt để tìm đường sống, nhưng vô ích. Sau 20 phút giao tranh, hai đơn vị “*khó diệt*” của Tỉnh Đội Quảng Ngãi gần như hoàn toàn bị loại khỏi vòng chiến

Hành Quân Đồng Bình Sơn

(Sơn Tịnh)



Sáng hôm sau, hai Trung Đoàn tiếp tục truy lùng gắt gao tàn quân của Tiểu Đoàn 406, và 48 của địch. Nhằm mục đích làm giảm áp lực của hai Trung Đoàn để cho 2 đơn vị nòng cốt của họ có cơ may tẩu thoát, Tỉnh Đội Cộng Sản ra lệnh cho 2 Đại Đội Địa Phương Huyện tấn công giữa ban ngày Trung đội Nghĩa Quân đang bảo vệ cầu gỗ nổi liền Đức Phụng, Đức Hải về phía Đông Nam thị xã khoảng 25 cây số đường chim bay. Trung Đoàn 4 đã phản ứng ngay, sử dụng đơn vị trừ bị tại khu vực hành quân, trực thăng vận đến Đức Hải chặn đánh 2 Đại Đội địch vào lúc 4 giờ chiều. Sau hai giờ giao tranh, địch thiệt hại 2/3 quân số và rút lui. Đơn vị trừ bị lại được trực thăng đưa trở lại khu vực hành quân.

Sau cuộc *hành quân trực thăng vận* này, Sư Đoàn 23 Bộ Binh Hoa Kỳ đến cảm ơn rối rít, Tướng Westmoreland từ Sài Gòn bay ra thăm viếng, khen ngợi. Cái khó khăn của cuộc hành quân này là làm sao lừa được địch để “*diệt cá đang sống trong nước, và đang được bao che*”. Cái khó khăn này cũng là cái khó khăn chung của cuộc chiến Việt-nam. Dĩ nhiên, chiến thuật này thành công cũng nhờ vào phương tiện trực thăng của Hoa Kỳ. Kể từ đó về sau, Sư Đoàn 23 Bộ Binh Hoa Kỳ yểm trợ rất sốt sắng về pháo binh cũng như trực thăng.

Mặc dầu, Tiểu Đoàn Đặc Công 406, và Tiểu Đoàn 48 bị đánh tan, nhưng Tiểu Đoàn 38 vẫn còn hoạt động trong vùng. Trung Đoàn 4 phối hợp với Cảnh Sát địa phương tổ chức lưới tinh báo theo dõi sự di chuyển của Tiểu Đoàn 38 qua các em bé chăn bò thường thả bò cho ăn trong khu vực Tiểu Đoàn này đóng quân, đồng thời gài được nội

tuyển vào Bộ Chỉ Huy của Tiểu Đoàn. Tin tình báo cho biết, Trung úy T. của Cộng Sản từ Quân Khu 5 về vùng An Ba, chợ Vòm, để cùng Tiểu Đoàn 38 thiết lập kế hoạch tiếp nhận, hộ tống, bảo vệ hành lang di chuyển đồ tiếp liệu do một tàu từ Bắc đưa vào sẽ cập bến tại khu vực Bến Lỡ, xã Đức Hải trong vài ngày sắp đến. Sư Đoàn 2 Bộ Binh được tin, nhưng chưa muốn hành quân tấn công Tiểu Đoàn 38, vì muốn chặn bắt chiếc tàu tiếp tế trước. Để đánh lừa Tiểu Đoàn 38, Sư Đoàn 2 đã ra lệnh cho Trung Đoàn 4 thi hành kế hoạch nghi binh, đưa 4 Tiểu Đoàn trực thuộc giả vờ hành quân xa về phía Nam.

Sau 4 ngày chờ đợi, được tin chiếc tàu tiếp tế xuôi Nam, không cập bến nữa. Sáng ngày N, Trung Đoàn 4 liền yêu cầu Đại Đội 173 trực thăng Hoa Kỳ bay vào vùng Mỹ Trang, bốc Tiểu Đoàn 4/4 do Trung Tá Chế Quang T. chỉ huy đổ ngay trên Bộ Chỉ Huy của Tiểu Đoàn 38 vùng chợ Vòm. Quá bất ngờ, địch chạy tán loạn không kịp chống cự, vút súng tại chỗ (hy vọng có thể trà trộn với dân chúng), nhảy xuống sông Vệ, nơi đập nước An Ba lẫn trốn. Hai Tiểu Đoàn khác cũng được trực thăng vận vào vùng hành quân để bao vây hoàn toàn đơn vị địch. Trung Đoàn 4 đã dùng loa kêu gọi đầu hàng, địch không chịu, nên binh sĩ đã dùng lựu đạn ném xuống nước tiêu diệt. Trung úy T. thuộc phòng tác huấn quân Khu 5 bị bắt sống. Sở dĩ nhắc đến Trung úy T. vì anh ta là người Thừa Thiên, tập kết ra Bắc năm 1954, mới trở về Nam khoảng 3 năm, lúc mới bị bắt, anh ta tỏ ra rất ngang ngược, chỉ biết có Bác và Đảng, nhưng sau hai ngày nói chuyện, anh ta cho những tin tức rất hữu ích về tình hình địch.

Hành quân Quyết Thắng QT 27

Như chúng ta đã biết, kể từ năm 1969, lực lượng hành quân trên bộ của Hoa Kỳ bắt đầu rút quân ra khỏi Việt-nam, cho nên, họ không còn hành quân liên kết với Sư Đoàn 2 Bộ Binh nữa. Tuy nhiên, với những thành quả tốt đẹp của các cuộc hành quân trực thăng vận của Sư Đoàn 2, Hoa Kỳ luôn luôn sẵn sàng yểm trợ trực thăng khi cần. Khu vực hành quân Gi Lăng, Hà Giá nằm về phía Tây quận Lý Sơn Hà, với đèo Cà Đáo chắn ngang, địa thế hiểm trở, địch về trú quân, làm rầy, khu Vĩnh Tuy nằm về phía Bắc Sơn Hà, và phía Nam Quận Trà Bồng. Vùng này, núi non bao bọc chung quanh, đường kính khoảng 5 cây số, dân chúng thưa thớt, trồng lúa nhiều hơn hoa màu phụ. Ruộng lúa đều có cắm cọc cao từ 3m đến 5m để chống trực thăng vận, hệ thống phòng không bằng đại liên khá nguy hiểm. Lực lượng hành quân gồm 2 Trung Đoàn Bộ Binh, 2 đơn vị Dân Sự Chiến Đấu Sơn Hà, và Trà Bồng.

Cuộc hành quân bắt đầu ngày N khoảng tháng 2.1969, mang tên Hành Quân Quyết Thắng QT 27, và thời gian dự trù là một tháng. Để đánh lạc hướng ước tính của địch, bảo mật, và ngoài các biện pháp an ninh bảo mật thường lệ, Sư Đoàn đã cho phổ biến một cuộc hành quân giả đánh vào vùng Ô Chai đèo Eo Chim, nằm về phía Nam, Tây Quận Minh Long, đồng thời gia tăng viễn thám vùng này. Trung Đoàn 4 vẫn hoạt động vùng núi Lớn, Mộ Đức, và sẽ tập trung tại sân bay phía sau Quận để được trực thăng vận. Trong khi đó, Trung Đoàn 6 được đưa vào phi trường Quảng Ngãi đêm N-1.

Nhiệm vụ đầu tiên của hai Trung Đoàn là truy lùng, lực soát địch, phá hủy hoa màu, ngăn chân đường tiếp liệu từ

phía Tây đến, và thiết lập 2 căn cứ yểm trợ hỏa lực với đại bác 105 và 155 ly. Mỗi Trung Đoàn được tăng phái một Đại Đội Công Binh. Nỗ lực chính của Trung Đoàn 4 là chiếm các mục tiêu 41, 42, 43, 44; Trung Đoàn 6 chiếm các mục tiêu 61, 62, 63, 64. Riêng hai đơn vị Dân Sự Chiến Đấu Sơn Hà, Trà Bồng chiếm mục tiêu A, B. Trung Đoàn 5 giữ nhiệm vụ trừ bị. Trục thăng võ trang sẽ yểm trợ cho đến khi nào pháo binh sẵn sàng tác xạ. Mỗi cánh quân do một Đại Đội trục thăng Hoa Kỳ yểm trợ với 20 chiếc UH-1H, 8 trục thăng võ trang, 4 Chinooks, 1 Sky Crane.

Trung Đoàn 4 vào mục tiêu 41 trước tiên, và một chiến trục thăng UH-1H khi đổ quân xong bị địch bắn hạ, nhưng phi hành đoàn chỉ bị thương mà thôi. Trung Đoàn 6, mặc dù phòng không của địch cũng dữ dội, nhưng, những chiếc trục thăng võ trang đã hủy diệt các ổ phòng không ngay từ những phút đầu. Tuy nhiên, cũng phải mất đến 4 tiếng đồng hồ cuộc đổ quân mới hoàn tất. Cánh quân của Trung Đoàn 4, tiểu đoàn 4/4 nhảy xuống Gi Lăng chạm địch ngay, bắt sống được 2 địch quân thuộc Sư Đoàn 3 Sao Vàng. Sau khi thiết lập an ninh bãi đáp cho mục tiêu 41, Công Binh được yểm trợ để thiết lập vị trí Pháo Binh, hầm hố... Khi vừa chuyển Pháo Binh đến, địch bắt đầu pháo kích bằng súng cối; trục thăng võ trang yểm trợ bắn phá, ngay sau đó, một đơn vị xuống núi lục soát tịch thu một súng cối 82 ly, hơn 60 quả đạn chưa bắn. Cuộc chạm súng vẫn xảy ra lẻ tẻ cho đến chiều tối mới yên tĩnh. Hai đơn vị khác của Trung Đoàn 4 chiếm mục tiêu 42, 44, nhưng chưa chạm địch. Cánh quân của Trung Đoàn 6, đơn vị nhảy xuống mục tiêu 63, chạm địch ngay cấp Đại Đội. Sau 20 phút giao

tranh, đơn vị đã loại được một số địch quân, bắt sống một Chủ Lực Tinh. Các đơn vị khác chạm địch nhẹ.

Ngày N+1, Trung Đoàn 4 lục soát vùng Gi Lăng, tìm thấy nhiều căn trại trú quân cấp tiểu đoàn, phá hủy hoa màu. Mục tiêu 42 cũng tìm thấy một số trại, hầm hố trú ẩn kiên cố, nằm sâu trong ngách đá. Mục tiêu 44 chạm địch, nhưng địch chỉ đánh lấy lệ, rồi rút chạy. Trung Đoàn 6 mở rộng lục soát, chạm địch mạnh tại mục tiêu 62, 63 tịch thu một số vũ khí cá nhân. Phần hai đơn vị Dân Sự Chiến Đấu làm nhiệm vụ tuần thám, vẫn chưa chạm địch. Họ tìm thấy và phá hủy nhiều rẫy mới khai phá trồng hoa màu phụ.

Ngày N+2, địch bắt đầu phản kích vào một số đơn vị của Trung Đoàn 6 chung quanh mục tiêu 61, 63, nhưng địch đã bị đẩy lui và bị thiệt hại trung bình. Trung Đoàn 4 yên tĩnh, có 4 người Thượng thuộc đơn vị địa phương Sơn Hà ra chiêu hồi tại mục tiêu 42 cho biết có một kho súng, mới nhận được từ Bắc vào, cất dấu gần con suối phía Tây Tà Ma. Sáng hôm sau, đơn vị Trinh Sát của Trung Đoàn được trực thăng vận vào khu vực, chạm địch mạnh với đơn vị phòng thủ, nhờ sự yểm trợ của trực thăng võ trang, địch phải rút lui, quân ta đến kho súng chỉ còn tìm thấy trên 80 khẩu súng đủ loại. Theo cung từ của một tù binh địch bị thương, tất cả vũ khí đã được dời đi từ tối hôm trước. Hai ngày tiếp theo đó, hai Trung Đoàn 4, 6 tiếp tục lục soát, phá hủy hoa màu trong vùng trách nhiệm hành quân.

Ngày N+7, một lần nữa, địch muốn nhân cơ hội các đơn vị chủ lực đi hành quân xa, họ dùng một số đơn vị địa phương tấn công vào trại tạm cư núi ông Độ*322, nằm về phía Đông Quận Lý Mộ đúc khoảng 4 cây số, do Nghĩa

Quân chiếm giữ. Sáng hôm sau, Trung Đoàn 4 cho trực thăng vận một đơn vị hành quân trở về chặn đánh địch. Khi máy bay Chỉ Huy cùng 4 trực thăng võ trang vừa đến vùng núi ông Độ, địch đoán biết chúng ta sẽ đổ quân, nên chia nhau từng toán nhỏ chạy theo nhiều phương hướng khác nhau. Đặc biệt, vùng này là vùng biển, nên không có cây cối rậm rạp, các toán địch trở thành mục tiêu tốt cho trực thăng võ trang thanh toán. Các chiếc trực thăng chở quân đến, được điều động không đáp tại bãi đáp đã chỉ định, mà đã thả quân thẳng ngay trên đầu địch, nơi nào có chúng xuất hiện. Trận cận chiến xảy ra, đánh nhau bằng lựu đạn, địch phần lớn bị loại, số còn lại bị bắt sống hay đầu hàng. Lưu động tính của Sư Đoàn, và trực thăng vận nhanh chóng, đã làm địch không thể dùng kế hoạch đánh quấy phá và để giải tỏa áp lực, từ đó về sau, khi Sư Đoàn đi hành quân ở khu vực xa, hậu phương vẫn yên tĩnh.

*322: Quý độc giả thấy, Cộng Sản đâu có từ nan việc tấn công vào dân chúng, nhưng giới truyền thông Hoa Kỳ chẳng bao giờ nêu lên trước dư luận quần chúng Hoa Kỳ

Cuộc hành quân này đã gây thiệt hại nặng cho Cộng Sản về quân số, nhất là vũ khí và lương thực. Sư Đoàn 3 Sao Vàng phải phân tán về vùng mật khu Ba Lễ, thung lũng An Lão tỉnh Bình Định. Tong lúc đó, Sư Đoàn 2 Bộ Binh vẫn mở các cuộc hành quân viễn thám, đặt máy *sensors* để dò tìm, xác định quân số, vũ khí, và sự di chuyển của địch trong vùng, đặc biệt là nơi các đạo tặc từ Trường Sơn chạy về đồng bằng. Như đã trình bày trong phần địa hình Việt-nam, vùng Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi, là vùng núi đồi chập chùng, nhiều nơi núi ra đến tận bờ biển, nên

khoảng 5 giờ chiều, vào một ngày hạ tuần tháng 4.1969, tin tức chính xác, ghi nhận địch đang vượt sông Vệ tại vùng Nghĩa Phú sang tả ngạn, ém quân thuộc khu vực đèo Eo Gió, chân núi phía sau Đình Khương, phía Nam núi Dầu Tượng, và sẽ khởi sự tấn kích đêm nay.

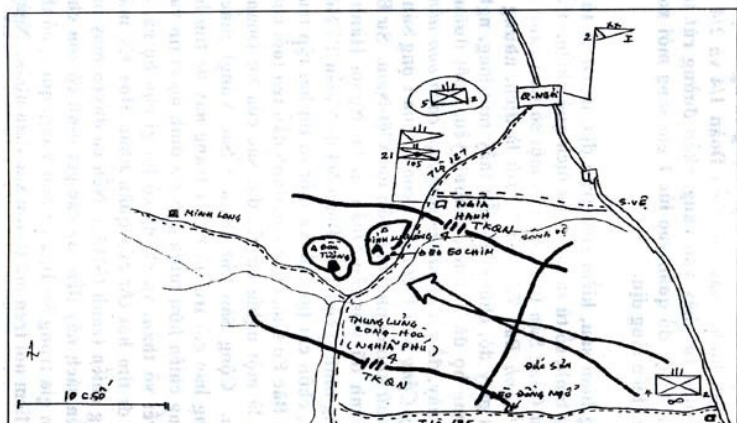
Trung Đoàn 4 Bộ Binh chuẩn bị kế hoạch hành quân trực thăng vận ban đêm, và lúc 6 giờ tối đã sẵn sàng tại các bãi bốc. Trung Đoàn 6 giữ nhiệm vụ trừ bị. Thiếu Tá Đại Đội Trưởng Đại Đội 173 Hoa Kỳ được mời để thiết lập kế hoạch hành quân. Lúc đầu ông ta từ chối vì chưa bao giờ hành quân ban đêm cấp Trung Đoàn. Nhưng sau đó, ông đã xin lệnh của Liên Đoàn Trưởng 11 Bộ Binh Hoa Kỳ và được chấp thuận, nguyên do có lẽ vì kết quả tốt đẹp của các cuộc hành quân trước. Đúng 7 giờ đêm, máy bay Chi Huy, 2 máy bay soi sáng, 8 trực thăng võ trang tiến vào khu vực hành quân. Vùng này hầu hết là núi tranh và lau, chỉ các đường thông thủy có cây cối rậm rạp là nơi địch chọn để ém quân. Khi bị Pháo Binh của chúng ta bắn, làm cho núi cháy, một số quân Cộng Sản phải thoát ra ngoài nằm sắp xuống và một số nằm ngựa bắn lên máy bay. Chúng là mục tiêu lý tưởng cho những xạ thủ Đại Liên 4 nòng của trực thăng. Tiểu Đoàn 3/4 và 4/4 được lệnh chỉ mang theo băng cá nhân, súng đạn, không cần đem theo túi đeo lưng và lương thực để dễ đánh cận chiến. Hai Tiểu Đoàn này đã được đổ trên đầu địch, những trận cận chiến xảy ra ác liệt, và chỉ trong một thời gian ngắn họ đã làm chủ tình hình. Sau đó, Tiểu Đoàn 1/4 và 2/4 Trinh Sát tuần tự nhảy vào vùng, chặn đường rút lui của địch. Cuộc đổ quân vào lúc 1 giờ sáng mới xong và cuộc chiến lắng dịu.

Sáng hôm sau, kiểm soát trận địa, ngoài số tù binh, hàng binh, số tử thương của địch quá nhiều. Hầu hết quân Cộng Sản tuổi còn trẻ, một số trên cánh tay có ghi “*Sanh Bắc Từ Nam*”. Dù là địch, nhưng trong phút giây đó, chúng tôi vẫn thấy mùi lòng, nghĩ đến cha mẹ họ đã lo lắng, thương yêu, nuôi dưỡng đến tuổi này, để rồi *bị bắt hy sinh một cách oan uổng cho Đảng Cộng Sản Việt-nam*, con cò của Cộng Sản Quốc Tế, chứ không phải cho dân tộc Việt-nam. Sư Đoàn 2 Bộ Binh đã yêu cầu Quận sở tại Nghĩa Hành, tăng cường binh sĩ của Tiểu Đoàn 3/4 do Thiếu Tá Hóa Chỉ Huy, chôn cất tại chỗ, và một số thi hài tập trung về phía bắc Eo Gió, chôn cất, đánh dấu tên tuổi chu đáo. Đây là một nghĩa cử rất đặc sắc của Sư Đoàn 2 Bộ Binh. Cộng Sản (Sư Đoàn 3 Sao Vàng) chắc chắn không bao giờ trở lại nghĩa trang này để tìm hài cốt những chiến hữu mình cho gia đình họ vì tin vào chủ thuyết vô thần, và chẳng có lợi gì cho họ cả, so với việc đi tìm hài cốt của quân nhân Hoa Kỳ mất tích trong chiến tranh (MIA). Nếu có duyên may nào đó, quyển sách này đến tay các gia đình có con cháu đã tham gia trong Sư Đoàn 3 Sao Vàng, quý vị có thể vào địa điểm nói trên mà tự tìm xác thân nhân.

Ngày nay, mọi sự thật đã phơi bày, ai có chính nghĩa, miền Bắc hay Miền Nam, không cần phải bàn luận nữa.

Sau những trận đánh bị thất bại nặng nề với Sư Đoàn 2 Bộ Binh, Cộng Sản không còn dám tập trung quân lực để mở những trận đánh chiếm mà chỉ mở những cuộc quấy phá Lữ Đoàn 11 Hoa Kỳ, vì giai đoạn năm 1969, Hoa Kỳ đang rút quân, nên họ chỉ ở thế phòng thủ, chờ ngày ra đi. Tại căn cứ núi Dàng, Đức Phổ, Cộng Sản sử dụng đặc công

Hành Quân Trục Thăng Vận Đêm – Tây Nam Quảng Ngãi



quấy phá Lữ Đoàn 11 Hoa Kỳ liên tục trong 3 tuần lễ bằng pháo 75 ly không giạt vào khu đồn trú của trục thăng. Lữ Đoàn 11 Hoa Kỳ cảm thấy bất lực trong việc ngăn chặn này, bởi vì, chung quanh căn cứ có nhiều bụi rậm, gò mả, Cộng Sản giả dạng thường dân đi làm ruộng, đến nơi, địch đào hầm hố, chôn giấu súng đạn. Đến đêm, chỉ cần vài ba tên địch, len lỏi vào địa điểm cất giấu vũ khí, bắn năm ba phát, rồi cất dấu trở lại xuống hầm hay đi trở về với cái cuộc trên vai (nông dân.) Binh sĩ Hoa Kỳ truy lùng, lục soát không tìm thấy địch quân đâu cả.

Vì vậy, cực chẳng đã, Lữ Đoàn 11 Hoa Kỳ mới yêu cầu Trung Đoàn 4 Bộ Binh giúp sức tiêu diệt nhóm đặc công này. Trung Đoàn 4 sau khi nghiên cứu, đã tung một Tiểu Đoàn Bộ Binh vào khu Bắc căn cứ núi Dàng chùng một cây số, hoạt động hai ngày, tìm hiểu địa thế để khám phá con đường nào địch đã dùng để tiến sát đến gần khu đóng quân của Lữ Đoàn 11 Hoa Kỳ. Chiều ngày N+1, Tiểu Đoàn

này được lệnh rút lui về Thạch Trụ cách đó khoảng 10 cây số, và để lại trong vùng 4 toán biệt kích, mỗi toán 7 người, đầu quân. Đúng như dự liệu, đêm đó, khoảng 2 giờ sáng, toán Đặc Công Cộng Sản chỉ có 3 tên tiến vào vùng, lấy súng bắn, và sau khi chúng bắn phát đầu tiên, toán phục kích của chúng ta đã hạ chúng ngay, và tịch thu khẩu 75 ly không giật. Từ đó, địch không dám bén mảng đến khu vực đó nữa. Dĩ nhiên, Lữ Đoàn 11 Hoa Kỳ và Đại Đội trực thăng rất hoan hỉ, sẵn sàng yểm trợ trực thăng vận khi chúng ta yêu cầu.

Hành Quân tại Bình Định

Trên đà thắng lợi, không để cho Sư Đoàn 3 Bắc Việt rút về khu giáp ranh Bình Định và Quảng Ngãi chinh đồn quân ngũ, cho nên Sư Đoàn 2 Bộ Binh, Sư Đoàn 22 Bộ Binh, và Lữ Đoàn 101 Nhảy Dù Hoa Kỳ, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 4 Bộ Binh, Thiếu Tá Đại Đội Trưởng Đại Đội 173 trực thăng, đã họp nhau thảo luận kế hoạch hành quân. Sư Đoàn 22 chỉ có thể gọi đến một Trung Đoàn (-) điều động từ Tuy Hòa về, và tham gia không quá 7 ngày, vì không thể rời vùng trách nhiệm diện địa. Trái lại, Sư Đoàn 2 Bộ Binh có thể gọi Trung Đoàn 4 Bộ Binh với 4 Tiểu Đoàn tác chiến, Đại Đội Trinh Sát, hành quân không hạn định nếu có mục tiêu tốt, và nếu cần, Sư Đoàn 2 sẽ gọi thêm 2 Trung Đoàn nữa. Tướng Tư Lệnh Lữ Đoàn 101 Hoa Kỳ ngạc nhiên, nhưng được giải thích ngay là *Sư Đoàn 2 Bộ Binh lưu động hoàn toàn*, không bận bịu với nhiệm vụ diện địa. Bản tính cố hữu của Nhảy Dù là xem thường khả năng tác chiến của các đơn vị khác. Tướng Hoa Kỳ, với giọng kẻ cả phân phối: Sư Đoàn 22 xuất phát từ Quốc Lộ 1, đèo

Bình Đề, đánh chiếm các cao địa phía Đông, Bắc thung lũng An Đỗ. Sư Đoàn 2 là khách, nên nhường vùng Hoài Châu, Hoài Hảo (An Đỗ) núi Đá Dung, vì những vùng này tình hình địch tương đối nhẹ. Lữ Đoàn 101 Hoa Kỳ sẽ đảm trách những chỗ khác. Sư Đoàn 2 Bộ Binh nêu ý kiến: Chúng tôi đến đây để đánh địch, vậy yêu cầu để vùng nào nặng nhất, nhiều địch nhất cho Sư Đoàn 2 Bộ Binh.

Theo kinh nghiệm, Đại Tá L. B. Kh., Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 4, đưa ý kiến Sư Đoàn 2 Bộ Binh sẽ đổ quân vào 24 giờ sau khi cuộc hành quân khai diễn, vì địch sẽ tránh né tập trung về khu Ba Lễ (tỉnh Quảng Ngãi) và vùng cực Bắc An Lão (Bình Định), lúc đó chúng ta sẽ có thể thanh toán Sư Đoàn 3 Sao Vàng. Tất cả đã đồng ý. Đúng như sự tiên đoán của Trung Đoàn 4, các toán viên thám báo cáo địch tránh né đánh lớn, và đang rút về vùng mật Khu Ba Lễ, trung tâm huấn luyện của Sư Đoàn 3 Sao Vàng. Ngay đêm đó, Trung Đoàn 4 di chuyển về phía Nam Đức Phổ, chuẩn bị trực thăng vận vào vùng hành quân ngày N+1.

Ngày N+1, lúc 7 giờ sáng, máy bay chỉ huy và trực thăng võ trang đã có mặt trên vùng hành quân. Tiểu Đoàn 3/4 được thả ngay vào trung tâm huấn luyện của Sư Đoàn 3 Sao Vàng, nằm trong khu vực rừng rậm, nằm giữa con suối và bìa rừng, chung quanh đều có mìn bẫy, mặt đất đều có cắm cọc chống trực thăng. Phát hiện hai bãi nhỏ chính giữa khu vực này, máy bay chỉ huy sà xuống đánh dấu cho trực thăng võ trang bắn dọn bãi đáp. Địch bỏ ngỡ vì binh sĩ chúng ta nhảy ngay vào giữa khu phòng thủ của địch, nơi họ chỉ có vũ khí bắn vòng cầu. Đại Đội đầu tiên

đã thu hoạch kết quả ngay. Ngạc nhiên hơn hết là Đại Đội Trưởng báo cáo đã có sự hiện diện của “Đại Bàng” (danh hiệu Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh.) Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 4 ra lệnh cho Tiểu Đoàn 3/4 xuống ngay bãi đáp nơi có sự hiện diện của Tư Lệnh Sư Đoàn. Tướng Tư Lệnh được anh em thương mến và thường gọi là *“ông Tướng chịu chơi, và đánh giặc hết mình”*. Chúng ta tịch thu được 2 súng cối 82 ly, 1 Đại Bác 75 ly không giật, 28 vũ khí cá nhân. Bên ta chỉ có 4 binh sĩ bị thương nhẹ trong khi đổ quân. Cái điểm yếu của cấp Chỉ Huy Cộng Sản là chỉ thực hành những chiến thuật gì đã học tập trước, nếu có biến đổi bất ngờ, họ không biết xoay sở, không điều khiển được binh sĩ.

Thành công của Trung Đoàn 4 làm cho Tướng Nhảy Dù Hoa Kỳ ngạc nhiên, nghi ngờ, và ông muốn đích thân đến thăm chiến trường. Trung Đoàn 4 cho biết không có gì trở ngại, hơn nữa đã có sự hiện diện của Tư Lệnh Sư Đoàn 2 tại trận địa. Sau đó, Tướng Tư Lệnh Lữ Đoàn 101 Hoa Kỳ liên lạc với cố vấn Tiểu Đoàn 3/4 hỏi diễn tiến, gọi lời khen ngợi nhưng không đến. Cuộc hành quân tiếp tục, Tiểu Đoàn 1/4 nhảy xuống Bắc thung lũng An Lão, chạm địch nhẹ. Tiểu Đoàn 2/4 đổ quân vào dãy núi La Vân, Tây Bắc An Đỗ an ninh Pháo Binh, và Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn trừ bị tại chỗ cho cuộc hành quân. Tiểu Đoàn 4/4 thay đổi kế hoạch dự trừ, nhảy xuống mật khu Ba Lễ, cùng Tiểu Đoàn 3/4 khai thác kết quả.

Ngày N+2, Sư Đoàn 22 Bộ Binh, Lữ Đoàn 101 Nhảy Dù chỉ chạm địch nhẹ. Trong lúc đó, Sư Đoàn 2 Bộ Binh tiếp tục chạm địch, lục soát vùng mật khu Ba Lễ, bắt sống thêm

một số tù binh, tịch thu nhiều vũ khí, đạn dược và thiêu hủy nhiều căn trại. Sau cuộc hành quân này, Lữ Đoàn 101 Nhảy Dù đã mời Trung Đoàn 4 Bộ Binh đến thăm căn cứ English (Bồng Sơn) và dự tiệc.

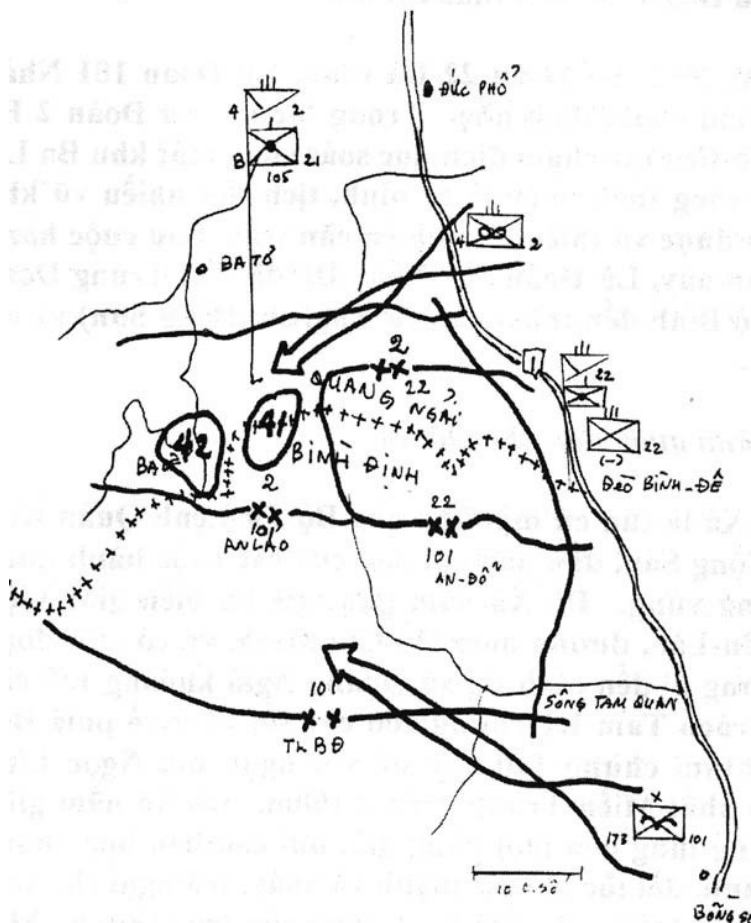
Hành quân mật khu Đổ Xá

Đổ Xá là căn cứ mật khu của Bộ Tư Lệnh Quân Khu 5 Cộng Sản, đầu não chỉ đạo của các cuộc hành quân trong vùng. Đổ Xá nằm gần ngã ba biên giới Việt-Miên-Lào, đường mòn Hồ Chí Minh, và có một đoạn đường đi đến cách thị xã Quảng Ngãi khoảng 130 cây số cách Tam Kỳ chừng 100 cây số, và ở về phía Bắc Kontum chừng 110 cây số, với ngọn núi Ngọc Linh cao nhất Miền Trung, trên 2.100m. Đổ Xá nằm giữa thung lũng của một rừng già, núi cao bao bọc chung quanh, đôi lúc gió rất mạnh và xoáy, trở ngại cho việc đổ quân vì ngoài tầm hoạt động của trực thăng. Mật khu của Bộ Tư Lệnh Quân Khu 5 (Mật Trận B3) được tăng cường hệ thống phòng không để bảo vệ các kho tàng, cơ xưởng làm đạn dược, mìn bẫy... Thung lũng này rộng đến cả trăm cây số vuông. Sư Đoàn 2 Bộ Binh phải thiết lập trạm tiếp tế xăng, phải dung loại bom đặc biệt để phá rừng làm căn cứ hỏa lực. Thời tiết bất thường, sương mù dày đặc bao phủ đến 10, 11 giờ trưa mới tan, và nhất là không thể đoán được lúc nào có mưa rào. Quân Đoàn I tăng cường cho các toán Lôi Hổ, Viễn Thám, để tìm hiểu thêm địch tình

Muốn cho các tỉnh lân cận được an ninh, Đổ Xá phải bị dứt điểm. Sau bốn tháng chuẩn bị, nghiên cứu tình hình địch, nhất là đã tìm ra chỉ có tháng 4 và tháng 5 là thời tiết nắng ráo, thuận lợi cho việc hành quân vào mật khu mà

HQ Phối Hợp Bình Định

(SĐ22BB và Lữ Đoàn 173 SĐ101 Dù Hoa Kỳ)



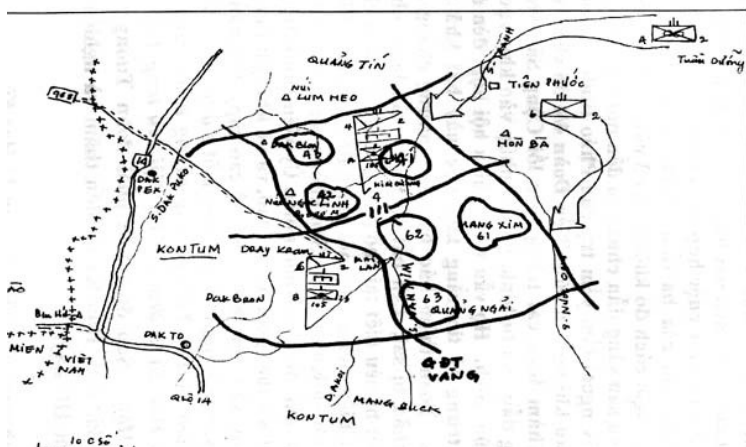
địch thường rêu rao là “bất khả xâm phạm” vì quân số của địch tại đây có khoảng từ 3 đến 4 ngàn binh sĩ. Trong thời

gian này, tin tức tình báo cho biết, Cộng Sản đang mở một cuộc học tập cho các cán bộ xã, huyện từ ba Tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi về học tập đường lối của Đảng và Nhà nước từ 1.5.1970 cho đến 15.5.1970. Trước khi cuộc hành quân khai diễn, chiếc trực thăng của Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 4 Bộ Binh và Đại Đội Trưởng Đại Đội 173 trực thăng bị bắn phải quay lại Dakto, cũng may, tất cả không bị hề hấn gì. Hành Quân Quyết Thăng 63, đánh vào Đổ Xá khởi đầu vào thượng tuần tháng Năm, năm 1970 được Sư Đoàn 23 Hoa Kỳ tán thành, hoan hỉ, vì họ đã có ý định này, nhưng chưa có thể thực hiện được. Nên nhớ, Hoa Kỳ đã bắt đầu rút quân từ năm 1969, nên họ chỉ yểm trợ trực thăng. Quan niệm hành quân của Sư Đoàn là trực thăng vận hai Trung Đoàn 4, 6 vào giữa mật khu Đổ Xá. Trung Đoàn 4 làm nỗ lực chính nhảy vào phía Bắc vùng hành quân; Trung Đoàn 6 về phía Nam làm nỗ lực phụ; Trung Đoàn 5 làm trừ bị tại Hậu Đức, phía Tây Tân Phước. Mỗi Trung Đoàn được tăng phái một Đại Đội Công Binh Chiến Đấu với xe ủi đất loại nhẹ. Ngày N-1, tất cả các đơn vị đã sẵn sàng di chuyển đến vị trí được chỉ định.

Ngày N, vào lúc 6 giờ sáng, hai quả bom loại lớn được máy bay C-130 thả xuống ngay giữa Đổ Xá làm rung chuyển cả rừng già Đổ Xá. Trực thăng chỉ huy và Cobra võ trang đã có mặt trong vùng, sẵn sàng để thanh toán các súng phòng không địch, không có B-52 tham dự. Các đơn vị Trinh Sát thuộc Trung Đoàn 4, 6 nhảy ngay xuống tại các hố bom an toàn mới dọn. Phòng không địch lúc đầu hoạt động không hữu hiệu vì trời còn sa mù dày đặc. Tiếp theo, Công Binh Chiến Đấu nhảy xuống đem theo cơ giới,

phá cây cối làm ụ súng, hầm hố chỉ huy để đón Pháo Binh lâm trận. Khoảng 9, 10 giờ sáng sương mù tan dần, căn cứ hỏa lực Kim Cương (Diamond) của Trung Đoàn 4, và căn cứ Mai Lan của Trung Đoàn 6 đã sẵn sàng yểm trợ. Lúc này, địch đã pháo kích kịch liệt để ngăn cản các cuộc đổ quân, nhưng vô hiệu vì sự can thiệp rất hữu hiệu của các trực thăng Cobra. Các cánh quân của Trung Đoàn đã thành công trong việc chiếm các mục tiêu ấn định. Yếu tố tấn công bất ngờ này khiến Cộng Quân chỉ kháng cự lẻ tẻ và lẩn trốn.

Hành Quân – QT 63 – Đổ Xá



Đặc biệt Trung Đoàn 4 nhảy vào gần ngay công binh xưởng của địch, nên bắt được một số địch quân, khai thác và biết được cuộc họp của các cán bộ Huyện, Xã ủy Cộng Sản của ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi cách đó không quá 3 cây số đường rừng. Tù binh sẵn sàng dẫn

chúng ta đến nơi họp, mặc dầu nơi đây ngoài tầm yểm trợ của Pháo Binh của chúng ta. Sau khi nghiên cứu, Tiểu Đoàn 4/4 đã cho Trung Đội Thám Báo, cải trang theo lối Cộng Sản với sự hướng dẫn của tù binh, đã đột nhập vào khu vực hội họp của địch. Họ vẫn thản nhiên hội họp đèn đuốc sáng trưng vì tin rằng khu vực này bất khả xâm phạm. Toán thám báo bao vây, nhưng chẳng may mất khẩu bị sai, địch bắt đầu chạy tán loạn, nhưng hầu hết bị tiêu diệt tại chỗ (vì họ là thành phần chính trị). Chiến thắng này nói lên nhiều ý nghĩa: Bộ Tư Lệnh Quân Khu 5 Cộng Sản không còn là nơi bất khả xâm phạm, địch tiêu hao nhiều ủy viên chính trị. Phải mất nhiều thời gian để đào tạo, và vũ khí tịch thu gồm 22 khẩu súng lục K54 (cán bộ cao cấp), 12 khẩu AK 47, 2 súng phòng không, cùng một số *tài liệu nói đến hòa đàm Paris. Tài liệu này chứng minh rằng Hoa Thịnh Đốn đã đi đêm với Hà Nội sau lưng Việt-nam Cộng-hòa.* Sau đó nhiều phái đoàn Tướng Lãnh Ngũ giác-Đài, Hoa Kỳ đã đến thăm và nghiên cứu về cuộc HQ này.

Hành quân giải vây Lữ Đoàn 11 Hoa Kỳ

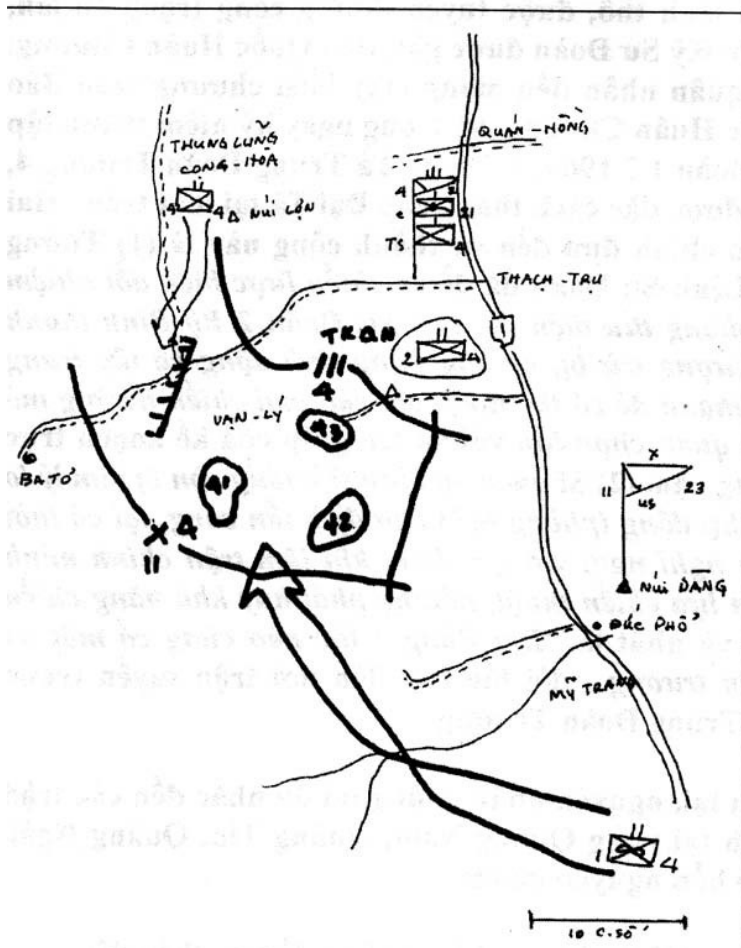
Vào đầu tháng 6.1970, Trung Đoàn 4 Bộ Binh đang hành quân vào ngày thứ 4 tại vùng La Vân, phía Tây đèo Diên Trường gần ranh giới Bình Định/Quảng Ngãi, được tin một đơn vị của Lữ Đoàn 11 Hoa Kỳ bị một Trung Đoàn địch tấn kích, bao vây tại Vạn Lý. Tối đó, hai trực thăng tản thương bị bắn rơi, và địch di chuyển tiếp cận với quân của Hoa Kỳ, khiến Hoa Kỳ không thể yểm trợ bằng Không Lực hay Pháo Binh. Đến 7 giờ tối, Tư Lệnh Lữ Đoàn 11 đến căn cứ Rồng Vàng nơi Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn 4 đóng quân để yêu cầu giải vây. Tiểu Đoàn 4/4 do Trung Tá Chế

Q. Thảo đang hành quân tại vùng thung lũng Cộng-Hòa, cách Vạn Lý 18 cây số, được lệnh di chuyển, làm thế nào để sáng hôm sau phải đến chiếm các cao địa phía Tây Vạn Lý và đèo Đá Chát, chặn đường lui quân hoặc tăng viện của địch. Tiểu Đoàn 4/4 đã hoàn thành nhiệm vụ vào lúc 4:30 giờ sáng.

Vạn Lý nằm về phía Tây bắc Quận lỵ Đức Phổ khoảng 20 cây số, trên trục lộ Ba Tơ đường giao liên của địch từ Nam lên Bắc. Bên cạnh vùng này là mặt khu núi Lớn, Đá Chát. Năm 1962, Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn 49 thuộc Sư Đoàn 25 Bộ Binh của Quân Đội Việt-nam trấn đóng, nhưng, năm 1964, Trung Đoàn này rút về Nam bỏ trống, và Cộng Sản đã lần chiếm. Sau khi Lữ Đoàn 11 Hoa Kỳ yêu cầu, và được Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh chấp thuận, Trung Đoàn 4 Bộ Binh đã cho bốc các Tiểu Đoàn đang hành quân đến Vạn Lý vào lúc 6 giờ sáng. Chiến thuật áp dụng là không đổ quân vào các ruộng lúa để làm bia cho địch, mà thả quân ngay giữa làng chiến đấu. Phòng không địch rất mạnh, đợt đầu đã làm cho trực thăng chỉ huy trúng đạn, ba binh sĩ bị thương. Thiếu Tá Bùi Vĩnh Phước chỉ huy Tiểu Đoàn 1/4 đổ quân ngay sau lưng tuyến phòng thủ địch khoảng 200 m. Đợt đổ quân nguy hiểm này đã có 6 phi cơ trúng đạn và gây cho 8 binh sĩ bị thương. Từ trên máy bay, chúng ta có thể thấy rõ trận cận chiến. Sau 30 phút giao tranh, Tiểu Đoàn 1/4 đã tiêu diệt lực lượng địch trong làng chiến đấu này gần hết, kết quả sơ khởi thu được 4 súng phòng không 12 ly 7, một súng cối 82 ly, nhiều vũ khí cá nhân chưa đếm được. Để tăng cường thêm quân số, trực thăng chỉ huy được yêu cầu ra khỏi vùng để đợt đổ quân lần thứ

Hành Quân Giải Vây

(1 ĐĐ-Lữ Đoàn 11 – Hoa Kỳ – Tây Bắc Đức Phổ)



hai tiến hành vào một làng bên cạnh về phía Nam. Cùng một chiến thuật đổ quân trên đầu địch, khiến địch hoảng

sợ, các súng phòng không đã bị trục trặc vỡ trang tiêu diệt, nên chỉ có một trục trặc trúng đạn, và hai binh sĩ bị thương. Khi Tiểu Đoàn 2/4 vào trận địa, Sư Đoàn 3 Sao Vàng (VC) biết đã đụng phải Trung Đoàn 4 Bộ Binh nên họ chống cự yếu ớt, không còn mãnh liệt như trước nữa. Đến 9 giờ sáng, chúng ta đã hoàn toàn làm chủ trận địa, Lữ Đoàn 11 Hoa Kỳ dùng 4 chiếc Chinooks vào tản thương, và tuần tự bốc đơn vị của họ ra khỏi khu vực chiến đấu. Theo cung từ của tù binh, Sư Đoàn 3 Sao Vàng chỉ còn 2 trung đoàn hoạt động được, một trung đoàn cần đợi bổ sung quân số, và một trung đoàn bất khiển dụng, hầu hết vũ khí nặng, phòng không đều bị chúng ta tịch thu.

Sư Đoàn 2 Bộ Binh, chỉ trong một thời gian ngắn, đã trở thành một Sư Đoàn nổi tiếng, tiến hành kết quả tốt đẹp công cuộc bình định, mở rộng vòng đai an ninh lãnh thổ, được tuyên dương công trạng 16 lần, Quân Kỳ Sư Đoàn được gán Bảo Quốc Huân Chương, các quân nhân đều mang giấy biểu chương màu Bảo Quốc Huân Chương, và trong ngày kỷ niệm thành lập Sư Đoàn 1.2.1969, 3 Trung Tá Trung Đoàn Trưởng 4, 5, 6 được đặc cách thăng cấp Đại Tá tại mặt trận. Hai lý do chính đưa đến sự thành công này là (1) Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn đã đề ra *chiến lược biến đổi nhiệm vụ phòng thủ diện địa của Sư Đoàn 2 Bộ Binh thành lực lượng trừ bị, có khả năng linh động và tập trung sức mạnh để có thể tham gia vào mọi chiến trường mà địch quân chọn lựa với sự trợ giúp của kế hoạch trục trặc vận*, (2) Sĩ quan và binh sĩ không còn bị tâm lý lo sợ thu động (phòng thủ) chờ địch tấn công, lại có thời gian nghỉ ngơi với gia đình, khi làm trận chính mình chọn lựa chiến thuật, nên họ phát huy khả

năng chiến đấu và nhất là “Đại Bàng “ lúc nào cũng có mặt tại chiến trường, đôi lúc còn đến nơi trận tuyến trước các Trung Đoàn Trường.

Tóm lại, nguyên nhân chúng tôi đã nhắc đến các trận đánh tại vùng Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi, là vì bốn nguyên nhân:

Chúng tôi là chúng nhân, không đề cao, thù ghét.

Vùng này là vùng *đội quân thứ năm* của Cộng Sản rất lớn, nên họ được liên hệ gia đình che chở, yểm trợ tối đa, tình báo nhân dân, khó thanh lọc... Thêm vào đó, hình thể địa lý hiểm trở, giúp địch lập được nhiều mật khu an toàn không cách xa áp Xã, Quận Ly họ muốn quấy phá hay tấn công.

Kế hoạch tạo *linh động tinh* và *sức mạnh tập trung* cho Sư Đoàn 2 Bộ Binh để có thể ứng chiến kịp thời tại bất cứ chiến trường nào địch chọn lựa, để có thể bình định, mở rộng vòng đai an ninh.

Uy danh Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa tại địa phương đã khiến cho các Lực lượng Hoa Kỳ tại khu vực đôi khi còn phải nhờ vào sự giúp sức của Quân Lực của chúng ta. Tờ báo American Magazine số tháng 10.1969, đã ca ngợi Sư Đoàn 2, và đánh giá Trung Đoàn 4 là “First-rate combat force”(Đỉnh kèm nơi phân phụ lực). Điều này cũng nói lên sự thật “*người bạn quý giúp ta nhiều tiền bạc, nhưng chẳng hiểu gì về Việt-nam* “. Đó là nguyên nhân chính của sự thất bại của Hoa Kỳ trong trận chiến Việt-nam.

Mặt Trận Tân Cảnh, Kontum

Để hỗ trợ cho hiệp Định Paris, Hà Nội muốn tái diễn thời gian lịch sử năm 1954 với chiến thắng Điện Biên Phủ để có thể đòi được tất cả những yêu sách gì họ mong muốn

đạt được. Năm 1972, Hoa Kỳ đã rút hết lực lượng quân sự ra khỏi Việt-nam, Chu ân Lai cũng như Kissinger đã tiên đoán chỉ trong vòng một năm rưỡi sau là cùng, Việt-nam Cộng-hòa sẽ sụp đổ. Do đó Võ Nguyên Giáp và các Tướng Lãnh Hà Nội đã mở cùng một lúc ba mặt trận: Vượt vĩ tuyến 17 đánh vào Quảng Trị, tấn công Tây Nguyên, tiến chiếm Bình Long An Lộc để cho Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa phải rải mỏng không tập trung tiếp cứu nhau được. Với những trận đánh trên toàn lãnh thổ Miền Nam, chúng tôi chỉ trình bày tổng quát theo tài liệu nghiên cứu, nhưng sẽ ghi lại chi tiết hơn những trận đánh nào mà chúng tôi là chứng nhân để nói lên một cách trung thực khả năng của Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa, không thể để cho kẻ thắng trận chiến cuối cùng (Hà Nội) xuyên tạc, cũng như kẻ đã bỏ cuộc giữa đường luôn luôn tìm mọi cách bôi lọ để biện minh sự ra đi trong danh dự (Hoa Kỳ). Chúng tôi xin phép đăng bài viết của Đại Tá Trịnh Tiểu, Trưởng Phòng Nhì của Quân Đoàn II, người nắm biết hầu hết mọi kế hoạch hành quân của địch và bạn trong trận chiến Kontum.

Tướng Ngô Du và Quân Đoàn II

Tháng 8.1970, Thiếu Tướng Ngô Du, Quyền Tư Lệnh Quân Đoàn IV (sau khi Thiếu Tướng Nguyễn Viết Thanh tử trận), đã được Tổng Thống Thiệu bổ nhiệm chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn II và Quân Khu 2. Tướng Ngô Du, theo nhận xét của giới chức Hoa Kỳ, là một Tướng Lãnh thông minh, giỏi về tham mưu, hăng say phục vụ cho đất nước và quân đội. Tuy nhiên, theo nhận xét của họ, ông không can đảm bằng Đại Tướng Đỗ Cao Trí hay Trung Tướng Dư Quốc Đống.

Ông đến Pleiku với vài sĩ quan thân tín của ông, lập Bộ Tham Mưu riêng để làm việc. Trong thời gian này, tôi (Đại Tá Trịnh Tiểu) là Trưởng Phòng Nhì Quân Đoàn II và quân khu 2 từ thời Trung Tướng Vĩnh Lộc và Lữ Lan. Đây là lần đầu tôi phục vụ dưới quyền Tướng Ngô Du mặc dù đến năm này (1970) tôi đã Phục vụ trong quân đội được 17 năm. Những ngày đầu làm việc với Tướng Ngô Du, tôi phải trải qua một thời gian trắc nghiệm khả năng chuyên môn và thủ tục tham mưu theo sách vở Hoa Kỳ thật gay go. Có những buổi ông gọi tôi lên văn phòng của ông hằng giờ để nhận xét xem tôi có hiểu những danh từ chuyên môn về tình báo theo sách vở tham mưu của quân đội Hoa Kỳ mà ông đã biết. Rất may là tôi đã tốt nghiệp khóa tình báo cao cấp tại Hoa Kỳ vào năm 1968. Tôi trả lời ông rất rõ ràng và đầy đủ những gì ông muốn trắc nghiệm tôi, lúc đó tôi có cảm tưởng ông là vị Tướng chỉ huy trưởng tham mưu Hoa Kỳ, vì ông rất giỏi về thủ tục tham mưu.

Tướng Ngô Du giữ chức vụ tư lệnh Quân Đoàn II vào một thời gian rất thuận lợi cho ông, vì trước đó ba tháng (5.1970), Tướng Lữ Lan đã tổ chức một cuộc hành quân vượt biên qua lãnh thổ Cam-bốt đánh thẳng vào Quân khu 702 của Cộng Sản tại tỉnh Ratanakiri. Quân đội ta đã phá hủy toàn bộ khu hậu cần của Cộng Sản tại mật khu này, ta tịch thu rất nhiều vũ khí nặng của địch, như súng phòng không, cối 120 ly, đại liên 12.7 và hỏa tiễn, v.v. (Chúng tôi xin ghi thêm vào đây: nếu không bị báo chí và nhóm quan lại Hoa Kỳ la lên để ngăn chặn, Hà Nội cũng không dám lên tiếng về những cuộc hành quân vượt biên qua lãnh thổ Lào hay Cam-bốt của Việt-nam Cộng-hòa,

vì làm như thế, họ tự tố cáo họ đã vi phạm các Hiệp ước Trung lập). Còn những mặt khu nhỏ của Cộng Sản trong lãnh thổ Quân Khu II, Sư Đoàn 22 Bộ binh và Sư Đoàn 23 Bộ Binh cùng với Địa Phương Quân đã thanh toán. Trong thời gian này, Cộng Sản rất yếu, các đơn vị chính qui của địch hầu như bị tê liệt, vì thế Tướng Ngô Du đặt trọng tâm vào công tác bình định và phát triển tại Quân Khu II. Ông say mê làm việc suốt ngày đêm, vợ con ông đều để lại Sài Gòn. Bà Ngô Du đặc biệt không bao giờ tham gia vào việc của chồng. Có nhiều đêm, Tướng Ngô Du gọi tôi qua để thảo luận tình hình vào lúc 2, 3 giờ sáng. Ông cũng thường điện thoại các Tỉnh trưởng trong vùng vào giờ này.

Tướng Ngô Du và Cố vấn John Paul Vann

John Paul Vann, Trung Tá Bộ Binh làm Cố vấn Sư Đoàn 7 Bộ Binh tại Vùng IV từ năm 1962-1963. Sau đó về Hoa Kỳ, xin giải ngũ để tiếp tục Đại học. Đến năm 1966, ông sang VN trở lại và làm Cố vấn dân sự cho các chương trình bình định và phát triển. Tướng Ngô Du rất tâm đắc với Paul Vann về kế hoạch bình định và phát triển tại Vùng IV trước đây. John Paul Vann thông minh, can đảm, hiếu thắng, kiên cường, tự phụ và thích làm anh hùng cá nhân. Sau khi Tướng Ngô Du được bổ nhiệm làm Tư lệnh Quân Đoàn II thì Paul Vann cũng muốn chức vụ Cố vấn Quân Đoàn II, mặc dù ông là dân sự. Dịp may đến với Vann: Tháng 4.1971, quân đội Mỹ tham chiến tại VN phải giảm quân số, từ 543.500 xuống còn 270.000 quân. Vị Tướng đang làm Cố vấn cho Tướng Ngô Du cũng được lệnh về Mỹ trong đợt giảm quân này. Paul Vann liền nắm cơ hội hiếm có, vận động với Tướng Ngô Du xin Hoa Kỳ bổ nhiệm P.Vann làm Cố vấn Quân Đoàn II.

Điều khó xử cho Đại Tướng Creighton Abrams lúc bấy giờ là làm thế nào để một vị dân sự chỉ huy quân đội Hoa Kỳ còn lại trong Quân Đoàn II. Trong lịch sử Hoa Kỳ, chưa bao giờ có một dân sự giữ chức vụ cấp tướng và chỉ huy các đơn vị Hoa Kỳ tại mặt trận trong thời chiến, trường hợp của Vann là một biệt lệ.

Theo ước tính của các Tướng lãnh Hoa Kỳ tại Việt-Nam, vào năm 1972, Cộng Sản sẽ mở nhiều mặt trận lớn tại Quân Đoàn I và Quân Đoàn II, vì thế, kế hoạch binh định và phát triển đặt hàng đầu trong năm 1971, để các đơn vị chính quy của ta rảnh tay đối đầu với địch vào năm 1972. Quân đoàn II cần có một Cố vấn nhiều kinh nghiệm về binh định và phát triển, hợp tác chặt chẽ với Tướng Ngô Du, Tư lệnh Quân Đoàn. Người Cố vấn đó không ai khác ngoài Paul Vann, vì ông đã xuất sắc trong chức vụ này. Tháng 5.1971, Paul Vann đã được Tướng Abrams bổ nhiệm làm Cố vấn Tư lệnh Quân Đoàn II Quân Khu 2.

Tin tình báo Hoa Kỳ

Tháng 12.1971, tôi đang làm việc tại văn phòng, Đại Tá Chan, Cố vấn tình báo của tôi, đến mời tôi qua văn phòng Cố vấn Paul Vann (cũng ở tại Bộ Tư lệnh Quân Đoàn, gần văn phòng Tướng Ngô Du) để thảo luận tình hình. Mở đầu ông Vann hỏi tôi:

- Đại Tá có biết Sư Đoàn 320 của Cộng Sản Bắc Việt hay không?"

Tôi trả lời:

- Sư Đoàn 320 là Sư Đoàn nổi tiếng tại Điện Biên Phủ trong thời gian chiến tranh với Pháp vào năm 1954.

- Đại Tá có biết Sư Đoàn này đang ở đâu không?

- *Vị trí đóng quân của các Sư Đoàn Cộng Sản miền Bắc, Phòng Nhì của Bộ Tổng Tham Mưu nắm rất vững, tôi sẽ hỏi và tin cho ông biết sau.*

Paul Vann nói tiếp:

- *Tôi có nguồn tin chính xác, Sư Đoàn này đang dương quân tại Thanh Hóa, trong tháng 2.1972 này sẽ di chuyển vào vùng tam biên Việt-Miền-Lào, và sẽ tham chiến với ta vào tháng 2.1972. Ông nói thêm:*

- *Kỳ này tôi nghĩ phép Giáng Sinh 15 ngày tại Hoa Kỳ. Vậy Đại Tá cố gắng dùng các phương tiện về tình báo để xác nhận chính xác vị trí của Sư Đoàn 320, Sư Đoàn này chuyển vào vùng tam biên. Tướng Ngô Du và tôi sẽ có kế hoạch tiêu diệt Sư Đoàn này.”*

Tôi cảm ơn về những tin tức vừa cho. Trước đây, tôi đã có đi quan sát phi trường N.K.P. của Hoa Kỳ nằm trên lãnh thổ Thái Lan, đối diện với tỉnh Thakket của Lào. Tại phi trường này, khi phi cơ cất cánh lên cao độ thì có thể quan sát được đèo Mụ Giạ trên đường qua biên giới Việt-Lào, nằm giữa Vinh và Đồng Hới. Với những phương tiện tình báo điện tử rất tối tân, Hoa Kỳ có thể biết được sự di chuyển của Cộng Sản từ Bắc vào Nam, vì thế tôi tin những tin tức tình báo của Hoa Kỳ trên lãnh thổ Bắc Việt là chính xác.

Tung mìn lưới tình báo điện tử vào tháng 1.1972

Tôi cho thả thật nhiều chùm điện tử (được ngụy trang như những cây nhỏ trong rừng) trên đường mòn Hồ Chí Minh để báo động khi có người đi qua. Các máy điện tử đều hướng về mật khu 609, nơi trú quân của Tướng Hoàng Minh Thảo, Tư lệnh Mặt trận B3 của CS tại vùng Attapeu (Nam Lào) để dò bắt các mật điện của Bộ Tư Lệnh này.

Hàng ngày đều có máy bay không thám của Quân Đoàn và phi cơ chụp không ảnh Bộ Tổng Tham Mưu, chụp ảnh 1 khu vực rộng lớn trên đường mòn Hồ Chí Minh để theo dõi các hoạt động của địch trên các đường mòn đưa vào lãnh thổ Quân Khu II. Các toán viễn thám, biệt kích, trinh sát, và tình báo đã được thả xuống khắp nơi tại vùng ba biên giới để rình bắt các cán binh Cộng Sản đi lẻ tẻ trong rừng.

Quả nhiên, đến cuối tháng 1.1972, các toán thám báo đã bắt được một cán binh Cộng Sản nhỏ tuổi (khoảng 17 tuổi). Người này khai thuộc Sư Đoàn 320 vừa mới hành quân đến vùng ba biên giới. Tù binh khai Sư Đoàn 320 di chuyển ngày đêm, đúng một tháng từ Thanh Hóa đến vùng đương sự vừa bị bắt. Tội liền trình lên Tướng Ngô Du và Cố vấn Paul Vann các tin tức mà tù binh này vừa cung cấp.

Kế hoạch tiêu diệt Sư Đoàn 320 bằng B-52 của Tướng Ngô Du và Jonh Paul Vann

Tướng Ngô Du và Paul Vann không muốn các đơn vị Bộ binh VNCH tiến sâu vào các mật khu kiên cố đầy rừng núi hiểm trở để tiêu diệt địch như Tướng Westmoreland đã làm trước đây trong chiến dịch “Tìm và Diệt”. Năm 1967, Lữ Đoàn 173 Nhảy Dù và Sư Đoàn 4 Hoa Kỳ đã thiệt mất 287 người và trên 1.000 người bị thương tại mật khu 609 của tướng Hoàng Minh Thảo, nhưng tướng Westmoreland tuyên bố chiến thắng tại Hoa Thịnh Đốn. Paul Vann muốn bắt chước Tướng Walton Walker trong kế hoạch đánh bại quân Bắc Triều Tiên năm 1953. Vì thế, hai ông đưa ra kế hoạch dụ Sư đoàn 320 tiến sâu vào lãnh thổ Quân Đoàn II

(vùng Tân Cảnh-Dakto thuộc Kontum) để tiêu diệt toàn bộ Sư Đoàn thiện chiến này bằng B-52.

Paul Vann hứa với tướng Ngô Du rằng ông có thể xin Đại Tướng Abrams tất cả 25 “box” của pháo đài bay B-52 mà Hoa Kỳ đang dùng để yểm trợ cho Việt-nam trên bốn Vùng Chiến Thuật mỗi ngày, để tiêu diệt tối đa quân địch tại Quân Đoàn II (mỗi box B-52, bề dài 3 km, bề ngang 1 km, được thả bằng 3 chiếc B-52 chứa trên 100 quả bom đủ loại, từ 100 lbs đến 500 lbs). Sư Đoàn 22 Bộ Binh tại Bình Định được lệnh di chuyển 2 Trung Đoàn và Bộ Tham Mưu 1 của Sư Đoàn lên Tân Cảnh để giao chiến với Sư Đoàn 320. Quân Đoàn dự trù Cộng Sản sẽ tăng cường Sư đoàn 2 Sao Vàng cho mặt trận này. Tướng Ngô Du thiết lập thêm căn cứ hỏa lực là căn cứ 5 và 6 trên các sườn đồi phía Nam Tân Cảnh để yểm trợ hỏa lực pháo binh cho Sư Đoàn 22 Bộ Binh. Toàn bộ pháo binh và chiến xa cơ hữu của Sư Đoàn cũng được điều động lên vùng này. Ngoài ra, Quân Đoàn còn tăng cường thêm Biệt Động Quân để củng cố vững chắc đồn biên phòng Ben Hét, cửa ngõ đi vào lãnh thổ Quân Đoàn II Quân Khu 2. Nhiệm vụ của Sư Đoàn 22 Bộ Binh là dụ cho địch xuất hiện đi vào thật sâu để Không quân Hoa Kỳ tiêu diệt bằng B-52.

Sau khi dàn binh bố trận xong, Tướng Ngô Du mời Đại Tướng Cao Văn Viên lên quan sát mặt trận vào cuối tháng 2.1972. Qua một ngày đi thăm tất cả các đồn bót và công sự bố phòng của ta, trước khi ra về, Đại Tướng bắt tay thân mật Tướng Ngô Du và Paul Vann và nói: Tôi chưa thấy một cuộc phối trí quân sự nào chu đáo và đầy đủ như thế này. Tôi tin tưởng hai ông sẽ đập nát Sư Đoàn 320 bằng hỏa lực

không quân và pháo binh của Việt-nam và Hoa Kỳ. Chúc hai ông thành công tốt đẹp.

Những trực trực đáng tiếc

Quân Đoàn II có 2 Sư Đoàn chính quy là Sư Đoàn 22 Bộ Binh và Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Sư Đoàn 22 Bộ Binh chịu trách nhiệm lãnh thổ 5 tỉnh phía Bắc Quân Đoàn II gồm Bình Định, Phú Yên, Phú Bổn, Pleiku và Kontum. Sư Đoàn 23 Bộ Binh chịu trách nhiệm lãnh thổ 7 tỉnh còn lại của Quân Đoàn II là Ban Mê Thuột, Tuyên Đức, Khánh Hòa, Cam Ranh, Ninh Thuận, và Bình Thuận. Sư Đoàn 22 Bộ Binh do Tướng Triển làm Tư lệnh, Sư Đoàn 23 Bộ Binh do Tướng Cảnh làm Tư lệnh. Hai vị Tư lệnh này lập được nhiều chiến công trên các mặt trận tiêu diệt địch tại Quân Đoàn II nhiều năm trước đây.

Paul Vann đề nghị Tướng Ngô Du thay thế hai vị tư lệnh này viện lý do sau đây: Mặt trận sắp tới sẽ sôi động và gây cản, cản phải có các Tư lệnh Sư Đoàn năng động, trẻ tuổi. Hai Tướng Triển và Cảnh đã lớn tuổi. Như tôi (Đại Tá Trịnh Tiểu) đã nói trên, John Paul Vann rất năng động, hiếu thắng và kiêu căng, nên ông chỉ thích các Đại Tá trẻ, có can đảm làm Tư lệnh Sư Đoàn. Tướng Ngô Du bị bất ngờ trước ý kiến này của Paul Vann, nên đã nói với Paul Vann biết rằng việc bổ nhiệm Tư lệnh Sư Đoàn là do Tổng Thống Thiệu quyết định, ông không có quyền. Hơn nữa, hai vị Tướng Tư lệnh nói trên không phạm lỗi gì, nên không thể đề nghị thay đổi được. Nhưng Paul Vann nhất quyết đề nghị thay thế hai vị Tư lệnh Sư Đoàn. Tướng Triển và Tướng Cảnh biết được những khó khăn của Tướng Ngô Du trong lúc mặt trận sắp bùng nổ nên hai ông đã nói với

Tướng Ngô Du rằng vì “đất nước và quân đội”, hai ông sẵn sàng làm đơn lên Tổng Thống xin từ chức vì lý do sức khỏe để Tướng Ngô Du tiện việc sắp xếp. Thái độ của hai Tướng này đã làm cho quân nhân các cấp ở trong Quân Đoàn khâm phục. Paul Vann đề nghị: Đại Tá Lý Tông Bá và Đại Tá Lê Minh Đảo, là các sĩ quan trẻ, năng động và có nhiều kinh nghiệm chiến trường mà tôi biết tại Quân Đoàn III. Tướng Ngô Du hỏi: Quân Đoàn II có nhiều Đại Tá trẻ và giỏi như Đại Tá Lê Đức Đạt, Đại Tá Hùng và các Đại Tá khác, tại sao ông không đề nghị? Paul Vann trả lời: Đại Tá Lê Đức Đạt mang tiếng tham nhũng tại Quân Đoàn III, nên tôi không đề nghị còn Đại Tá Tôn Thất Hùng tôi chưa có cơ hội được biết khả năng của ông ta. Tình hình quân sự tại mặt trận càng ngày càng khẩn trương, Tướng Ngô Du cần phải thỏa mãn gấp điều kiện của Paul Vann, nhưng ông chỉ thỏa mãn 50%. Ông đề nghị Tổng Thống Thiệu bổ nhiệm Đại Tá Lý Tông Bá làm Tư lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh và Đại Tá Lê Đức Đạt làm Tư lệnh Sư Đoàn 22 Bộ Binh. Sở dĩ Tướng Ngô Du đề nghị Đại Tá Lê Đức Đạt là vì Đại Tá Đạt đang là Tư lệnh phó Sư Đoàn 22 Bộ Binh, lên thay thế Tư lệnh Sư Đoàn là hợp lý. Hơn nữa, Đại Tá Đạt rất thân với Đại Tướng Cao Văn Viên, nên ông nghĩ rằng khi Đại Tá Đạt làm Tư lệnh tại mặt trận thì Đại Tướng Viên sẽ yểm trợ tối đa cho Đại Tá Đạt. Paul Vann rất giận Tướng Ngô Du đã không đề nghị Đại Tá Lê Minh Đảo trong chức vụ Tư lệnh Sư Đoàn 22 Bộ Binh.

Đại Tá Đạt làm Tư lệnh tại mặt trận Tân Cảnh được một tuần lễ thì địch bắt đầu chạm súng lẻ tẻ với ta tại nhiều nơi. Đại Tướng Cao Văn Viên liền tăng cường cho Đại Tá

Đặt một Lữ Đoàn Dù. Tướng Ngô Du đã thổ lộ với tôi trên trực thăng chỉ huy của ông là Paul Vann là một người Mỹ rất hăng say muốn giúp Việt-Nam, nhưng không thông cảm cho hoàn cảnh và tình cảm của người Việt-nam.

Mặt trận bùng nổ

Theo tin tức khai thác được của các tù binh Cộng Sản thì mặt trận sẽ bùng nổ lớn vào trung tuần tháng 3.1972, nhưng Hà Nội đã ra lệnh cho Tướng Hoàng Minh Thảo tấn công vào đầu tháng 4.1972 để phối hợp nhịp nhàng với các mặt trận khác tại Quân Đoàn I (Quảng Trị) và Quân Đoàn III (Bình Long).

Theo tin tức tình báo mà Phòng II chúng tôi thu thập được, vào giờ chót thì Tướng Hoàng Minh Thảo sẽ sử dụng Sư Đoàn 2 của Cộng Sản Bắc Việt đương đầu với các đơn vị của Sư Đoàn 22 Bộ Binh để cầm chân Sư Đoàn này tại Tân Cảnh, còn Sư Đoàn 320 của Cộng Sản sẽ tiến quân vào Kontum.

Để đối phó với tình thế mới, Tướng Ngô Du đã xử dụng Lữ Đoàn Dù vừa được Đại Tướng Viên tăng cường, tiến chiếm dãy đồi phía Tây sông Polco và thiết lập hai căn cứ hỏa lực mới là Charlie và Delta để ngăn chặn Sư Đoàn 320 của Cộng Sản. Kế hoạch phối trí này rất tốt đẹp lúc đầu. Vào 4 giờ sáng ngày 3.4.1972, Sư Đoàn 320 tấn công biển người vào căn cứ Delta, nhưng đã gặp sức kháng cự vô cùng mãnh liệt của các chiến sĩ Dù (Mũ đỏ). Sau nhiều đợt tấn công và pháo kích tới tấp bằng hỏa tiễn 122 ly và cối 120 ly địch chỉ chiếm được hàng rào đầu tiên vào căn cứ. Tướng Ngô Du và Tham Muu lên căn cứ Vô Định trên Quốc lộ 14 để chỉ huy mặt trận. Cố vấn Paul Vann được tin

này rất phấn khởi cùng bay lên quan sát hai căn cứ Delta và Charlie. Paul Vann thấy rõ một số Cộng quân đông đảo đang bao vây quanh căn cứ Delta giữa hàng rào thứ 1 và thứ 2, ông liền gọi các phi tuần của không lực Hoa Kỳ cất cánh từ Thái Lan qua oanh kích liên tục chung quanh căn cứ Delta, ông còn gọi thêm các phi cơ Stinger và Spectre, được trang bị đặc biệt đại bác Bofors và đại liên Volcan để yểm trợ căn cứ này.

Chiều ngày 3.4.1972, Cộng quân chưa chiếm được đồn nhưng các chiến sĩ Dù đã cạn hết đạn dược, thuốc men và nước uống. Trục thăng Chinook của ta được lệnh Tướng Ngô Du tiếp tế khẩn cấp đạn dược và thuốc men vào căn cứ Delta để các chiến sĩ có thể bảo vệ căn cứ trong đêm nay. Nhưng trục thăng đã bị hỏa lực phòng không của địch bắn rơi ngoài đồn. Thấy thế, Paul Vann đã liệu lĩnh sử dụng trục thăng nhỏ, loại mới nhất của quân đội Hoa Kỳ, là OH58 Kiowa, chỉ có 2 chỗ ngồi để tiếp tế. Địch thân ông lái máy bay còn Trung úy Huỳnh Văn Cai, người được Tướng Ngô Du chỉ định làm tùy viên cho Paul Vannn đập từng 2 thùng đạn, thùng thuốc xuống giữa căn cứ, mặc dù súng phòng không địch đủ loại 14.5 ly, 12.7 ly bắn lên tới tấp. Bất chấp mọi nguy hiểm, Paul Vann đã tiếp tế cho đơn vị Dù các chuyến đầy đủ đạn dược, mìn chiếu sáng, thuốc men và nước uống, để đơn vị này có thể cầm cự với địch quân đêm nay. Chuẩn Tướng George Wear, Tư lệnh phó, và Đại Tá Joseph Pizzi, Tham Mưu Trưởng của Paul Vann phải kêu lên: Thật điên rồ. Tướng Ngô Du phải khâm phục hành động của Paul Vann.

Kết quả Sư Đoàn 320 của Cộng Sản bị thảm bại nặng nề tại căn cứ Delta. Tướng Hoàng Minh Thảo phải bỏ

sung quân số cấp tốc cho Sư Đoàn này và sau đó 10 ngày (14.4.1972) lại cho mở cuộc tấn công vào căn cứ Charlie. Lần này, Lữ Đoàn Dù do Trung Tá Nguyễn Đình Bảo chỉ huy bị hỏa tiễn 122 ly trúng vào hầm chỉ huy làm Trung Tá Bảo tử trận ngay giây phút đầu tiên. Những sĩ quan còn lại của Trung Tá Bảo thấy địch quá đông nên đã rút khỏi căn cứ và bỏ xác Trung Tá Bảo lại trong hầm.

Ngày 20.4.1972, tình hình Quảng Trị (Quân Đoàn I) quá nặng, nên Đại Tướng Viên phải rút Lữ Đoàn Dù tại Kontum để tăng cường cho mặt trận Quảng Trị tình hình tại mặt trận Tân Cảnh bắt đầu đen tối. Tướng Ngô Du vô cùng lo lắng. Ngày 28.4.1972, Cộng Sản tấn công đồn Ben Hét (giáp biên giới Lào) bằng 10 chiến xa T-54, nhưng đã bị Paul Vann điều động hai trực thăng võ trang Cobra trang bị hỏa tiễn chống chiến xa, được điều khiển bằng tia Laser bắn rất chính xác, tiêu diệt 5 chiến xa T-54 tại chỗ, 5 chiếc còn lại phải chạy trốn qua biên giới Lào. Sau đó, ta rút quân khỏi đồn này vì vị trí quá xa và hẻo lánh.

Đại Tá Lê Đức Đạt, Tư lệnh Sư Đoàn 22 Bộ Binh và John Paul Vann

Các toán biệt kích và viễn thám của ta phục kích sâu trong rừng, hằng đêm đều nghe tiếng chiến xa của Cộng Sản di chuyển. Tôi báo động về sự xuất hiện của chiến xa T-54 để Tướng Ngô Du và Paul Vann tìm cách đối phó. Tướng Ngô Du tin những báo cáo của tôi nhưng Paul Vann thì hoài nghi, còn cho rằng đó chỉ là loại xe thường, hoặc là T-76S, chiến xa lội nước hạng nhẹ không đáng kể của Cộng Sản. Đối với Paul Vann phải trông thấy tận mắt mới tin.

Tướng Hoàng Minh Thảo thấy Lữ Đoàn Dù đã rút, nên ông có kế hoạch tấn công cấp tốc để dứt điểm Sư Đoàn 22 Bộ Binh tại Tân Cảnh bằng Sư Đoàn 320 và Sư Đoàn 2 Sao Vàng bằng chiến xa T-54 và hỏa tiễn Sagger do Liên Xô chế tạo. Chiến xa T-54 và hỏa tiễn Sagger là hai loại vũ khí tối tân được sử dụng lần đầu tại chiến trường Miền Nam trong Mùa Hè Đỏ Lửa 1972. T-54 là loại chiến xa bọc sắt cứng, dày, tương đương với chiến xa M-48 của Hoa Kỳ. Hỏa tiễn Sagger mà ta gọi là AT3, là loại hỏa tiễn chống chiến xa bằng giấy, giống như hỏa tiễn TOW của Mỹ, nhưng tầm xa kém hơn (hỏa tiễn TOW tầm xa 2000m), hỏa tiễn Sagger 1000m).

Trong những ngày 20, 21, và 22.4.1972, các Sư địch áp sát bao vây Tân Cảnh. Khi đã khám phá đầy đủ các vị trí của địch xuất hiện, tôi trình Tướng Ngô Du phải diệt địch ngay bằng B-52 theo như kế hoạch trước đây mà ông và Paul Vann đã tính toán. Nhưng Paul Vann đã từ chối sử dụng B-52, vì trong thâm ý, ông không muốn yểm trợ cho Đại Tá Lê Đức Đạt. Tướng Ngô Du nổi giận la to: ông Paul Vann, ông là bạn hay là kẻ thù của tôi? Paul Vann làm thỉnh bỏ đi. Ông dùng trực thăng bay xuống mặt Bắc Bình Định.

Thời gian này, mặt trận Bắc Bình Định cũng rất sôi động. Trung tướng Ngô Du chỉ định Đại Tá Trần Hiếu Đức, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 40 thuộc Sư Đoàn 22 Bộ Binh làm Tư lệnh chiến trường, chịu trách nhiệm bảo vệ ba quận Hoài Ân, Bồng Sơn, và Tam Quan. Sư Đoàn 3 Sao Vàng Cộng Sản được lệnh phối hợp nhíp nhàng với các mặt trận khác nên đã tung quân bao vây quận Hoài Ân. Tại đây, Paul Vann cũng gây khó khăn cho Đại Tá Đức về

yểm trợ hỏa lực trong khi bị áp lực nặng nề của địch. Đại Tá Đức liền ra lệnh rút bỏ quận Hoài Ân để cố thủ quận Bồng Sơn. Ngày 21.4.1972, Paul Vann bay lên Tân Cảnh thăm Đại Tá Philip Kaplan, Cố vấn cho Đại Tá Lê Đức Đạt. Tại hầm chỉ huy, mặc dù biết Paul Vann không ưa thích mình, Đại Tá Đạt vẫn trình bày đầy đủ chi tiết cho Paul Vann rõ. Paul Vann đã có hành động thiếu lịch sự, ông chỉ mạnh vào bàn đồ và nói cộc lốc bằng giọng mũi: Đại Tá Đạt, ông sẽ là vị Tư lệnh Sư Đoàn Việt-nam đầu tiên làm mất Sư Đoàn và bại trận. Đại Tá Đạt rất tức giận, ông vút điều thuốc đang hút xuống đất, cười gằn và bảo Paul Vann: Ô, chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra.

Ngày 23.4.1972, một Tiểu Đoàn của Sư Đoàn 22 Bộ Binh chạm súng địch rất sớm, không quá xa Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn, đồng thời địch pháo kích tới tấp vào căn cứ Tân Cảnh bằng hỏa tiễn 122 ly. Chiến xa bảo vệ Bộ Tư Lệnh của Sư Đoàn của Đại Tá Đạt gồm 10 chiếc được điều động ra để chống lại địch, đã bị hỏa tiễn Sagger bắn cháy mất 8 chiếc, còn lại 2 chiếc thì bị đứt xích. Người bạn rất thân với tôi trước đây tại Qui Nhơn là Thiếu Tá Như cùng Đại úy Kenneth Yonan, 23 tuổi, xuất thân từ trường Westpoint, đã leo lên tháp nước cao tại căn cứ, sử dụng đại liên 12.7 ly để tấn công địch, cũng bị hỏa tiễn Sagger bắn, bồn nước nổ tung và cả hai người chết tại chỗ. Các đơn vị của ta chạm súng suốt ngày với địch tại Tân Cảnh. Tướng Ngô Du đã sử dụng tối đa hỏa lực không quân để yểm trợ cho Đại Tá Đạt.

Khoảng 10 giờ tối ngày 23.4.1972, quận Dakto cách Tân Cảnh 2km về phía Bắc, do Địa Phương Quân và Nghĩa Quân

người Thượng bảo vệ, đã quan sát thấy đèn của chiến xa T-54 đang tiến về hướng quận. Quân Đoàn liền điều động C-130 Spectre lên thả trái sáng. Chiến sĩ ta trong các hầm chiến đấu cá nhân đã thấy tất cả 15 chiếc chiến xa T-54 của địch xếp hàng dọc chạy tiến về Tân Cảnh. Phi cơ C-130 tác xạ để ngăn không cho chiến xa địch tiến, nhưng vô hiệu quả, vì loại phi cơ này không có loại đạn chống chiến xa. Khoảng 2 giờ sáng ngày 24.4.1972, 15 chiến xa địch đã bao vây Tân Cảnh. Đại Tá Philip Kaplan yêu cầu Paul Vann lên cứu ông vào lúc 4 giờ khi trời chưa sáng tại bãi đáp rất nhỏ bên cạnh bãi mìn. Đại Tá Kaplan cho Đại Tá Đạt biết và yêu cầu cùng lên trực thăng cấp cứu của Paul Vann **nhưng Đại Tá Đạt từ chối**. Đại Tá Đạt biết tình hình rất bi đát, địch sẽ tràn ngập căn cứ vào khoảng 7 giờ sáng, nhưng ông không yêu cầu Tướng Ngô Du lên cứu như Đại Tá Kaplan đã làm. Ông ra lệnh cho tất cả sĩ quan và binh sĩ còn lại tìm cách thoát ra ngoài trước khi trời sáng. Đại Tá Tôn Thất Hùng đã thoát được nhưng bị thương, ông chạy vào một buôn Thượng gần đó. Nhờ nói được tiếng Thượng rất rành, nên đã được một gia đình thượng che dấu và bảo vệ ông, đưa ông về đến thị xã Kontum sau 15 ngày đi lang thang trong rừng. Ba tháng sau, ông cùng gia đình lên Pleiku để đền ơn cho gia đình người Thượng này đang sống trong trại tỵ nạn.

Đại Tá Lê Đức Đạt đã ở lại trong căn cứ Tân Cảnh. Theo lời Đại Tá Kaplan, có lẽ Đại Tá Đạt đã tự sát sau khi đồn Tân Cảnh bị Cộng quân tràn ngập. Đó là ngày 24.4.1972, lúc 10 giờ sáng.

Ai cứu Kontum trong cơn hấp hối?

Sau khi mặt trận Tân Cảnh bị thảm bại, Tư lệnh Sư Đoàn 22 Bộ Binh chết mất xác tại mặt trận, thành phần Bộ Tham Mưu Sư Đoàn và chỉ huy trưởng các cấp cũng như binh sĩ bị bắt làm tù binh hay bị chết, chỉ một số rất ít chạy được về Kontum. Sư Đoàn 22 Bộ Binh tan rã. Vì thế phòng tuyến kiên cố nhất để bảo vệ thị xã Kontum coi như không còn nữa. Tòa Hành Chánh tỉnh Kontum với dân số 25.000 người sống trong thị xã đã hoang mang dao động cao độ, chuẩn bị tản cư. Tướng Ngô Du rất khổ tâm trong thời gian này. Ông bị xúc động khi được tin Đại Tá Lê Đức Đạt tử trận. Những hy vọng thắng trận vinh quang mà ông ấp ủ trong lòng trên 3 tháng nay đã tiêu tan và biến thành thảm bại cay đắng vì có những bất đồng giữa ông và Paul Vann, và thành kiến không tốt đẹp của Paul Vann đối với Đại Tá Lê Đức Đạt. Do đó, bệnh tim của ông bị tái phát. Thông thường chiến thuật Cộng quân là thừa thắng xông lên. Do đó, chúng tôi không loại bỏ giả thuyết Cộng quân sẽ đánh Kontum, vì nơi đây chỉ có Địa phương Quân và Nghĩa Quân trấn giữ. Tướng Ngô Du phải cho tái phối trí lực lượng, điều động 2 Trung Đoàn Bộ Binh từ Ban Mê Thuột lên cố thủ Kontum, chỉ để lại một Trung Đoàn phòng thủ 7 tỉnh phía Nam của Quân Đoàn.

Đại Tá Lý Tông Bá, Tư lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh, được chỉ định làm Tư lệnh mặt trận Kontum. Tướng Ngô Du chỉ mong Tướng Hoàng Minh Thảo hoàn tất công vào Kontum 5 ngày thôi, thì ông và Đại Tá Lý Tông Bá đủ thời gian phối trí quân và đào công sự vững chắc phòng thủ thị xã này. Đường chuyển quân và tiếp vận chính giữa Pleiku-

Kontum là Quốc lộ 14 rất yên tĩnh trong 3 ngày đầu, đến ngày thứ tư thì Cộng quân chiếm và đóng chốt đèo Chu Pao, giao thông bị gián đoạn. Rất may, khi địch chiếm đèo Chu Pao thì ta vừa chuyển quân xong. Cộng quân không tiến quân tiếp vào Kontum sau 5 ngày như Tướng Ngô Du dự tính mà đến 20 ngày sau. Như vậy, chúng ta có thể tin rằng Sư Đoàn 320 và Sư Đoàn 2 của Cộng quân đã tổn thất khá nặng trong các cuộc chạm súng trước đây với Lữ Đoàn Dù và Sư Đoàn 22 Bộ Binh. Các chiến xa T-54 của địch cũng bị tiêu hao tại phi trường Dakto do không lực Việt-nam Cộng-hòa bắn cháy và một số tại đồn Ben Hét do Cobra của Hoa Kỳ phá hủy. Vì thế, Tướng Hoàng Minh Thảo cần có thời gian củng cố lại đơn vị của ông chứ không thể mở cuộc tấn công mới ngay được.

Phối trí xong quân tại Kontum, Tướng Ngô Du ngã bệnh nặng. Tôi thấy ông ngày đêm ôm tim và nhăn nhó. Trước đó một ngày, ông đã điện thoại Tổng Thống Thiệu và yêu cầu Tổng Thống đề cử người thay thế ông. Tại Sài Gòn, Tổng Thống Thiệu và Đại Tướng Cao Văn Viên tham khảo ý kiến với nhiều vị Trung Tướng, nhưng không ông nào chịu lên làm Tư Lệnh Quân Đoàn II, vì biết tình hình rất đen tối tại đây. Cuối cùng, Tổng Thống Thiệu chọn Thiếu Tướng Nguyễn Văn Toàn, vì Tướng Toàn đồng ý từ thủ tại Kontum.

Đại Tá Lý Tòng Bá, người mà Paul Vann khẩn thiết yêu cầu Tướng Ngô Du đề nghị TT Thiệu đề cử làm Tư lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh, nay đang nằm tại mặt trận chính. Paul Vann làm việc tại Kontum với Đại Tá Lý Tòng Bá trong lúc chưa có Cố vấn của Sư Đoàn. Paul Vann nhớ đến Đại Tá

Rhotenberry là người làm Cố vấn cho Đại Tá Bá tại Bình Dương. Khi đưa Đại Tá Rhotenberry đến Kontum, Paul Vann nói: *ông và tôi phải hết sức yểm trợ Đại Tá Bá vì tôi đã hứa với Đại Tướng Abrams là không để mất Kontum. Nếu mất Kontum, thì Kissinger, trưởng phái đoàn Hoa Kỳ tại hòa đàm Paris sẽ gặp nhiều khó khăn.*

Thiếu Tướng Nguyễn Văn Toàn và Quân Đoàn II

Đầu tháng 5.1972, TT Thiệu bổ nhiệm Thiếu Tướng Nguyễn Văn Toàn giữ chức Tư lệnh Quân Đoàn II thay thế Trung Tướng Ngô Du. Trước khi nhận nhiệm vụ, Tướng Toàn trình diện Đại Tướng Cao Văn Viên và yêu cầu Đại Tướng thoả mãn cho ông về những thay đổi nhân sự. Ông cho rằng Quân Đoàn II thất trận là do Bộ Tham Mưu Quân Đoàn thiếu khả năng. Đến Pleiku, việc đầu tiên của Tướng Toàn là tập hợp các sĩ quan Quân Đoàn lại xỉ vả và nặng lời. Ông chỉ trích Bộ Tham Mưu của Quân Đoàn yếu kém, thiếu khả năng tham mưu nên tình hình Quân Đoàn mới đen tối như hiện nay. Ông giận dữ và tỏ ý muốn đưa hết các sĩ quan trong Bộ Tham Mưu ra tuyển đầu với các đơn vị Tiểu Đoàn và Trung Đoàn để chiến đấu. Sau khi nghe tường trình tình hình, ông chỉ thị Đại Tá Vĩnh Phúc, Trưởng Phòng IV Quân Đoàn, ra làm việc tại phi trường Kontum tiếp nhận vũ khí và đạn dược từ Sài Gòn không vận ra. Thời gian này, phi trường Kontum luôn luôn bị pháo kích bằng hỏa tiễn 122 ly, nên có vài phi cơ C-130 tiếp vận đã bị trúng đạn bốc cháy.

Tướng Toàn kêu Trưởng Phòng II cùng với ông lên Kontum. Tội liền cầm bản đồ theo ông lên trục thẳng của Tư lệnh. Trên trục phăng chỉ huy chỉ có ông và tôi cùng sĩ

quan Đại úy tùy viên. Tôi thấy Tướng Toàn rất lo âu, mồ hôi nhễ nhại, mặc dù khí hậu Cao Nguyên không nóng. Ông hỏi tôi: Anh cho biết, chúng ta có đủ khả năng giữ vững được Kontum không? Thời gian bay lên Kontum chỉ 20 phút, nên tôi phải trả lời ông rất ngắn gọn. Căn cứ theo các chuyện đã xảy ra tại mặt trận Tân Cảnh, tôi tính toán kỹ và nói: Thưa Thiếu Tướng, ta có thể giữ được mặc dù quân địch có đến 3 Sư Đoàn (Sư Đoàn 320, Sư Đoàn 2, và Sư Đoàn 968), ta chỉ có 1 (Sư Đoàn 23 Bộ Binh). Điều kiện là Thiếu Tướng và Cố vấn Paul Vann phải thảo luận với nhau không có gì trục trặc xảy ra. Đại Tá Lý Tông Bá là người quen rất thân với Paul Vann đang ở tại mặt trận nên sẽ được Paul Vann giúp đỡ tận tình. Sau này, tôi mới biết câu trả lời của tôi đã trùng hợp với lời khuyên của Đại Tướng Cao Văn Viên trước khi Tướng Toàn đi nhậm chức: ông lên trên đó phải chiều Cố vấn Paul Vann mới xong được.

Đến Kontum, Đại Tá Lý Tông Bá và Đại Tá Rhotenberry hướng dẫn tướng Toàn thăm tuyến đầu bảo vệ Kontum phía Bắc 5km. Tại đây, sĩ quan các cấp và binh sĩ Sư Đoàn 23 Bộ Binh, mỗi người 1 chiếc xẻng cá nhân, đang đào công sự phòng thủ. Tướng Toàn vui vẻ an ủi, khích lệ, và nhắc nhở mọi người phải cố gắng chuẩn bị chiến đấu, quyết tâm tử thủ, không để CS chiếm một tấc đất nào tại Kontum. Ông chỉ thị cho Đại Tá Lý Tông Bá và các Trung Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn Trưởng phải chọn một số binh sĩ can đảm thành lập ngay các tổ chống chiến xa bằng súng M72 Law, cho các binh sĩ này thực tập tác xạ vào các chiến xa hư của ta vào ngày kế để họ tin tưởng vũ khí

M72 Law của Mỹ có thể tiêu diệt được các chiến xa T-54 của Cộng quân. Ông cho Đại Tá Bá biết ông sẽ cho không vận Trung Đoàn còn lại của Sư Đoàn 23 Bộ Binh tại Ban Mê Thuột lên Kontum để Đại Tá Bá có đầy đủ quân số và thống nhất chỉ huy. Về hành chánh, Tướng Toàn chỉ thị Đại Tá Nguyễn Bá Long tự Thìn, Tỉnh Trưởng Kontum, phải lo trấn an và ủy lạo dân, làm cho họ tin tưởng vào chính phủ và quân đội. Khuyến khích dân chúng hết sức ủng hộ Quân Đoàn để tử thủ.

Trở về Pleiku, Tướng Toàn bàn ngay với Cố vấn Paul Vann nhiều giờ về kế hoạch bảo vệ Kontum. Sau đó, ông chỉ thị Đại Tá Hoàng, Tham Muu Phó Chiến Tranh chính Trị Quân Đoàn xử dụng phi cơ C47 của ông đi Phan Thiết mua cá tươi và xoài tượng đem lên phân phát cho các binh sĩ tại Kontum để bữa ăn có thêm chất tươi. Chúng tôi ghi thêm vào đây một chi tiết quan trọng đóng góp vào cuộc chiến thắng tại Kontum mà ít người nhận biết được là trận Chu Pao. Chu Pao là cái *Chốt Điểm* mà Cộng quân bằng mọi giá phải giữ để ngăn chặn sự tiếp viện từ Pleiku lên Kontum dưới làn mưa đạn của pháo binh và pháo đài bay B-52. Chu Pao là một ngọn đồi ngắn khoảng 4 km, nằm về phía Bắc Pleiku, nhiều đá lớn, nhiều hang động, chặn ngay tinh lộ Pleiku-Kontum, chạy dài về phía Tây là rừng già, cây cối rậm rạp, dễ dàng điều quân tiếp cứu cho Chốt điểm. Vách núi thẳng đứng, chiến xa không thể huy động được. Nhiều binh sĩ Cộng Sản đã bị xiềng chân vào khẩu súng để không thể bỏ chạy. Rút kinh nghiệm đánh Chốt Điểm từ Sư Đoàn 2 Bộ Binh, Tướng Toàn đã chỉ thị cho Trung Tá Nguyễn Đức Dung chỉ để lại một đơn vị cầm chân

địch, nghi binh tấn công chính diện như lâu nay, rồi dùng chiến xa và quân số còn lại mở Quốc lộ 14 phụ (bypass) vòng ra phía sau của Chu Pao, đánh thẳng vào Bộ Chỉ Huy địch. Địch bị đánh bất ngờ, chống đối yếu ớt, và khi cánh quân này đánh sâu vào hậu tuyến của địch, địch chạy tán loạn. Ngày 18.6.1972, Trung Tá Nguyễn Đức Dung đã bắt tay được với Sư Đoàn 23 Bộ Binh và Tiểu Khu. Chính cuộc chiến thắng Chu Pao đã giúp cho lực lượng phòng thủ thêm vững mạnh và tinh thần dân chúng tại Kontum lên cao đã góp phần rất lớn vào chiến trận Kontum kiêu hùng. Một quân nhân đã ghi vào một tảng đá hai câu thơ sau đây:

Chu Pao ai oán hồn trong gió.

Mỗi chiếc khăn tang, một tấc đường.

Vượt khỏi Chu Pao, đoàn xe thiết giáp và Biệt Động Quân qua cầu Dak-Bla tiến vào Kontum, đồng bào trong thị xã chạy ra xem rất đông, nồng nhiệt chào mừng và hô vang trời. Đây là chuyện chưa từng có trước đây. Tướng Toàn gắn cấp bậc Đại Tá tại mặt trận cho Trung Tá Nguyễn Đức Dung ở đầu cầu Dak-Bla. Tính đến ngày thứ ba, kể từ ngày nhậm chức, Tướng Toàn đã tăng cường cho Đại Tá Lý Tông Bá 1 Trung Đoàn Bộ Binh, 1 Liên Đoàn Biệt Động Quân, trên 20 chiến xa thiết giáp, nhiều đạn dược, nguyên liệu và thuốc men mới được không vận từ Sài Gòn lên. Số đạn dược và nhiên liệu này đủ để bảo đảm cho các đơn vị tại Kontum phòng thủ trong thời gian một tháng. Tình hình Kontum bắt đầu sôi động lại. Các hỏa tiễn 122 ly của địch cứ đều đều rót vào các căn cứ quân sự và phi trường Kontum làm tinh thần dân và quân luôn luôn bị căng thẳng.

Về tình báo, Tướng Toàn chỉ thị tôi phải báo cáo cho ông biết trước ngày giờ Cộng quân tấn công vào Kontum và làm gấp kế hoạch trải thảm B-52 phía Bắc tuyến đầu của ta để ông và Paul Vann áp dụng kế hoạch khi địch tấn công. Hôm sau, tôi trình lên ông kế hoạch 100 boxes B-52 chặn đứng các mũi tấn công và tiêu diệt các ổ phòng không của địch, căn cứ vào địa hình, địa vật và tin tức bằng không ảnh. Tướng Toàn và Paul Vann đã chấp thuận hoàn toàn ý kiến của tôi

Tướng Hoàng Minh Thảo của Cộng Sản bại trong đợt tấn công vào Kontum

Tướng Toàn rất chú trọng đến vai trò tình báo. Lần đầu tiên trong binh nghiệp tôi phục vụ dưới quyền ông. Sau vài ngày làm việc, tôi thấy ông có vẻ có phần tin tưởng nơi tôi, nên tôi càng lo và cố sức chu toàn nhiệm vụ. Tôi đốc thúc các phần hành chuyên môn, nhất là các toán tình báo kỹ thuật, ngày đêm bám sát địch, không được chểnh mảng trong nhiệm vụ giao phó.

Ngày 13.5.1972, nhân viên kỹ thuật báo cáo đã bắt được mật điện của B3. Trong mật điện này, Bộ Tư lệnh B3 của Cộng Sản đã ra lệnh như sau: Mũi tấn công hướng Bắc. Su Đoàn 2. Stop. Tăng cường mỗi Su Đoàn 10 T54. Stop. Tấn công hướng Tây bắc Su Đoàn 320. Stop. Ngày giờ tấn công 05G00 ngày 14.5.72. Stop. Tôi vội vàng trình ngay tin này cho Tướng Toàn. Đọc xong mật điện, ông liền bảo tôi theo ông lên Kontum.

Trong giao thông của tuyến đầu, Tướng Toàn và Đại Tá Lý Tông Bá đi từng hăm để nhấn nhủ từng binh sĩ hãy can đảm nằm yên tại chỗ khi địch tấn công. Tướng Toàn nói:

Khi địch nổ súng thì sẽ có B52 thả ngay trên đầu địch. Các em phải chịu khó bịt tai lại và bịt miệng để bớt áp lực của bom nổ. Áp lực của bom sẽ rất lớn đối với các binh sĩ của ta vì theo kế hoạch đã vạch sẵn, B52 sẽ thả bom sát quân ta, ở mức an toàn là 500m thay vì 1.000M như thường lệ.

Tại hạm chỉ huy của Sư Đoàn 23, Tướng Toàn, Paul Vann, Đại Tá Bá, Đại Tá Rhotenberry nghiên cứu trên bản đồ và thảo luận vị trí từng box B52 sẽ dội bom xuống và thời gian dội. Paul Vann gọi máy yêu cầu Trung Tướng chỉ huy không quân chiến lược Hoa Kỳ (Strategic Air Command) tại Thái Lan để thảo luận với ông về thể thức chuyển đổi các Boxes B52 cho thật hợp với tình hình mặt trận dưới đất. Paul Vann cũng điện đàm với Đại Tướng Abrams tại Sài Gòn khẩn khoản cho ông được sử dụng hết tất cả 25 Boxes B52 dành để yểm trợ cho 4 Vùng Chiến Thuật trong ngày 14.5.1972, để quân Đoàn II có thể tiêu diệt địch tối đa. Đề nghị này được Đại Tướng Abrams chấp thuận. Đêm 13 rạng 14.5.1972, Tướng Toàn, Paul Vann và 2 Bộ Tham Mưu Việt-Mỹ đều thức suốt đêm theo dõi tình hình từng phút và hồi hộp chờ đợi. Phi đoàn A37 của Sư Đoàn 6 Không Quân tại Pleiku túc trực 100%. Chiếc trực thăng của Chuẩn Tướng John Hill, Tư lệnh phó của Paul Vann cấp tốc gần 2 đại liên 12.7 ly bên hông và các xạ thủ luôn túc trực ở trực thăng. Tướng John Hill đang nghỉ dưỡng sức tại Cam Ranh để chờ ngày về nước, cũng đã tình nguyện ở lại để giúp Paul Vann đối phó với Cộng Sản tại mặt trận Kontum. Nhiều cặp phi cơ trực thăng võ trang Cobra của Hoa Kỳ đã ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu kể từ 12 giờ đêm. Hai đoàn B52 cất cánh từ đảo Guam

và Sattahip ở Thái Lan đã cất cánh và xuất hiện trên bầu trời biển Thái Bình Dương. Tất cả hồi hộp chờ đợi giờ G (tức 5G00 sáng). Kém 5 phút đến 5g, Đại Tá Bá báo cáo trên máy rất lớn, địch đã bắt đầu nổ súng. Trục thăng của Chuẩn Tướng John Hill với 2 đại liên 12.7 ly cất cánh đầu tiên, tiếp theo là trục thăng của Paul Vann, và sau cùng là trục thăng chỉ huy của Tướng Toàn bay về hướng Kontum trong sương mù. Paul Vann ra lệnh cho phi hành đoàn B52 vào vùng đúng 5g ngày 14.5.72. Tất cả 25 Boxes B52 đồng loạt bấm nút thả xuống trên 3.000 quả bom đủ loại, từ 100 lbs đến 500 lbs, trên đầu Sư Đoàn 320 và Sư Đoàn 2 của Cộng quân, tiếng nổ long trời lở đất, khói bụi bay mịt mù. Diện tích trải thảm của các B52 là 75 km². Tiếp theo, từng đoàn A37 và AD6 của Sư Đoàn 6 Không Quân Việt-nam Cộng-hòa bay vào mục tiêu, tiếp tục bắn vào các chiến xa và các ổ phòng không địch. Vì bị áp lực quá mạnh của bom, nhiều đoàn quân của Cộng quân bị ngắt ngừ, đã hốt hoảng chạy lui về phía sau, lại bị trục thăng của Chuẩn Tướng John Hill và trục thăng võ trang Cobra bọc hậu thanh toán rất nhiều.

Tại tuyến đầu, 9 chiến xa T54 của địch nằm ngoài khu ném bom của B52 đã hốt hoảng lao về phía ta và đã bị các chiến xa của ta bắn cháy mất 6 chiếc. Ba chiếc còn lại bỏ chạy, nhưng vì các chiến binh của Cộng quân điều khiển các chiến xa này bị sức dội quá mạnh của bom, không còn chủ động được, nên các binh sĩ của ta nhào ra bắt sống. Một giờ sau Tướng Toàn và Paul Vann bay vào vùng thả bom B52 để kiểm soát thì thấy rất nhiều xác của địch. Paul Vann thấy một số Cộng quân lão đảo đi trong các hố bom

B52, đã hạ thấp trực thăng xuống cho Trung úy Huỳnh Văn Cai, Trung úy tùy viên, dùng M16 thanh toán.

Không quân của ta và của Hoa Kỳ tiếp tục thanh toán tàn quân và các ổ phòng không địch trong vùng suốt ngày 14.5.1972. Trong các cuộc oanh kích này, Không quân ta bị thiệt mất một AD6 do Thiếu Tá Phạm Thặng làm hoa tiêu. Phòng không địch đã bắn trúng chiếc phi cơ do Thiếu Tá Thặng lái khiến ông bị tử thương và chiếc phi cơ rớt ở phía Nam Kontum (Thiếu Tá Phạm Thặng là anh ruột của Đại úy Phạm Thực, hoa tiêu trực thăng, là em rể tôi).

Kế hoạch trải thảm B52 đã dứt điểm cuộc tấn công đầu tiên của 2 Sư Đoàn Cộng quân vào Kontum. Trong trận này, chắc chắn Tướng Hoàng Minh Thảo, Tư lệnh mặt trận B3, đã phải ôm hận vì đã gặp phải một tay đối thủ nguy hiểm là Tướng Toàn, một vị Tướng có nhiều kinh nghiệm khi điều khiển chiến trường. Theo ước tính về phía Hoa Kỳ, trong cuộc tấn công này, địch thiệt mất 1.000 quân và 20 chiến xa T54. Quân ta đã thắng trận đầu. Các chiến xa T54 của địch mà ta bắt sống được, mang về triển lãm tại Sài Gòn. Sau trận đánh này, các binh sĩ Việt-nam Cộng-hòa đã đặt tên cho Paul Vann là “ông B52”.

Cuối cùng Cộng Sản đại bại tại Kontum

Thị xã Kontum xây cất bên bờ sông Dak-Bla nằm về hướng Bắc. Sông Dak-Bla uốn quanh như con rồng rất đẹp và cảnh hai bên bờ sông rất thơ mộng, nước sông chảy mạnh từ hướng Đông qua hướng Tây. Dân số Kontum độ 25.000 người, cả Kinh lẫn Thượng, đa số sống trong thị xã và các vùng phụ cận. Khoảng 70% dân số theo đạo Thiên Chúa. Vì thế, Tòa Giám mục Kontum (gồm Kontum và

Pleiku) đã được đặt ở số 44 Trần Hưng Đạo, Kontum, do Đức Cha Seitz, một giáo sĩ thừa sai người Pháp làm Giám Mục. Ông nói và viết thông thạo cả tiếng Việt lẫn tiếng Thượng. Ông đã bị CS trục xuất sau ngày 30.4.1975.

Kế hoạch phòng thủ Kontum được giao cho Sư Đoàn 23 Bộ Binh của Đại Tá Bá. Sư Đoàn này có nhiệm vụ đảm trách 3 mặt nặng nhất của tỉnh là Đông, Tây và Bắc. Hướng Nam có phần nhẹ hơn nhờ những chướng ngại vật của thiên nhiên là con sông Dak-Bla, nên giao cho Địa Phương Quân và Nghĩa Quân đảm nhiệm.

Sự thảm bại cay đắng trong trận ngày 14.5.1972, Tướng Hoàng Minh Thảo và các Cộng quân đã phải kiểm thảo rất chu đáo để rút kinh nghiệm. Một câu hỏi quan trọng đã được Tướng Hoàng Minh Thảo đặt ra: Tại sao đối phương biết được rõ lực lượng và ngày giờ Cộng quân sẽ tấn công để sử dụng B52 ở ạt? Tướng Thảo đoán rằng có thể kỹ thuật bắt điện đài của đối phương cao nên đã bắt được cả những mật lệnh mà Bộ Tư lệnh B3 của ông đã đánh đi. Rút kinh nghiệm, ông không sử dụng điện đài nữa mà sử dụng điện thoại để liên lạc. Vì thế, sau ngày 14.5.72, cả toán kỹ thuật của Quân Đoàn II đều ngạc nhiên không thấy địch lên máy nữa. Tôi làm phúc trình lên Tướng Toàn về sự việc này và ước tính địch còn khả năng tấn công ta vài đợt nữa trong những ngày sắp tới Quân Đoàn nên cẩn thận, không nên khinh địch. Tôi đã liên lạc với ông Archer, trưởng toán tình báo của Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ và mượn được hai máy nghe lén điện thoại. Loại máy này rất tối tân, chỉ nhỏ bằng nắm tay, ta chỉ cần đâm vào dây điện thoại của địch bằng cây kim, rồi cắm máy, chui vào bụi cây cách nơi cắm

vài trăm thước cũng nghe được các cuộc điện đàm của địch. Tôi liền cho các biệt kích lọt vào các khu hậu cần của địch, sử dụng máy điện thám nghe lén điện thoại của địch, nhưng chưa ghi nhận được điều gì quan trọng.

Vinh nhục trong ngành tình báo

Ngày 20.5.1972, Thiếu Tá Hùng, Trưởng Phòng 2 Tiểu Khu Kontum, báo cho tôi biết một tin động trời là đặc công CS đã vượt sông tiến vào chiếm được gần nửa thành phố. Bị bất ngờ, tôi hoảng hốt chạy vào Trung Tâm Hành Quân của Quân Đoàn để tìm hiểu thực hư. Đại Tá Long, tỉnh trưởng Kontum, cho tôi biết độ 2 tiểu đoàn đặc công cộng quân đã lợi dụng đêm tối có nhiều sương mù, lọt qua sông và tiến chiếm phi trường, kho đạn và khu Tòa Giám Mục trong thành phố. Cuộc giao tranh giữa Địa Phương Quân và Nghĩa Quân của Tiểu Khu với địch rất dữ dội. Khu dân chúng và khu Tòa hành Chánh chưa có địch xuất hiện.

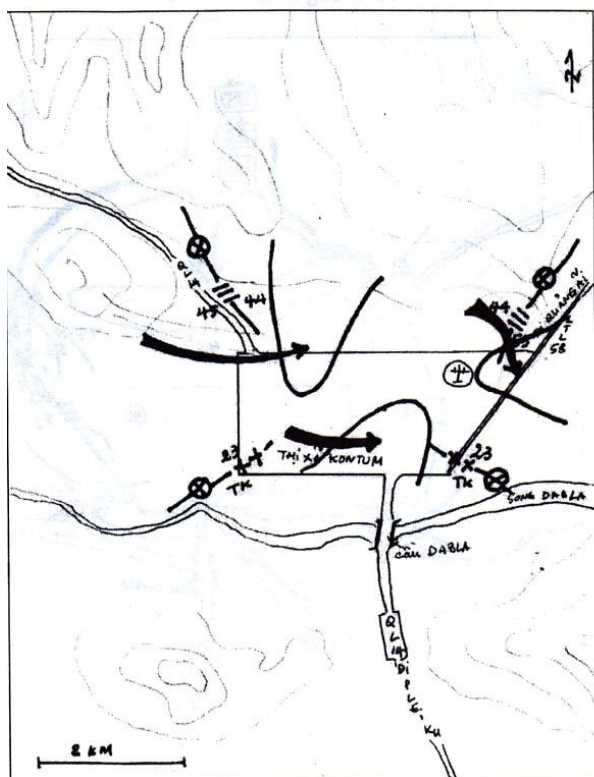
Đúng 5g sáng, Tướng Toàn được báo cáo về cuộc tấn công này, ông ta hối hả chạy vào Quân Đoàn. Vừa gặp tôi ông liền quát tháo om sòm và dọa đưa tôi ra Tòa án Quân sự. Ông hỏi: Tại sao để cho đặc công Cộng quân vào chiếm thị xã Kontum mà không hay biết? Tôi nghiêm người đứng chịu trận. Biết nói gì bây giờ? Binh sĩ ta hời hợt, mới thắng một trận mà đã khinh địch. Cấp chỉ huy của ta thiếu đòn đốc và kiểm soát. Cộng quân rất tinh ranh, chúng biết điểm yếu của ta nên đã lợi dụng địa hình địa vật sử dụng đặc công len lỏi vào thị xã bằng hướng phòng thủ yếu nhất.

Lúc 5g sáng ngày 20.5.72, Tướng Toàn và tôi bay lên Kontum. Trên trực thăng, tôi không dám nhìn thẳng vào

ông vì biết ông đang nóng giận và lo âu. Đến Bộ Chỉ Huy của Đại Tá Lý Tông Bá, chúng tôi thấy nơi đây bị pháo kích nên trực thăng phải tìm cách lượn quanh để tránh đạn mới đáp xuống được. Trực thăng vừa đáp xuống thì chúng tôi thấy Đại Tá Bá và Bộ Tham Mưu của ông đang hốt hoảng chạy ra khỏi hầm chỉ huy và hình như đang muốn di chuyển đi nơi khác. Mặc dù tiếng đại liên và AK47 nổ chát chúa rất gần, Tướng Toàn vẫn bình tĩnh nói lớn với Đại Tá Bá: “Tử thủ, ông và tôi không chết nơi đây đâu!”

Phóng Đồ Phản Công (Kontum)

Từ Tháng 5 đến 7-1972



Không chạy đi đâu hết. Ông yêu cầu Đại Tá Bá cho biết tình hình như thế nào. Đại Tá Bá chỉ vào khu nghĩa địa của thành phố cách hầm chỉ huy của ông độ 300m và cho biết một Đại Đội đặc công của địch đang cố thủ ở đó. Ông đã sử dụng một Đại Đội Trinh Sát tinh nhuệ nhất của Sư Đoàn vào nhằm chiếm lại khu vực này nhưng gặp sự kháng cự rất mãnh liệt, 2 chiến xa bị cháy, Đại Đội Trinh Sát không tiến lên được.

Tướng Toàn bảo đưa máy cho ông chỉ huy và chỉ thị trong máy:

Tu lệnh Quân Đoàn II ra lệnh! - Bằng mọi giá phải thanh toán sạch đặc công Cộng quân ở đó. Tôi đang đứng ở đằng sau các anh và chờ kết quả.

Bên kia đầu máy trả lời:

-Nghe lệnh! Tin mặt trời rõ! Tôi đang thi hành.

Tiếng đại liên trên 3 chiến xa đang nổ dòn trong nghĩa địa.

Trong khi đặc công tràn vào thành phố, Chuẩn Tướng John Hill dùng trực thăng có gắn 2 khẩu đại liên 12.7 ly bay quan sát vùng Võ Định (Bắc Kontum 15km) và thấy nhiều đơn vị Cộng quân di chuyển về hướng Nam, ông liền tác xạ liên tục và báo cho Paull Vann biết để xử dụng B52. Ngay hôm đó, Paul Vann đã xử dụng trên 10 Boxes B52 để làm áp lực địch. Thiếu Tướng Toàn quan sát mặt trận và chỉ thị thêm cho Đại Tá Bá đề phòng tuyến đầu vì địch có ý định tấn công phía trước trong khi ta đang bắn loạn bên trong. Sau một giờ đánh nhau ác liệt với đặc công của địch, Đại Đội Trưởng Trinh Sát báo cáo trong máy:

-Trình mặt trời ! Tôi đã thanh toán xong đặc công tại khu nghĩa địa. Tướng Toàn đáp:

-Tốt ! Tôi sẽ thưởng công cho anh.

Đại Tá Nguyễn Bá Long tự Thìn, Tỉnh Trưởng Kontum, chạy qua trình diện Tướng Toàn đã bị xỉ vả một trận toi bời. Sau đó, Tướng Toàn bảo Đại Tá Long cùng ông lên xe chạy thẳng vào khu Tòa Giám Mục và nói: Có gì ông chết tôi cũng chết. Đại Tá Long hướng dẫn Tướng Toàn đến quan sát các ổ kháng cự của đặc công Cộng quân trong các tòa nhà được xây cất kiên cố từ thời Pháp trong khu Tòa Giám Mục, đang chống trả với Địa Phương Quân. Tướng Toàn liền tăng cường cho Đại Tá Long 5 chiến xa, 1 Liên Đoàn Biệt Động Quân, và chỉ thị nếu cần bắn sập một vài tòa nhà trong khu Tòa Giám Mục để tiêu diệt đặc công thì cứ làm, sau này chính phủ sẽ xây cất lại nhưng cố gắng đừng gây thiệt hại về nhân mạng cho dân chúng đang ở trong khu. Hai ngày sau, Đại Tá Bá và Đại Tá Long mới thanh toán sạch sẽ các lực lượng đặc công Cộng quân trong thành phố. Bên ta thiệt hại nhẹ.

Kontum kiên hùng

Cuộc tấn công của đặc công Cộng quân đã bị ta thanh toán trong ba ngày. Các đơn vị chính quy của Cộng quân được bố trí xung quanh để tiến vào thị xã hợp đồng tác chiến với đặc công đã bị B52 và Không Quân ta tiêu diệt. Cuộc tấn công đợt 2 của Tướng Hoàng Minh Thảo tiến chiếm Kontum coi như thất bại. Cộng quân điên cuồng trả đũa trong những ngày kế tiếp bằng những hỏa tiễn 122 ly rót vào thị xã liên tục ngày đêm, bắt kẻ khu quân sự hay dân sự. Kontum luôn luôn ở trong tình trạng căng thẳng. Tôi làm tờ trình ước tính tình báo lên Tướng Toàn và Paul Vann là địch còn khả năng tấn công ta đợt 3 trong vòng 10

ngày tới. Sư Đoàn 968 trừ bị của mặt trận B3 của Tướng Hoàng Minh Thảo vẫn còn chưa ra quân. Ước tính mức độ và cường độ đợt 3 yếu hơn đợt 1. Tướng Toàn và Paul Vann tiếp tục nghiên cứu và xử dụng kế hoạch 100 Boxes B52 mà tôi đã trình khi Tướng Toàn mới nhậm chức. Paul Vann có uy tín với Đại Tướng Abrams nên được xử dụng nhiều Boxes B52 hơn các Quân Đoàn khác.

Đúng 5g sáng ngày 28.5.1972, Cộng quân tấn công đợt 3 vào Kontum bằng 3 mũi chính:

- Mũi từ hướng bắc do lực lượng Sư Đoàn 2 Cộng quân;
- Mũi 2 từ hướng Tây Bắc do lực lượng Sư Đoàn 320;
- Mũi 3 từ hướng Nam do lực lượng Sư Đoàn 968.

Trong đợt tấn công này, địch không dùng chiến xa T-54. Mũi 1 và 2 đã gặp sự kháng cự mãnh liệt của các chiến sĩ can trường của Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Địch đã xung phong nhiều đợt để cố chiếm tuyến phòng thủ đầu của ta nhưng đều bị đẩy lui. Phi cơ chiến đấu của Sư Đoàn 6 Không Quân tại Pleiku xuất trận liên tục

Để yểm trợ quân ta tại tuyến đầu. Mũi 3 do lực lượng Sư Đoàn 968, một lực lượng trừ bị của Tướng Hoàng Minh Thảo phụ trách. Lực lượng này mới tham gia trận Kontum lần đầu, chưa ném mìn B52 nên khí thế có vẻ mạnh hơn mũi 1 và 2.

Sông Dak-Bla bọc chung quanh phía Nam thị xã là một chướng ngại vật thiên nhiên ngăn chân không cho địch tiến quân một cách dễ dàng. Sư Đoàn 968 cố gắng vượt sông, nhưng bị các phòng tuyến của Địa Phương Quân và Nghĩa Quân ngăn chặn. Paul Vann đã xử dụng các phi tuần của Không Quân Hoa Kỳ cất cánh từ Thái Lan trợ chiến,

sau đó, ông mới gọi các phi vụ B52 đến trải thảm. Trong ngày 28.5.72 này, Paul Vann cũng đã được Đại Tướng Abrams cấp 25 Boxes B52 cho mặt trận Kontum. Hai bên quần thảo nhau suốt ngày; đến tối địch vẫn không chiếm được vị trí nào của ta. Tướng Hoàng Minh Thảo thấy không thể kéo dài cuộc tấn công vì sợ B52 đến dội bom, đã ra lệnh rút lui thật nhanh.

Tại cuộc hòa đàm Paris, có lẽ Lê Đức Thọ cũng điên đầu vì Cộng quân chưa tạo được một chiến thắng nào tại Kontum, Quảng Trị hay Bình Long để yểm trợ yêu sách với Kissinger. Trận Kontum kéo dài đến 3 tháng (3, 4, 5.1972) mà Cộng quân chẳng những không chiếm được một vị trí nào mà còn bị thiệt mất một số quân khá lớn. Theo ước tính của giới quân sự Hoa Kỳ, trong trận đánh kéo dài này, mặt trận B3 của Tướng Hoàng Minh Thảo bị thiệt mất khoảng một Sư Đoàn ruổi, 30 chiến xa T-54 và nhiều đại pháo, phòng không bị thiêu hủy. Sau trận này, Sư Đoàn 2 Sao Vàng của Cộng quân đã hoàn toàn bị xóa tên.

Kontum đáng mặt kiêu hùng,

Sánh vai Quảng Trị, so cùng Bình Long.

Ngày 31.5. 72, TT Thiệu lên Kontum ủy lạo binh sĩ và gắn cấp bậc Chuẩn Tướng cho Đại Tá Lý Tông Bá.

Như chúng ta đã biết, song song với kế hoạch tấn công Kontum, Cộng Sản đã tung một Sư Đoàn tấn công Bắc Bình Định, Quận Hoài Nhơn, nhằm cắt đường tiếp tế, phân tán lực lượng phòng thủ, cắt đôi Miền Trung. Sư Đoàn 23 Bộ Binh đã được đưa tăng phái trên chiến trường Kontum, Sư Đoàn 22 Bộ Binh đang lâm trận nặng tại Tân Cảnh, nên

Bắc Bình Định có thể nói là đã bỏ ngõ, chỉ có lực lượng Địa phương Quân và Nghĩa Quân không thể nào chống đỡ nổi sức tiến công của Sư Đoàn Cộng Sản, họ phải rút về Bồng Sơn. Lực lượng Tổng Trừ Bị Thủy Quân Lục Chiến, Nhảy Dù phải tăng cường ra Quân Khu 1, Trung Đoàn 4 Bộ Binh thuộc Sư Đoàn 2 đồn trú tại Quảng Ngãi cũng phải di chuyển ra Huế. Như đã đề cập trước đây, mục tiêu của Hà Nội là cắt đôi Miền Nam.

Tái chiếm Bắc Bình Định thật là một vấn đề quá khó khăn, không đơn giản. Về quân số, sau khi tham gia chiến trường Dakto Tân Cảnh, Kontum, Sư Đoàn 22 Bộ Binh chỉ còn lại 1/3 quân số, tuyển mộ để bổ sung không được. Tướng Nguyễn Văn Toàn đưa ra kế hoạch “*Đôn Quân* “. Theo tâm lý, quân nhân chỉ muốn phục vụ gần nhà (gia đình), do đó, việc tuyển mộ Địa Phương Quân và Nghĩa Quân dễ dàng hơn. Sau khi thăm viếng 12 Tiểu Khu trực thuộc, nghiên cứu tình hình an ninh của các Tiểu Khu, Tướng Toàn quyết định lấy 11 Tiểu Đoàn Địa Phương Quân của các Tiểu Khu, đôn lên Chủ Lực Quân, bổ sung cho Sư Đoàn 22 Bộ Binh, và tuyển mộ binh sĩ cho Địa Phương Quân, Nghĩa Quân. Chương trình huấn luyện binh sĩ phải được thực hiện gấp rút để họ có thể hội nhập vào môi trường sinh hoạt mới, nhận lãnh nhiệm vụ mới. Đặc biệt, binh sĩ Địa phương Quân của 12 tỉnh này, lâu nay họ đã chứng tỏ có khả năng tác chiến cao, giữ vững an ninh diện địa trong lúc Sư Đoàn 22 Bộ Binh đi hành quân xa như đã đề cập ở phần trên, cho nên, việc huấn luyện thực hiện rất nhanh chóng, nhưng cũng phải mất khoảng ba tháng.

Sau khi huấn luyện xong, Sư Đoàn 22 Bộ Binh mở cuộc hành quân hỗn hợp với Thiết Giáp, bắt đầu tiến chiếm Bắc Bình Định. Chỉ trong vòng 5 ngày, Sư Đoàn 22 Bộ Binh đã đẩy lui Sư Đoàn địch ra khỏi khu vực, giải tỏa Quốc Lộ 1, tái lập an ninh xã ấp, thành công không thể tưởng tượng được. Tướng Healy Cố Vấn Quân Đoàn II (thay thế John Paul Vann, tử nạn máy bay bị rơi) báo cáo với Tướng Abram. Tướng Abram lúc bấy giờ là Tham Muu Tường Lục Quân Hoa Kỳ. Không thể tưởng tượng được, một Sư Đoàn mới vừa bị thiệt hại mất đến 2/3 quân số, lại có thể đánh với một Sư Đoàn thiện chiến địch, chưa kể đến Chủ Lực Tỉnh địch tại địa phương, để chiếm lại Bắc Bình Định trong một thời gian kỷ lục như vậy, Tướng Abram gọi điện tín qua Sài Gòn yêu cầu xác nhận một lần nữa: “*đơn vị nào đã tái chiếm Bắc Bình Định?* “. Câu trả lời vẫn là *Sư đoàn 22 Bộ Binh*.

Những chiến tích huy hoàng của Quân Lực VNCH trong suốt cuộc chiến 20 năm, chẳng sách nào, tác giả nào ghi lại (cùng lắm chỉ viết vài dòng), bởi vì, những chứng liệu này chứng minh một cách hùng hồn về những sai lầm chiến lược của giới lãnh đạo Hoa Kỳ, những cố tình bôi lọ của nhóm truyền thông, phản chiến Hoa Kỳ, và những khả năng quân sự yếu kém của kẻ thù Miền Bắc được tô son bằng tuyên truyền, với những huyền thoại thời chống Pháp.

Bấy giờ, tướng Toàn khi nào cũng có sẵn 2 Sư Đoàn tập trung hành quân lưu động, khiến địch quân khó ước tính được tình hình và chọn lựa chiến trường. Đến năm 1973, sau khi Hiệp Định Paris ký kết, CS vẫn không ngừng vi phạm. Bộ Chỉ Huy Mặt Trận B3 của CS đóng tại Đức Cơ

điều động các đơn vị của họ đi **“giành dân lấn đất”** và pháo kích bừa bãi, bất chấp sự hiện diện của ủy Ban Liên Hiệp Quân Sự Kiểm Soát Đình Chiến. Điển hình, vào một ngày trong tháng 5.1974, địch đặt hoả tiễn từ Đức Cơ bắn qua phi trường Pleiku, và thị xã Pleiku. Tướng Toàn cho mời Ủy Ban Liên Hiệp Quân Sự Kiểm Soát Đình Chiến đến và cho biết nếu CS còn tái phạm, ông ta sẽ có biện pháp trả đũa. Một tuần sau, địch lại pháo kích. Tướng Toàn thông báo cho toàn Ủy Ban Liên Hiệp Quân Sự Kiểm Soát Đình Chiến tại Đức Cơ phải ra khỏi Đức Cơ trong vòng 2 tiếng đồng hồ. Đúng hai giờ sau, tất cả phi pháo khiển dụng trong vùng oanh kích, tác xạ Đức Cơ, gây thiệt hại nặng nề về cơ sở, phương tiện liên lạc tại đây. Kể từ đó CS mới giảm bớt vi phạm.

Tin tức tình báo cho biết, Cộng Sản đang tập trung mọi nỗ lực tại Đức Cơ để chuẩn bị một trận chiến qui mô, có lẽ sẽ tấn công Ban Mê Thuột. Tướng Toàn đã hoạch định một cuộc hành quân với 2 Sư Đoàn cơ hữu chuẩn bị tiến đánh Đức Cơ, giữ cho Ban Mê Thuột an toàn. Tuy nhiên, chỉ còn hai tuần nữa để khởi sự, Tướng Toàn nhận được lệnh bàn giao chức vụ cho Tướng Phạm Văn Phú. Trong dịp bàn giao, Tướng Toàn nhấn mạnh *nhu cầu thiết yếu là phải thanh toán Đức Cơ*. Nhưng có lẽ vì bận rộn, hay một lý do nào khác (kém ưu tiên) mà cuộc hành (quân Đức Cơ không được Tướng Phú thực hiện hai tuần lễ sau đó. Nếu phá tan Đức Cơ, Cộng Sản phải mất ít nhất là 6 tháng để có thể bổ sung quân số, tiếp liệu và quân dụng,... cho cuộc hành quân tiến đánh Ban Mê Thuột sau này. Tiếc thay !

Những trận chiến 1974 đến 1975

Hai yếu tố chính để đưa đến thắng lợi trong các cuộc hành quân là *quân số và hỏa lực*. Trước khi ký Hiệp Định Paris vào ngày 23.1.1973, khi lâm trận với CS, quân số của Quân Lực VNCH lúc nào cũng ít hơn, hỏa lực kém hơn, nên tùy hoàn cảnh, địa thế chiến trường, chúng ta phải phụ thuộc vào sự yểm trợ của Không Quân Hoa Kỳ, trực thăng vận, trực thăng võ trang, pháo đài bay B-52. Kể từ năm 1969, khi Hoa Kỳ bắt đầu rút quân, VNCH đã yêu cầu giúp trang bị thêm cho 2 Sư Đoàn hầu có thể lấp vào khoảng trống của Quân Đội Hoa Kỳ. Tuy nhiên, Hoa Kỳ đã từ chối nhiều lần. Trong lúc đó Hà Nội đã vét hết quân gởi vào Nam với số lượng vô tận, viện trợ quân sự tăng với vũ khí, đạn dược, xe tăng T-54, súng phòng không hiện đại... Sau những trận đánh lớn tại vùng Phi Quân Sự, Quảng Trị, Kontum, Bình Long An Lộc, con số tiếp liệu của miền Nam còn quá thấp. Sau khi Hiệp Định Paris ký kết, chương trình 1 đổi 1 không được Hoa Kỳ thực hiện, viện trợ bị cắt, chúng ta thấy ngay cán cân lực lượng quân sự hai bên như thế nào rồi.

Một dư luận sai lầm trầm trọng, ngay cả quốc tế cũng mắc phải, đó là Việt-nam Cộng-hòa có *trên một triệu quân*. Nhưng, họ đâu biết rằng đa số là lực lượng Địa Phương Quân, Nghĩa Quân. Lực lượng chiến đấu thực sự chỉ có 13 Sư Đoàn, vào khoảng 150.000 quân. Nếu kể cả 62.000 Không Quân, và 39.000 Hải Quân, Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa tác chiến thật sự chỉ bằng 1/5 quân số, vì tổ chức theo lối Hoa Kỳ, một người đánh giặc phải có 5 người yểm trợ. Bộ Chỉ Huy Tiếp Vận Vùng có Công Binh, Quân

Cụ, Quân Nhu, Quân Vận, Truyền Tin, Quân Y, các Trung Tâm Huấn Luyện để yểm trợ. Lực lượng chiến đấu thực sự này lại phải trải rộng ra cho 4 Vùng Chiến Thuật để đối đầu với 230.000 quân Bắc Việt hiện đang có mặt tại Miền Nam trước ngày ký Hiệp Định Paris, và họ vẫn tiếp tục xâm nhập vào. Như đã ghi ở phần trên, tài liệu cho biết cho đến năm 1969, Hà Nội đã mất cả nửa triệu quân. *Hà-nội mất nửa triệu quân vẫn không chiếm được một Tỉnh Lỵ nào của miền Nam, luận lý đơn giản và lương thiện nhất là phải thừa nhận kết quả lãnh đạo chỉ huy và quân đội Miền Bắc đã thất bại hoàn toàn trước sức mạnh của Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa.* Sau đó, kể từ năm 1969 cho đến năm 1972, Hoa Kỳ rút đi hơn nửa triệu quân, thế giới và ngay cả quan lại, truyền thông, phản chiến Hoa Kỳ (ngoại trừ Nixon), đã không tuyên dương Quân Lực VNCH đã phải tả xung, hữu đột, ***xuống Đông Đông Tỉnh, lên Đoài Đoài Tan***, để giữ Miền Nam vẫn còn nguyên vẹn cho đến năm 1972, mà chỉ tìm cách chỉ trích Việt-Nam Cộng-Hòa, để viện cớ ra đi trong danh dự (!) Henry Kissinger còn than rằng tại sao ***“họ không chết sớm cho bớt rắc rối”***. Về mặt quân sự, Hoa Kỳ sau khi quyết định ra đi trong danh dự, với tinh thần “thương mại” (business) họ không muốn tốn thêm, dù là một đồng xu cho Việt-Nam. Cắt giảm đầu tiên là vào ngày 19.6.1973, Quốc Hội Hoa Kỳ đã thông qua Tu chính án Case-Church: ***Thượng viện Hoa Kỳ đã bỏ phiếu thuận, nhằm cắt hết ngân khoản dành cho mọi viện trợ quân sự cho các quốc gia Đông Nam-Á.*** Nixon không làm gì khác hơn là phải ký thành luật.

Bắt đầu sau khi ký Hiệp Định Paris năm 1973, tình hình

bên ngoài có vẻ lắng dịu. Tuy nhiên, quân của Cộng Sản Bắc-việt vẫn đồn trú trên lãnh thổ của Miền Nam trong thế **“da beo”**, và họ đã mở những trận đánh lớn có, nhỏ có, để mở đường và giữ an ninh cho những ngả xâm nhập quân đội đường dẫn dầu, và tiếp liệu vào Miền Nam, chuẩn bị cho những trận đánh qui mô. Trong các trận đánh, các Sư Đoàn Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa đều có thể đẩy lui Cộng Quân, lập nhiều chiến công, nhưng họ phải gánh lấy một sự tổn thất về nhân mạng, cũng như thiếu thốn dần vũ khí, đạn dược, tiếp liệu vì không được bổ sung qua chương trình 1 đổi 1 hoặc qua viện trợ. Nixon đã hứa hẹn với Tổng Thống Thiệu một chương trình song song giữa việc rút quân và viện trợ: *Thoạt tiên, tại Midway, họ nói với tôi sẽ rút vài ngàn quân, nhưng còn duy trì nửa triệu quân chiến đấu ở Việt-Nam, sau đó, họ rút thêm quân và nói sẽ trang bị thêm cho Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa để đền bù cho sự triệt thoái này. Đến năm, 1972, khi triệt thoái tiến nhanh hơn, họ nói với tôi, tuy lực quân rút đi nhưng Mỹ sẽ tăng cường yểm trợ không lực. Đến khi họ rút toàn bộ cả lực quân lẫn không quân, họ hứa sẽ tăng viện trợ và tiếp tục duy trì sự có mặt của Đệ Thất Hạm Đội, cùng các căn cứ không quân ở Thái Lan để yểm trợ khi cần* *323. Chúng ta, kẻ xin viện trợ, làm được gì khi kẻ chi tiền chủ trương lừa gạt. Tệ hơn thế nữa, theo tài liệu của Nguyễn Tiến Hưng và Schechter: Vào lúc đêm đình chiến (27.1.1973,) 6 chiếc tàu chở đạn dược đang thuận buồm xuôi gió trên Thái Bình Dương tiến vào hải phận Việt-nam, bỗng được lệnh quay trở về Hoa Kỳ... Thế là 55.000 tấn đạn vô cùng cần thiết cho Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa đã bị mất đi một cách quá máy móc. Bí

mật này do Tướng Murray tiết lộ, cho tới nay cũng ít ai hay
 *324. Ngân khoản đã dự chi còn lấy lại như vậy, thử hỏi Miền Nam còn mong gì có được viện trợ trong những ngày sau đó cho Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa. Sở dĩ, chúng tôi nêu ra một ít dữ kiện quan trọng nêu trên, để chúng ta có thể hình dung rõ rệt bối cảnh toàn bộ (global) chiến trường tại Miền Nam lúc bấy giờ. Hoa Kỳ muốn Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa sụp đổ ngay để chứng tỏ rằng không có Hoa Kỳ, Miền Nam đã sụp đổ từ năm 1965, và Quân Lực VNCH không có khả năng chiến đấu. Nixon tuyên bố: *In the presidential campaign of 1972, Senator George McGovern claimed that South Vietnam would collapse within seventy-two hours of the final withdrawal of American troops. But it did not collapse then. It did not collapse when Congress took away the threat to Hanoi of an American retaliation in 1973. It did not collapse when Congress sharply reduced its military and economic aid in 1974. It did not collapse until 1975, when all hope of future American aid was lost... For almost two years, no provincial capital was lost to the North Vietnamese**325 (Lược dịch: Trong cuộc vận động bầu cử Tổng Thống năm 1972, Thượng Nghị Sĩ McGovern tuyên bố rằng, sau khi quân đội Mỹ rút đi Miền Nam sẽ sụp đổ trong vòng 72 tiếng đồng hồ. Nhưng, họ không sụp đổ. Năm 1973, Quốc Hội đã không đe dọa trả đũa Hà Nội, họ vẫn không sụp đổ. Năm 1974, khi Quốc Hội cắt gần hết viện trợ quân sự và kinh tế, họ vẫn không sụp đổ. Đến Năm 1975, khi mà không còn hy vọng nào về viện trợ trong tương lai, họ mới sụp đổ... Gần hai năm, không một thị xã nào mất vào tay Bắc Việt. Thật vậy, với vũ khí, đạn dược khan hiếm, quân dụng tiếp liệu thiếu

thốn, Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa vẫn đứng vững cho đến đầu năm 1975, để rồi sau đó, tự tan rã vì không thi hành được kế hoạch tái phối trí như Tổng Thống Thiệu đề ra.

Nixon xác nhận: *Miền Nam Việt-nam đã thành công trong việc chống lại sự vi phạm hòa bình của Cộng Sản trong hai năm. Sự thất bại chỉ đến khi Quốc hội đã làm lơ kỳ hạn ghi trong Hiệp Định Đình Chiến, từ chối cung cấp viện trợ cho Sài Gòn ngang bằng với những gì mà Nga Sô cung cấp cho Hà Nội.*

Thấy rõ như vậy, *Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa phải tự mình hãnh diện đã đánh bại Võ Nguyên Giáp và các Tướng Lãnh Miền Bắc trong các trận chiến (battles) còn qui mô hơn Điện Biên Phủ mà thế giới đã công nhận. Nhưng, chúng ta đã không có đủ phương tiện để đánh thắng được Khối Cộng Sản trong cuộc chiến tranh (war) khi Hoa Kỳ đã chấp nhận ra đi trong danh dự, không viện trợ nữa.*

*323: Hồ sơ Mật Dinh Độc Lập. Nguyễn Tiến Hưng và Jerrold L Schecter, trang 394

*324: Hồ sơ Mật Dinh Độc Lập, Nguyễn Tiến Hưng và Jerrold L. Schecter. Trang 383.

*325: No More Vietnam. Richard Nixon. trang 201.

*326: No More Vietnam, Richard Nixon, trang 18.

Đó là một sự thật không thể chối cãi. Thật vậy, sau khi Hoa Kỳ rút lui, Thượng Nghị Sĩ Kennedy, người lãnh đạo phong trào cắt viện trợ Việt-nam, muốn Việt-Nam Cộng-hòa chết ngay, ông tuyên bố “viện trợ chỉ là để kéo dài chiến tranh”. Hoa Kỳ đã ra đi, tại sao viện trợ lại có thể kéo dài chiến tranh? Điều này đã nói lên một cách hùng hồn rằng,

nếu có đủ tiếp liệu và quân dụng, Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa vẫn một mình đứng vững trước làn sóng xâm lăng của Bắc Việt. Ngay từ thời chính phủ Ngô Đình Diệm, VNCH cũng đã chỉ yêu cầu được viện trợ huấn luyện quân sự, và trang bị vũ khí, quân dụng mà thôi.

Quân Lực VNCH đã làm tất cả những gì mình có thể làm cho đất nước trong khả năng (dở cũng như hay, ít hay nhiều, nằm xuống hay tù đầy, vong quốc...) Trong hai mươi năm chống Cộng, *chúng ta đã có được cái “vinh dự hy sinh cho tổ quốc” và niềm “hạnh phúc có được tổ quốc để hy sinh”*. Ai muốn so sánh Việt-Nam Cộng-Hòa với Cộng-hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt-nam, trong giá trị tương đối của thế gian, không phải tuyệt đối Thiên Đàng của nước Chúa hay Niết Bàn của Nhà Phật, nào có khó khăn gì đâu, xin mời lật lại từng trang sử trong quá khứ, và nhìn lại tình huống của dân tộc Việt-Nam qua hơn một phần tư thế kỷ, kể từ sau năm 1975 đến nay, để tự mình rút ra một kết luận chính xác cho chính mình thì hay hơn.

Trận Phước Long

Vị Tổng Thống Hoa Kỳ mà Khối Cộng sợ nhất là Nixon, thường được mệnh danh là tay đánh “xì phé” cừ khôi. Với trận dội bom dữ dội ngoài Bắc Việt, Nixon đã đưa Hà Nội vào bàn Hội Nghị và ký Hiệp Định Paris. Nay, vào tháng 8.1974, Nixon đã từ chức Tổng Thống vì vụ Watergate, cho nên, tháng 10.1974, Bộ chính Trị Cộng Sản Hà Nội hội họp để bàn thảo một vấn đề quan trọng trong chiến lược tấn công Miền Nam. Câu hỏi đặt ra là ***liệu Hoa Kỳ còn có thể trở lại Việt-nam không?*** Tỉnh Phước Long tại Miền Nam đã được chọn làm thí điểm.

Tháng 1, 1975, CS tấn công Phước Long. Tỉnh này cách Sài Gòn khoảng 120 cây số, vùng rừng rú và những đường mòn nối liền, rất ít dân cư, nơi định cư của một số cộng đồng người Bắc di cư. Tổng thống Diệm cho thành lập tỉnh này để chống lại sự lợi dụng của CS dùng ngã này tấn công vào Sài Gòn. Tỉnh này đối diện với đoạn cuối của đường mòn Hồ Chí Minh và phía bên kia biên giới là kho tiếp tế của Bắc Việt. Việt Cộng vi phạm Hiệp Định Paris, tấn công Phước Long là để thăm dò phản ứng của Nam VN và Hoa Kỳ. Phản ứng yếu ớt của Miền Nam (giới hạn tiếp liệu và không yểm) và sự làm ngơ của Hoa Kỳ đã đưa cho Hà Nội quyết định tấn công Miền Nam sớm hơn dự trù (năm 1976, cũng đúng với dự tính của CIA).

Trận chiến này là một cuộc vi phạm đình chiến, nhằm mục đích dò xét phản ứng của Hoa Kỳ, chứ không phải là một cuộc thư hùng giữa hai địch thủ, bởi vì lực lượng phòng thủ Phước Long của Quân Lực VNCH chỉ gồm 4 Tiểu Đoàn Địa Phương Quân, và một số Trung Đội Nghĩa Quân. Hỏa lực yểm trợ chỉ có 4 khẩu 105 ly. Trong lúc đó, lực lượng tấn công của Cộng Sản do Công Trường B2 điều động, gồm Sư Đoàn 3, Sư Đoàn 9, và Sư Đoàn 7, với một Tiểu Đoàn xe tăng của Nga T-54, một Trung Đoàn Pháo Binh 130 ly, một Trung Đoàn Phòng Không, và các đơn vị Chủ lực Địa Phương. Ngay 13.12.1974, quân Bắc Việt triệt hạ các tiền đồn, và tiến vào phi trường Sông Bé. Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa đã trực thăng vận Tiểu Đoàn 2/7, hai Đại Đội thuộc Liên Đoàn 81 Biệt Kích Dù để tăng viện, nhưng không thể nào chống cự nổi với một quân số quá đông đảo, và vũ khí tối tân, mỗi ngày bắn hơn 3.000 quả

pháo. Phước Long thất thủ, Hoa Kỳ không can thiệp, cũng không phản đối, Bắc Việt đã được bật đèn xanh để tiến chiếm Miền Nam. Bùi Tín, Chủ Nhiệm Nhân Dân Nhật Báo của Hà Nội, viết: *(Thủ Tướng) Phạm Văn Đồng nói về (Tổng Thống) Gerald Ford... ông ta là vi Tổng Thống yếu nhất trong lịch sử nước Mỹ, dân chúng không có bầu ông, ngay cả cho ông ta kẹ, ông ta cũng không dám can thiệp vào Việt-Nam nữa. Chúng ta thử ông ta thắng trận tấn công Phước Long vào tháng 1.1975. Khi Ford giữ mấy chiếc B-52 trong nhà kho, lãnh đạo của chúng ta quyết định tấn công Miền Nam (*327: Historical Atlas of Vietnam War, Summers, trang 192)*

Đặc công phá hoại và mặt trận Tây Ninh

Quốc Hội Hoa Kỳ cắt viện trợ vào tháng 8.1974. Bộ Tổng Tham Mưu đã được lệnh *uớc* tính ngay hệ thống tiếp liệu. Kết quả, khả năng chiến đấu của Quân lực Việt-Nam Cộng-Hòa đã giảm 40%. Thêm vào đó, trận Phước Long đã giúp Cộng Sản tin tưởng rằng Hoa Kỳ sẽ không yểm trợ F-4, pháo nữa. Quân Lực VNCH đã phải chu toàn một nhiệm vụ với sự thiếu thốn phương tiện quá mức có thể gánh vác được. Đây không phải là lời biện minh của chúng tôi mà là nhận định của Tướng John Murray, Trưởng phòng Tùy Viên Quân Sự Hoa Kỳ “*Nếu anh muốn biết về Việt-nam, anh phải biết về chiến tranh; nếu anh muốn biết về chiến tranh, thì anh phải biết chút đỉnh về số học. Lúc quyền lực của Mỹ ở vào cao điểm ở đó, ta đã có 433 Tiểu Đoàn tác chiến Hoa Kỳ và Đồng Minh; địch có 60 Trung Đoàn tác chiến (lớn hơn). Năm 1974, khi ta đã rút ra, Quân Lực Việt-nam Cộng-hòa có 189 Tiểu Đoàn, và địch đã xây dựng được 110 Trung Đoàn. Hỏa lực dưới đất của Đồng Minh (Miền Nam)*

bị giảm mất 40%. Lấy đi B-52, lấy đi F-4, và lấy đi hỏa lực Hải Quân... Anh biết, Napoléon đã nói gì: Thượng Đế đứng về phía tiểu đoàn nào lớn nhất... Và đứng vào khoảng thời gian đó, Thượng Đế đã đứng về phe Cộng Sản; chúng lớn hơn, chúng mạnh hơn...” (*328: Hồ sơ Dinh Độc Lập, Nguyễn Tiến Hưng và Jerrold L. Schecter, trang 607.)

Chính hậu quả của sự cắt viện trợ quân sự của Hoa Kỳ đã khiến Thượng Đế đứng về phe Cộng Sản, và là yếu tố chính dẫn đến kế hoạch tái phối trí quân đội và lãnh thổ cho phù hợp với khả năng quân sự hiện tại và trong tương lai, thường được gọi là kế hoạch Đầu Bê Đít Tơ” của Tổng Thống Thiệu và Ban Tham Mưu.

Khi Cộng Sản chiếm Phước Long, Sài Gòn bắt đầu rung động. Tướng Du Quốc Đống không còn được tin tưởng có thể ngăn chặn được làn tiến quân của địch nữa, mặc dầu Tướng Đống mới nhận nhiệm vụ có hai tháng. Lúc bấy giờ là đầu tháng 12.1974, Tướng Nguyễn Văn Toàn được lệnh trình diện Tổng Thống Thiệu ngay tại Dinh Độc Lập để thay thế Tướng Đống. Nguyên nhân đưa đến sự thay thế này (sau này mới biết) là do đề nghị của Đại Sứ Martin. Trong quyển sách “Decent Internal”, Frank Snepp viết: *it was, in fact, Ambassador Martin who had initially urged Toan’s candidacy on Thieu... Ambassador had got it in to his head the General was an effective field commander. “But what about all those rumors of Toan’s corruption?” Thieu asked incredulously when Martin first suggested the appointment. “Won’t that make for bad publicity?” Martin, as he later told the story, merely shrugged. “You’ve heard of General Grant? he replied. “He, too, had a bad reputation. The newspapers*

*said he was a drunk and no-account but he won the American Civil War for Mr Lincoln, didn't he? That's what Toan do for you... he decided to act on Martin's recommendation**³²⁹ (Lược dịch: Chính Đại Sứ Martin khởi đầu đã hối thúc Thiệu chọn Toàn vì trong ý nghĩ của ông Đại Sứ, Tướng Toàn là một Tư Lệnh rất có khả năng ở chiến trường. Khi Martin yêu cầu như vậy, Thiệu hỏi lại ngay về “tin đồn tham nhũng của Toàn, và như thế, sẽ không tốt đối với dư luận quần chúng? Martin kể chuyện Tướng Grant đã giúp cho Lincoln thắng trận nội chiến “Civil War”, mặc dầu, Tướng Grant cũng bị tiếng xấu, báo chí nói ông là một người say rượu và không thể tin nhiệm được”. Đó là việc (chiến thắng) Toàn sẽ làm cho ông..., ông Thiệu đã quyết định dựa trên sự tiến cử của Martin). Xin ghi chú ở đây là Tướng Toàn không có liên hệ gì với Martin bên giới ngoại giao

Quân Đoàn III bao gồm phần lãnh thổ chung quanh Sài Gòn. Về phía Tây Sài Gòn, từ khu Mỏ Vẹt (Khu an toàn của Việt Cộng trên đất Miền) đến Thủ đô Sài Gòn chỉ cách nhau khoảng 50 cây số (không quá 30 dặm Anh). Lộc Ninh (kho tiếp liệu của Cộng Sản Việt-nam) cách Sài Gòn dưới 100 cây số. Nhiều phần đất của Miền ăn sâu vào nội địa Việt-Nam, vào khu vực Tây Ninh, Hậu Nghĩa, Kiến Tường. Việc phòng thủ Sài Gòn thật dễ dàng nếu Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa được phép hành quân tấn công vào vùng Mỏ Vẹt, phá tan cơ quan đầu não và hậu cần của Cộng Sản như các Tướng Lãnh Miền Nam đã thực hiện một cách dễ dàng trước kia. Thực tế lại xảy ra trái ngược, nên cuộc chiến trở thành quá khó khăn. Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa bị trói tay bên này biên giới, Cộng Sản

chọn mục tiêu, điều nghiên kỹ lưỡng, ngồi chờ cơ hội thuận tiện, tiến sang tấn công, khi bị phản công, chạy trốn về Miền an nghỉ, dưỡng quân, tái tổ chức.

*329: Hồ Sơ Dinh Độc Lập, Nguyễn Tiến Hưng và Jerrold L Schechter, trang 607.

Hiện Quân Đoàn III có 3 Sư Đoàn Bộ Binh cơ hữu: Sư Đoàn 5 Bộ Binh đồn trú ở Bình Dương về phía Bắc Sài Gòn, Sư Đoàn 18 Bộ Binh đóng tại Long Khánh về phía Đông Bắc, và Sư Đoàn 25 Bộ Binh tại Củ Chi. Lực lượng Tổng Trừ Bị Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân, đang tăng phái cho Quân khu 1 và Quân Khu 2. Tin tình báo của Quân Khu 3 Quân Đoàn III cho biết, Cộng Sản đang chuẩn bị một chiến dịch phá hoại lớn để mở đường cho giai đoạn dứt điểm. Trong *giai đoạn phá hoại*, Cộng Sản sẽ tung 10 tiểu đoàn Đặc Công phối hợp với các đơn vị Chủ Lực, Địa Phương, xâm nhập đánh phá, và nếu có thể chiếm đóng các tỉnh quanh Sài Gòn trong dịp Tết Nguyên Đán (đầu năm 1975 Dương lịch). Đồng thời, 2 Sư Đoàn Cộng Sản Bắc Việt, được tăng cường chiến xa, pháo binh yểm trợ, từ Mồ Vệt sẽ tiến chiếm Tây Ninh. Với kinh nghiệm chiến thắng Cộng Sản tại Sư Đoàn 2 Bộ Binh, Kontum, và tái chiếm Bắc Bình Định, sau hai tuần nhận lãnh nhiệm vụ và thảo luận với các Tiểu Khu thuộc Vùng III, Tướng Toàn quyết định các Sư Đoàn Bộ Binh phải bàn giao nhiệm vụ diện địa lại cho các Tiểu Khu. Ba Sư Đoàn 5, 18, 25 Bộ Binh được rút ra khỏi nhiệm vụ diện địa, nghỉ ngơi, huấn luyện, ăn Tết trước, tập trung sức mạnh, lưu động tính hoàn toàn, và sẵn sàng cho các trận đánh lớn khi hữu sự tại bất cứ chiến trường nào.

Để phá tan kế hoạch *giai đoạn phá hoại* của địch, Tướng Toàn đã cho trực thăng vận một đơn vị Trinh Sát nhảy vào Quận Tánh Linh, nơi mà Cộng Sản đã tạm chiếm lâu nay để thăm dò phản ứng địch, đồng thời cũng đã chuẩn bị sẵn 3 Sư Đoàn Bộ Binh hoàn toàn lưu động để tiêu diệt địch nếu địch tập trung. Cuộc đột kích Quận Tánh Linh thành công, khiến địch phải điều nghiên lại và dân chúng Sài Gòn hưởng được một cái Tết Tự Do an lành, nhưng tiếc thay lại là một cái Tết Tự Do cuối cùng.

Biết bị theo dõi và dòm ngó, Cộng Sản hủy bỏ kế hoạch phá hoại, và tiến hành kế hoạch đánh chiếm Tây Ninh. Bắc Việt liền tung 2 Sư Đoàn 3 và 5 mở cuộc tấn công vào Tây Ninh với sự yểm trợ của chiến xa, hỏa tiễn, pháo binh. Sư Đoàn 25 Bộ Binh do Tướng Lý Tòng Bá chỉ huy đang hiện diện trong vùng. Để chứng tỏ sức mạnh và lưu động tính của các Sư Đoàn của Quân Đoàn III, Sư Đoàn 18 Bộ Binh do Tướng Lê Minh Đảo chỉ huy được điều động từ Long Khánh lên vùng hành quân để cùng Tướng Bá mở cuộc phản công. Hai tướng Lý Tòng Bá và Lê Minh Đảo đã gây thiệt hại nặng nề về nhân mạng và vũ khí cho địch quân, giữ vững Thánh Thất Tây Ninh an toàn, và đẩy Cộng quân rút chạy về phía Miên, mặc dầu, hai Tướng này phải chiến đấu với những chiến cụ, và vũ khí thô sơ hơn, ít ỏi hơn, không có không yểm của Hoa Kỳ. Trong hồi ký, Tướng Trần Văn Trà không hề nhắc đến những thất bại chua cay này. Khác với những lời khoe khoang, thường là khoác lác ở những trang sách khác, Tướng Trà chỉ viết: *Hai Sư Đoàn Quân Đội Việt-Nam Cộng-Hòa bị cầm chân vào việc bảo vệ Tây Ninh và vùng Tây Bắc của khu*

vực này (*330: *Kết Thúc Cuộc Chiến Tranh 30 Năm*. Trần Văn Trà, Tập II, trang 226.)

Tình hình Quân Khu III trở lại tình trạng lằng lộn. Sài Gòn an tâm. Với sức mạnh và lưu động tính của các Sư Đoàn Bộ Binh của Quân Đoàn III, kèm theo địa thế khó ẩn nấp của khu Vùng 3 Chiến Thuật, Cộng Sản không dám tập trung quân đông đảo để tấn công nếu lực lượng hai bên không quá chênh lệch. Cộng Sản đang chờ quân từ Cao Nguyên và Miền Trung tăng cường vào Vùng 3 nhiều hơn nữa. Chẳng may, tình trạng của Vùng 1 và Vùng 2 dần dần trở nên tồi tệ.

Ban Mê Thuật Bỏ Ngỏ

Tình hình vùng Cao Nguyên vào tháng 3 năm 1975 khác hẳn năm 1972 khi Cộng Sản tấn công Kontum. Chúng tôi ghi một ít về tình hình quân sự tổng quát của Miền Nam tại đây, để có thể giải thích được một chuỗi thất bại sau này của cả Miền Trung, và cuối cùng là sự sụp đổ của Việt-Nam Cộng-Hòa.

Về quân số, tình báo Hoa Kỳ cho biết Hà Nội chỉ còn để lại ngoài Bắc một Sư Đoàn mà thôi. Tại Tòa Bạch Ốc Kissinger nói rằng: *“Toàn bộ bộ binh của Bắc Việt đã vào Nam... Một Lữ Đoàn Thủy Quân Lục Chiến có thể chiếm cả Miền Bắc. Thật là một sự vi phạm trầm trọng Hiệp Định Paris* “. Lúc đó, chính Nghị Sĩ James Eastland đã hỏi rằng, tại sao chúng ta không thả bom miền Bắc Việt-Nam. Ông còn nói, *nếu đa số nghị viên Quốc Hội không đồng ý giúp, cứ một mình (Tổng Thống ra lệnh) thả bom nguyên tử xuống Bắc Việt... Sờ dĩ, Nghị Sĩ James Eastland đề nghị như vậy là vì theo Đạo Luật quyền Hạn Chiến Tranh, Tổng Thống*

Ford có tự do hành động 60 ngày, rồi thông báo với Quốc Hội. Thực ra, trong những ngày giữa tháng Tư năm 1975, Quân Lực VNCH lúc bấy giờ chỉ cần hai tuần lễ yểm trợ của B-52 là có thể tiêu diệt quân Bắc Việt (sẽ nói thêm ở các trận đánh chung quanh Sài Gòn). Câu hỏi được đặt ra là, tại sao Hoa Kỳ (Tổng Thống Ford) đã không dành lấy chiến thắng trong điều kiện mà họ thấy quá dễ dàng như vậy? Câu giải đáp ổn thỏa duy nhất chỉ có thể là: *Hoa Kỳ đã khai Khánh Tận (bankruptcy) cuộc chiến Việt-Nam qua Hiệp Định Paris 27.1.1973*. Trên căn bản tinh thần thương mại khai Khánh Tận là chấm dứt, chấm dứt từ đầu năm 1973. Chúng ta có thể thấy rõ điều này khi lật lại sử liệu để nhận biết được qua thái độ, hành động của Kissinger, và Quốc Hội Hoa Kỳ, chứ không phải qua những lời hứa hẹn của những nhà ngoại giao.

Về tiếp liệu, đạn dược thuộc tài khóa trước trên đường đến Việt-nam đã được chuyển hướng đi nơi khác (Do Thái?), chương trình 1 đổi 1 ghi trong Hiệp Định không được thực hiện, viện trợ mới không có. Cứ theo mức độ tiêu thụ lúc đó, Miền Nam sẽ hết đạn dược, và các đồ tiếp liệu, quân dụng khác vào tháng 5.1975. Hai yếu tố căn bản về quân sự để thắng một trận đánh là *quân số và hỏa lực*. Quân số của địch so với chúng ta ít nhất là 5 đối 1 (Theo Phạm Huấn, trận chiến tại Thượng Đức, 1 Lữ Đoàn Dù đã chiến đấu với 3 Sư Đoàn Bắc Việt) (*331: *Những Uất Hận Trận Chiến Mất Nước* 1975, Phạm Huấn, trang 32), hỏa lực địch được dùng gần như vô tận, trong lúc chúng ta phải bắn hạn chế. Hỏa lực kém là đã thua rồi, chứ đâu phải đợi đến lúc hết đạn. Ngoài ra, thật thảm hơn nữa, khi *số tiền*

viện trợ kinh tế đã được chấp thuận trước đó, lại bị cấm dùng vào việc phát lương cho lính.

Về phía Bắc Việt, song song với việc chuyển súng đạn, tiếp liệu vào Miền Nam, Westmoreland cho biết: *Việt Cộng đã tập trung tại khởi điểm ở Cao Nguyên Miền Trung, trong hai tỉnh Kontum và Pleiku. Tại hai tỉnh này có nhiều nhánh đâm ngang từ đường mòn Hồ Chí Minh vào, và chạy vây quanh khu vực. Về sau người ta được biết có khoảng 18 sư đoàn Bắc Việt với quân số 400 ngàn đang tập trung tại đó. Con số này gấp bốn lần nhiều hơn so với thời gian bắt đầu cuộc ngưng bắn.*

Ngoài ra, còn thêm hai Sư Đoàn nữa đang trên đường kéo đến(*332: Westmoreland, trang 580). Với những con số chênh lệch trên, sức mạnh ngã về phía địch, và Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa đã phải chiến đấu trong hoàn cảnh quá khắc nghiệt.

Thành phố Ban Mê Thuột nằm về phía Bắc Đông Bắc Sài Gòn khoảng 150 dặm đường chim bay. Kế hoạch tiến chiếm Miền Nam của Cộng Sản Bắc Việt lần này, vào năm 1975, không khác gì với những kế hoạch trước đây của họ là, phải cắt đôi Miền Nam từ Cao Nguyên Trung Phần ra đến bờ biển Thái Bình Dương. Ý đồ này đã bị bẻ gãy năm 1972, như đã đề cập trước đây, khi Hà Nội tấn công vào Kontum, và đồng thời tung một sư đoàn tiến xuống vùng duyên hải chiếm Bắc Bình Định. Hai Sư Đoàn 23 và 22 của Quân Đoàn II đã đánh tan Cộng Sản tại Kontum khiến chúng phải đào tẩu ẩn núp vào Trường Sơn, và trong vòng chỉ 5 ngày đã quét sạch một sư đoàn của Cộng Sản ra khỏi Bắc Bình Định.

Mặc dầu Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh đồn trú tại Ban Mê Thuột, nhưng 2 trong 3 Trung Đoàn đã được đưa lên trú đóng tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II nơi Pleiku, cách Ban Mê Thuột khoảng 94 dặm về phía Bắc. Theo một số tác giả VN viết về trận đánh Ban Mê Thuột đã ghi rằng, Tướng Phú không tin mục tiêu tấn công chính của CS là Ban Mê Thuột, mà là Pleiku, Kontum, mặc dầu ông đã được Bộ Tổng Tham Mưu thông báo tin tức. Cho nên, Tướng Phú sử dụng Sư Đoàn 23 Bộ Binh lập phòng tuyến tại khu vườn trà Cateika, và núi Hàm Rồng để sẵn sàng can thiệp Ban Mê Thuột khi cần, và về mặt Bắc Kontum và Đông Pleiku, 4 Liên Đoàn Biệt Động Quân trấn giữ.

Ngày 10.3.1975, Công Trường B-3 của Hà nội đã tung 3 Sư Đoàn 320, 316, và 10, với hỏa lực hùng hậu, yểm trợ của Pháo Binh, xe tăng, để tấn công vào Trung Đoàn 53 Bộ Binh của Sư Đoàn 23 đang giữ nhiệm vụ phòng thủ tiểu Khu Ban Mê Thuột*333. Một sư đoàn khác của Bắc Việt, Sư Đoàn 968, được sử dụng để ngăn chặn viện binh từ Pleiku xuống. Ngày 4.3.1975, Quốc lộ 19 Pleiku-Quy Nhơn bị Cộng Sản cắt đứt tại đèo Man Giang bởi Sư Đoàn 3 và 95B; ngày 5.3.1975, Quốc lộ 21 nối liền Ban Mê Thuột và Nha Trang đã bị Sư Đoàn 320 Cộng Sản cắt tại ba địa điểm; ngày 8.3.1975 Cộng Sản cắt luôn Quốc lộ 14 từ Ban Mê Thuột lên Pleiku. Ban Mê Thuột hoàn toàn bị bao vây không một lực lượng bộ binh nào có thể tiến vào thị xã được. Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân được lệnh tiến từ Buôn Hồ xuống Ban Mê Thuột, nhưng lực lượng địch đông đảo quá chênh lệch, họ không thể nào xuyên qua được. Một cố gắng khác nữa của Bộ Tổng Tham Mưu là đưa Liên Đoàn

7 Biệt Động Quân của Quân Khu III ra tăng cường. Lực lượng này đến nơi thì Ban Mê Thuột đã lọt vào tay của Bắc Việt, họ phải đáp xuống chi khu Phước An, cách Ban Mê Thuột khoảng 20 cây số về phía Đông.

*333: Hồi ký của Trần Văn Trà, phần phụ bản, trang 62 xác nhận: Ta có gần 3 Sư Đoàn. Địch chỉ có 1 Trung Đoàn chủ lực của Sư Đoàn 23 và 3 Liên Đoàn Bảo An

Chi Khu Phước An tràn đầy dân tị nạn, thoát thân từ Ban Mê Thuột. Binh sĩ của Trung Đoàn 44, 45, tìm gặp lại gia đình họ, nhập vào đoàn người di tản. Những binh sĩ khác không gặp được gia đình, lại lo đi tìm kiếm thân nhân, không thể nào tổ chức binh sĩ lại được cho một cuộc phản công. Hình ảnh “Đại Lộ Kinh Hoàng” tại Quảng Trị không giống 100% tình hình tại Chi Khu Phước An, nhưng tính chất của nó không mấy khác. Hà Nội gọi quân vào Nam, để *sinh Bắc tử Nam*, không có gì để phải lo, và dĩ nhiên, cũng chẳng phải lo gì cho thân nhân của họ ở ngoài Bắc. Người quân nhân Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa được cung cấp lương bổng, phụ cấp gia đình, và khi phải hy sinh, gia đình vẫn có chút tiền trợ cấp tử tuất. Lương tiền không đủ, khi chuyển chuyển, binh sĩ phải đưa gia đình theo sống trong các trại gia binh, không có cách nào khác để chọn lựa. Người bạn quý Hoa Kỳ đầu thấu hiểu nỗi khổ của binh sĩ Việt-Nam, nên ngay cả Tướng Westmoreland cũng phê bình rằng: *Thói quen cho gia đình binh sĩ ở gần đơn vị đóng quân cũng làm cho tôi lo lắng. Làm như vậy thì mỗi lần đụng trận, người lính bị phân tâm giữa một đường là phải chiến đấu, và đường kia là làm sao bảo vệ cho gia đình được an toàn. Đã từ lâu nay, người lính đã có thói quen này mà giới*

*chức có trách nhiệm chưa tìm ra cách giải quyết thỏa đáng. Cũng vì thói quen này mà hậu quả xảy đến năm 1975 không tránh được (*334: Westmoreland, trang 369)*

Ngày 14.3.1975, Tổng Thống Thiệu hướng dẫn phái đoàn ra Cam Ranh để họp cùng Tướng Phú, đặt kế hoạch tái chiếm Ban Mê Thuột. Lúc này Bộ Tổng Tham Mưu không còn lực lượng trừ bị, Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù được đưa ra Khánh Dương (Tây Bắc Nha Trang) để ngăn chặn một sư đoàn Cộng Sản từ Ban Mê Thuột đang tiến xuống miền duyên hải, Sư Đoàn Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến đang có mặt tại Quân Khu I. Muốn tái chiếm Ban Mê Thuột, phương thức duy nhất là tái phối trí lại lực lượng Quân Đoàn II về vùng duyên hải, bỏ Pleiku, Kontum. Các chiến lược gia trên thế giới đều nhìn nhận rằng *triệt thối quân, khó khăn hơn tiến quân rất nhiều. Nhưng quân sự của thế giới chưa bao giờ ghi những cuộc triệt thối quân đội mà binh sĩ phải cuu mang cho gia đình, cho thân nhân, cho dân chúng, dưới làn mưa đạn pháo kích, những cuộc đột kích của địch...* Chính những cuộc triệt thoái này đã là nguyên nhân đầu tiên đưa đến sụp đổ cả Miền Trung. Tuy nhiên, phái nhỏ kỷ rằng những nguyên nhân này chỉ là hệ quả của một *nguyên nhân sâu xa, một nguyên nhân căn bản, đó là sự cắt bỏ viện trợ của Hoa Kỳ cho Miền Nam.* Trước năm 1954, tổn phí chiến tranh với Việt Minh ít tốn kém hơn nhiều so với cuộc chiến sau năm 1954, vậy mà nước Pháp còn cần có viện trợ của Hoa Kỳ, vậy thử hỏi, Miền Nam làm sao tự mình có thể thay thế khối Tự Do, gánh nổi cuộc chiến làm bờ ngăn chống lại với Khối Cộng?

Tướng Phú đã chọn Liên Tỉnh Lộ 7 làm con đường

rút quân, với lý do là dựa trên yếu tố bất ngờ. Liên Tỉnh Lộ 7 nối từ Phú Bổn xuống Tuy Hòa đã bỏ hoang từ lâu, đường sá hư hỏng, tại Phú Túc, Công Binh phải xây cầu tạm mới có thể đi qua ... Mặc dầu kế hoạch được bảo mật, dân chúng và gia đình quân nhân vẫn biết được, Tỉnh Lộ 7 trở thành một Tỉnh Lộ Kinh Hoàng, không còn đơn thuần là một cuộc triệt thoái quân đội nữa. Đường sá khó khăn, địch quân pháo kích và tấn công, giao tranh ác liệt, tổn thất của hai bên lên đến 50% quân số. Đoàn quân dân này đến Tuy Hòa vào ngày 27.3.1975. Ngày 4.4.1975, sức khỏe suy giảm nhiều, Tướng Phú về dưỡng bệnh tại Tổng Y Viện Cộng-Hòa.

Mặt Trận Trị-Thiên Bỏ Ngỏ

Để đánh phá hai Tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên, Cộng Sản đã tung Sư Đoàn 324, tăng cường thêm 3 trung đoàn độc lập, chủ lực tỉnh, địa phương huyện. Tuy nhiên, Sư Đoàn 1 Bộ Binh, Địa Phương Quân, Nghĩa Quân với sự tăng cường của các đơn vị Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân, sau một tuần lễ giao tranh đẫm máu trong khu vực Tây Nam Huế và đồng bằng Quảng Trị, địch quân bị thiệt hại nặng, bỏ lại trên 1.000 xác chết, và đủ loại vũ khí sau khi rút về miền núi. Khi được tin Quốc Hội Hoa Kỳ cắt viện trợ cho Việt-Nam Cộng-Hòa, ngày hôm sau, 13.3.1975, Tổng Thống Thiệu đã triệu tập một cuộc họp khẩn cấp tại Dinh Độc Lập gồm Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa Cao Văn Viên, Trung Tướng Đặng Văn Quang, Phụ Tá An Ninh, và các Tư Lệnh Quân Đoàn, để duyệt xét tình hình. Với tiềm năng quân sự hiện tại (vũ khí,

đạn dược, quân dụng, tiếp liệu...), Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa không thể phòng thủ toàn lãnh thổ miền Nam mà phải rút bỏ những vùng rừng núi ít dân (Miền Trung = Đâu Bé), *tái phối trí* để bảo vệ những vùng trù phú, đông dân cư (Miền Nam: Đít To). Quảng Trị, Thừa Thiên sẽ bỏ ngỏ, Lực Lượng Trừ Bị Nhảy Dù và Thủy Quân Lục Chiến được điều động về Sài Gòn, phòng tuyến phía Bắc đầu tiên là Đà Nẵng. Những cuộc triệt thoái sau này là những thảm họa đóng góp vào sự suy sụp nhanh chóng của Miền Nam. Xin nhắc lại một lần nữa, *nguyên nhân sâu xa của sự sụp đổ của Miền Nam là không có viện trợ* (phương tiện chiến tranh). Chúng ta hãy nghe Nixon nói:

Khi ký Hiệp Định Paris năm 1973, chúng ta đã thắng cuộc chiến tranh. Thế rồi, chúng ta tiến hành để mất đi hòa bình (lose the peace). Miền Nam Việ-Nam đã thành công trong việc chống lại sự vi phạm hòa bình của Cộng Sản trong hai năm. Sự thất bại chỉ đến khi Quốc Hội đã làm lơ kỳ hạn ghi trong Hiệp Định Đình Chiến, từ chối cung cấp viện trợ cho Sài Gòn ngang bằng với những gì mà Nga Sô cung cấp cho Hà Nội (*335: Westmoreland, trang 369)*

Dân chúng Quảng Trị đã hải hùng với Đại Lộ Kinh Hoàng, và Thừa Thiên đã bị Cộng Sản gieo kinh hoàng trong dịp tết Mậu Thân 1968, cho nên họ đã bỏ hết tài sản gồng gánh nhau xuôi Nam theo Quốc Lộ 1. Đà Nẵng tràn ngập dân chúng, an ninh xáo trộn, Cộng Quân pháo kích. Dĩ nhiên, tình trạng này cũng giống như tại Phước An, Ban Mê Thuột, không ai có thể điều động được binh sĩ. Gia đình là trên hết. Một yếu tố quan trọng đưa đến sự khùng hoảng Miền Trung càng thêm nhanh chóng hơn,

nhưng chưa thấy sách nào nêu lên, đó là tin tức loan đi của Ban Việt Ngữ Đài BBC, Anh Quốc. Dân chúng Việt-nam, quân cũng như dân, lúc bấy giờ không còn nguồn tin tức nào đáng tin cậy hơn ngoài hai chơng trình của Đài VOA (Hoa Kỳ) và BBC (Anh Quốc.) Đài BBC đưa ra những bài bình luận (dù đúng hay sai) rằng Miền Nam có thể sẽ chia cắt ngang vĩ tuyến 13, Miền Nam khó có thể tồn tại được... Sự Cộng Sản, binh sĩ gốc miền Trung lo tìm kiếm gia đình, đùm bọc nhau, hoặc bằng đường bộ, hoặc bằng đường thủy xuôi Nam, chạy càng xa Cộng Sản càng tốt. Đa số các đơn vị bộ binh của Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa tại miền Trung tự động rã ngũ. Rất tiếc, cho đến nay, chưa có một cơ quan nào, tư nhân hoặc chính phủ, có đủ tài liệu, hình ảnh, về những cuộc di tản thảm thương này trong chiến cuộc Việt-Mam. Vài thành phố đã bị bỏ ngỏ cả tuần lễ trước khi Cộng Sản tiến vào. Chẳng có trận đánh lớn nào giữa hai bên, chỉ có dân cùng quân di tản, và nhận pháo kích của địch. Đó là hình ảnh mà Hà Nội khoe khoang đã đánh thắng Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa. Phòng tuyến tại Miền Trung bây giờ đổi lại là Phan Rang, thuộc tỉnh Ninh Thuận.

Tình hình Miền Trung đã bắt đầu ảnh hưởng đến Quân Đoàn III. Theo tin tức ghi nhận, địch đưa tất cả các sư đoàn từ miền Trung, tăng cường quân số cho Vùng 3. Chiến dịch thôn tính Miền Nam sẽ bắt đầu qua ngã Long Khánh, Dầu Giây, cửa ngõ vào Sài Gòn. Tướng Toàn đã phối trí Sư Đoàn 18 Bộ Binh trở lại Long Khánh chuẩn bị nghênh địch. Lúc này, Quân Đoàn III lại nhận thêm nhiệm vụ bảo vệ Ninh Thuận và Bình Thuận, thành lập phòng tuyến

tại phi trường Phan Rang, một phi trường nhỏ phía Nam Cam Ranh. Gọi là phòng tuyến, nhưng thực sự không có đại đơn vị nào trú đóng, chỉ toàn binh sĩ của Tiểu Khu, Không Quân.

Quân Đoàn III lúc bấy giờ gồm có 3 Sư Đoàn Bộ Binh cơ hữu: Sư Đoàn 5, Sư Đoàn 18, Sư Đoàn 25, và một Lữ Đoàn lưu động Thiết, Giáp Bộ Binh do Tướng Khôi phụ trách. Các Sư Đoàn 22, 23 từ Quân Khu 2 vào, không thể sử dụng ngay được, phải bổ sung, tái huấn luyện. Tướng Toàn đã quyết định lấy quân số Sư Đoàn 23 và của các Tiểu Khu từ Quân Khu 2 về để bổ sung cho Sư Đoàn 22, đưa về đồn trú tại Bến Lức do Tướng Phan Đình Niệm chỉ huy. Sư Đoàn 2 Bộ Binh do Tướng Trần Văn Nhứt chỉ huy, được điều động đến Bình Tuy để giúp Tiểu Khu này ổn định trật tự an ninh do dân chúng di tản và sự trà trộn của Cộng Sản. Lực lượng Trừ Bị từ Quân Khu 1, 2 trở về, Nhảy Dù đang chinh trang tại Sài Gòn, Thủy Quân Lục Chiến đang chinh trang tại Vũng Tàu.

Một biến cố xảy ra ngày 8.4.1975, làm cho tình hình chính trị tại Sài Gòn thêm rối loạn: Trung úy Nguyễn Thành Trung, phi công của Miền Nam, đã dùng phi cơ F-5E, cất cánh từ phi trường Biên Hòa, thả hai quả bom xuống Dinh Độc Lập nhưng không trúng. Chính khách Hoa Kỳ, và những lãnh tụ chính trị Việt-Nam chống Thiệu, đã lấy biến cố này như là một bằng chứng hùng hồn rằng quân đội cũng chống Thiệu. Xin độc giả đọc mấy dòng sau đây để biết về Nguyễn Thành Trung, và cũng để hiểu rõ bản chất phức tạp của cuộc chiến chống Cộng tại Miền Nam, hầu xét lại những gì chúng ta đã phát biểu trong quá

khứ. Trần Văn Trà viết: “Trung là một người thanh niên yêu nước, con một đồng chí của chúng ta ở Bến Tre, được tổ chức đưa vào hoạt động trong lực lượng Không Quân ngay từ lâu... Sân bay Phước Bình thuộc tỉnh Phước Long đã được tổ chức và điều khiển cho chiếc F-5E hiện đại nhất của ngụy hạ cánh an toàn, nguyên vẹn. Nguyễn Thành Trung đã lập được thành tích, được khen thưởng xứng đáng...” (*336: Kết Thúc Cuộc Chiến Tranh 30 Năm, Tập II, Trần Văn Trà trang 246). Hầu hết các sách đều viết rằng, Trung đã bị Cộng Sản ép buộc, và sau khi thi hành nhiệm vụ Trung bay về phi trường Nha Trang. Trường hợp của Nguyễn Thành Trung khác hẳn với Nguyễn Văn Cử, và Phạm Phú Quốc.

Phòng tuyến Phan Rang

Phòng tuyến Phan Rang lúc đầu do tướng Phạm Ngọc Sang, Tư Lệnh Sư Đoàn 6 Không Quân chỉ huy, cùng với một số đơn vị Chủ Lực Quân, Lực Lượng Diện Địa trấn giữ. Tin tức tình báo cho biết, các sư đoàn Cộng Quân với pháo binh và chiến xa đang trên đường tiến về Phan Rang, Tướng Toàn đã điều động Sư Đoàn 2 Bộ Binh do Tướng Trần Văn Nhựt chỉ huy ra tăng cường phòng thủ. Để thống nhất chỉ huy, phải chọn một trong hai Tướng làm Tư Lệnh Tiền Phương cho Quân Đoàn III vì hai Tướng Sang và Nhựt đều đồng cấp bậc nên cần phải cân nhắc. Về phương diện chiến trường, Tướng Nhựt đã chứng tỏ có khả năng vượt bậc qua những trận đánh lớn như đã cùng Tướng Lê Văn Hưng đánh bại cộng sản tại An Lộc thuộc tỉnh Bình Long (trận đánh được Tướng Vanuxem Pháp đánh giá là lớn hơn trận Điện Biên Phủ), giữ chức vụ Tư lệnh Sư Đoàn 2, Tướng Nhựt đã bình định Quế Sơn thuộc tỉnh Quảng

Nam, Sa Huỳnh thuộc tỉnh Quảng Ngãi... Đặc biệt, khi Sư Đoàn 2 được điều động đến Bình Tuy để bổ sung quân số, tái trang bị đồng thời giúp Tiểu Khu Bình Tuy tái lập an ninh trật tự (sự rối loạn này gây nên bởi dân chúng chạy loạn từ miền Trung vào, bao gồm binh sĩ và gia đình, cùng với một số Cộng Sản trà trộn), với kinh nghiệm sẵn có, và với quyết tâm, Tướng Nhứt đã cho áp dụng những biện pháp cứng rắn, nên chỉ trong ba ngày, Tiểu Khu Bình Tuy đã có lại an ninh và trật tự.

Trong khi cùng Bộ Tham Mưu nhẹ phi hành trên trực thăng chỉ huy đến thăm viếng các Sư Đoàn 5, và 18, Tướng Toàn nhận được qua máy vô tuyến, Trung Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi muốn nói chuyện. Tướng Nghi nguyên là Tư Lệnh Quân Khu 4, đã rời chức vụ vào tháng 10.1974. Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi cho biết, ông muốn giúp Tướng Toàn bằng cách tình nguyện chỉ huy phòng tuyến Phan Rang. Đối với Tướng Toàn, Tướng Nghi thật sự là một người quân nhân yêu nước, quên đi vãng, không câu nệ thường tình, tình nguyện nhận trách nhiệm tại tuyến đầu.

Ngay ngày hôm sau, Tướng Nghi được Tổng Thống Thiệu và Bộ Tổng Tham Mưu chấp thuận giữ nhiệm vụ Tư Lệnh Tiền Phương cho Quân Đoàn III tại Phan Rang. Đây cũng là một sự tình cờ giúp giải quyết sự chọn lựa chức vụ Tư Lệnh Tiền Phương cho Quân Đoàn III tại Phan Rang. Sau khi được trình bày qua về tình hình địch, bạn, tướng Nghi lên trực thăng, trực chỉ Phan Rang, vút lại đằng sau dĩ vãng, những tình cảm cá nhân, quá khứ:

*Sứ trời sớm dục đường mây,
Phép công là trọng, niềm tây sá gì.
(Cung Oán Ngâm Khúc)*

Sau gần 30 năm qua, Tướng Toàn vẫn còn mền phục Tướng Nghi, một Tướng Lãnh *tình nguyện trở lại trận địa*, lao vào nơi chiến trận dầu sôi lửa bỏng, đem khả năng của mình phục vụ cho tổ quốc, coi thường hiểm nguy đến tính mạng.

Tướng Nghi đến Phan Rang trong lúc áp lực địch từ Miền Trung tăng cường vào phòng tuyến đến cấp sư đoàn, rồi quân đoàn. Tướng Nghi đã đặc biệt lưu tâm đến Quốc Lộ 1 nên phối trí lực Nhảy Dù chiếm giữ phòng ngự đèo Du Long, cách Phan Rang 21 cây số, Ba Râu, Cà Đú, chỉ định Sư Đoàn 2 Bộ Binh (-) gồm Trung Đoàn 4, 5 phụ trách tuyến Tây, Tây Nam, dọc theo Quốc Lộ 11 từ hướng Đà Lạt xuống.

Ngày 9.4.1975, trận chiến bắt đầu ác liệt. Địch tung quân vào Du Long cấp sư đoàn, với sự yểm trợ hung hậu của thiết giáp, hỏa tiễn. Những anh hùng Mũ Đỏ đã gây thiệt hại nặng nề cho địch về nhân mạng, phá hủy và tịch thu một số chiến xa, quân xa chó hoả tiễn phòng không, bắt giữ một số tù binh. Địch phải rút lui về khu Vườn Dừa Ba Ngòi để tái tổ chức, trang bị, đợi tăng viện. Không Quân được lệnh thả bom phá sập các cầu trên Quốc Lộ 1 để ngăn cản đoàn quân xa, và xe tăng của địch đang tiến về hướng Nam, nhưng các phi công báo cáo họ không thể làm được vì dân chúng tràn ngập trên quốc Lộ 1. Họ không thể giết dân. *Tâm tình của người quân nhân Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa lúc nào cũng mang đầy tình người.* Trong phương thế tự vệ, chứ không phải với thái độ căm thù, họ ngăn chặn “*sự bạo tàn*” (biến chất thành Cộng Sản), nhưng lúc nào cũng tâm niệm “*giết người đi, thì ta ở với ai*” (Tâm Ca,

Phạm Duy.) Xin so sánh với quân đội Cộng Sản qua Đại Lộ Kinh Hoàng tỉnh Quảng Trị, và Tỉnh Lộ 7 Hải Hùng tỉnh Phú Yên.

Ngày 13.4.1975, Lữ Đoàn Dù được lệnh bàn giao nhiệm vụ cho Liên Đoàn 31 Biệt Động Quân. Trong lúc bàn giao, viện binh địch đến và họ mở trận tấn công biển người. Tuy có trở ngại lúc đầu, nhưng Tướng Nghi, tướng Nhật và tướng Sang đã điều động các đơn vị quần thảo với địch. Sau đó, vì quân số địch quá đông, và địch đã đưa được vào trận địa hệ thống phòng không cổ điển, hỏa tiễn địa không, gây trở ngại cho không quân. Ngoài ra, phi trường Phan Rang nhỏ, bị pháo kích gây hư hại, không thể sử dụng được.

Ngày 16.4.1975, với các Quân Đoàn tăng viện, địch đã chọc thủng phòng tuyến Phan Rang. Phan Rang thất thủ, Tướng Nghi, Tướng Sang và ông Lewis của Tòa Đại Sứ Mỹ bị đình bắt. Sở dĩ, Tướng Nghi bị bắt là vì khi phòng tuyến bị chọc thủng, Bộ Tư Lệnh Tiền Phương Quân Đoàn III rút về hướng Nam với các binh sĩ Nhảy Dù, Sư Đoàn 2 Bộ Binh và Địa Phương Quân. Lúc đó, đoàn trực thăng cấp cứu đến đón Bộ Tư Lệnh Tiền Phương, Tướng Nghi từ chối lên phi cơ, ông ra lệnh đón các binh sĩ Nhảy Dù, còn ông vừa di chuyển và vừa chiến đấu cùng với binh sĩ cho đến khi bị bao vây, và bị bắt.

Mặt Trận Xuân Lộc

Xuân Lộc là thị xã của tỉnh Long Khánh. Khoảng cách giữa Xuân Lộc và Sài Gòn vào khoảng 80 cây số. Từ Xuân Lộc, nếu đi theo Quốc Lộ 1 về phía Tây Nam sẽ gặp ngã ba Dầu Giây. Gọi là ngã ba, vì đây là điểm gặp của Quốc

Lộ 1 với Quốc Lộ 20 từ Đà Lạt xuống, qua khỏi Dầu Giây sẽ đến Biên Hòa, cửa ngõ vào Sài Gòn. Sau trận đụng độ thất bại nặng nề tại Tây Ninh, Cộng quân thay đổi chiến thuật, dẹp bỏ tham vọng tiến công vào Sài Gòn qua ngã Tây Ninh. Phòng tuyến Phan Rang bị xuyên thủng, Bắc Việt điều động các Sư Đoàn miền Trung, di chuyển theo Quốc Lộ 1, đi thẳng vào Long Khánh để cùng với các sư đoàn hiện có tại Vùng 3, mở mặt trận Xuân Lộc dưới sự cố vấn của 5 Tướng Nga Xô (có vấn Tàu trong trận Điện Biên Phủ). Kế hoạch tổng quát vẫn là đánh chiếm những thị xã quan trọng bao quanh Sài Gòn vì vẫn còn sợ Hoa Kỳ trở lại như trong cuộc chiến tranh Triều Tiên, khi quân Bắc Hàn gần như đã đánh bại Nam Hàn.

Vào thời điểm này, về quân số, Bắc Việt có đến 20 Sư Đoàn tại Miền Nam, không kể các đơn vị Chủ Lực Địa Phương. Để yểm trợ cho Bộ Binh, Cộng Sản sử dụng tối đa pháo binh và xe tăng T-54. Trong lúc đó lực lượng phòng thủ chính yếu tại Xuân Lộc là Sư Đoàn 18 Bộ Binh gồm 3 Trung Đoàn 43, 48, 52, với các Tiểu Đoàn Địa Phương Quân và Nghĩa Quân của Tiểu Khu Long Khánh, tăng cường thêm Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân, và một Thiết Đoàn Chiến Xa, trải mỏng trên một tuyến dài đến 20 cây số.

Ngày 9.4.1975, Bắc Việt mở màn trận tấn công Xuân Lộc bằng 4.000 quả pháo vào thị xã khiến số thương vong của dân chúng lên cao. Tiếp theo là đợt xung phong đầu tiên từ hướng Tây Bắc của Sư Đoàn 341 và xe tăng T-54 của Cộng Quân. Lực lượng phòng thủ về phía này là Trung Đoàn 52, các đơn vị Địa Phương Quân và một Thiết Đoàn

Chiến Xa. Sau những trận đánh ác liệt; và sự yểm trợ hữu hiệu của Không Quân, Sư Đoàn 341 bị thiệt hại nặng, xe tăng T-54 bị bắn cháy, địch thối lui. Sau đó, Sư Đoàn 6 và 7 được đưa vào tăng cường cho Sư Đoàn 341. Nhưng, cho đến ngày 12.4.1975, phần thắng lợi vẫn nghiêng về phía Việt-Nam Cộng-Hòa. *Khích động bởi sự chống trả anh dũng của Quân Lực Việt-nam Cộng-Hòa, Thiếu Tướng Homer Smith, Tùy Viên Quân sự tại Sài Gòn, đã đánh điện tín cho Tướng George Brown, Chủ tịch Bộ Tổng Tham Muu tại Hoa Thịnh Đốn để nói lên giá trị và ý chí quyết tâm chiến đấu của chính quyền Miền Nam... Nhưng, Hoa Thịnh Đốn vẫn tiếp tục nhắm mắt làm ngơ trước cái chết đau khổ của nước đồng minh cũ**337

Quân Bắc Việt quyết tâm phá vỡ phòng tuyến Xuân Lộc, nên đã đồng loạt tung 3 Sư Đoàn tấn công vào thị xã này, với toàn lực của pháo binh, và T-54. Về phía Quân Lực VNCH, Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù đã được trực thăng vận nhảy ngay vào nơi đóng quân của địch. Ngoài ưu thế pháo binh và chiến xa, quân số của Cộng Quân gấp 10 lần Quân lực VNCH. Tuy nhiên, các chiến sĩ Quân Lực VNCH vẫn giữ vững Xuân Lộc. Chính Trần Văn Trà đã thú nhận trong hồi ký: *Xuân Lộc là điểm then chốt hết sức quan trọng trong tuyến phòng ngự của địch nên chúng đã tập trung nhiều lực lượng cố giữ. Hiện nay, lực lượng chúng đã chiếm ưu thế so với ta. Ta cũng không còn giữ được yếu tố bất ngờ. Vì vậy, tiếp tục đánh vào Xuân Lộc là không có lợi... Địch từ Túc Trưng đến ngã ba Dầu Giây không mạnh. Ta phải tận dụng lợi thế của đường 20 và sơ hở này của địch ở khu vực quanh Dầu Giây**338. Đối với ngôn từ của Cộng Sản chúng ta phải biết cách giải thích.

Khi không phá nổi phòng tuyến Xuân Lộc, Tướng Trà họp Bộ Tham Mưu các tướng Bắc Việt tại Long Khánh, dùng ngôn ngữ rất nhẹ nhàng chứ không còn sắt máu nữa, để cho biết rằng “*địch ưu thế hơn*”, và “*ta không còn yếu tố bất ngờ*”. Phá không nổi phòng tuyến Xuân Lộc, Cộng Sản bèn chuyển quân qua khu vực ngã ba Dầu Giây, sau buổi họp của các tướng lãnh Cộng Sản. Trà đã “*quên*” hay sợ xấu mặt chẳng, khi không nhắc đến một yếu tố quan trọng nữa, đó là **Tướng Văn Tiến Dũng đang uống trà với 5 Tướng Cố Vấn Nga Sô** (theo tình báo của Tướng Pháp Vanuxem) tại Long Khánh, giờ đang trốn ở đâu?

*337: *Historical Atlas of The Vietnam War*, Harry G. Summers, Jr. . trang 200.

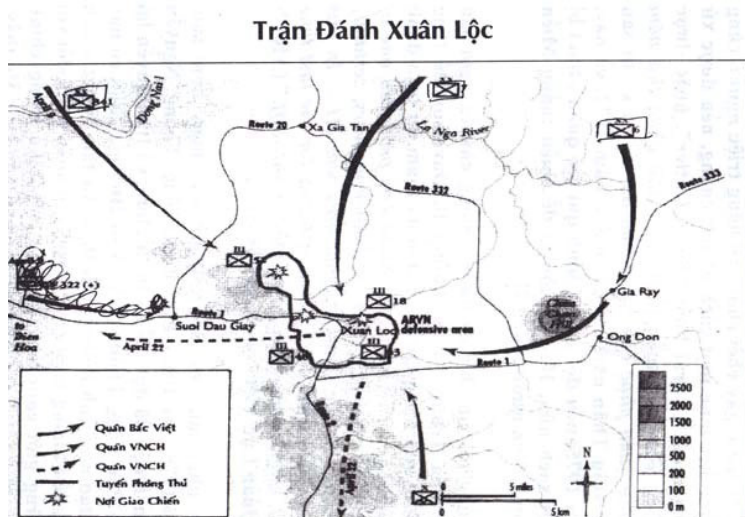
*338: *Kết Thúc Cuộc Chiến Tranh 30 năm*, Tập II, Trần Văn Trà, trang 255 .

Đêm 15.4.1975, sau khi Cộng Quân tràn ngập vùng ngã ba Dầu Giây, Tướng Toàn, Tư Lệnh Quân Đoàn III, đã quyết định đề nghị Bộ Tổng Tham Mưu cho sử dụng hai quả bom “Daisy Cutter”. Bom “Daisy Cutter” thực sự chỉ dùng để phá rừng, sửa soạn bãi đáp trực thăng cho một số quân cỡ trung đoàn, cho nên từ trước đến nay, Quân Lực VNCH chưa bao giờ sử dụng đến. Kết quả, hai trái bom “Daisy Cutter” đã loại khỏi vòng chiến khoảng 2 Sư Đoàn Cộng Quân (hơn 10.000 quân). Sau khi bị hai trái bom “Daisy Cutter” sát hại, Bắc Việt la hoảng phản đối, cho rằng B-52 của Hoa Kỳ đã trở lại. Theo sự hiểu biết của Tướng Toàn, chúng ta còn tồn trữ 11 trái bom nữa. Như chúng tôi đã đề cập ở phần trên, chính Hoa Thịnh Đốn cũng biết rõ, ngoài Bắc, CS chỉ còn các sư đoàn bộ binh khác đã đưa vào Nam

và đang tập trung hầu hết tại vùng III. Tướng Toàn đã yêu cầu tiếp tục thả thêm 11 trái bom còn lại vào những chỗ tập trung các Sư Đoàn Cộng Quân, nhưng, không hiểu vì sao, Tướng Toàn được trả lời là: “*không có ngòi nổ*” (ngòi nổ và kỹ thuật lắp ngòi nổ do người Mỹ đảm nhiệm). Cho đến ngày nay, Tướng Toàn cũng không thể tìm ra câu giải đáp. Người Mỹ này là ai, tại sao chỉ cho thả hai trái bom mà thôi? Phải chăng tướng Homer Smith đã xin phép Hoa Thịnh Đốn qua hình thức một báo cáo, và ông đã bị từ chối nên mới nói “*but Washington continued to turn a blind eye to the death throes of its former ally*” (đã dịch ở phần trên). Thật đau đớn và khôi hài thay, khi cuộc chiến tàn khốc kéo dài 21 năm, gây chết chóc cho hàng triệu người, cũng có thể kết thúc một cách nhanh chóng, nếu được sử dụng thêm 11 trái bom “Daisy Cutter”, hoặc được không yểm một tuần lễ B-52! *Đội quân thứ năm không quân phục* của CS đã tan rã kể từ sau Tết Mậu Thân năm 1968 cho đến năm 1972, và nay, năm 1975, nếu đội quân chính qui (có quân phục) bị quét sạch nữa, Hà Nội còn gì để chiến thắng Miền Nam? Vận nước chăng?!

Chúng tôi xin chuyển những giòng chữ ca ngợi sau đây của Trung Tướng Phillip B. Davidson để tặng những anh hùng Quân và Dân đã tham dự trận đánh Xuân Lộc: *The battle for Xuan Loc produced one of the epic battles of any of the Indochina wars, certainly the most heroic stand in Indochina war III ... In this final epic stand ARVN demonstrated for the last time that, when properly led, it had the “right stuff”.* (ARVN = Quân Lực VNCH) (*339: *Historical Atlas Of The Vietnam War*. Harry G. Summers. Jr. . trang 200.)

Xin nhắc lại, vào lúc 7:30 giờ tối ngày hôm sau, 21.4.1975, tại Dinh Độc Lập, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã đọc diễn văn từ chức, và trao quyền lại cho Phó Tổng Thống Trần Văn Hương. Biến cố này đã tạo một ảnh hưởng tinh thần, và tâm lý rất mạnh mẽ, nếu không muốn nói là suy sụp hoàn toàn, đối với những giới chức chống Cộng cực đoan trong chính phủ, và nhất là trong giới cao cấp Quân Đội. Họ thấy trước mắt, chỉ vài ngày nữa thôi chính phủ Hòa Giải Hòa Hợp của Dương Văn Minh sẽ ra đời, bản thân họ không có đất để sống. Hoa Kỳ đã sắp xếp cho ông Thiệu ra đi vào lúc 9:30 giờ tối ngày 25.4.1975 trên chiếc phi cơ vận tải nhỏ C-118, mình mặc áo giáp, chân đi giày trận.



Phòng Thủ Sài Gòn

Bắc Việt thua trận Xuân Lộc, nên chuyển quân đến ngã ba Dầu Giây nhằm uy hiếp Biên Hòa. Theo tin tức tình

báo, Tướng Toàn được biết, hiện vùng Long Khánh, CS còn 4 sư đoàn, 5 sư đoàn khác đã chuẩn bị tấn công vào phía Đông Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III ở Biên Hòa, và 3 sư đoàn đang đóng tại mặt Tây Bắc Sài Gòn sẽ tiến chiếm Tây Ninh. Vì vậy, nhân dịp địch đang hoang mang về vụ thả bom “Daisy Cutter”, đêm 20.4.1975, Tướng Toàn đã đi trực thăng lên Long Khánh, bàn thảo với tướng Lê Minh Đảo, rút quân về lập phòng tuyến mới tại Biên Hòa. Cuộc rút quân thành công thật tốt đẹp, ngoài dự tưởng vì Tướng Đảo đã đưa được hầu hết các đơn vị cơ hữu, tăng phái, Địa Phương Quân/Nghĩa Quân, gia đình binh sĩ về Long Bình. Ngoài tài năng thiết lập kế hoạch hành quân thật chu đáo kiểm soát đúng mức, một điểm son nữa giúp vào sự thành công là Tướng Đảo đã di chuyển trên bộ theo các cánh quân trong suốt thời gian lui binh, một sự hiện diện rất trọng yếu. Sư Đoàn 18 lập phòng tuyến mới tại Long Bình. Lữ Đoàn Dù rút về Phước Tuy. Kế hoạch thay đổi phòng tuyến này rất đúng lúc và ngăn chặn được ý định của địch trong kế hoạch tấn công Sài Gòn (khi chúng tôi đọc hồi ký của Trần Văn Trà sau này). Tuy nhiên, quân số của địch quá đông.

Trần Văn Trà cho biết các cánh quân của CS tiến về Sài Gòn như sau: (1) Hướng Tây Bắc, Quân Đoàn 3 của CS đã chạm phải Sư Đoàn 25 Bộ Binh do tướng Lý Tòng Bá chỉ huy, (2) Hướng Bắc, Quân Đoàn 1 CS đụng độ với Sư Đoàn 5 Bộ Binh của tướng Lê Nguyên Vỹ, (3) Hướng Tây Nam, Chiến Đoàn 232 CS (gồm 5 Sư Đoàn) chạm súng với Sư Đoàn 22 Bộ Binh của tướng Phan Đình Niệm, (4) Hướng Đông, Quân Đoàn 4 CS lại gặp phải Sư Đoàn 18 Bộ Binh

của Tướng Lê Minh Đảo. (5) Ngoài ra, Trần Văn Trà còn cho biết (đúng hay sai không biết), ông ta có đến 6 trung đoàn đặc công với hàng chục đội biệt động đang sẵn sàng từ vùng ven đô đến nội thành, cộng thêm một trung đoàn đặc công riêng của Quân Đoàn 3 CS.

Về phương diện chiến thuật, chúng ta đã có kế hoạch đúng, bố phòng quân chặn các đường dự trù tiến quân của địch; về khía cạnh quân số, cán cân chênh lệch quá rõ rệt, và chúng ta không còn quân trừ bị để tăng cường, nhưng không thể làm gì hơn được, chỉ còn tin vào tinh thần và kỹ thuật chiến đấu của binh sĩ, đó là chưa kể, các quân đoàn của CS luôn luôn được yểm trợ bởi một lực lượng hùng hậu pháo binh, tăng T-54, và hệ thống phòng không mạnh mẽ. Riêng khía cạnh quân dụng, vũ khí đạn dược, nhiên liệu dự trữ của Miền Nam lúc bấy giờ đã dưới mức báo động. Tướng Toàn đã trình về Bộ Tổng Tham Mưu nhiều lần, nhưng không được giải quyết. Một niềm hy vọng nữa của Tướng Nguyễn Văn Toàn lúc bấy giờ, là lệnh của Bộ Tổng Tham Mưu vào tháng 3 năm 1975, Quân Đoàn III nghiên cứu bãi đổ bộ tại Phước Tuy cho hai Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ khi hữu sự. Nếu Bộ Binh Hoa Kỳ đến, sẽ có không yểm kèm theo. Sự thực, trong lúc này, với địa thế trống trải của Vùng III, và sự tập trung của các Quân Đoàn của Cộng Sản, Tướng Toàn có thể ngăn chặn quân Bắc Việt, và chỉ cần một tuần không yểm B-52 là có thể giải quyết khối lượng quân số khổng lồ gần 20 sư đoàn Cộng Sản! Nhìn lại vào đầu năm 1975, khi Cộng Sản chưa đưa các Quân Đoàn từ Miền Trung vào, với lưu động tinh của các Sư Đoàn Bộ Binh và các lực lượng Tổng Trừ Bị,

Quân Lực VNCH, dù bị hạn chế về vũ khí, quân dụng và tiếp liệu, vẫn giữ vững được an ninh cho Vùng III.

Trong thời gian này, chỉ xảy ra một trận đánh bằng chiến xa dữ dội nhất từ trước đến nay tại Long Thành. Ngoài ra, CS án binh bất động, chờ quyết định của Bộ Chính Trị. Bài học Xuân Lộc khiến Bộ Chỉ Huy Miền và Bộ Chính Trị CS không còn hung hăng tấn công nữa. CS đang mượn bàn tay của **người bạn quý hay thợ bánh xe**, Đại Sứ Pháp Mérillon, làm trung gian, **chọn trái nho trái mùa Dương Văn Minh** để điều đình với Hà Nội. Chúng tôi xin nhắc lại, thời gian này là thời gian hoạt động ráo riết nhất của Đại Sứ Pháp Mérillon và nhóm Tướng Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn. Hà Nội đưa điều kiện chỉ muốn nói chuyện Hòa Giải Hòa Hợp với Tướng Minh mà thôi. Trong lúc chiến trường sôi động, CS lại đòi thay đổi vị Tổng Tư lệnh Quân Đội (theo Tổng Thống Chế, Tổng Thống giữ vai trò Tổng Tư Lệnh Quân Đội), vậy ai là người quyết định chiến trường trong thời kỳ nghiêm trọng này đây? TT Thiệu từ chức, Đại Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng Cao Văn Viên cũng đệ đơn từ chức tiếp theo. Mọi việc chỉ huy và quyết định phối hợp cao cấp không còn nữa, các đại đơn vị phải tự lo giải quyết vấn đề. Tướng Minh nhận chức vụ Tổng Thống vào lúc 5 giờ chiều ngày 28.4.1975, và đang bận lo vấn đề Nội Các, Hòa Giải ..Chiều 29.4.1975, tướng Toàn tìm mọi cách liên lạc với giới chức có thẩm quyền để được xác nhận việc đổ bộ của hai Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, nhưng không gặp được ai. Tướng Toàn đã dùng trực thăng bay ra chiến hạm Blue Ridge, soái hạm của Tư Lệnh Đệ Thất Hạm Đội 7 để yêu cầu xác nhận. Tuy

nhiên, Hoa Kỳ cho biết không có kế hoạch này. Sau này mới biết Mỹ dự trù đưa 2 Sư Đoàn TQLC vào giữ an ninh cho việc di tản nhưng lúc đó Quân Đoàn III đã giữ được an ninh, cho nên Mỹ hủy bỏ kế hoạch đổ bộ TQLC.

Tối hôm đó, ngày 29.4.1975, Tổng Thống Dương Văn Minh liên lạc với phía bên kia để hòa giải, và được trả lời *“các anh không có gì để điều đình, và phải tuyên bố đầu hàng”*. Sáng 30.4.1975, lúc 10:15 giờ, Tổng Thống Dương Văn Minh ra lệnh cho tất cả binh sĩ Quân Lực VNCH buông súng đầu hàng. Các cấp trong quân Lực VNCH, tùy hoàn cảnh, và nhận định của cá nhân, quyết định mạng của mình và của gia đình mình khi chiến tranh đã được ra lệnh chấm dứt. Buổi trưa cùng ngày, Nội Các của Tướng Minh họp mặt trong Dinh Độc Lập, chờ đón CS vào để bàn giao, và được phán: *“các ông chẳng còn gì để bàn giao”*.

đoạn kết

Dây không phải là quyển sách viết ra để buộc tội hay để vinh danh. Lần lại những trang sử quá khứ, tìm hiểu những dữ kiện, chúng tôi đã tìm thấy một cách nhìn khác về cuộc chiến Quốc Cộng tại Việt-nam sau năm 1954. Chúng ta *phải nhìn về nguồn gốc của những dữ kiện, chứ không thể nhìn về hệ luận của những dữ kiện, để có thể từ đó, rút ra được những nhận định đúng đắn hơn, xây dựng hơn, hầu giúp cho*

thế hệ đã trải qua trong chiến tranh bị phân hóa một cách vô ích, và để cho thế hệ hiện tại và tiếp nối, hiểu được một phần nào sự thật, học lấy kinh nghiệm của cha anh, xây dựng tổ quốc Việt-Nam. Buộc tội hay vinh danh quá khứ, không có giá trị thực tiễn cho công cuộc xây dựng tiền đồ của dân tộc. Trong thế giới kỷ nguyên vật chất, kinh tế, khoa học hiện đại, nước chậm tiến vẫn muôn đời là nô lệ, nô lệ kinh tế, một hình thức nô lệ của thời đại mới, khó nhận ra và khó tháo gỡ

được.

Nguyên nhân chính (sâu xa) khởi đầu đưa đến cái giả mà nhân dân Việt-Nam phải trả qua hằng trăm năm chiến tranh giành Độc Lập, là vì tiềm năng kinh tế phong phú, và vị trí chiến lược quan trọng của nước Việt Nam tại miền Đông Nam Á.

Thực vậy, Pháp chiếm Việt-Nam trong thời kỳ các quốc gia Tây phương đi tìm thuộc địa dưới chiêu bài truyền giáo, và khai phóng. Các nước thuộc địa khác *nguyên làm mũi dùi bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản Quốc Tế, và Miền Nam Việt-Nam, trong thế sống còn (không chịu theo Cộng Sản), biến thành tiền đồn chống Cộng*. Cho nên: *Nguyên nhân sâu xa của cuộc chiến tranh tại Việt-Nam kể từ năm 1954 về sau, là do Hà Nội khởi xướng để bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản.*

Tìm về nguồn gốc của cuộc chiến tranh Quốc Cộng, không ai có thể chối cãi được rằng, chính Hồ Chí Minh với con đường Đệ Tam Quốc Tế đã biến Việt- Nam trở thành đấu trường giữa Khối Cộng Sản và Tự Do. Cho rằng ông Hồ cũng biết thương yêu dân tộc, muốn tìm phương thức đưa nước Việt-Nam ra khỏi đô hộ Pháp, từ đó, dẫn ông đến với con đường Cộng Sản Đệ Tam, lãnh đạo bởi Nga Sô. Ông đã hy sinh cả cuộc đời của ông, nằm gai nếm mật, tù đầy, để vận dụng (lừa gạt?) nhân dân Việt-Nam và thế giới, cả Cộng và không Cộng, chiến đấu chống Pháp. Tuy nhiên, nếu nhìn vào mục tiêu tối hậu của ông là con đường đưa đến “*chuyên chính vô sản*” của *Cộng Sản Đệ Tam Quốc Tế*, con đường phải tiêu diệt hằng triệu dân của mình như Stalin đã làm tại Nga Sô, tại sao ông Hồ có thể chấp

nhận được giải pháp ấy? Bên cạnh đó, trước năm 1954 (chia đôi đất nước), ông Hồ cũng đã biết đến công cuộc *Cải Cách Ruộng Đất*, những *Công Xã* của Mao Trạch Đông bên Trung Cộng, đã giết bao nhiêu triệu dân Trung Hoa, không những vậy, ông còn mời cố vấn Trung Cộng qua chỉ đạo công cuộc *Cải Cách Ruộng Đất* tại Miền Bắc? Xin nhấn mạnh: đây là *giết dân*, chứ không phải *giết đối lập* Dân (không phải giai cấp bản cố nông) bị san bằng, trước khi họ ý niệm được rằng, họ thuộc giai cấp sẽ bị thanh toán. Tại sao, sau khi chiếm được nửa nước VN, và dân chúng VN đã chịu nhiều năm chiến tranh rồi ông Hồ không dừng lại để thi đua phát triển với miền Nam để tránh đổ máu cho nhân dân hai miền, mà vẫn tiếp tục ngay con đường phát triển *Đệ Tam Quốc Tế*? Như chúng tôi đã nhận định ở phần trên, ông Hồ đi vào chiến tranh bằng tự nguyện, bằng sự chọn lựa đưa Việt-Nam vào con đường *Cộng Sản Đệ Tam Quốc Tế*, một sự chọn lựa mù quáng, sai lầm nghiêm trọng.

CSVN chọn lựa cuộc chiến, dùng con đường bạo lực để chiếm Miền Nam dâng cho chủ nghĩa CS Quốc Tế. Cái chết của bao triệu dân miền Bắc cũng như dân Miền Nam đầu quân dưới cờ CS đã chết một cách vô nghĩa, vì danh từ ***Giải Phóng*** không mang một ý nghĩa trung thực nào cả. Ngay từ thập niên 1940, những vùng tạm chiếm, những vùng xôi đậu (*341: Vùng chịu sự kiểm soát của Quốc Gia lẫn cộng sản), danh từ ***Giải Phóng*** đã được Việt Minh sử dụng. Ông Trần Trọng Kim đã nhận định như sau: *Theo việc làm của họ tôi vẫn chưa hiểu rõ nghĩa hai chữ ấy. Có phải trước kia có cái củi giam người, họ đem cái củi kiểu mới đến*

*bên cạnh, rồi bảo người ta chạy sang cái củi mới ấy, thế gọi là Giải Phóng không ... Người nào nói xấu hay công kích những người cầm quyền của Đảng là phải tội bị đày, bị giết. Ai không sốt sắng theo mình thì bị tình nghi, phải chịu mọi điều phiền khổ, riêng có một số ít người có địa vị to lớn là được sung sướng. Như thế thì giải phóng ở đâu? Giải phóng gì mà cả chính thể một nước phải nương cây ở những đội trình thám để đi rình mò và tố cáo hết thầy mọi người.. (*342: Một Con Gió Bụi, Trần Trọng Kim, trang 117-118)*

Khi đến khúc quanh lịch sử của Hiệp Định Genève ngày 20.7.1954, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản VN không nhận rõ được tình hình chính trị thế giới đã đổi thay, vẫn tiếp tục tình nguyện làm mũi dùi tiên phong cho CS Quốc Tế, gieo chết chóc cho biết bao triệu người và tang thương cho nhân dân hai miền VN mà không nhìn vào Đức Quốc, Triều Tiên, Trung Hoa... Tại miền Bắc, từ sau năm 1954, Hồ Chí Minh đã gieo biết bao nhiêu sự giết chóc, tù đày, kinh hoàng, khổ đau cho nhân dân Miền Bắc, rồi từ năm 1957, lại đưa thanh niên Bắc vào Nam (*sanh Bắc, tử Nam*) để người Việt giết người Việt (quân đội Hoa Kỳ đầu tiên đến Việt-Nam vào năm 1965 vì nghĩ rằng tình trạng chiến tranh đã trở nên tồi tệ, cản ngăn chặn làn sóng CS).

Sau tháng 4, năm 1975, toàn dân Việt-Nam mới thấy rõ ý nghĩa ngày gọi là *Giải Phóng* đất nước. Thật muộn màng, khổ đau!

Phần VNCH tại Miền Nam, những nhà lãnh đạo chính trị cũng như tôn giáo, dù chủ trương chính trị dưới những lý thuyết căn bản nào, cũng có cùng một mẫu số chung là không thể chấp nhận chế độ CS. Năm 1954, là cơ may

để cho những vị này tháo bỏ được cái nhãn hiệu làm Việt Gian cho Pháp (nước Việt-Nam đã được Độc Lập) cùng nhau đoàn kết để giữ lại *nửa tấm dư đồ rách nát*, rách nát thực sự chứ không phải nói cho văn hoa. Cho nên, có thể nói VNCH đi vào chiến tranh ở thể không chọn lựa như đã trình bày trên, với sự giúp đỡ của khối Tự Do, mà quốc gia chính yếu là Hoa Kỳ.

Trước năm 1954, hầu hết nhân dân VN ít biết đến chủ nghĩa Mác-Lênin, CS Quốc Tế. Sau năm 1954, lý tưởng chống Cộng bảo vệ Tự Do Dân-Chủ, đối với lớp thanh niên trưởng thành vào giai đoạn chiến tranh này, dần dần nổi bật lên trong thời kỳ tham chiến (do học hỏi thêm). Họ gia nhập vào Quân Lực VNCH hay lực lượng bán quân sự, chấp nhận hy sinh tính mạng để ngăn chặn làn sóng Đỏ, và ít nhất, họ cũng đã đóng góp vào việc giữ cho Miền Nam sống trong chế độ tự do được 21 năm, và cho các nước Á Châu đủ thì giờ để thanh toán các đảng CS địa phương, phát triển kinh tế quốc gia. Ý nghĩa này đã được kiểm chứng rõ rệt sau khi CS Bắc Việt cưỡng chiếm và *đặt nền thống trị tại miền Nam* kể từ năm 1975. Những lãnh tụ Miền Nam đã phải nương tựa vào Hoa-Kỳ, một nước duy nhất trong các nước Tự Do, có đủ phương tiện, và quyết tâm (trong thời điểm 1954) giúp Miền Nam ngăn chặn sự bành trướng của Cộng Sản Quốc Tế, nhất là của Trung Cộng.

Mở đầu nền Đệ Nhất Cộng-Hòa, Ông Ngô Đình Diệm là vị Tổng Thống đầu tiên. Giữa Hoa Kỳ và chính phủ Ông Diệm đã có cái nhìn khác nhau về sách lược chống Cộng. Hoa Kỳ đã không biết đến sức mạnh của đội **quân**

thứ năm không quân phục (cán bộ CS nằm vùng) mà Hồ Chí Minh đã để lại trong Nam khi rút quân ra Bắc. Hoa Kỳ muốn lãnh đạo chiến tranh, lật đổ ông Diệm với lý do Miền Nam không có tự do, và Ông Diệm chuẩn bị hiệp thương với Bắc Việt. Có phải hai Ông Diệm-Nhu đã phạm phải sai lầm là tìm cách thỏa hiệp với Hà Nội, khi bị Hoa Kỳ dồn ép muốn dành quyền điều khiển chiến tranh VN (mất tính cách Độc Lập) hay là hai Ông đã tin rằng, nếu chỉ thỏa hiệp kinh tế trước, chính trị sau, hai ông có thể vẫn giữ được thế cò, và không phải nhờ cậy đến *người bạn quý khác giúp đỡ tiền bạc nhiều, nhưng lại không biết gì hết chuyện Việt-Nam (Hoa Kỳ)?* Ông Nhu phát biểu: “*Dẫu sao thì những người Cộng Sản Việt-Nam vẫn là những người anh em cùng quốc gia, cùng dân tộc với chúng tôi*”. Nhu chúng tôi đã nói ở phần Lời Nói Đầu, đây là *một cuộc chiến mà các phe tham chiến đã không hiểu rõ bản chất của cuộc chiến, không hiểu rõ bạn và thù*. Cũng có thể, đây chỉ là một cách nói của ông Nhu mà thôi, vì hai ông Diệm-Nhu đã hiểu rất rõ qua lịch sử rằng, Hồ Chí Minh và các đảng viên Đảng CS Việt-Nam đã bị biến chất thành những kẻ cuồng tín đối với chủ nghĩa CS Quốc Tế, không còn đặt nặng sự khổ đau của dân tộc và sinh mạng của nhân dân lên hàng đầu, không còn xem những thế lực không Cộng Sản là anh em. Liên hiệp đối với CS là để có dịp thủ tiêu đối thủ. Hai ông Diệm-Nhu có thể không hiểu lẽ lối sinh hoạt chính trị của Hoa Kỳ, và chính sách viện trợ của Mỹ cho Đồng Minh (kinh nghiệm Trung Hoa Quốc Gia) dựa trên nền tảng thực tế, và lợi nhuận hỗ tương của đầu óc con buôn, và *kẻ chi tiền là người điều khiển*. Hai ông Diệm-Nhu cũng có thể

lầm về sự trung thành của một số tay chân thân tín có thể phản bội lại hai ông khi cần. Hai ông Diệm-Nhu đã bị gán cho cái tội *kỳ thị tôn giáo*. Hoa Kỳ đã vận dụng các lãnh tụ quân sự, chính trị, Phật Giáo, sinh viên học sinh, lật đổ chế độ Ông Diệm, xóa bỏ nền Đệ Nhất Cộng-Hòa. Cho nên, có thể xác định: *Nguyên nhân làm sụp đổ Miền Nam bắt đầu là do Hoa Kỳ đã lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm để áp đặt một chiến lược chống Cộng sai lầm (không hiểu CS VN). Từ đó, làm tình hình chính trị Miền Nam bất ổn, chiến tranh leo thang, giới truyền thông Hoa Kỳ bôi lọ Miền Nam, phản chiến biểu tình làm phân hóa nước Mỹ, để rồi cuối cùng, Mỹ phải tìm lối thoát trong danh dự, rời bỏ VNCH qua Hiệp Định Paris, cắt viện trợ.*

Sau khi chính phủ Ngô Đình Diệm bị lật đổ, các Tướng Lãnh, các lãnh tụ đảng phái, các lãnh tụ tôn giáo..., đã cùng nhau tranh giành quyền lãnh đạo, gán ghép, chia xẻ quyền hạn, tình hình chính trị bất ổn, chiến tranh gia tăng, cho đến khi nền Đệ Nhị Cộng-Hòa được thành lập với tướng Nguyễn Văn Thiệu làm Tổng Thống. Trong thời kỳ làm Tổng Thống, ông Thiệu ngoài việc phải *chống Cộng theo sách lược của Hoa Kỳ (để được viện trợ)*, còn phải lo đề phòng việc đảo chánh của các tướng lãnh lãnh đạo cuộc đảo chánh ông Diệm (tướng Minh, Đôn, Kim...), và ngay cả với vị Phó Tổng Thống của ông ta, Tướng Nguyễn Cao Kỳ. Thời kỳ khó khăn nhất cho TT Thiệu là thời kỳ phải đối phó với Hoa Kỳ trong tiến trình hòa đàm Paris, khi mà Hoa Kỳ đã không còn đặt việc ngăn chặn làn sóng Đỏ là quan trọng nữa. Theo Stephen Young, *kỹ thuật ngoại giao của Kissinger không khác gì đặt khẩu súng vào đầu Thiệu:*

Phải ký cho dù với một Hiệp Định tồi tệ, hoặc trở thành người ngăn cản hòa bình, mục tiêu để phong trào phản chiến Mỹ nguyên rửa.

Năm 1972, Hà Nội mở những trận đánh lớn, đưa quân tràn qua vĩ tuyến 17, vùng Phi Quân Sự, đánh vào Cao Nguyên miền Trung, và các tỉnh miền Nam để mong giành thắng lợi tại Hội Nghị như họ đã làm năm 1954 trong Trận Điện Biên Phủ, và kiếm một mảnh đất làm Thủ Đô cho chính phủ Lâm thời Cộng-hòa Miền Nam Việt-nam. Tuy nhiên, Hà Nội đã thất bại trước sức chiến đấu của Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa. Thêm vào đó, ngày 18.12.1972, Hoa Kỳ tái oanh tạc Miền Bắc sát vào Thủ Đô Hà Nội, khiến Cộng Sản Bắc Việt chịu không nổi, phải ngồi vào bàn Hội Nghị ngày 28.12.1972, để rồi phải ký kết Hiệp Định Paris vào ngày 27.1.1973 (Nixon gọi đó là *Hoa Kỳ thắng cuộc chiến tranh*). *Hoa Kỳ ký hiệp định Paris để rút khỏi Việt-Nam trong danh dự theo cái nhìn của người Hoa Kỳ, thỏa mãn mọi đòi hỏi của Cộng Sản Bắc Việt, và không cần phải có một lực lượng quân sự Quốc Tế nào để bảo vệ hoà bình như tại Âu Châu và tại Triều Tiên. Trong hồi hải để đạt được sự mong muốn, các nhà ngoại giao chuyên nghiệp của Hoa Kỳ đã hy sinh tương lai của dân chúng miền Nam Việt-Nam để đổi lấy sự đồng thuận của Hà Nội* (*343: Victory Lost, trang 223) (Đơn vị chiến đấu cuối cùng của Hoa Kỳ rời Việt-Nam vào ngày 12.8.1972)

Để giết Miền Nam nhanh chóng hơn, Quốc Hội Hoa Kỳ đã bỏ phiếu ngưng viện trợ. Hãy nghe lời than của Kissinger “... Nhưng, trong nội bộ, ông (Kissinger) mong miền Nam sụp đổ chóng hơn. ông cần nhấn rằng sao những

*người đó không chết cho sớm, càng kéo dài, sự việc xảy ra, chỉ càng tệ hại hơn, Bộ Trưởng Báo Chí cho Tổng Thống Gerald Ford, Ron Nesson, báo cáo” (*344: Kissinger cần nhận là phải, vì Hoa Kỳ đã rút đi trên 500.000 quân, viện trợ cắt, chương trình vũ khí và cơ phận 1 đối 1 cũng không có, QLVNCH vẫn đứng vững. Thế giới thấy không?). Mặc dù đã sống trên đất Hoa Kỳ trên 25 năm, thành thực, chúng tôi vẫn chưa tiêu hóa nổi cách suy nghĩ và cách đặt vấn đề của người Hoa Kỳ. Đây là câu viết của Nixon về kết quả cuộc chiến mà binh sĩ Hoa Kỳ đã đổ xương máu trong khoảng 10 năm: Khi ký Hiệp Định Paris năm 1973, chúng ta đã thắng cuộc chiến tranh. Thế rồi, chúng ta tiến hành để mất đi hòa bình (lose the peace). Miền Nam VN đã thành công trong việc chống lại sự vi phạm hòa bình của Cộng Sản trong hai năm. Sự thất bại chỉ đến khi Quốc Hội đã làm lơ kỳ hạn ghi trong Hiệp định Đình Chiến, từ chối cung cấp viện trợ cho Sài Gòn ngang bằng với những gì mà Nga Sô cung cấp cho Hà Nội (*345: No More Vietnam, Richard Nixon, trang 18)*

Ai muốn nghĩ sao về câu nói này thì nghĩ, tùy ý. Theo thiện ý của chúng tôi, sau khi Hoa Kỳ ký và ép Việt-Nam Cộng-Hòa ký Hiệp Định Paris, Kissinger cũng như toàn thể *quan lại* Hoa Kỳ đang ngồi đếm từng giờ, từng ngày, từng tháng, chứ không tin tưởng là từng năm, chờ nghe tin sụp đổ của Miền Nam.

Tổng Thống cuối cùng của Miền Nam là Tướng Dương Văn Minh, ông chủ trương nói chuyện *Hòa hợp Hòa Giải Dân Tộc*, nên được Cộng Sản tán thành; Thích Trí Quang lập thành phần thứ ba, liên lạc mật thiết với Tướng Minh. Tổng Thống Thiệu bị áp lực Hoa Kỳ đòi ông phải từ chức

để Tướng Minh có thể thỏa hiệp với Cộng Sản. Pháp chen vào để giúp Tướng Minh. Nhưng kết quả chung cuộc: *Tất cả (kể cả Pháp, Trung Cộng) đều đã bị Nga Xô và Bắc-Việt lừa gạt. Chỉ có hai nhóm người thắng trong cuộc chiến tranh 1954-1975 là hai Đảng Cộng Sản Nga Xô và Việt-Nam (không phải nhân dân Nga Xô và nhân dân VN)*

Qua các phần trong quyển sách, khi chúng tôi nhắc đến vấn đề lãnh đạo, chiến lược, phản chiến Hoa Kỳ, Harriman, Mcnamara, Kissinger, Nixon, DeGaulle, các vị lãnh đạo chính trị, quân sự, tôn giáo VN,...là nhằm phân tích *những nguyên nhân sâu xa* đưa đến sự sụp đổ của VNCH (tiền đồn chống Cộng) trước sự quyết tâm bành trướng của Khối Cộng mà mũi dùi là Hà Nội, cho nên, xin xác nhận, *thái độ của chúng tôi là không buộc tội hay vinh danh bất cứ ai, cả hai Khối Cộng, và Tự Do*. Đương nhiên, mỗi quốc gia đều đặt quyền lợi riêng tư của quốc gia mình lên hàng đầu. Nhằm mục đích bành trướng, gây sức mạnh cho Chủ Nghĩa CS, khối Cộng đã cùng Hà Nội tiến chiếm Miền Nam. Vì hận thù Mỹ trong việc từ chối giải cứu trận Điện Biên Phủ tạo vết nhơ trong lịch sử, Pháp bằng mọi giá *“thọc gậy bánh xe”* để cho Mỹ cũng thất bại tại VN. Anh muốn có tấm chắn cho nền an ninh của các nước thuộc khối Commonwealth ở Á Châu của mình. Hoa Kỳ giúp Miền Nam để ngăn cản sự bành trướng CS, mối đe dọa cho Hoa Kỳ trong tương lai. Cho nên, đối với Hoa Kỳ, một khi *mối đe dọa tương lai không còn giá trị cao hơn là sự đe dọa hiện tại* (rạn nứt trong xã hội Hoa Kỳ), các giới chức và đa số dân chúng Mỹ không còn lý do gì, dầu trước kia được xem là lý do chính đáng (good cause), để vẫn giữ ý định

tiếp tục giúp Miền Nam ngăn cản sự bành trướng của CS. Đó là lý luận hợp lý đối với họ. Hoa Kỳ đã làm được những gì họ muốn: (a) Nếu cần đưa quân đội vào Miền Nam để lãnh đạo cuộc chiến chống sự bành trướng của CS, họ dẹp trở ngại Ngô Đình Diệm; (b) Nếu cần kéo quân về để giải quyết tình hình nội bộ quốc gia, họ liên lạc với Nga-Hoa để nhận được sự đồng thuận đổi lấy việc *dội bom Bắc Việt vừa đủ để khiến Bắc Việt phải ký Hiệp định Paris với sự ra đi trong danh dự của Hoa Kỳ?* Nhìn lại bài học lịch sử thế giới, chúng ta biết, *trong qui luật chính trị giữa các quốc gia, không bao giờ có bạn muôn đời, và kẻ thù muôn thuở*. Hơn nữa, quyết tâm của một nhà chính trị vừa có thêm giòng máu thương mại (con buôn) lại càng khốc liệt hơn nữa (there is no dignity involved).

Về phương diện quân sự, Quân Lực VNCH tuy thoát thai từ liên hệ quá khứ với thực dân, nhưng khúc quanh lịch sử Genève 1954, và nhất là những sĩ quan, binh sĩ, tham gia quân đội sau năm 1954, họ đã sống hào hùng, tranh đấu anh dũng, hy sinh tuổi trẻ và sinh mạng cho chính nghĩa Tự Do, với một tâm hồn trong trắng, với khả năng chiến đấu tuyệt vời. Tất cả các cấp trong quân Lực VNCH, họ đã làm tất cả những gì họ có thể, và nhiều khi còn vượt quá trách nhiệm của họ như tướng Westmoreland, Giám Đốc CIA Colby, ... đã đề cao họ trước quần chúng Hoa Kỳ, cũng như trong các hội ký. Chúng tôi đã tìm về quá khứ, để thấy được *nguyên nhân đưa đến sự sụp đổ của VNCH, phù hợp với nhận định sau đây của ông William Colby*. Colby cho rằng Hoa Kỳ đã làm ba việc sai lầm trọng đại: (1) *lật đổ ông Ngô Đình Diệm*, (2) *chiến đấu một cuộc chiến sai lầm*

(*wrong war*), (3) *từ chối giúp đỡ đồng minh lúc tối cần (viện trợ)* (*346: *Lost Victory*. William Colby, trang 366.). Và để kết luận, ai thắng ai thua, Colby viết: *Cuộc chiến tranh nhân dân chấm dứt, không phải do việc làm của những người đi chân không (barefoot), mà do những lực lượng quân sự qui ước hùng hậu nhất... Điều khôi hài tối hậu là cuộc chiến tranh nhân dân đã bị đánh bại năm 1959, nhưng cuộc chiến tranh quân đội mà Hoa Kỳ quyết tâm chiến đấu vào thập niên 1960 với những lực lượng quân sự to lớn cuối cùng lại thua kẻ địch* (*347: *Historical Atlas of the Vietnam war*. Harry G. Summers, Jr., trang 202.)

Những nhân vật cao cấp nhất của Hoa Kỳ, giờ đây nhìn lại cuộc chiến tranh Việt-Nam, họ đã tự nhận thấy những sai lầm, và công nhận chính Hoa Kỳ mới là nước đã thua cuộc chiến (*nguyên nhân sâu xa*). Thế thì tại sao người Việt chúng ta vẫn cứ tiếp tục chê trách nhau để phân hóa. Thiết nghĩ thái độ công bằng nhất, là nhìn lại giá trị tổng thể của Quân Lực VNCH để gói vào tim họ lòng thương yêu dù nay đã muộn, hơn là vạch lại những chiếc áo cũ rách để tìm cấn, giết, những con rận mà các nước nhược tiểu nào cũng đầy rẫy.

Trước năm 75, Miền Nam với chiến tranh tàn khốc, vẫn không thua các nước láng giềng Á Châu (trừ Nhật Bản). Vậy mà sau khi chiến tranh chấm dứt từ năm 75 cho đến nay (năm 2002), VN còn là nước nằm trong danh sách những nước nghèo đói nhất trên thế giới. Đảng CSVN đã làm được những gì để tạo phúc lợi cho dân Việt? Nga Sô, nơi sản xuất chủ nghĩa CS đã nhận ra sai lầm và từ bỏ. Chừng nào đến Đảng CSVN đây?

Về phía những lãnh tụ chính trị, tôn giáo trong Miền Nam, chúng ta cũng đã có những sai lầm vào thời bấy giờ vì thiếu hiểu biết trào lưu chính trị thế giới, không hiểu nhiều về bản chất và thủ đoạn của CS, nên cũng đã góp phần vào sự sụp đổ của Miền Nam. Vì vậy chúng ta phải tự hỏi chúng ta phải làm gì, nếu có thể, cho sự tồn vong và thịnh vượng của đất nước VN (Đảng Cộng Sản bán đất, dâng biển cho Trung Cộng). Tôn vinh hay đả phá cá nhân chẳng có giá trị gì cả cho sự tồn tại và thịnh vượng của nước VN. Voltaire, một văn hào Pháp, khi có người muốn tạc tượng ông để lại cho hậu thế, ông đã trả lời: nếu muốn, các ông tạc tượng bất cứ ai cũng được, rồi để vào đó chữ Voltaire, hậu thế có biết Voltaire là ai đâu. Bỏ được sự tôn vinh và bôi bẩn, sẽ tiết kiệm được nhiều trí lực, có thể đoàn kết, và làm được những việc có tính cách xây dựng hơn. Nhà cháy, *chữa cháy là ưu tiên một*, cần có nước để chữa lửa, tại sao lại phải chọn nước sạch với nước dơ? Đó là lý do mà người Việt hải ngoại đã bỏ phí mất 1/4 thế kỷ thời gian để có thể đóng góp vào sự thúc đẩy tiến trình xây dựng Tự Do, Dân-Chủ tại VN, hai yếu tố căn bản của sự phát triển kinh tế.

Xin hiểu ý mà bỏ qua cho những lời trình bày, cách hành văn, đôi khi không thể diễn tả nổi được ý, như trong nhà Phật hay nhắc **“ý nghĩa, bất ý ngữ”** (theo nghĩa, đừng theo lời). Đa tạ.

Tháng 12 năm 2002

mục lục

Lời nói đầu	9
Chương I. Việt nam trong thời kỳ Pháp đô hộ - 1884-1945	19
Chương II. Việt nam 1945-1954	61
Chương III. Việt nam 1954-1963	73
Chương IV. Việt nam 1963-1973	169
Chương V. Quân lực việt nam cộng hòa	227
Đoạn kết	379

